

ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT
MARCEL PROUST

**Dưới bóng
những cô gái
tuổi hoa**



nhà nam

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Đánh máy: demongod

Thể loại: Văn học kinh điển

Ngày hoàn thành: 28-6-2015

ĐI TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT

Dưới bóng những cô gái tuổi hoa



Marcel Proust (1871 -1922) sinh ra tại Paris trong một gia đình tư sản giàu truyền thống văn hóa và bắt đầu sự nghiệp văn chương từ khi còn rất trẻ. Ông viết nhiều tiểu thuyết, tản văn và thơ, nhưng chỉ thực sự tỏa sáng với *Đi tìm thời gian đã mất*, tác phẩm lớn nhất mọi thời đại được ông viết trong cô đơn, đớn đau và tràn đầy say mê sau khi cha rồi mẹ ông lần lượt qua đời. Với cuốn tiểu thuyết vĩ đại tưởng chừng không hồi kết này, Proust trở thành nhà văn Pháp có tác phẩm được dịch và được biết đến nhiều nhất trên thế giới

Lời giới thiệu

Dưới bóng những cô gái tuổi hoa là tập hai bộ tiểu thuyết đồ sộ bảy tập của Marcel Proust: *Đi tìm thời gian đã mất*. Tập một xuất bản năm 1913 hầu như trong sự thờ ơ của dư luận. Nhưng năm năm sau, năm 1918, Dưới bóng những cô gái tuổi hoa làm rạng rỡ tên tuổi Marcel Proust ngay sau khi ra mắt độc giả, với số lượng in hàng mấy trăm nghìn bản (một con số phát hành hiếm thấy vào những năm đầu thế kỉ). Sách được tặng giải thưởng Goncourt năm 1919 và có tiếng vang rộng rãi ở Pháp và trên thế giới. Năm tập tiếp theo ngày một khẳng định vị trí vẻ vang của tác giả.

Cuộc đời Marcel Proust (1871-1922) tương đối gần gũi và bị bệnh tật giày vò: bị suyễn nặng từ buổi ấu thơ, có thời kì không chịu nổi ánh sáng ban ngày, ông tự buộc mình cách ly với thế giới bên ngoài. Trong những năm tháng “tự cấm cố” ấy, ông hoàn toàn sống với nội tâm, với ký ức, hiển

mình cho việc “Đi tìm thời gian đã mất”. Ký ức sống dậy dồn dập, mãnh liệt, với biết bao người, bao cảnh, bao mảnh đời, bao tình cảm, lời cuốn ngòi bút tác giả tưởng chừng không sao chế ngự nổi. Hơi văn kéo dài hầu như vô tận, câu chữ chồng chất câu chữ, tầng tầng lớp lớp, phải chăng phản ánh những luồng cảm xúc cháy bỏng bị dồn nén trong lòng?

“Tiểu thuyết của tôi- M.Proust tâm sự với bạn- không phải là một công trình suy lý. Từng chi tiết nhỏ nhất đều là sản phẩm của tâm tưởng tôi; tôi cảm nhận chúng tự đáy lòng mà chính bản thân mình không hiểu; và thể hiện chúng thành một cái gì khả dĩ lý giải được, tôi thấy khó khăn chẳng khác nào thể hiện những cái xa lạ đối với rãnh vực trí óc, tựa một môtip âm nhạc vậy”.

Ngược dòng thời gian, tác giả đau nỗi đau hình hài vì bệnh tật và nỗi đau tuyệt vọng trong tình yêu, mối tình sâu nặng đối với Albertine Simonet, cô gái quyến rũ nhất trong các thiếu nữ mà ông mệnh danh là “Những cô gái tuổi hoa”. Và chính trong những giờ phút đau buồn đến mức hầu như tuyệt vọng ấy, bỗng bừng lên trong tác giả một luồng sáng bất ngờ: ông cảm thấy sứ mệnh của mình là cầm bút, bởi vì nếu từ già cỗi trần là quy luật nghiệt ngã muôn thuở của con người thì vẫn có một cái gì đó cái chết buộc phải miễn trừ: đó là tác phẩm nghệ thuật, nói cách khác, là kết tinh của cuộc sống nội tâm với những trần trở về quá khứ. Tất cả thời gian để mất trong khi quan sát dòng xoáy ngoài đời, giờ đây, M.Proust đã tìm thấy lại, và thiết tha biến kết quả quan sát thành chất liệu của tác phẩm văn học. Phải chăng đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt bộ tiểu thuyết đồ sộ của M.Proust?

Một nhà phê bình văn học Pháp, Pierre de Boisdeffre, nhận định trong tập Historia: “Proust muốn bước vào văn học như người ta đi vào tôn giáo, bằng cách gác lại mọi suy nghĩ, lo toan. Tất cả những gì ông làm, ngoài sáng tác văn học, ông đều cho là “thời gian đã mất”.

Bệnh suyễn ngày một trầm trọng làm ông ngạt thở và lên cơn sốt li bì, vẫn không ngăn M.Proust làm việc say sưa, có thể nói là cuồng nhiệt. Linh cảm cái chết kề bên, ông day dứt với nỗi lo không kịp hoàn thành tác phẩm. Ông khước từ việc viếng thăm của thầy thuốc, bạn bè và gia đình, nhưng vẫn liên tiếp hai lần gặp người bạn đảm nhận công việc in ấn, để nói những lời căn dặn cuối cùng về việc xuất bản tác phẩm. Ông đọc lại đoạn văn viết về cái chết của nhân vật – nhà văn Bergotte, và vào lúc ba giờ sáng còn bổ sung một đoạn dài. Bốn giờ chiều hôm ấy, 18 tháng 11 năm 1922, Marcel Proust trút hơi thở cuối cùng.

Marcel Proust không còn nữa, nhưng *Đi tìm thời gian đã mất* khiến tên tuổi ông trở thành bất tử theo đúng ý nghĩa đầy đủ của từ này. Trong hai năm 1990 và 1992, một số cơ quan văn hóa- văn học, báo chí và truyền thông Pháp tổ chức hai đợt lấy ý kiến các nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn học và đông đảo độc giả để tuyển chọn, đợt một, 10 cuốn tiểu thuyết được đánh giá là hay nhất trong lịch sử văn học Pháp. Cả hai lần, *Đi tìm thời gian đã mất* đều “trúng tuyển” và trong đợt một, giành vị trí đầu bảng xếp theo thứ hạng (đợt hai, kết quả xếp theo bảng chữ cái tên tác giả).

Sự suy tôn trên đây, một lần nữa, khẳng định kết luận của Từ điển bách khoa Larousse: “ Không nghi ngờ gì nữa. *Đi tìm thời gian đã mất* mãi mãi là một đỉnh cao trong nền văn học hiện đại”.

NGƯỜI DỊCH

Sau mỗi tình đau thương bất thành với nàng Gilberte, nhân vật ‘tôi’ rời đến Balbec sinh sống. Qua những ngày đầu cảm lạnh và cô đơn, anh bắt đầu gặp gỡ rất nhiều người thuộc các tầng lớp khác nhau. Chưa bao giờ những mối quan hệ mới lại khiến trong anh nảy sinh nhiều xúc cảm, băn khoăn và trăn trở đến vậy. Khi là những suy tưởng triết học sâu sắc cùng hầu tước Robert de Saint-Loup. Khi thì là những ám ảnh sáng tạo nghệ thuật cùng họa sĩ Elstir. Khi lại là những yêu thương hết mình anh dành cho nàng Albertine cùng những suy ngẫm về nỗi dẫn vật và hạnh phúc trong tình yêu đắm say.

Là tập hai của bộ tiểu thuyết *Đi tìm thời gian đã mất* - bộ tiểu thuyết kinh điển mở đầu cho nền tiểu thuyết hiện đại thế kỷ XX ,đề cập đến những bàn luận sâu rộng không ngớt và đậm chất thơ về cảm xúc nhân vật, trăn trở tâm hồn, hồi ức tình cảm, những phân tích, những băn khoăn nghệ thuật hay triết học và những khái niệm mới mẻ, sáng tạo về thời gian, *Dưới bóng những cô gái tuổi hoa* đã được trao giải Goncourt 1919 - và từ lâu đã được coi là danh tác văn học, niềm kiêu hãnh của văn chương Pháp.

"Mặc dù qua đời cách đây đã sáu mươi lăm năm, nhưng Marcel Proust vẫn sống mãi cùng hậu thế với *Đi tìm thời gian đã mất*, “sách của các thể loại sách”. Nhiều người coi cuốn tiểu thuyết đồ sộ này là “thành quả của tiểu thuyết thế kỷ XIX", người khác lại khẳng định đây là "tác phẩm tiên phong của tiểu thuyết thế kỷ XX", vượt qua mọi trở ngại không gian thời gian để trở thành biểu tượng của văn học Pháp.

Không khác gì một huyền thoại.”

“Có thể so sánh Đi tìm thời gian đã mất với bộ Tấn trò đời đồ sộ của Balzac, nơi quy tụ mọi thể loại tiểu thuyết khác nhau: từ tiểu thuyết tâm lý, xã hội học, giáo dục đến tiểu thuyết thi ca, triết học, tiểu thuyết với đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất... Tác phẩm lừng danh này đã miêu tả thành công trọn vẹn cả một thế giới, trong đó xuất hiện từ những cô đầu bếp đến những nàng công chúa con nhà, từ những nhà tư sản thực thụ đến những kẻ đồng tính, song trên hết vẫn là những biến động mà từng nhóm người này phải đối mặt.”

www.fr.encarta.msn.com

PHẦN MỘT

Lần đầu tiên bố mẹ tôi bàn việc mời ông de Norpois tới ăn tối. Mẹ tôi tỏ ý tiếc giáo sư Cottard đi du lịch vắng, đối với Swann thì bà đã hoàn toàn cắt đứt quan hệ; giá có hai vị này thì chắc hẳn ngài cựu đại sứ thích thú lắm. Bố tôi bảo, một vị khách vĩ đại, một nhà bác học trứ danh như Cottard không bao giờ có thể thất thố trong một bữa ăn tối, còn với cái lối phô trương, cái cung cách hể quen biết ai là oang oang nêu danh người ta lên, Swann chỉ là một tay khoe mẽ tầm thường mà ắt hẳn hầu tước de Norpois sẽ cho là “thối hoắc” theo lối nói của ông. Thế nhưng câu trả lời của bố tôi vẫn cần được giải thích vì một số người còn nhớ tới một Cottard hết sức xoàng xĩnh, và một Swann rất mực tinh tế, khiêm tốn và kín đáo trong giao tiếp. Và Swann con⁽¹⁾ cũng tức là Swann ở Câu lạc bộ Jockey⁽²⁾, người bạn cũ của bố mẹ tôi, lại có thêm một tư cách mới (và không phải là tư cách cuối cùng), tư cách chồng của Odette. Nhằm thỏa mãn những tham vọng nhỏ bé của người đàn bà này, và với bản năng, ham muốn và tài khéo léo vốn có, ông nghĩ chuyện tạo lập một vị trí mới, thấp hơn nhiều so với vị trí cũ nhưng thích hợp với người bạn đời. Hai người sẽ cùng nhau giữ vững vị trí ấy. Và ở vị trí này, ông tỏ ra là một con người khác. Cùng với vợ và giữa những con người xa lạ, ông ta bắt đầu một cuộc sống thứ hai (trong lúc vẫn tiếp tục một mình thăm viếng bạn bè riêng, và không muốn bắt buộc họ đón tiếp Odette khi chính họ không có nhu cầu làm quen), nên người ta vẫn có thể hiểu vì sao khi muốn đánh giá thứ bậc xã hội của những con người xa lạ ấy, và do vậy đánh giá niềm hứng thú cá nhân của mình trong lúc tiếp đón họ, Swann không sử dụng làm điểm so sánh, những con người hết sức danh tiếng vốn là chỗ bạn bè của mình trước khi kết hôn, mà lại sử dụng những chỗ quen biết

cũ của Odette. Nhưng dù có biết ông muốn gắn bó với những viên chức khiếm nhã, những người đàn bà hư đốn vốn làm vật trang trí cho những buổi khiêu vũ ở các Bộ đi nữa, người ta vẫn ngạc nhiên khi nghe Swann lớn tiếng công bố việc vợ một viên phó văn phòng tới thăm bà Swann: ông vốn là người xưa kia và ngay cả ngày nay nữa giấu kín một cách rất dễ thương giấy mời của Twickenham⁽³⁾ hay của Buckingham Palace⁽⁴⁾. Người ta bảo có lẽ như thế là vì sự giản dị của một Swann thanh nhã chẳng qua chỉ là một hình thức tinh tế của thói khoe khoang và, cũng như một số người Do Thái, người bạn cũ của bố mẹ tôi có thể lần lượt biểu hiện những thái độ khác nhau mà những người trong chủng tộc ông ta đã trải qua, từ thói chạy theo thời thượng hết sức thơ ngây và thái độ vô hạnh cực kỳ lỗ mãng tới cung cách lịch sự tinh tế nhất đời. Nhưng lý do chủ yếu, và lý do này có thể áp dụng cho nhân loại nói chung, là ở chỗ bản thân năng lực chúng ta không phải là một cái gì tự do, chuyển động, có thể vĩnh viễn sử dụng; rốt cuộc trong đầu óc con người, chúng liên kết chặt chẽ với những hành vi đòi hỏi phải sử dụng chúng tới mức hề xuất hiện một hoạt động thuộc một phạm vi khác là chúng ta bị bất ngờ và không hề có một thoáng suy nghĩ là hoạt động này có thể bao gồm việc sử dụng những năng lực ấy. Sốt sắng với những chỗ bạn bè mới và kiêu hãnh kể tên họ ra, Swann giống như những nhà nghệ sĩ lớn khiếm tốn hay rộng lượng: nếu vào cuối đời tham gia chuyện bếp núc hoặc làm vườn thì họ không giấu giếm vẻ mãn nguyện ngây thơ trước những lời khen ngợi món ăn hoặc hàng cây trong vườn và không chịu để ai phê phán, nhưng lại sẵn sàng tiếp thu những lời công kích đối với kiệt tác văn học hay nghệ thuật của mình. Họ cũng có thể cho không một bức tranh nhưng trái lại, không thể không tỏ ra khó chịu nếu thua bốn mươi xu trong khi chơi bài domino. Còn giáo sư Cottard thì sau này chúng ta sẽ gặp lại nhiều ở nhà Bà chủ trong lâu đài Raspelière. Lúc này chỉ cần lưu ý một điều là cùng lắm thì sự đổi thay của Swann, thân phụ Gilberte, cũng chỉ làm chúng ta ngạc nhiên mà thôi vì ông là con người hoàn mỹ, và tôi không một chút nghi ngờ khi gặp ông ở Vườn hoa Élysée⁽⁵⁾; vả lại, tại đây, không nói năng gì với tôi, ông không thể khoe khoang về quan hệ chính trị của mình (giả ông có làm như vậy thì có lẽ tôi cũng không nhận ra ngay thái độ khoe khoang ấy, vì quan niệm có sẵn từ lâu đời về một con người như bưng mắt bịt tai chúng ta lại: suốt ba năm, mẹ tôi không hề nhận thấy lớp son trên môi một cô cháu gái, như thế nó bị hòa tan không ai trông thấy trong một chất lỏng, cho tới ngày một lớp son bôi thêm hoặc một nguyên nhân nào khác dẫn tới hiện tượng gọi là siêu bão hòa, toàn bộ lớp son trước đây không nhận thấy bỗng kết tinh

lại, và trước cái lối dùng màu sắc lòe loẹt như vậy, mẹ tôi tuyên bố đó là một điều sỉ nhục, và cắt đứt quan hệ với cô cháu họ). Trái lại, thời kỳ Cottard chứng kiến những lần xuất hiện đầu tiên của Swann ở gia đình Verdurin đã lui về dĩ vãng; và lại vinh quang và chức tước đến dần với năm tháng. Thứ hai nữa, người ta có thể không có học vấn, có thể nói những lời đùa cợt ngốc nghếch, nhưng lại có một tài năng đặc biệt mà không một nền học vấn chung nào có thể thay thế nổi, như tài năng của nhà chiến lược vĩ đại hay của một bác sĩ thực hành danh tiếng. Quả là bạn đồng nghiệp không xem Cottard như một người thầy thuốc thực hành không tên tuổi rồi nhờ thời gian bỗng trở nên lừng lẫy khắp châu Âu. Những người thầy thuốc trẻ thông minh nhất tuyên bố - ít ra cũng trong vài bốn năm, vì ra đời từ chính bản thân yêu cầu thay đổi nên thời thượng không thể không đổi thay - nếu vạn nhất bị ốm, thì Cottard là người thầy duy nhất được họ giao phó tính mệnh. Dĩ nhiên họ thích giao thiệp với một số người đầu ngành có học vấn cao hơn, có phong cách nghệ sĩ hơn để có thể trò chuyện với nhau về Nietzsche⁽⁶⁾, về Wagner⁽⁷⁾.

Trong những buổi tối biểu diễn âm nhạc ở nhà mình, trong khi bà Cottard tiếp bạn đồng nghiệp và học sinh của ông, hy vọng có ngày ông sẽ trở thành Chủ nhiệm khoa, thì ông Cottard lại không nghe nhạc mà thích ngồi chơi bài trong phòng khách bên cạnh. Nhưng người ta ca ngợi sự miễn tiệp, sâu sắc và chính xác trong cách nhìn của ông khi ông chẩn đoán bệnh. Thứ ba nữa, nếu xét về toàn bộ cung cách xử sự của giáo sư Cottard đối với một con người như bố tôi, thì rõ ràng là bản chất con người để lộ ra trong phần thứ hai cuộc đời không phải bao giờ cũng là bản chất ban đầu được nảy nở thêm hay héo hắt bớt, phình to ra hay thu nhỏ lại, tuy thường là như vậy; có khi nó là một bản chất ngược lại, thực sự là một “chiếc quần áo lộn trái”. Ngoài gia đình Verdurin vốn sùng bái ông, người ta không ngớt chế giễu thái độ do dự, tính rụt rè và vẻ hòa nhã quá mức của Cottard trong thời trẻ. Có người bạn nhân hậu nào khuyên ông nên giữ thái độ lạnh lùng? Do vị trí quan trọng của mình, ông có thể dễ dàng có thái độ ấy. Đâu đâu cũng vậy, trừ phi ở gia đình Verdurin, nơi ông hiện nguyên hình một cách bản năng, Cottard luôn luôn có thái độ lạnh nhạt, sẵn sàng im lặng, nhưng nếu buộc phải nói thì tỏ ra sắc sảo, không quên thốt lên những lời khó nghe. Ông có thể biểu thị thái độ ấy trước khách hàng: chưa hề gặp ông trước đây, họ không sao có thể so sánh và chắc hẳn rất ngạc nhiên khi được biết ông không phải là người bản tính thô bạo. Và nhất là ông cố tình tỏ vẻ tỉnh bơ khi thốt lên một vài lời đùa cợt ngay trong lúc làm việc tại bệnh viện, khiến

mọi người bật cười, từ ông viện trưởng đến anh chàng sinh viên ngoại trú mới nhất; lúc đó không một chút cơ bắp nào động đậy trên gương mặt ông, một gương mặt không còn có thể nhận ra nữa từ khi ông cạo sạch râu cằm, râu mép.

Để kết thúc, xin được nói hầu tước de Norpois là ai. Ông vốn là công sứ toàn quyền trước Chiến tranh và đại sứ sau sự kiện Ngày mười sáu tháng Năm, mặc dù vậy và trước sự ngạc nhiên của nhiều người vẫn nhiều lần được cử làm đại diện nước Pháp trong những thái độ đặc biệt và thậm chí làm Thanh tra Công trái ở Ai Cập, nơi ông lập những thành tích quan trọng dưới thời các nội các cấp tiến; một người bình thường trong giai cấp tư sản phản động ắt phải từ chối việc phục vụ những nội các này; và quá khứ, quan hệ và quan điểm của ông de Norpois lẽ ra rất có thể làm chính phủ nghi ngờ. Nhưng các ngài bộ trưởng cấp tiến hình như muốn qua việc bổ nhiệm này tỏ ra có tinh thần rộng rãi khi đứng trước quyền lợi tối cao của nước Pháp tỏ ra là những chính khách vô song, đáng được chính bản thân tờ *Tạp chí Tranh luận* đánh giá là chính trị gia, và cuối cùng, thừa hưởng uy tín gắn liền với một tên tuổi quý tộc, thừa hưởng một mối lợi được khơi dậy qua một sự lựa chọn bất ngờ chẳng khác một biến cố lớn. Và họ cũng biết khi sử dụng ông de Norpois, họ có thể vừa có lợi vừa không sợ ông thiếu tinh thần trung thực về chính trị: nguồn gốc gia đình ông hầu tước đảm bảo tinh thần ấy. Và quả là Chính phủ cộng hòa đã không nhầm lẫn. Được dạy dỗ ngay từ buổi ấu thơ xem dòng họ của mình như một thứ ưu thế nội bộ không gì có thể tước đoạt được, một bộ phận quý tộc biết đề phòng tinh thần thiếu trung thực; dù muốn bày tỏ những quan điểm rất xác đáng và chỉ muốn giao du với những người có thiện chí, những nỗ lực của biết bao con người trong giai cấp tư sản vẫn không giúp ích gì hết cho họ, không mang lại một kết quả nào đáng kể (ưu thế nội bộ ấy, những người ngang hàng họ, hay những người có dòng dõi còn cao hơn, biết khá chính xác giá trị của nó). Trái lại, thiết tha tự nâng cao mình đối với các hoàng tộc hay các gia tộc công tước chiếm vị trí xã hội trực tiếp ở trên vị trí của mình, bộ phận quý tộc này biết chỉ có thể đạt tới kết quả ấy bằng cách bổ sung cho dòng họ mình những gì bản thân nó vốn không có, mong sao chiếm được ưu thế trong trường hợp hai dòng họ ngang nhau: nào là ảnh hưởng chính trị, danh vọng về văn học hay nghệ thuật, và một giá trị tài sản lớn. Họ không hề quan tâm với gã quý tộc nhà quê vô tích sự mà những người tư sản hăng tìm kiếm, tới tình bạn vô bổ của gã; một ông hoàng không sao có thể tha thứ cho họ một tình bạn như thế. Trái lại, họ sẵn sàng kết thân với những chính khách có thể đưa tới thắng lợi trong các phái

bộ ngoại giao hay giúp đỡ trong các cuộc bầu cử, dù những chính khách ấy có ở trong hội Tam điểm đi nữa; với những nghệ sĩ và nhà bác học có thể giúp họ “lên” vào những ngành trong đó những vị này chiếm ưu thế; và cuối cùng với tất cả những ai có cơ hội giúp họ trở nên trứ danh hay thành công trong một vụ hôn nhân làm họ trở nên giàu có.

Nhưng về phần ông de Norpois thì điều chủ yếu là để đuổi mãi sự nghiệp ngoại giao, ông thấm nhuần tinh thần tiêu cực, sáo mòn, bảo thủ, mệnh danh là “tinh thần chính phủ”; tinh thần này quả là tinh thần của mọi chính phủ và đặc biệt là của mọi sứ bộ ngoại giao thuộc mọi chính phủ. Ông tiêm nhiễm trên con đường sự nghiệp ấy sự căm giận, sợ hãi và khinh miệt đối với thủ pháp chống đối vốn ít nhiều mang tính cách mạng và dẫu sao cũng không đúng đắn. Trừ phi đối với một vài kẻ thất học vốn cho sự khác biệt về giống loài là vô nghĩa; cái khiến người ta dịch lại gần nhau, không phải là sự tương đồng về quan niệm, mà là sự gần gũi về tinh thần. Một viện sĩ Hàn lâm thuộc loại Legouv  (8) và là người ủng hộ các nhà kinh điển, ắt sẵn sàng hoan nghênh những lời Maxime Du Camp(9) hay M  si  res(10) ca ngợi Victor Hugo(11) hơn là những lời Claudel(12) tán dương Boileau(13). Chỉ cần một tinh thần dân tộc giống nhau là đủ dịch Barr  s(14) lại với cử tri của ông vốn là những người không phân biệt gì nhiều giữa ông và ông Georges Berrey(15); nhưng tinh thần ấy lại không dịch ông lại với các bạn đồng nghiệp ở Viện Hàn lâm vì các vị này tuy cùng quan điểm chính trị với ông nhưng tinh thần lại theo kiểu khác nên thậm chí th   chọn những kẻ kinh dịch như các ông Ribot và Deschanel(16), những người trung thành với chế độ quan chủ cảm thấy gần hai ông này hơn là gần Maurras(17) và L  on Daudet(18) tuy Maurras và Daudet cũng mong Nhà vua trở về(19). Ông de Norpois là người hà tiện lời nói, chẳng những vì thói quen thận trọng và d   đặt trong nghề nghiệp, mà còn vì giá trị của chúng đối với những con người r  ng r   hàng chục năm phấn đấu cho sự dịch lại gần nhau giữa hai đất nước; rồi cuộc về mặt nghi thức ngoại giao, sự phấn đấu ấy thu  m lại trong một tính từ đơn giản, bề ngoài c   vẻ bình thường nhưng hàm chứa cả một thế giới. Người ta cho ông là người rất mực lạnh l  ng trong Hội đồng. Tại đấy ông ngồi cạnh bố tôi và mọi người đều mừng cho bố tôi được ngài cựu Đại sứ tỏ tình thân hữu. Chính bố tôi là người ngạc nhiên đầu tiên về tấm thịnh tình ấy, vì thông thường de Norpois tỏ ra không mấy dễ thương và không c   nhiều quan hệ ngoài phạm vi những chỗ thân tình. Bố tôi thú nhận điều đó

một cách tự nhiên. Ông cho thái độ chủ động kết thân của nhà ngoại giao này là do một quan điểm hoàn toàn cá nhân; ai ai cũng đứng trên quan điểm ấy để quyết định tình cảm của mình; và từ quan điểm ấy, khi một người làm chúng ta chán ngán hay bức bối thì mọi trí lực hoặc khả năng nhạy cảm của họ, chúng ta thấy không đáng tin cậy bằng tính ngay thẳng và vui vẻ của một người khác, trong lúc số đông cho người này là trống rỗng, phù phiếm và dốt nát.

- De Norpois lại mời tôi ăn tối, - bố tôi bảo. - Kỳ lạ thật; mọi người trong Hội đồng đều sững sốt, vì ở đây ông ấy không có quan hệ riêng với ai hết. Tôi tin chắc ông lại sẽ kể với tôi nhiều điều hồi hộp về cuộc chiến tranh 70⁽²⁰⁾. Bố tôi biết là có lẽ chỉ riêng một mình ông de Norpois tâu lên Hoàng đế về sức mạnh ngày một tăng thêm và những ý đồ gây hấn của nước Phổ, biết Bismarck⁽²¹⁾ đặc biệt đánh giá cao trí tuệ ông ta. Mới đây nữa, ở nhà hát Nhạc kịch, trong buổi dạ hội tổ chức chào mừng vua Théodose⁽²²⁾, các nhà báo chú ý tối buổi nói chuyện kéo dài Hoàng đế dành cho ông de Norpois.

- Ta cần biết cuộc viếng thăm của nhà vua quả có quan trọng không, - bố tôi bảo chúng tôi: ông vốn rất quan tâm tới đường lối ngoại giao. - Ta biết rõ lão Norpois rất kín miệng, nhưng với riêng ta, lão vẫn cởi mở hết sức dễ thương.

Riêng mẹ tôi cảm thấy hình như bản thân ngài Đại sứ không có thứ trí tuệ cuốn hút bà thật sự mạnh mẽ. Và tôi phải nói rằng những lời trò chuyện của ông de Norpois chất chứa những hình thức cũ kỹ của thứ ngôn ngữ đặc trưng cho một sự nghiệp, một giai tầng và một thời đại - tuy thời đại rất có thể không hoàn toàn bị thủ tiêu đối với sự nghiệp và giai tầng xã hội. Bởi thế đôi khi tôi ân hận không nhớ nguyên văn những lời tôi nghe ông nói. Giá nhớ được thì dễ dàng gây cho bạn đọc một ấn tượng về thứ ngôn từ đã lỗi thời, chẳng khác khi được hỏi hân tìm đâu ra những chiếc mũ kỳ dị, anh chàng diễn viên ở Palais-Royal⁽²³⁾) thản nhiên trả lời:

- Tôi đâu có tìm. Tôi giữ chúng đấy chứ.

Tóm lại, tôi có cảm giác mẹ tôi cho ông de Norpois có phần “già gio” tuy không hề thấy khó chịu về mặt thái độ, nhưng bà không mấy thú vị đối với ngôn từ nếu không phải là đối với tư tưởng của ông de Norpois - vì tư tưởng ông khá hiện đại. Duy có điều bà cảm thấy sẽ làm bố tôi khoái trá một cách âm thầm nếu nói với thái độ thán phục về nhà ngoại giao vốn ưu ái ông một cách hiếm thấy. Trong lúc cùng cố trong đầu óc bố tôi cái ấn tượng tốt

đẹp về de Norpois, và qua đó làm ông cũng có ấn tượng tốt đẹp về chính bản thân mình, mẹ tôi có ý thức làm trọn một trong bốn phận của bà là làm cho cuộc sống của chồng dễ chịu, chẳng khác nào khi bà trông nom sao cho món ăn được nấu nướng chu đáo và việc phục vụ tránh được ồn ào. Và vì không sao đánh lừa được bố tôi, bản thân bà tập chăm ngưỡng ngài Đại sứ để có thể thành thực ca ngợi ông. Và lại mẹ tôi thú vị một cách tự nhiên trước phong cách của ngài Đại sứ. Ông có vẻ nhân hậu và thái độ lễ phép ít nhiều cổ lỗ (và trịnh trọng tới mức gặp mẹ tôi ngồi trong xe ngựa trong lúc ông ngừng cao tấm thân to lớn đi bộ trên đường phố, ông vội ném xa điều xì gà vừa mới châm lửa rồi mới nâng mũ chào). Ông trò chuyện thận trọng, hết sức ít nói về bản thân mình và luôn quan tâm tới những gì có thể làm vui lòng người đối thoại. Ông rất mực khẩn trương trong việc phúc đáp thư từ: nhận ra mặt chữ ông de Norpois trên chiếc phong bì còn nóng hổi trong tay sau khi vừa gửi thư đi, bố tôi thoát đầu ngỡ thư ông đại sứ gửi từ trước và bắt gặp thư mình trên đường đây. Phải chăng đối với riêng ông de Norpois, bưu điện có những đợt mở thùng thư ngoại lệ? Thấy ông hết sức dễ thương mặc dù giao thiệp rất rộng, hết sức đúng giờ mặc dù rất bận rộn, mẹ tôi lấy làm kinh ngạc và không nghĩ rằng những cái “ mặc dù” ấy luôn luôn là những cái “ bởi vì” ít được chú ý tới, và chính những thói quen lặp đi lặp lại cho phép ông de Norpois vượt qua biết bao sự bận rộn, tỏ ra biết bao chăm chút trong việc phúc đáp thư từ, làm vui lòng giới thượng lưu và tỏ tình thân ái đối với gia đình chúng tôi. Hơn nữa, sai lầm của mẹ tôi, cũng như của tất cả những ai quá khiêm tốn, là do bà đặt những sự việc liên quan tới mình xuống dưới và vì vậy ra ngoài những sự việc khác. Hằng ngày ông de Norpois viết rất nhiều thư, nhưng bức thư phúc đáp khẩn trương vừa tới tay bố tôi, mẹ tôi chỉ cho là bức duy nhất của ông Đại sứ; tương tự như vậy, bà không xem một bữa ông ăn tối ở gia đình chúng tôi là một trong vô số hành vi trong đời sống xã hội của ông: bà không hề nghĩ trong hoạt động ngoại giao xưa kia, ngài Đại sứ có thói quen xem những bữa tối ngoài phố thuộc phạm vi chức trách của ông và luôn luôn tỏ một thái độ lịch thiệp bất di bất dịch mà nếu đòi hỏi ông từ bỏ khi tới gia đình chúng tôi thì ắt hẳn là một đòi hỏi quá đáng.

Bữa ăn tối đầu tiên của ông de Nerpois ở gia đình chúng tôi, vào cái năm tôi còn chơi đùa trong Vườn hoa Élyée mãi mãi khắc sâu trong ký ức tôi, vì chính chiều hôm ấy, tôi đi xem Berma biểu diễn “ buổi ban ngày” trong vở Phèdre⁽²⁴⁾, và cũng vì trong lúc trò chuyện với ông de Norpois, bỗng nhiên và một cách mới lạ, tôi nhận ra rằng những tình cảm nảy sinh trong tôi do tất

cả những gì liên quan tới Gilberte Swann và những người thân của nàng, khác xa những tình cảm gia đình Swann gợi lên cho bất cứ một người nào khác.

Chắc hẳn vì nhận thấy vẻ mặt buồn thiu của tôi khi gần tới những ngày nghỉ đầu năm vì tôi sẽ không được gặp Gilberte như chính bản thân bà đã báo cho tôi, nên một hôm, nhằm làm tôi khuây khỏa, mẹ tôi bảo:

- Nếu con vẫn rất thích đi xem Berma biểu diễn thì có lẽ bố sẽ cho phép con đi cùng với bà nội.

Cho tới lúc bấy giờ, bố tôi hết sức phản đối việc tôi phung phí thì giờ và có thể bị ốm vì cái mà ông gọi là những trò vô tích sự tuy cách gọi ấy làm bà tôi rất phẫn nộ. Nhưng ông de Norpois ngó ý nên để tôi đi nghe Berma, vì đối với một chàng trai, đó là một kỷ niệm đáng ghi nhớ. Thế là bố tôi gần như cho buổi dạ hội do ngài Đại sứ đề xướng là một bộ phận, tuy còn mơ hồ, trong toàn bộ những phương sách quý giá phục vụ cho sự nghiệp lẫy lừng. Bà tôi nghĩ nếu tôi được đi nghe Berma thì rất có lợi, vì vậy cụ ngạc nhiên khi thấy chỉ mỗi một lời của ông de Norpois là đủ làm mọi người không quan tâm tới quyền lợi sức khỏe của tôi nữa. vốn là người duy lý và một mực đặt hy vọng vào chế độ hít thở khí trời và đi ngủ sớm được ấn định cho tôi, bà tôi phàn nàn sự vi phạm sắp tới đối với chế độ ấy như một tai họa, và giọng ảo não bảo bố tôi:

- Anh nông nổi quá đấy!

Bố tôi giận dữ đáp:

- Sao bây giờ lại chính mẹ không muốn cho nó đi! Hơi quá đấy, mẹ luôn luôn nhắc đi nhắc lại cái đó có thể bổ ích cho nó kia mà.

Nhưng ông de Norpois đã làm thay đổi ý định của bố tôi về một điểm còn quan trọng hơn nhiều đối với tôi. Bố tôi luôn luôn mong muốn tôi trở thành nhà ngoại giao và tôi không sao chịu nổi ý nghĩ có thể một ngày nào đó được cử đi làm đại sứ ở những thủ phủ vắng bóng Gilberte, dù có được làm tùy viên ở Bộ một thời gian nữa. Tôi muốn quay trở lại những giấc mộng văn chương xưa kia đã từng ấp ủ nhưng rồi bị bỏ rơi trong những buổi dạo chơi về phía Guermantes. Nhưng bố tôi thường xuyên phản đối việc tôi dự định theo đuổi sự nghiệp văn chương mà ông cho là thấp kém nhiều so với ngành ngoại giao, thậm chí không thừa nhận cho nó cái tên gọi “sự nghiệp”, cho tới ngày ông de Norpois vốn không mấy ưu ái nhân viên ngoại giao thuộc các tầng lớp mới, khẳng định với ông rằng với tư cách nhà văn, người ta vẫn có thể được trọng vọng, vẫn có thể phát huy ảnh hưởng như trong các sứ quán mà lại được độc lập hơn.

- Hay lắm! - Bố tôi bảo, - ông lão Norpois hoàn toàn không phản đối con làm văn học, bố thật không ngờ.

Là người tương đối có uy tín, bố tôi tin chẳng có gì là không thể giải quyết thuận lợi trong câu chuyện những người có địa vị nói với nhau:

- Một buổi chiều nào đó, khi ở Hội đồng ra về, bố sẽ mời ông ấy đi ăn tối.

Con sẽ chuyện trò chút ít để ông có thể đánh giá con. Con sẽ viết một chút bài vở gì đó cho tốt để đưa ông xem; vốn rất thân ông chủ nhiệm Tạp chí *Hai Thế giới*, ông sẽ đưa con vào đấy, chắc sẽ xong xuôi, ông ấy lấu cá lắm; và thực ra ông cho rằng ngành ngoại giao, ngày nay...

Sung sướng không phải xa Gilberte, tôi rất muốn nhưng không sao viết được một chút gì hay ho đưa ông de Norpois xem. Sau vài trang mở đầu, tôi chán nản đánh rơi bút, giận dữ đến phát khóc lên khi nghĩ mình sẽ không bao giờ có tài năng vì thiếu năng khiếu, và thậm chí sẽ không lợi dụng được cơ hội mãi mãi ở lại Paris nhờ buổi viếng thăm sắp tới của ông de Norpois. Chỉ có ý nghĩ sắp được phép đi nghe Berma là làm tôi khuây buồn. Nhưng cũng như chỉ muốn chứng kiến đông đảo bao khi chúng ập đến hết sức dữ dội trên bờ biển, tôi chỉ muốn xem người nữ diễn viên tài nghệ biểu diễn trong những vai kinh điển mà thôi. Swann bảo tôi trong những vai ấy, bà hầu như đạt tới cái siêu phàm. Vì khi muốn cảm thụ trước thiên nhiên hay nghệ thuật với hy vọng một sự khám phá có giá trị, chúng ta không thể không ân hận nếu để tâm hồn đón nhận những ấn tượng hời hợt và có thể đánh lừa mình về giá trị đích thực của cái Đẹp. Được xem Berma diễn các vở

Andromaque⁽²⁵⁾, *Phèdre*, *Những mối tình bèo nước của Marianne*⁽²⁶⁾, đó là những điều kỳ diệu tâm tưởng tôi xiết bao mơ ước. Nếu được nghe Berma ngân nga mấy vần thơ:

Lạy Chúa! Chia tay Người

Vì phải sớm ra đi...

thì lòng tôi hoan hỉ chẳng khác khi một con đò nhỏ đưa mình tới dưới chân tượng Titien des Frari⁽²⁷⁾ hay Carpaccio de San Giorgio dei Schiavoni⁽²⁸⁾. Tôi biết tượng qua những tấm hình đen trắng in trong sách; nhưng giống như lúc sắp bước chân đi du lịch, tim tôi đập rộn ràng khi nghĩ tới cuộc tôi sẽ thấy tượng thực sự tắm tấp trong bầu không khí và ánh nắng mặt trời gợi lên qua một giọng hát trầm bổng, du dương. Một Carpaccio ở

Venise⁽²⁹⁾, một Berma trong Phèdre, ảnh hưởng tự chân của những kiệt tác hội họa hay sân khấu ấy khiến chúng sống động, nghĩa là không sao có thể chia cắt trong bảo tàng Le Louvre⁽³⁰⁾ hay xem Berma biểu diễn trong một vở kịch chưa được nghe nói tới bao giờ thì về sau khi niềm ước mơ tha thiết nhất trong muôn vàn mơ ước của mình trở thành hiện thực, ắt hẳn, tôi sẽ không còn cảm thấy thực sự kỳ thú ngây ngất nữa. Và mong đợi ở buổi biểu diễn của Berma đôi điều phát hiện về sự cao cả và nỗi khổ đau, tôi có cảm giác cái vĩ đại, cái hiện thực trong buổi biểu diễn ấy càng vĩ đại hơn, hiện thực hơn nếu bà công diễn một tác phẩm có giá trị đích thực, chứ không thù dệt cái thực, cái đẹp trên một bức tranh kém cỏi, tầm thường

Cuối cùng, nếu xem Berma biểu diễn một vở mới, thì tôi sẽ không dễ dàng gì bình giá nghệ thuật thể hiện và ngôn ngữ diễn tả vì không thể so sánh giữa một văn bản không nắm được trước với những gì thể hiện qua giọng nói và điệu bộ của bà mà tôi cảm thấy hòa nhập làm một với văn bản. Còn những tác phẩm cũ mà tôi đã thuộc lòng, thì chẳng khác những khoảng không gian mênh mông có sẵn, trong đó tôi hoàn toàn tự do đánh giá những sự sáng tạo trong nguồn cảm hứng vô tận của Berma, giống như những bức bích họa phủ trên mặt tường. Tiếc thay, đã nhiều năm nay, từ khi rời bỏ các sân khấu lớn và làm giàu cho một nhà hát đường phố trong đó bà là ngôi sao, Berma không còn biểu diễn các vở kinh điển nữa, và những tờ quảng cáo tôi ra công tìm đọc bao giờ cũng chỉ rất đưa tin về những vở mới tinh do những tác giả đang hợp thời thượng cố tình “nặng” ra cho bà. Bỗng một buổi sáng, trong lúc tìm đọc mục những buổi biểu diễn ban ngày trong tuần lễ đầu năm mới trên cột báo dành cho sân khấu, lần đầu tiên tôi thấy báo đưa tin Berma sẽ biểu diễn hai cảnh trong *Phèdre* sau một màn mở đầu chắc hẳn không hay ho gì, với nhan đề ra vẻ mập mờ và một nội dung tôi không nắm được; và vào các buổi ban ngày tiếp theo, các vở *Một nửa Thế giới*⁽³¹⁾, và *Những môi tình bèo nước của Marianne*. Cũng như *Phèdre* và là những tác phẩm tôi rất am hiểu, những tiêu đề này hiện lên trước mắt tôi trong suốt, hết sức rành rọt; cái đẹp của nghệ thuật làm chúng sáng ngời. Tôi có cảm giác chúng làm tăng thêm vẻ cao quý của bản thân bà Berma khi thấy báo chí, sau mục giới thiệu chương trình biểu diễn, nói rõ chính bà quyết định diễn lại một vài vở cũ. Thế là người nghệ sĩ biết rằng sau cái mới lạ của buổi ra mắt đầu tiên hay sau thắng lợi của những buổi diễn lại, một số vai diễn vẫn còn sức cuốn hút; bà xem những vai ấy, do mình đóng, như những kiệt

tác trong bảo tàng và chúng vẫn có thể bổ ích nếu đem diễn lại trước lớp người thuộc thế hệ từng chiêm ngưỡng bà hoặc thế hệ chưa hề trông thấy bà trong những vai diễn ấy. Cùng với những tiết mục khác vốn chỉ để người xem giết thì giờ buổi tối, bà cho quảng cáo vở *Phèdre* với một nhan đề ngắn gọn và cũng cùng in một thứ chữ, khác nào khi giới thiệu quanh bàn ăn những tân khách vốn chỉ là những tân khách, một nữ chủ nhân bỗng thốt lên một tên, tuổi: ông Anatole France⁽³²⁾ mà không hề đổi giọng.

Ông thầy thuốc chữa bệnh cho tôi, người đã từng ngăn cấm tôi mọi cuộc du lịch, khuyên bố mẹ tôi không nên cho tôi đến nhà hát; tôi sẽ bị ốm, và có thể ốm lâu dài, rồi cuộc tôi sẽ đau đớn nhiều hơn vui thích. Nỗi sợ hãi ấy có thể ngăn cản tôi đến nhà hát nếu tôi chỉ mong chờ ở buổi biểu diễn một niềm hứng thú mà xét cho cùng một nỗi đau đớn về sau có thể làm tiêu tan, theo luật thừa trừ. Nhưng cũng như đối với chuyến du lịch Balbec hay Venise, tôi đòi hỏi ở buổi biểu diễn ban ngày ấy một cái gì hoàn toàn khác một niềm hứng thú: đó là những chân lý thuộc về một thế giới hiện thực hơn thế giới tôi đang sống, và mỗi khi đã nắm bắt được thì tôi quyết không để chúng bị tước đoạt vì những sự kiện vô nghĩa trong cuộc sống vô bổ của mình, dù những sự kiện ấy có thể làm cơ thể tôi đau đớn đến thế nào đi nữa. Cùng lắm đối với tôi, niềm hứng thú trong buổi xem biểu diễn ấy chỉ là hình thức cần thiết để nhận thức những chân lý mới. Và thế là đủ để tôi mong sao những nỗi đau dự đoán chỉ bắt đầu sau khi buổi diễn kết thúc, sao cho hứng thú không bị ảnh hưởng vì những nỗi đau ấy. Sau buổi viếng thăm của thầy thuốc, bố mẹ tôi không muốn cho tôi đi xem vở *Phèdre* nữa. Tôi nài nỉ; tôi không ngừng ngâm nga đoạn thơ:

Lạy Chúa! Chia tay Người

Vì phải sớm ra đi...

với tất cả những âm điệu có thể hình dung được, nhằm đánh giá thật chính xác cái bất ngờ trong âm điệu của Berma, vẻ đẹp thần tiên mà vai diễn của Berma ắt sẽ cho tôi chiêm ngưỡng suốt ngày đêm trên chiếc bàn thờ thường xuyên thấp sáng, vẻ đẹp thần tiên ấy ngự trị trong chiều sâu tâm tưởng tôi. Vừa nghiêm khắc vừa nông nổi, bố mẹ tôi sẽ quyết định có để cho tâm tưởng ấy ấp ủ hay không bao giờ được ấp ủ những vẻ tuyệt mỹ của vị Nữ thần trong sự hiện hình vào đúng vị trí vô hình của Người, vẻ Đẹp thần tiên ấy giấu mình như một linh vật sau một bức màn, và phía sau màn mỗi lúc tôi lại hình dung một vẻ, một dáng đẹp mới, theo những từ ngữ Bergotte ghi

trong cuốn sách nhỏ của Gilberte và giờ đây hiện lên trong trí tôi, những là: “vẻ đẹp về đường nét, nổi đau Cơ Đốc giáo, vẻ mặt xanh xao của người khổ hạnh, nàng công chúa thành Trézène⁽³³⁾, và thành Cleves⁽³⁴⁾, bi kịch tiền Hy Lạp, biểu tượng thành Delphes⁽³⁵⁾, huyền thoại về mặt trời”... và mắt đắm đắm dõi theo các hình ảnh không sao hình dung nổi ấy, tôi đấu tranh suốt ngày chống lại những trở lực do gia đình dựng lên. Cuối cùng chúng được vượt qua, khi mẹ tôi bảo:

- Thôi được, bố mẹ không muốn làm con buồn, nếu rất thích, thì con cứ đi.

Hôm ấy đúng là ngày họp Hội đồng và sau đó bố tôi mời ông de Norpois tới ăn tối. Buổi biểu diễn ban ngày từ trước tới nay bị cấm đoán, giờ đây, lần đầu tiên, chỉ còn tùy thuộc vào một mình tôi và tôi không còn lo sợ bị cấm đoán gì nữa. Nhưng tôi lại băn khoăn có nên mong ước buổi biểu diễn ấy không, tôi không nên đi xem không. Sau những giây phút giằng hờn, tôi bắt đầu thấy yêu thương thăm thiết bố mẹ lúc tôi được phép đi xem biểu diễn: ý nghĩ làm bố mẹ đau buồn gây đau buồn cho chính bản thân tôi, và tôi nhận thấy mục đích cuộc sống không còn là chân lý, mà chính là tình thương, tôi cho cuộc sống tốt hay xấu là tùy thuộc vào chỗ bố mẹ tôi sung sướng hay đau khổ.

- Con muốn không đi xem thì hơn nếu việc ấy làm phiền lòng bố mẹ, - tôi thưa với mẹ.

Trái lại, mẹ tôi ra sức làm tôi từ bỏ ý nghĩ cho rằng việc ấy có thể làm bà buồn phiền. Bà bảo ý nghĩ ấy sẽ ảnh hưởng tới niềm hứng thú của tôi đối với buổi diễn và chính vì chú ý tới niềm hứng thú ấy mà bố mẹ tôi hủy bỏ lệnh cấm đoán. Nhưng thế thì tôi cảm thấy quá nặng nề sự bắt buộc phải có hứng thú. Vả lại, nếu đi xem về bị ốm thì liệu tôi có sớm khỏi bệnh để sau vụ hè, kịp đến Vườn hoa Elysée, ngay khi Gilberte trở lại đấy không? Để quyết định thái độ, tôi đối chiếu tất cả những lý do ấy với ý nghĩ về sự tuyệt mỹ của Berma vô hình phía sau tấm màn sân khấu. Trên một bên đĩa cân, tôi đặt “cái cảm giác thấy mẹ đau buồn, và cái nguy cơ không thể đến Vườn hoa Elysée” còn trên một bên khác, là “vẻ mặt xanh xao của người khổ hạnh và huyền thoại mặt trời”; nhưng rốt cuộc bản thân những từ ngữ này trở nên rồi tinh rồi mù trong đầu óc tôi, mất hết sức nặng và không còn nói gì với tôi nữa hết; dần dà những nỗi niềm lưỡng lự trở nên nhúc nhối tới mức nếu giờ đây tôi chọn việc đi xem biểu diễn, thì chỉ là vì muốn chấm dứt và vĩnh viễn thoát khỏi những sự dẫn dắt ấy. Nếu tôi phó mặc cho bước chân dắt dẫn, không phải tới vị Nữ thần hiền hòa, mà là tới một Hung thần khủng khiếp không diện mạo, không tên tuổi lén lút trà trộn vào sau tấm màn che, thì

cũng chỉ để rút ngắn đau khổ, chứ không còn vì hy vọng một thứ lợi ích tinh thần trong lúc không cưỡng nổi sức cuốn hút của cái tuyệt mỹ nữa. Nhưng bỗng nhiên mọi cái đổi thay, lòng ham muốn của tôi đi xem Berma biểu diễn được bơm một chất kích thích mới cho phép tôi chờ đợi buổi diễn ban ngày ấy trong háo hức và sướng vui: hằng ngày xếp ở hàng đầu dòng người đứng trước cột nhà hát - vị trí ít lâu nay trở nên rất khó chiếm, tôi vừa nhìn thấy tờ quảng cáo chi tiết về vở *Phèdre* người ta mới dán xong lần đầu tiên chưa kịp ráo mực (và trong đó, thực ra, những phần khác về buổi diễn không có một sức cuốn hút nào có thể khiến tôi có thái độ dứt khoát). Trong lúc lòng còn phân vân thì tờ quảng cáo giúp tôi đi tới một quyết định cụ thể và hầu như tức thời vì ngày ghi trên quảng cáo không phải là ngày tôi đọc nó mà chính là ngày biểu diễn, và quảng cáo còn ghi rõ cả giờ kéo màn. Tôi nháy cẳng lên vì sung sướng trước nhà hát với ý nghĩ ngày hôm ấy, đúng vào giờ phút ấy, tôi sẽ sẵn sàng ngồi đúng chỗ của mình xem Berma biểu diễn. Sợ bố mẹ không đủ thì giờ tìm hai người hầu đi theo bà cháu chúng tôi, tôi vội ba chân bốn cẳng chạy về nhà, với sự giục giã của mấy dòng chữ thần kỳ:

“Các vị phu nhân đến dự hòa nhạc xin miễn đội mũ, và nhà hát sẽ đóng cửa lúc hai giờ”.

Chúng thay thế trong đầu óc tôi những từ ngữ “vẻ mặt xanh xao của người khổ hạnh” và “huyền thoại mặt trời”.

- Mình cố thu xếp một bữa ăn tối cho ra trò; mình còn nhớ là tôi sẽ mời ông de Norpois đấy chứ?

Quả là mẹ tôi không quên. Và từ tối hôm trước, sung sướng được thả sức thi thố tài nghệ nấu nướng mà chắc hẳn bà có năng khiếu, lại được kích thích khi nghe nói tới một vị tân khách, Françoise sống trong niềm vui náo nức của sự sáng tạo; bà biết mình sẽ làm món tuyệt thịnh bò theo phương pháp chỉ riêng một mình bà nắm được bí quyết. Cực kỳ coi trọng chất lượng tự thân của những chất liệu dùng vào công việc chế biến, bà thân hành đi chợ chọn mua thịt bò, thịt bê, tựa Michel-Ange⁽³⁶⁾ ở rông rã tám tháng trong vùng núi Carrare⁽³⁷⁾ nhằm chọn những khối đá hoa cương hoàn mỹ nhất để xây dựng lăng tẩm Jules 11⁽³⁸⁾. Trong những buổi đi đi về về ấy, Françoise để hao phí năng lượng tới mức nhìn thấy gương mặt đỏ gắt của bà, mẹ tôi lo bà ốm vì lao lực như nhà nghệ sĩ, người thiết kế khu lăng mộ dòng họ Médicis⁽³⁹⁾ trong vùng mỏ đá Pietrasanta⁽⁴⁰⁾. Và từ tối hôm trước, Françoise gửi tới lò bánh trên phủ một lớp ruột bánh mì như một lớp đá hoa cương màu hồng, cái thứ mà bà gọi là giảm bông Nev York. Đâu có ngờ sự

phong phú của ngôn ngữ và không thật sự tin vào tai mình, chắc hẳn khi lần đầu tiên nghe nói tới giảm bông xứ York⁽⁴¹⁾, bà cho là mình nghe nhầm và người ta muốn nói tới cái địa danh bà từng biết: theo bà, nếu trong từ vựng có cả Yock lẫn New York thì thật là một sự lãng phí không thể chấp nhận. Bởi thế từ ấy, mỗi khi nghe nói tới hoặc đọc thấy trên một tờ rao hàng cái từ Yock là bà cho rằng đứng trước nó phải có New mà bà phát âm thành Nev. Và bà rất mực thành thực khi bảo cô gái giúp việc nhà bếp:

- Cô tới hiệu Olida mua giảm bông cho tôi. Bà chủ căn dặn phải mua cho kỳ được giảm bông Nev York đấy.

Nấu hôm ấy Françoise có niềm tin cháy bỏng của những “người sáng tạo vĩ đại”, thì trái lại, trong lòng tôi dâng lên nỗi sợ hãi khủng khiếp của nhà nghiên cứu. Dĩ nhiên chừng nào chưa nhìn thấy Berma biểu diễn thì tôi còn cảm thấy hứng thú. Lòng tôi khấp khởi khi đứng ở chỗ công viên nhỏ bé trước mặt nhà hát trong đó, hai tiếng đồng hồ sau, những cây giẻ trụi lá sẽ ánh lên những tia sáng kim loại khi những ngọn đèn khí được đốt lên soi rõ từng chi tiết lá cành. Trước mặt tôi là những người soát vé mà việc tuyển chọn, việc tăng lương và số phận đều tùy thuộc vào người nghệ sĩ vĩ đại, người nắm một mình quyền bính trong cái tổ chức này, các vị giám đốc nhất thời và chỉ hoàn toàn có tính chất danh nghĩa lần lượt thay thế nhau không ai biết. Họ cầm lấy vé mà không nhìn người, vì nhiều nỗi lo lắng: họ lo chỉ thị của bà Berma không được truyền đạt cận kề tới số người mới được nhận vào làm công; lo người ta không hiểu rõ là đám người thuê đến vỗ tay không bao giờ được vỗ tay hoan hô bà, là chừng nào bà chưa bước lên sân khấu thì tất cả cửa sổ phải để mở nhưng sau đó mọi cửa lớn cửa bé đều phải nhất loạt đóng kín. Và quả vậy, một lát sau, một cỗ xe trắng một cặp ngựa bồm dài dừng bánh trước nhà hát; bà Berma khoác áo choàng lông từ trên xe bước xuống. Sau khi đáp lại những lời chào hỏi bằng một cử chỉ âu sầu, bà bảo một cô hầu đi xem tình hình dãy ghế phía trước sân khấu dành riêng cho bè bạn, tình hình nhiệt độ trong phòng, tình hình khán giả các hàng ghế lô và cách trang phục của những cô gái mở cửa: đối với bà, sân khấu và khán giả chỉ là một thứ quần áo thứ hai bà phải mặc vào ngoài lớp quần áo đích thực, một môi trường có sức truyền dẫn để bà thi thố tài nghệ. Tôi cũng hoan hỉ khi đã ngồi trong nhà hát; từ khi biết chỉ mỗi một sân khấu cho tất cả mọi người - trái ngược với trí tưởng tượng trẻ thơ của mình, tôi cứ ngỡ tầm mắt sẽ bị những khán giả khác che khuất như khi đứng giữa đám đông; thế nhưng tôi thấy tình hình ngược lại: nhờ một cách bố trí đặc biệt tài tình⁽⁴²⁾, ai nấy đều cảm thấy mình là trung tâm của nhà hát. Do vậy tôi hiểu vì sao

sau khi ngồi ở hàng lan can thứ ba nhà hát xem nhạc kịch về Françoise cả quyết chỗ ngồi của bà tốt nhất trên đời, bà không cảm thấy quá xa, trái lại có phần bối rối vì sự gần gũi bí ẩn và sống động của tấm màn sân khấu. Niềm hứng thú của tôi càng tăng thêm khi bắt đầu nghe được ở phía sau tấm màn buồng kín những tiếng động mơ hồ như bên trong chiếc vỏ trứng khi chú gà con sắp nở; tiếng động phụt chốc lớn lên và bỗng nhiên, từ cái thế giới mắt ta không nhìn thấy nó nhưng ánh mắt nó lại nhìn thấy ta, vắng vắng tới tai mình một cách khẩn thiết và không thể nghi ngờ được như ba tiếng gõ làm ta xúc động chẳng khác nào những tín hiệu phát ra từ sao Hỏa. Màn kéo lên và trên sân khấu, một chiếc bàn giấy và một cái lò sưởi - hai thứ này cũng chỉ là những thứ không có gì khác thường - báo hiệu rằng những nhân vật sắp sửa bước vào không phải là những diễn viên tới để ngâm nga, như tôi từng thấy một lần trong buổi diễn ban đêm: họ chỉ là những con người đang sống ở nhà mình một ngày sống đời thường mà tôi lẻn vào được, trong lúc họ không thể nhìn thấy tôi. Niềm hứng thú của tôi vẫn tiếp tục được duy trì; nó chỉ bị gián đoạn vì một nỗi lo sợ trong khoảnh khắc: đúng vào lúc tôi vênh tai lên trước khi vở diễn bắt đầu, hai người đàn ông bước lên sân khấu, vẻ phẫn nộ và lớn tiếng tới mức tuy trong nhà hát có hơn một nghìn sinh mạng, người ta vẫn phân biệt rõ tất cả lời lẽ của họ; còn ở một tiệm cà phê nhỏ, nếu có hai kẻ vật lộn thì người ta phải hỏi chàng trai hầu bàn họ nói năng những gì. Nhưng cũng vào khoảnh khắc ấy, kinh ngạc thấy công chúng ngồi nghe không một chút phản đối và chìm đắm trong một bầu không khí vắng lặng như tờ, chỉ thỉnh thoảng chỗ này chỗ nọ nổi lên một tiếng cười, tôi bỗng hiểu những “kẻ hỗn xược” ấy là diễn viên, và vở diễn nhỏ, mệnh danh là vở mở màn, vừa mới bắt đầu. Tiếp theo là những phút tạm nghỉ kéo dài tới mức khán giả sau khi trở về chỗ ngồi, giậm chân ầm ĩ vì sốt ruột. Tôi lấy làm kinh hãi. Khi đọc bài tường thuật một vụ án thấy một người có tấm lòng cao thượng bất chấp quyền lợi riêng tư, làm chứng để ủng hộ người vô tội, bao giờ tôi cũng áy náy người ta không tỏ rõ thiện chí và lòng biết ơn, không tưởng lệ ông đầy đủ, và vì giận hờn, ông đứng về phía bất công. Cũng giống như vậy, và đồng hóa tài năng với đức độ, tôi lo lắng Berma sẽ không biểu diễn hết mình và bất bình trước những cung cách không đẹp đẽ của một công chúng thiếu giáo dục, và ngược lại, tôi ước bà có thể hài lòng nhận ra một vài con người trứ danh và coi trọng sự đánh giá của họ. Ánh mắt khẩn khoản, tôi nhìn những kẻ thô lỗ đang giậm chân kia: trong cơn phẫn nộ, họ có thể làm tan rã cái cảm giác mỏng manh và quý giá mà tôi tới đây tìm kiếm. Rốt cuộc, những giây phút vui thích cuối cùng đến với tôi trong những

màn đầu vở *Phèdre*. Vai Phèdre chưa xuất hiện ngay lúc này, nhưng khi màn được kéo lên và một màn thứ hai bằng nhưng đỏ được vén ra hai bên, làm chiều sâu sân khấu tăng lên gấp đôi, thì từ phía sau xuất hiện một nữ nghệ sĩ, gương mặt và giọng nói giống gương mặt và giọng nói người ta vẫn bảo tôi là của Berma. Chắc hẳn người ta thay đổi các vai diễn, tất cả sự chăm chú của tôi để nghiên cứu vai vợ Thésée⁽⁴³⁾, thế là trở thành công cốc. Nhưng một nữ diễn viên khác đối thoại với người thứ nhất. Chắc hẳn tôi nhầm lẫn khi cho rằng người thứ hai là Berma: người này lại càng giống bà và có giọng nói giống hơn hẳn người thứ nhất, và lại cả hai đều đưa thêm vào vai diễn những cử chỉ cao đẹp - mà tôi phân biệt được rõ ràng và hiểu được mối quan hệ của chúng với văn bản, trong khi họ nâng tà áo đẹp để lên - và cả những âm điệu tài tình, khi thì say sưa, lúc lại hài hước, giúp tôi hiểu ra ý nghĩa một câu thơ tôi đã đọc ở nhà song không chú ý đầy đủ nội dung của nó. Nhưng bỗng nhiên khi tấm màn nhưng đỏ trên sân khấu được kéo lên thì một bóng phụ nữ xuất hiện như lồng trong khung kính. Ngay lập tức tôi sợ người ta mở cửa sổ làm Berma khó chịu, người ta vò tờ chương trình trong tay làm âm thanh tiếng nói của bà bị sai lệch, và hoan hô bè bạn bà mà không hoan hô đầy đủ chính bản thân bà, làm bà không thoải mái. Nỗi lo sợ của tôi còn lớn hơn cả nỗi lo sợ của Berma. Và từ giây phút ấy, tôi chỉ xem nhà hát, khán giả, diễn viên, vở diễn và cả bản thân hình hài tôi như một môi trường âm học chỉ có ý nghĩa quan trọng chừng nào nó thuận lợi cho âm điệu của giọng nói Berma. Thái độ của tôi còn triệt để hơn cả thái độ của bà. Thế và tôi hiểu ra rằng hai người nữ diễn viên tôi vừa chiêm ngưỡng mấy giây phút trước, không có một nét nào giống người nghệ sĩ tôi tìm tới nghe giọng hát. Nhưng đồng thời mọi hứng thú của tôi cũng tiêu tan; tôi tập trung hết trí óc, và tai mắt theo dõi Berma để khỏi bỏ lỡ một chút cơ hội nào chiêm ngưỡng bà, nhưng chỉ uống công vô ích. Cũng như đối với các diễn viên bạn bè, tôi không sao phân biệt nổi trong giọng nói và trong cách diễn của Berma những làn điệu thông minh, những cử chỉ đẹp đẽ. Tôi nghe bà hát chẳng khác nào như tôi đọc *Phèdre*, hoặc như nghe chính bản thân *Phèdre* lúc này đang nói những điều tôi nghe thấy, và tài nghệ của Berma hình như không đưa thêm gì vào trong đó hết. Tôi những muốn giữ lại thật lâu xung quanh mình mỗi làn điệu, mỗi nét mặt của người nghệ sĩ, để có thể hiểu sâu hơn, để cố tìm kiếm trong đó một cái gì đẹp đẽ. Ít ra, nhờ hoạt động trí óc và tập trung sự chú ý vào mỗi câu thơ, tôi cố gắng không bỏ sót một khoảnh khắc nào trong thời gian bà phát ra một từ, phác nên một cử chỉ để có thể hết sức đi sâu vào từng lời nói, từng cử chỉ ấy nếu có đủ thì giờ.

Nhưng thời gian ngắn ngủi biết chừng nào! Một âm thanh vừa lọt vào tai tôi thì ngay lập tức nó bị thay thế bằng một âm thanh khác. Ở một màn diễn trong khi Berma đứng im trong chốc lát, cánh tay giơ cao ngang mặt, tắm mình trong một ánh sáng màu xanh nhạt, nhờ một thủ thuật chiếu rọi, trước bối cảnh thể hiện biển cả, cả nhà hát vang lên tiếng vỗ tay, nhưng người nghệ sĩ đã thay đổi vị trí và bức tranh tôi muốn nghiên cứu không còn nữa. Nghe tôi nói trông không thấy rõ, bà tôi vội trao ống nhòm. Thế nhưng khi tin vào hiện thực sự vật mà lại dùng một phương tiện nhân tạo để nhìn thì người ta không cảm thấy hoàn toàn ở cạnh sự vật. Tôi ngỡ mình không còn nhìn thấy Berma nữa, mà chỉ là hình ảnh của bà trong mặt kính phóng to. Tôi đặt ống nhòm xuống; nhưng hình ảnh rọi vào mắt tôi, bị bé đi vì cách xa, có lẽ không còn chính xác, trong hai Berma thì Berma nào là Berma đích thực? Tôi trông chờ nhiều ở đoạn Phèdre tỏ tình với Hippolyte⁽⁴⁴⁾. Dựa vào cách biểu diễn tài tình của các nghệ sĩ bạn bà trong những màn không đẹp dễ bằng, tôi đành nhìn Berma có những âm điệu kỳ lạ hơn những âm điệu tôi ra sức tưởng tượng trong khi đọc tác phẩm ở nhà; nhưng thậm chí bà không đạt tới trình độ biểu diễn của các vai Aricie⁽⁴⁵⁾ hay Oenone⁽⁴⁶⁾, bà diễn tả đơn điệu suốt cả một đoạn dài trong đó có những sự đối lập nổi bật tới mức một diễn viên chỉ cần một chút thông minh, thậm chí một học sinh trung học, cũng không thể bỏ qua ý nghĩa của chúng; vả lại, bà nói quá nhanh nên chỉ tới câu thơ cuối cùng, đầu óc tôi mới kịp ý thức nổi sự đơn điệu cổ tình của bà trong những câu đầu.

Cuối cùng lòng chiêm ngưỡng của tôi chỉ trỗi dậy vào lúc tiếng vỗ tay của khán giả vang lên như sấm. Tôi cố sức vỗ tay kéo dài mong đáp lại thịnh tình ấy, Berma sẽ vượt lên trên bản thân bà và tôi có thể tin chắc mình đã được nghe bà hát trong ngày đẹp nhất của đời bà. Hơn nữa, điều kỳ lạ là giây phút cuồng nhiệt của công chúng cũng chính là giây phút Berma có sự sáng tạo đẹp dễ nhất. Tôi hiểu ra điều đó từ lúc ấy. Hình như một số hiện thực siêu phàm phát ra xung quanh chúng những tia sáng dễ nhạy cảm đối với số đông. Chẳng hạn, khi xảy ra một sự kiện, khi một đạo quân ngoài biên giới đang ở trong tình thế hiểm nghèo, hoặc thất trận, hoặc chiến thắng, thì những tin tức tương đối mơ hồ gây nên trong quần chúng một mối xúc động làm kinh ngạc những người có học vấn vốn không biết rút ra từ những tin tức ấy những điều quan trọng; và khi những người am hiểu nói cho biết thực trạng chiến trường thì họ mới thừa nhận sự nhận thức của dân chúng đối với “ánh hào quang” bao phủ những sự kiện lớn, cách xa hàng trăm cây số vẫn có thể nhìn thấy. Người ta nắm được tin chiến thắng, hoặc sau khi

chiến sự kết thúc, hoặc ngay lập tức qua nỗi vui mừng của người gác cổng. Cũng giống như vậy người ta phát hiện ra một nét thiên tài của Berma trong vai diễn, tám ngày sau khi xem biểu diễn, qua một bài phê bình, hoặc ngay tức thì, qua những lời hoan hô của khán giả ngồi ngay trước sân khấu. Nhưng vì sự hoan nghênh ngay tức thì của đám đông xen lẫn với hàng trăm sự hoan nghênh khác hết sức lệch lạc nên những lời hoan hô thường không chính xác, chưa kể là chúng bị kích động bởi sức mạnh của những đợt hoan hô trước kia, tựa như trong một cơn bão, một khi biển cả đã bị xáo động thì vẫn tiếp tục dâng cao dù gió bão không mạnh thêm. Nhưng chẳng sao, càng hoan hô, tôi càng cảm thấy Berma biểu diễn tốt hơn.

- Ít ra, - một người đàn bà vẻ ngoài bình thường ngồi cạnh tôi lên tiếng, - bà kia cố gắng ghê thật; bà ta chạy nhảy, bà ta tự đánh mình đến mức đau đớn; cậu nói cho tôi hay, như thế mới là biểu diễn chứ!

Tôi sung sướng hiểu ra lý do tài nghệ Berma, nhưng lòng vẫn băn khoăn lý do ấy cũng chẳng sáng tỏ hơn lý do vì sao trước bức chân dung La Foconde⁽⁴⁷⁾ hay bức tượng Persée⁽⁴⁸⁾ của Benvenuto, một bác nông dân trầm trồ:

“Quả là hoàn mỹ! Thật quý như vàng, và là vàng mười kia đấy! Đúng là một kiệt tác!”

Tôi say sưa chia sẻ niềm hoan hỉ chất phác của người nông dân. Tuy vậy, khi màn sân khấu buông xuống, tôi vừa thất vọng vì niềm hứng thú hăng biết bao ao ước chỉ có thể, vừa cảm thấy cần duy trì nó, nên ra khỏi nhà hát, tôi không muốn vĩnh viễn chia tay với cuộc sống sân khấu mình vừa sống trong mấy tiếng đồng hồ. Về tới nhà, tôi cảm thấy như phải dứt bỏ cuộc sống ấy để dần thân vào một cuộc lưu đày nếu không hy vọng biết được nhiều điều về Berma qua ông de Norpois, người chiêm ngưỡng bà và đã thuyết phục bố mẹ tôi cho tôi đi xem vở *Phèdre*.

Bố tôi gọi tôi vào phòng làm việc, giới thiệu tôi với ông de Norpois trước khi mọi người ngồi vào bữa ăn. Khi tôi bước vào, ông Đại sứ đứng dậy, chìa tay, nghiêng tấm thân cao lớn và dăm dăm nhìn tôi với đôi mắt một màu xanh trong, vào thời kỳ ông đại diện cho nước Pháp, những người khách nước ngoài được giới thiệu với ông, kể cả những ca sĩ quen thuộc, ít nhiều đều là những nhân vật có danh vọng. Ông biết sau này, khi người ta nhắc tới tên tuổi những người đó ở Paris hay ở Pétersbourg, ông có thể nói ông còn nhớ hoàn toàn cái buổi tối gặp gỡ ở Munich hay ở Sofia. Bởi vậy ông có thói quen biểu lộ thái độ niềm nở và mẫn nguyện được quen biết họ: nhưng hơn thế nữa, ông định ninh trong khi sống ở thủ đô các nước được

tiếp xúc vừa với những nhân vật quan trọng có việc đi qua, vừa với tập quán của dân chúng địa phương, mình có thể hiểu biết sâu sắc những điều không có trong sách vở về lịch sử, về địa lý, về phong tục của các dân tộc khác nhau, về trào lưu tư tưởng của châu Âu, nên đối với mỗi người mới tới, ông phát huy năng lực quan sát sắc bén để biết được ngay tức thì mình tiếp xúc với hạng người nào. Đã từ lâu Chính phủ không còn giao cho ông nhiệm vụ ở nước ngoài, nhưng hề được giới thiệu với một người nào đó là ông chăm chăm dò xét người ta chẳng khác nào như khi đang tại chức và tìm mọi cách chứng minh rằng tên tuổi vị khách không xa lạ đối với mình. Bởi thế, vừa nói chuyện với tôi một cách nhân hậu và với vẻ nghiêm trang của một con người từng trải, ông vừa không ngớt quan sát tôi với một vẻ tò mò khó chịu và vì lợi ích của riêng ông, như thể tôi là một sản phẩm ngoại lai, một công trình vĩ đại hay một tài tử nổi danh trên đường đi biểu diễn ở nước ngoài. Và bằng cách đó, đối với tôi, ông biểu lộ vừa thái độ trang trọng dễ thương của nhà hiền triết Mentor⁽⁴⁹⁾ vừa sự tò mò cần mẫn của chàng trai Anacharsis⁽⁵⁰⁾.

Ông không nói gì hết về việc giới thiệu tôi với tòa soạn Tạp chí *Hai Thê giới*, nhưng hỏi tôi một số điều về cuộc sống, về học tập, thị hiếu. Lần đầu tiên người ta bảo tôi tiếp tục theo đuổi những thị hiếu ấy là hợp lý, còn cho tới lúc bấy giờ, tôi đành phải cưỡng lại chúng. Ông không can ngăn khuynh hướng văn học của tôi. Trái lại, ông nói chuyện văn chương với thái độ trọng thị như nói về một con người đáng kính, đầy sức quyến rũ: người ta giữ kỷ niệm hết sức tốt đẹp về tao đàn của người đó ở Rome, hay ở Dresde⁽⁵¹⁾ và ân hận về sau rất ít khi có thể tìm thấy lại do hoàn cảnh cuộc sống. Nở một nụ cười hân hoan như sở sàng, ông ra vẻ ganh tị về những giờ phút êm đềm văn học sẽ mang lại cho tôi vì tôi sung sướng và tự do hơn ông. Nhưng chính những lời lẽ ông dùng, vẽ lên trước mắt tôi một nền văn học khác xa hình ảnh tôi từng hình dung về văn chương lúc ở Combray, và tôi hiểu mình có lý đến những hai lần để khước từ sự nghiệp này. Cho tới lúc bấy giờ tôi chỉ nhận thấy mình không có năng khiếu sáng tác; giờ đây ông de Norpois làm tôi không còn ham muốn viết lách gì nữa. Tôi muốn bày tỏ ước vọng với ông hồi hộp vì xúc động, tôi lo lắng không lời lẽ nào đủ sức diễn tả chân thực tình cảm của mình, những tình cảm mà tôi chưa bao giờ tìm cách thổ lộ, tôi muốn nói là những lời lẽ hết sức mập mờ. Có thể do thói quen nghề nghiệp, cũng có thể do thái độ bình tĩnh của một người quan trọng khi có người đến xin ý kiến và biết chắc mình nắm quyền chủ động

trong câu chuyện nên để mặc cho người đối thoại thấp thỏm, lo âu, ông de Norpois giữ nét mặt bất động, im lìm tựa một bức tượng cổ trong Viện Bảo tàng Điêu khắc, trong khi người ta có việc trình bày với ông. Bỗng nhiên giọng ông Đại sứ vang lên trong lời đáp tựa tiếng búa của người chỉ huy cuộc đấu bán giá hay lời sấm truyền ở Delphes⁽⁵²⁾, giọng nói của ông gây ấn tượng mạnh mẽ, nét mặt ông không mấy may khiến người ta nghi ngờ mình đã gây cho ông cảm giác gì và ông sẽ phát biểu ý kiến như thế nào.

- Quả là, - ông đột ngột nói với tôi như thể sự việc đã được quyết định và sau khi để tôi ập úng mấy lời trước cặp mắt bất động chăm chăm nhìn tôi, - ông bạn tôi có một cậu con trai cũng như cậu (và nói về khuynh hướng chung của hai đứa chúng tôi, ông dùng giọng chắc nịch như thế đấy không phải là những khuynh hướng đối với văn chương chữ nghĩa mà là đối với bệnh thấp khớp chẳng hạn, và như thế ông muốn chứng minh với tôi rằng người ta không chết vì cái đó đâu). Cậu ta rời bỏ con đường ngoại giao mà ông bố đã vạch sẵn, và không đếm xỉa tới dư luận, bắt tay vào sáng tác văn học. Dĩ nhiên cậu ta không phải ân hận gì hết. Trước đây hai năm - dĩ nhiên cậu ta lớn tuổi hơn cậu - cậu ta công bố một tác phẩm viết về quan niệm đối với cái Vô biên của những con người ở bờ phía Tây hồ Victoria - Nyanda⁽⁵³⁾, và năm nay lại cho ra đời một cuốn sách nhỏ không quan trọng bằng nhưng viết với một ngòi bút linh hoạt, thậm chí có những đoạn đanh thép, về loại súng liên thanh của quân đội Bulgarie, cả hai tác phẩm khiến cậu ta trở thành con người không ai sánh kịp. Cậu ta đã đi một quãng đường tốt đẹp và quyết không dừng bước. Tôi biết rõ ở Viện Hàn lâm Nhân sinh học và Chính trị học, trong những buổi trò chuyện, người ta có nhắc tới tên tuổi cậu ta hai ba-lần với thái độ thiện cảm, tuy chưa đặt ra vấn đề ứng cử vào Viện. Tóm lại, giờ đây, chưa thể nói cậu ta đã chiếm địa vị cao sang, nhưng bằng một cuộc đấu tranh tận lực, cậu ta giành được một chỗ đứng khá vững vàng và sự thành đạt đã tưởng lệ nỗ lực của cậu ta; thành đạt có phải bao giờ cũng chỉ đến với những kẻ hiếu động, những kẻ hay làm rối việc, những kẻ khoác lác đâu.

Thấy chỉ vài năm sau tôi đã có thể trở thành viện sĩ, bố tôi tỏ vẻ hoan hỉ đến tột độ khi ông de Norpois trao cho tôi tấm danh thiếp sau một phút lưỡng lự như thể đang tính toán hậu quả hành vi của ông, rồi bảo tôi:

- Cậu thay mặt tôi đến gặp ông ấy, ông có thể có những lời khuyên bổ ích cho cậu.

Mấy lời của ông làm tôi xao xuyến đến đau đớn chẳng khác nào khi người ta báo tin ngày mai tôi phải làm một thủy thủ phụ trên một con tàu buồm.

Léonie, cô tôi, cho tôi hưởng quyền thừa kế gần như toàn bộ tiền mặt của bà cùng với nhiều đồ vật và đồ gỗ khá công kênh, tỏ rõ sau khi qua đời lòng thương yêu đối với tôi mà tôi không hề nghi ngờ lúc sinh thời bà. Là người quản lý tài sản ấy cho tới tuổi thành niên của tôi, bố tôi hỏi ý kiến ông de Norpois về việc bỏ vốn đầu tư. Ông khuyên nên mua chứng khoán lãi suất thấp mà ông cho là đặc biệt chắc chắn, nhất là Công trái hợp nhất của Anh và công trái bốn phần trăm của Nga.

- Với những chứng khoán bậc nhất ấy, - ông de Norpois bảo, - tuy lãi suất không thật cao, nhưng ít ra ông cũng được bảo đảm vốn đầu tư không bao giờ bị sụt giá.

Bố tôi nói đại thể với ông là mình đã mua những gì. Ông de Norpois thoáng một nụ cười khen ngợi: cũng như mọi nhà tư bản, ông cho tài sản là thứ đáng thèm khát, nhưng lại nghĩ là chỉ nên ngợi khen bằng một cử chỉ thông cảm kín đáo khi đụng tới tài sản của ai đó; vả lại, là người cực kỳ giàu có, ông thấy nên tỏ thái độ xem của cải ít ỏi của người khác như những khoản tài sản đồ sộ, tuy ông nghĩ một cách khoái trá về của cải to lớn của mình. Ngược lại, ông không ngần ngại ca ngợi bố tôi về “Cách cấu tạo” chứng khoán của gia đình theo một “thị hiếu rất vững vàng, rất tinh tế”. Có thể nói ông quy cho các mối quan hệ giữa các giá trị chứng khoán với nhau và cho bản thân các giá trị ấy một cái gì đó như là một phẩm chất mỹ học. Khi bố tôi nói với ông về một chứng khoán khá mới và tưởng chừng chưa ai biết, ông de Norpois liền bảo với một nụ cười say sưa trên môi như người nhớ lại mình vừa đọc một cuốn tiểu thuyết đăng tải trên tạp chí:

- Ô, có chứ! Trong một thời gian, tôi đã làm cái trò theo dõi chứng khoán ấy ở Biểu giá hối đoái, khá thú vị đấy.

Nét mặt ông trông chẳng khác anh chàng vừa đọc một cuốn sách anh ta định ninh chỉ riêng một mình mình biết.

- Tôi không can ông mua đợt công trái sắp sửa phát hành đâu, - ông nói tiếp.

- Thú vị đấy, giá chứng khoán rất hấp dẫn.

Trái lại, đối với một số chứng phiếu cũ, bố tôi không còn nhớ chính xác danh hiệu nữa vì chúng dễ lẫn lộn với danh hiệu những cổ phần tương tự, nên mở ngăn kéo và đưa cho ông Đại sứ xem tận mắt. Tôi say sưa ngắm nhìn chúng; chúng được trang trí bằng những cái chòm tháp nhà thờ và những biểu tượng như trong một vài tác phẩm lãng mạn xưa mà trước đây

tôi đã đọc lướt qua. Tất cả những gì ra đời trong cùng một thời kỳ đều giống nhau; các nghệ sĩ minh họa cho thơ ca một thời đại cũng chính là những người được các công ty tài chính thuê làm việc, và muốn làm người ta nghĩ tới một số đoạn trong cuốn *Nhà thờ Đức bà Paris*⁽⁵⁴⁾ hay trong tác phẩm của Gérard de Narval, như chúng được trưng bày phía trước cửa hiệu tạp hóa ở Combray, thì không có gì tốt hơn một cổ phần định danh của Công ty vận tải đường sông đóng khung trong một hình chữ nhật có vẽ hoa đặt trên tượng Thủy thần.

Bố tôi coi thường loại trí tuệ như của tôi nhưng vẫn tỏ lòng âu yếm nên rất cuộc đối với mọi hành vi của tôi, ông có thái độ rộng lượng mù quáng. Bởi thế ông không ngần ngại bảo tôi đi lục một bài thơ văn xuôi tôi làm ngày trước ở Combray sau một buổi dạo chơi trở về. Tôi sáng tác bài thơ ấy với một niềm mê say mà tôi nghĩ là nó phải truyền sang cho những ai đọc thơ. Nhưng nó không làm ông de Norpois rung động vì ông trả lại tôi bài thơ, không nói nửa lời.

Trân trọng công việc của bố tôi, mẹ tôi bước tới, rụt rè hỏi ông đã có thể dọn ăn chưa. Bà sợ làm gián đoạn một buổi nói chuyện mà bà không có quyền dính dáng vào. Và quả vậy, bố tôi luôn luôn nhắc lại với ông hầu tước một biện pháp bổ ích nào đó mà hai người đã quyết định bảo vệ ở kỳ họp sắp tới của Hội đồng; ông nhắc lại với thứ giọng đặc biệt của hai người bạn đồng nghiệp trong một môi trường xa lạ với môi trường Hội đồng - và do vậy hai người dường như là hai cậu học sinh trung học. Thói quen nghề nghiệp tạo nên cho người bạn đồng nghiệp ấy những kỷ niệm chung mà những người khác không thể thâm nhập, bởi thế hai ông xin thứ lỗi khi phải nhắc tới trước mặt họ.

Nhưng các cơ bắp trên gương mặt ông de Norpois không hề động đậy: ông vẫn lắng tai nhưng có vẻ như không nghe thấy gì hết. Rồi cuộc bố tôi tỏ vẻ bối rối:

- Tôi đã nghĩ tới việc xin ý kiến Hội đồng... - Ông nói với de Norpois sau những lời mở đầu dài dòng.

Nét mặt nhà kỳ tài quý tộc de Norpois im lìm chẳng khác gương mặt người nhạc công đang chờ đến lượt mình vào cuộc.

Nhưng ông bỗng lên tiếng, giọng đều đều, với thanh bỗng nhưng âm sắc thay đổi, để kết thúc câu nói bỏ dở của bố tôi:

- Mà dĩ nhiên ông sẽ không ngần ngại triệu tập, nhất là vì các thành viên Hội đồng đều quen tiếng ông và có thể dễ dàng tới dự.

Đương nhiên tự thân những lời ấy không có gì thật đặc biệt. Nhưng thái độ im lặng trước đó làm nó nổi bật hết sức rõ rệt, tựa cái bất ngờ hầu như nghịch ngợm trong những nốt nhạc mà chiếc piano lặng im cho tới lúc bấy giờ dùng đúng chỗ để đáp lại cây violoncello người ta vừa được nghe, trong một bản concerto của Mozart.

- Này con, buổi biểu diễn ngày ấy có làm con hài lòng không? - Bố tôi hỏi trong khi mọi người ngồi vào bàn ăn, nhằm đề cao giá trị của tôi vì nhiệt tình của tôi sẽ được ông de Norpois ca ngợi.

- Cháu vừa đi xem Berma biểu diễn về, ông còn nhớ là chúng ta có trao đổi với nhau về việc đó. - Bố tôi quay về phía nhà ngoại giao và nói với thứ giọng gợi ý như khi nhắc tới những vấn đề chuyên môn và bí mật của một kỳ họp Hội đồng.

- Chắc hẳn cậu hoan hỉ lắm, nhất là vì đi xem lần đầu. - Ông de Norpois bảo tôi. - Cha cậu lo ngại lắm về ảnh hưởng của cái trò tiêu khiển bất thường ấy đối với sức khỏe của cậu, vì cậu có phần ẻo lả, yếu đuối, có phải thế không nào? Nhưng tôi đã nói cho ông cụ yên tâm. Nhà hát ngày nay không còn như trước đây hai mươi năm nữa. Có ghế ngồi thoải mái và một bầu không khí đối mới tuy chúng ta còn phải phấn đấu nhiều để bắt kịp Đức hay Anh: về phương diện này cũng như về nhiều phương diện khác, họ vượt xa chúng ta. Tôi chưa được xem bà Berma trong vở *Phèdre*, nhưng có nghe nói bà tỏ ra xuất sắc trong vai diễn. Và cậu đã thật sự hoan hỉ, dĩ nhiên là thế, phải không nào?

Nghìn lần thông minh hơn tôi, chắc hẳn ông de Norpois nắm được sự thật ấy mà bản thân tôi không rút ra được từ vai diễn của Berma; ông sẽ nói cho tôi rõ. Trả lời câu hỏi của ông, tôi sẽ yêu cầu ông nói cho biết sự thật ấy ra sao, và như vậy ông sẽ giải thích được vì sao tôi tha thiết xem người nữ nghệ sĩ biểu diễn. Tôi chỉ có một thoáng thời gian, phải lợi dụng nó và phải hỏi ông những điểm chủ yếu. Nhưng đó là những điểm nào? Tập trung toàn bộ sự chú ý vào những cảm tưởng hết sức mơ hồ của mình, và không hề nghĩ tới việc làm cho ông de Norpois ngợi khen, mà chỉ mong làm sao ông nói ra sự thật mình mong chờ, tôi không tìm cách thay thế những lời lẽ tìm không ra bằng những từ ngữ có sẵn, nếu ập a ập ứng; và cuối cùng, cố sức

khích động ông nói lên những gì tốt đẹp về Berma, tôi tuyên bố hoàn toàn thất vọng.

- Nhưng vì sao, - bố tôi kêu toáng lên, buồn bực nghĩ lời tôi thú nhận không hiểu biết gì hết có thể gây ấn tượng tai hại đối với ông de Norpois, - vì sao con có thể nói con không thích thú gì hết? Bà nội có bảo là con không bỏ sót một lời nào của Berma, mắt không bỏ sót một cử chỉ, và trong nhà hát chỉ có một mình con là như thế kia mà!

- Vâng, con hết sức lắng nghe để xem bà Berma có gì thật đặc biệt không. Dĩ nhiên bà ấy tuyệt vời...

- Nếu bà ấy tuyệt vời, thì con cần gì hơn?

- Một trong những cái góp phần chắc chắn vào thành công của bà Berma, - ông de Norpois nói xen vào trong lúc chăm chú quay về phía mẹ tôi nhằm khỏi để bà đứng ngoài cuộc, và làm tròn bốn phận một người có lẽ độ đối với một bà chủ nhà, - đó là việc bà ấy chọn vai với một phong thái tuyệt vời mang lại thắng lợi chắc chắn và chính đáng, ít khi bà chọn những vai diễn tầm thường. Ông thấy đấy, bà ấy xông vào nhận vai Phèdre, và lại, phong thái ấy, bà mang vào cả trong trang phục, trong cách biểu diễn. Tuy bà thành công ở Anh và Mỹ, những cái tầm thường, tôi không muốn nói là của John Bull⁽⁵⁵⁾ - vì như thế là bất công ít ra đối với nước Anh dưới triều Victoria⁽⁵⁶⁾, mà là của chú Sam⁽⁵⁷⁾ vẫn không có ảnh hưởng gì đối với bà. Ở Berma không bao giờ có những màu sắc quá sặc sỡ, những tiếng la hét quá âm ỉ. Và lại, giọng hát tuyệt vời rất thích hợp với bà và bà sử dụng đến độ mê ly, như một nhạc sĩ thiên tài!

Niềm hứng thú của tôi đối với các thủ vai của Berma không ngừng tăng lên sau buổi biểu diễn vì nó không còn chịu sức ép và những giới hạn của hiện thực; nhưng tôi cảm thấy cần lý giải nó; hơn nữa, trong lúc Berma biểu diễn, niềm hứng thú ấy được duy trì không suy suyển đối với tất cả những gì xảy ra trước mắt và bên tai tôi, không một chút chia cách, phân biệt. Bởi thế tôi muốn tìm ra một lý do xác đáng cho niềm hứng thú ấy trong những lời ngợi khen đối với phong cách giản dị và thị hiếu thanh nhã của người nữ nghệ sĩ; với khả năng đồng hóa, nó cuốn hút những thứ đó về mình, chiếm đoạt lấy chúng chẳng khác nào anh chàng say rượu cao hứng tưởng như là của chính mình những hành vi của người ngồi bên cạnh trong khi chúng gây cho hẳn những nỗi niềm xúc động.

“Quả là như thế - tôi nghĩ bụng, giọng hát mê li biết chừng nào, không hề có lấy một tiếng la hét, trang phục giản dị xiết bao, chọn vở *Phèdre* để

biểu diễn thì quả là thông minh! Không, mình không hề thất vọng”.

Món tuyết thịt bò với cà rốt được dọn lên, người đầu bếp tài hoa của chúng tôi đặt nó trên một lớp nước thịt đông lại thành những tinh thể to tướng tựa những khối thạch anh trong suốt.

- Thưa bà, - ông de Norpois lên tiếng, - bà có một người đầu bếp hạng nhất. Không phải chuyện thường đâu. Là người quan tâm tới cách sinh hoạt gia đình trong khi ở nước ngoài, tôi hiểu người ta thường gặp phải biết bao khó khăn khi muốn tìm một người đầu bếp hoàn hảo. Thật là ông bà cho tôi dự cả một bữa tiệc đấy.

Và quả vậy, thiết tha mong muốn thành công trong một bữa tiệc ăn tối chiêu đãi một vị khách quý với những món ăn cầu kỳ khó nấu, xứng với tài nghệ của bà, Françoise ra sức cố gắng và lấy lại phong cách tuyệt vời của mình như khi còn ở Combray - sau này, khi chỉ còn một mình gia đình chúng tôi, bà không còn cố gắng như thế nữa.

- Không thể có như thế này được ở tiệm ăn, tôi muốn nói là ở những tiệm ăn hảo hạng, - ông de Norpois nói tiếp: thịt bò hầm như mà tuyết không có mùi keo dán, và thịt phẳng phất mùi cà rốt, quả là tuyệt vời! Cho phép tôi dùng tiếp, - ông vừa nói vừa ra hiệu tỏ ý muốn tiếp tục ăn tuyết thịt! - Bây giờ tôi muốn thử tài anh chàng Vatel⁽⁵⁸⁾ của ông bà với một món khác, tôi muốn thử tài anh ta với món thịt bò nấu theo kiểu Nga chẳng hạn.

Cũng muốn góp thêm phần riêng của mình vào không khí vui vẻ của bữa ăn tối, ông de Norpois kể với chúng tôi khá nhiều chuyện mà ông vẫn thường “chiêu đãi” các bạn đồng nghiệp trong ngành ngoại giao: ông viện dẫn khi thì một câu nói lố bịch đầu cửa miệng của một chính khách làm cho chuyện trở nên dài dòng, đây rấy những hình ảnh đầu Ngô mình Sở, khi thì một công thức ngắn gọn của một nhà ngoại giao thích những lời văn chương, hoa mỹ. Nhưng quả thật là cái tiêu chuẩn mà ông ta cho là phân biệt hai kiểu lời nói ấy không giống chút nào tiêu chuẩn tôi áp dụng cho văn học. Nhiều sắc thái, tôi không nắm được; những từ ngữ ông vừa kể ra vừa cười rộ, tôi thấy không có gì khác lắm những từ ngữ mà tôi cho là xuất sắc. Ông thuộc loại người sẵn sàng nói về những tác phẩm tôi yêu thích theo kiểu:

- Thế thì cậu hiểu chứ? Tôi, tôi thú thật tôi không hiểu, tôi chưa được học!

Nhưng tôi có thể ăn miếng trả miếng, tôi không nắm được sự tinh tế hay ngây ngô, vẻ hùng biện hay khoa trương mà ông tìm thấy trong một câu đối đáp hay một bài diễn văn; và không thấy một lý do xác đáng nào để chỉ ra cái này thì xấu, cái kia thì tốt nên tôi thấy thứ văn học ấy đối với

mình càng bí hiểm hơn, càng tăm tối hơn bất kỳ một thứ văn học nào khác. Tôi chỉ hiểu ra rằng về mặt chính trị, nhắc lại những gì mà mọi người đều suy nghĩ, không phải là một dấu hiệu của thấp kém hay cao siêu. Khi ông de Norpois sử dụng một số từ ngữ nhan nhản trên mặt báo và nhấn mạnh chúng, thì người ta cảm thấy chúng trở thành hành động chỉ vì chúng được ông sử dụng, và là một hành động khiến người ta phải bàn luận.

Mẹ tôi đặt nhiều kỳ vọng vào món xà lách dưa và nấm cục. Nhưng sau khi đắm đắm nhìn món ăn với ánh mắt của nhà quan sát, ông Đại sứ bắt đầu dùng nó với vẻ im lìm kín đáo của nhà ngoại giao, không hé môi cho biết ý nghĩ của ông thế nào. Mẹ tôi khẩn khoản mời ông dùng thêm và ông làm theo, nhưng thay đổi vì lời ngợi khen mẹ tôi mong chờ, ông chỉ nói gọn:

- Thưa bà, tôi xin vâng lời bà vì đó là mệnh lệnh.

Chúng tôi đọc báo thấy nói ngài được bệ kiến lâu vua Théodose, bố tôi nói với ông Đại sứ.

- Quả vậy, nhà vua có cái tài nhớ mặt hiểm thấy. Thấy tôi trong dàn nhạc, Ngài nhớ là tôi đã được vinh dự bệ kiến Ngài nhiều ngày liền ở triều đình Bavière⁽⁵⁹⁾ trong khi Ngài không nghĩ tới ngai vàng của mình ở phương Đông (ông biết là Ngài được mời dự một Đại hội châu Âu, và Ngài rất phân vân không xứng với chủng tộc của mình, chủng tộc cao quý nhất trong toàn châu Âu, nếu nói về mặt quốc huy). Một sĩ quan hầu cận tới bảo tôi đến chào Hoàng thượng và dĩ nhiên tôi sốt sắng làm theo.

- Ông có hài lòng về kết quả cuộc viếng thăm của nhà vua không?

- Hết sức mãn nguyện! Có thể hình dung một đôi điều đáng lo ngại về cung cách một quốc vương còn rất trẻ tuổi dường ấy thoát ra khỏi một bước đường cực kỳ khó khăn, nhất là trong tình thế rắc rối hiện nay. Về phần mình, tôi hoàn toàn tin tưởng ý thức chính trị của nhà vua. Nhưng tôi thú thật là kết quả vượt quá hy vọng của mình. Lời chào mừng Ngài đọc ở Điện Élysée và theo những nguồn tin phát ra từ tổ chức hoàn toàn có thẩm quyền, do tự tay Ngài soạn thảo từ đầu đến cuối, lời chào mừng ấy hoàn toàn xứng đáng với mối quan tâm nó khơi dậy khắp nơi. Thực sự là hành vi bậc thầy, tôi rất muốn nói là có phần táo bạo, nhưng là một sự táo bạo mà cuối cùng tình thế đã biện minh một cách đầy đủ. Dĩ nhiên truyền thống ngoại giao có mặt tốt, nhưng trong trường hợp cụ thể này, chúng từng khiến hai đất nước sống trong bầu không khí đóng kín thật sự khó thở. Chao ôi! Có một cách thay đổi không khí, dĩ nhiên là cái cách mà người ta không thể khuyến dụ, nhưng vua Théodose thì có thể cho phép mình, cái cách ấy là làm toáng lên. Và Ngài đã làm như vậy với vẻ mặt vui

về khiến mọi người hoan hỉ, và cũng với những lời lẽ chính xác của một vị quốc vương trí tuệ uyên thâm. Hiển nhiên là khi nói về những “sự tương hợp” gắn bó nước Ngài với nước Pháp, lối diễn đạt của Ngài đặc biệt thú vị dù ít khi được dùng trong từ vựng ngoại giao. Cậu thấy rõ là văn học không hề gây tác hại, dù trong hoạt động đối ngoại, dù đối với ngài vàng, - ông Đại sứ quay về phía tôi nói thêm. – Người ta nhận ra điều đó từ lâu, tôi muốn như thế lắm, và quan hệ giữa hai đất nước đã trở nên rất tốt đẹp. Nhưng vẫn cứ phải nhắc lại. Người ta mong chờ cái từ cần thiết, nó đã được tuyển chọn một cách tuyệt vời, ông đã thấy nó mang lại kết quả ra sao rồi, - ông Đại sứ nói tiếp với bố tôi. – Về phần mình, tôi hoan hô cả hai tay.

- Ông de Vaugoubert, bạn ông, chắc chắn hài lòng. Ông ấy từng chuẩn bị cho việc hai nước dịch lại gần nhau từ lâu.

- Đúng thế, nhất là vì vốn biết rõ tình hình ấy, Hoàng thượng muốn dành cho ông bạn tôi một sự ngạc nhiên. Và lại, đó là một sự ngạc nhiên hoàn toàn đối với mọi, bắt đầu là ngài Bộ trưởng Ngoại giao. Theo dư luận tôi được biết, ông ta không thú vị gì về việc này. Giá có ai đã động tới, chắc hẳn ông ta sẽ nói dứt khoát và cao giọng cho mọi người bên cạnh nghe: “Tôi không được hỏi ý kiến, và cũng không được báo trước”, và qua đó tuyên bố rõ ràng là ông hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Phải thú nhận là nó gây một dư luận khá ồn ào và tôi không dám khẳng định, - ông nói thêm với một nụ cười láu lỉnh trên môi, - những ông bạn đồng nghiệp nào của tôi vốn lấy quy tắc nỗ lực Vaugoubert, thì ông biết là ông ta bị công kích dữ dội về chính sách thân thiện với nước Pháp, và việc đó càng làm ông ta đau khổ vì là một con người nhạy cảm, một trái tim tao nhã. Tôi có thể xác minh điều đó một cách rõ ràng nhất là vì tôi giao tiếp khá nhiều với ông ấy mặc dù ông ấy ít tuổi hơn tôi nhiều - chúng tôi là chỗ bạn bè lâu ngày và tôi biết rõ ông ấy. Và lại, ai mà chẳng biết ông ấy? Tâm hồn ông ấy sáng như pha lê. Thậm chí đó là nhược điểm duy nhất người ta có thể trách cứ ông: trái tim một nhà ngoại giao không cần phải trong suốt như trái tim ông ấy. Thế nhưng không phải vì vậy mà người ta không nghĩ tới chuyện cử ông sang Rome, đây là một bước thăng quan tiến chức chẳng ra sao, nhưng lại là một món béo bở. Nói riêng giữa chúng ta với nhau, tôi nghĩ dù không hề nuôi tham vọng, Vaugoubert chắc hẳn sẽ hài lòng và không mấy may yêu cầu người ta miễn cho mình “ly rượu đắng” ấy. Có lẽ ông sẽ lập nên kỳ tích, ông nằm trong danh sách những người được chọn vào Consulta⁽⁶⁰⁾; về phần mình, tôi cho rằng dù rất nghệ sĩ, ông vẫn thật sự xứng đáng trong

lâu đài Farnese⁽⁶¹⁾ và nhà triển lãm của anh em Carraches⁽⁶²⁾. Hình như ít ra cũng không một ai có thể thù ghét ông; nhưng xung quanh vua Théodose có cả một bè lũ ít nhiều lệ thuộc vào Wilhemstrasse⁽⁶³⁾ vốn tìm mọi cách gây nhiều cản trở cho ông và được bọn chúng ngoan ngoãn nghe theo lời khuyên nhủ. Vaugoubert không những phải đối phó với những âm mưu ngoài hành lang, mà còn với cả những lời nhục mạ của những tên bồi bút; hèn nhát như mọi tay “nhà báo” viết thuê, sau này, chúng sẽ là những kẻ đầu tiên xin hàng, nhưng trong lúc chờ đợi, chúng không ngần ngại tung ra chống lại vị đại diện của chúng ta những lời tố cáo ngu xuẩn của những tên vô lại. Ròng rã hơn một tháng trời, kẻ thù của Vaugoubert không ngừng nhẩy nhót xung quanh ông “điều nhẩy chiến thắng của người da đỏ”, - ông de Norpois nhấn mạnh mấy từ cuối cùng này. - Nhưng biết trước thì có thể đề phòng: ông đã kịch liệt phản đối những lời nhục mạ ấy, - ông Đại sứ nói thêm một cách kiên quyết hơn và với một ánh mắt dữ dội tới mức chúng tôi ngừng ăn một lúc.

- Phương ngôn Ả-rập có câu: “Mặc cho chó sủa, đoàn người cứ đi qua”.

Sau khi viện dẫn câu phương ngôn, ông de Norpois ngừng lời và nhìn chúng tôi xem nó có tác động ra sao. Quả là tác động rất lớn; chúng tôi từng biết câu phương ngôn ấy: đối với những con người dũng cảm, nó đã thay thế câu: “Ai gieo gió thì sẽ gặt bão”, vì câu sau này không có sức sống dai dẳng như câu: “Lao động cho vua Phở”⁽⁶⁴⁾. Tri thức của những con người vĩ đại ấy luôn luôn được đổi mới, thường là ba năm một lần. Dĩ nhiên những câu viện dẫn thuộc loại này mà ông de Norpois rất sành điệu xuyên những bài báo viết trên tờ Tạp chí *Hai Thế giới*, tuyệt nhiên không cần thiết để làm cho chúng vững chắc và có đầy đủ cơ sở thông tin. Dù có thiếu đi sự hoa mỹ của những lời viện dẫn chẳng nữa, thì cũng chỉ cần ông de Norpois viết vào thời điểm thích hợp là đủ. Và ông sẵn sàng viết đại loại:

“Dù Nội các Saint-James⁽⁶⁵⁾ không phải là nội các cuối cùng cảm thấy đại họa”, hoặc:

“Người ta xúc động mãnh liệt ở Pont-aux-Chantres⁽⁶⁶⁾, nơi họ theo dõi với ánh mắt lo sợ đường lối vị kỷ nhưng khôn khéo của nền quân chủ lưỡng hệ”, hoặc:

“Một tiếng kêu báo động phát ra từ Montecitorio”⁽⁶⁷⁾, hoặc nữa:

“Cái trò chơi hai mặt cổ hữu ấy đúng là cung cách của Ballplatz”⁽⁶⁸⁾. Qua những lời lẽ ấy, độc giả ngoài cuộc cũng nhận ra ngay và ca ngợi nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Nhưng điều khiến người ta cho rằng ông ấy còn hơn thế kia, rằng ông có một trình độ văn hóa siêu phàm, chính là cách sử dụng xác đáng những lời viện dẫn mà mô hình hoàn chỉnh lúc bấy giờ là: “Anh hãy có đường lối chính trị tốt đối với tôi thì tôi cũng có chính sách tài chính tốt đối với anh, như nam tước Louis⁽⁶⁹⁾ vẫn thường nói”. (Thời ấy người ta chưa du nhập của phương Đông câu: “Trong hai địch thủ thì Chiến thắng thuộc về người biết chịu đựng hơn người kia mười lăm phút, như lời người Nhật vẫn nói”). Danh vọng của nhà đại trí thức, kết hợp với tài năng thi thố những thủ đoạn nguy trang dưới vẻ bề ngoài lãnh đạm đã đưa ông de Norpois vào Viện Hàn lâm Nhân sinh học và Chính trị học. Và thậm chí một vài người cho là ở Viện Hàn lâm Văn chương Pháp sẽ chẳng có gì là không thỏa đáng nếu một hôm nào đó, để chỉ ra rằng chính bằng cách thắt chặt mối liên minh với Nga mà chúng ta có thể đi tới một sự thỏa thuận với Anh, ông không ngần ngại viết:

“Người ta phải biết rõ điều đó ở Bộ Ngoại giao Pháp, từ nay người ta phải đưa điều đó vào tất cả các sách giáo khoa về địa lý chưa viết đầy đủ về mặt này, người ta phải đánh hỏng không thương tiếc ở kỳ thi tú tài mọi thí sinh không biết nói rằng: Nấu mọi con đường đều dẫn tới Rome, thì trái lại, con đường chạy từ Paris đến Londres nhất thiết phải đi qua Pétersbourg”.

- Rốt cuộc, - ông de Norpois quay về phía bố tôi nói tiếp, - về mặt này, Vaugoubert đã thắng lợi rực rỡ, quá cả lòng mong ước. Quả vậy, ông chỉ chờ mong một diễn văn chúc mừng đúng đắn (sau tình hình u ám những năm qua, như thế là đã khá tốt đẹp rồi), chứ ít không dám kỳ vọng nhiều hơn. Nhiều người có mặt hôm đó cam đoan với tôi người ta không thể hình dung nổi ấn tượng do lời chào mừng ấy gây nên; nhưng nó được nhà vua đọc lên và phân tích chi tiết một cách tuyệt vời: Ngài vốn là bậc thầy về nghệ thuật hùng biện và lúc cần thì nhấn mạnh mọi ý đồ, mọi điều khúc mắc. Người ta kể với tôi một sự kiện khá ý vị làm nổi bật một lần nữa ở vua Théodose thái độ thiện chí năng động có khả năng chinh phục mọi tấm lòng. Người ta khẳng định là đúng vào lúc nghe cái từ “những sự tương hợp” - một sáng tạo lớn trong bài diễn văn sẽ gây nên nhiều cuộc bàn luận của các sứ quán như ông sẽ thấy - Hoàng thượng quay nửa người về phía Vaugoubert và dăm dăm nhìn ông với ánh mắt của dòng họ Ottingen⁽⁷⁰⁾ vốn làm xúc động lòng người, nhắc lại cái từ “những sự

tương hợp” được lựa chọn rất khéo và là cả một sự khám phá ấy với giọng nói tỏ rõ cho mọi người biết nó đã được sử dụng có ý thức và trong lúc nắm chắc tình hình. Nhà vua biết trước nỗi vui mừng của ngài Đại sứ chúng ta, người sắp được hưởng kết quả chính đáng của những nỗ lực, có thể nói là những ước mơ, tóm lại, sắp đạt tới tột đỉnh vinh quang trong sự nghiệp. Hình như Vaugoubert không giấu nổi xúc động và, trong một chừng mực nhất định, tôi thu nhận là tôi thông cảm với ông. Thậm chí một người hoàn toàn đáng tin cậy rỉ tai bảo tôi trong một buổi họp mặt, nhà vua bước tới gần Vaugoubert sau bữa ăn tối và hỏi nhỏ ông:

- Ông có hài lòng về người học trò của mình không, ông hầu tước thân mến?

Ông de Norpois kết luận:

- Chắc chắn là một điện chào mừng như vậy có tác dụng hơn hai mươi năm thương thuyết để thắt chặt hơn nữa “những sự tương hợp” giữa hai đất nước theo lối nói hoa mỹ của vua Théodose II. Ông cho đó chỉ là một cái từ cũng được, nhưng ông thấy đấy, nó mang lại biết bao nhiêu hiệu quả như toàn bộ báo chí châu Âu không ngớt nhắc đi nhắc lại, nó khơi biết chừng nào. Và lại Ngài thật đường bệ trong cốt cách nhà vua. Tôi không cường điệu tới mức nói ngày nào Ngài cũng tìm ra những lời vàng ngọc như thế nhưng ít khi trong diễn văn và trong lối trò chuyện hoạt bát thường ngày, Ngài không để lại dấu ấn – thậm chí tôi muốn nói là không in đậm bút tích⁽⁷¹⁾ – bằng một từ sắc bén. Tôi không thiên vị trong vấn đề này đâu vì tôi chống lại mọi sự “sáng tạo” kiểu đó. Chúng hết sức nguy hiểm.

- Vâng, - bố tôi lên tiếng, - tôi nghĩ là bức điện mới đây của hoàng đế nước Đức không hợp khẩu vị của ông.

Ông de Norpois ngược mắt lên trời, vẻ mặt như thể muốn nói: A! Bức điện ấy!

- Trước hết đó là một hành vi vong ân bội nghĩa. Nó còn tệ hơn một trọng tội, nó là một hành vi trái đạo lý và đại dột, tôi muốn nói là đại dột một cách phi thường! Hơn nữa, nếu không có ai ngăn cản thì kẻ từng xua đuổi Bismarck rất có thể dần dà thủ tiêu toàn bộ đường lối Bismarck, và lúc đó không biết tình hình sẽ đi tới đâu.

- Thưa Ngài, - mẹ tôi lên tiếng, - nhà tôi cho tôi biết có thể Ngài sẽ kéo ông ấy đi theo sang Tây Ban Nha vào một mùa hè nào đó. Tôi hết sức vui mừng cho ông ấy.

- Vâng, đấy là một dự định hoàn toàn thú vị và tôi vô cùng hoan hỉ. Tôi rất

muốn tiến hành cùng ông cuộc du lịch ấy, ông bạn thân mến ạ, - ông de Norpois bảo bố tôi rồi quay sang nói với mẹ tôi: Còn bà, thưa bà, bà đã nghĩ tới việc sử dụng những ngày hè như thế nào chưa?

- Có lẽ tôi sẽ cùng đi Balbec với con trai chúng tôi, hiện tôi cũng chưa rõ.

- A! Balbec thú vị lắm, mấy năm trước đây, tôi đã đi qua đấy. Người ta bắt đầu xây dựng những ngôi biệt thự rất xinh xắn: tôi tin là bà sẽ hài lòng. Nhưng bà có cho phép tôi hỏi vì sao bà chọn Balbec được không?

- Con trai tôi háo hức muốn thăm một vài ngôi nhà thờ, đặc biệt là nhà thờ Balbec. Tôi e ngại những nổi vất vả đường trường và nhất là những ngày lưu trú đối với sức khỏe của cháu. Nhưng tôi được biết người ta vừa xây dựng một khách sạn tuyệt vời và cháu có thể sống trong những điều kiện đầy đủ tiện nghi đối với sức khỏe của nó.

- A! Tôi phải cung cấp cái tin này cho một người muốn biết tình hình ấy.

- Nhà thờ Balbec đáng chiêm ngưỡng lắm phải không, thưa ông? - Tôi hỏi trong lúc cố kìm nén nỗi buồn vì thấy cái hấp dẫn của Balbec chỉ là ở những ngôi biệt thự duyên dáng.

- Không, nhà thờ Balbec không tồi, nhưng thực ra nó không sánh kịp các ngôi nhà thờ Rems⁽⁷²⁾, Chartres⁽⁷³⁾ trông chẳng khác những vật trang sức khắc chạm đích thực, và theo thị hiếu của riêng tôi, ngôi Sainte-Chapelet, hòn ngọc của những hòn ngọc.

- Nhưng nhà thờ Balbec có phần theo kiến trúc latin phải không ạ?

- Quả vậy, nó được xây dựng theo phong cách latin, vốn tự bản thân nó đã cực kỳ lạnh lùng và không hề tiên báo vẻ thanh nhã, sự phóng khoáng của các nhà kiến trúc gothic; người ta trau chuốt những tảng đá như trau chuốt đăngten. Nhà thờ Balbec đáng được khách du lịch đến thăm viếng mỗi khi tới đất nước này, nó khá kỳ thú; gặp hôm trời mưa không biết làm gì, thì cậu có thể vào đấy, cậu sẽ gặp ngôi mộ Tourville⁽⁷⁴⁾.

- Hôm qua ông có dự tiệc ở Bộ Ngoại giao không? - Bố tôi hỏi. - Tôi bận không tới được.

- Không, - ông de Norpois đáp, một nụ cười trên môi, - tôi xin thú thật là tôi bỏ bữa tiệc ấy vì một buổi dạ hội có hơi khác. Tôi ăn tối ở nhà một người đàn bà mà có lẽ ông đã từng nghe nói tới, bà Swann xinh đẹp ấy mà.

Mẹ tôi kìm lại một thoáng rung mình, vì nhạy cảm hơn bố tôi, bà lo lắng cho ông cái điều mà một lát sau, ông mới cảm thấy khó chịu. Thoạt tiên, những điều bức bối đến với mẹ tôi giống như những tin tức không tốt lành về nước Pháp mà người nước ngoài biết sớm hơn chúng ta⁽⁷⁵⁾. Nhưng

muốn biết gia đình Swann có thể tiếp loại người nào, bà hỏi ông de Norpois đã gặp những ai ở đấy.

- Lạy Chúa... đấy là một ngôi nhà mà tôi thấy hình như khách khứa chủ yếu là... các đấng nam nhi. Một vài ông đã có gia đình nhưng tối hôm ấy, vợ họ đau ốm và không tới, - ông Đại sứ đáp, vẻ vừa tinh tế vừa chất phác, ánh mắt dịu dàng và kín đáo làm nổi bật một cách khôn khéo nghịch ngợm trên gương mặt tuy làm ra bộ muốn kìm chế.

- Để được công bằng, - ông nói tiếp, - tôi xin thưa là có các bà tới đấy, nhưng ... họ thuộc... - nói thế nào nhỉ? - đám người Cộng hòa hơn là chỗ quen thân Swann (ông phát âm thành Swann). Ai mà biết được? Một ngày nào đó ngôi nhà ấy có thể là một khách thánh chính trị hay văn học. Vả lại, hình như các ông ấy muốn như vậy. Tôi thấy thậm chí Swann có phần tỏ ra quá hài lòng. Ông ta kể tên những người mà hai vợ chồng ông được mời tới nhà trong tuần lễ sau, với một thái độ có phần

huênh hoang và thậm chí thiếu lịch thiệp, tuy những người đó chẳng có gì đáng kiêu hãnh cả. Tôi kinh ngạc về thái độ của ông ấy vốn là một người hết sức tinh tế. Ông ta nhắc đi nhắc lại:

- Chúng tôi không có lấy một buổi tối rảnh nào; như thể là một vinh quang, và với thái độ một kẻ hãnh tiến thực sự, mặc dù ông ta không hề là người như thế. Swann có nhiều bạn trai, và cả bạn gái nữa. Tôi không muốn dính dáng quá sâu vào và cũng không muốn tỏ ra tọc mạch, nhưng vẫn nghĩ là có thể nói rằng tuy không phải tất cả, cũng không phải số đông, nhưng ít ra là một người bạn gái của ông ta và là một vị phu nhân khá danh tiếng ra chiều muốn làm quen bà Swann; nếu quả vậy thì chắc không ít “con cừu Panurge”⁽⁷⁶⁾ sẽ làm theo. Nhưng hình như Swann thì không muốn, vì sao? Lại thêm một chiếc putđinh⁽⁷⁷⁾ theo kiểu Nesselrode⁽⁷⁸⁾! Đối với tôi đi nghỉ mấy hôm ở Carlsbad⁽⁷⁹⁾ như vậy. Phải chăng Swann cảm thấy có quá nhiều trở lực phải vượt qua? Điều chắc chắn là cuộc hôn nhân đã làm ông ta thú vị. Người ta có nói tới gia sản của bà vợ, đó là chuyện bày đặt. Dầu sao, tất cả cái đó chẳng lấy gì làm thích thú. Và lại, Swann có một bà cô cực kỳ giàu có và hết sức điềm tĩnh: đứng về mặt tài chính mà nói, ông chồng bà là cả một quyền lực. Chẳng những bà không chịu tiếp bà Swann mà còn vận động bạn bè và người quen làm theo mình. Tôi không muốn nói là không một người dân Paris có giáo dục nào lại không kính trọng bà Swann... Không! Trăm lần không! Hơn nữa ông chồng là người sẵn sàng nhận lời thách thức. Dầu sao cũng có một điều kỳ lạ là vì sao Swann tỏ ra hết sức sốt sắng đối với một đám người cực kỳ ô hợp trong lúc ông ta quen biết bao nhiêu người mà lại rất là những người trong giới thượng lưu nữa kia chứ! Là người từng biết ông ta từ xưa, tôi phải thú nhận là tôi vừa ngạc nhiên vừa thú vị thấy một con người có giáo dục đến thế, lịch lãm đến thế vốn sống giữa những đám người hết sức chọn lọc, lại sốt sắng cảm ơn viên chánh văn phòng ông Bộ trưởng Bưu điện khi ông này đến nhà và hỏi liệu bà Swann có thể tự cho phép mình tới gặp bà vợ ông ta không. Chắc hẳn Swann cảm thấy bối rối, vì dĩ nhiên không còn là thế giới quen thuộc nữa. Nhưng tôi không nghĩ là ông ta đau khổ. Quả là trong những năm trước ngày kết hôn, có những thủ đoạn cường bức khá xấu xa của bà vợ; mỗi khi ông khước từ bà ta một điều gì đó là bà ta không cho ông gặp con gái. Tinh tế nhưng cũng ngây thơ Swann đành nhìn sự vắng mặt của con gái chỉ là một sự ngẫu nhiên và không muốn tìm hiểu sự thật. Bà ta còn liên tục quấy nhiễu Swann khiến ai ai cũng nghĩ sau khi

kết hôn, không còn gì có thể kìm hãm bà ta nữa, và cuộc sống của hai vợ chồng sẽ là một cảnh địa ngục. Chao ôi! Tình hình đã xảy ra hoàn toàn ngược lại. Người ta cười cợt nhiều cái cung cách Swann nói về bà vợ và không ngớt chế giễu ông ta. Dĩ nhiên người ta không đòi hỏi ông - người ít nhiều biết mình là... (các bạn đều biết cái từ ấy của Molière⁽⁸⁰⁾) - phải tuyên bố như vậy khắp thiên hạ; tuy vậy người ta vẫn thấy ông cường điệu khi cho vợ mình là người tuyệt vời. Tuy vậy đó không phải là một điều sai lầm như người ta tưởng. Theo cung cách của ông ta, cái cung cách mà không phải ông chồng nào cũng ưa thích, thì không thể chối cãi được là hình như bà ta có yêu thương chồng (nhưng xét cho cùng, chúng ta nói riêng với nhau thôi, khó có thể Swann không biết rõ tình hình: ông ta đâu phải là một thằng ngốc và từ lâu còn lạ gì bà ta. Tôi không nói là bà ta không nông nổi, và chính bản thân Swann cũng không kém phần nhẹ dạ cả tin như người ta đồn đại. Nhưng bà ta biết ơn đối với những gì ông chồng đã làm cho mình, và trái ngược với những nỗi lo ngại của thiên hạ, bà ta hình như trở nên dịu hiền như một thiên thần.

Sự thay đổi ấy có lẽ không đến nỗi quá kỳ lạ như ông de Norpois tưởng. Odette không ngờ cuối cùng Swann cưới mình; mỗi khi cố tình nói cho ông biết một người đàn ông tử tế nào đó vừa kết hôn với tình nhân, bà ta chỉ gặp một sự im lặng lạnh lùng, và nếu trực tiếp hỏi:

“Thế anh không thấy làm như vậy đối với người đàn bà đã hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình, là một hành vi rất tốt, rất đẹp hay sao?” thì nhiều lần cũng chỉ nghe ông đáp gọn lỏn:

“Nhưng anh có bảo em như thế là không tốt đâu. Mỗi người hành động tùy theo ý mình”.

Thậm chí bà ta sẵn sàng tin chồng có thể dứt khoát bỏ rơi mình như ông ấy vẫn bảo trong những cơn giận dữ vì bà ta vừa nghe một nhà điêu khắc nữ nói: “có thể chờ đợi mọi sự ở đàn ông, họ cực kỳ gian xảo thôi mà”; và có ấn tượng sâu xa về tính chất thâm thúy của câu châm ngôn bí quan ấy, bà ta nhớ lấy nhập tâm, rồi không ngớt nhắc đi nhắc lại với vẻ mặt chán ngán như thế khi muốn nói:

“Dẫu sao, không có gì là không thể xảy ra, hoàn cảnh của tôi rất có thể là như vậy”.

Một câu châm ngôn lạc quan đã từng chỉ đạo Odette cho tới lúc bấy giờ trong cuộc sống.

“Có thể làm gì cũng được đối với những gã đàn ông yêu mình, họ cực kỳ ngu ngốc”.

Nó hiện lên trên nét mặt bà ta qua cái nháy mắt đối với những lời lẽ như: “Đừng sợ, hãnh không làm gì được đâu!”

Nhưng bây giờ câu châm ngôn ấy đã mất hết giá trị. Odette có một người bạn gái chung sống với chồng một thời gian ngắn hơn thời gian Odette sống với Swann, không có con, hiện nay tương đối được trọng vọng và được mời dự vũ hội ở Điện Élysée. Bà ta buồn bã về những suy nghĩ của bà bạn về thái độ Swann. Một người sâu sắc hơn ông de Norpois ắt hẳn có thể cho rằng chính cái cảm giác xấu hổ vì cho mình thấp kém làm Odette trở nên khó tính khó nết; đấy không phải là bản chất bà ta, không phải là một tai họa vô phương cứu chữa. Người đó dễ dàng tiên đoán là một chế độ mới, chế độ cộng đồng tài sản của hai vợ chồng, sẽ chấm dứt nhanh chóng hầu như bằng phép màu những sự kiện đau lòng xảy ra hàng ngày nhưng tuyệt nhiên không cơ bản ấy. Hầu như mọi người đều kinh ngạc về vụ hôn nhân này, nhưng chính đó lại là điều đáng kinh ngạc. Dĩ nhiên không mấy người hiểu được tính hoàn toàn chủ quan của hiện tượng tình yêu và những gì mới lạ ở một người thứ hai nếu người ấy không cùng mang dòng họ mình và những nét tính cách chủ yếu của bản thân mình. Bởi thế không mấy ai cho là tự nhiên những gì khác thường của một người mình không nhìn thấy tận mắt. Tuy nhiên nếu Odette chưa bao giờ hiểu đầy đủ trí tuệ của Swann thì ít ra cũng nắm được tất cả chức tước và toàn bộ chi tiết các công trình của ông chồng và tên tuổi Ver Meer⁽⁸¹⁾) cũng trở nên quen thuộc đối với bà ta. Odette biết tận chân tơ kẽ tóc những nét tính cách của Swann mà mọi người đều không biết hoặc chỉ muốn che giấu. Chỉ một người tình, một cô em gái mới hình dung nổi những nét thân yêu tương tự. Ai ai cũng thiết tha gắn bó với những nét tính cách của mình, kể cả những nét mình muốn sửa chữa hơn cả; và những mối quan hệ lâu đời sẽ phảng phất một chút gì dịu ngọt và sức mạnh của tình thân gia đình nếu chung quy có một người đàn bà quen giấu cột những nét tính cách ấy với thái độ khoan dung và thân ái, chẳng khác nào thói quen của bản thân chúng ta và của những người thân trong gia đình. Quan hệ gắn bó chúng ta với một con người trở nên thiêng liêng khi người đó đứng trên cùng một quan điểm với ta để đánh giá khuyết tật của bản thân ta. Trong số những nét đặc biệt của Swann, tuy có những nét thuộc về cả trí tuệ lẫn tính cách nhưng vì đều bắt nguồn từ tính cách nên Odette dễ dàng nhận ra. Bà ta phàn nàn những nét đặc biệt ấy không lộ rõ trong văn chương hay các công trình nghiên cứu của Swann như trong thư từ và trong những câu chuyện thường ngày. Bà ta khuyên chồng để tâm viết về chúng: đó là những nét Swann đặc trưng bà ta

muốn tìm thấy trong văn chương Swann. Cũng có thể bà ta nghĩ khi rốt cuộc những trang sách sống động mang lại thắng lợi cho chồng khi đồng thời cũng cho phép mình biến thành hiện thực, điều bà ta thiết tha ao ước mỗi lúc có mặt ở gia đình Verdurin; bà ta luôn luôn ấp ủ trở thành nữ chủ nhân một thính phòng.

Trong số những người cho loại hôn nhân trên đây là lối bịch, những người luôn luôn day dứt: “Ông de Guermantes sẽ nghĩ thế nào, Bréauté sẽ nói gì khi ta kết hôn với tiểu thư de Montmorency?”⁽⁸²⁾, trong số những người có cái lối lý tưởng xã hội ấy, hai mươi năm về trước, có thể có cả bản thân Swann, một Swann từng xiết bao vất vả để được nhận vào Câu lạc bộ Jockey và toan tính thực hiện một cuộc hôn nhân để trở thành một trong những con người trứ danh nhất ở Paris trong lúc củng cố địa vị của mình. Chỉ có điều là cũng như mọi hình ảnh khác, muốn khỏi phai nhạt và hoàn toàn lụi tàn, những hình ảnh về một cuộc hôn nhân như vậy đối với người trong cuộc cần được nuôi dưỡng từ bên ngoài. Ước mơ tha thiết nhất của người ta là làm nhục được kẻ đã xúc phạm mình. Nhưng nếu không còn bao giờ nghe nói tới tên tuổi người đó nữa vì hắn đã thay đổi xứ sở, thì rốt cuộc kẻ thù ấy cũng không còn mấy may quan trọng. Nếu suốt hai mươi năm anh không còn gặp một ai trong số những người mà vì họ anh muốn vào Câu lạc bộ Jockey hay vào Viện Hàn lâm, thì viễn cảnh trở thành thành viên của hai tổ chức ấy cũng sẽ không còn mấy may sức cuốn hút. Thế và cũng như mọi sự đầu hàng, mọi bệnh tật, mọi sự cải giáo, một mối quan hệ kéo dài bao giờ cũng đem những hình ảnh mới thay thế những hình ảnh cũ. Khi kết hôn với Odette, không phải tự bản thân Swann từ bỏ tham vọng đối với xã hội phù hoa vì từ lâu Odette đã tách ông ra khỏi những tham vọng ấy - hiểu theo ý nghĩ tinh thần của từ này. Và lại càng tách ra khỏi chúng thì ông chỉ càng đáng ca ngợi hơn. Nếu thông thường những cuộc hôn nhân gây tai tiếng để được mọi người đánh giá cao hơn cả là vì chúng đòi hỏi sự hy sinh một hoàn cảnh ít nhiều đáng kiêu hãnh để đổi lấy một cảnh êm ấm hoàn toàn riêng tư. Mặt khác, dẫu sao Swann cũng cảm thấy một niềm khoái lạc nhất định, nếu không phải với tư cách kẻ đồi trụy thì cũng với danh nghĩa người nghệ sĩ. Dẫu sao Swann cũng cảm thấy một niềm khoái lạc nhất định khi kết hôn với một con người khác chủng tộc trong một sự lai tạp giống nòi theo kiểu học thuyết Mendel⁽⁸³⁾ hoặc như người ta kể trong các câu chuyện huyền thoại, dù người ấy là một nữ vương hầu hay một cô gái làng lơ, dù cuộc hôn nhân ấy thật sự “vương giả” hay không

môn đăng hộ đối. Trong thiên hạ chỉ có một người ông ta hằng quan tâm mỗi khi nghĩ tới khả năng kết hôn với Odette, người đó là nữ công tước de Guermantes, và như thế không phải vì thời thượng. Trái lại, Odette ít băn khoăn về bà công tước và nghĩ tới những người có vị trí trực tiếp ở trên mình hơn là tới những người quyền quý đến thế. Nhưng trong những giờ phút mơ màng cuộc hôn nhân với Odette, Swann không ngớt hình dung cái khoảnh khắc đưa vợ và nhất là con gái tới nhà quận chúa de Laumes, nay mai sẽ trở thành nữ công tước de Guermantes sau khi ông bố chồng qua đời. Ông không muốn giới thiệu họ ở chỗ khác, nhưng xúc động khi tưởng tượng ra những điều bà công tước nói về ông ta với Odette, và những điều Odette nói với bà de Guermantes; ông tưởng tượng thái độ âu yếm nuông chiều của bà công tước đối với Gilberte, và lấy làm kiêu hãnh về con gái mình. Ông tự hình dung ra quang cảnh giới thiệu với một độ chính xác đến từng chi tiết chẳng khác nào người ta tính toán sẽ sử dụng ra sao, nếu trúng thưởng, số tiền thưởng họ tự ấn định lấy một cách vô đoán. Nếu có thể nói một hình ảnh xuất hiện sau khi chúng ta đã đi đến một quyết định nhưng lại là nguyên nhân dẫn tới quyết định ấy, thì cũng có thể nói với Swann kết hôn với Odette là vì muốn giới thiệu bà ta và Gilberte với nữ công tước de Guermantes trong lúc vắng mặt mọi người và sau đó, không cho một ai biết, nếu cần. Chúng ta sẽ thấy ông ta ấp ủ cho vợ và con gái một tham vọng phù hoa duy nhất nhưng nó không thành hiện thực vì một lời phủ định tuyệt đối tới mức đến lúc chết, Swann vẫn không thể hình dung bà công tước có bao giờ biết tới vợ con mình không. Chúng ta cũng sẽ thấy là ngược lại, sau khi Swann qua đời, nữ công tước de Guermantes có quan hệ thân thiết với Odette và Gilberte. Là người coi trọng cả những việc nhỏ nhặt, ông ta tỏ ra khôn ngoan trong khi không có những ý nghĩ âm thầm về tương lai trong vấn đề này và vẫn hy vọng cuộc gặp mặt mong ước rất có thể diễn ra về sau tuy mình không còn sống nữa để mừng vui. Công việc nghiên cứu quan hệ nhân quả rất cuộc bao giờ cũng dẫn tới hầu hết những kết quả có thể đạt được, và do vậy cả những kết quả tưởng chừng ít có thể xảy ra nhất, công việc ấy thường đã diễn ra chậm chạp lại càng thêm chậm chạp vì bị cản trở do chính người ta muốn thúc đẩy nó, thậm chí vì chính bản thân cuộc sống chúng ta. Nó chỉ đạt tới đích khi chúng ta không còn ham muốn gì nữa, và có khi không còn muốn sống nữa. Phải chăng Swann không biết điều đó qua kinh nghiệm bản thân? Phải chăng khi còn sống, ông ta đã không dự cảm như một niềm hạnh phúc mai sau cuộc hôn nhân với Odette mà ông ta từng say đắm tuy buổi đầu không ưa thích và đã cười

làm vợ khi không còn yêu thương, khi con người trong Swann vốn từng mong ước thiết tha nhưng cũng từng thất vọng cay đắng không được sống suốt đời với Odette, con người ấy đã trở thành người thiên cổ?

Tôi bắt đầu nói về bá tước de Paris, hỏi ông ta có phải là bạn Swann không, vì sợ buổi nói chuyện không nhắc nhở gì tới Swann nữa.

- Quả là có, - ông de Norpois vừa đáp vừa dăm dăm nhìn tôi với đôi mắt màu xanh sáng ngời một năng lực làm việc dồi dào và một đầu óc nắm bắt nhạy bén sự vật, - và lạy Chúa! - ông quay sang bố tôi nói tiếp,

- tôi không nghĩ là vượt quá giới hạn lòng tôn kính mà tôi luôn luôn biểu lộ với Hoàng thân de Paris nếu kể với ông sự kiện khá thú vị này chỉ trước đây không đến bốn năm, tại một nhà ga xe lửa nhỏ ở một nước Trung Âu, Hoàng thân có dịp trông thấy bà Swann. Dĩ nhiên không một người thân cận nào dám mạnh dạn hỏi Ngài đã gặp bà ấy như thế nào. Hỏi như thế là không đích đáng. Nhưng nếu tình cờ tên bà ấy xuất hiện trong buổi nói chuyện thì qua một vài dấu hiệu có thể nói là hết sức nhỏ nhoi nhưng không thể đánh lừa ai, Hoàng thân hình như sẵn sàng cho mọi người ta hiểu rằng cảm tưởng của Ngài không hề là một cảm tưởng không tốt đẹp.

- Nhưng không thể có khả năng giới thiệu bà ấy với bá tước de Paris hay sao? - Bố tôi hỏi.

- Úi dà! Với các ông hoàng thì biết thế nào được, - ông de Norpois đáp; - hễ đụng tới việc tưởng lệ những tấm lòng gắn bó thủy chung là những người dửng cảm nhất, những người biết đều đời ơn trả nghĩa hơn ai hết, đôi khi lại là người ít quan tâm nhất đến những lời phán xét dù hết sức xác đáng của công luận. Thế là bá tước de Paris bao giờ cũng rất hào hiệp đối với sự tận tâm của Swann vốn là một anh chàng rất mực thông minh.

- Thế còn cảm tưởng của Ngài thì thế nào, thưa ngài Đại sứ, - mẹ tôi hỏi vì phép lịch sự và cũng vì tò mò.

- Cảm tưởng của tôi hoàn toàn tốt đẹp, - ông de Norpois đáp với thái độ dứt khoát của con người từng trải, trái ngược với lời lẽ diềm đạm thường ngày.

Và biết rõ trong khi trò chuyện người ta muốn được nghe những lời thú nhận vui vẻ về những cảm xúc mãnh liệt do một người đàn bà gây ra, ông bật lên một tiếng cười khẽ kéo dài một lát, làm ước đôi mắt màu xanh và làm phập phồng hai cánh mũi lẫn tan những đường gân màu đỏ của nhà hoạt động ngoại giao ngày trước.

- Bà ấy diềm lệ tuyệt vời!

- Một nhà văn tên là Bergotte cùng dự bữa ăn tối ấy phải không thưa ông? -

Tôi rụt rè hỏi để cố duy trì buổi nói chuyện về gia đình Swann.

- Phải, Bergotte có mặt ở đấy. - Ông de Norpois vừa đáp vừa lịch sự nghiêng đầu về phía tôi như thể vì muốn tỏ ra thân tình, ông thực sự coi trọng tất cả những gì dính dáng tới bố tôi, thậm chí coi trọng cả những câu hỏi của tôi, một anh chàng nhỏ thó chưa hề được những người ở lớp tuổi ông đối xử lịch sự bao giờ. - Thế cậu có biết ông ấy hả? - Ông vừa hỏi thêm vừa dăm dăm nhìn tôi với ánh mắt trong sáng mà Bismarck từng khâm phục vẻ thông tuệ.

- Con trai tôi không được biết nhưng rất ca ngợi ông ấy, - mẹ tôi đỡ lời,

- Lạy Chúa, - ông de Norpois nói, - tôi không tán thành quan điểm ấy.

Bergotte, theo tôi, chỉ là một tay chơi sáo, tuy phải thừa nhận ông ta chơi khá hào hứng dù rất kiểu cách. Nhưng xét cho cùng, chỉ có thể thôi, và vì vậy chẳng có gì là ghê gớm cả. Chẳng bao giờ tìm thấy trong các

tác phẩm yếu ớt⁽⁸⁴⁾ của ông ta cái có thể gọi là “bộ sườn nhà”. Không có hành động, hoặc rất ít hành động, nhưng nhất là không có tác dụng gì hết. Sách ông ta thiếu sót ở cái nền hay nói đúng hơn không hề có nền. (Những mối nghi ngờ về khả năng trí tuệ thường giày vò tôi, nhưng ông Đại sứ gây cho tôi những mối nghi ngờ còn nghiêm trọng hơn nhiều khi ông đánh giá rất thấp tất cả những gì tôi cho là cao quý nhất trên đời và vượt lên trên bản thân tôi hàng ngàn vạn lần). Trong thời đại này, - ông nói tiếp, - khi cuộc sống ngày một thêm phức tạp hầu như không còn cho người ta có đủ thì giờ đọc sách, khi bản đồ châu Âu trải qua những sự biến đổi sâu xa và chuẩn bị đón nhận những sự đổi thay có lẽ còn lớn hơn, khi biết bao vấn đề mới và đang uy hiếp người ta được đặt ra khắp mọi nơi, thì cậu hẳn đồng ý tới tôi rằng người ta có quyền đòi hỏi nhà văn phải là một cái gì khác, chứ không phải chỉ là một người có học vấn đưa người ta vào những cuộc tranh cãi vô bổ về những giá trị hoàn toàn mang tính hình thức; rằng bất kỳ lúc nào chúng ta cũng có thể bị hai làn sóng những kẻ Man rợ xâm lấn, ở cả ngoài nước lẫn trong nước. Tôi biết nói như vậy là phỉ báng cái “Trường phái Chí tôn” mà các ngài ấy gọi là Nghệ thuật vị nghệ thuật; nhưng ở thời đại chúng ta, có những nhiệm vụ cấp bách hơn việc sắp xếp chữ nghĩa cho hay ho. Nhiệm vụ của Bergotte đôi khi khá hấp dẫn, nhưng xét cho cùng, tất cả cái đó thật mỏng manh, nhỏ bé, thật yếu ớt. Giờ đây, qua thái độ khâm phục quá mức của cậu đối với Bergotte, tôi hiểu rõ hơn mấy dòng chữ cậu vừa cho tôi xem lúc nãy và tôi có thể có thái độ không thỏa đáng nếu tôi chấp nhận những dòng viết nguệch ngoạc của trẻ nhỏ (quả tôi có nói như vậy nhưng không tin lời mình nói một chút nào), cần khoan dung đối với mọi

lỗi lầm và nhất là đối với lỗi lầm của tuổi trẻ. Xét cho cùng, không chỉ riêng mình cậu mà những người khác cũng đều băn khoăn về những lỗi lầm kiểu đó, và cậu không phải là người duy nhất có lúc tưởng mình là thi sĩ. Nhưng qua những dòng chữ cậu cho tôi xem, chúng ta thấy rõ ảnh hưởng không lấy gì làm tốt đẹp của Bergotte. Dĩ nhiên tôi sẽ không làm cậu ngạc nhiên nếu cho rằng ở đây không thể hiện một chút tài năng nào cả của ông ta vì ông ta vốn được coi là bậc thầy về nghệ thuật phong cách tuy là hoàn toàn hình thức, thứ nghệ thuật mà ở vào tuổi cậu, cậu không thể mảy may có được. Nhưng lo sắp đặt chữ nghĩa cho thật kêu rồi sau đó mới lo tới nội dung là phạm sai lầm, là làm điều trái ngược, là đặt cái cày trước con trâu⁽⁸⁵⁾. Thậm chí trong tác phẩm của Bergotte tất cả những cái rườm rà về hình thức, những cái tinh tế kiểu trí thức suy tàn, tôi đều thấy vô bổ. Trước một vài nét kỹ xảo của một nhà văn, có người vội vã cho là kiệt tác. Kiệt tác đâu có sẵn đến thế! Trong các công trình của Bergotte, trong hành trang của ông ta - nếu tôi có thể nói như vậy, không có một cuốn tiểu thuyết nào phảng phất một nguồn cảm hứng cao đẹp hết. Tôi không thấy có một cuốn nào như vậy trong suốt sự nghiệp ông ta. Tuy vậy ở ông ta, tác phẩm vẫn cực kỳ cao hơn tác giả. A! Ông ta là kẻ biện hộ cho người có học vấn khăng khăng cho rằng người ta chỉ phải biết nhà văn qua tác phẩm. Không thể nào tìm thấy một kẻ tương xứng với tác phẩm của mình như ông ta, và kiêu xa hơn, làm ra vẻ long trọng hơn, đồng thời cũng ít thanh nhã hơn ông ta. Lúc này thì tỏ ra tầm thường, lúc khác lại nói với người ta như một cuốn sách, và thậm chí không phải như một cuốn sách của ông ta, mà như một cuốn sách chán ngấy - sách của ông ta ít ra không đến nỗi thế, Bergotte là con người như vậy đấy. Ông ta có đầu óc hết sức cầu kỳ, lộn xộn, cha ông chúng ta vẫn gọi là đầu óc của kẻ bẻm mép⁽⁸⁶⁾, và những điều ông ta nói ra càng thêm khó chịu vì cái cách nói năng. Tôi không rõ Leménie⁽⁸⁷⁾ hay Sainte-Beuve⁽⁸⁸⁾ kể rằng Vigny cũng làm người ta ngán vì sự lộn xộn ấy. Nhưng Bergotte chưa bao giờ sáng tác *Mồng Năm tháng Ba*⁽⁸⁹⁾ cũng như cái dấu son⁽⁹⁰⁾ mà một số trang là những đoạn văn tuyệt tác. Sững sờ trước những lời nhận xét của ông de Norpois về đoạn văn tôi vừa đưa ông đọc, mặt khác, nghĩ tới những khó khăn tôi cảm thấy khi muốn viết một tập tiểu luận hoặc chỉ muốn có những suy ngẫm nghiêm túc, một lần nữa, tôi nhận ra mình hoàn toàn dốt nát và không phải sinh ra để làm chuyện văn chương. Chắc hẳn ngày trước, ở Combray, khi có một vài cảm

tưởng nhỏ nhoi hay khi đọc Bergotte, tôi rơi vào một trạng thái mơ màng mà tôi ngỡ là có giá trị lớn. Những bài thơ văn xuôi của tôi phản ánh trạng thái ấy: cái mà tôi cho là đẹp dễ đó bị ảo ảnh phỉnh phờ, chắc hẳn ông de Norpois đã khám phá ra ngay lập tức vì ngài Đại sứ không thể bị lừa gạt. Trái lại, ông vừa nói cho tôi biết vị trí của tôi nhỏ bé biết chừng nào (khi tôi bị đánh giá từ bên ngoài, một cách khách quan, bởi một người am hiểu thật sự có thiện chí và thông minh). Tôi cảm thấy mình nhỏ bé và thất vọng; và trí óc tôi như một chất lỏng mà dung lượng chỉ là dung lượng của chiếc bình đựng nó, cũng như trước kia nó đã phình ra để chứa đựng những khả năng mênh mông của “thiên tài” nhưng giờ đây bị thu hẹp lại; nó hoàn toàn nằm gọn trong cái tầm thường nhỏ bé mà bỗng nhiên ông de Norpois nhốt chặt và thu hẹp nó vào trong đó.

- Đối với cả Bergotte lẫn tôi, - ông de Norpois quay sang phía bố tôi nói tiếp, - cuộc gặp mặt vừa qua thật là gay cấn (xét cho cùng thì đó cũng là một tình huống khó khăn). Trước đây vài năm, Bergotte đi du lịch ở Vienne⁽⁹¹⁾, trong khi tôi làm đại sứ tại đấy; được quận chúa de Metternich⁽⁹²⁾ giới thiệu, ông ta đến ghi tên và ngỏ ý muốn được làm khách mời. Là người đại diện cho nước Pháp ở nước ngoài, tôi có thể làm ngơ về dư luận không mấy tốt đẹp tôi nắm được về đời tư vì dấu sao tác phẩm của ông ta có mang lại vinh dự cho đất nước trong một phạm vi nhất định - phải nói là một phạm vi rất nhỏ bé, cho được chính xác. Nhưng ông ta không đi du lịch một mình và hơn nữa lại muốn nhất thiết phải được mời cùng với người bạn gái đi theo. Tôi nghĩ mình không phải là kẻ rụt rè hơn những người khác trước nữ giới; vả lại, là người độc thân, tôi có thể mở cửa sứ quán rộng hơn chút ít khác với trường hợp mình đã lập gia đình. Tuy nhiên tôi phải thú thật rằng nếu hành vi ông ta quá xấu xa thì tôi không thể chấp nhận, nhất là nếu nó lại càng tởm lợm vì giọng lưỡi đạo đức, phải nói rõ là giọng lưỡi dạy đời của Bergotte trong các tác phẩm trong đó chỉ rất những lời phân tích thường xuyên về những sự tự vấn lương tâm xót xa, về những nỗi ân hận bệnh hoạn, và đối với một chút sai lầm cũng làm trò thuyết giáo trong lúc ông ta tỏ ra hết sức vô lương tâm và vô liêm sỉ trong đời tư. Tóm lại, tôi không đáp ứng nguyện vọng của ông ta; bà quận chúa lại tiếp tục can thiệp nhưng vẫn không kết quả. Vì vậy tôi nghĩ ông ta chẳng thích thú gì tôi và không rõ ông ta đánh giá tới mức nào ý đồ của Swann mời cả hai chúng tôi cùng một lúc. Trừ phi chính

ông ta yêu cầu. Không thể biết điều đó được, vì thực ra ông ta là một người có bệnh, và thậm chí đó là lý do duy nhất để có thể tha thứ.

- Thế người con gái, con bà Swann, có mặt trong bữa ăn tối không, thưa ông? - Tôi hỏi ông de Norpois vào lúc mọi người bước sang phòng khách để có thể dễ dàng che giấu xúc động hơn là khi đã ngồi im lìm, giữa luồng ánh sáng rực rỡ ở bàn ăn.

Ông de Norpois hình như phải lục ký ức trong chốc lát.

- Có, một cô gái mười bốn, mười lăm tuổi phải không? Quả vậy, tôi nhớ là trước bữa ăn tối, cô bé được giới thiệu là con gái bà chủ. Tôi chỉ gặp chốc lát vì cô đi ngủ sớm. Hoặc đến nhà các bạn gái, tôi không nhớ thật rõ.

Nhưng tôi thấy cậu biết thật kỹ gia đình Swann rồi đấy.

- Cháu chơi với tiểu thư Swann ở Vườn hoa Élysée, cô ấy hết sức dịu dàng.

- À! Ra thế đấy! Thế đấy! Quả là tôi thấy cô bé rất dễ thương. Nhưng tôi phải thú thật với cậu là tôi có ý nghĩ cô ấy không bao giờ tới bên mẹ, nếu tôi có thể nói điều đó mà không làm tổn thương một tình cảm thật sự mãnh liệt của cậu.

- Cháu ưa gương mặt tiểu thư Swann, nhưng cũng hết sức chiêm ngưỡng bà mẹ cô ấy, cháu đi dạo ở rừng Boulogne chỉ với hy vọng trông thấy bà ấy đi qua.

- A! Tôi sẽ nói điều đó với họ, chắc họ sẽ lấy làm kiêu hãnh lắm.

Trong khoảnh khắc, ông de Norpois không thoát khỏi trạng thái của tất cả những người nghe tôi nói về Swann như về một người có trí tuệ, nói về bố mẹ ông như về những người mãi biện chứng khoán đáng kính, nói về gia tộc ông ta như về một gia tộc cao sang. Họ đều nghĩ tôi cũng sẵn sàng nói như vậy về một người đàn ông khác không kém thông minh, về những người mãi biện chứng khoán khác không kém đáng kính, về một gia tộc không kém cao sang. Đúng là lúc này một người đầu óc lạnh mạnh đang chuyện trò với một thằng điên nhưng chưa hiểu là nó điên. Ông de Norpois biết không có gì tự nhiên hơn niềm hứng thú ngắm nhìn những người đàn bà nhan sắc và sẽ tỏ ra là người có giáo dục khi nghe ai đó sôi nổi nói về một người đẹp, thì làm như thể tin hẳn say mê người đẹp ấy, đùa vui với hân và hứa hẹn sẽ giúp đỡ hân thực hiện ý đồ. Nhưng trong lúc bảo ông sẽ nói về tôi với hai mẹ con Gilberte (khiến bản thân tôi có thể thâm nhập, vô hình, vào phòng khách bà Swann như một vị thần núi Olympe⁽⁹³⁾ dưới dạng một luồng sinh khí thoảng qua, hay đúng hơn dưới dạng thần Minerve⁽⁹⁴⁾ trong vai một ông già, và thu hút sự chú ý của bà, khiến bà chỉ

nghĩ về tôi, biết ơn tôi về sự chiêm ngưỡng đối với bà, được bà xem như người bạn của một nhân vật quan trọng, từ nay đáng được bà mời tới nhà và sống trong tình thân mật với gia đình bà); và trong lúc nói như thế, con người quan trọng sắp sửa sử dụng uy tín lớn của mình đối với bà Swann để biện hộ giúp tôi, con người ấy bỗng làm nảy sinh trong tôi một niềm yêu thương dào dạt tới mức tôi phải kìm mình để khỏi hôn đôi bàn tay dịu dàng, trắng muốt và nhăn nheo của ông như thể vừa ngâm lâu trong nước. Hầu như tôi đã phác qua cái cử chỉ định hôn ấy mà tôi nghĩ chỉ có riêng mình nhận ra... Quả thật, mỗi một người chúng ta khó có thể ước lượng chính xác người khác hiểu tới mức nào lời lẽ hay động tác của mình; sợ tự mình cường điệu quá đáng tầm quan trọng của chính mình, và trong lúc phóng đại phạm vi mở rộng những kỷ niệm của người khác trong đời họ, chúng ta tưởng những bộ phận không cốt yếu trong lời lẽ, trong thái độ của mình hầu như thâm nhập vào ý thức, và do vậy lại càng không tồn tại trong ký ức của người đối thoại. Bọn tội phạm thường tuân theo một gia đình kiểu đó khi phản cung và nghĩ người ta không thể đối chiếu lời phản cung ấy với bất kỳ một lời cung khai nào trước đây. Người viết tiểu thuyết đăng tải trên báo thì cho rằng mọi sự đều có thể bị lãng quên, triết lý ấy không đúng bằng triết lý ngược lại tiên đoán sự bảo tồn của mọi sự vật, dù đối với cuộc sống hàng thiên niên kỷ của nhân loại. Trên mặt báo, nhà “đạo đức học số một Paris” khi nói về một sự- kiện lịch sử, một kiệt tác, và tất nhiên về một nữ ca sĩ “danh tiếng nhất thời” đã viết:

“Ai sẽ còn nhớ tất cả những cái đó mười năm sau?”

Nhưng cũng trên tờ báo ấy, ở trang ba, báo cáo của Viện Hàn lâm cổ Văn học thường không nói tới một sự kiện tự thân nó không có gì quan trọng, một bài thơ ít giá trị ra đời từ thời đại các Pharaon⁽⁹⁵⁾ và hiện nay người ta vẫn còn nằm được trọn vẹn đó sao? Có thể tình hình không hoàn toàn giống như vậy đối với đời sống ngắn ngủi của con người. Đối với tôi, ông de Norpois là chỗ dựa vững chắc nhất vì là bạn bố tôi, lại khoan dung, sẵn sàng mong muốn điều tốt lành đối với toàn gia đình chúng tôi, và là người kín đáo do thói quen nghề nghiệp và nguồn gốc dòng họ. Thế nhưng mấy năm sau, sau khi ông tôi viếng thăm một gia đình ra về, người ta kể lại với tôi rằng ngài Đại sứ có nhắc tới một buổi tối trước kia ông “nhận ra cái khoảnh khắc tôi sắp sửa hôn tay ông”. Tôi không chỉ đỏ mặt tía tai, tôi đứng sững như trời trồng khi thấy những cung cách ông de Norpois nói về tôi mà cả cấu tạo các kỷ niệm của ông cũng khác biệt chừng nào những điều tôi chắc chắn. Câu “chuyện phiếm” ấy cho tôi thấy rõ những phạm vi

bất ngờ của sự đấng trí và sự nhanh trí của trí nhớ và lãng quên trong đầu óc con người; và tôi cũng ngạc nhiên đến kỳ thú chẳng khác nào hôm đọc lần đầu tiên trong một cuốn sách của Maspero⁽⁹⁶⁾ nói rằng người ta biết chính xác danh sách những người thiện xạ được Assurbanipal⁽⁹⁷⁾ mời đến tham gia buổi săn thú, mười thế kỷ trước Công nguyên.

- Ô! Thưa ông, - tôi thưa với ông de Norpois khi ông bảo sẽ nói cho mẹ con Gilberte biết lòng ngưỡng mộ của tôi, - nếu ông làm việc đó, nếu ông nói về cháu với bà Swann, thì cháu xin kết cở ngậm vành⁽⁹⁸⁾ và hiến dâng ông cả cuộc đời! Nhưng cháu cần lưu ý ông là cháu không quen bà Swann và chưa bao giờ được giới thiệu với bà ấy.

Tôi nói thêm mấy lời cuối cùng ấy vì muốn tránh mọi ngộ nhận và để khỏi ra vẻ khoe khoang về một mối quan hệ mà thực tình mình không có. Nhưng trong lúc nói ra, tôi có cảm giác chúng đã trở nên vô ích, vì ngay khi ngỏ lời cảm ơn với thái độ nửa sốt sắng nửa lạnh lùng tôi kịp thấy trên gương mặt ông Đại sứ một thoáng ngập ngừng khó chịu và một ánh mắt chênchếch ngược lên cao mà người nói dành cho người đối thoại vô hình trong chính con người mình trong lúc muốn nói với y một điều gì đó mà người đối thoại đích thực - lúc này là bản thân tôi - không nghe được. Tôi hiểu ngay rằng tuy chưa bộc lộ hết nỗi niềm biết ơn dào dạt trong lòng, những lời tôi vừa nói vẫn như làm ông de Norpois xúc động và quyết định can thiệp giúp tôi, một sự can thiệp chẳng đòi hỏi ở ông mấy nỗ lực và song mang lại cho tôi một niềm vui lớn; tuy nhiên có lẽ vẫn là những lời duy nhất có thể dẫn tới kết quả là làm ông khước từ công việc can thiệp ấy. Quả là ông de Norpois biết rõ không có gì bình thường vào gia đình bà Swann nhưng cũng hiểu rằng trái lại, đối với tôi, sự kiện ấy có một giá trị lớn và do vậy chắc hẳn phải vượt qua một trở lực lớn. Bởi thế nghe những lời tôi nói, ông cho rằng nguyện vọng tôi vừa tỏ bày, tuy bề ngoài có vẻ đáng ngờ, một lỗi lầm trong quá khứ, và không một ai muốn nhận lấy cái việc chuyển tới bà Swann lời tôi thỉnh nguyện vì tin chắc sẽ làm bà phật lòng, chẳng khác nào giữa lúc chúng ta đang vui vẻ trao đổi với một kẻ không quen biết những cảm giác tưởng chừng giống nhau về mấy người khách qua đường mà cả hai bên đều cho là tầm thường, bỗng nhiên kẻ kia chỉ cái hố kỳ dị ngăn cách hẳn với mình: hẳn vừa nắn túi quần vừa lạnh lùng nói:

- Tiếc thật! Tôi không mang theo khẩu súng ngắn; giá có thì không một mống nào sống sót!

Và tôi hiểu chẳng bao giờ ông de Norpois làm cái việc tôi sở cậy, chẳng bao giờ ông nói với bà Swann dù chỉ một lời về tôi, mặc dù suốt mấy năm liền ông có thể viếng thăm bà ấy hàng ngày. Tuy nhiên mấy hôm sau, ông Đại sứ hỏi bà Swann một nguồn tin tôi mong đợi, và nhờ bố tôi chuyển lại cho tôi. Nhưng ông không nói cho bà ấy biết ông hỏi nguồn tin đó cho ai. Vì vậy bà không biết là tôi quen ông de Norpois và tôi thiết tha mong muốn được tới nhà bà; và có thể đây là một tai họa không đến nỗi ghê gớm như tôi nghĩ, vì nguồn tin thứ hai này chẳng bổ sung gì cho hiệu quả của nguồn tin thứ nhất, một hiệu quả vốn đã bấp bênh: đối với Odette, quan niệm về cuộc sống riêng và ngôi nhà của bà ta không khơi dậy một nỗi phiền muộn bí ẩn nào nên bà không coi người quen biết mình, người lui tới nhà mình là một nhân vật huyền thoại như tôi nghĩ, tôi, kẻ sẵn sàng ném qua cửa sổ gia đình Swann một viên đá nếu có thể viết lên trên đó mấy chữ là tôi quen biết ông de Norpois; tôi tin chắc một thông điệp như vậy, dù có được chuyển đi tới mức thô bạo ấy, vẫn có thể tạo cho tôi nhiều uy tín đối với nữ chủ nhân hơn là làm bà oán giận. Nhưng giả có biết việc mình nhờ ông de Norpois song ông không làm bà vô ích, thậm chí có thể làm hại mình trong quan hệ với gia đình Swann chẳng nữa, tôi vẫn không đủ can đảm không nhờ ông Đại sứ giúp đỡ trong trường hợp ông nhận lời, và bỏ mất niềm khoái trá thấy tên tuổi và hình hài mình tồn tại chốc lát cạnh Gilberte, trong ngôi nhà và cuộc đời còn xa lạ của nàng đối với tôi, dù cho hậu quả có tai hại tới đâu.

Ông de Norpois ra về, bố tôi đọc lướt qua tờ báo buổi chiều; và tôi lại nghĩ tới Berma. Tôi lại càng háo hức muốn nghe bà hát vì nỗi lòng mong chờ của tôi chưa hề được thỏa mãn; niềm háo hức ấy đồng hóa ngay tức thì tất cả những gì có khả năng nuôi dưỡng nó; những lời ông de Norpois thừa nhận tài nghệ Berma, mà tôi uống liền một hơi như một cánh đồng cỏ khô cần được người ta tưới tắm. Bố tôi trao cho tôi tờ báo và chỉ vào mấy dòng chữ:

“Buổi biểu diễn vở *Phèdre* trước một cử tọa phần chần với sự có mặt của những nhân vật trọng yếu trong giới nghệ thuật và phê bình, đối với bà Berma, người thủ vai Phèdre, là một cơ hội thắng lợi rực rỡ hiếm có trong sự nghiệp huy hoàng của bà. Chúng tôi sẽ viết dài hơn về buổi biểu diễn này, đó là một sự kiện sân khấu xứng đáng với tên gọi của nó; giờ đây chỉ xin nói rằng những người bình giá có thẩm quyền nhất đều nhất trí tuyên bố một phong cách diễn như thế làm sống lại hoàn toàn vai Phèdre, một trong những nhân vật đẹp nhất và được gọt giũa nhất của Racine, và là biểu hiện

nghệ thuật trong sáng nhất, cao đẹp nhất người ta được mục kích trong thời đại chúng ta”.

Đầu óc tôi vừa nắm bắt được cái khái niệm mới về “biểu hiện nghệ thuật trong sáng nhất, cao đẹp nhất”, thì khái niệm tưởng như bắt gặp niềm hứng thú không trọn vẹn của tôi khi ở nhà hát, bổ sung chút ít phần khiếm khuyết của nó, và sự kết hợp ấy gây nên một niềm phấn chấn làm say lòng người tới mức không kìm mình nổi phải thốt lên:

“Ôi, vĩ đại biết bao người nữ nghệ sĩ ấy!”

Chắc hẳn người ta có thể thấy tôi không tuyệt đối thành thực. Nhưng xin mời nghĩ tới biết bao sự kiện trên đời. Có vô số nhà văn không bằng lòng về đoạn văn mình vừa viết khi đọc một lời ngợi ca thiên tài

Chateaubriand⁽⁹⁹⁾ hay nghĩ tới một nghệ sĩ vĩ đại nào đó mà họ hằng ao ước có thể ngang sức, khi ngâm nga một nhạc khúc của Beethoven⁽¹⁰⁰⁾ chẳng hạn và so sánh nỗi buồn man mác trong đó với nỗi buồn họ muốn đưa vào văn mình. Háo hức thiên tài, khi hồi tưởng lại những tác phẩm đã viết, họ “đưa thêm thiên tài” vào trong và không còn thấy như lúc ban đầu nữa. Định ninh chúng có giá trị, họ nghĩ bụng: “Rốt cuộc là thế đấy!” mà không nhớ rằng để cuối cùng được mãn nguyện như vậy, họ đã dựa vào những trang sách tuyệt vời của Chateaubriand mà họ đồng hóa với văn chương của mình. Cũng không thiếu những kẻ tin vào tình yêu của tình nhân trong lúc chỉ được nếm những vị đắng của lòng phản trắc; cả những anh chồng đau khổ khôn nguôi hề nghĩ tới người vợ họ đã để tuột khỏi tay nhưng vẫn yêu thương lẫn những người nghệ sĩ hề mơ màng niềm vinh quang mai sau có thể tận hưởng là đều hy vọng, hoặc một kiếp luân hồi không sao hiểu nổi, hoặc trái lại một cõi hư vô làm người ta yên lòng khi hồi tưởng những lỗi lầm mà sau khi chết họ phải sám hối nếu thiếu cõi hư vô nọ. Lại cũng có những du khách say sưa trước vẻ đẹp toàn cục của cuộc hành trình nhưng từng ngày một chỉ thấy chán ngán. Phải chăng khi trong đầu óc con người cùng tồn tại những ý tưởng mang lại niềm vui lớn nhất thì chỉ duy nhất có một ý tưởng ngay từ đầu như một vật ký sinh thực sự là vay mượn của một ý tưởng khác bên cạnh nguồn sinh lực dồi dào nhất mà nó không có?

Mẹ tôi không tỏ ra thật hài lòng khi bố tôi không còn nghĩ tới “sự nghiệp” của tôi nữa. Chắc hẳn trước hết bà mong muốn một nếp sống có quy củ chinh đốn lối suy nghĩ phóng túng của tôi; vì vậy bà ân hận về việc tôi từ

bỏ con đường ngoại giao ít hơn là về việc tôi lao vào cái nghiệp văn chương.

- Bà cứ để mặc nó, - bố tôi kêu toáng lên, - trước hết làm gì cũng phải có hứng thú đã. Vả lại, nó đâu còn là một đứa trẻ nữa. Giờ đây nó đã biết rõ là nó ưa thích cái gì; ít có khả năng nó thay đổi ý kiến, và nó có thể nhận biết những gì đem lại hạnh phúc cho mình trong cuộc sống.

Trong lúc chờ xem mình có hạnh phúc hay không trong cuộc sống nhờ sự tự do chúng mang lại cho tôi, tối hôm ấy, những lời bố tôi nói làm tôi rất đau buồn. Những lời âu yếm của bố bao giờ cũng khiến tôi muốn nhảy lên hôn đôi má hồng hào phía trên bộ râu quai nón của ông, và nếu tôi phải kìm mình lại chỉ vì e ngại làm ông không hài lòng. Hôm nay, giống như một tác giả lo sợ ước vọng của chính bản thân mình buộc nhà xuất bản lựa chọn một thứ giấy và những con chữ in quá đẹp đối với những ước vọng ấy trong khi tác giả thấy chúng không mấy giá trị, tôi băn khoăn tự hỏi phải chăng nguyện vọng viết lách của mình có tầm quan trọng lớn nên bố tôi tỏ ra khoan hậu đến thế. Nhưng trong khi nói về sở thích sẽ không còn thay đổi của tôi nữa, về những gì nhằm mang lại hạnh phúc cho đời tôi, ông khuấy động lên trong tôi hai mối ngờ vực đau đớn một cách khủng khiếp. Một là trang sách đời tôi đã bắt đầu (trong lúc hàng ngày tôi tự xem mình đang đứng trên ngưỡng cửa của cuộc đời còn nguyên vẹn và nó chỉ mở đầu sáng hôm sau), hơn thế nữa, tất cả những gì sẽ xảy ra từ đây không có gì thật khác trước. Hai là - thực ra đây chỉ là một hình thái khác của mối ngờ vực thứ nhất, tôi không nằm ngoài thời gian, mà phải tuân thủ quy luật của nó, chẳng khác nào những nhân vật tiểu thuyết vì phải tuân theo những quy luật ấy đã làm tôi hết sức buồn bã khi tôi theo dõi dòng đời họ, những ngày tôi ở Combray trong căn lều nhỏ làm bằng cành liễu, về lý thuyết, chúng ta biết quả đất quay, nhưng trên thực tế, không cảm nhận điều ấy, mặt đất dưới chân chúng ta hình như không nhúc nhích và chúng ta vẫn sống yên ổn. Tình hình cũng như vậy đối với thời gian trong cuộc sống. Và muốn làm người ta thấy rõ thời gian trôi qua, các nhà tiểu thuyết buộc để độc giả vượt qua mười, hai mươi, ba mươi năm trong khoảnh khắc hai phút đồng hồ và cho kim đồng hồ quay tít. Ở đầu trang sách, người đọc vừa mới chia tay một chàng trai đang yêu và tràn trề hy vọng, nhưng ở cuối trang đã gặp lại anh chàng giờ đây đã là một ông già tám mươi, bước đi mệt mỏi trong buổi dạo chơi hàng ngày dưới mái hiên một nhà dưỡng lão, hầu như không buồn đáp lời những người đi qua và không còn nhớ gì tới dĩ vãng.

Trong lúc nói về tôi: “Nó đâu còn là một đứa trẻ, sở thích của nó không thay đổi nữa, v.v...” bố tôi bỗng nhiên làm tôi xuất hiện trong thời gian trước mắt chính bản thân mình và gây cho tôi nỗi buồn thấy mình dù chưa phải là ông già ủ rũ trong nhà dưỡng lão chẳng nữa thì cũng đã là nhân vật tác phẩm mà tác giả, với giọng lạnh lùng đặc biệt nghiệt ngã, sẽ nói với chúng ta vào cuối cuốn sách:

“Hắn càng ngày càng ít rời nông thôn. Cuối cùng vĩnh viễn đóng đô tại đấy, v.v...”

Tuy nhiên, nhằm đề phòng chúng tôi có thể có những lời chỉ trích vị khách quý, bố tôi bảo mẹ tôi:

- Tôi thừa nhận lão Norpois có phần nào “tầm thường” như bà nói. Khi lão bảo “không tiện” hỏi bá tước de Paris, tôi lo ngay ngáy mẹ con bà không nhin cười được.
- Đâu có, - mẹ tôi đáp, - tôi rất thích một con người có địa vị cao sang như vậy và ở lứa tuổi ấy vẫn giữ được cái vẻ chất phác chứng tỏ một tấm lòng trung hậu và một tính cách được giáo dục tử tế.
- Tôi hoàn toàn tin điều đó! - Bố tôi thốt lên, sung sướng thấy mẹ tôi ca ngợi ông de Norpois, và muốn thuyết phục bà là ngài Đại sứ còn hơn nữa kia chứ không phải chỉ như mẹ tôi tưởng. Lòng ganh ghét thích thú bài xích bao nhiêu thì tình thân thiết cũng thích thú đề cao bấy nhiêu là thế đấy. - Ông ấy bảo thế nào nhỉ? ... À, ông ấy bảo: “úi dà! Với các ông hoàng thì biết thế nào được...” Ông ấy là người tinh tế và thông minh, tôi biết rõ điều đó vì thấy tại Hội đồng ông ấy hoàn toàn khác, chứ không phải như ở nhà ta đâu.
- Đúng thế, đúng như lời ông ta nói. Tôi nhận thấy ông ấy rất mực tinh tế và có kinh nghiệm sâu sắc về cuộc sống.
- Thật kỳ lạ là ông ấy ăn tối ở gia đình Swann và rốt cuộc tại đấy chỉ gặp giới viên chức và những con người tầm thường. Không hiểu bà Swann “lôi” được cả bọn ấy từ đâu ra?
- Thế ông có nhận thấy ông ấy có vẻ nghịch ngợm thế nào khi nêu lên nhận xét: “Đến nhà ấy, chủ yếu là phái mày râu” không?

Và cả bố lẫn mẹ tôi ra sức tái hiện điệu bộ ông de Norpois trong khi nói câu ấy, chẳng khác nào như muốn nhại giọng điệu của Bressant⁽¹⁰¹⁾ hay của Thiron⁽¹⁰²⁾ trong hai vở kịch *Người đàn bà lang thang*⁽¹⁰³⁾ hay *Anh chàng rể ông Poirier*⁽¹⁰⁴⁾. Nhưng khoái chí nhất là Françoise: mãi nhiều năm sau, bà ta vẫn không “nhin cười” mỗi khi chúng tôi nhắc lại chuyện bà

được ngài Đại sứ coi là “vị đầu bếp hạng nhất”, và được mẹ tôi chuyển lời tới bà như thể một vị bộ trưởng Chiến tranh truyền đạt những lời ngợi khen của một quốc vương tới viếng thăm một đất nước sau “Lễ duyệt đội quân danh dự”. Tôi xuống bếp trước mẹ tôi. Vì tôi đã buộc Françoise, người yêu hòa bình nhưng tàn ác, hứa tránh làm con thỏ bà phải giết thịt quá đau sau đó không tin tức gì về cái chết đó cả. Françoise bảo đảm với tôi cái chết ấy đã diễn ra hết sức tốt

đẹp và nhanh chóng.

- Tôi chưa hề thấy một con vật như thế bao giờ, nó chết mà không cất lấy nửa lời, có thể nói nó là một con vật câm.

Không mấy am hiểu ngôn ngữ loài vật, tôi lý luận rằng có lẽ thỏ không kêu như gà.

- Để rồi cậu chờ xem thỏ có kêu kém gì gà không. - Françoise bảo tiếp, thái độ giận dữ vì sự dốt nát của tôi. - Thậm chí giọng của thỏ còn khỏe hơn nhiều.

Françoise đón nhận những lời ngợi khen của ông de Norpois với vẻ chất phác có phần kiêu hãnh, ánh mắt hân hoan và thông minh - dù chỉ trong chốc lát - như của người nghệ sĩ đang nghe người ta nói chuyện về tài nghệ của mình. Ngày trước mẹ tôi thỉnh thoảng bảo bà tới một vài khách sạn lớn để học tập cách nấu bếp. Tối hôm ấy, nghe bà nói về những quán ăn nổi tiếng nhất, tôi cũng thích giống như trước kia khi nghe nói thứ bậc tài nghệ của các nghệ sĩ sân khấu, không đồng nhất với thứ bậc danh tiếng của họ.

- Ngài Đại sứ khẳng định, - mẹ tôi bảo Françoise, - không đâu Ngài được thưởng thức món tuyệt thịt bò và bánh ngọt nướng phồng như của bà.

Khiêm tốn và thừa nhận sự thật, Françoise không khước từ lời ngợi khen mặc dù không hề tỏ ra xúc động vì cái chức chương đại sứ, và với vẻ thân thiện đối với người xem mình là “người đứng hàng đầu”, bà nói gọn lỏn:

- Một ông già tốt bụng cũng như tôi vậy thôi.

Bà tìm cách nhìn ông Đại sứ khi ông tới nhà, nhưng biết mẹ tôi ghét cái lối nấp sau cửa và nghĩ lại mẹ tôi sẽ biết bà đã nhìn lén do những người đầy tớ khác hay những người gác cổng nói lại (vì đâu đâu Françoise cũng thấy những sự “ghen tị” và “ton hót”; bà tưởng tượng chúng có vai trò thường xuyên và tai hại chẳng khác những âm mưu của các tu sĩ Cơ Đốc giáo và của người Do Thái đối với một số người khác), bà đành nhìn qua ô cửa nhỏ nhà bếp “để khỏi rắc rối với bà chủ”, và trước vẻ giản dị của ông de Norpois, bà ngỡ đây là “ông Legradin”, do vẻ lạnh lợi của ông khách, mặc dù giữa hai người không hề có một nét giống nhau.

- Nhưng này, - mẹ tôi hỏi, - bà cho biết vì sao không một ai có thể làm món tuyệt thịt ngon như bà (khi bà muốn làm).

- Tôi không rõ vì sao cả.

Françoise, nói có phần đúng, và không thể - hoặc không muốn - tiết lộ bí mật món tuyệt thịt hay món kim tuyệt vời của mình, chẳng khác một phụ nhân thanh lịch giấu kín bí quyết trang phục hay một nữ ca sĩ lừng danh không muốn cho ai biết do đâu mình có giọng hát mê ly. Những lời giảng

giải của họ chẳng làm chúng ta sáng tỏ được bao nhiêu; những lời phân trần của Françoise về nghệ thuật nấu nướng của bà cũng vậy.

- Người ta nấu chín ào ào thôi mà, - bà đáp khi nói về các chủ khách sạn lớn, - và không phải nấu tất cả cùng một lúc. Phải để cho miếng thịt bò trở thành như một thứ bột biển, lúc đó nó hút chất nước thịt tiết ra đến tận giọt cuối cùng. Nhưng hình như tôi thấy ở một tiệm ăn nọ, người ta biết cách làm bếp. Tôi không nói là hoàn toàn như món tuyệt thịt của tôi, nhưng quả là họ cho chín từ từ, và bánh nướng phòng của họ thật sự có kem.

- Tiệm Henry phải không? - BỐ tôi hỏi khi theo kịp chúng tôi xuống bếp. Ông vốn ca ngợi tiệm ăn ở quảng trường Gaillorơ, nơi ông có những bữa ăn vào những thời điểm nhất định cùng với đồng sự.

- Ô, không! - Françoise chậm rãi đáp, thái độ thực sự khinh khỉnh, tôi nói về một tiệm ăn nhỏ thôi. Còn tiệm Henri, thì tốt thật đấy, nhưng không phải là một tiệm ăn, mà là... một hàng cháo thì đúng hơn!

- Tiệm Weber chẳng?

- A! Thưa ông, không đâu, tôi muốn nói tới một tiệm ăn ra trò kia. Tiệm Weber nằm trên phố Hoàng gia thì không phải là tiệm ăn, mà là một quán rượu. Tôi không rõ họ phục vụ ông thế nào. Tôi nghĩ thậm chí khăn bàn, họ cũng không có, họ dọn ngay lên mặt bàn trống trơn trống trụi. Thế tiệm Cirro hả?

- Ô! Ở đây, tôi nghĩ là về phương diện nhà bếp, chủ yếu có các phu nhân; “phu nhân”, với Françoise, là hạng đàn bà lẳng lơ. Ui dà, cái đó cần cho lớp trẻ.

Thì ra mặc dù có vẻ chất phác, Françoise là một “bà bạn” khủng khiếp đối với những người nấu bếp trứ danh chẳng khác nào cô đào hát hờm mình nhất và hay đổ ky nhất. Thế nhưng chúng tôi có cảm giác bà có ý thức đúng đắn về nghệ thuật nấu nướng và biết tôn trọng truyền thống thì bà nói thêm:

- Không, tôi muốn nói về một khách sạn trong đó có bộ phận nhà bếp giỏi kiểu trường giả. Nó còn khá phát đạt, và hoạt động mạnh. Ái chà! Ở đây người ta kiếm ra nhiều xu lắm. (Là người tằn tiện, Françoise tính từng xu, chứ không phải từng đồng tiền vàng như những kẻ phá gia chi tử). “Bà chủ trông thấy nó rõ kia kìa, trên dây đại lộ kia, ở phía phải, thụt nhui⁽¹⁰⁵⁾ lại sau chút ít...”

Thì ra khách sạn mà bà nói tới một cách không thiên vị và với thái độ vừa kiêu hãnh vừa khoan hậu, chính là... tiệm cà phê Anglê.

Ngày một tháng Giêng, hai mẹ con chúng tôi đi thăm viếng họ hàng. Để tránh vất vả cho tôi, mẹ tôi (dựa vào một lộ trình do bố tôi vạch) sắp đặt sẵn lịch viếng thăm theo địa lý từng khu phố hơn là theo quan hệ thân thuộc. Nhưng vừa đặt chân vào phòng khách một bà chị họ tương đối xa nhưng chúng tôi tới trước tiên vì nhà không xa, mẹ tôi hốt hoảng trông thấy người bạn thân thiết nhất của ông chú khó tính nhất của gia đình tôi. Ông ta cầm trên tay mút quả lật dầm đường. Chắc hẳn ông ta sẽ nói cho ông chú biết chúng tôi không đến thăm ông trước tiên và chắc chắn ông chú sẽ giận: đối với ông, điều hết sức tự nhiên là chúng tôi phải đi từ nhà thờ Madeline tới vườn Bách thảo, khu vực ông cư trú, trước khi dừng chân ở Saint-Augustin và sau đó ra đi từ trường y khoa.

Sau các cuộc viếng thăm (bà nội tôi cho phép miễn tới thăm vì hôm ấy chúng tôi ăn tối tại nhà cụ), tôi chạy tới Vườn hoa Élysée, nhờ bà chủ hiệu quen của gia đình chuyển cho chị người nhà gia đình Swann hàng tuần vẫn mấy lần tới hiệu mua bánh ngọt. Ngay hôm Gilberte làm tôi xiết bao đau buồn, tôi có ý định gửi thư vào đầu năm mới, ngỏ ý với nàng rằng tình bạn cũ của chúng tôi đã chấm dứt cùng những nỗi thất vọng, và bắt đầu từ mùng một tháng Giêng, chúng tôi sẽ xây đắp một tình bạn mới, đẹp dễ và thật vững chãi với hy vọng Gilberte ra sức gìn giữ nó và hễ có chút nguy cơ bị xâm phạm thì kịp thời báo cho tôi biết cũng như chính bản thân tôi sẽ làm như vậy. Trên đường về nhà, Françoise giữ tôi lại trước một quầy hàng rong và chọn mua làm quà biếu ngày Tết, mấy tấm ảnh Pie IX⁽¹⁰⁶⁾ và Raspail⁽¹⁰⁷⁾, còn tôi thì mua một bức chân dung Berma. So với vô vàn những lời ngợi ca bà thì tấm ảnh thật sự nghèo nàn tựa trang phục của những ai chỉ có một bộ quần áo duy nhất; trên gương mặt bà trong ảnh chỉ hiện lên nếp nhăn nhỏ phía trên môi, hàng mi ngược cao và một vài đặc điểm ngoại hình khác, bất di bất dịch, phó mặc cho mọi bất trắc hàng ngày. Nhìn gương mặt ấy không thôi thì chưa hẳn tôi đã thấy đẹp, nhưng nó vẫn gợi lên trong tôi niềm ham muốn đặt lên một nụ hôn khi nghĩ tới biết bao cái nó hôn từng phải chấp nhận, và hình như từ chiều sâu tấm “bức ảnh”, gương mặt ấy vẫn giục giã những nụ hôn với ánh mắt âu yếm ra chiều làm duyên làm dáng và nụ cười cố tình ngây thơ. vì đối với nhiều chàng trai, chắc hẳn Berma rạo rực những nỗi niềm ham muốn mà bà bộc lộ trong vai Phèdre và rất có thể thỏa mãn không khó khăn gì vì tất cả mọi thứ, kể cả uy tín của tên tuổi khiến sắc đẹp bà càng được tôn thêm và sức thanh xuân càng kéo dài. Bóng chiều buông xuống, tôi dừng chân trước cây cột nhà hát

trên dán tờ quảng cáo buổi diễn của Berma vào một ngày tháng Giêng. Một làn gió nhẹ, ẩm ướt thổi qua. Một thời tiết quen thuộc đối với tôi; tôi có dự cảm ngày đầu năm không phải là một ngày khác những ngày bình thường, không phải là ngày đầu tiên của một thế giới mới trong đó, với một vận may vẫn còn nguyên vẹn, tôi có thể nối lại tình thân với Gilberte như ở buổi

Khai thiên lập địa chưa hề biết tới dĩ vãng và xóa nhòa mọi nỗi thất vọng thình thoảng nàng gây nên cho tôi: trong thế giới mới ấy chỉ còn tồn tại của thế giới cũ... một điều duy nhất: lòng ao ước khát khao tình yêu của Gilberte. Tôi hiểu nếu trái tim mình mong muốn đổi mới cái vũ trụ chưa thỏa mãn nó, là vì chính trái tim ấy không đổi thay, và tôi đành nhìn trong dạ nỗi lòng Gilberte cũng không thay đổi; tôi cảm thấy mối tình bạn mới vẫn như xưa, chẳng khác nào giữa năm mới và năm cũ không hề có hố ngăn cách; chỉ vì không thể chế ngự và biến đổi những năm mới ấy nên người ta tự ý đặt cho chúng một cái tên khác mà thôi. Tôi muốn dâng tặng Gilberte mối tình bạn mới ấy và, giống như người ta đem một tôn giáo chồng lên trên các quy luật mù quáng của tự nhiên, tôi cố gán cho ngày đầu năm cái khái niệm đặc biệt về nó trong đầu óc mình, nhưng chỉ uống công vô ích; tôi cảm thấy nó không biết người ta gọi nó là ngày đầu năm, và nó chấm dứt trong cảnh hoang hôn theo cái cung cách không lạ lẫm gì đối với tôi: trong làn gió thoảng thổi quanh cây cột dán quảng cáo buổi chiều, tôi nhận ra tôi cảm thấy xuất hiện trở lại cái vật chất vĩnh hằng của đời thường, cái độ ẩm ướt quen thuộc, cái dòng chảy vô tình của tháng ngày.

Tôi trở về nhà. Tôi vừa sống một ngày tháng Giêng của lớp người già; những người này ngày hôm nay khác bọn trẻ, không phải vì người ta không còn tặng họ quà Tết, mà vì họ không còn tin vào năm mới. Tôi thì có được nhận quà Tết, nhưng không phải chỉ là những món làm tôi vui sướng và giá như trong đó có mấy dòng thư của Gilberte! Thế nhưng dầu sao tôi cũng vẫn còn trẻ vì có thể viết cho nàng một lá thư và kể lại những giấc mơ cô đơn của cõi lòng yêu thương của mình, hy vọng khơi dậy trong lòng nàng những giấc mơ tương tự. Nỗi buồn của những người đã luống tuổi là thậm chí đến những lá thư như vậy, họ cũng không buồn nghĩ tới chuyện viết vì đã từng biết có viết cũng chẳng ích lợi gì.

Lên giường nằm, tôi vẫn tỉnh giấc vì những tiếng động phố phường kéo dài trong đêm lễ hội. Tôi nghĩ tới tất cả những ai kết thúc buổi đêm trong lạc thú, nghĩ tới những chàng trai đang yêu, nghĩ tới cả lũ người có lẽ truy lạc chắc hẳn đi tìm gặp Berma vào cuối buổi diễn mà tôi đã thấy quảng cáo cho tối hôm đó. Thao thức suốt đêm dù muốn làm dịu bớt nỗi lòng xao xuyến do ý nghĩ ấy gây nên, tôi vẫn không sao tự bảo mình là có thể Berma không nghĩ tới ái tình, bởi lẽ những câu thơ bà ngâm nga và nghiền ngẫm qua bao ngày tháng, luôn luôn nhắc bảo bà là tình yêu biết bao ngọt ngào - như bà từng biết và bà thể hiện những nỗi rạo rực rất quen thuộc nhưng với một sức mạnh mới và một vị dịu ngọt không ngờ của trái tim yêu đương, trước

đám khán giả say mê tuy mỗi người tự bản thân mình đã nếm trải. Tôi lại thấp nền lên để nhìn thêm gương mặt bà một lần nữa. Với ý nghĩ chắc hẳn lúc này gương mặt ấy đang được những đôi bàn tay đàn ông vuốt ve trong khi bà mang lại cho họ những niềm vui siêu phàm khó tả, tôi cảm thấy trong lòng một nỗi xao xuyến đau đớn hơn là khoái trá, một niềm luyến tiếc đã náo nức lại càng thêm náo nức vì tiếng kèn như người ta vẫn nghe trong đêm Lễ Carem⁽¹⁰⁸⁾ và trong những lễ hội khác; tiếng kèn ấy không một chút nên thơ và phát ra từ một tủi quán, nên ảo não hơn cả “cảnh chiều tà trong rừng sâu”. Vào lúc đó, có lẽ điều tôi cần không phải là mấy dòng thư của Gilberte. Ham muốn của chúng ta thường giao thoa với nhau và, trong cảnh lộn xộn của cuộc đời, ít khi hạnh phúc đến thỏa mãn thật đúng nỗi niềm ước vọng của con người.

Những ngày đẹp trời, tôi tiếp tục tới Vườn hoa Élysée qua những đường phố với những ngôi nhà thanh nhã màu hồng tằm mình trong một bầu trời chuyển động và khoáng đạt vì đang là buổi thời thượng những cuộc Triển lãm của các họa sĩ tranh màu nước. Tôi sẽ là đứa dối trá nếu nói rằng vào thời kỳ ấy tôi thấy các tòa lâu đài của Gabriel⁽¹⁰⁹⁾ đẹp hơn những ngôi biệt thự quanh vùng. Tôi thấy có những phong cách kiến trúc trang nhã hơn và ra đời sớm hơn, nếu không phải là trụ sở Bộ Công nghiệp thì ít ra cũng là lâu đài Trocadéro⁽¹¹⁰⁾. Đắm chìm trong một giấc ngủ chập chờn, tuổi thanh xuân của tôi để mặc cho tâm hồn mơ màng theo dõi phố phường, và không bao giờ tôi nghĩ có thể có một công trình kiến trúc thế kỷ XVIII trên đường phố Hoàng gia; tôi cũng sẽ ngạc nhiên nếu nghe nói của ô Saint-Martin và của ô Saint-Denis hai kiệt tác thời Louis XIV, không ra đời cùng thời với những công trình mới nhất trong vùng đất gấm vóc này. Chỉ có một lần một tòa lâu đài Gabriel khiến tôi dừng bước một lúc lâu: bóng đêm vừa buông xuống, lư lư linh dưới ánh trăng, hàng cột tòa lâu đài tưởng chừng như được cắt gọt bằng cactông, khiến tôi hồi tưởng khung cảnh vở nhạc kịch *Orphée dưới Địa ngục*⁽¹¹¹⁾ và lần đầu tiên gây cho tôi ấn tượng về cái đẹp.

Nhưng Gilberte vẫn không trở lại Vườn hoa Élysée trong lúc tôi tha thiết gặp nàng và thậm chí gương mặt nàng, tôi cũng không còn nhớ nữa. Ánh mắt chúng ta thường nhìn người yêu với thái độ dò hỏi, băn khoăn, khẩn cầu, còn lòng thì mong ngóng lời nói có thể mang lại hay làm tiêu tan niềm hy vọng buổi hẹn hò ngày hôm sau; chúng ta lần lượt hay đồng thời suy tưởng tới niềm hân hoan và nỗi thất vọng cho tới khi lời nói ấy được thốt

ra; tất cả những cái đó khiến sự chú ý của chúng ta trước mắt người yêu trở nên chập chờn không sao ghi lại nổi một hình ảnh thật rõ nét. Phải chăng khi tất cả các giác quan cùng hoạt động một lúc và tìm cách nhận biết bằng ánh mắt không thôi những gì ngoài tầm nhìn của mắt thì chúng tỏ ra quá “rộng lượng” đối với mọi hình trạng, mọi hương vị và động tác của con người sống động mà thông thường chúng ta cho là bất động khi không còn yêu nữa. Trái lại, hình bóng mình yêu thương thì động đậy và chúng ta chỉ chụp được những tấm kính không thành công. Tôi không còn nhớ thật rõ gương mặt Gilberte, trừ trong những khoảnh khắc thần tiên nàng cười mở tâm tình, tôi chỉ còn nhớ nụ cười của nàng. Và không sao hồi tưởng nổi gương mặt thân yêu, dù hết sức cố gắng để nhớ lại, tôi càng bức mình thấy khắc họa trong ký ức hết sức chính xác, những bộ mặt vô bổ và kỳ quặc của anh chàng bán đồ chơi trẻ em hay bà bán kẹo đại mạch: như vậy đấy, sau khi mất đi người mình yêu thương và không bao giờ được gặp lại trong giấc ngủ, người ta đến tức điên lên được vì phải luôn luôn đụng đầu trong giấc mơ với những kẻ không sao chịu nổi mà chỉ riêng phải tiếp xúc với họ trong lúc tỉnh cũng đã là khốn khổ lắm rồi. Bất lực không sao hình dung nổi con người làm mình đau thương, người ta hầu như tự lên án mình không hề đau thương. Riêng tôi phảng phất ý nghĩ là đã quên và không còn yêu thương Gilberte nữa vì không thể nhớ lại nét mặt nàng.

Cuối cùng hầu như ngày nào nàng cũng trở lại vườn hoa chơi đùa, và trước mắt tôi xuất hiện những điều mới mẻ tôi mong ước, tôi đòi hỏi ở nàng cho ngày hôm sau, và cứ thế, mỗi ngày, nỗi niềm âu yếm của tôi một thêm mới lạ. Nhưng một lần nữa và đột nhiên, cái cách “đặt vấn đề” tình yêu của tôi vào mỗi buổi chiều lúc hai giờ phải thay đổi vì một sự kiện mới. Phải chăng ông Swann chụp được lá thư tôi viết gửi con gái ông, hay Gilberte chỉ mãi về sau mới thú thật với tôi một tình hình đã cũ kể từ nay tôi thận trọng hơn. Khi tôi thổ lộ mình rất mực ngưỡng mộ bố mẹ nàng, Gilberte ra chiều mơ màng, bí ẩn giống như mỗi khi người ta hỏi nàng về công việc, về chuyện mua sắm và thăm viếng của nàng. Rồi cuối cùng bỗng nhiên nàng bảo tôi: “Anh biết đấy, bố mẹ tôi không thích anh đâu.” và thay đổi thái độ tựa một nữ thủy thần - nàng vốn như thế đấy - nàng bật lên cười. Thường không ăn nhập gì với lời nói, tiếng cười của nàng như thể vẽ lên trên một mặt phẳng khác một ngoại diện vô hình, giống như trong âm nhạc. Ông bà Swann không buộc Gilberte thôi không chơi với tôi nữa nhưng theo lời nàng - giá điều đó không xảy ra từ đầu thì họ thích hơn. Họ không tán thành quan hệ giữa tôi với nàng, không tin là tôi thực sự có đạo đức và không nghĩ tôi chỉ

có thể có ảnh hưởng xấu tới con gái họ. Đám thanh niên không mấy đứng đắn mà Swann ngờ là tôi giống bọn chúng, tôi hình dung đó là những kẻ căm ghét bố mẹ người con gái mà bọn chúng yêu thương, nịnh bợ khi họ có mặt nhưng lại chế giễu khi họ ngồi một mình với nàng, khuyến khích nàng không vâng lời họ và một khi chiếm đoạt được cô gái thì thậm chí ngăn cản họ gặp gỡ nàng. Trái ngược với những nét tính cách ấy (những nét mà đưa khốn nạn nhất cũng không bao giờ dùng để tự hình dung bản thân mình), trong lòng tôi là những tình cảm gắn bó thiết tha với Swann, và tôi tin chắc nếu nghi ngờ những tình cảm ấy thì chắc hẳn ông sẽ ân hận về sự đánh giá tôi chẳng khác nào ân hận về một sai lầm về pháp lý. Tất cả tình cảm của mình đối với ông, tôi dám viết cho ông trong một bức thư dài tôi nhờ Gilberte chuyển. Nàng nhận lời. Than ôi! Ông cho tôi là một tên đại bịp chứ không phải như tôi nghĩ; ông ngờ vực những tình cảm mà tôi cho là mình đã thổ lộ hết sức chân thành trên mười sáu trang giấy: đang sôi nổi và chân tình không kém những lời tôi bày tỏ với ông de Norpois, lá thư vẫn không có kết quả hơn. Ngày hôm sau, kéo riêng tôi ra sau một khóm trúc đào, trên một lối mòn nhỏ, và mỗi người ngồi trên một chiếc ghế tựa, Gilberte kể lại với tôi là trong khi đọc lá thư - mà nàng mang trả lại tôi - bố nàng vừa nhún vai vừa bảo:

- Tất cả cái đó chẳng có nghĩa lý gì hết, nó chỉ chứng minh bố xử sự đúng biết nhường nào.

Biết rõ ý đồ mình trong sáng, tâm hồn mình nhân hậu, tôi phần nộ khi thấy lời lẽ bức thư không mấy may làm lay chuyển sự lầm lẫn phi lý của Swann. Tôi tin chắc đây là lầm lẫn. Tôi cảm thấy mình đã miêu tả hết sức chính xác một vài đặc điểm không thể phủ nhận của những tình cảm rất mực nồng hậu nên Swann không thể không căn cứ vào đấy để ghi ngay lập tức những tình cảm ấy, và đến tìm tôi thừa nhận ông đã lầm lẫn để xin lỗi: chắc hẳn bản thân ông ta không bao giờ có những tình cảm ấy của người khác.

Hơn nữa, có thể Swann chỉ nghĩ rằng thông thường lòng nhân hậu chỉ là dáng vẻ bên trong của những tình cảm vị kỷ khi chúng chưa được gọi tên và phân loại. Có thể ông ta cho mỗi cảm tình tôi tỏ bày chỉ là hệ quả và một sự khẳng định hào hứng mỗi tình của mình đối với Gilberte, và sau này hành vi của tôi sẽ nhất thiết hướng theo mỗi tình ấy, chứ không phải theo tấm lòng tôn kính của tôi đối với ông. Tôi không thể đồng tình với những dự cảm của ông, vì không sao tách riêng mỗi tình của mình ra, đưa nó vào phạm vi khái quát mọi mối tình và giả định một cách thực nghiệm hệ quả của nó; tôi đâm thất vọng. Tôi phải chia tay Gilberte một lát vì Françoise

gọi. Tôi phải theo bà vào một căn nhà nhỏ có hàng rào mắt cáo sơn xanh, trông giống những căn buồng thu thuế đã bỏ đi của Paris ngày trước và trong đó ít lâu nay được lắp đặt cái mà ở Anh người ta gọi là “lavabô”, còn ở Pháp thì được đặt cho cái tên “waterclosets”⁽¹¹²⁾ do cái thói bắt chước người Anh không đúng chỗ. Những bức tường ẩm ướt và cũ kỹ hai bên lối vào, nơi tôi đứng chờ Françoise, thoang thoảng mùi mốc, giải thoát ngay lập tức cho tôi những lo lắng bộn lên trong lòng vì những lời lẽ của Swann do Gilberte kể lại; nó gây cho tôi một niềm hứng thú không giống những niềm hứng thú có thể làm tinh thần người ta bất định, không sao duy trì và chế ngự được chúng, mà trái lại là một niềm hứng thú bền chặt có thể làm tôi vững tâm: nó vừa dịu ngọt vừa tĩnh lặng, thấm đượm một chân lý trường cửu, bí ẩn nhưng vững chãi. Giống như trước kia trong những buổi dạo chơi về phía Guermantes, tôi muốn đi sâu tìm hiểu cái chất hứng khởi trong ấn tượng của mình trước quang cảnh này và im lặng suy ngẫm về cái mùi mốc cũ kỹ phảng phất đâu đây: nó không giục giã tôi thưởng thức niềm hứng thú nó mang lại một cách khác thường, mà khuyến khích tôi đi sâu vào hiện thực nó không muốn bộc lộ.

Nhưng bà chủ tiệm, một bà già má bự phấn vừa mang bộ tóc giả màu hung, đến nói chuyện với tôi. Françoise nghĩ bà ta “tha hồ thu lợi với cái tiệm này”. Tiểu thư già chủ tiệm từng kết hôn với một kẻ mà Françoise gọi là “một chàng trai gia phong thể phiệt” tức là một kẻ mà bà cho là khác xa một người công nhân, hơn cả công tước Saint-Simon⁽¹¹³⁾ khác một con người “xuất thân từ cặn bã của dân chúng”. Chắc hẳn trước khi lấy hẳn, bà chủ tiệm đã gặp phải những bước rủi ro. Nhưng Françoise cam đoan bà ta là nữ hầu tước và thuộc dòng dõi Saint-Feuéal⁽¹¹⁴⁾. Bà “hầu tước” ấy khuyên tôi đừng đứng ngoài gió, thậm chí mở cửa một căn buồng nhỏ và bảo tôi:

- “Cậu không muốn vào hả? Buồng sạch bóng đấy, cậu miễn phải trả tiền”. Có thể bà ta chỉ làm giống như các tiểu thư ở nhà Couache biểu tôi, khi chúng tôi đến đặt hàng, một chiếc kẹo bày trên quầy dưới những cái chuông bằng kính, nhưng than ôi! tôi bị mẹ cấm không cho nhận; cũng có thể - nhưng ít ngây thơ hơn - như bà già hàng hoa vẫn bán hoa cho mẹ tôi khi vừa cho tôi một bông hồng vừa nhìn tôi ra vẻ đưa tình. Dầu sao, nếu “bà hầu tước” thích thú các chàng trai, trong lúc mở cho họ cánh cửa hầm với những khối đá lập phương buộc người ta phải ngồi chồm hổm như những con phượng hoàng, thì bà ta ít có hy vọng quyến rũ họ, mà chỉ có

thể khoái trá tỏ ra thực sự hào phóng đối với những gì mình yêu thương, vì không bao giờ tôi thấy cạnh bà ta một người khách nào khác ngoài ông già kiếm lâm trong Vườn hoa Élysée.

Một lát sau, cùng với Françoise, tôi từ giã “bà hầu tước”; và sau khi chia tay Françoise, quay trở lại tìm Gilberte. Nàng ngồi trên ghế tựa, phía sau một khóm trúc đào, để tránh mặt các bạn gái: như kiểu chơi trò ú tim ấy. Tôi tới ngồi cạnh nàng. Nàng đội sùm sụp một chiếc mũ mềm khiến ánh mắt như nhìn ngược lên “từ dưới” về mơ màng và gian xảo giống như lần đầu tiên tôi đã bắt gặp tại Combray. Tôi hỏi nàng có cách gì trực tiếp giải bày với bố nàng không. Theo Gilberte, nàng đã đề xuất với ông, nhưng ông cho là vô ích.

- Anh cầm lấy này, - nàng nói thêm, - đừng để tôi giữ thư nữa, tôi phải tới gặp các bạn để họ khỏi đi tìm.

Giá Swann bất chợt tới lúc này, trước khi tôi chưa kịp lấy lại lá thư chan chứa lời lẽ chân tình thì có lẽ ông ta sẽ thấy là ông đã xử sự đúng. Vì cúi sát xuống cạnh Gilberte đang ngả người trên ghế bảo tôi lấy lại thư nhưng lại không trao thư cho tôi, tôi cảm thấy cơ thể nàng cuốn hút mình mãnh liệt.

- Này nhé, - tôi bảo nàng, - cố giữ chặt lấy thư, để xem ai sẽ khỏe hơn ai.

Nàng chuôi thư vào dưới lưng áo; tôi luồn tay ra sau cổ nàng, hất ngược mở tóc nàng bỏ xoa trên vai, hoặc vì như thế cho hợp với lứa tuổi, hoặc vì mẹ nàng muốn nàng giữ được lâu bền vẻ thơ ngây để bản thân bà cũng được trẻ trung; chúng tôi giành giật nhau, người uốn cong lại như để bám trụ. Tôi có kéo nàng về phía mình, nàng cưỡng lại, hai gò má nóng bừng vì phải gắng sức, đỏ ửng lên và tròn vành vạnh như hai quả hạnh đào; nàng cườ rúc rích tựa như bị cù; tôi ghì chặt nàng giữa hai cẳng chân như một thân cây nhỏ tôi muốn leo lên cành; và, giữa “buổi thể dục”, chỉ hơi thở hỗn hển thêm chút ít do hoạt động cơ bắp sôi nổi, niềm hứng thú của tôi “tuôn trào” như một vài giọt mồ hôi đổ ra vì phải nỗ lực nhưng tôi không đủ cả thời gian chần chừ để nếm biết hương vị của nó; tôi lấy lại ngay lá thư. Gilberte dịu dàng bảo tôi:

- Anh biết đấy, nếu anh thích, thì chúng ta có thể cùng nhau vật lộn một ít nữa.

Phải chăng nàng mơ màng nghĩ bụng trò chơi của tôi nhằm một mục đích khác mục đích tôi thú nhận, nhưng không hiểu là tôi đã toại nguyện? Tôi nhận lời nàng vì không muốn nàng hiểu điều đó và sợ nàng nghĩ tôi không có mục đích nào khác ngoài cái mục đích mà sau khi đạt được, tôi chỉ còn

muốn ngồi im bên cạnh nàng (và nàng thoáng một cử chỉ rút mình lại, e lệ, nên tôi nghĩ mình lo ngại là phải).

về nhà, tôi bỗng sức nhớ hình ảnh túp nhà có dây rào mắt cáo mà làn hơi mát phảng phất mùi bồ hóng giục bước chân tôi tới gần nhưng che khuất không cho nhìn thấy. Nó gợi lại hình ảnh căn buồng nhỏ của Adolphe, chú tôi, ở Combray: quả là căn buồng nhỏ này cũng phả ra một mùi ẩm ướt như vậy. Nhưng tôi không hiểu nổi, và đành để sau này tìm xem vì sao một hình ảnh hoàn toàn vô nghĩa lại có thể khơi dậy một niềm hoan lạc rạo rực.

Trong lúc chờ đợi, tôi cảm thấy mình hoàn toàn xứng đáng với sự miệt thị của ông de Norpois: cho tới lúc này, tôi đánh giá cao hơn tất cả các nhà văn người mà ông gọi là một “tay chơi sáo” tầm thường, và một niềm phần chấn thực sự lan tỏa trong con người tôi, không phải vì một ý tưởng quan trọng nào, mà chỉ vì một cái mùi mốc.

Mấy lâu nay, trong một vài gia đình, hẳn có một người khác nhắc tới cái tên Vườn hoa Élysée là các bà mẹ biểu lộ một thái độ ác cảm họ thường dành cho một ông thầy thuốc danh tiếng mà họ cho là mình từng biết quá nhiều những lời chẩn đoán sai lầm nên không thể tin cậy được; họ cho rằng vườn hoa ấy không hợp với trẻ em và có thể kể ra nhiều ca viêm họng, sởi và sốt nóng do nó gây nên. Tuy không công khai nghi ngờ lòng yêu thương của mẹ tôi khi bà tiếp tục cho tôi tới đấy, một vài bà bạn của bà ít ra cũng phàn nàn về sự mù quáng của mẹ tôi.

Người bị bệnh thần kinh có lẽ là người ít “nghe mình” nhất: từng “nghe” trong người quá nhiều điều và đâm hốt hoảng, về sau, họ biết mình đã hốt hoảng một cách phi lý nên cuối cùng không còn để ý tới một điều gì nữa hết. Thần kinh họ luôn luôn báo động: “Cấp cứu!” như thể bị trọng bệnh trong lúc thực ra chỉ có hiện tượng tuyết rơi hoặc chỉ có chuyện chuyển nhà. Rốt cuộc họ bỏ ngoài tai mọi lời cảnh cáo, chẳng khác anh chiến binh trong cơn hấp hối vẫn có thể vì hăng máu chiến trường mà tiếp tục sống một hai ngày như một người mạnh khỏe. Một buổi sáng, mặc dù nghe trong người khó chịu cả về tuần hoàn lẫn tiêu hóa, tôi vẫn xăng xái chạy vào phòng ăn, nơi bố mẹ tôi đã yên vị và, đĩnh ninh như thường ngày bị lạnh có thể không có nghĩa là phải sưởi ấm mà chỉ vì vừa bị quở trách thôi chẳng hạn, hoặc đôi có nghĩa là trời sắp mưa chứ không đồng nghĩa với phải ăn, tôi ngồi vào bàn; nhưng chưa kịp đụng tới miếng côtlét ngon lành đầu tiên thì một cơn buồn nôn, một sự choáng váng làm tôi chững lại: tôi không sao nuốt nổi vì phản xạ dữ dội của một cơn bệnh mới chớm, tuy với thái độ thờ ơ lạnh lùng tôi cố che giấu và đẩy lùi nó. Trong giây phút ấy, sợ không

được đi chơi nếu bố mẹ tôi biết mình ốm, và như với bản năng sinh tồn của một người bị thương, tôi đủ sức lết về tận buồng riêng (lúc ấy biết mình sốt 40 độ), và sau đó chuẩn bị tới Vườn hoa Élysée. Tuy cơ thể rã rời, tâm tưởng tôi vẫn sáng khoái mong chờ và đòi hỏi niềm vui ngọt ngào trong trò chơi ú tim với Gilberte; và một giờ sau, tuy hầu như đứng không vững nữa, tôi vẫn đủ sức lực nếm hưởng niềm vui ấy vì được cổ vũ bởi niềm hạnh phúc được ở cạnh nàng.

Về tới nhà, Françoise tuyên bố tôi nhiễm bệnh, bị “vừa sốt nóng vừa sốt lạnh”. Bác sĩ được mời tới cấp tốc tuyên bố đây là trường hợp bệnh kịch phát dữ dội sau một ca sưng phổi, nhưng sẽ có thể qua đi như một “ngọn lửa rơm”, chứ không phải là một căn bệnh hiểm nghèo với những triệu chứng phình phờ. Đã từ lâu tôi có chứng tức thở. Ngoài cafein dùng để hỗ trợ hô hấp, thầy thuốc khuyên uống bia, sâm banh hay Cognac mỗi khi cảm thấy sắp lên cơn hoặc dù bà tôi phản đối vì cho rượu đã làm tôi suy nhược. Theo ông, những thứ này sẽ tan biến trong “niềm hưng phấn” do rượu gây nên. Để bà tôi cho phép người ta cho tôi uống các thứ ấy, tôi thường bắt buộc che giấu mà trái lại hầu như cố tình bộc lộ tình trạng tức thở của mình, và lại, hễ cảm thấy nó sắp xảy ra trong khi không sao lường trước được quy mô bệnh trạng ra sao, là tôi lo lắng vì nỗi buồn của bà tôi mà tôi khiếp hãi hơn là khiếp hãi nỗi đau đớn bản thân. Nhưng đồng thời cơ thể thôi thúc tôi báo cho bà tôi biết những nỗi đau đớn với một độ chính xác đến kỳ lạ về mặt sinh lý học: hoặc vì cơ thể tôi quá yếu ớt không sao một mình giữ kín nỗi những nỗi đau đớn, hoặc vì nó sợ người ta không biết cơn đau đến ngay tức thì nên đòi hỏi ở tôi một sự nỗ lực hoặc nguy hiểm hoặc không sao thực hiện được. Phải chăng tôi bắt đầu nhận thấy trong người một triệu chứng không tốt lành mà trước đây tôi chưa phân tích nổi nên cơ thể tôi rơi vào cơn khủng hoảng chừng nào tôi chưa nói cho bà tôi hay? Phải chăng bà tôi giả vờ không mảy may chú ý tới điều đó nên cơ thể tôi đòi hỏi tôi phải năn nỉ? Thịnh thoảng tôi đi chơi quá xa; thế là không còn làm chủ nỗi xúc cảm của mình như ngày trước, gương mặt thân thương của cụ biểu lộ một dáng vẻ thương hại, một sự nhăn nhúm đau đớn. Lòng tôi xót xa thấy nỗi đau khổ hiện lên trên gương mặt cụ: tôi ào vào vòng tay bà tôi như thể những nụ hôn của tôi có thể xóa nhòa nỗi khổ đau ấy, như thể lòng yêu thương của tôi có thể mang lại niềm vui cho bà chẳng khác nào cho chính bản thân mình, và lại, không còn bị day dứt vì tin chắc bà tôi đã hiểu những nỗi đau đớn của mình, cơ thể tôi thôi không phản đối việc tôi tìm cách làm cụ yên tâm nữa. Tôi một mực khẳng định

đau đớn của mình không hề có gì nghiêm trọng, bản thân tôi không có gì đáng phải xót thương, và bà tôi có thể tin là tôi sống hạnh phúc; cơ thể tôi đáng được xót thương tới đâu thì nó mong ước được xót thương tới đấy, miễn người ta biết cho rằng nó bị đau bên sườn phải, nó không thấy có gì trở ngại trong việc tôi tuyên bố sự đau đớn ấy không phải là một điều tai hại và không cản trở hạnh phúc: cơ thể tôi đâu có sính chuyện triết học; triết học không thuộc địa hạt của nó. Trong thời kỳ dưỡng bệnh, hầu như hàng ngày tôi bị lên cơn ngạt thở. Một buổi tối, tình hình sức khỏe tôi khá tốt khi hai bà cháu chúng tôi chia tay? Sau đó, mãi tới khuya, bà tôi mới quay trở vào phòng tôi và thấy tôi khó thở, bà sững sờ thốt lên:

- Ô! Lạy Chúa, cháu tôi đau đớn quá đi mất!

Bà tôi bước ngay ra khỏi phòng, tôi nghe tiếng cánh cổng rít lên, và một lát sau, cụ trở về mang theo rượu Cognac cụ vừa chạy đi mua vì ở nhà không sẵn. Tôi cảm thấy sung sướng. Còn bà tôi, hai má ửng hồng, có vẻ bối rối, ánh mắt lộ vẻ mệt mỏi và chán nản.

- Bà muốn để cháu ở lại một mình và cháu gắng lợi dụng những phút giây này, - bà tôi vừa nói vừa đột ngột bước ra khỏi phòng.

Nhưng tôi vẫn kịp hôn cụ và cảm thấy trên đôi má mát rượi một cái gì ươn ướt mà tôi không rõ có phải là hơi ẩm của bầu không khí ban đêm cụ vừa xông pha hay không. Hôm sau, buổi tối bà tôi mới vào phòng tôi vì, như người ta nói lại, cụ có việc đi phố. Tôi thấy như thế là bà tôi tỏ vẻ dừng đứng với mình nhưng tôi kìm nén để khỏi phải phàn nàn.

Vì tôi vẫn tiếp tục khó thở trong một lúc chứng xung huyết đã chấm dứt từ lâu nên bố mẹ tôi mời giáo sư Cottard tới khám. Trong những trường hợp như thế này, người thầy thuốc được mời, chỉ có kiến thức không thôi thì không đủ. Đứng trước những triệu chứng có thể thuộc về ba hay bốn căn bệnh khác nhau, mặc dù những biểu hiện bề ngoài hầu như giống nhau, chung quy chính cái linh giác, cái ánh mắt của người thầy thuốc quyết định phải tấn công vào căn bệnh nào. Thứ năng khiếu bí ẩn ấy không đòi hỏi một sự siêu phàm trong các rãnh vực khác của trí tuệ, và một con người hết sức tầm thường, yêu thích loại hội họa tồi nhất, loại âm nhạc tồi nhất, và không hề có một chút băn khoăn nào về tri thức, vẫn có thể có năng khiếu ấy. Trong trường hợp của tôi, điều có thể quan sát được một cách vật chất có thể do nhiều nguyên nhân gây ra: phải chăng là những cơn co giật về thần kinh, hay bước đầu bệnh lao phổi, hay bệnh hen suyễn, hay bệnh khó thở vì ngộ độc thức ăn và suy thận, hay bệnh viêm phế quản mãn tính, hay nữa là trạng thái phức tạp với nhiều yếu tố nói trên. Và mỗi chứng bệnh đòi

hỏi một cách xử lý: co giật thần kinh thì cần phải tĩnh lặng; lao phổi thì đòi hỏi phải đặc biệt chăm sóc và một chế độ tắm bổ; nhưng chế độ này là tai hại đối với trạng thái sưng khớp như hen suyễn và có thể trở nên nguy hiểm trong trường hợp chứng khó thở vì ngộ độc thức ăn, chứng bệnh này đòi hỏi một chế độ mà nếu đem áp dụng cho một người bị bệnh lao thì rất tai hại. Nhưng Cottard chỉ do dự trong khoảnh khắc và kê đơn thuốc dứt khoát, rành rọt: “Thuốc xổ mạnh; sữa trong mấy ngày liền, và chỉ có sữa không thôi. Không thịt, không rượu”.

Mẹ tôi rên rỉ là tôi rất cần được hồi phục, tôi vốn đã dễ bị kích thích về thần kinh, liều thuốc tẩy quá mạnh và chế độ ăn uống kiêng khem sẽ làm tôi suy sụp. Qua ánh mắt Cottard, với vẻ hốt hoảng như thể sợ nhờ tàu hỏa, tôi hiểu ông băn khoăn sợ bị lôi cuốn theo thói dễ tính thường ngày. Ông cố nhớ lại xem mình có quyết giữ một bộ mặt lạnh như tiền, như khi người ta tìm một chiếc gương soi để xem có quên thắt cà vạt không. Trong lòng nghi hoặc và để trấn tĩnh, ông đáp một cách thô bạo:

- Tôi không có thói quen nhắc lại đơn thuốc tới hai lần. Cậu đưa cho tôi một cây bút. Và nhất là nhớ uống sữa đầy nhé. Sau này, khi thanh toán xong các cơn bệnh kịch phát và trạng thái mất ngủ, tôi rất muốn cậu dùng ít cháo, rồi các món nấu nhừ, nhưng luôn luôn phải dùng sữa, dùng sữa. Thú lắm đấy, cậu bé ạ, Tây Ban Nha đang được ưa chuộng mà olé, olé!⁽¹¹⁵⁾ (Học sinh của bác sĩ Cottard rất quen thuộc lối dùng từ đồng âm bị nghĩa này để đùa vui của ông ở bệnh viện mỗi khi ông yêu cầu bệnh nhân về tìm hay gan phải theo chế độ ăn sữa). Sau đó cậu sẽ dần dần trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng mỗi khi bị ho và ngạt thở trở lại, thì phải dùng thuốc tẩy, rửa ruột, nằm nghỉ và dùng sữa.

Ông nghe những lời phản đối cuối cùng của mẹ tôi với vẻ mặt lạnh tanh không nói không rằng. Sau khi ông ra về mà không giải thích vì sao phải theo chế độ ăn uống và điều trị ấy, bố mẹ tôi cho là nó không hợp với trường hợp của tôi, và sẽ làm tôi suy yếu đi một cách vô ích. Họ không buộc tôi phải áp dụng. Dĩ nhiên họ giấu kín không cho ông giáo sư biết việc không tuân theo lời ông, và để thật chắc chắn, tránh không tới những nơi có thể bắt gặp ông. Nhưng sau đó, bệnh trạng tôi ngày một thêm trầm trọng, bố mẹ tôi bắt tôi phải tuân thủ triệt để đơn thuốc của Cottard; sau ba ngày, tôi không còn khò khè, không còn ho nữa và thở dễ dàng. Thế là chúng tôi hiểu ra rằng vì cho tôi bị hen suyễn khá nặng và nhất là lại “si tình” - như về sau ông nói cho biết - nên Cottard quyết định cái nổi bật ở tôi lúc bấy giờ là trạng thái nhiễm độc: bằng cách làm cho gan không bị ngưng trệ và

rửa ruột cho tôi, ông giúp cho hai cuống phổi được thông huyết, trả lại cho tôi hơi thở, giấc ngủ và sức lực. Và chúng tôi hiểu ra “tay khốn kiếp” ấy là một thầy thuốc lâm sàng vĩ đại. Cuối cùng tôi bình phục. Nhưng bố mẹ tôi nói tới chuyện không cho tôi tới Vườn hoa Élysée nữa. Họ bảo không khí ở đây không tốt lành; tôi nghĩ bụng họ nhân cái cơ này làm tôi không thể gặp lại tiểu thư Swann nữa và suốt ngày tôi buộc phải lẩm bẩm tên Gilberte, giống như tiếng nói quê hương mà những kẻ thất trận cố duy trì để khỏi quên hẳn Tổ quốc mà họ không còn được gặp lại. Thỉnh thoảng mẹ tôi lướt tay lên trán tôi và bảo:

- Sao? Các chú bé thôi không kể lể với mẹ những nỗi phiền muộn trong lòng nữa hả?

Hàng ngày Françoise đến cạnh tôi và bảo:

- Sắc da cậu chủ xấu lắm! Cậu không soi gương phải không? Da như da người chết ấy!

Quả là giá tôi chỉ hơi sổ mũi tí thôi thì Françoise cũng có bộ mặt đưa ma như thế. Những lời than vãn của bà ta là do “quen tính” hơn là do tình trạng sức khỏe của tôi. Tôi không phân biệt rõ cái thái độ bi quan ấy của Françoise là một thái độ đau xót hay mãi mãi nguyên. Tạm thời tôi kết luận nó mang tính xã hội và nghề nghiệp.

Một hôm, vào giờ nhận thư báo, mẹ tôi đặt lên giường tôi một lá thư. Tôi lơ đãng bóc thư vì nghĩ nó không thể có cái chữ ký duy nhất có thể làm tôi sung sướng, chữ ký Gilberte: đối với nàng, tôi không có quan hệ nào khác ngoài phạm vi Vườn hoa Élysée. Thế nhưng phía dưới trang giấy có đóng một cái dấu bạc in hình một kỵ sĩ đội mũ, phía dưới có viết theo hình vòng cung câu châm ngôn: *Per viam rectam*⁽¹¹⁶⁾. Trong thư chữ viết to hầu hết các câu hình như đều gạch dưới, chỉ vì cái vạch ngang của chữ *t* không nằm ngang con chữ, mà là ở phía trên nên tạo thành một cái nét phía dưới từ tương ứng ở hàng trên. Quả là tôi không thấy chữ ký Gilberte. Nhưng tôi biết không thể có chữ ký ấy trong một lá thư gửi cho tôi. Vì vậy, tuy nhìn thấy nhưng vì vẫn không tin nên tôi vẫn không vui mừng. Trong một lát, tôi thấy tất cả quanh mình đều hư ảo. với một tốc độ chóng mặt, cái chữ ký tưởng chừng không có thật ấy chập chờn ở cả bốn góc phòng, trên giường, trên lò sưởi, trên tường. Tôi có cảm giác mọi cái đều chập chờn như một người ngã ngựa và tôi băn khoăn liệu có thể có một đời sống hoàn toàn khác đời sống mình đang nếm trải, trái ngược với nó nhưng lại chính là đời sống đích thực không; và vì nó đến với tôi hết sức đột ngột nên tôi ngập ngừng chẳng khác nỗi ngập ngừng của những người chết được đánh thức

dậy ở ngưỡng cửa của Thế giới bên kia trong bức khắc chạm miêu tả lời phán xét cuối cùng⁽¹¹⁷⁾.

“Bạn thân mến, - lời thư viết, - tôi được tin bạn bị trọng bệnh và không còn tới Vườn hoa Élysée. Tôi cũng không tới đây nữa vì ở đây có vô số người ốm. Nhưng các bạn gái tôi thứ Hai và thứ Sáu nào cũng tới nhà tôi ăn chiều. Má bảo tôi nói với bạn là bạn sẽ làm chúng tôi rất vui mừng nếu bạn cũng tới ngay sau khi bình phục, và ở nhà tôi, chúng ta có thể tiếp tục những buổi chuyện trò thú vị ngày trước ở Vườn hoa. Tạm biệt, bạn thân mến, tôi hy vọng ba má bạn cho phép bạn luôn luôn tới dự bữa ăn chiều, và tôi xin gửi tới bạn tất cả những lời thân thiết. Gilberte”

Trong lúc đọc những dòng chữ trên đây, hệ thống thần kinh của tôi đón nhận với một sự lạnh lẽo tuyệt vời cái tin báo một niềm hạnh phúc lớn sẽ đến với tôi. Nhưng tâm hồn tôi, nghĩa là chính bản thân tôi, và tóm lại là đương sự chính, thì còn chưa biết tới niềm vận hạnh lớn ấy.

Vận hạnh, vận hạnh vì Gilberte mà có, đó là điều tôi thường xuyên nghĩ tới, điều hoàn toàn nằm trong tâm tưởng; đó là *cosa mentale*⁽¹¹⁸⁾ theo lối nói của Leonard⁽¹¹⁹⁾ trong hội họa. Tư duy không đồng hóa ngay tức thì một trang giấy viết kín chữ. Nhưng đọc xong thư, tôi nghĩ tới nàng, nàng trở thành một đối tượng mơ màng, bản thân nàng cũng trở thành *cosa mentale* và tôi yêu nàng say đắm tới độ cứ năm phút một tôi phải đọc lại thư, hôn lên trang giấy. Tôi nhận biết hạnh phúc đến với mình.

Cuộc đời vẫn được điểm xuyết những điều diệu kỳ mà những người yêu bao giờ cũng có thể hy vọng. Có thể điều diệu kỳ hôm nay đây là do mẹ tôi cố tình tạo nên: phải chăng vì thấy ít lâu nay tôi không thiết tha với cuộc sống nữa, bà yêu cầu Gilberte viết thư, giống như vào những buổi tập tằm biển đầu tiên, để gây cho tôi hứng thú lặn xuống nước – điều mà tôi vốn ghét vì nó làm tôi ngạt thở, bà lén trao người dạy tôi bơi lội những chiếc vỏ sò tuyệt diệu và những nhánh san hô mà tôi ngỡ tự chính mình tìm thấy dưới đáy biển? Vả lại, đứng trước tất cả những sự kiện trên đời và trong những tình huống trái ngược nhau, cách tốt nhất là đừng có tìm hiểu, vì trong tất cả cái nghiệt ngã cũng như cái vô vọng của chúng, chúng bị run rủ bởi những quy luật thần bí hơn là hợp lý. Khi một nhà tỉ phú mà lại đẹp trai, bị một người đàn bà nghèo và không có gì hấp dẫn từng chung sống với nhau chia tay, và trong cơn tuyệt vọng, phải cầu viện tới tất cả quyền lực của vàng bạc và vận dụng tới mọi ảnh hưởng trên trần thế mà vẫn không sao nối lại tình xưa nghĩa cũ thì, trước thái độ khăng khăng cự tuyệt

của người tình, người đàn ông nên giả định là Định mệnh muốn dày dọa mình và làm mình chết vì một cơn đau tim hơn là tìm kiếm một lời giải thích logic. Nguyên nhân gây nên những trở lực mà người đàn ông đang yêu phải chống chọi và trí tưởng tượng anh ta bị nỗi đau kích động không sao đoán định nổi, có khi chỉ là tính khí khác thường của người đàn bà mà anh ta không sao lôi kéo trở lại với mình được nữa, có khi do cô gái ngu ngốc, cũng có khi do ảnh hưởng đối với cô ta của những người mà anh chàng đang yêu không quen biết và những nỗi sợ hãi do họ gây nên cho cô; hoặc nữa có khi do cái lối hứng thú cô ta đòi hỏi trong chốc lát ở cuộc sống, hứng thú mà người tình lẫn tài sản của anh ta không thể mang lại cho cô. Dầu sao anh chàng đang yêu cũng không ở vị trí thuận lợi để có thể hiểu được bản chất những trở lực mà bằng mưu mô người đàn bà làm cho lệch lạc không sao đánh giá chính xác nổi. Chúng giống như những khối u mà rốt cuộc thầy thuốc tiêu diệt thành công nhưng vẫn không sao hiểu nổi nguồn gốc do đâu. Cũng như những khối u ấy, đây là những trở lực bí ẩn nhưng tạm thời. Chỉ có điều là thông thường chúng kéo dài hơn mỗi tình, và vì tình yêu không phải là một niềm đam mê vô tư, nên khi không còn yêu nữa, anh chàng tình nhân không tìm cách xem vì sao người đàn bà nghèo và nông nổi mà mình yêu, lại khẳng khái cự tuyệt trong khi biết bao năm tháng không để anh ta tiếp tục “bao”.

Thế nhưng, trong tình yêu, nếu thông thường có một màn bí ẩn che giấu nguyên nhân tai họa, thì cũng màn bí ẩn luôn luôn không cho ta thấy cội nguồn một vài giải pháp bỗng đột ngột đến với người ta (như trường hợp lá thư Gilberte). Đây là những giải pháp tốt đẹp hay ít ra cũng có vẻ tốt đẹp, vì không thể có giải pháp thực sự tốt đẹp đối với loại tình cảm mà mọi cố gắng nhằm thỏa mãn thường chỉ làm đổi thay nỗi đau mà thôi. Tuy nhiên có khi nỗi đau tạm lắng dịu và trong một thời gian người ta tưởng đã khỏi bệnh.

Về lá thư mà Françoise không chịu thừa nhận ở phía dưới có tên Gilberte vì chữ G bay bướm bên cạnh chữ *i* không bỏ dấu trông như một chữ A, còn âm tiết tận cùng thì được kéo dài ra vô tận bằng một nét vạch có răng cưa, nếu muốn tìm ra một lời giải thích hợp lý sự chuyển biến tình cảm nó biểu lộ và làm tôi vui mừng, thì người ta có thể nghĩ rằng tôi có phần phải chịu ơn một sự kiện ngẫu nhiên mà ngược lại tôi từng cho là có thể làm tôi mãi mãi bị xóa nhòa trong ký ức gia đình Swann. Trước đây ít lâu, Bloch đến thăm tôi trong lúc giáo sư Cottard mà gia đình tôi mời trở lại từ khi tôi tuân theo chế độ điều dưỡng của ông, đang ở trong phòng tôi. Sau buổi khám và

khi Cottard ở lại chỉ với tư cách tân khách không thôi vì bố mẹ tôi giữ ông lại ăn tối, Bloch bước vào phòng.

Trong lúc mọi người đang trò chuyện thì Bloch cho biết là một bà rất thân bà Swann và cùng ăn tối với ông ta hôm trước bảo bà Swann rất yêu mến tôi. Tôi muốn đáp là chắc chắn ông ta nhầm lẫn và chứng minh rõ ràng rằng tôi không quen biết bà ấy, chưa bao giờ trò chuyện với bà, như trước đây, tôi từng nói với ông de Norpois. Tôi sợ bà Swann cho mình là một thằng dối trá. Nhưng tôi không có can đảm đính chính sự nhầm lẫn của Bloch, vì hiểu rõ đây là một sự nhầm lẫn thực sự cố tình: nếu lão bịa ra một điều gì đó mà quả thật bà Swann không thể nói ra được, thì chính bà muốn cho mọi người biết là lão ngồi ăn tối cạnh một bà bạn của bà Swann lão thấy thế làm kiêu hãnh trong sự việc không có thật. Trước kia, khi nghe nói tôi muốn làm quen bà Swann, ông de Norpois thậm trọng không nói về tôi với bà ấy. còn Cottard, thầy thuốc của bà Swann, từ những lời người ta nói với Bloch, suy luận ra rằng bà rất biết và quý mến tôi, nên nghĩ bụng nếu khi gặp bà ấy bảo bà rằng tôi là một chàng trai dễ thương rất thân thiết đối với ông ta, thì tuy chẳng ích lợi gì cho tôi nhưng sẽ rất kiêu hãnh đối với ông; hai lý do ấy khiến ông quyết định nói về tôi với Odette mỗi khi có cơ hội.

Thế là tôi được biết ngôi nhà mà mùi nước hoa của bà Swann phả ra tận ngoài cầu thang, nhưng đắm thắm hơn nhiều vẫn là sức quyến rũ đặc biệt toát ra từ cuộc đời Gilberte và từng khiến tôi đau đớn. Người gác cổng nghiêm ngặt, nay trở thành một thứ Euménide nhân hậu, có thói quen vừa nâng mũ một cách đôn hậu vừa ra hiệu ông sẵn sàng thỏa mãn yêu cầu của tôi mỗi khi tôi ngỏ ý muốn lên lầu. Từ bên ngoài, các ô cửa sổ ngăn cách tôi với những báu vật không phải dành riêng cho mình, bằng một “ánh mắt” lấp lánh, cách bức và hời hợt mà tôi ngỡ như chính là ánh mắt của gia đình Swann. Trong suốt một buổi chiều đẹp trời ngồi cùng Gilberte trong phòng nàng, tôi đã tự tay mở những ô cửa sổ ấy để cho một ít không khí lọt vào, và nếu là ngày tiếp khách của bà mẹ, thì cúi xuống cạnh nàng để nhìn các bà khách: ngẩng đầu lên khi bước xuống xe, họ thường vẫy tay chào tôi, nghĩ bụng tôi là con cháu họ hàng nữ chủ nhân. Bím tóc Gilberte chạm vào má tôi. Mái tóc nàng mượt mà như nhung, uốn lượn tựa những hoa văn nghệ thuật, tôi cảm thấy như một công trình vô song làm bằng chính thứ cỏ quý nơi Thiên giới. Có bộ sưu tập bách thảo diệu kỳ nào tôi không sẵn sàng hiến dâng để ép giữ dù chỉ muốn một mái tóc ấy? Nhưng thật hảo huyền! Giá có được một tấm ảnh không thôi thì cũng đã quý giá hơn bức họa những bông hoa nhỏ của Vinci biết chừng nào! Mong có một tấm ảnh như

vậy tôi tỏ ra ti tiện trước mặt bè bạn gia đình Swann và cả trước mặt các nhà nhiếp ảnh; thái độ ấy không mang lại điều tôi ao ước nhưng làm tôi mãi mãi lệ thuộc vào những kẻ rất mực quấy quả.

Trong một thời gian dài, bố mẹ Gilberte ngăn cản không cho tôi gặp nàng. Nhưng giờ đây, hễ trông thấy tôi là cả hai ông bà tay bắt mặt mừng. Trong tiền sảnh tối như bưng, tôi luôn luôn vấp phải cái giá treo áo khổng lồ trông tựa cây đèn sáp bảy nhánh trong Thánh thư, và rồi rít chào hỏi người nhà mặc váy màu xám dài lê thê ngồi trên hòm gỗ khiến tôi lầm tưởng là bà Swann.

- Sức khỏe cậu thế nào? - Chủ nhà vừa tươi cười bắt tay tôi vừa hỏi (trong khi hỏi, cả hai ông bà đều không đọc nổi những từ lẽ ra phải đọc nổi; thế là về nhà, tôi không ngừng luyện tập một cách khoái trá để cũng không đọc nổi). - Gilberte biết cậu tới rồi hả? Vậy tạm chia tay cậu.

Cũng trong một thời gian dài, tôi cảm thấy những bữa tiệc trà buổi chiều Gilberte mời các bạn gái là bức tường ngăn cách khó vượt qua nhất giữa hai chúng tôi, nhưng giờ đây lại là cơ hội cho chúng tôi gặp gỡ. Nàng biên thư báo cho tôi trên một thứ giấy viết không bao giờ giống nhau. Có lần giấy in nổi hình một con chó xù màu xanh ở phía trên một giai thoại trào phúng viết bằng tiếng Anh và một dấu chấm than ở cuối; một lần khác thì đóng dấu một cái mỏ neo hàng hải hay ký hiệu **G. S.** kéo dài ra vô tận thành một hình chữ nhật chiếm hết cả chiều cao trang giấy, hoặc nữa là một cái tên “Gilberte” khi thì viết ngang trong góc giấy bằng những chữ vàng bắt chước chữ ký của nàng và kết thúc bằng một cái vạch ngang đặt phía dưới một cây ô trượng ra và in bằng mực đen, lúc lại khép lại trong một chữ triện theo hình một thức nhạc cụ bộ gõ trong đó tất cả các con chữ đều in hoa nhưng không phân biệt nổi một chữ nào. Cuối cùng, vì loại giấy viết thư này của Gilberte tuy nhiều nhưng không phải là vô tận nên sau mấy tuần lễ, tôi thấy nàng dùng trở lại thứ giấy giống thứ nàng viết lá thư đầu tiên cho tôi, trong đó có in câu châm ngôn: *Per viam rectam*, phía dưới hình người kỵ sĩ đầu đội mũ đặt trong chiếc mè day bạc màu xám. Và mỗi thứ giấy được chọn dùng cho ngày này chứ không phải cho ngày khác, lúc đầu tôi tưởng là theo một số nghi thức nhất định, nhưng giờ đây tôi hiểu là vì nàng tìm cách nhớ lại những thứ giấy mình đã sử dụng những lần trước, để chỉ gửi cùng một thứ giấy vào những khoảng cách hết sức xa nhau, cho người nhận thư, ít ra là cho những người nàng muốn tỏ tình thân hữu. Vì giờ học khác nhau, một số bạn gái Gilberte mời tới ăn chiều bắt buộc phải ra về trong lúc những người khác lúc ấy mới tới. Ngay từ cầu thang, tôi nghe

văng vẳng từ tiền sảnh tiếng rì rầm, và tôi chưa kịp bước lên sàn nhà, lòng còn hồi hộp vì nghĩ tới buổi họp mặt quan trọng mình sắp được dự, thì tiếng rì rầm ấy đột ngột cắt đứt mọi mối liên hệ còn gắn bó tôi với cuộc sống trước kia và làm tôi quên hẳn cả việc bỏ khăn quàng ra mỗi khi cảm thấy nóng và nhìn đồng hồ để khỏi về muộn giờ. Chiếc cầu thang này tuy hoàn toàn bằng gỗ như người ta vẫn làm thời đó trong một số nhà cho thuê theo phong cách Henri II d'Angleterre⁽¹²⁰⁾ nhưng tôi cảm thấy hết sức diệu kỳ nên bảo bố mẹ tôi là có một chiếc cầu thang cổ do ông Swann mang từ rất xa về. Một thời gian dài, nó là chiếc cầu thang lý tưởng của Odette nhưng chắc hẳn chẳng bao lâu bà ta sẽ chán, trên cầu thang treo tấm biển không hề thấy có ở nhà chúng tôi, trên ghi mấy dòng chữ: “Cấm dùng thang máy để xuống”. Tôi yêu chân lý tới mức không ngần ngại cung cấp nguồn tin trên cho bố mẹ, dù có biết là tin tức sai đi nữa, chỉ vì có nguồn tin ấy là có thể khiến hai thân tôi có niềm trân trọng như tôi đối với giá trị chiếc cầu thang của gia đình Swann. Chính vì vậy mà trước một kẻ dốt nát không thể hiểu tài năng của một vị thầy thuốc vĩ đại là ở chỗ nào, người ta cho rằng sẽ hành động đúng nếu không thú nhận là ông không biết chữa chứng sổ mũi. Nhưng vì không may có óc quan sát, cũng như nói chung không biết tên gọi và giống loài các sự vật ở trước mắt mình mà chỉ khi chúng dính dáng tới gia đình Swann, tôi mới xem chúng là đặc biệt, nên tôi không tin là mình đã phạm tội nói dối khi báo với bố mẹ giá trị nghệ thuật và nguồn gốc xa xôi của chiếc cầu thang. Tôi không tin mình dối trá, nhưng cảm thấy có thể như thế, vì hình như mặt tôi đỏ bừng khi nghe bố tôi cắt ngang lời: - Bố biết những ngôi nhà ấy; bố đã nhìn thấy một ngôi, ngôi nào cũng như ngôi nào; Swann chỉ ở mấy tầng lầu, chính Berliet là người xây dựng. Bố tôi nói thêm là ông đã có ý định thuê một phòng trong ngôi nhà ấy, nhưng rồi lại thôi vì thấy không tiện lợi và lối vào không sáng sủa. Bất giác tôi cảm thấy đầu óc mình phải hy sinh trong phạm vi cần thiết uy tín của gia đình Swann và hạnh phúc của riêng mình; và mặc dù những lời bố tôi vừa nói, tôi quyết vĩnh viễn gạt ra khỏi đầu óc cái ý nghĩ tồi tệ là căn nhà Swann chỉ là một căn nhà như mọi căn nhà khác mà chúng tôi có thể ở, chẳng khác nào một anh chàng mộ đạo gạt bỏ cuốn *Cuộc đời Jésus* của Renan⁽¹²¹⁾. Thế nhưng, những ngày có bữa tiệc trà ấy, sau khi bước theo từng bậc một chiếc cầu thang không còn nằm trong tư duy và ký ức của tôi nữa mà chỉ còn là cái trò chơi của những phản xạ tồi tệ nhất, tôi tới nơi phảng phất mùi

nước hoa bà Swann. Tôi tưởng như đã nhìn thấy chiếc bánh ngọt sôcôla đồ sộ xung quanh là một vòng đĩa bánh ngọt và những chiếc khăn

ăn nhỏ màu xám có hình thù đặc biệt của riêng gia đình Swann và theo đúng yêu cầu của nghi thức. Nhưng cái tổng thể bất di bất dịch và theo đúng quy tắc ấy hình như gắn liền với một hành vi tự do tuyệt đối, chẳng khác nào khoảng vũ trụ cần thiết của Kant⁽¹²²⁾, vì khi tất cả chúng tôi đã tề tựu trong phòng khách nhỏ của Gilberte, bỗng nhiên nàng nhìn đồng hồ và lên tiếng:

- Các bạn này, từ nay tôi bắt đầu ăn trưa sớm hơn thường lệ và mãi đến tám giờ mới ăn tối, bây giờ tôi muốn ăn tí chút. Các bạn bảo sao?

Và nàng mời chúng tôi vào phòng ăn âm u tựa nội thất một ngôi đền Á

Đông trong tranh Rembrandt⁽¹²³⁾. Ở đấy, một chiếc bánh ngọt khổng lồ trông vừa hiền lành vừa quen thuộc vừa uy nghi được đặt sẵn như thể hết sức ngẫu nhiên, vào một ngày bất kỳ nào đó khi Gilberte muốn “mổ bụng” nó ra. Hơn thế nữa, để bắt đầu “phá cỗ” nàng không chỉ muốn biết một mình nàng mà cả tôi nữa có đói hay không trong lúc cắt hân cho tôi cả một góc bánh bằng những trái cây đỏ rực, theo “gu” phương Đông. Nàng hỏi cả giờ bố mẹ tôi ăn tối, như thế tôi còn có thể nhớ, như thế trong lòng rối như tơ vò tôi vẫn không quên cảm giác đói hay không thèm ăn, không quên khái niệm ăn tối hay hình ảnh gia đình trong ký ức trống rỗng và cái bao tử bị tê liệt của mình. Khốn nỗi sự tê liệt ấy chỉ nhất thời. Những chiếc bánh ngọt bất giác tôi cho vào miệng, đến một lúc nào đó, tôi phải tiêu hóa chúng. Nhưng lúc ấy còn xa vời. Trong lúc chờ đợi, Gilberte pha trà cho tôi. Tôi uống không biết bao nhiêu mà kể trong lúc chỉ một chén không thôi cũng đủ làm tôi mất ngủ hai mươi bốn tiếng liền. Mẹ tôi vẫn thường nói:

- Phiền thật, thằng bé này không bao giờ ở nhà Swann về mà không ốm cả. Nhưng ở gia đình Swann, tôi đâu biết mình uống trà. Mà dù có biết thì tôi cũng sẵn sàng uống ngay lập tức, vì dù có thừa nhận tôi trở lại sáng suốt trong chốc lát để có thể xem xét hiện tại, thì cũng không phải vì vậy mà hồi tưởng nổi dĩ vãng và tiên đoán nổi tương lai. Trí tưởng tượng của tôi không thể vươn tới cái thời kỳ xa xăm, nơi tôi có thể có khái niệm đi nằm và nhu cầu giấc ngủ.

Không phải tất cả các cô bạn gái Gilberte đều đắm chìm trong cái trạng thái say sưa tới mức không còn có thể quyết định được gì nữa hết. Có đến mấy người từ chối nước trà. Thế là Gilberte thốt ra câu nói rất phổ biến vào thời kỳ ấy:

- Quả là tôi không thành công trong buổi tiệc trà của mình!

Và nhằm xóa bỏ hơn nữa cái ý nghĩ lễ hội, nàng nói tiếp trong lúc xáo trộn trật tự ghế ngồi quanh bàn:

- Chúng ta có vẻ như tự đám cưới; lạy Chúa! bọn đây tớ thật là ngốc nghếch! Và ngồi trên mép chiếc ghế làm theo hình chữ X và đặt chéo, nàng nhấm nháp bánh ngọt như thể số bánh nhiều vô kể mà không phải xin phép mẹ. Và bà Swann mà ngày tiếp khách thường trùng với bữa Gilberte mời bạn dự tiệc trà, sau khi tiễn chân một vị khách và lát sau quay trở vào với bước chân chạy, thỉnh thoảng trang phục nhung xanh, thông thường thì bận áo dài xatanh đen viền đăngten trắng, bỗng nhiên lên tiếng, vẻ ngạc nhiên:

- Kìa, các con ăn trông có vẻ ngon lành nhỉ, nhìn thấy các con nhá bánh ngọt, mẹ đâm thèm ăn đấy.

- Chúng con xin mời mẹ, - Gilberte đáp.

- Ô, không, cục cưng của mẹ, khách khứa của mẹ sẽ bảo thế nào? Mẹ còn phải tiếp bà Trombert, bà Cottard và bà Bontemps; con biết là bà bạn Bontemps của mẹ không phải chỉ đến viếng thăm chốc lát, mà bà lại vừa mới tới. Tất cả những bà bạn tốt bụng ấy sẽ nghĩ thế nào nếu không thấy mẹ quay trở lại? Nếu không còn ai tới nữa, mẹ sẽ trở lại chuyện gẫu với các con (như thế mẹ thích thú hơn nhiều) sau khi các bà bạn ấy ra về. Mẹ nghĩ là mẹ đáng được yên tĩnh chút ít, mẹ vừa có bốn mươi lăm vị khách và trong đó bốn mươi hai vị nói về bức tranh của Gérôme⁽¹²⁴⁾! Nhưng một hôm nào đó, - bà bảo tôi, - cậu hãy tới uống trà của cậu với Gilberte, em nó sẽ pha theo sở thích của cậu, như thể cậu uống trong “thư phòng” ở nhà thôi mà, - bà nói thêm với thái độ ra chiều tôi tới tìm một cái gì rất quen thuộc trong cái thế giới bí ẩn này. - Bao giờ cậu tới? Mai hả? Chúng tôi sẽ có những chén rượu mừng cậu chẳng kém ở nhà Colombin đâu. Không hả? Cậu tẻ lắm đấy, - bà lại nói tiếp, vì từ khi bắt đầu có khách thính, bà Swann cũng học đòi cung cách bà Verdurin, với cái giọng vừa độc đoán vừa nhõng nhẽo.

Vả lại, tôi không hề biết những cốc rượu mừng cũng như Colombin nên lời hứa trên đây không có sức cám dỗ tôi thêm. Điều có vẻ kỳ lạ hơn là ngay từ phút đầu tôi không hiểu bà Swann muốn nói tới ai khi nghe bà ca ngợi bà “nurse”⁽¹²⁵⁾ già của chúng tôi - vì ai cũng nói như vậy và có lẽ ngay cả bây giờ người ta cũng vẫn nói ở Combray. Tôi không biết tiếng Anh, nhưng sớm hiểu ra rằng từ ấy chỉ Françoise. Ở Vườn hoa Élysée, tôi vốn rất sợ ấn tượng xấu Françoise có thể gây ra, thế mà giờ đây, qua bà Swann, tôi được

biết Gilberte chỉ kể có thể với bà về bà “nurse” của tôi, người đã khiến cả hai vợ chồng bà có cảm tình đối với tôi.

- Chúng tôi cảm thấy bà ấy rất tận tụy với gia đình cậu, bà ấy tốt thật đấy, - bà Swann nói tiếp với tôi về Françoise.

Cuối cùng, qua mấy lời bà Swann thốt ra về bà Blatin mà bà ấy thừa nhận tấm lòng nhân hậu nhưng rất e ngại những buổi viếng thăm, tôi hiểu ra rằng giá có quan hệ cá nhân với vị phu nhân này thì cũng không quý giá đến mức như tôi hằng nghĩ và không hề cải thiện gì hết vị trí của tôi ở gia đình Swann.

Nếu tôi đã bắt đầu khám phá với những phút giây trân trọng và mừng vui cái địa hạt thần tiên mở ra trước mắt mình những cánh cửa trước đây đóng kín và ngoài cả ước mong của mình, thì cũng chỉ là với tư cách bạn Gilberte mà thôi. Bản thân cái vương quốc tôi được đón tiếp nằm trong một vương quốc còn bí ẩn hơn, nơi hai vợ chồng Swann sống cuộc sống siêu nhiên của họ, và họ bước tới đó sau khi bắt tay tôi cùng đi qua tiền sảnh một lúc với họ nhưng ngược chiều nhau. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi bước vào trong lòng “giáo đường”. Giả dụ Gilberte đi vắng, chỉ có ông hoặc bà Swann ở nhà. Họ hỏi ai bấm chuông, và biết là tôi, họ muốn tôi yêu cầu được vào gặp họ một lát và sử dụng ảnh hưởng của mình đối với con gái họ, theo hướng này hay hướng khác, về sự việc này hay sự việc nọ. Tôi nhớ lại bức thư hoàn chỉnh, đầy sức thuyết phục trước kia tôi gửi tới Swann mà ông của lý trí và của con tim trong việc thực hiện dù chỉ một sự cải hóa nhỏ nhất trong việc giải quyết, dù chỉ là một chút khó khăn mà sau đó cuộc sống thanh toán hết sức dễ dàng trong lúc người ta không sao hiểu nổi bằng cách nào. Với vị trí mới là bạn Gilberte, và có một ảnh hưởng tuyệt vời đối với nàng, giờ đây tôi đương hưởng một thứ ân huệ chẳng khác nào trong một trường trung học tôi luôn luôn đứng đầu lớp và làm bạn với con trai một nhà vua, và nhờ sự ngẫu nhiên ấy được đặt chân vào Hoàng cung và dự những buổi triều yết. Với một thái độ nhân hậu vô song và như thể không hề bận rộn những công việc quang vinh, Swann đưa tôi vào thư viện của ông, và suốt một tiếng nghe tôi, sau những giây phút im lặng then thừng, áp úng trả lời bằng những câu cụt lủn và rời rạc những vấn đề mà trong cơn xúc động tôi không hiểu lấy một chữ; ông chỉ cho tôi những tác phẩm nghệ thuật và những cuốn sách mà ông cho là có thể làm tôi thích thú, và ngay từ đầu tôi không mấy may nghi ngờ là chúng tôi không vượt xa về mặt thẩm mỹ tất cả những gì có trong bảo tàng Le Louvre và trong Thư viện Quốc gia, nhưng tôi không được nhìn thấy. Vào những lúc ấy, anh chàng chỉ huy

đám hầu bàn của ông ta chắc hẳn sẽ làm tôi vui lòng nếu yêu cầu tôi cho hẳn cả đồng hồ lẫn kim cài cà vạt và giày cao cổ của mình và ký giấy công nhận hẳn là người thừa kế: theo một câu nói dân gian mà người ta không rõ tác giả, cũng giống như người ta không biết tác giả những bài sử thi nổi tiếng nhất, nhưng cũng giống như chúng và trái với lý thuyết Wolf, chắc hẳn phải có một tác giả (một trong những bộ óc sáng tạo và khiêm nhường người ta vẫn gặp hàng năm, họ có những khám phá như “đặt một cái tên cho một hình tượng”, nhưng tên tuổi của mình thì họ giấu kín), tôi không còn biết mình làm gì nữa. Cùng lắm thì khi cuộc viếng thăm kéo dài, tôi kinh ngạc không biết những giờ phút sống trong ngôi nhà thần tiên này dắt dẫn tới cái hư vô nào trong hiện thực cuộc sống, cái vô vọng nào trong việc tìm kiếm một kết luận thỏa đáng. Nhưng nguyên nhân nổi thất vọng của tôi không phải là sự bất cập của các kiệt tác được giới thiệu, cũng không phải do tôi không thể lướt lên chúng một ánh mắt lơ đãng, vì điều khiến tôi ngây ngất khi được ngồi trong phòng Swann, không phải là cái đẹp tự thân của sự vật, mà chính là sự gắn bó với những sự vật ấy - dù chúng có thể là những sự vật xấu xí nhất đời đi nữa - của một tình cảm đặc biệt, âu sâu và khoái trá mà tôi cho là tồn tại ở đây từ rất nhiều năm tháng và cho tới lúc này vẫn thấm đậm ở đây. Cũng tương tự như vậy, vô số những chiếc gương soi, bàn chải bằng bạc và bàn thờ thánh Antoine de Padoue⁽¹²⁶⁾ do bàn tay của những nghệ sĩ vĩ đại nhất, bè bạn bà, vẽ và khắc chạm nên, chẳng dự phần gì hết vào sự nhận thức của tôi về tình trạng không xứng đáng của mình và về tấm lòng nhân hậu vương giả của bà Swann khi bà tiếp tôi một lát trong phòng riêng, nơi ba sinh linh xinh đẹp và đồ sộ, nàng hầu thứ nhất, thứ hai và thứ ba của bà tươi cười chuẩn bị những bộ trang phục tuyệt vời, và theo lệnh của người bồi hầu mặc quần áo ngắn truyền tới là phu nhân muốn nói với tôi một lời, tôi tiến về căn phòng ấy theo một hành lang khúc khuỷu từ xa tỏa ra những mùi thơm ngào ngạt của phòng trang điểm. Khi bà Swann quay trở lại gặp tân khách, chúng tôi vẫn nghe bà cười nói, vì dù chỉ đứng trước hai người và làm như thế phải đương đầu với tất cả “bè bạn”, bà vẫn cất cao giọng, phát ra lời này lời khác như bà từng thường nghe “bà chủ” nói trong cái nhóm nhỏ của họ, khi bà chủ này “điều khiển buổi nói chuyện”, vì những từ ngữ chúng ta vừa mới vay mượn của những người khác là những từ ngữ mình thích dùng hơn cả, ít nhất cũng trong một thời gian, nên bà Swann chọn khi thì những từ ngữ bà học được của những con người danh giá mà ông chồng không thể không cho bà làm quen (chính bà học được ở họ cái thói cầu kỳ bỏ loại từ và đại từ chỉ thị trước một tính

từ nói về người), khi thì của những kẻ hết sức tầm thường (chẳng hạn: “Chẳng là cái gì sắt!” lời nói đầu cửa miệng của một người bạn gái bà), và tìm cách dùng chúng vào mọi chuyện bà thích kể lại theo cái thói quen học được trong cái “nhóm nhỏ” ngày trước. Sau đó bà sẵn sàng nói:

- “Tôi rất thích câu chuyện này”,

- “A! Phải thú nhận đi, đây là một chuyện đẹp đẽ!” Những cách nói năng này, bà Swann theo học gia đình Guermantes, nhưng qua ông chồng, chứ bà đâu có quen gia đình ấy.

Bà Swann đã rời phòng ăn, nhưng ông chồng vừa đi đâu về bước tới cạnh chúng tôi.

- Gilberte, mẹ con có ở nhà một mình không?

- Thừa ba, không, mẹ vẫn còn khách.

- Sao, vẫn còn khách hả? Lúc bảy giờ tối! Khủng khiếp thật! Bà vợ tội nghiệp của tôi đến kiệt sức mất thôi! (Ở nhà bao giờ tôi cũng nghe từ ố kéo dài ra, còn ông và bà Swann thì rút ngắn, nói gọn lại). Cậu nghĩ xem, từ hai giờ chiều tới bảy giờ! - Ông quay về phía tôi nói tiếp. - Và Camille bảo tôi khoảng từ bốn đến năm giờ, có đến những mười hai người kéo tới. Sao? Tôi bảo mười hai hả? Tôi nghĩ là hẳn nói mười bốn cơ. Không, mười hai thôi; rốt cuộc, tôi cũng không còn biết nữa. Khi trở về, tôi không nghĩ hôm nay là ngày tiếp khách của bà ấy và, lúc thấy tất cả đoàn xe trước cửa, tôi ngỡ trong nhà có đám cưới. Và từ khi tôi vào phòng đọc sách cho đến nay đã được một lúc, chuông điện vẫn không ngừng vang lên; thành thật mà nói, tôi đau đầu lắm. Thế mà còn đông khách không? - Ông hỏi tiếp Gilberte.

- Không, chỉ có hai người thôi, thưa ba.

- Con có biết những ai không?

- Bà Cottard và bà Bontemps.

- A! Bà vợ ông Chánh văn phòng của ông Bộ trưởng Công chính.

- Con biết chồng bà ấy là nhân viên trong một Bộ, nhưng chính xác thế nào thì con không rõ, - Gilberte làm ra vẻ trẻ con trả lời.

- Sao? Ngốc ời là ngốc! Con nói như một con bé lên hai. Con bảo thế nào: nhân viên trong một Bộ hả? Ông ta chỉ là chánh văn phòng, “chánh của cả cái lò ấy”; nhưng không, trời đất, đầu óc ba sao thế này, ba cũng lơ đễnh chẳng khác gì con, ông ta không phải chánh văn phòng, mà là đồng lý văn phòng.

- Con thì con chẳng biết đâu; vậy ra đồng lý văn phòng thì oai lắm hả ba? - Gilberte hỏi lại: nàng không bỏ qua một cơ hội nào để tỏ vẻ thờ ơ đối với

tất cả những gì khiến bố mẹ nàng kiêu hãnh (và lại, nàng có thể nghĩ mình chỉ làm tăng thêm giá trị một mối quan hệ lấy lòng đến thế bằng cách làm ra vẻ không quá coi trọng nó).

- Sao, con bảo oai lắm hả? - Swann kêu toáng lên: ông muốn có những lời lẽ rõ ràng thay thế mà lỗi khiếm tốn có thể làm tôi bán tính bán nghi. -

Nhưng ông ta chỉ là người thứ nhất sau ông Bộ trưởng! Thậm chí còn hơn cả bộ trưởng, vì ông ta là một con người có năng lực, một con người hạng nhất, đặc biệt xuất sắc. Được thưởng Bắc đẩu bội tinh.

Một con người tinh tế tuyệt vời, lại rất đẹp trai.

Hơn thế nữa, bà vợ lấy ông ta, bất chấp thiên hạ phản đối, bởi vì đó là một “con người đầy sức hấp dẫn”. Ông có bộ râu màu hung bóng mượt, những đường nét đẹp, một giọng mũi, hơi thở khỏe và một con mắt giả, tất cả để có thể tạo nên một bộ sậu hiếm thấy và tinh tế.

- Tôi muốn nói với cậu, - ông ta quay về phía tôi nói thế, - tôi rất khoái thấy các vị đó trong chính phủ hiện nay, vì đó là gia đình Bontemps, thuộc dòng họ Bontemps-Chenut, điển hình của tầng lớp tư sản phản động vốn ưu đãi giới tăng lữ và tư tưởng hẹp hòi. Người ông nội tội nghiệp của cậu từng biết rõ, ít ra cũng bằng mắt và về tiếng tăm, cả ông lão Chenut tuy giàu có đối với thời kỳ ấy nhưng chỉ cho xà ích một xu puôcboa, lẫn nam tước Chenut. Toàn bộ gia sản đã tiêu tan trong vụ sụp đổ của Tổng công ty, cậu còn quá trẻ nên không thể biết điều đó, và lạ thật! Họ đã ra sức khôi phục lại tất cả.

- Ông ấy là bác một con bé vừa đến trường con, ở một lớp dưới lớp con nhiều, con bé Albertine “ghê gớm” ấy mà. Chắc chắn nó sẽ rất kiêu sa, nhưng trong lúc chờ đợi, trông nó có vẻ buồn cười thế nào ấy.

Con gái tôi đến là lạ, ai ai nó cũng biết hết.

- Con không quen biết con bé ấy đâu. Con chỉ thấy nó đi qua thôi, chỗ này người ta kêu Albertine, chỗ khác người ta gọi Albertine. Nhưng con biết bà Bontemps, và cả bà ấy, con cũng không thích.

- Con hết sức sai lầm đấy, bà ấy xinh đẹp, hấp dẫn, thông minh. Thậm chí cơ mưu. Ba sắp đến chào bà ấy đây, hỏi bà xem chồng bà có nghĩ là chiến tranh sắp xảy ra không, và liệu chúng ta có thể trông cậy vào vua Théodose được không. Chắc Ngài phải biết điều ấy, có phải thế không nào? Có điều bí ẩn nào mà Ngài không biết đâu.

Trước kia Swann đâu có nói năng như thế; nhưng ai mà chẳng thấy những nàng công chúa khá ngây thơ bất giác huyền thuyên như những mẹ già lắm

mồm nếu mười năm sau họ để cho gã hầu phòng cướp đoạt và tìm cách gặp lại giới thượng lưu nhưng cảm thấy người ta không sẵn sàng tới nhà mình; và khi ai nhắc tới một nữ công tước đang hợp thời thượng, lại chẳng nghe họ nói: “Hôm qua bà ấy ở nhà tôi”, hoặc: “Tôi sống rất biệt lập?” Bởi thế chẳng cần quan sát phong tục tập quán: có thể suy luận ra chúng từ các quy luật tâm lý học.

Vợ chồng Swann tham gia vào thứ lộn xộn của những kẻ mà giới thượng lưu ít lui tới nhà; đối với họ, một buổi viếng thăm, một lời mời mọc, một lời nhân ái không thôi của những con người hơi quan trọng một chút là một sự kiện họ muốn quảng cáo rùm beng. Nếu chẳng may gia đình Verdurin đang ở Londres trong lúc Odette được mời dự một người bạn chung nào đó, cái tin được mời dự ăn tối ấy được điện xuyên qua biển Manche. Không có bức thư, bức điện tâng bốc nào của Odette nhận được mà vợ chồng Swann giữ kín nổi. Họ đưa ra nói với bè bạn, và chuyển hết từ tay này đến tay nọ. Thế là phòng khách nhà họ giống như khách sạn ở những thành phố có nước khoáng, nơi người ta dán các bức điện.

Vả lại, những người biết Swann ngày trước không phải chỉ nằm bên ngoài xã hội thượng lưu như trường hợp của tôi, mà là ở bên trong xã hội ấy, trong nhóm Guermantes, nơi ngoại trừ đối với các Điện hạ và các công tước phu nhân, người ta đòi hỏi hết sức gắt gao về trí tuệ và sức quyến rũ, nơi người ta tuyên bố loại trừ những nhân vật kiệt xuất mà họ cho là khó chịu hay tầm thường, những người đó có thể ngạc nhiên khi nhận thấy Swann ngày trước nay chẳng những không còn kín đáo khi nói về bạn bè, mà cũng không còn khó tính khi phải chọn bạn nữa. Làm sao bà Bontemps, vốn tầm thường đến thế, độc ác đến thế, không làm ông ta điên tiết? Làm sao ông có thể tuyên bố bà ta là người dễ chịu được? Lẽ ra ký ức về nhóm Guermantes phải ngăn cản không cho ông làm như vậy, nhưng thực tế, nó lại khuyến khích ông ta. Dĩ nhiên trái ngược với ba phần tư giới thượng lưu gia đình Guermantes vẫn có phong vị thanh lịch, nhưng cũng có cả thói chạy theo thời thượng nên có khả năng phong vị ấy nhất thời bị gián đoạn. Nếu có một người không cần thiết cho đám bè bạn ấy, chẳng hạn, một ông bộ trưởng Ngoại giao, đảng viên Cộng hòa có phần long trọng, một ngài viện sĩ ba hoa, thì Swann cảm thấy hoàn toàn không thích hợp, và phàn nàn bà de Guermantes sao lại ăn tối bên những người khách như vậy trong một bữa tiệc: ông ta thích hơn đến ngàn vạn lần một kẻ thanh lịch, nghĩa là một kẻ trong nhóm Guermantes tuy vô tích sự nhưng có tinh thần gia đình Guermantes, thì họ cũng cùng một hội một thuyền ấy mặc dù không có

quyền và không hề mang một chút tinh thần nào của nhóm Guermantes. Nhưng với sự ngây thơ của xã hội phù hoa, khi đã đón tiếp bà quận chúa hay bà công chúa thì người ta cố cho là bà ta dễ thương bởi lẽ không thể tự nói với mình rằng vì nhận thấy bà ta dễ thương nên người ta đón tiếp. Sau khi Quận chúa ra về, Swann khích lệ bà de Guerman tes:

- Xét cho cùng, bà ấy là một người đàn bà tốt, thậm chí có chút ít tinh thần hài hước. Lạy Chúa, tôi không nghĩ là bà ấy nghiêm cứu sâu cuốn *Phê phán Lý tính thuần túy*⁽¹²⁷⁾ nhưng bà ấy không làm người ta khó chịu.
- Tôi hoàn toàn đồng ý với ông, - bà công tước đáp. - Bà ấy, tính còn rụt rè, nhưng ông sẽ thấy là vẫn dễ thương.
- Bà ấy ít quấy rầy hơn nhiều so với bà XJ (bà vợ sắc sảo của ngài viện sĩ huyền thiên), người từng viện dẫn với bà tới hai chục cuốn sách.
- Nhưng không thể có sự so sánh nào hết đâu.

Swann tiếp thu được ở gia đình bà công tước, và giữ nguyên cái khả năng nói ra và nói một cách thành thực những điều như thế. Giờ đây ông ta sử dụng chúng đối với những người ông tiếp đón. Ông cố phân tích và yêu mến ở họ những đức tính mà mọi con người đều bộc lộ nếu người ta xem xét họ với một dự cảm tốt lành chứ không phải với thái độ chán ghét của những kẻ khó tính; ông đề cao đức tính của bà Bontemps như trước kia từng đề cao những nét đẹp của công chúa De Panne, người lẽ ra có thể bị loại trừ khỏi nhóm Guermantes nếu không có chế độ ưu ái đối với một số ông hoàng, bà chúa và nếu người ta chỉ thực sự coi trọng trí tuệ và một sức cuốn hút nhất định ngay đối với cả các vị ấy. Và lại, bạn đọc đã thấy là Swann thích thú ngay đối với cả các vị ấy. Và lại, bạn đọc đã thấy là Swann thích thú thay đổi địa vị của mình trong xã hội phù hoa lấy một địa vị khác có khi thích hợp với ông ta hơn trong một số hoàn cảnh (và ngày nay ông vẫn duy trì sở thích ấy một cách bền vững hơn). Chỉ có những ai trong nhận thức của mình không sao phân tích nổi những gì thoát đầu tưởng không thể phân chia, mới cho rằng hoàn cảnh gắn chặt với con người. Cũng cùng một con người nhưng xét ở những thời kỳ kế tiếp nhau của cuộc đời thì người đó tằm táp ở những thang bậc xã hội khác nhau trong môi trường không nhất thiết ngày càng lên cao; và mỗi khi trong một thời kỳ khác của cuộc đời, chúng ta thắt chặt hay nối lại những mối quan hệ với một môi trường trong đó mình cảm thấy được chiều chuộng, thì một cách hết sức tự nhiên chúng ta bắt đầu gắn bó với nó bằng những tình cảm sâu lắng “rất người”. Về bà Bontemps, tôi cũng nghĩ Swann không hề bất bình khi cho rằng bố mẹ tôi biết tin bà ta đến thăm bà Swann: ông ta từng tha thiết nói về bà

Bontemps. Nói cho đúng, ở gia đình chúng tôi, tên tuổi những người mà bà Swann dần dà quen biết, kích thích sự hiếu kỳ hơn là gọi lên lòng thán phục, khi nghe nhắc tới tên bà Trombert, mẹ tôi bảo:

- A! Lại là một tay “tân binh” nữa, bà ta sẽ đưa tới những tay “tân binh” khác thôi.

Và như thế so sánh cái cách có phần đơn giản, vội vã và thô bạo của bà Swann trong việc chinh phục bạn bè, với một cuộc chiến tranh thuộc địa, mẹ tôi nói thêm:

- Giờ đây, khi vợ chồng Trombert đã chịu khuất phục thì các “bộ lạc” bên cạnh không mấy lúc mà đầu hàng.

Gặp bà Swann ngoài phố, mẹ tôi vội bảo khi vừa về tới nhà:

- Mẹ vừa trông thấy bà Swann. Ra chiều gây gổ lắm. Chắc hẳn lại đi “tấn công” các gia đình bất trị thôi.

Hễ nghe tôi nói ở nhà Swann, tôi gặp người này người nọ, những người thường bị níu kéo tương đối khó khăn và từ những hoàn cảnh tương đối khác nhau đến chốn khá ô hợp và có phần gò bó này, là mẹ tôi đoán ra ngay lập tức nguồn gốc của họ, nói về họ như về những chiến lợi phẩm được mua với giá đắt.

- Lại một con mồi từ cuộc chinh phạt ở gia đình X, Y nào đó mang về thôi,
- bà khẳng định.

Còn bố tôi thì không sao hiểu nổi vì lợi ích bà Swann lôi kéo cho được một người đàn bà trưởng giả ít thanh lịch như bà Cottard. Ông bảo:

- Mặc dù địa vị giáo sư Cottard, bố thú thật là bố chẳng hiểu gì hết.

Trái lại, mẹ tôi thì hiểu rất rõ; bà biết là một người đàn bà sẽ mất đi một phần quan trọng những niềm hứng thú của mình khi thâm nhập một môi trường khác môi trường mình sống trước đây nếu không nói được cho bạn bè cũ biết về những chỗ bằng hữu mới, tương đối sang trọng hơn, thay thế những người bạn cũ. Muốn vậy, cần một chứng nhân mà người ta để cho thâm nhập vào cái thế giới mới lạ và ngọt ngào này, giống như để cho một con côn trùng vo ve và bay lượn thâm nhập vào một đóa hoa và sau đó trong những cuộc phiêu lãng của nó, gieo vãi - ít ra người ta cũng hy vọng như vậy - nguồn tin mới, cái hạt giống từng ao ước và thán phục mà nó tước đoạt được. Là người có đầy đủ điều kiện để làm nhiệm vụ ấy, bà Cottard thuộc loại tân khách đặc biệt mà mẹ tôi, vốn mang một vài nét tính cách của ông ngoại tôi, gọi là những “kẻ xa lạ đi tung tin”(128). Và lại, ngoài một lý do khác mà mãi nhiều năm sau người ta mới biết, trong lúc mời người bạn gái đôn hậu, thận trọng và khiêm nhường này vào những

ngày mình tiếp khách bà Swann không sợ đưa vào nhà mình một kẻ phản bội hay một tay kinh địch. Bà ta biết vô số “đài hoa trưởng giả” mà chỉ trong một buổi chiều không thôi “con ong thợ” cần mẫn kia có thể tới viếng thăm, lông chim cắm trên mũ và mang theo ví bỏ danh thiếp. Bà ta biết khả năng phát tán của con ong thợ ấy và, dựa trên phép tính xác suất, có cơ sở để cho rằng rất có thể chỉ sau hai ngày là một người thân quen nào đó của gia đình Verdurin đã được tin ngài Thống đốc thành Paris để lại danh thiếp ở nhà bà, hoặc nữa chính bản thân ông Verdurin đã nghe kể là ông Le Hault de Pressagny, Chủ tịch Cuộc đua ngựa, đưa vợ chồng Swann tới buổi dạ hội của vua Théodose; bà cho là vợ chồng Verdurin chỉ được thông báo hai sự kiện đáng kiêu hãnh ấy đối với bà, vì không dễ gì vật chất hóa việc tưởng tượng và theo đuổi niềm vinh quang trên đời do khiếm khuyết của trí tuệ chúng ta: nó không thể hình dung cùng một lúc tất cả các hình thái mà trên đại thể chúng ta hy vọng niềm vinh quang ấy đồng thời mang lại cho mình.

Vả lại, bà Swann chỉ thu được kết quả trong cái người ta vẫn gọi là “thế giới quan chức”. Những người đàn bà thanh lịch không tới nhà bà ta. Không phải vì sự có mặt của các quan chức Cộng hòa mà họ không tới. Vào thời kỳ tôi còn ấu thơ, tất cả những gì thuộc về xã hội bảo thủ đều mang tính chất phù hoa, và trong một thính phòng đứng đắn, người ta không thể đón tiếp một tay Cộng hòa. Những con người sống trong một môi trường như vậy hình dung rằng không bao giờ có thể mời một kẻ “cơ hội”, chứ đừng nói một tay “cấp tiến” khủng khiếp, sự cấm đoán ấy sẽ tồn tại mãi mãi như những cây đèn Dầu và những cỗ xe ngựa. Nhưng tựa những chiếc kính vạn hoa thỉnh thoảng quay tròn, xã hội loài người lần lượt bố trí một cách khác nhau những yếu tố người ta vốn tưởng là bất di bất dịch, và tạo nên một bộ mặt mới. Tôi chưa kịp được ban lễ thánh thể ban đầu thì những vị phu nhân có thiện chí đã kinh hoàng gặp phải một phụ nữ Do Thái thanh lịch trong buổi tiếp khách của bà Swann. Những cách bố trí mới của chiếc kính vạn hoa được tạo nên bởi cái mà nhà triết học có thể gọi là một sự đổi thay tiêu chuẩn chân lý. Vụ Dreyfus⁽¹²⁹⁾ dẫn tới một tiêu chuẩn mới, vào một thời kỳ xảy ra ít lâu sau khi tôi bắt đầu tới nhà bà Swann, và một lần nữa kính vạn hoa lật ngược những cái hình thoi nhiều màu sắc của nó. Tất cả những gì là Do Thái, kể cả vị phu nhân thanh lịch, đều chuyển xuống phía dưới, và những người dân tộc chủ nghĩa vô danh tiểu tốt chiếm đoạt vị trí của chúng: Thính phòng lừng danh nhất ở Paris là của một ông hoàng người Áo, một tín đồ Cơ Đốc giáo cực đoan. Nếu thay

vì vụ Dreyfus là một cuộc chiến tranh với Đức chẳng hạn thì vòng quay của chiếc kính vạn hoa sẽ diễn ra theo một hướng khác. Trước con mắt kinh ngạc của mọi người, và sau khi chứng minh tinh thần yêu nước của mình, người Do Thái sẽ giữ nguyên vị trí trước đây, và sẽ không còn một ai muốn tới hoặc thậm chí muốn thú nhận đã có lúc tới nhà ông hoàng người Áo nữa. Nhưng không phải vì vậy mà mỗi khi xã hội tạm thời bất động, người ta không hình dung là sẽ không còn xảy ra một sự đổi thay nào khác, cũng giống như sau khi thấy điện thoại ra đời, không phải người ta không còn muốn nghĩ tới máy bay nữa. Tuy nhiên các nhà triết học trong giới báo chí bêu riếu thời kỳ trước đó, bêu riếu chẳng những cái thứ khoái lạc người ta thường thức trong thời kỳ ấy và bị họ xem là giới hạn tận cùng của sự sa đọa, mà còn cả công trình của các nghệ sĩ và triết gia mà họ cho là không còn giá trị gì nữa, như thể những công trình ấy gắn liền khăng khít với những hình thái kế tiếp nhau của thói phù hoa trong xã hội thượng lưu. Điều duy nhất không thay đổi là hình như mỗi lần lại có “một cái gì đổi thay ở Pháp”. Vào lúc tôi tới nhà bà Swann, vụ Dreyfus chưa nổi ra, và một số người Do Thái quan trọng nắm giữ những quyền lực rất lớn đặc biệt là ông Rufus Israels mà bà vợ, bà Israels, là cô ruột Swann. Cá nhân bà ta không có những mối quan hệ cao sang như người cháu; vả lại, không yêu mến bà cô, Swann không bao giờ sẵn đón bà, mặc dù biết chắc mình sẽ là người thừa kế. Nhưng bà là người bà con duy nhất của gia đình Swann biết rõ vị trí của Swann trong xã hội thượng lưu, còn những người khác thì cũng như chúng tôi không hề hay biết gì trong một thời gian dài. Khi trong một gia đình, một thành viên thâm nhập vào xã hội thượng lưu - điều hẳn tưởng là đặc ân duy nhất đối với riêng mình nhưng chừng mười năm sau sẽ nhận ra là không ít chàng trai cũng được nuôi dưỡng với mình cũng đã hưởng đặc ân theo một cách khác và vì những lý do khác - với hẳn thì hẳn vẽ lên xung quanh mình một khu vực bóng tối, một Terra incognita⁽¹³⁰⁾, rất dễ thấy đối với tất cả những ai ở trong đó, nhưng lại là đêm tối, là khoảng hư vô hoàn toàn đối với những ai đi sát bên cạnh mà không hề hay biết nó tồn tại. Không một ai⁽¹³¹⁾ nói cho họ hàng Swann biết ông giao du với những ai nên (dĩ nhiên là trước cuộc hôn nhân “ghê gớm” của ông) trong những bữa ăn tối đông đủ, với những nụ cười hạ cổ trên môi, người ta kể cho nhau nghe là đã sử dụng ngày Chủ nhật một cách “thánh thiện” ra sao để viếng thăm “người anh em họ Charles” mà gọi có phần hài hước là: “Người anh em họ Bête⁽¹³²⁾ dựa theo nhan đề tiểu thuyết của Balzac⁽¹³³⁾, Họ cho anh

ta vừa nghèo vừa hay ganh tị. Riêng bà Rufus Israels thì biết tổng những kẻ ban phát cho Swann một tình bạn mà bà ta ghen tức, là những kẻ nào. Gia tộc chồng bà, chẳng mấy thua kém dòng họ Rothschild⁽¹³⁴⁾, từng quan tâm từ nhiều thế hệ tới công việc của hoàng tộc Orléans⁽¹³⁵⁾. Cực kỳ giàu có, bà Israels có ảnh hưởng rất lớn và sử dụng nó để không cho một người nào trong phạm vi quen biết của mình tiếp Odette. Riêng có một người lén lút không nghe theo. Người ấy là nữ bá tước de Marsantes. Chẳng may tình cờ khi Odette đến thăm bà de Marsantes thì bà Israels cũng bước vào hầu như cùng một lúc. Bà de Marsantes hết sức bối rối. Với thái độ hèn nhát tuy là người muốn cho phép mình làm gì cũng được, bà ta không nói lấy nửa lời với Odette; từ ấy người đàn bà này không còn thiết tha thâm nhập sâu hơn vào một xã hội bà ta vốn không hề ước ao bước chân vào. Trong sự lạnh nhạt hoàn toàn của xóm Saint-Germain⁽¹³⁶⁾, Odette tiếp tục bị xem là người đàn bà lẳng lơ mù chữ khác xa bọn trưởng giả thuộc lâu như trong lòng bàn tay những chi tiết phả hệ nhỏ nhất và đọc các tác phẩm hồi ký ngày trước để khuây khỏa nỗi niềm khát khao những mối quan hệ quý tộc mà cuộc đời thực không mang tới cho họ. Vả lại, đối với Swann, chắc hẳn mọi đặc điểm của một người tình cũ vẫn dễ chịu hoặc vô hại; tôi thường nghe bà vợ ông ta thốt ra những điều cằn rở về xã hội phù hoa mà ông không hề tìm cách uốn nắn. Cũng có thể đấy là cái lỗi ngây thơ của Swann; nó từng đánh lừa chúng tôi trong một thời gian dài ở Combray, ngày nay, tiếp tục làm quen với những kẻ quyền quý, ít ra cũng vì lợi ích bản thân, Swann không quan tâm người ta có thấy những kẻ đó có quan trọng hay không trong khi trò chuyện trong xalông của bà vợ. Vả lại, đối với Swann, giờ đây họ ít quan trọng hơn bao giờ hết, vì trọng tâm của cuộc đời ông đã thay đổi. Dẫu sao về xã hội thượng lưu, Odette là bà ta nói ngay:

- Lạ nhỉ, là ông hoàng bà chúa kia ạ, thì ra họ đã lên chức hả?

Nếu có ai gọi “hoàng thân” khi nói về công tước de Chartres thì bà ta vội vã và đính chính:

- Công tước thôi, ông ta là công tước de Chartres, chứ đâu phải hoàng thân.

Về công tước d’Orléans, con trai bá tước de Paris, bà ta bảo:

- Kỳ lạ thật, con lại hơn cha kia đấy.

Và thích bắt chước người Anh, nói thêm:

- Thật rồi tình rồi mù lên trong những cái “Royalties!”⁽¹³⁷⁾ này.

Và khi có người hỏi gia đình de Guermantes quê quán tỉnh nào, bà ta đáp:

- Aisne⁽¹³⁸⁾.

Hơn nữa Swann không hề nhận ra chẳng những thiếu sót trong quá trình giáo dục của Odette mà cả tình trạng đầu óc tồi tệ của bà ta. Đã thế, mỗi lần Odette kể một câu chuyện ngốc nghếch là Swann lắng nghe, vẻ say sưa, hoan hỉ, hầu như cả thân phục trong đó phảng phất chút ít khoái lạc; còn khi Swann nói ra những điều tinh tế, thậm chí sâu sắc, thì thường Odette nghe không một chút thích thú, vẻ sốt ruột và có khi lại phản bác gay gắt. Có thể dễ dàng kết luận sự khuất phục của trí tuệ trước cái tầm thường là một thứ quy luật trong khá nhiều gia đình, nếu người ta lại nghĩ tới biết bao phụ nữ siêu phàm bị mê hoặc bởi một gã thô kệch, kẻ kiểm duyệt không thương tiếc những lời lẽ tinh tế nhất của họ, trong lúc họ say sưa và tỏ thái độ cực kỳ khoan dung và âu yếm trước những trò khôi hài hết sức nhạt nhẽo của gã. Trở lại những lý do ngăn cản Odette vào thời kỳ ấy thâm nhập vào xóm Saint-Germain phải nói rằng cái vòng quay mới nhất của chiếc kính vạn hoa của giới thượng lưu là do một loạt vụ tai tiếng gây nên. Có những người đàn bà được người ta một mực tin tưởng trong khi lui tới nhà, bỗng lộ mặt, là gái điếm hay gián điệp Anh. Đã có một thời người ta những muốn ai nấy trước hết phải tỉnh táo, phải vững tâm, ít ra người ta cũng tin như vậy... Chính Odette đại diện cho tất cả những gì người ta vừa đoạn tuyệt nhưng lại được nối lại ngay (vì con người ta đâu có thay đổi ngày một ngày hai nên tìm cách tiếp nối chế độ cũ trong một chế độ mới), nhưng bằng cách tìm kiếm một hình thức khác cho phép mình chấp nhận sự phỉnh phờ và tin giờ đây không còn là xã hội trước ngày khủng hoảng nữa. Và lại, Odette quá giống các bà mê mẩn cái xã hội ấy. Giới thượng lưu khá cận thị: vào lúc ngừng mọi quan hệ với những người phụ nữ Israel quen biết ngày trước trong lúc bản khoán không biết lấp chỗ trống ấy ra sao, họ bỗng trông thấy một người đàn bà mới cũng người Israel, xuất hiện như sau một đêm đông bão; nhưng trước vẻ mới mẻ của người đàn bà này, họ vội cho bà ta không hề có gì đáng ghét như những người đàn bà trước. Bà ta không đòi hỏi phải thờ phụng Thượng đế như mình. Người ta chấp nhận bà ta. Vấn đề bài Do Thái chưa đặt ra vào thời kỳ tôi bắt đầu tới nhà Odette. Nhưng hình như người ta muốn lánh tránh bà ta một thời gian.

Còn Swann thì thường viếng thăm một vài chỗ bạn bè thuở trước, họ đều thuộc xã hội tối thượng lưu. Tuy nhiên khi ông ta nói về những người ông vừa tới thăm, tôi nhận thấy sự lựa chọn giờ đây của Swann đối với số bạn bè ngày xưa ấy tuân theo thứ thị hiếu mang màu sắc nửa nghệ thuật nửa lịch sử khiến ông ta hành động theo kiểu nhà sưu tầm. Và nhận thấy Swann

thường vẫn chú ý tới một vị đại phu nhân nào đó tuy đã bị thay bậc đổi ngôi, vì trước đây bà ta từng là người tình của Liszt⁽¹³⁹⁾ (hoặc vì Balzac đã để tặng bà nội bà ta một cuốn tiểu thuyết cũng như Swann tìm mua một bức họa nếu nó đã được Chateaubriand⁽¹⁴⁰⁾ miêu tả), tôi bỗng hiểu ra nếu trước kia chúng tôi từng nhầm lẫn khi cho Swann là một tay trưởng giả không giao thiệp với xã hội thượng lưu thì sau này ở Combray lại phạm một sai lầm khác là định ninh ông ta là một trong những con người thanh lịch nhất Paris. Là bạn của bá tước de Paris thì có nghĩa lý gì đâu. Có biết bao nhiêu “ông bạn của các ông hoàng” không được đón tiếp khi chỉ cần một xalông không mở rộng chút ít? Các ông hoàng tự biết mình là ông hoàng, không chạy theo thời thượng và định ninh mình ở rất cao trên tất cả những gì không thuộc huyết thống của họ nên cho rằng phía dưới họ, các đại quý tộc và các nhà trưởng giả hầu như cùng một thứ bậc.

Hơn nữa, Swann không chỉ muốn tìm kiếm thú vui của người trí thức và nghệ sĩ trong xã hội như nó đang tồn tại và bằng cách bám chặt những tên tuổi mà quá khứ đã ghi nhận và hiện vẫn còn có thể tìm thấy; ông ta thường thức một sự khoái trá khá tầm thường bằng cách tập hợp những con người “nhặt” được chỗ này chỗ nọ như thế tạo nên những “chùm hoa xã hội” với những yếu tố không đồng nhất. Những cuộc thử nghiệm xã hội học thú vị (hoặc Swann cho là thú vị) ấy không có một ảnh hưởng giống nhau đối với tất cả đám bạn gái của bà vợ - ít ra thì cũng một cách thường xuyên.

- Tôi có ý định mời cùng một lúc ông bà Cottard và bà công tước de Vendôme. - Ông ta vừa cười vừa nói với bà Bontemps với vẻ thành thạo của một tay sành ăn muốn thử thay thế trong một món nước xốt những nụ đinh hương bằng hạt tiêu Cayenne⁽¹⁴¹⁾.

Dự định của Swann quả có thể làm vợ chồng Cottard “thích thú” theo cái nghĩa ngày trước của từ này, nhưng lại làm bà Bontemps cáu tiết. Bà ta vừa được vợ chồng Swann giới thiệu với bà công tước de Vendôme và cảm thấy việc ấy vừa thú vị vừa tự nhiên. Kể lại vợ chồng Cottard đều kiêu hãnh quả là một việc cực kỳ thú vị. Nhưng giống như những người vừa mới được tặng thưởng muốn bịt lại ngay cái nguồn Bắc đẩu bội tinh, bà Bontemps ao ước sau lượt mình, không còn một ai trong giới bà ta được giới thiệu với bà quận chúa nữa. Bà ta thầm nguyện rửa cái thói kỳ cục của Swann: có thể đột ngột làm tiêu tan hy vọng của bà ta đang nhắm nhe làm lóa mắt vợ chồng Cottard bằng cách nói với họ về quận chúa de Vendôme. Làm sao chính bản thân bà ta đảm bảo với chồng là vợ chồng ông giáo sư cũng sắp

đến lượt được thưởng thức niềm hứng thú mà bà đã từng kiêu hãnh là người duy nhất được tận hưởng? Giá vợ chồng Cottard biết mình được mời không phải vì người ta thực sự muốn mời, mà chỉ để đùa vui! Quả là vợ chồng Bontemps cũng chỉ được mời thế thôi; nhưng học đòi được của giới quý tộc cái thói sở Khanh⁽¹⁴²⁾ nên giữa hai người đàn bà vô hạnh, Swann bảo mỗi người là người ta chỉ thực sự yêu người đó thôi: ông ta nói với bà Bontemps về bà công tước de Vendôme như về một người chắc chắn sẽ cùng ăn tối với mình.

- Đúng, - bà Swann bảo sau đó mấy tuần, - chúng tôi dự định mời bà quận chúa cùng vợ chồng ông Cottard, nhà tôi bảo cuộc họp mặt này có thể làm người ta thú vị đấy.

Odetta vẫn giữ lại của cái nhóm nhỏ Guermantes ngày trước một vài thói quen “bà chủ” Verdurin vốn rất coi trọng và sử dụng một số từ ngữ rất thân thiết đối với nhóm mà bà ta chịu sức cuốn hút từ xa và ngoài ý muốn của mình, giống như biển cả chịu sức hút của mặt trăng.

- Đúng thế, vợ chồng Cottard cùng với bà công tước de Vendôme, bà thấy có nực cười không? - Swann hỏi.

- Tôi thấy không ổn đâu và ông chỉ gây cho mình những sự rắc rối thôi, - bà Bontemps giận dữ đáp. - Chớ có chơi với lửa.

Cùng với Hoàng thân d'Agrigente, hai vợ chồng bà Bontemps được mời dự bữa ăn tối ấy mà bà ta và Cottard kể lại theo hai cách khác nhau tùy theo người nói chuyện với họ. Khi được hỏi còn có những ai khác trong bữa ăn ấy, cả bà Bontemps lẫn ông Cottard, tuy mỗi người riêng rẽ, đều đáp, về thờ ơ:

- Chỉ có ông hoàng d'Agrigente thôi, bữa ăn hoàn toàn thân mật.

Nhưng những người khác tò mò muốn biết rõ hơn. Có lần có người hỏi Cottard:

- Thế nhưng có cả vợ chồng nhà Bontemps không?

- Tôi quên họ đi rồi. - Cottard đỏ bừng mặt trả lời anh chàng vô duyên mà từ nay ông xếp vào loại ác khẩu.

Đối với loại người này, vợ chồng Bontemps và vợ chồng Cottard tuy không hỏi ý kiến nhau, đều sử dụng riêng rẽ một cách nói mà cái khung thì y hệt như nhau chỉ có điều là tên tuổi thì bị hoán vị. Cottard bảo:

- Thế này này, chỉ có chủ nhà, ông bà công tước de Vendôme (Cottard vui vẻ cười nụ), ông bà giáo sư Cottard và lạy Chúa! ông bà Bontemps, có trời biết làm sao họ có mặt vì họ tới đấy rất không đúng lúc.

Bà Bon temps cũng đọc một đoạn văn y hệt, chỉ có khác là tên tuổi ông bà Bontemps được nhắc tới với vẻ thỏa mãn hoan hỉ, sau bà công tước de Vendôme và trước ông hoàng d'Agriente; cuối cùng mới tới vợ chồng Cottard mà bà ta tố cáo là họ “tự mời họ tới, trông thật chướng mắt”.

Thường gần tới giờ ăn tối Swann mới từ các cuộc thăm viếng trở về. Vào khoảng sáu giờ tối ấy, trước kia, ông ta cảm thấy mình hết sức khốn khổ nhưng nay thì không còn băn khoăn Odette đang làm gì và chẳng mấy quan tâm bà ta đang ở nhà tiếp khách hay đã ra phố. Thỉnh thoảng ông nhớ lại là đã lâu lắm rồi, một hôm ông có đọc qua phong bì một bức thư Odette gửi Forcheville. Nhưng ông không lấy gì làm thú vị với ký ức ấy và không muốn đào sâu thêm nỗi nhục của mình; ông chỉ hơi nhếch mép khó chịu kèm theo, nếu cần, một cái lắc đầu hàm ý:

“Nó là cái quái gì đối với mình?”

Dĩ nhiên giờ đây Swann không còn thừa nhận là giả thuyết nữa những ý nghĩ trước kia cho rằng những cơn ghen bóng ghen gió chỉ tổ bôi đen cuộc đời thực ra trong trắng của Odette: lòng ghen của ông có cơ sở, và nếu Odette yêu ông nhiều hơn chứ không phải chỉ như ông tưởng tượng, thì trái lại cũng lừa dối ông nhiều hơn (xét cho cùng nó là một giả thuyết tốt lành vì chừng nào căn bệnh ái tình còn kéo dài thì nó còn giảm nhẹ những nỗi khổ đau trong lúc làm Swann nghĩ rằng đó chỉ là những nỗi đau trong tưởng tượng). Trước kia, trong lúc chịu đựng biết bao đau khổ, Swann tự thề nguyện với mình là khi không còn yêu Odette và không còn sợ làm bà ta phật ý hoặc hiểu lầm là mình quá yêu chiều, thì ông sẽ được thỏa nguyện nếu cùng bà ta, chỉ vì chân lý và để làm sáng tỏ một điểm nghi vấn về lịch sử, xác định bà ta có chung chạ hay không với Forcheville hôm ông bấm chuông và gõ cửa mà không ai chịu mở và sau đó bà ta viết thư phân bua với Forcheville người gõ cửa chỉ là một ông bác tới thăm. Swann bấm bụng đợi chờ cơ hội để làm sáng tỏ. Những điều cực kỳ quan trọng ấy còn có ý nghĩa gì nữa khi lòng ghen tuông đã nguội lạnh, tuy không phải tan biến ngay lập tức. Ông thôi không còn ghen tuông gì nữa, nhưng đến một buổi chiều, khi gõ cửa một cách vô vọng ngôi biệt thự nhỏ ở phố La Perousep, thì cơn ghen lại trỗi dậy. Như thế không phải Swann ghen với chính bản thân Odette mà chính là với cái ngày hôm ấy, cái giờ phút của quá khứ bị đánh mất đi ấy. Lòng ghen tuông của Swann có phần giống như những căn bệnh mà nguồn lây lan hình như ở con người ít hơn là ở chỗ này chỗ nọ, ở nhà này nhà kia. Có thể nói chỉ ngày hôm ấy, giờ phút ấy là còn in dấu một vài “mảnh” cuối cùng của niềm say xưa kia trong lòng Swann

mà ông chỉ tìm thấy lại vào ngày hôm ấy, giờ phút ấy. Đã từ lâu ông không còn quan tâm việc Odette từng lừa dối và tiếp tục lừa dối mình. Thế nhưng mấy năm sau vẫn tiếp tục tìm gặp đám người hầu hạ Odette ngày trước vì trong người Swann vẫn dai dẳng sự tò mò đến xót xa là muốn biết vào cái ngày đã rất xa xăm ấy, lúc sáu giờ, Odette có chần gỗi hay không với Forcheville. Rồi bản thân sự tò mò ấy chấm dứt, nhưng công việc tìm kiếm vẫn tiếp tục. Swann tiếp tục cố nắm cho được những gì không liên quan tới mình nữa, vì cái tôi ngày trước tuy đã cực kỳ tàn tạ nhưng vẫn hoạt động một cách máy móc dựa theo những thiên kiến cũ kỹ tới mức thậm chí Swann không còn hình dung nổi sự khủng khiếp dữ dội ông định ninh sẽ không bao giờ thoát khỏi và chỉ có cái chết của người yêu là có thể làm cho đường đời hoàn toàn trắc trở của mình trở lại bằng phẳng (là một sự phản nghiệm đau đớn, cái chết ấy sẽ không may mắn làm giảm bớt những nỗi đau ghen tuông).

Nhưng sau này làm sáng tỏ những sự việc trong cuộc đời Odette, đã từng gây nên cho ông biết bao đau khổ, không phải là mong muốn duy nhất của Swann; ông còn lăm le trả thù những nỗi khổ đau ấy khi không còn sợ Odette vì không còn yêu bà ta nữa. Và đúng là đã xuất hiện cơ hội thực hiện mong muốn thứ hai này, vì Swann đã yêu một người đàn bà khác. Người tình mới này không có may mắn hành động để Swann có thể ghen tuông nhưng ông vẫn đánh ghen, vì không sao đổi thay được cung cách yêu như đã từng yêu Odette. Đâu có cần người tình không chung thủy Swann mới ghen: chỉ cần nàng vắng mặt vì một lý do nào đó, như dự một buổi dạ hội chẳng hạn và có vẻ thích thú buổi ấy là đủ khuấy động máu ghen của Swann. Và cũng đủ để đánh thức nỗi khiếp hãi ngày trước từng để lại một vết thương nhức nhối⁽¹⁴³⁾ khiến Swann không sao hiểu nổi những điều muốn biết (tình cảm thực của người yêu mới, ý muốn giấu kín cuộc đời và những bí ẩn trong trái tim nàng). Nỗi khiếp hãi ấy làm sống lại biết bao mối ngờ vực khôn nguôi ngày trước mà người gây nên là Odette, cũng có thể là một người đàn bà khác trước Odette. Anh chàng tình nhân giờ đây không còn trai trẻ nữa chỉ hiểu người yêu ngày nay qua cái “bóng ma” từng xui khiến mình ghen tuông, và một cách vô duyên cố cho nó là hiện thân của mối tình sau này của mình.

Swann thường ân hận đã vì ghen tuông mà tin vào những sự phản bội tưởng tượng, nhưng mỗi lần ân hận là một lần sức nhớ đã để Odette lợi dụng lối lập luận ấy của mình và biết thế là sai lầm. Bởi vậy, nhất cử nhất động của

người yêu mỗi khi mình vắng mặt, giờ đây, Swann không còn cho là trong trắng nữa.

Trước kia Swann từng thề nguyện là nếu vạn nhất không còn yêu người đàn bà mà ông đâu dám nghĩ có ngày sẽ trở thành người bạn đời của mình, thì sẽ kiên quyết tỏ thái độ lạnh nhạt - và xét cho cùng là chân thực - để trả thù cho lòng kiêu hãnh bị xúc phạm trong nhiều năm tháng; nhưng giờ đây khi có cơ hội yên ổn trả thù thì ông lại không thiết tha gì nữa: khi tình yêu đã chết thì cũng chết luôn nỗi ước ao tỏ rõ mình không còn yêu nữa. Lúc còn yêu Odette, Swann thiết tha mong muốn có ngày làm cho bà ta thấy mình say mê một người đàn bà khác; nhưng giờ đây, khi có thể làm việc đó thì ông tìm trăm phương nghìn kế để cho vợ không nghi ngờ mối tình mới này. Từ nay, tôi không chỉ được dự những bữa tiệc trà buổi chiều mà vì chúng, trước kia tôi từng phải buồn bã chia tay Gilberte. Ông bà Swann còn cho phép tôi tham gia những buổi Gilberte cùng với mẹ đi dạo chơi hay đi dự lễ hội buổi sáng, những buổi trước kia giữ nàng không tới được Vườn hoa Élysée và tôi phải thơ thẩn một mình dọc các bồn cỏ hay trước dãy ngựa gỗ. Từ nay tôi đã có chỗ ngồi trong xe ngựa của họ, và thậm chí còn được hỏi muốn đi xem hát, muốn tập nhảy ở nhà bạn Gilberte, muốn dự một buổi họp phù hoa tại nhà bạn bà Swann (mà bà ta gọi là “một cuộc mitting nhỏ”), hay đi tham quan Khu mộ Saint-Dens⁽¹⁴⁴⁾.

Những hôm cùng đi dạo với gia đình Swann, tôi tới nhà họ dự bữa ăn trưa mà bà Swann mệnh danh là “lunch”⁽¹⁴⁵⁾; được mời vào lúc mười hai rưỡi và vào thời kỳ ấy, bố mẹ tôi ăn trưa lúc mười một giờ mười lăm, nên sau đó tôi mới lần bước tới các khu phố sang trọng, lúc nào cũng khá yên tĩnh nhưng đặc biệt yên tĩnh vào giờ ấy, lúc mọi người đã trở về nhà. Ngay giữa mùa đông và lúc tuyết, nếu đẹp trời thì vừa thỉnh thoảng nấn lại chiếc cà vạt tuyệt vời mua của hiệu Chared vừa nhìn xem đôi giày cao cổ bóng loáng có bị bẩn không, tôi bước lui bước tới trên đại lộ trong lúc chờ tới mười hai giờ hai mươi bảy phút. Từ xa tôi nhìn thấy trong mảnh vườn nhỏ của gia đình Swann, ánh mặt trời làm hàng cây trụi lá lấp lánh tựa những giọt sương. Mảnh vườn nhỏ chỉ trơ trọi hay gốc cây. Nhưng cái giờ phút chọn không đúng lúc này khoát lên cảnh vật một sắc màu mới lạ. Nỗi hồi hộp trong lòng tôi khi nghĩ tới bữa tiệc trưa ở nhà bà Swann hòa vào niềm hứng thú thưởng ngoạn cảnh trí thiên nhiên, không làm nó giảm sút mà trái lại, chế ngự nó, chinh phục nó, biến nó thành một thứ “hoa lá” cho cuộc sống phù hoa; tôi như phát hiện ra cảnh đẹp trời cái giá lạnh và ánh sáng

mùa đông vào giờ phút mà thông thường tôi không thấy chúng; tình hình giống như một thứ mở đầu⁽¹⁴⁶⁾ cho món trứng đánh kem, như một lớp son ngoài, một nước láng bóng màu hồng tươi mát quét thêm lên lớp vữa trát tường ngôi nhà bà Swann, chốn “giáo đường” bí ẩn nhưng hàm chứa biết bao sự ấm cúng và hương hoa.

Cuối cùng, đúng mười hai rưỡi, tôi quyết định đặt chân vào ngôi nhà mà tôi có cảm giác sẽ mang lại cho mình những lạc thú siêu nhiên, chẳng khác nào một chiếc giày Noel khổng lồ.

Lúc đầu tôi chỉ gặp một anh người nhà, sau khi qua nhiều phòng khách lớn, hẳn đưa tôi vào một phòng khác, rất nhỏ, trống trơn, khiến người ta dễ mơ màng trong buổi chiều tà bên cạnh ô cửa sổ; tôi ngồi một mình giữa những đóa hoa lan, hoa hồng, hoa viôlet: tựa những con người ngồi chờ đợi cạnh anh nhưng không quen biết anh, những đóa hoa vốn là những vật sống động ấy run rẩy đón nhận im lìm một cách kỳ lạ và sức ấm một ngọn lửa than than trọng đặt phía sau một tấm kính pha lê, trong chiếc chậu bằng cẩm thạch trắng chốc chốc phát ra những tia lửa⁽¹⁴⁷⁾ đáng sợ.

Tôi ngồi xuống nhưng vội vã đứng dậy khi nghe tiếng cửa mở; chỉ là người nhà thứ hai, rồi lại thứ ba, và những bước chân đi qua đi lại khiến tôi bồi hồi một cách vô ích đấy chỉ là để bỏ thêm một ít than vào lò lửa hay đổ thêm ít nước vào bình hoa. Họ bỏ đi, tôi lại ngồi một mình sau khi cánh cửa đóng lại, nhưng cuối cùng chắc sẽ được bà Swann tới mở. Và dĩ nhiên, giá có ở trong một cái hang động thần tiên tôi cũng không xúc động bằng trong căn phòng chờ nhỏ này, nơi ngọn lửa tưởng chừng như gây nên những sự biến đổi chẳng khác trong phòng thí nghiệm Klingsor⁽¹⁴⁸⁾. Một tiếng bước chân khác vang lên, tôi vẫn ngồi im, chắc hẳn là một người nhà khác.

Nhưng chính là ông Swann.

- Sao? Cậu ngồi một mình thôi hả? Biết thế nào được, bà vợ tội nghiệp của tôi chưa bao giờ biết thế nào là giờ giấc. Một giờ kém mười rồi. Càng ngày càng thêm muộn giờ. Và rồi cậu sẽ thấy, bà ấy sẽ tới không một chút vội vã, đình ninh là vẫn đến trước giờ.

Vẫn không khỏi chứng thần kinh khớp và trở nên có phần lơ bịch, Swann tuy có lo lắng cho bao tử của mình nhưng lại được mơn trớn về mặt tự ái khi có một bà vợ hết sức không tôn trọng giờ giấc, từ rừng Boulogne trở về rất muộn, la cà ở nhà thợ may và không bao giờ về ăn trưa đúng giờ.

Ông chỉ cho tôi xem những thứ mới mua và giải thích tính chất quan trọng của chúng, nhưng vừa xúc động vừa không quen chịu đối vào giờ này nên

đầu óc trống rỗng, tôi chỉ có thể nói chứ không thể nghe gì hết. Và lại, đối với tôi, những tác phẩm Swann vừa mua chỉ cần nằm ở nhà ông ta, chỉ cần là một bộ phận của cái giờ phút ngọt ngào trước bữa ăn trưa là đủ. Dù bức tượng *La Joconde* có mặt ở đấy thì cũng không làm tôi hứng thú hơn một tấm áo dài mặc trong nhà hay những lọ thuốc ngủ cho tỉnh ngủ của bà Swann.

Tôi tiếp tục ngồi chờ, hoặc một mình hoặc với Swann và với cả Gilberte vốn thường tới ngồi tiếp chuyện chúng tôi. Tôi có cảm giác bước chân bà Swann khi đặt vào phòng khách, sau biết bao giờ phút chuẩn bị long trọng, phải là một cái gì mệnh mang. Tôi lắng nghe mỗi tiếng động nhỏ. Nhưng có bao giờ người ta tìm thấy cao đẹp như lòng mình mong ước, dù là một ngôi nhà thờ, một đợt sống trong bão tố hay bước nhảy của một người khiêu vũ? Sau mấy anh chàng người nhà mang chế phục, giống như các vai phụ điều trên sân khấu để chuẩn bị và nhờ vậy làm giảm bớt phút hồi hộp khi cuối cùng xuất hiện người nghệ sĩ - đào chính, bà Swann bước vào, vẻ lấm lét trong chiếc áo palotô nhỏ bằng lông rái cá, tấm khăn voan kẹp sụp xuống một cánh mũi ửng đỏ vì giá lạnh: trí tưởng tượng của tôi bị hẫng trong những nỗi ước mơ ập ủ suốt những phút giây đợi chờ.

Nhưng nếu ở nhà suốt cả buổi sáng thì khi bước vào phòng khách, bà Swann bận chiếc áo choàng bằng nhiều Tàu màu sáng mà tôi cảm thấy trang nhã hơn mọi chiếc áo dài khác.

Thình thoảng gia đình Swann quyết định ở nhà suốt buổi chiều. Vì vậy và vì ăn trưa rất muộn nên chẳng bao lâu tôi thấy chênch chênh trên tường mảnh vườn nhỏ, ánh mặt trời ngày hôm đó mà tôi có cảm giác phải khác những ngày thường; và người nhà mang tới những cây đèn đủ mọi hình dạng và mọi cỡ to nhỏ, đốt mỗi cây đặt lên một cái kệ, một chiếc bàn xoay, một góc tường hay một chiếc bàn nhỏ dùng làm bàn thờ như thế để tiến hành một sự thờ phụng xa lạ, nhưng chỉ uống công vô ích: không có một tí gì đặc biệt khác thường toát ra từ buổi chuyện vãn, và tôi thất vọng ra về, như người ta vẫn thường thất vọng ngay từ thời ấu thơ sau buổi lễ cầu kinh nửa đêm.

Nhưng nỗi chán ngán ấy chỉ mang ý nghĩa tinh thần. Nét mặt tôi rạng rỡ niềm vui trong ngôi nhà này khi Gilberte sắp bước chân vào, và chỉ một lát sau sẽ mang tới cho tôi trong mấy giờ liền lời nói và ánh mắt chăm chú, tươi cười như tôi từng gặp lần đầu tiên ở Combray. Cùng lắm thì tôi cũng chỉ có chút lòng ghen tuông khi thấy nàng thường mất hút vào những căn phòng lớn qua một cầu thang trong nhà. Buộc phải ở lại phòng khách, giống như người tình của một nữ diễn viên chỉ được ngồi trong chiếc ghế bành ở dàn nhạc và phấp phỏng mơ màng về những gì xảy ra trong hậu trường, trong phòng các nghệ sĩ, tôi hỏi Swann những câu hỏi được ngụ ý trang khôn khéo về căn phòng Gilberte vừa bước vào, nhưng giọng nói vẫn không che giấu nổi ít nhiều băn khoăn. Ông giải thích cho tôi đó là phòng để quần áo, hứa sẽ chỉ cho tôi xem và bảo sẽ buộc Gilberte dẫn tôi đi theo vào đấy. Những lời lẽ cuối cùng ấy làm tôi như dẫn tinh thần và đột nhiên xua tan trong lòng tôi cái khoảng cách khủng khiếp chia cắt ta với người yêu. Vào lúc ấy, tôi cảm thấy đối với Swann một tấm lòng âu yếm còn sâu xa hơn đối với Gilberte. Bởi lẽ, là chủ nhân con gái ông, ông đem nàng cho tôi, còn nàng thì có khi nàng không thuận; tôi không có trực tiếp đối với nàng thứ ảnh hưởng mà gián tiếp tôi có được qua Swann. Sau nữa tôi yêu nàng và do vậy không thể gặp nàng mà không xúc động, không ước ao thêm một cái gì làm mình mất đi cái cảm giác đang yêu bên cạnh người yêu. Và lại, thông thường chúng tôi không ở nhà mà đi dạo chơi. Thỉnh thoảng bà Swann ngồi vào trước dương cầm trước khi đi thay quần áo. Vươn ra ngoài ống tay áo hồng hay trắng và thường là màu sắc rực rỡ, tấm áo khoác bằng nhiều Tàu, đôi bàn tay xinh đẹp của bà đặt trên mặt đàn cùng với vẻ u sầu hiện lên trên đôi mắt nhưng không vương vấn trong lòng. Một hôm bà đánh cho tôi nghe bản Xonat của Vinteuil trong đó có một câu ngắn Swann vốn rất ưa thích. Nhưng thường thì chúng tôi chẳng hiểu gì hết nếu là một bản nhạc hơi phức tạp mới nghe lần đầu. Tuy vậy về sau, khi được nghe hai ba lần bản Xonat, thì tôi hiểu hoàn toàn. Bởi vậy không có gì sai lầm khi nói “mới nghe lần đầu”. Nếu cho rằng quả mình không phân biệt được gì hết khi nghe lần thứ nhất, thì lần thứ hai, thứ ba cũng sẽ như lần thứ nhất thôi, và cũng sẽ chẳng hiểu gì thêm dù có nghe đến lần thứ mười. Có lẽ cái người ta thiếu lần đầu tiên, không phải là sự hiểu biết, mà là trí nhớ. Vì đối với tính phức tạp của những ấn tượng nó phải đối phó trong lúc chúng ta nghe, trí nhớ là hết sức nhỏ bé, ngăn ngại chẳng khác trí nhớ một người trong lúc ngủ nghĩ tới hàng nghìn sự việc mà anh ta quên

ngay lập tức, hoặc của một kẻ rơi vào trạng thái ấu thơ nửa vờ và chỉ một phút sau đã không còn nhớ những điều người ta vừa nói với mình. Ký ức không thể cung cấp ngay lập tức kỷ niệm về những ấn tượng muôn màu muôn vẻ ấy. Nhưng kỷ niệm thì hình thành dần dà trong ký ức, và đối với những tác phẩm đã nghe đọc ba bốn bận, người nghe cũng giống như cậu học sinh trung học đọc đi đọc lại nhiều lần một bài học mình tưởng không thuộc nổi nhưng sáng hôm sau vẫn đọc thuộc lòng. Chỉ có điều là cho tới ngày hôm ấy tôi chưa hề được nghe bản Xonat nọ, và khi hai ông bà Swann nhận ra một câu rành rọt thì câu này vẫn cách xa nhận thức sáng tỏ của tôi chẳng khác một cái tên người ta cố gắng nhớ lại nhưng chỉ tìm thấy một côi hư vô mà từ đó, một tiếng đồng hồ sau, bất giác phát ra một cách đột ngột những âm tiết lúc đầu người ta tìm mãi vẫn không ra. Và chẳng những người ta không nhớ ngay lập tức những tác phẩm thực sự hiếm thấy, mà ngay trong lòng mỗi tác phẩm ấy, chính những phần ít giá trị nhất lại là những phần người ta nhận thức được đầu tiên. Trường hợp của tôi trước bản Xonat của Vinteuil là như vậy. Tôi chỉ hết nhàm lẫn khi nghĩ tác phẩm không còn nói thêm với mình gì nữa (nên ngồi mãi mà chẳng muốn nghe gì hết) sau lúc bà Swann đã đánh cho nghe bản nhạc hay nhất (về mặt này, tôi ngốc nghếch chẳng kém những kẻ không còn hy vọng tìm thấy gì kỳ thú nữa trước nhà thờ Saint-Mare ở Venise vì đã nhìn thấy hình dạng vòm nhà thờ trong ảnh chụp). Hơn thế nữa, nghe xong trọn vẹn bản Xonat, tôi vẫn như hoàn toàn cảm thấy đứng trước một vật vô hình chẳng khác một tòa lâu đài người ta chỉ trông thấy mờ mờ vì cách xa hay vì sương mù. Lòng người thường âu sầu như thế đấy khi đã biết các công trình như vậy hoặc tất cả những gì được thực hiện trải qua tháng ngày. Khi theo thói quen vượt ra ngoài nhận thức của tri giác, tôi phát hiện được điều bí ẩn sâu lắng nhất trong bản Xonat thì điều thoát tiên tôi phân biệt được và ưa thích cũng bắt đầu thoát khỏi trí óc. Vì chỉ có yêu mến tất cả những gì bản nhạc mang lại cho mình vào những khoảnh khắc kế tiếp nhau nên không bao giờ tôi nắm được nó hoàn toàn: bản Xonat ấy cũng giống như cuộc sống. Nhưng không làm người ta thất vọng bằng cuộc sống, các kiệt tác không mở đầu bằng những gì tốt đẹp nhất của chúng. Trong bản Xonat của Vinteuil, cái đẹp phát hiện ra sớm nhất cũng là cái chóng chán nhất vì chẳng khác bao nhiêu những gì người ta đã biết. Nhưng về sau, tôi vẫn yêu mến điệu nhạc: bố cục hết sức mới lạ của nó không những làm đầu óc tôi bối rối mà còn khiến tôi không sao phân chia nổi và vẫn giữ nó nguyên vẹn. Bản nhạc ngày nào chúng ta cũng nghe mà không hay biết vẫn không suy suyển, trở nên vô

hình và xa lạ hoàn toàn chỉ do vẻ đẹp của nó. Nó đến với chúng ta sau cùng. Nhưng chúng ta cũng chia tay nó sau cùng. Và chúng ta sẽ yêu mến nó lâu dài hơn những bản nhạc khác, vì đã để nhiều thời giờ hơn để yêu mến nó. Và lại, thời gian cần thiết cho một con người để thâm nhập một tác phẩm ít nhiều sâu sắc - cũng như cần thiết cho tôi đối với bản Xonata nói trên - chỉ là sự thu gọn và là biểu tượng của những năm tháng, có khi là những thế kỷ trôi qua trước khi công chúng có thể yêu mến một kiệt tác thực sự mới. Bởi thế để tránh những sự ngộ nhận của quần chúng, có lẽ những bộ óc thiên tài tự bảo mình người đương thời khó có thể lùi về quá khứ để nhìn sự vật nên những tác phẩm viết cho thế hệ mai sau chỉ nên để cho thế hệ này đọc ; một số bức tranh thường bị người ta đánh giá sai vì đứng quá gần. Nhưng thực tế mọi sự đề phòng khiếm khuyết để tránh những sự đánh giá sai lầm đều vô ích, chúng là điều không tránh khỏi. Nguyên nhân làm cho một tác phẩm thiên tài khó được thán phục ngay lập tức là ở chỗ tác giả là người khác thường, có ít người giống họ. Chính bản thân tác phẩm làm phong phú thêm, phát triển thêm những bộ óc hiếm hoi có khả năng hiểu tác giả. Chính các khúc nhạc bốn phần của Beethoven (các khúc XII, XIII, XIV và XV) đã phải bỏ năm mươi năm để sản sinh và phát triển công chúng của chính chúng, và bằng cách ấy, cũng như mọi kiệt tác khác, thực hiện một bước tiến, nếu không phải về mặt giá trị các nghệ sĩ, thì ít ra cũng về mặt xã hội – ngày nay bao gồm rộng rãi những gì không sao có thể tìm thấy khi kiệt tác ra đời, tức là bao gồm những con người có thể yêu mến nó. Cái mà người ta gọi là hậu thế, chính là hậu thế của tác phẩm. Tự bản thân tác phẩm phải tạo ra hậu thế của mình (nếu để đơn giản hóa, không tính tới những thiên tài vào cùng một thời kỳ có thể song song chuẩn bị cho tương lai một công chúng tốt hơn mà những bậc thiên tài khác sẽ được hưởng thụ). Vì vậy nếu tác phẩm được “dự trữ”, và chỉ có hậu mới được biết, thì đối với tác phẩm ấy, hậu thế này không phải là “hậu thế”, mà chính là một tập hợp “những người đương thời sống năm mươi năm về sau” mà thôi. Bởi vậy nếu muốn tác phẩm tiếp tục đi theo con đường của nó thì người nghệ sĩ phải “ném” nó vào một tương lai xa xăm, sâu thẳm – và chính Vinteuil đã làm như thế. Tuy nhiên nếu không tính đến tương lai, đến viễn cảnh đích thực của các kiệt tác sẽ là sai lầm của những người đánh giá tồi thì, trái lại, coi trọng nó đôi khi là đòi hỏi nguy hiểm của những người tốt bụng. Chắc hẳn theo một ảo ảnh tương tự ảo ảnh san bằng mọi sự vật ở đường chân trời, thì không khó khăn gì để hình dung rằng tất cả những cuộc cách mạng diễn ra từ trước tới nay trong hội họa hay âm nhạc

dầu sao cũng tôn trọng một số quy tắc; và những gì ở ngay trước mắt chúng ta: trường phái ấn tượng, lối dùng màu sắc chống đối nhau, cách sử dụng độc tôn nét vẽ Trung Hoa, chủ nghĩa lập thể, vị lai... đều khác xa tất cả những gì có trước đó một cách khủng khiếp. Như vậy là vì người ta xem xét những cái có trước mà không chú ý rằng đối với chúng ta, một sự đồng hóa lâu dài đã biến đổi chúng thành một chất liệu dĩ nhiên là phong phú nhưng dầu sao cũng vẫn hoàn toàn đồng nhất, trong đó Hugo sát cánh Molière. Chúng ta thử nghĩ tới những điều mâu thuẫn đến kỳ cục trong một lá số tử vi về lứa tuổi vong niên được lập khi mình còn ở độ thanh xuân nếu không tính đến tương lai và những đổi thay nó dẫn tới. Thế nhưng không phải mọi lá số tử vi đều chính xác; và nếu bắt buộc đưa yếu tố thời gian vào toàn bộ cái đẹp của một tác phẩm nghệ thuật, thì chẳng khác nào đem vào sự phán đoán của mình những cái ngẫu nhiên và do vậy không có gì thực sự đáng chú ý giống như mọi lời tiên tri mà thực trạng không thực hiện được, tuyệt nhiên không phải do đầu óc tầm thường của nhà tiên tri, bởi lẽ đưa vào hoặc loại trừ ra khỏi cuộc sống những điều có thể xảy ra, không nhất thiết thuộc phạm vi năng lực của thiên tài; người ta có thể có thiên tài mà vẫn không tin vào tương lai đường sắt hay máy bay; người ta cũng có thể là một nhà tâm lý học trứ danh mà vẫn không hay biết sự giả trá của người tình hay người bạn, trong lúc những kẻ tầm thường có thể dự đoán lòng phản trắc của họ.

Tuy không hiểu bản Xonat, tôi vẫn hoan hỉ được nghe bà Swann biểu diễn. Tôi cảm thấy ngón đàn của bà, cũng như tấm áo khoác, cũng như mùi hương trên cầu thang, cũng như những chiếc măngtô, cũng như những đóa hoa cúc của bà, tất cả đều nằm trong một tổng thể riêng biệt và bí ẩn, trong một vũ trụ vô cùng cao siêu so với cái thế giới trong đó lý trí có thể phân tích tài năng.

- Bản Xonat ấy của Vinteuil hay lắm phải không? - Swann hỏi tôi.

- Nhất là vào lúc bóng đêm buông xuống hàng cây, lúc tiếng đàn violon thánh thót làm lan tỏa một không khí êm dịu.

Đẹp lắm chứ? cái chính là vẻ tĩnh lặng của ánh trăng. Lối điều trị bằng ánh sáng như kiểu bà vợ tôi đang áp dụng chẳng có gì thật đặc biệt khi nó tác động tới cơ bắp, vì ánh trăng ngăn cản lá cây rung động. Điều ấy được miêu tả tuyệt vời trong khổ nhạc ngắn: rằng Boulogne rơi vào trạng thái bất động. Ở bờ biển lại càng kỳ lạ hơn vì có tiếng đáp yếu ớt của những cơn sóng mà dĩ nhiên người ta nghe thấy rất rõ vì tất cả những thứ khác không thể động đậy. Ở Paris thì trái lại; nhiều lắm thì cũng chỉ nhận thấy những

luồng ánh sáng khác thường trên các tòa lâu đài, một bầu trời được soi sáng như bởi một đám cháy không màu sắc và không nguy hiểm, một vẻ mênh mang của những sự kiện này nọ trong suy đoán của người ta. Nhưng trong khổ nhạc ngắn gọn của Vinteuil và cả trong toàn bộ bản Xonat thì không phải như vậy, tình hình xảy ra trong rừng Boulogne và trong cái âm dậm của bản nhạc, người ta như nghe rành rọt tiếng một người nói: “Hầu như người ta có thể đọc nhật ký của ông ta”.

Lời lẽ của Swann có thể về sau làm tôi hiểu nhầm bản Xonat: âm nhạc ít mang tính chất độc tôn nên không thể tuyệt đối loại trừ những gì người ta gọi cho chúng ta tìm thấy trong đó. Nhưng qua những câu nói khác của ông, tôi hiểu ra rằng những chiếc lá ban đêm ấy chỉ là những chiếc mà dưới tán của chúng, nhiều đêm, trong nhiều khách sạn ở vùng ngoại ô Paris, Swann đã từng nghe đoạn nhạc ngắn gọn của bản Xonat. Thay vì ý nghĩ sâu xa ông ta thường băn khoăn câu nhạc này chỉ khơi gợi hình ảnh những chiếc lá (mà ông ao ước được gặp lại vì cảm thấy điệu nhạc ẩn chứa bên trong chúng như một tâm hồn), hình ảnh một mùa xuân trước kia Swann chưa được thưởng thức vì không có đủ điều kiện trong lúc còn cuồng mê và âu sầu nhưng được điệu nhạc giữ lại (giống như kiểu người ta làm những món ngon cho người bệnh mà hẳn không ăn được). Swann không thể hỏi Odette về những điều kỳ thú cảm nhận được một số buổi đêm trong rừng Boulogne mà ông ta có thể hiểu được qua bản Xonat của Vinteuil tuy Odette theo sát chân ông chẳng khác nào câu văn nhỏ trong bản Xonat. Tuy nhiên lúc đó Odette chỉ ở cạnh Swann mà thôi (chứ không ở trong con người ông ta như là nhạc đề của Vinteuil) nên dù có nghìn lần thông cảm, Odette cũng không sao thấy được điều không thể phát lộ ra ngoài đối với bất kỳ một ai trong chúng ta (ít nhất cũng trong một thời gian dài, tôi đành quy tắc này không có ngoại lệ).

- Âm thanh mà phản ánh được như dòng nước chảy, như tấm gương soi, xét cho cùng, là khá đẹp, phải không? - Swann hỏi tôi. - Và cậu hãy chú ý là bản nhạc của Vinteuil chỉ cho tôi thấy tất cả những gì tôi không quan tâm vào thời kỳ ấy mà thôi. Nó không hề nhắc nhở tôi nhớ lại gì hết về những mối quan tâm, những mối tình của mình thời ấy; nó đã làm đổi thay tất cả.
- Charles, tôi thấy những điều ông nói về tôi không tử tế đâu nhé.
- Không tử tế! Đàn bà thật tuyệt vời! Tôi chỉ muốn nói với chàng trai này rằng điều mà âm nhạc chỉ ra - ít nhất cũng cho tôi - tuyệt nhiên không phải là “Ý chí tự thân” và sự “phân tích cái vô tận”, mà chẳng hạn chỉ là lão Verdurin mặc rơđanhgôt trong khu nhà kính vườn ươm. Có tới nghìn lần,

tuy không bước chân ra khỏi phòng khách, bản nhạc nhỏ ấy vẫn đưa tôi đi ăn tối ở Armenonville cùng với nó. Lạy Chúa, bao giờ cũng ít phiền muộn hơn là đi với bà de Cambremer.

- Người ta bảo bà ta say mê Charles như điên đảo. - Bà Swann bật cười giải thích cùng với thứ giọng bà dùng trước đây một lúc khi nói về Ver Meer ở Delft⁽¹⁴⁹⁾ và nối tiếp khi thấy tôi tỏ vẻ ngạc nhiên vì sao bà biết ông ấy: “Tôi muốn nói với cậu là ông chủ đây rất quan tâm tới ông họa sĩ ấy vào lúc ông ta tán tỉnh tôi. Có phải thế không? Charles bé bỏng của em?”
- Bà chớ nói nhảm nhí về bà de Cambremer, - Swann bảo, tuy thâm tâm rất lấy làm kiêu hãnh.
- Nhưng tôi chỉ nhắc lại lời người ta nói thôi mà. và lại hình như bà ta rất thông minh, tôi không rõ lắm. Tôi nghĩ bà ta rất “pushing”⁽¹⁵⁰⁾ và điều đó làm tôi ngạc nhiên về một người đàn bà thông thái. Nhưng ai ai cũng bảo bà ta say mê ông đến phát điên phát cuồng lên, như thế chẳng có gì đáng tự ái cả.

Swann ngồi câm như hến, vẻ khẳng định và kiêu hãnh.

- Vì điều tôi vừa nói nhắc ông nhớ tới vườn Bách thảo, - bà Swann nói tiếp trong lúc vờ làm ra vẻ bị chạm nọc, - lát nữa chúng ta có thể tới đây dạo chơi nếu cậu bé này thích thú. Trời hôm nay rất đẹp và ông sẽ tìm thấy lại những cảm tưởng thân thiết của mình. Nhân nói về vườn Bách thảo, chàng trai này, như ông biết đấy, ngờ chúng ta rất yêu mến một kẻ mà trái lại, “cắt đứt” được chừng nào thì tôi cắt chừng ấy, bà Blatin ấy mà! Tôi thấy thật nhục nhã cho chúng mình khi thiên hạ cho mục ta là chỗ bạn bè thân thiết của gia đình ta. Ông chớ quên là đến bác sĩ Cottard khoan hậu, không bao giờ nói xấu ai, cũng phải tuyên bố bà ta “thối hoắc”.

- Khùng khiếp! Bà ta chỉ hoàn toàn giống Savonarole⁽¹⁵¹⁾ thôi mà. Quả là chân dung Savonarole, tác phẩm của Pra Bartolomeo⁽¹⁵²⁾.

Cái thói của Swann tìm tòi những điểm giống nhau trong hội họa là có thể biện hộ được, vì ngay đến cái mà người ta gọi là “cách thể hiện cá biệt” cũng vẫn là một cái gì khái quát - như chúng ta hết sức buồn bã nhận thấy khi yêu và muốn tin vào hiện thực duy nhất của cái cá thể - và có thể bắt gặp vào những thời kỳ khác nhau. Nhưng nếu nghe lời Swann thì Đoàn Đạo sĩ đến châu Chúa Jésus, vốn đã nhầm lẫn khi Benozzo Gozzoli⁽¹⁵³⁾ đưa dòng họ Médicis⁽¹⁵⁴⁾ vào trong đó lại càng nhầm lẫn vì nó gồm chân dung của vô số người, đương thời không phải với Gozzoli, mà với Swann,

nghĩa là chẳng những mười lăm thế kỷ sau Ngày Thiên Chúa Giáng sinh, mà còn bốn thế kỷ sau bản thân nhà họa sĩ. Theo Swann thì trong đoàn tùy tùng ấy không vắng bóng một người Paris danh giá nào chẳng khác trong một màn kịch của Sardou⁽¹⁵⁵⁾, vì tình thân đối với tác giả và người nữ diễn viên thủ vai chính, và cũng cả vì thời thượng nữa, tất cả các quan chức thành phố Paris, các thầy thuốc trứ danh, chính khách, luật sư, đều tới, mỗi người một tối, đóng vai phụ trên sân khấu.

- Nhưng bà dính dáng gì với vườn Bách thảo cơ chứ? - Swann hỏi.

- Dính dáng tất tần tật!

- Sao? Bà cho bộ móng bà ta màu xanh da trời như loài khỉ hải?

- Charles, ông khiếm nhã quá đấy!

- Không đâu, tôi chỉ nhớ cái từ mà anh chàng người Tích Lan⁽¹⁵⁶⁾ đã bảo bà ta.

- Thế ông đi nói lại với bà ta, quả là một từ “đẹp đẽ” đấy.

- Ngốc ời là ngốc! Bà biết là Blatin thích gọi mọi người với cái vẻ bà ta cho là dễ thương và nhất là ra chiều che chở chứ!

- Đấy là điều mà những người láng giềng tốt bụng của chúng ta ở

Tamise⁽¹⁵⁷⁾ gọi là “patronizing”⁽¹⁵⁸⁾. - Odette cắt ngang lời Swann.

- Vừa qua bà Blatin tới vườn Bách thảo, nơi có người da đen, người Tích Lan. Nhà tôi bảo như vậy, bà ấy giỏi giang hơn tôi nhiều về dân tộc học. - Swann quay sang bảo tôi.

- Thôi nào, Charles, ông đừng đùa thế.

- Nhưng tôi chẳng đùa tí nào. Rốt cuộc bà ta nói với một trong những người da đen: “Xin chào, anh chàng da đen!”

- Chẳng có nghĩa lý gì hết!

- Dẫu sao, cái định ngữ ấy cũng không làm vừa lòng anh chàng da đen: “Ta, da đen, - anh ta bảo bà Blatin, - còn mụ là đồ lạc đà!”

- Hay quá! Tôi thú câu chuyện ấy quá. “Đẹp” thật đấy nhỉ? Đẹp mặt bà Blatin: “Ta, da đen, còn mụ, đồ lạc đà!”

Tôi làm bộ thiết tha ao ước đi xem những người Tích Lan từng gọi bà Blatin là: lạc đà. Tôi không mấy may quan tâm tới họ. Nhưng tôi nghĩ muốn tới vườn Bách thảo và trở về, chúng tôi sẽ đi qua con đường hai bên trồng keo, nơi tôi từng biết bao nhiêu lần ngấm nhìn bà Swann, và có thể những người chưa bao giờ gặp tôi ngả mũ chào bà ta lần này, sẽ nhìn thấy tôi ngồi cạnh bà trong xe ngựa.

Trong những phút giây Gilberte đi thay trang phục nên không có mặt trong phòng khách, ông bà Swann nói cho tôi biết những đức tính hiếm có của nàng, và tôi cảm thấy tất cả những gì tôi quan sát được đều chứng tỏ họ nói đúng sự thật; như mẹ nàng kể với tôi, tôi nhận thấy chẳng những đối với các bạn gái mà đối với cả người nghèo, người ăn kẻ ở, nàng đều có thái độ ân cần tinh tế được cân nhắc kỹ càng, mong muốn làm người ta vui lòng, lo sợ làm người ta hờn giận, tất cả thể hiện qua những sự việc tuy nhỏ nhặt nhưng gây cho nàng nhiều nỗi phiền muộn. Đan xong một chiếc áo cho bà bán hàng của chúng tôi ở Vườn hoa Elysée, nàng ra đi giữa trời tuyết để trao tận tay cho bà không chậm trễ một ngày.

- Cậu khó có thể hình dung tấm lòng của con bé vì nó tìm cách che giấu, -
bố nàng bảo tôi.

Tuy còn rất trẻ, nàng có vẻ đứng đắn hơn cả bố mẹ. Khi Swann nói về quan hệ rộng rãi của bà vợ, Gilberte quay đầu đi và im lặng, nhưng không có vẻ chê trách, vì nàng nghĩ bố mình không phải là người may mắn có thể bị phê phán.

Một hôm, khi tôi nói về tiểu thư Vinteuil, nàng bảo:

- Tôi sẽ không bao giờ làm quen cô ta vì một lẽ: cô ta không yêu quý bố; theo lời người ta nói, cô ta làm ông bố đau khổ. Anh không thể hiểu điều đó hơn tôi phải không nào, vì chắc hẳn anh không thể sống sau khi ông cụ anh mất lâu hơn tôi sau khi bố tôi qua đời; vả lại, đó là điều hết sức tự nhiên. Bao giờ có thể quên nỗi người mình yêu suốt đời?

Một lần nàng tỏ ra đặc biệt âu yếm đối với ông Swann, khi ông đi cách xa, tôi nêu lên nhận xét ấy, thì nàng đáp:

- Đúng, tội nghiệp ba tôi, những ngày này là ngày giỗ ông cụ thân sinh ba tôi. Anh có thể hiểu nỗi lòng ba tôi, chúng ta đều hiểu giống nhau về những việc đó. vì vậy tôi cố gắng ít tai quái hơn thường ngày...

- Nhưng ông cụ đâu có thấy cô tai quái, ông thấy cô tuyệt vời cơ mà.

- Tội nghiệp ba tôi, vì ông quá tốt đấy thôi.

Bố mẹ Gilberte không phải chỉ ca ngợi đức tính của nàng, của một Gilberte hiển hiện trong trí tôi trước một ngôi nhà thờ, giữa một cảnh trí ở vùng trung tâm nước Pháp, ngay trước khi tôi chưa hề trông thấy nàng, và sau đó, gợi lên những kỷ niệm chứ không phải là những ước mơ của tôi nữa, một Gilberte đứng trước dãy hàng rào sơn trà, trên con đường dốc nhỏ tôi đi qua để tiến về phía Méseglise. cố lấy giọng thân nhiên của một người bạn trong gia đình muốn biết sở thích một cô bé, tôi hỏi bà Swann trong số bạn bè, Gilberte yêu quý ai hơn cả.

- Nhưng cậu phải biết tâm sự của nó hơn tôi chứ: cậu là người rất được yêu chiều, là một “crack”⁽¹⁵⁹⁾ lớn, như người Anh vẫn thường nói, kia mà. Dĩ nhiên trong những sự trùng hợp tuyệt vời, khi hiện thực “uốn mình” và được ứng dụng vào những ước mơ từng ấp ủ biết bao ngày, thì nó hoàn toàn giấu kín không cho ta thấy những ước mơ ấy, hòa nhập làm một với chúng, tựa hai cái hình học bằng nhau và chồng lên nhau tạo thành một hình duy nhất. Trái lại, để niềm vui mình trọn vẹn có ý nghĩa, chúng ta muốn mọi nỗi niềm mong ước mãi mãi giữ nguyên cái ảo ảnh không sao nắm bắt được, ngay vào giờ phút chúng ta đã bắt gặp chúng, và như thế để tin chắc quả đó là những nỗi niềm ấy. Và ngay cả tư duy cũng không thể phục nguyên trạng thái cũ để đối chiếu với trạng thái mới, vì nó không còn phạm vi hoạt động tự do nữa: mỗi quan hệ chúng ta đã thiết lập những kỷ niệm về những giây phút vô vọng đầu tiên, những lời lẽ chúng ta đã được nghe, tất cả cản trở sự thâm nhập của ý thức chúng ta và chỉ huy kết quả của trí nhớ hơn là của trí tưởng tượng; những yếu tố tác động trở lại đối với quá khứ - mà chúng ta không còn có thể chủ động xem xét nếu không tính đến chúng - nhiều hơn là đối với tương lai mà ta có thể tự do tưởng tượng. Trong biết bao năm tháng, tôi cứ ngỡ tới được nhà bà Swann là một điều hão huyền không bao giờ đạt tới; nhưng sau mười lăm phút ở nhà bà, chính thời gian tôi không quen biết bà trở thành hão huyền như một điều có thể xảy ra mà việc thực hiện một điều có thể xảy ra khác đã làm tiêu tan. Làm sao tôi còn có thể mơ ước phòng ăn gia đình Swann như mơ ước một nơi chốn không sao hình dung nổi, khi hề để cho đầu óc hoạt động dù chỉ tí chút là bắt gặp ngay những tia sáng bất tận dường như phát ra từ món tôm hùm nấu theo kiểu Mỹ tôi vừa ăn, tới tận quá khứ xa xăm nhất của mình? Và về phần riêng ông ta, chắc hẳn Swann cũng thấy xuất hiện một điều tương tự: trong căn phòng ông ta tiếp tôi, tưởng như hòa nhập vào nhau, trùng khớp nhau, cả căn phòng lý tưởng do đầu óc tôi tưởng tượng ra lẫn một căn phòng khác luôn luôn xuất hiện trước mắt Swann vì thói ghen tuông của ông trong khi yêu cũng dễ tưởng tượng chẳng kém lòng mơ ước của tôi: đó là căn phòng chung của Odette và của ông ta nhưng cảm thấy không sao bước chân vào được hôm Odette đưa ông và Forcheville về nhà uống nước cam; và đối với ông, trong khung cảnh văn phòng chúng tôi ngồi ăn trưa, đã tan tành thành mây khói chốn thiên đường vô vọng, nơi trước kia ông không thể xúc động khi hình dung sẽ hỏi người hầu bàn của họ: “Bà đã sẵn sàng chưa?”, câu hỏi mà giờ đây tôi nghe ông thốt lên vừa có vẻ sốt ruột vừa ra chiều mẫn nguyện một cách kiêu hãnh. Chắc hẳn

Swann không thể biết hạnh phúc của ông và chẳng hơn gì ông, tôi đâu biết hạnh phúc của mình. Khi chính bản thân Gilberte kêu lên: “Sao anh biết cô bé anh đang lặng im nhìn chơi trò ú tim sẽ là cô bạn thân của anh mà anh sẽ tới nhà bất kỳ lúc nào cũng được?” thì chính nàng nói về một sự đổi mới mà bề ngoài tôi buộc phải nhận thấy nhưng trong lòng thì không nắm được, vì nó gồm hai trạng thái tôi không sao có thể cùng nghĩ tới một lúc, trong khi chúng vẫn tiếp tục khác nhau một cách rõ rệt.

Tuy nhiên căn phòng ấy vẫn giữ lại một dư vị êm đềm đối với Swann vì ông ta từng thiết tha ao ước nó như tôi nhận thấy qua bản thân mình: đối với tôi, căn phòng vẫn chưa hết mọi điều bí ẩn. Sự say mê đặc biệt mà tôi tưởng tượng cuộc sống gia đình Swann đắm chìm trong đó, tôi vẫn không hoàn toàn loại trừ nó ra khỏi ngôi nhà họ khi tôi bước chân vào trong đó; tôi đẩy lùi nó lại vì nó bị chế ngự bởi chính bản thân tôi, một kẻ xa lạ, một đứa bị mọi người xua đuổi, nhưng giờ đây được Swann tiểu thư duyên dáng mời ngồi vào chiếc ghế bành tuyệt vời tuy nó có vẻ thù địch và phần nộ; tuy nhiên niềm say mê ấy, tôi vẫn cảm nhận xung quanh tôi, trong ký ức tôi. Phải chăng vì những ngày ấy, khi ông bà Swann mời tôi ăn trưa để sau đó đi dạo chơi cùng với họ và Gilberte, ánh mắt tôi nhìn đắm đắm như muốn khắc lên thảm trải nhà, lên ghế bành, lên bàn chân quỳ, lên màn gió, lên tranh ảnh, bàn tất cả, cái ý nghĩ đã ăn sâu vào lòng là bà Swann, hay ông Swann hay Gilberte sắp bước chân vào, trong lúc tôi ngồi chờ một mình? Phải chăng vì những đồ vật này từ ấy đã sống trong ký ức tôi bên cạnh gia đình Swann và rồi cuộc đã mang một cái gì đó của họ? Phải chăng vì biết họ sống giữa những đồ vật ấy nên tôi xem chúng là những biểu tượng của cuộc sống đặc biệt, của thói quen của họ mà tôi không hề được biết tới trong một thời gian quá dài nên chúng vẫn tiếp tục xa lạ đối với tôi ngay cả khi được họ gia ân cho đặt chân vào gia đình họ? Dầu sao, cái phòng khách mà Swann (tuy không hề có ý định phản đối thị hiếu của vợ) cho là quá lung củng, vì trong căn buồng ông làm quen với Odette và nửa nhà kính nửa xưởng thợ, bà ta bắt đầu thay thế trong cái mớ hổ lốn ấy vô số những thứ đồ Tàu mà giờ đây bà cho là xấu xí, là không hợp thời, bằng một loạt những đồ vật nhỏ bé bọc lụa kiểu Louis XVI ngày xưa (không kể những kiệt tác Swann mang từ biệt thự trên bến cảng Orleakus về), mỗi khi tôi nghĩ tới cái phòng khách tạp nham ấy, nó vẫn có trong ký ức tôi một sự gần gũi, một sự nhất quán, một vẻ duyên dáng riêng biệt mà những đồ đạc nguyên vẹn nhất do quá khứ để lại hoặc sống động nhất mang dấu ấn một con người cũng không bao giờ có được, bởi lẽ chỉ một mình chúng ta, với

niềm tin một số đồ vật có cuộc sống riêng của chúng, là có thể gán cho chúng một tâm hồn mà về sau chúng giữ lại và phát triển ở trong chúng ta. Tất cả những ý nghĩ của tôi khác ý nghĩ của người khác, về những giờ phút gia đình Swann sống trong căn nhà này, đều được phân chia ra rồi tập hợp lại và bao giờ cũng rắc rối và mơ hồ, trong vị trí đồ đạc, trong bề dày các tấm thảm, trong phương hướng các ô cửa sổ, trong cách phục vụ của đám người nhà; căn nhà ấy đối với giờ giấc hàng ngày trong cuộc sống của gia đình Swann cũng giống như cơ thể con người đối với linh hồn và chắc hẳn thể hiện cái độc đáo của cuộc sống của họ. Sau bữa ăn trưa, chúng tôi ngồi uống cà phê cạnh ô cửa lớn trong phòng khách và sưởi ấm ánh mặt trời. Khi bà Swann hỏi tôi cần cho bao nhiêu đường vào ly và đẩy chiếc ghế bọc lụa về phía tôi, dưới bóng cây sơn trà và về sau bên cạnh khóm trúc đào, thì cùng với sức quyến rũ đau đớn trước kia tôi từng cảm nhận trong cái tên gọi Gilberte, chiếc ghế ấy gợi lên thái độ thù địch bố mẹ nàng biểu thị đối với tôi, và ghế đã biết rõ và chia sẻ, khiến tôi cảm thấy không xứng đáng và có phần hèn nhát nếu đặt chân lên trên lớp lụa bọc không có khả năng tự vệ của nó: một cách bí ẩn, một linh hồn riêng biệt gắn chặt nó vào luồng ánh sáng hai giờ chiều, khác với luồng ánh sáng trên vịnh khi dạo dạt dưới chân chúng tôi trong đợt sóng vàng lấp lánh có những chiếc tràng kỷ màu xanh nhạt và những tấm thảm trong suốt nổi lên như những hòn đảo thần tiên; và đến cả bức tranh của Rubens⁽¹⁶⁰⁾ treo phía trên lò sưởi cũng có một sức hấp dẫn cùng loại và hầu như có sức mạnh gần ngang bằng đôi giày cao cổ có dây của ông Swann và chiếc áo choàng mà tôi từng xiết bao ao ước có một chiếc tương tự và giờ đây Odette đòi hỏi chồng thay thế bằng một chiếc khác để được trang nhã hơn khi họ cùng tôi ra phố. Bà ta cũng soạn sửa đi thay quần áo mặc dù tôi khẳng định không một tấm áo dài “đi phố” nào có giá trị hơn chiếc áo choàng mặc ở nhà của bà bằng nhiều Trung Hoa hay bằng lụa, màu hồng nhạt, màu anh đào, màu hồng Tiepolo⁽¹⁶¹⁾, màu trắng, hoa cà, xanh, đỏ, vàng trơn hay có hình vẽ. Nghe tôi gợi ý bà cứ nên mặc áo choàng ấy ra phố, bà ta cười, không hiểu vì muốn chế giễu sự dốt nát hay muốn cảm ơn lời ngợi khen của tôi. Bà biện hộ có nhiều áo choàng đến thế là vì chỉ cảm thấy dễ chịu trong những chiếc áo ấy, rồi bỏ đi chọn một trong những bộ trang phục vương giả mà đã có lúc bà hỏi tôi nên mặc bộ nào.

Ở vườn Bách thảo, từ xe ngựa bước xuống, tôi lấy làm kiêu hãnh được đi bên cạnh bà Swann. Tấm áo măngtô của bà phấp phới theo bước chân uể

oải, còn tôi thì nhìn bà với ánh mắt thán phục, và có khi bà mỉm cười duyên dáng đáp lại. Giờ đây, nếu gặp một người bạn trai hay gái của Gilberte từ xa chào hỏi chúng tôi, thì đến lượt mình, tôi được họ nhìn như một kẻ mà tôi từng biết cái phần không diễn ra ở Vườn hoa Élysée.

Trong rừng Boulogne hay ở vườn Bách thảo, chúng tôi thường gặp một vị đại phu nhân, bạn của Swann; bà ta chào hỏi chúng tôi nhưng có khi ông không trông thấy và bà vợ phải nhắc:

- Charles, ông không thấy bà Montmorency hả?

Với nụ cười thân mật trên môi do tình quen biết lâu ngày, Swann trân trọng ngả mũ chào với thái độ trang nhã riêng của ông ta. Có khi vị phu nhân dừng bước, sung sướng chào hỏi bà Swann nhưng bà này chẳng mấy quan tâm và cũng không tìm cách lợi dụng tình thân ấy vì Swann đã luyện cho bà ta có thói quen dè dặt. Tuy vậy bà Swann vẫn quen mọi cung cách của xã hội phù hoa, và dù vị phu nhân kia có điệu bộ cao sang tới đâu, bà ta vẫn có thể sánh kịp. Dừng chân chốc lát, bà Swann giới thiệu Gilberte và tôi với thái độ hết sức thoải mái, bình tĩnh và dễ thương nên khó có thể nói giữa bà Swann và bà khách quý tộc, ai là đại phu nhân. Hôm đi thăm những người Tích Lan trở về, chúng tôi gặp một vị phu nhân cao tuổi, theo sau có hai vị khác hình như đi tháp tùng; bà cụ trông còn đẹp dáng, khoác măngtô màu sẫm và đội mũ vải nhỏ cột bằng hai sợi dây nhỏ.

- A! Chúng ta sắp sửa gặp một con người thú vị đây. - Swann bảo tôi.

Đến cách ba bước chân, bà phu nhân già chào hỏi chúng tôi, một nụ cười hồn hậu trên môi. Swann bỏ mũ, bà Swann cúi xuống vẽ kính trọng và muốn hôn tay bà cụ trông giống một bức chân dung của Winterhalter⁽¹⁶²⁾. Bà cụ nâng bà ta dậy và ôm hôn.

- Thôi nào, mời ông đội mũ vào. - Bà cụ bảo Swann, giọng ồm ồm có vẻ rầu rĩ, thái độ thân mật.

- Để tôi giới thiệu cậu với bà quận chúa, - bà Swann bảo tôi.

Swann kéo tôi đứng riêng ra một lát trong lúc bà Swann nói chuyện về buổi đẹp trời và về những con thú vừa đưa về vườn Bách thảo.

- Quận chúa Mathilde⁽¹⁶³⁾ đấy, - ông ta bảo tôi, - cậu biết không? Bà ấy là bạn của Flaubert⁽¹⁶⁴⁾, Sainte-Beuve, Dumas⁽¹⁶⁴⁾. Cậu thử hình dung xem, bà là cháu gái Napoléon Đệ nhất! Napoléon III và Nga hoàng đều

cầu hôn bà, cậu thấy có thú vị không? Cậu hãy nói chuyện chút ít với bà. Nhưng tôi không muốn bà cầm chân chúng ta cả tiếng đồng hồ đâu. Quay về phía bà quận chúa, Swann lên tiếng:

- Tôi có gặp Taine⁽¹⁶⁵⁾. Ông bảo quận chúa bất hòa với ông.
- Ông ta xử sự như một con lợn, - bà nói, giọng nghiêm khắc và phát âm từ “con lợn” như thể nó là tên đức giám mục ở thời Jeanne d’Arc⁽¹⁶⁶⁾. - Sau bài báo ông ta viết về Hoàng đế, tôi gửi tới từ danh thiếp với mấy chữ P. P. C⁽¹⁶⁷⁾.

Tôi kinh ngạc như khi người ta mở thư tín của bà công tước d’Orleans, dòng dõi quận chúa Mathilde, và quả vậy, quận chúa Mathilde cảm thấy trong lòng những tình cảm mang tính chất Pháp đặc trưng một cách trung thực và dữ dội giống như người Đức ngày trước, sự trung thực dữ dội chắc hẳn bà tiếp thụ của bà mẹ sinh trưởng ở Wurtemberg⁽¹⁶⁸⁾. Thái độ chân thật của bà có phần thô lỗ và mang tính chất đàn ông, nhưng nụ cười trên môi làm nét mặt trở nên đôn hậu, có phần âu sầu kiểu người Italia. Và tất cả bao phủ trong một bộ trang phục kiểu Đế nhị Đế chế tuy bà quận chúa chắc hẳn chỉ dùng vì gán bó với thời trang bà từng yêu mến, nhưng hình như bà muốn không phạm một sai lầm nào mang màu sắc khơi gợi lên một thời đại khác. Tôi rí tai

Swann hỏi xem bà có quen biết Musset không.

- Thừa Ngài, rất ít thôi. - Bà đáp với điệu bộ giả vờ giận dữ, và quả thật bà dùng “Ngài” để xưng hô với Swann là cho vui thôi vì vốn rất thân tình với ông ta. - Có lần tôi mời ông ấy tới nhà ăn tối. Mời ăn lúc bảy giờ. Bảy rưỡi, ông không tới. Chúng tôi ngồi vào bàn. Tám giờ ông ấy tới, chào tôi, ngồi xuống, không hề hé răng, và sau bữa ăn ra về, không nói lấy nửa lời. Ông ấy say cò bợ. vì vậy tôi lại càng thích thú mời ông ta.

Swann và tôi ngồi cách xa một quãng.

- Tôi hy vọng câu chuyện nhỏ này không kéo dài. - Swann rí tai tôi. - Tôi nghe đau ở gan bàn chân. Tôi không hiểu vì sao bà vợ tôi lại góp thêm chuyện. Rồi chính bà ta lại rên rỉ một cho mà xem, còn tôi thì không sao đứng mãi như thế này được.

Thật vậy, nắm được tin tức qua bà Bon temps, bà Swann đang cho nữ quận chúa biết là sau khi nhận ra thái độ khiếm nhã của mình, chính phủ quyết định gửi giấy mời quận chúa tới khán đài dự buổi viếng thăm ngày hôm sau của Sa hoàng Nicolas ở Viện Phế binh. Nhưng mặc dù vẻ bề ngoài của bà,

mặc dù những người thân cận bà chủ yếu là văn nghệ sĩ, mỗi khi cần hành động, về cơ bản bà quận chúa vẫn là người cháu gái Napoléon:

- Thưa bà, đúng thế, sáng nay tôi có nhận được giấy mời và gửi trả lại Ngài Bộ trưởng, chắc hẳn lúc này đã đến tay cô ta. Tôi bảo tôi không cần giấy mời để tới Viện Phế binh. Nếu chính phủ muốn tôi tới, thì không phải tới trên khán đài, mà là trong khu hầm, nơi có mộ Hoàng đế⁽¹⁶⁹⁾. Tôi không cần giấy mời. Tôi có chìa khóa riêng. Tôi muốn vào lúc nào thì vào. Chính phủ chỉ cần cho tôi biết họ muốn tôi tới hay không. Nhưng nếu tôi tới thì sẽ tới đấy, chứ dứt khoát không ở đâu khác hết.

Vào lúc ấy, một chàng trai chào bà Swann và tôi. Anh chàng chào nhưng không dừng bước và tôi không rõ có phải bà Swann đáp là anh được bà Bontemps giới thiệu và là tùy viên Văn phòng Bộ trưởng hay không. Vả lại, chắc hẳn bà ta không gặp anh ta luôn, nay không muốn nhắc tới cái tên Bloch mà bà cho là không “sang”, vì bà bảo anh ta chính là Ngài Moreul. Tôi cam đoan là bà nhầm: tên anh là Bloch. Bà quận chúa vén đuôi áo kéo lê phía sau và bà Swann nhìn vẻ thán phục.

- Chính đấy là tấm da thú Hoàng đế nước Nga gửi cho tôi, - bà quận chúa lên tiếng. - Lúc này tôi tới thăm Đức vua nên tôi bận tấm áo này để chứng tỏ với Ngài là có thể dùng tấm da ấy để may măngtô.

- Hình như Hoàng thân Louis đã tình nguyện vào quân đội Nga, - bà Swann lên tiếng sau khi trông thấy chồng có vẻ sốt ruột; - chắc công chúa sẽ buồn phiền vì không có Hoàng thân bên cạnh.

- Ông ta rất cần điều đó! Như tôi bảo: “Đấy không phải là một lý do vì trong gia đình anh đã có một quân nhân”. - Bà quận chúa đáp, hàm ý muốn liên hệ tới Napoléon Đệ nhất.

Swann không đứng yên được nữa:

- Thưa bà, chính tôi sắp đóng vai Điện hạ Hoàng thân và xin phép bà được cáo lỗi, nhà tôi vừa qua rất ồm yếu và tôi không muốn bà ấy đứng im mãi một chỗ thế này.

Bà Swann cúi chào. Bà quận chúa nhìn tất cả chúng tôi và mỉm một nụ cười thánh thiện mà hình như bà muốn làm sống lại từ quá khứ, từ những vẻ duyên dáng của buổi thanh xuân, và từ những buổi dạ hội ở lâu đài

Compiègne⁽¹⁷⁰⁾; nụ cười nở trọn vẹn và đôn hậu trên gương mặt lúc này vốn cau có. Rồi bà ra đi, theo sau là hai nàng hầu. Lúc này hai người này chỉ có đệm vào câu chuyện của chúng tôi những câu vô nghĩa lời giải thích

vô ích theo kiểu những người phiên dịch, những cô giữ trẻ hay những người chăm sóc người ốm.

- Trong tuần lễ này, cậu phải đến ghi tên ở nhà bà ấy, - bà Swann bảo tôi; - người ta không dễ gì tới nhà vua chúa đâu, như người Anh thường nói, nhưng nếu cậu tới ghi tên thì sẽ được bà ấy mời đấy.

Thỉnh thoảng trong những ngày đông cuối cùng, trước khi đi dạo, chúng tôi vào một phòng triển lãm nhỏ mở cửa vào những ngày ấy. Ở đấy, với tư cách là một nhà sưu tập có danh vọng, Swann được các nhà buôn tranh, chủ phòng triển lãm, chào hỏi hết sức trọng vọng, và trong những ngày còn lạnh giá này, những nỗi niềm mong ước tới miền Nam và Venise trước đây được gọi lại trước những căn phòng triển lãm ấy, trong đó một mùa xuân sớm và ánh nắng mặt trời chói chang làm lấp lánh những tia màu tím nhạt trên dãy Alnilles⁽¹⁷¹⁾ màu hồng và làm dòng sông Venise trong suốt một màu ngọc bích. Thời tiết xấu thì chúng tôi tới dự hòa nhạc hay đến nhà hát và sau đấy ăn chiều ở một phòng trà. Nếu định nói với tôi một điều gì đó mà không muốn cho những người khách ngồi ở những bàn bên cạnh và cả những anh chàng hầu bàn hiểu, thì bà Swann dùng tiếng Anh như thể tiếng Anh là ngôn ngữ chỉ có hai chúng tôi nắm được. Thế nhưng mọi người đều biết tiếng Anh, còn riêng tôi thì chưa học và buộc phải nói cho bà Swann biết để khách uống trà và những người phục vụ khỏi có những ý nghĩ mà tôi đoán chắc là khiếm nhã tuy tôi không hiểu mảy may trong lúc những người trong cuộc không bỏ sót một chi tiết nhỏ nào.

Một hôm, Gilberte làm tôi hết sức kinh ngạc nhân câu chuyện về một buổi biểu diễn sân khấu ban ngày. Hôm ấy chính là hôm nàng đã nói trước với tôi là ngày giỗ ông nội nàng. Nàng và tôi phải cùng cô giáo đi nghe mấy đoạn nhạc kịch. Gilberte đã thay quần áo để đi dự buổi diễn ấy, nhưng vẫn giữ thái độ thờ ơ quen thuộc đối với những việc chúng tôi phải làm: nàng bảo bất luận cái gì cũng được, miễn là tôi thích thú và bảo bố nàng không hài lòng về việc ngày hôm ấy chúng tôi đi dự hòa nhạc. Tôi thấy đó là điều hết sức tự nhiên. Gilberte tỏ vẻ thản nhiên nhưng rồi tái mặt đi vì một cơn giận dữ nàng không thể che giấu, và không nói thêm nửa lời. Khi ông Swann quay lại, bà vợ kéo ông tới cuối phòng khách và rỉ tai ông. Ông bèn gọi Gilberte vào phòng bên cạnh. Chúng tôi nghe những lời to tiếng. Nhưng tôi không thể tin là Gilberte vốn là cô gái vâng lời, ngoan ngoãn và âu yếm hết mực lại có thể cưỡng lại đòi hỏi của ông bố vào một ngày như thế này và vì một nguyên nhân vô nghĩa như vậy. Cuối cùng Swann bước ra khỏi phòng và bảo:

- Con biết bố bảo thế nào rồi. Bây giờ con muốn làm gì thì tùy ý.
Gương mặt Gilberte giữ vẻ cau có trong suốt bữa ăn trưa; sau đó chúng tôi vào phòng nàng. Đột nhiên, không một chút ngập ngừng và như thể chưa bao giờ có lấy một giây phút ngập ngừng, nàng nói to:

- Hai giờ rồi! Anh biết là buổi hòa nhạc bắt đầu lúc hai rưỡi.

Và nàng bảo cô giáo khẩn trương.

- Nhưng, - tôi bảo nàng, - như thế không làm bố phiền lòng hả?

- Tuyệt nhiên không.

- Nhưng bố cho như thế là kỳ lạ vì là ngày giỗ ông cụ.

- Người khác suy nghĩ thế nào thì dính dáng gì tới tôi? Tôi thấy quan tâm tới người ta trong chuyện tình cảm thật là lỗ bịch. Người ta cảm xúc như thế này thế nọ là chính bản thân mình, chứ đâu phải cho công chúng. Nếu vì ít có trò tiêu khiển, một tiểu thư xem việc dự buổi hòa nhạc này như một ngày hội, thì tôi sẽ không vì muốn làm vui lòng thiên hạ mà ngăn cấm nàng.

Nói xong, Gilberte cầm lấy mũ.

- Nhưng Gilberte này, - tôi vừa nói vừa khoác tay nàng, - đâu phải là làm vui lòng thiên hạ, mà chính là làm vui lòng bố cô kia mà.

- Tôi mong anh không phê phán tôi đấy chứ, - nàng vừa nói gay gắt vừa giật mạnh cánh tay ra.

Gia đình Swann không chỉ đưa tôi tới vườn Bách thảo hay những buổi hòa nhạc. Họ còn dành cho tôi sự ưu ái quý giá hơn: không loại trừ tôi ra khỏi tình thân của họ đối với Bergotte, vốn là cội nguồn khiến tôi thấy họ thật dễ thương, ngay cả khi tôi chưa quen biết Gilberte, vì nghĩ rằng tình thân của nàng đối với ông già tuyệt vời ấy chắc hẳn làm tôi cảm thấy nàng là cô bạn gái say mê nhất nếu thái độ khinh thị của ông đối với tôi không làm tôi mất hết hy vọng có ngày nàng dẫn tôi cùng đi với ông thăm viếng những thành phố ông yêu thích. Thế và một hôm, bà Swann vốn ít khi không tuân thủ những cung cách được xem là thanh nhã trong cả một mùa vụ và sau đó bị bãi bỏ vì không thể duy trì được (như nhiều năm trước đây bà ta có chiếc hansom cab⁽¹⁷²⁾ hoặc cho in trên giấy mời ăn trưa là to meet⁽¹⁷³⁾ một nhân vật quan trọng). Thông thường những cung cách ấy chẳng hề có gì là bí mật và không đòi hỏi phải có sáng tạo. Chẳng hạn, có những năm, với một chút đổi mới du nhập từ nước Anh, Odette thuê in cho chồng những tấm danh thiếp trên đó đứng trước tên họ Charles Swann có thêm từ “Ngài”. Sau lần thứ nhất tôi viếng thăm, bà Swann đã để lại ở cửa nhà tôi

một mảnh “cactông” như bà thường nói. Chưa bao giờ có ai để danh thiếp lại cho tôi.

Tôi vừa kiêu hãnh vừa xúc động và biết ơn, nên góp nhặt hết tất cả tiền bạc đặt mua một bó hoa sơn trà đẹp tuyệt và gửi tới bà Swann. Tôi khẩn khoản bố tôi đưa một tấm danh thiếp tới nhà bà nhưng trước hết cho in thêm chữ “Ngài” vào trước tên họ của ông. cả hai yêu cầu đều bị khước từ, tôi hết sức thất vọng trong mấy ngày liền, và sau đấy bản khoản không biết bố tôi xử sự thế có đúng không. Song tập quán dùng từ “Ngài” thật dễ hiểu dù nó có vô ích chẳng nữa. Tình hình không phải như vậy đối với một tập quán khác xuất hiện hôm có bữa ăn trưa ấy nhưng không có ý nghĩa gì hết. Đúng lúc bước từ tiền sảnh vào phòng khách, người chỉ huy đám hầu bàn trao cho tôi một chiếc phong bì mỏng và dài trên đó có ghi tên tôi. Tôi vừa ngạc nhiên nhìn phong bì vừa cảm ơn ông ta. Tôi không biết nên làm gì với chiếc phong bì ấy chẳng khác một người nước ngoài không biết làm gì với đôi đũa⁽¹⁷⁴⁾ người ta đưa cho khách trong những bữa ăn cơm Tàu. Thấy phong bì dán kín, tôi sợ có phần khiếm nhã nếu mở ra ngay nên bỏ vào túi với vẻ thành thạo. Mấy hôm trước bà Swann biên thư bảo tôi tới ăn trưa “trong phạm vi hẹp”. Thế nhưng có tới mười sáu người trong đó tuyệt nhiên tôi không biết là có mặt Bergotte. Vừa giới thiệu tôi xong, bà Swann xưng tên nhà thơ có mái tóc bạc phơ (như thể khách mời chỉ có hai chúng tôi và mỗi người chúng tôi hài lòng chỉ biết người kia mà thôi). Cái tên gọi Bergotte làm tôi giật nảy mình như tiếng động một khẩu súng ngăn người ta dùng nhả đạn vào mình, nhưng bất giác, tôi cúi chào để giữ vẻ bình tĩnh; đáp lời chào của tôi là một người còn trẻ, nhỏ bé nhưng mập, mắt cận thị và vẻ thành thực, mũi đỏ hình xoắn ốc, chòm râu cằm đen nhánh. Tôi ngỡ trước mặt mình là những tay làm trò nhào lộn mặc rơđanhgôt đứng im lìm trong khói một phát đạn vừa nhả ra và từ trong đó vút bay lên như một cánh chim bồ câu. Tôi buồn đến muốn chết được vì cái vừa tan tành thành mây khói không phải chỉ là ông già ốm yếu hoàn toàn biến mất không để lại dấu vết, mà còn là vẻ đẹp của một công trình lớn lao tôi đã đặt được vào trong cái cơ thể suy nhược nhưng thiêng liêng tôi cố tình xây đắp như xây đắp một ngôi đền. Không còn một chút rơi rớt nào của vẻ đẹp ấy trong cái thân hình to mập bằng xương bằng thịt của người đàn ông có cánh mũi hếch và bộ râu cằm đen nhánh trước mặt mình. Toàn bộ hình ảnh ông già Bergotte mà bản thân tôi xây đắp nên, chậm rãi và chậm chút, từng chút một, như một lớp thạch nhũ, với cái vẻ đẹp trong suốt của những cuốn sách của ông, cái hình ảnh Bergotte ấy bỗng nhiên không còn một công dụng nào nữa, khi phải giữ lại cánh mũi hình xoắn ốc và sử dụng chòm râu cằm màu đen – cũng như chẳng còn ích lợi gì nữa lời giải tìm được cho một bài toán mà

mình đọc không đầy đủ dữ kiện và không tính tới chuyện tổng số phải là một con số nhất định. Cánh mũi và chòm râu là những yếu tố không thể bỏ qua và thật sự khó chịu tới mức trong lúc buộc tôi phải tái tạo lại hoàn toàn nhân vật Bergotte, chúng như vẫn không ngừng ẩn chứa, sinh sản ra một loại đầu óc tích cực và tự mãn với bản thân mình; đó là điều không bình thường vì đầu óc ấy không hề dính dáng tới thứ trí tuệ tỏa ra trong những cuốn sách rất quen thuộc đối với tôi và thậm chí đem một học vấn uyên thâm khoan hậu và thánh thiện. Nếu xuất phát từ những cuốn sách ấy, thì không bao giờ tôi tìm thấy cách mũi theo hình xoắn ốc nọ; nhưng xuất phát từ cách mũi vốn không có vẻ gì quan tâm tới việc ấy, và trong lúc hành động riêng một mình một cách “tự do”, tôi đi theo một hướng hoàn toàn khác với tác phẩm của Bergotte; tôi có cảm giác tìm thấy một thứ tâm lý của anh chàng kỹ sư vội vã, của những người hề có ai chào hỏi là yên trí phải nói ngay: “Cảm ơn, thế còn ông?” trước khi người ta chưa kịp hỏi tin tức họ, và nếu người ta tuyên bố hoan hỉ được làm quen với họ thì trả lời vắn tắt: “Cũng vậy” mà họ hình dung là đúng lúc, thông minh và hiện đại ở chỗ nó tránh làm mất thì giờ quý báu với những công thức vô bổ. Dĩ nhiên tên tuổi người ta cũng giống như những họa sĩ phóng túng vẽ về con người và đất nước những bức phác thảo rất ít giống, nên chúng ta thường sững sờ khi trước mặt mình, thay vì một thế giới theo tưởng tượng là một thế giới hữu hình (vả lại, thế giới này không phải là thế giới thực, vì cái giác quan chúng ta không có khả năng tìm ra cái thực nhiều hơn khả năng tưởng tượng nên những bức vẽ có tính chất ước lượng có thể tạo nên từ hiện thực, ít ra cũng khác thế giới hữu hình như thế giới hữu hình khác thế giới tưởng tượng). Nhưng đối với Bergotte, sự bối rối về cái tên gọi chẳng là gì hết so với sự bối rối mà tác phẩm quen thuộc gây nên cho tôi; tôi buộc phải gắn liền với tác phẩm này, như gắn liền với một quả bóng, người đàn ông có chòm râu cằm màu đen, mà không biết nó có giữ được sức mạnh để bay lên không. Nhưng hình như chính ông đã viết những cuốn sách mà tôi hết lòng yêu mến, vì sau khi bà Swann nói với ông về niềm hứng thú của tôi đối với một trong những cuốn ấy, ông không hề tỏ vẻ ngạc nhiên là vì sao bà lại nói điều đó với ông chứ không phải với một vị khách khác, và không có vẻ tỏ ra đó là một sự ngộ nhận; nhưng ấp úng trong chiếc rơm đan dệt mà ông bận để tỏ lòng kính trọng tất cả tân khách, một hình hài hau háu trông chờ bữa ăn trưa lần sau, và quan tâm đối với những hiện thực quan trọng khác, Bergotte chỉ mỉm cười khi nghĩ tới sách vở của mình như tới một sự kiện đã đi qua trong tiền kiếp, và như thể người ta liên tưởng tới bộ quần áo của

công tước de Guise⁽¹⁷⁵⁾ mà hình như ông có bận một năm nào đó trong một buổi khiêu vũ không hóa trang; ngay lập tức những cuốn sách ấy không còn có ý nghĩa gì nữa đối với tôi (chúng kéo theo trong lúc sụp đổ toàn bộ giá trị của cái Đẹp, của vũ trụ, của cuộc sống), và chỉ còn là một trò giải trí tầm thường của người đàn ông có chòm râu cằm đen. Tôi thầm nghĩ chắc hẳn ông ta chăm chú vào đấy, nhưng giá sinh sống trên một hòn đảo xung quanh có những đàn trai có ngọc thì thay vì công việc văn chương, ắt hẳn ông ta tiến hành thắng lợi công việc buôn bán ngọc trai. Tôi không còn cho sự nghiệp của ông ta là tất yếu nữa. Thế là tôi thầm nghĩ phải chăng tính độc đáo thực sự chứng minh rằng các nhà văn lớn là những vị thần ngự trị mỗi vị trong vương quốc của riêng mình, hay trong tất cả những thứ đó có một chút giả tạo, phải chăng những sự khác biệt giữa các tác phẩm là kết quả của lao động, hay chỉ là biểu hiện một sự khác biệt triệt để về bản chất giữa các nhân cách khác nhau?

Nhưng ai nấy đã ngồi vào bàn ăn. Bên cạnh đĩa của tôi, có một đĩa cắm chướng, cuộn bọc trong giấy bạc. Đĩa hoa làm tôi bối rối ít hơn chiếc phong bì tôi nhận trong tiền sảnh và đã bị hoàn toàn quên lãng. Tục lệ này, tuy cũng mới lạ đối với mình, nhưng tôi bắt đầu hiểu ra khi thấy mọi người khích nam giới chiếm lấy đĩa cắm chướng tương tự đặt cạnh đĩa ăn và cài vào khuy áo rơđanhgôt. Tôi làm theo với cái vẻ tự nhiên của một người vô tín ngưỡng trong nhà thờ không biết lễ misa nhưng đứng dậy khi mọi người đứng dậy và quỳ xuống một lát sau khi mọi người quỳ xuống. Một tục lệ khác xa lạ và kéo dài làm cho tôi khó chịu nhiều hơn. Phía bên kia đĩa ăn của tôi có một chiếc đĩa khác bé hơn đựng đầy một chất đen lờ mờ mà không hiểu là trứng cá muối. Tôi không biết nên làm thế nào với cái món ấy nhưng kiên quyết sẽ không đụng tới.

Bergotte ngồi không xa tôi, tôi nghe rành rọt lời ông ta nói. Thế là tôi hiểu ấn tượng của ông de Norpois, quả Bergotte có giọng nói kỳ lạ; không có gì làm biến chất những đặc điểm vật chất của giọng nói bằng việc nó chứa đựng tư duy: độ vang của các nguyên âm đôi, sức bật của nguyên âm môi đều bị ảnh hưởng. Cách đọc cũng vậy. Tôi có cảm giác cách đọc của ông hoàn toàn khác với những điều đầy rẫy trong tác phẩm. Nhưng qua giọng nói ấy phát ra từ một cái mặt nạ mà trước đó nó không đủ làm chúng ta nhận ra trước tiên một bộ mặt chúng ta thấy lồ lộ qua phong cách viết. Một đôi lúc trò chuyện, Bergotte có thói quen nói với một cung cách mà chỉ riêng ông de Norpois cho là không giả tạo và khó chịu.

Tôi loay hoay mãi mới tìm thấy một sự tương ứng thực sự giữa cung cách ấy với những đoạn sách của ông ta trong đó lời văn trở nên hết sức nên thơ và du dương. Ông ta cho những điều mình nói ra với một vẻ đẹp “về hình thể” độc lập đối với ý nghĩa của câu, và vì lời nói con người có quan hệ với tâm hồn nhưng không thể hiện tâm hồn như lời văn nên Bergotte có vẻ như nói nghịch nghĩa, lăm băm một số từ, và nếu chỉ theo đuổi qua các từ ấy một hình ảnh duy nhất thì tuân chúng ra liên tiếp, không có khoảng cách, như thể một âm thanh duy nhất với một vẻ đơn điệu đến chán ngấy. Theo cách đó, một lối nói cầu kỳ, kiểu cách và đơn điệu là dấu hiệu của tính chất thẩm mỹ của lời lẽ ông ta và là tác dụng, trong khi nói chuyện, của thứ năng lực tạo nên trong tác phẩm những chuỗi hình ảnh và sự hài hòa. Thoạt tiên tôi rất khó nhận ra rằng những điều ông ta nói vào những lúc không có vẻ là của Bergotte, chính vì đích thực chúng là của Bergotte. Đây là vô số ý tưởng cụ thể, không nằm trong “loại hình Bergotte” mà nhiều ký giả tản văn đã sử dụng như của riêng mình; và hiện tượng không giống nhau ấy có thể là một mặt khác – nhìn thấy lờ mờ qua câu chuyện như một hình ảnh phía sau một mặt kính màu

- của cái hiện tượng là khi ta đọc một trang sách của Bergotte, nó không bao giờ là cái mà bất kỳ một kẻ bắt chước xoàng xĩnh nào cũng có thể viết nên, mặc dù trên báo chí và trong sách vở, họ trang điểm những trang văn xuôi của họ với biết bao hình ảnh và ý nghĩ “theo kiểu Bergotte”. Sự khác nhau ấy về phong cách bắt nguồn từ chỗ “cái Bergotte” trước hết là một yếu tố quý và đích thực, giấu kín trong lòng mỗi sự vật, sau đó được nhà văn lớn này “chiết xuất” nhờ tài năng của mình, một sự chiết xuất vốn là mục đích của nhà thơ chân chính, chứ không phải là làm kiểu Bergotte. Nói đúng ra ông làm kiểu Bergotte một cách bất đắc dĩ vì ông là Bergotte và vì mỗi vẻ đẹp mới trong tác phẩm của ông là một lượng nhỏ Bergotte chôn vùi trong một sự vật và được ông rút từ trong đó ra. Nhưng nếu qua đây mỗi một vẻ đẹp ấy có quan hệ với những vẻ đẹp khác và có thể nhận biết được đi nữa, thì nó vẫn riêng biệt chẳng khác nào sự khám phá đã tìm ra nó; nó vẫn mới, và do vậy vẫn khác cái mà người ta gọi là kiểu Bergotte vốn là một sự tổng hợp mờ ảo những “cái Bergotte” đã tìm thấy và do ông biên tập, những cái Bergotte này tuyệt nhiên không thể cho phép những kẻ bắt tài tiên đoán những gì ông sẽ khám phá ra ở chỗ khác. Tình hình là như vậy đối với mọi nhà văn lớn, cái đẹp trong câu văn của họ là không sao dự kiến được, cũng như không thể dự kiến nhan sắc của một người đàn bà chưa quen biết; nó là sáng tạo vì nó được áp dụng cho một đối tượng bên ngoài mà nhà văn lớn

ngĩ tới – chứ không phải ngĩ tới bản thân mình – tuy chưa thể hiện. Một tác giả hồi ký ngày nay nếu muốn làm theo kiểu Saint-Simon tuy không thể hiện ý muốn ấy ra ngoài, cùng lắm cũng chỉ có thể viết được dòng thứ nhất miêu tả chân dung Villars⁽¹⁷⁶⁾: “Đấy là một người đàn ông khá cao lớn tóc màu nâu... bộ mặt sôi động, cởi mở”, nhưng thuyết định mệnh nào có giúp y tìm ra câu văn thứ hai mở đầu bằng: “và thực sự có phần cuồng dại?” Tính đa dạng thực sự nằm trong sự phong phú của những yếu tố hiện thực và bất ngờ, trong cảnh lá đầy những đóa hoa màu xanh vươn cao từ dãy hàng rào mùa xuân hình như đã tận lực phát triển trong lúc không một ai chờ mong; còn việc bắt chước cái đa dạng một cách hoàn toàn hình thức thì chỉ là sự trống rỗng và tính đồng nhất, nghĩa là hết sức đối lập với tính đa dạng, nó chỉ có thể gọi lại kỷ niệm về cái đó của kẻ chưa hiểu nổi cái đa dạng ở những bậc thầy và chúng ta cũng có thể có lập luận như vậy đối với những đặc tính khác của phong cách.

Bởi vậy, nếu cách nói năng của Bergotte chắc hẳn có thể có sức quyến rũ khi bản thân ông chỉ là một tay tài tử ngâm nga thơ văn của anh chàng Bergotte rờm chứ không gắn liền với tư duy của Bergotte trong hành vi và lao động bởi những mối quan hệ sống còn mà ta không phát hiện ra ngay tức thì, thì cũng như thế, chính vì Bergotte vận dụng chính xác tư duy ấy vào thứ hiện thực ông ta thích thú, nên ngôn từ của ông có một cái gì đó xác thực, tràn đầy nhựa sống, làm thất vọng những ai mong chờ nghe ông chỉ nói tới “dòng thác bất tận những dáng vẻ bề ngoài” và những “sự run rẩy bí ẩn của cái đẹp”. Rốt cuộc chất lượng hiếm quý và mới mẻ của những điều ông viết nên, được thể hiện trong khi ông trò chuyện; qua cách tiếp cận rất mực tinh tế một vấn đề và bỏ qua tất cả những mặt đã quen thuộc của nó, khiến ông có vẻ như miêu tả nó ở một khía cạnh nhỏ bé, rơi vào sai lầm và làm một công việc nghịch lý. Bằng cách đó, ý tưởng của ông thường có vẻ mơ hồ, trong khi mọi người cho là sáng tỏ những ý tưởng cũng mơ hồ như chính những ý tưởng của họ. Và lại, mọi cái mới mà điều kiện tiên quyết là loại bỏ cái tầm thường người ta đã quen thuộc và tưởng như là chính bản thân hiện thực, mọi cách chuyện trò mới lạ, cũng như mọi bức tranh, mọi bản nhạc độc đáo, tất cả những cái đó bao giờ cũng có vẻ cầu kỳ và làm người ta mệt mỏi. Cái mới ấy dựa trên cơ sở những hình thức chúng ta không quen, chúng ta có cảm tưởng người nói chuyện chỉ nói bằng ẩn dụ, khiến người ta chán ngán và có cảm giác đứng trước hiện tượng thiếu chân lý. (Thực ra bản thân những hình thức ngôn ngữ cổ xưa, trước kia cũng là những hình ảnh khó theo dõi khi người nghe chưa biết vũ trụ mà

chúng miêu tả. Nhưng đã từ lâu người ta hình dung vũ trụ đây là vũ trụ hiện thực, và người ta dựa vào nó). Bởi vậy khi Bergotte bảo Cottard là một tay nhào lộn tìm cách lấy thăng bằng, hoặc cho rằng “việc chăm chút mái tóc còn làm Brichot vất vả hơn cả bà Swann vì y quan tâm vừa tới gương mặt vừa tới danh vọng nên lúc nào tóc tai cũng phải chải chuốt ra sao cho có dáng vẻ vừa một trang hiệp sĩ vừa một vị triết gia”, thì người nghe đâm ra mệt mỏi ngay và muốn trở lại một cái gì cụ thể hơn - như người ta vẫn nói - để nó biểu thị một cái quen thuộc hơn. Những lời lẽ không thể nhận biết phát ra từ chiếc mặt nạ tôi có trước mắt cần phải quy tụ về nhà văn mà tôi thần phục, chúng không thể ghép vào tác phẩm của ông theo kiểu ráp một mảnh nhỏ rời rạc vào với những mảnh khác; chúng nằm trong một bình diện khác và đòi hỏi một sự chuyển đổi mà nhờ có nó một hôm, khi tự mình lặp lại những câu mình đã được nghe người ta nói với Bergotte, tôi tìm thấy toàn bộ rường cột của phong cách viết của ông, rồi nhận biết và gọi tên những bộ phận khác nhau của rường cột ấy trong ngôn ngữ nói của ông mà trước kia tôi thấy khác biệt chừng nào.

Về một phương diện ít căn bản hơn, cái cách phát âm đặc biệt, có phần quá tỉ mỉ và mạnh mẽ của ông đối với một số từ, một số tính từ thường trở đi trở lại trong khi ông trò chuyện với vẻ ít nhiều khoa trương, cách phát âm ấy tương ứng một cách chính xác với vị trí thích đáng ông dành trong văn xuôi cho những từ ông ưu ái để nhấn mạnh; ông đặt chúng sau một chỗ trống và cấu tạo chúng trong toàn bộ câu văn sao cho người đọc bắt buộc phải tính đếm toàn bộ “số lượng” của chúng nếu không muốn phạm một sự nhầm lẫn về nhịp điệu. Tuy nhiên trong cách nói năng của Bergotte, người nghe không tìm thấy một luồng ánh sáng nào vốn thường làm biến đổi ý nghĩa bề ngoài của từ trong văn chương của ông cũng như của một vài nhà văn khác. Chắc hẳn luồng ánh sáng ấy bắt nguồn từ những chiều sâu thăm và không soi rọi vào tận lời nói của chúng ta trong những giờ phút mở rộng tâm hồn đối với người khác qua chuyện văn nhưng lại khép kín trong một chừng mực nhất định đối với chính bản thân mình, về mặt này, trong sách của ông, có nhiều âm điệu, nhiều nét nhấn mạnh hơn so với lời nói: lối nhấn mạnh độc lập đối với cái đẹp của phong cách mà chắc hẳn bản thân tác giả cũng không nhận thấy vì nó không thể tách khỏi cá tính sâu kín nhất của ông. Những lúc Bergotte tỏ ra hoàn toàn tự nhiên trong tác phẩm, chính lối nhấn mạnh ấy tạo nên âm điệu của những từ thường khá vô nghĩa ông viết nên lúc bấy giờ. Lối nhấn mạnh ấy không ghi rõ trong văn bản nhưng tự bản thân nó được đưa thêm vào câu văn và không thể đọc những từ ấy

một cách khác được; nó là cái hết sức phù du nhưng lại hết sức sâu sắc ở nhà văn, và chính cái đó biện minh cho bản chất nhà văn, chỉ rõ ông là người đôn hậu mặc dù đã nói lên những lời nghiệt ngã, là người đa cảm mặc dù đã miêu tả những điều nhục cảm.

Một vài đặc điểm ngôn từ thể hiện dưới dạng những dấu vết yếu ớt trong khi Bergotte chuyện văn, không thuộc về riêng ông; về sau, khi được biết anh chị em ông, tôi tìm thấy lại ở họ những đặc điểm ấy và chúng được nhấn mạnh hơn nhiều. Có một cái gì đó đột ngột và nghe ồ ồ trong những từ ở cuối một câu vui, một cái gì đó yếu ớt và tàn lụi cuối một câu buồn, vốn biết người thầy từ buổi ấu thơ, Swann bảo tôi rằng từ thời ấy ông ta từng nghe thấy ở Bergotte cũng như ở anh chị em nhà văn này những sự biến giọng có thể nói là quen thuộc, lúc này là những tiếng thép một niềm vui dữ dội, lúc khác là những giọng rì rầm của nỗi lòng âu sầu chậm rãi; rằng giữa căn phòng tất cả anh chị em cùng chơi đùa với nhau, Bergotte là người chơi trội hơn cả trong những buổi hòa nhạc khi thì âm ỉ lúc thì náo nức. Dù đặc biệt tới đâu đi nữa, tất cả tiếng động ấy phát ra từ con người cũng chỉ thoáng qua và không còn tồn tại sau khi con người ra đời. Nhưng cách phát âm của gia đình Bergotte thì không như vậy. Bởi lẽ nếu không bao giờ hiểu được, ngay cả trong cuốn *Les Meitres Chanteurs*⁽¹⁷⁷⁾, người nghệ sĩ có thể bằng cách nào sáng tạo âm nhạc khi nghe tiếng chim líu lo, thì trái lại, Bergotte đã chuyển điệu và cố định trong văn xuôi cái cách kéo dài những từ được lặp đi lặp lại thành những tiếng reo vui, hoặc những từ rời rạc thành những lời thờ dài náo nức. Trong tác phẩm của ông có những chỗ kết thúc câu với cách kéo dài những âm vang dồn dập giống như trong những hòa âm cuối cùng của phần mở đầu một bản kịch tưởng như vô tận và lặp đi lặp lại nhiều lần nhịp điệu tuyệt đỉnh của nó trước khi người nhạc trưởng bỏ cây gậy chỉ huy xuống; về sau tôi gặp lại lối nói tương tự ở những người trong gia đình Bergotte. Nhưng riêng phần ông, từ khi đưa cung cách ngôn từ vào tác phẩm, bất giác ông thôi không sử dụng nó trong lời nói nữa. Từ ngày ông bắt đầu viết văn, và nhất là về sau, từ khi tôi quen biết ông, giọng nói Bergotte không bao giờ còn phảng phất những âm điệu ấy nữa.

Những chàng, những nàng Bergotte trẻ tuổi này - nhà văn Bergotte tương lai và anh chị em ông - dĩ nhiên không hơn hẳn mà còn thua kém những lớp thanh niên tinh tế hơn, sắc sảo hơn, thường cho anh em nhà Bergotte quá ồn ào, thậm chí có phần tầm thường, khó chịu trong những lời đùa cợt đặc trưng cho “kiểu người” vừa kiêu căng vừa ngốc nghếch của gia đình này.

Nhưng tài năng, thậm chí thiên tài, bắt nguồn từ những yếu tố trí tuệ và sự tinh tế về mặt xã hội cao hơn những yếu tố của người khác thì ít, mà chủ yếu là từ khả năng biến đổi, chuyển dịch những yếu tố ấy. Muốn đun một chất lỏng bằng bếp điện, thì vấn đề không phải là cần một cái bếp khỏe nhất, mà là một cái bếp mà dòng điện có thể thôi không thắp sáng nữa và cung cấp nhiệt lượng thay vì ánh sáng. Muốn dạo chơi trong không trung, không cần thiết phải có chiếc ô tô khỏe nhất mà là chiếc xe có khả năng biến tốc độ đường trường thành tốc độ lên thẳng bằng cách không tiếp tục bay trên mặt đất nữa mà cắt đường nó đang theo bằng một đường thẳng đứng. Cũng như vậy, những người sản sinh ra những tác phẩm thiên tài không phải là những người sống trong môi trường tinh tế nhất, có lối trò chuyện sắc sảo nhất, có trình độ văn hóa rộng lớn nhất, mà chính là những người có khả năng thể hiện cái tự ngã của mình giống như một tấm gương, trong khi đột nhiên thôi không sống cho chính bản thân họ nữa, sao cho cuộc sống của họ được phản chiếu vào trong đó, dù nó có thể hết sức tầm thường đi nữa, xét về mặt xã hội phù hoa và thậm chí, ở một mặt nào đó, về mặt trí tuệ: tài năng nằm trong khả năng phản ánh, chứ không phải trong giá trị tự thân của cảnh vật được phản ánh. Đến ngày chàng trai Bergotte có thể giới thiệu với cử tọa độc giả cái khánh thích không mấy thanh lịch, nơi ông đã sống buổi ấu thơ, và những buổi trò chuyện chẳng mấy vui vẻ giữa mấy anh chị em mình, đến ngày đó, ông sẽ lên cao hơn những người bạn, tuy sắc sảo hơn, lỗi lạc hơn, của gia đình: ngồi trong những chiếc Rolls-Royce hào nhoáng, họ có thể trở về nhà trong lúc tỏ chút ít lòng khinh thị đối với cái tầm thường của anh chị em Bergotte; nhưng từ cổ máy khiêm nhường vừa “cất cánh”, Bergotte bay phía trên đầu họ.

Một số nét trong ngôn từ của ông giờ đây không còn giống như của những người trong gia đình ông nữa, mà như của một số nhà văn ở thời đại ông. Có những nhà văn trẻ hơn bắt đầu phủ nhận ông và cho rằng không có một chút quan hệ nào với ông về mặt trí lực nhưng lại thể hiện, tuy không muốn, mối quan hệ ấy, bằng cách dùng những trạng từ, những giới từ mà ông không ngớt lặp đi lặp lại; bằng cách đặt câu theo cùng một kiểu cách; bằng cách nói năng theo cùng một giọng chậm rãi, nhỏ dần để phản ứng lại lối nói năng hùng biện và dễ dãi của thế hệ trước. Có lẽ những chàng trai ấy không biết Bergotte - chúng ta sẽ xem những ai rơi vào trường hợp ấy. Nhưng cách tư duy của ông, tiêm nhiễm vào trong người họ, đã phát triển trong đó những sự biến đổi về cú pháp và thanh điệu vốn có quan hệ tất yếu với cái độc đáo của trí tuệ. Và lại quan hệ này đòi hỏi phải được lý giải.

Chẳng hạn, tuy không học tập cách viết của bất kỳ một ai, nhưng Bergotte lại chịu ảnh hưởng cách nói của một người bạn cũ, một người có tài nói chuyện tuyệt vời mà ông ta chịu ảnh hưởng và bất giác bắt chước trong khi nói chuyện; nhưng người bạn này, vì ít tài năng hơn nên không bao giờ viết được những cuốn sách thực sự có giá trị lớn. Bởi vậy nếu căn cứ vào tính độc đáo của ngôn từ, thì Bergotte đã bị liệt vào loại học trò, loại nhà văn học đòi người khác, trong lúc tuy chịu ảnh hưởng của bạn trong rĩnh vực trò chuyện, ông thực sự độc đáo và sáng tạo với tư cách người viết văn. Một điều hiển nhiên nữa là để tách ra khỏi thế hệ trước quá say mê lối trù tượng hóa và những lời sáo ngữ khoa trương, Bergotte khi muốn đề cao một cuốn sách, bao giờ cũng viện dẫn một cảnh gọi lên hình ảnh, một bức tranh không mang ý nghĩa duy lý.

- A! Có chứ! - Ông bảo. - Tốt lắm chứ! Có một cô bé quàng khăn màu da cam. A! Tốt lắm!

Hoặc nữa:

- Ô! Đúng thế, có một đoạn miêu tả một trung đoàn đi qua thành phố, tốt lắm!

Về phong cách, Bergotte không hoàn toàn mang dấu ấn thời đại (và hơn nữa hầu như hoàn toàn mang dấu ấn của đất nước ông, ông không thích Tolstoi⁽¹⁷⁸⁾, George Eliot⁽¹⁷⁹⁾, Ibaen⁽¹⁸⁰⁾ và Dostoievski⁽¹⁸¹⁾, vì mỗi khi muốn ca ngợi một phong cách, ông dùng đi dùng lại từ “dịu ngọt”:

- Có chứ, dịu sao tôi vẫn thích Chateaubriand của Atala⁽¹⁸²⁾ hơn là Chateaubriand của Rancé⁽¹⁸³⁾, tôi thấy nó dịu ngọt hơn.

Ông phát ra cái từ “dịu ngọt” ấy giống như khi nghe bệnh nhân khẳng định sữa làm dạ dày mình khó chịu, người thầy thuốc bảo:

- Thế nhưng dịu ngọt lắm kia mà.

Và quả là trong phong cách Bergotte có một thứ hài hòa giống cái hài hòa của một số nhà hùng biện mà người xưa ngợi ca, những lời ngợi ca chúng ta khó có thể quan niệm bản chất vì đã quen những ngôn từ hiện đại trong đó người ta khôn tìm kiếm loại tác dụng ấy.

Về những trang sách của ông được người ta ngợi khen, ông cũng nói, với một nụ cười e ấp trên môi:

Tôi nghĩ như thế là khá chính xác, là tương đối đúng sự thật, cái đó có thể bổ ích.

Nhưng ông nó như vậy chỉ là khiêm tốn mà thôi, giống như khi nghe người ta bảo tấm áo dài hoặc cô con gái của mình tuyệt vời, một thiếu phụ đáp,

trong trường hợp thứ nhất:

“*Tấm áo dài ấy thuận tiện lắm*”, và trong trường hợp thứ hai:

“*Tình tình con bé tốt lắm*”.

Nhưng bản năng người tạo dựng ở Bergotte rất sâu xa nên ông không thể không biết rằng chứng cứ duy nhất cho thấy mình dựng xây một cách hữu ích và theo đúng chân lý, là ở niềm vui tác phẩm đã đưa lại, trước hết cho ông và sau nữa cho người khác. Chỉ có điều là nhiều năm về sau, lúc không còn tài năng nữa, mỗi khi viết ra một cái gì đó mà mình không bằng lòng, nhưng để khỏi phải xóa bỏ nó như lẽ ra ông phải làm, và để công bố nó, ông tự nhắc đi nhắc lại với bản thân mình:

“*Dẫu sao, cũng khá chính xác, không phải là vô ích đối với đất nước*”.

Bởi thế, cái câu nói trước kia ông thì thầm trước mặt những người ca ngợi mình vì muốn tỏ vẻ khiêm tốn, thì rốt cuộc, được thắm thì trong nỗi lòng sâu kín của ông vì những nỗi băn khoăn của lòng kiêu ngạo. Và những lời lẽ trước kia Bergotte dùng để khước từ một cách không cần thiết giá trị những tác phẩm đầu tiên của ông thì giờ đây cũng những lời lẽ ấy trở nên những lời an ủi vô hiệu đối với cái tầm thường của những tác phẩm cuối cùng.

Bergotte có khuynh hướng nghiêm khắc về mặt phong vị thẩm mỹ, chỉ muốn viết ra những điều mà ông có thể nói: “*Dịu ngọt đây*”; trong bao nhiêu năm tháng nó khiến người ta coi ông là một nghệ sĩ nghèo nàn, cầu kỳ, gọt giũa những cái không đâu; nhưng trái lại; đấy chính là bí quyết sức mạnh của ông vì thói quen tạo nên phong cách nhà văn cũng như tính cách con người. Trong khi thể hiện tư tưởng của mình, tác giả nào từng nhiều lần bằng lòng đạt tới một sự thỏa mãn nào đó thì chính tác giả ấy đã vĩnh viễn cắm mốc giới hạn cho tài năng của mình, chẳng khác nào nếu thường nhượng bộ lạc thú, sự lười nhác và nỗi sợ hãi trước đau đớn thì người ta tự vẽ nên chân dung một tính cách không sao sửa chữa được nữa với những khuyết tật và giới hạn về phẩm hạnh của mình.

Tuy nhiên, nếu thoát tiên, ở nhà bà Swann, tôi không tin đứng trước mặt mình là Bergotte, là tác giả của biết bao cuốn sách tuyệt vời, mặc dù sau đó tôi nhận ra vô số những sự tương hợp giữa nhà văn và con người, thì có lẽ tôi cũng không hoàn toàn sai lầm (vì điều đó, bản thân ông ta cũng không “*tin*” theo đúng nghĩa của từ này). Ông không tin vì ông tỏ ra hết sức vồn vã đối với những người trong giới thượng lưu (tuy ông không chạy theo thời thượng), đối với những nhà văn, nhà báo kém cỏi hơn mình nhiều. Dĩ nhiên giờ đây, qua thái độ đồng tình ủng hộ của người khác, ông biết mình

có tài năng và bên cạnh tài năng thì địa vị trong giới thượng lưu và chức vị xã hội chẳng là cái gì hết. Ông biết mình có tài nhưng vẫn để nay mai có thể trở thành viện sĩ, trong lúc Viện Hàn lâm hoặc xóm Saint-Germain chỉ còn dính dáng tới cái phần của trí tuệ vĩnh hằng từng sản sinh ra tác phẩm của Bergotte, theo nguyên lý nhân quả hay quan niệm về Thượng đế mà thôi. Điều đó, ông cũng biết, giống như một gã có tật ăn cắp dù có biết trộm cắp là xấu vẫn không sao bỏ được tật xấu. Để tới gần chiếc ghế viện sĩ, tiến lại gần bà công tước nào đó có nhiều tiếng nói trong các cuộc bầu cử, nhưng là tiến lại gần trong khi cố giấu thủ đoạn của mình đối với những người cho rằng theo đuổi một mục đích như vậy là tội lỗi, Bergotte với bộ ria mép đen và cánh mũi theo hình xoắn ốc có những mưu mô của “bậc tao nhâ”, nói về những kẻ thượng lưu, quyền quý, giàu sang để tự đề cao mình, còn trong tác phẩm, khi ông ta thực sự là chính bản thân mình thì Bergotte đã rất khéo chỉ ra cái đẹp dễ của người nghèo khổ, trong suốt như vẻ đẹp của một dòng suối.

Còn về những khuyết tật khác mà ông de Norpois nói tới, về mối tình có phần loạn luân mà thậm chí người ta còn bảo là bất minh về tiền bạc, thì chúng mâu thuẫn gay gắt với khuynh hướng những cuốn tiểu thuyết cuối cùng chan chứa một tấm lòng thiết tha cái thiện tới mức dần vật, đau đớn khiến niềm vui nhỏ nhoi nhất của nhân vật cũng không trọn vẹn và bản thân độc giả cũng cảm thấy kinh hoàng, cảm thấy cuộc sống êm đềm nhất hình như cũng khó có thể chịu đựng. Nhưng chúng không chứng tỏ văn chương Bergotte là dối trá, và bấy nhiêu sự nhạy cảm là trò hề - dù có giả định người ta quy một cách đúng đắn những khuyết tật ấy cho ông đi nữa. Nếu trong bệnh học, một số trạng thái bề ngoài trông giống nhau là do trường hợp này thì thái quá, trong trường hợp kia lại là sự bất cập của áp huyết, của bài tiết, v.v... thì cũng như vậy, người ta có thể có khuyết điểm vì quá nhạy cảm cũng như thực sự tội lỗi, vấn đề đạo lý mới có thể được đặt ra một cách hết sức đáng lo ngại. Và người nghệ sĩ giải quyết vấn đề ấy không phải trong phạm vi cuộc sống riêng tư của mình, mà là trên bình diện cuộc sống đích thực với mình: đó là một giải pháp khái quát, một giải pháp văn học. Với tư cách những tấm lòng nhân hậu, các vị linh mục thường bắt đầu, biết tội lỗi của mọi người và từ đó bồi đắp cái thánh thiện cho riêng mình. Cũng giống như vậy, các nghệ sĩ lớn thường sử dụng, trong khi mình còn chưa tốt, khuyết tật của mình để đi tới chỗ quan niệm quy tắc đạo đức cho mọi người. Trong các tác phẩm châm biếm, nhà văn thường phê phán các khuyết tật (hoặc chỉ là những nhược điểm và những cái lỗi

bịch) của môi trường họ sống, những lời nói phi lý, cuộc sống phù hoa và chướng mắt của con gái họ, nhưng không vì vậy mà thay đổi lối sống hoặc cải thiện bầu không khí không lành mạnh trong gia đình. Nhưng ngày trước, sự tương phản này không làm người ta chú ý bằng thời Bergotte, vì một mặt, xã hội càng tha hóa thì những khái niệm về đạo lý càng trở nên thuần khiết, mặt khác, công chúng nắm được hơn bao giờ hết đời tư các nhà văn; và trong một số buổi tối ở nhà hát, người ta chỉ trở cho nhau tác giả mà tôi từng hết lòng thần phục ở Combray, ngồi ở phía tận cùng dãy ghế lô: tác phẩm duy nhất của ông hình như là một bài bình luận đặc biệt buồn cười hoặc xót xa, một bản cải chính trơ trên luận đề ông vừa mới bảo vệ trong công trình trước đây của mình. Không phải những điều người này, người nọ có thể nói với mình cho tôi biết về lòng nhân hậu hay độc ác của Bergotte. Một người thân này của ông cung cấp bằng chứng về thói nghiệt ngã, một kẻ xa lạ khác kể ra một nét về tính nhạy cảm sâu sắc của ông. Ông ta đã hành động tàn bạo với vợ. Nhưng trong một quán trọ làng quê, nơi tối nghỉ ban đêm, ông đã ở lại chăm sóc một người đàn bà nghèo định nhảy xuống nước quyên sinh, và khi bắt buộc ra đi, ông để lại nhiều tiền cho chủ quán để ông ta khỏi đuổi người đàn bà khốn khổ, và có thái độ ân cần đối với bà ta. Có lẽ người nhà văn lớn càng phát triển ở Bergotte và lẫn át người đàn ông có bộ ria mép thì cuộc sống riêng tư của ông càng đắm chìm trong lớp sống cuộn cuộn mọi cuộc đời ông tưởng tượng ra và không còn buộc ông vào những nghĩa vụ cụ thể; đối với ông, chúng được thay thế bằng nghĩa vụ hình dung ra những cuộc đời ấy. Nhưng đồng thời vì hình dung tình cảm của người khác như chính chúng là tình cảm của riêng mình nên mỗi lúc có cơ hội nói với một người bất hạnh, ít nhất cũng trong chốc lát, là ông làm việc đó trong lúc không đứng trên quan điểm của riêng mình, mà chính là trên quan điểm của chính con người đang đau khổ, quan điểm này khiến ông khiếp đảm cách nói năng của những kẻ tiếp tục nghĩ tới quyền lợi nhỏ nhen của mình trước nỗi khổ đau của người khác. Bởi vậy ông đã gây nên xung quanh mình những mối hận thù đích đáng và những nỗi lòng biết ơn khó quên.

Chủ yếu ông là một con người xét cho cùng chỉ thực sự yêu mến một số hình ảnh và chỉ sáng tạo chúng, miêu tả chúng qua từ ngữ. Đối với một vật nhỏ nhoi người ta gửi tới, nếu vật ấy tạo cơ hội sáng tạo một vài hình ảnh thì ông sốt sắng tỏ lòng tri ân, trong lúc không ngỏ một lời cảm ơn nhỏ đối với những món quà quý giá. và nếu phải tự bảo vệ mình trước tòa án thì dù không muốn, ông vẫn chọn lời lẽ, không phải theo tác dụng chúng có thể

gây nên đối với quan tòa, mà là nhằm tạo nên những hình ảnh chắc chắn quan tòa không thể nhận thấy.

Hôm gặp ông lần đầu tiên ở gia đình Gilberte, tôi kể với Bergotte là tôi vừa mới xem Berma biểu diễn trong vở *Phèdre*; ông bảo tôi trong một màn kịch bà giơ cao cánh tay ngang tầm vai - chính là màn khán giả nhiệt liệt hoan hô - bà đã biết gọi lên với một nghệ thuật rất cao đẹp những kiệt tác mà có lẽ bà chưa được xem biểu diễn bao giờ, một nàng Hespéride⁽¹⁸⁴⁾ làm cử chỉ ấy trên mái nhà ngôi đền Olympie⁽¹⁸⁵⁾, và cả những cô gái đồng trinh xinh đẹp ở đền L'Érechthéion cổ kính⁽¹⁸⁶⁾.

- Có thể đó là một linh cảm, - Bergotte nói, - nhưng tôi vẫn hình dung bà sẽ có tên tuổi trong bảo tàng. Có lẽ sẽ thú vị nếu “cắm mốc” được sự kiện này (“cắm mốc” là một từ ngữ quen thuộc của Bergotte mà nhiều chàng trai bắt chước tuy chưa bao giờ gặp mặt ông).

- Ông nghĩ tới các tượng Cariatides⁽¹⁸⁷⁾ chứ gì? - Swann hỏi.

- Không, không đâu, - Bergotte đáp, - trừ trong màn kịch nàng bọc bạch nổi lòng mê say đối với Oenone và bàn tay làm động tác giống như nhân vật huyền thoại nọ trên tấm bia ở Ceramique⁽¹⁸⁸⁾, làm sống lại một nghệ thuật cổ kính. Tôi muốn nói tới các vị thần trong đền L'Érechthéioi⁽¹⁸⁹⁾ ngày xưa và tôi thừa nhận có lẽ không có gì đi xa nghệ thuật Racine tới thế, nhưng đã biết bao điều trong *Phèdre*..., và có thêm một điều... Ô! Và lại, đẹp lắm chứ, nàng Phèdre bé nhỏ của thế kỷ thứ XVI, với cánh tay giơ thẳng lên trời và lọn tóc “lấp lánh như đá hoa cương”; có chứ! Dầu sao, tìm ra được chừng ấy thứ cũng đã là cừ lắm rồi, cũng đã có nhiều điều cổ kính hơn cả trong những cuốn sách ngày nay được coi là “cổ kính” rồi.

Trong một cuốn sách, Bergotte có dâng một lời nguyện cầu nổi tiếng lên các bức tượng cổ xưa nên lời ông lúc này rất sáng tỏ đối với tôi và cung cấp thêm lý lẽ để tôi quan tâm tới nghệ thuật biểu diễn của Berma. Tôi cố hình dung người nghệ sĩ trong ký ức theo hình ảnh bà xuất hiện trong màn kịch mà tôi nhớ lại cánh tay bà giơ cao ngang tầm vai. Tôi thầm nghĩ:

“Đây là nữ thần Hespéride trong đền Olympie, là chị gái của một trong những tín đồ tuyệt vời cầu kinh ở Acropole⁽¹⁹⁰⁾; nghệ thuật cao đẹp là như thế đấy”.

Nhưng Bergotte cần cung cấp cho tôi những ý nghĩ ấy trước buổi diễn nếu muốn chúng làm tôi thấy cái đẹp trong động tác của Berma. Trong lúc điệu bộ của người nữ nghệ sĩ hiển hiện trước mắt và khi sự việc xảy ra còn

mang trọn tính chất hiện thực, tôi có thể hình dung một khái niệm về nền điêu khắc cổ xưa. Từ màn kịch ấy, tôi giữ lại một chút kỷ niệm không phai mờ tuy mỏng manh tựa một hình ảnh không cắm sâu vào thực tại nhưng từ đấy có thể rút ra chân thực một cái gì đó mới mẻ mà người ta không thể áp đặt bằng hồi ức một kiểu lý giải về sau khó có thể kiểm tra một cách khách quan và thừa nhận hay không thừa nhận. Muốn cùng mọi người góp chuyện, bà Swann lên tiếng hỏi tôi Gilberte có kể lại cho tôi nghe hay không những điều Bergotte viết về *Phèdre*.

- Tôi có mụn con gái đến là lơ đãng, - bà nói thêm.

Bergotte nở một nụ cười khiêm tốn và bảo đấy là những trang sách chẳng có gì quan trọng.

- Quan trọng chứ! Cuốn sách nhỏ ấy, tập *Tiểu luận* ấy tuyệt lắm chứ! - Bà Swann nói tiếp vì muốn tỏ ra là một vị nữ chủ nhân tốt bụng, tỏ ra mình đã đọc cuốn sách và cũng vì không chỉ muốn ngợi khen Bergotte mà còn muốn lựa chọn tác phẩm và điều khiển cả tác giả nữa. Và nói đúng ra, chính bà ta gây cảm hứng sáng tác cho nhà văn, nhưng không phải theo cung cách bà ta tưởng. Tuy vậy rốt cuộc giữa vẻ thanh lịch của khách thính bà Swann và cả một mảng ý nghĩa các tác phẩm của Bergotte, có những mối liên quan trong đó những người già ngày nay có thể xem cái này lẫn lượt là một thứ bình phẩm đối với cái kia.

Tôi đành kể lại cảm tưởng của mình. Bergotte không cho đó là những cảm tưởng đúng đắn nhưng vẫn để mặc tôi nói. Tôi bảo mình thích thứ ánh sáng màu xanh trên sân khấu vào lúc *Phèdre* giơ cao cánh tay.

- A! Cậu sẽ làm cho người trang trí nhà hát thích thú lắm đấy. - Bergotte bảo tôi. - Tôi sẽ nói lại với người nghệ sĩ lớn này vì ông rất kiêu hãnh về luồng ánh sáng ấy. Riêng tôi thì quả thật tôi không thích nó lắm: nó làm chìm đắm tất cả trong một bầu không khí màu lam, và nàng *Phèdre* bé nhỏ chẳng khác một nhánh san hô dưới đáy bể cá vàng. Chắc cậu sẽ bảo cái đó làm nổi bật khía cạnh thế giới của vở kịch. Đúng thế! Nhưng dẫu sao cũng sẽ ổn hơn nếu sân khấu vở diễn là chốn cung đình Neptune⁽¹⁹¹⁾. Tôi biết rõ trong vở diễn có chuyện trả thù của Neptune⁽¹⁹²⁾. Lạy Chúa! Tôi không đòi hỏi người ta chỉ nghĩ tới Po- Royan⁽¹⁹³⁾, nhưng dẫu sao Racine đâu có kể chuyện tình ái của loài hải dõm. Song ông bạn tôi lại muốn trang trí như vậy và xét cho cùng thì cũng khá đẹp đấy. Đúng, cậu thích cách trang trí ấy, cậu đã hiểu ra; xét cho cùng, chúng ta cùng nghĩ giống

nhau về vấn đề đó; cách trang trí của ông bạn tôi có phần phi lý, phải thế không nào? Nhưng dấu sao cũng vẫn rất thông minh.

Tuy ý kiến trái ngược ý kiến tôi, Bergotte không buộc tôi phải tuyệt đối im lặng, không được trả lời gì hết như cung cách ông de Norpois. Như thế đâu phải vì quan điểm của Bergotte không có giá trị bằng của ngài Đại sứ; có phần ngược lại là khác. Một ý tưởng mạnh mẽ bao giờ cũng truyền một chút sức mạnh cho người nói trái ý mình. Góp phần vào giá trị chung của mọi trí tuệ, nó thâm nhập, cắm sâu vào đầu óc của người có phản bác, giữa những ý tưởng tiếp cận; và nhờ những ý tưởng tiếp cận ấy, người này bổ sung nó, chỉnh lý nó khi lấy lại được ưu thế nhất định; bởi vậy có thể nói lời phán quyết cuối cùng là sản phẩm của cả hai người trong cuộc bàn cãi. Đầu óc hoàn toàn trống rỗng, đối thủ không tìm ra được gì hết để đáp lại những ý tưởng thực ra mà nói không phải là ý tưởng, những ý tưởng không có một điểm tựa, một nơi bầu vịu nào hết trong đầu óc anh ta. Những luận chứng của ông de Norpois (về mặt nghệ thuật) không có lời phản đáp vì không có cơ sở hiện thực.

Thấy Bergotte không phủ nhận những lời phản bác của mình, tôi thú thật với ông là chúng từng bị ông de Norpois miệt thị.

- Ông ta là một lão ngốc, - Bergotte đáp; - lão mắng mỏ cậu vì tưởng trước mặt lão luôn luôn là một anh chàng hèn nhát.

- Ủa! Cậu có biết ông de Norpois? - Swann hỏi tôi.

- Ô! Lão ta là người tính nết rất kỳ cục. - Bà Swann vội ngắt lời chồng vì một mực tin lời nhận xét của Bergotte và cũng còn vì tâm trạng lo sợ ông de Norpois có thể nói với chúng tôi những điều chẳng hay ho gì về mình. - Sau bữa ăn tối tôi định nói chuyện với lão, tôi thấy lão thật ngớ ngẩn, không rõ vì tuổi tác hay vì vừa ăn xong nên khó chịu trong người. Hình như lão cần được “bơm” một ít chất kích thích!

- Đúng thế, có phải không nào? - Bergotte tiếp lời. - Ông ta thường buộc phải lặng im để trước khi kết thúc buổi họp mặt, không dốc ra hết những điều đại dột.

- Ông Bergotte và nhà tôi quá nghiêm khắc đấy. - Ông Swann, vốn tỏ ra là người biết lẽ phải khi ở nhà mình, lên tiếng. - Tôi thừa nhận Norpois không làm người ta thú vị lắm nhưng về một phương diện khác, ông là con người khá kỳ cục - khá kỳ cục với tư cách một “người tình”. Trong thời kỳ làm tham tán sứ quán ở Rome, - Swann nói tiếp sau khi yên trí Gilberte không thể nghe được điều mình nói, - ông ấy có một tình nhân ở Paris mà ông say mê say mết và tìm cách mỗi tuần hai lần đi thăm cô ả

trong hai tiếng đồng hồ. Lúc ấy, cô ta là một thiếu phụ thông minh và nhan sắc, còn giờ đây đã là một danh gia quả phụ. và trong thời kỳ này, ông ta có nhiều người tình khắc. Riêng tôi, nếu người yêu ở Paris trong lúc mình ở Rome thì tôi phát điên lên mất. Những con người dễ bị kích thích bao giờ cũng muốn yêu “ở phía dưới” mình - như người bình dân vẫn nói - nhằm làm người đàn bà họ yêu bị ràng buộc về quyền lợi và phó mặc cho mình muốn làm gì tùy ý.

Lúc này Swann nhận ra tôi có thể đem phương châm này áp dụng vào trường hợp của ông ta và Odette. Và giận tôi hết chỗ nói: ngay đến những con người cao thượng, lúc tưởng chừng họ cùng anh bay lượn trên cuộc đời, vẫn tự ái một cách dễ tiện. Nhưng nỗi giận hờn của ông chỉ thể hiện qua một ánh mắt lo âu. Ngay lúc đó, ông không nói gì với tôi hết. Xin bạn đọc chớ quá kinh ngạc. Một câu chuyện - dĩ nhiên là hoàn toàn bịa đặt nhưng được lan truyền hàng ngày trong đời sống Paris - kể rằng Racine có nói tới Scarron⁽¹⁹⁴⁾ trước mặt Louis XIV. Nhà vua uy danh lớn nhất thiên hạ này tối hôm đó không nói nửa lời. Nhưng ngay ngày hôm sau nhà soạn kịch lừng danh nước Pháp bị thất sủng.

Nhưng phải chăng vì một lý thuyết bao giờ cũng cần được thể hiện trọn vẹn nên lau mắt kính xong, Swann hỏi tiếp sau giây phút bực bõ ấy:

- Thế nhưng cái nguy hiểm của loại ái tình này là ở chỗ sự lệ thuộc của người đàn bà có nhất thời làm dịu bớt lòng ghen tuông của anh đàn ông song cũng làm nó ngày một thêm nghiệt ngã. Rốt cuộc chị ta sống như những người tu suốt ngày đêm bị canh giữ trong ánh sáng chói chang. Và kết thúc thường là những tấn bi kịch.

Những lời lẽ ấy hoàn chỉnh ý nghĩ của Swann. Lúc đó tôi không biết chú ý tới, nhưng về sau trong ký ức tôi chúng có giá trị như một lời răn để mang tính chất tiên báo.

Xin mời bạn đọc trở lại với ông de Norpois.

- Cậu chớ tin lời nhà tôi. Không phải như lời ông ấy nói đâu. Trái lại, de Norpois ác khẩu lắm. - Bà Swann lên tiếng với giọng nói mà tôi nhận thấy càng có ý nghĩa vì ông de Norpois đã nói những điều không lấy gì làm tốt đẹp về bà ta.

Swann nhìn vợ, vẻ trách móc như không muốn bà ta nói thêm.

Bố mẹ Gilberte hai lần bảo nàng đi chuẩn bị để ra phố; nhưng nàng vẫn nán lại nghe chuyện; nàng ngồi giữa hai bố mẹ, đầu âu yếm tựa vào vai bố.

Thoạt nhìn thấy một sự tương phản thật rõ rệt giữa bà Swann mái tóc màu nâu, với cô con gái tóc hung, làn da óng ánh. Nhưng chỉ một lát sau là dễ

nhận ra ngay ở Gilberte nhiều nét - chẳng hạn cánh mũi do bàn tay của nhà điêu khắc vô hình “chặn lại” theo một quyết định đột ngột và chính xác tuyệt vời và bằng con dao khắc chạm hoạt động cho nhiều thể hệ tiếp nhau - cũng gương mặt và những động tác của bà mẹ. Nếu dùng cách so sánh trong một ngành nghệ thuật khác thì phải nói nàng có dáng dấp một bức chân dung còn dở dang của bà Swann mà nhà họa sĩ trong một thoáng phóng túng, hình như chỉ muốn thể hiện nửa vờ một người đang chuẩn bị đi dự “bữa ăn tối hóa trang”, theo kiểu các cô gái thành Venise. Và vì không phải chỉ có mái tóc là màu hung mà mỗi nguyên tử sắc màu đều tách ra từ da thịt nàng nên sự hóa trang ấy không phải chỉ có tính chất bề ngoài, mà chính là một sự hóa trang tự thân: bỏ tấm khăn choàng màu nâu ra, thịt da nàng như trần trụi hơn và chỉ còn được bao phủ bằng những tia sáng phát ra từ một ánh nắng mặt trời nội tâm. Gilberte như thể tượng trưng cho một con vật hoang đường hoặc mang một thứ giả trang huyền thoại, sắc da màu hung ấy, chính là sắc da của ông bố tới độ hình như khi Gilberte ra đời Tào hóa đứng trước vấn đề phải dần dà “làm lại” một bà Swann trong lúc trong tay chỉ có làn da của ông Swann làm chất liệu, và Tào hóa đã sử dụng chất liệu ấy một cách tuyệt vời, tựa người thợ làm thùng gỗ bậc thầy quan tâm làm nổi rõ thớ và mắt gỗ. Trên gương mặt Gilberte, ở góc mũi y hệt mũi của Odette được tái tạo, làn da nổi lên giữ nguyên vẹn hai nốt ruồi của ông Swann. Đây là một dáng vẻ mới của chính bà Swann đặt bên cạnh bà ta, tựa một đóa tử đinh hương trắng cạnh đóa tử đinh hương tím. Nhưng chớ hình dung đường phân chia tuyệt đối rõ rệt. Thỉnh thoảng khi Gilberte cười, người ta nhận ra hình trái xoan đôi gò má bố nàng trên khuôn mặt mẹ nàng như thể chúng được đặt bên nhau để xem sự trộn lẫn ấy đem lại kết quả thế nào? Hình trái xoan ấy hiện lên rõ nét như một cái phôi nhú dần: nó kéo dài ra một cách chệnh chênh, phồng to lên và một lát sau biến mất. Trong đôi mắt Gilberte có cái nhìn thẳng thắn hồn hậu của bố nàng, cái nhìn khi nàng trao cho tôi viên mã não và bảo:

- Anh giữ lấy vật kỷ niệm tình bạn chúng ta.

Nhưng hề hỉ Gilberte vừa rồi nàng làm gì, là tìm thấy trong cặp mắt ấy vẻ lưỡng lự bối rối, và thái độ âu sầu giấu kín trước kia của Odette khi Swann hỏi bà vừa đi đâu về. Lúc ấy những câu trả lời dối trá của bà ta làm thất vọng người tình, nhưng nếu là giờ đây thì Swann đột ngột lái câu chuyện sang hướng khác với tư cách một anh chồng khôn ngoan và không tọc mạch. Tôi thường băn khoăn khi nhìn thấy ánh mắt ấy trên gương mặt Gilberte. Nhưng phần lớn thời gian, nỗi băn khoăn của tôi là không đúng

chỗ. Là một sự vương vấn hoàn toàn vật chất của mẹ nàng, ánh mắt Giberte - ít nhất cũng ánh mắt lúc ấy - không còn tương ứng với bất kỳ cái gì hết. Chỉ khi lên lớp nghe bài giảng, khi trở về nhà để học bài, hai tròng mắt Giberte mới nhấp nháy như xưa kia đôi mắt Odette từng nhấp nháy vì sợ hãi phải tiết lộ mình vừa tiếp một người tình hoặc đang vội vã đến một buổi hò hẹn. Người ta nhìn thấy như thế đấy hai bản chất của ông và của bà Swann nhấp nhô dâng lên phía trước, lùi lại phía sau, lần lượt lẫn lộn nhau trong hình hài của nàng Mélusine⁽¹⁹⁵⁾ này.

Dĩ nhiên ai cũng biết rõ là một đứa trẻ chịu ảnh hưởng của bố mẹ. Và lại sự phân bố những ưu điểm và khuyết điểm mà nó tiếp thụ diễn ra kỳ lạ tới mức trong khi người bố hay người mẹ có hai ưu điểm tưởng chừng không thể phân chia nổi, thì người ta chỉ còn tìm thấy ở đứa bé một trong hai ưu điểm ấy kết hợp với một trong những khuyết điểm của người kia, tuy khuyết điểm này tưởng chừng không sao dung hòa được với ưu điểm ấy. Ngay đến cả sự hiện thân của một ưu điểm về tinh thần trong một khuyết tật về thể chất khó bề tương hợp, thông thường cũng vẫn là một trong những quy luật về sự giống nhau giữa cha mẹ và con gái. Trong hai chị em gái, một có thể có đầu óc tỉ mỉ của người mẹ cùng thân hình kiêu hãnh của người bố; còn một, tràn trề trí tuệ thông minh của bố, lại thể hiện nó ra trước mắt thiên hạ dưới dáng vẻ bề ngoài của mẹ. Cánh mũi nở nang, da bụng gân guốc và đến cả giọng nói của người mẹ cũng trở thành những thứ “trang phục thiên bẩm” người ta nhận biết dưới một dáng vẻ tuyệt vời. Bởi vậy nếu nói cô chị hay cô em giống bố hay giống mẹ hơn cả đều có lý như nhau. Quả là Giberte là con gái một, nhưng ít nhất cũng có hai Giberte. Hai bản chất, của bố và của mẹ, không phải chỉ trộn lẫn trong người nàng; chúng giành giật nàng tuy nói như thế là không chính xác và khiến người ta có thể giả định rằng trong thời gian ấy, một Giberte thứ ba chịu đau khổ làm mồi cho hai Giberte kia. Thế nhưng Giberte lần lượt là Giberte này rồi lại là Giberte nọ, và mỗi lần như vậy chỉ là một trong hai nàng Giberte mà thôi, nghĩa là nàng không sao chịu nổi một Giberte không tốt: nàng Giberte “tối ưu” tạm thời vắng mặt không thể nhận thấy sự sút kém ấy. Bởi vậy nàng Giberte kém cỏi mặc sức thưởng thức những niềm hứng thú chẳng mấy cao thượng. Khi nàng Giberte tối ưu lên tiếng với trái tim của ông bố và những quan điểm rộng rãi, người ta muốn cùng nàng tiến hành một công việc tốt đẹp và bổ ích, người ta tỏ bày điều đó với nàng; nhưng vào lúc sắp sửa quy ước với nhau thì trái tim của bà mẹ lại xuất hiện; và chính trái tim ấy trả lời anh; thế là người ta bực bõ, người ta thất vọng,

tưởng chừng như bị đánh lừa trước một sự tráo đổi người này bằng người kia, khi thấy Gilberte thích thú với một ý nghĩ ti tiện, một lối cười khẩy gian xảo vì chúng thoát ra từ chính bản thân nàng vào lúc đó. Sự khác biệt giữa “hai nàng Gilberte” có khi tới mức người ta phải tự hỏi ai đã làm gì khiến nàng Gilberte đích thực khác lạ đến thế, tuy có hỏi cũng vô ích. Chẳng những nàng không tới buổi hò hẹn từng y ước với anh và sau đó không một lời nhận lỗi, mà còn tỏ ra xa khác tới độ bất luận nàng thay đổi quyết định do chịu ảnh hưởng nào, người ta vẫn ngỡ mình là nạn nhân của cái hiện tượng giống nhau tạo nên cốt truyện *Ménechmes*⁽¹⁹⁶⁾ và không còn đứng trước con người từng âu yếm ngỏ lời muốn gặp mình, nếu nàng không ra chiều cau có tỏ rõ là người có lỗi và muốn tránh mọi lời giải bày.

- Thôi, con đi đi, không bố mẹ lại phải chờ đấy. - Mẹ Gilberte bảo nàng.

- Con, thấy rất thoải mái cạnh bố thân yêu của con, con muốn ở lại thêm lát nữa. - Gilberte vừa đáp vừa rúc đầu và đòi cách che chở của ông bố trong lúc ông âu yếm luồn các đầu ngón tay vào mái tóc nâu của nàng.

Swann nằm trong số đàn ông vì từng sống nhiều tháng ngày trong ảo ảnh của tình yêu nên cảm thấy niềm lạc thú mình mang tới cho nhiều người đàn bà làm tăng thêm hạnh phúc cho họ trong lúc họ không hề hàm ơn mình, âu yếm mình; nhưng những người đàn ông ấy tưởng như cảm thấy ở con cái một niềm yêu thương hiện thân trong chính bản thân khiến tên tuổi họ vẫn tồn tại sau khi chết. Khi không còn Charles Swann nữa, thì có thể vẫn còn một tiểu thư Swann, hoặc một X. phu nhân, dòng dõi Swann, tiếp tục yêu thương người cha đã quá cố, thậm chí có thể quá yêu thương. Chắc hẳn Swann nghĩ như vậy khi ông trả lời Gilberte:

- Con là một đứa con gái tốt bụng, - với thứ giọng nói xúc động vì nỗi lo âu cho tương lai của con cái sau khi mình qua đời trước tấm lòng yêu thương quá say đắm của chúng. Để che giấu xúc động, ông tham gia vào câu chuyện của chúng tôi về Berma. Ông bảo tôi là người nữ nghệ sĩ tỏ ra thông minh biết chừng nào, đúng đắn một cách bất ngờ biết chừng nào khi bà nói với Oenone:

“Em biết đấy!”

Nhưng giọng Swann lạnh lùng, bức bối như thể muốn “đứng ngoài”

- nếu có thể nói như vậy - ý kiến của mình. Ông ta nói đúng: ít ra giọng nói của Berma cũng có một giá trị thực sự có thể hiểu được và do vậy thỏa mãn nguyện vọng của tôi khi muốn tìm ra những lý lẽ không thể bác bỏ để chiêm ngưỡng người nữ nghệ sĩ. Nhưng chính bản thân sự sáng rõ của giọng nói ấy khiến ông ta hoàn toàn không hài lòng. Âm điệu quá tình

xảo, với ý đồ và ý nghĩa quá rõ rệt tới mức hình như nó tồn tại tự thân mà người nghệ sĩ thông minh nào cũng có thể có được. Đây là một ý nghĩ hay, nhưng bất kỳ ai cũng có thể nghĩ như vậy nếu có quan niệm thật đầy đủ. Berma đã tìm thấy ý nghĩa ấy, nhưng liệu có thể dùng từ “tìm thấy” được chẳng khi nào mình muốn nói sẽ không có gì khác lạ nếu đã từng nghe người ta nói, khi nó không gắn bó máu thịt với con người mình vì về sau một người khác lại có thể nói đúng như thế?

- Lạy Chúa, sự có mặt của cậu nâng *trình độ buổi nói chuyện* lên biết chừng nào! - Swann bảo tôi như thế để xin lỗi Bergotte.

Ông ta học được của nhóm Guermantes thói quen tiếp đón các nghệ sĩ lớn như những người bạn tốt mà người ta chỉ tìm cách mời ăn những món họ ưa thích, tham gia các trò vui hoặc chơi các môn thể thao thú vị khi ở nông thôn.

- Tôi cảm thấy chúng ta nói rất hay về *nghệ thuật*, - ông ta nói thêm.

- Hay quá, tôi thích như thế lắm, - bà Swann vừa lên tiếng vừa nhìn tôi với một ánh mắt biết ơn vì lòng nhân hậu và cũng vì bà vẫn muốn như xưa hướng về những buổi trò chuyện thông thái hơn.

Bergotte nói tiếp với những người khác, đặc biệt là với Gilberte. Tôi thổ lộ với ông tất cả những gì mình cảm nhận, với một thái độ tự do làm tôi kinh ngạc; cùng với ông, qua nhiều năm tháng tôi học tập được thói quen xử sự thành thực, thẳng thắn và thái độ tin cậy nên ông làm tôi ít e ngại hơn một người tôi mới tiếp chuyện lần đầu. Thế nhưng cũng vì lý do ấy, tôi rất lo lắng về ấn tượng mình có thể gây nên, vì thái độ miệt thị mà tôi giả định ông giữ trong lòng đối với tư tưởng của mình không phải có từ ngày hôm nay, mà từ những thời kỳ xa xưa, khi tôi bắt đầu đọc sách ông, trong khu vườn của gia đình ở Combray. Thế nhưng có lẽ nhẽ ra tôi phải tự nhủ lòng rằng trong lúc phó mặc cho tư tưởng của mình, tôi đã chân thành, một mặt có thiện cảm với tác phẩm của Bergotte, mặt khác, cảm thấy thất vọng khi ngồi trong nhà hát mà không hiểu lý do; bởi thế hai xu hướng tình cảm theo bản năng đã lôi cuốn tôi như vậy, chắc hẳn không khác nhau nhiều mà phải tuân theo những quy luật giống nhau. Và lẽ ra tôi cũng phải tự bảo mình là tinh thần Bergotte mình từng yêu thích trong tác phẩm không thể là cái gì hoàn toàn xa lạ và thù nghịch với nỗi niềm thất vọng và sự bất lực của mình trong việc thổ lộ nỗi niềm ấy. Bởi lẽ trí tuệ tôi phải là một, và thậm chí có lẽ trên thế giới chỉ có một thứ trí tuệ duy nhất mà mọi người đều là “người cùng thuê mượn”, thứ trí tuệ ai nấy đều ngược mắt lên chiêm nghiệm từ đáy lòng sâu kín của mình, tựa như ở nhà hát,

trong mỗi người có chỗ ngồi riêng biệt nhưng chỉ có một sân khấu chung duy nhất. Dĩ nhiên những ý nghĩ tôi thích thú tìm cách giảng giải không phải là những ý nghĩ Bergotte thường đào sâu trong tác phẩm. Nhưng nếu cả ông lẫn tôi cùng có chung một thứ trí tuệ thì khi nghe tôi thốt lên những ý nghĩ ấy, ông phải hồi tưởng, hồ hởi đón nhận và yêu mến chúng⁽¹⁹⁷⁾; mặc dù những điều tôi giả định, ông vẫn có thể chấp nhận trong tâm tưởng một bộ phận trí tuệ hoàn toàn khác thứ trí tuệ đã ít nhiều để lại dấu ấn trong tác phẩm và từng giúp tôi hình dung toàn bộ thế giới tinh thần của ông. Nếu những vị linh mục có nhiều kinh nghiệm nhất về con tim là những người dễ tha thứ nhất cho những tội lỗi họ không phạm phải, thì cũng như vậy, người tài năng có nhiều kinh nghiệm nhất về khối óc có thể hiểu rõ hơn ai hết những ý tưởng hết sức đối lập với tư tưởng căn bản trong tác phẩm của chính họ. Lẽ ra tôi phải tự bảo mình tất cả những điều đó; - tuy chúng chẳng mấy thú vị - vì lòng khoan hậu của những con người cao thượng thường kéo theo sự không hiểu biết và thái độ thù địch của những kẻ tầm thường, vả lại, niềm vui trước vẻ hòa nhã của một nhà văn lớn, ít ra cũng thể hiện trong tác phẩm, nhỏ bé hơn nhiều so với nỗi đau khi phải chịu đựng thái độ hận thù của người đàn bà mình không thể không yêu, tuy không phải vì trí tuệ của họ mà mình lựa chọn. Lẽ ra tôi phải tự nói với mình tất cả những điều đó nhưng lại không nói; tôi đang định ninh Bergotte cho mình là thẳng ngốc thì bỗng nghe Gilberte thì thầm bên tai:

- Tôi vui mừng hết chỗ nói vì anh đã chinh phục được ông bạn lớn Bergotte.

Theo lời ông nói với mẹ tôi, anh là người cực kỳ thông minh.

- Chúng ta đi đâu bây giờ? - Tôi hỏi Gilberte.

- Ô! Anh muốn đi đâu cũng được, còn tôi, anh biết đấy, đi đây, đi đó...

Từ sau sự việc xảy ra vào ngày giỗ ông nội nàng, tôi tự hỏi phải chăng tính nết Gilberte không như tôi vẫn nghĩ, phải chăng thái độ thờ ơ trước mọi hành vi của người khác, sự thận trọng, bình tĩnh và vẻ phục tùng dịu dàng thường xuyên của nàng, thực ra chỉ che giấu những ham muốn say mê mà nàng không muốn bộc lộ vì tự ái và chỉ thể hiện vì một sự chống trả đột ngột khi tình cờ những ham muốn ấy bị ngăn cản?

Bergotte ở cùng một khu với bố mẹ tôi, nên chúng tôi cùng ra về. Trên xe, ông nói về sức khỏe của tôi:

- Bạn bè cho tôi biết cậu đau yếu. Tôi lấy làm tiếc cho cậu nhiều, nhưng dẫu sao cũng không quá nhiều đâu, vì tôi thấy rõ cậu có những thú vui tinh

thần, và chắc hẳn đó là điều quan trọng đối với cậu cũng như đối với tất cả những ai có những thú vui ấy.

Tiếc thay! Tôi cảm thấy những điều ông nói không mấy xác thực đối với mình, một kẻ hờ hững trước mọi lý lẽ dù cao siêu tới đâu và chỉ sung sướng trong những phút giây thơ thần dạo chơi, trong lòng thoải mái; tôi có cảm giác ham muốn của mình trong cuộc sống hoàn toàn mang tính vật chất, và mình rất dễ dàng không cần tới tinh thần. Không phân biệt các thú vui đến với mình từ những nguồn gốc nào, chúng sâu xa và bền vững nhiều hay ít, tôi nghĩ bụng, trong lúc trả lời Bergotte, mình thích sống trong quan hệ gần bó với bà công tước de Guermantes, thích những giờ phút cảm thấy bầu không khí mát mẻ như trong Phòng thuê ngày trước ở Vườn hoa Élysée để hồi tưởng lại Combray. Thú vui tinh thần không giữ một vị trí nào trong lý tưởng sống ấy mà tôi không dám thổ lộ với ông ta.

- Không, thưa ông, thú vui tinh thần không mấy quan trọng đối với tôi, tôi không tìm kiếm chúng, thậm chí không biết đã có bao giờ thưởng thức chúng chưa.

- Cậu thực sự tin như thế hả? - Bergotte đáp. - Vậy cậu nghe đây: nếu dẫu sao, quả là cậu yêu mến cái đó hơn hết thì tôi, tôi chỉ hình dung nó thôi, tôi tin chắc như vậy.

Dĩ nhiên Bergotte không thuyết phục được tôi; nhưng tôi cảm thấy sung sướng hơn, thoải mái hơn. Theo lời ông de Norpois, tôi từng cho những phút giây ước mơ, phấn chấn, tự tin của mình là hoàn toàn chủ quan và ảo tưởng. Nhưng theo Bergotte - người có vẻ biết rõ trường hợp của tôi - thì hình như cái triệu chứng cần loại bỏ, lại chính là những mối ngờ vực, là sự chán ghét của tôi

đối với chính bản thân mình. Đặc biệt là những điều ông nói về ông de Norpois làm nhẹ đi rất nhiều những lời buộc tội tôi đành đành không sao biện hộ nổi.

- Cậu có được chăm sóc đầy đủ không? - Bergotte hỏi tôi. - Ai lo lắng sức khỏe cho cậu?

Tôi đáp là tôi đã gặp chắc hẳn sẽ còn gặp Cottard.

- Nhưng như thế là không thích hợp với cậu, - ông bảo tôi - Tôi không quen lão ta với tư cách thầy thuốc nhưng có gặp ở nhà bà Swann. Một kẻ khốn nạn! Dù cho rằng có như vậy cũng vẫn có thể là một người thầy thuốc tốt đi nữa - điều mà tôi khó tin - thì ít ra cũng không thể là người thầy thuốc tốt cho những nhà nghệ sĩ, cho những người thông tuệ. Những người như cậu cần có thầy thuốc thích hợp, tôi muốn nói là cần có chế độ và thuốc men đặc biệt. Cottard sẽ làm phiền cậu, và chỉ phiền muộn không thôi cũng đủ làm công việc điều trị của lão mất hết hiệu quả. Vả lại việc điều trị đối với cậu không thể giống như đối với một người khác. Ba phần tư bệnh tật của những con người thông minh là do sự thông minh của họ gây ra. Ít nhất họ cần một người thầy thuốc biết căn bệnh ấy. Làm sao Cottard có thể chữa bệnh cho cậu được? Lão chẩn đoán cậu bị chứng khó tiêu các loại nước xốt, và rối loạn tiêu hóa, nhưng không nghĩ tới việc cậu mê đọc Shakespeare... Bởi thế cách tính toán của lão không còn đúng đối với cậu nữa, thế cân bằng bị phá vỡ, cái bị nén xuống⁽¹⁹⁸⁾ luôn luôn tìm cách ngời lên trên. Lão sẽ bảo cậu bị sưng dẫn dạ dày, lão không cần khám vì cậu đành đành sẵn như vậy⁽¹⁹⁹⁾. Cậu có thể nhìn thấy căn bệnh dạ dày ấy nó được phản chiếu trong mắt kính lão.

Lời nói năng ấy làm tôi mệt lử; vừa ngốc nghếch vừa có lý, tôi nghĩ bụng: “Chẳng có hiện tượng sưng dẫn dạ dày phản chiếu trong mắt kính của giáo sư Cottard nhiều hơn những sự đại dột giấu kín trong chiếc gilê màu trắng của ông de Norpos”.

- Tôi khuyên cậu, - Bergotte nói tiếp, - nên khám bệnh ở bác sĩ de Boulbon là người cực kỳ thông minh.

- Ông ấy là người hết lời ca ngợi tác phẩm của ông, - tôi đáp lời Bergotte.

Thấy Bergotte không ngạc nhiên, tôi kết luận những bộ óc “anh em” dễ nhanh chóng gặp nhau, và người ta ít có những “người bạn xa lạ” thật sự. Những điều Bergotte nói về Cottard gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc tuy trái hẳn tất cả những điều mình suy ngẫm. Tôi tuyệt nhiên không lo ngại thấy người chữa bệnh cho mình có vẻ khó chịu; tôi chỉ mong ông hạ một lời phán quyết không thể bàn cãi trong khi khám bệnh với một thứ kỹ xảo mà tôi không nắm được quy tắc. Còn ông có tìm hiểu trí tuệ của bản thân tôi hay không thì tôi chẳng quan tâm. Tôi chỉ hình dung đó là một phương tiện tự thân nó thờ ơ, lạnh lùng người ta dùng để tìm cách đạt tới những chân lý bên ngoài mà thôi. Tôi không tin là những con người thông minh cần đến một thứ vệ sinh phòng bệnh khác những kẻ ngu dốt và tôi hoàn toàn sẵn sàng tuân theo thứ vệ sinh của họ.

- Nếu có một người cần một thầy thuốc giỏi, thì người đó là ông bạn Swann của chúng ta, - Bergotte lên tiếng.

Tôi hỏi ông là Swann ốm hay sao.

- Ui dà, - ông đáp, - đấy là người đàn ông đã cưới một cô gái và hàng ngày bị năm chục đàn bà không chịu tiếp bà vợ ông ta hoặc đàn ông đã chung chạ với bà ấy làm nhục. Ông ta gặp gỡ họ, họ làm ông ta phải ngậm miệng. Một hôm nào cậu thử nhìn xem; nếu ông ta về nhà mà cong tớn lên⁽²⁰⁰⁾ thì cậu biết ai đang ở trong nhà ông ta.

Thái độ ác ý của Bergotte khi nói với một người lạ về những người bạn từng tiếp đón mình từ những bao giờ, tôi thấy cũng kỳ lạ chẳng khác giọng nói hầu như âu yếm của ông ta đối với vợ chồng Swann mỗi khi ông ta ở nhà họ. Dĩ nhiên, một người như bà dì tôi chẳng hạn, chắc hẳn không bao giờ có thể có những lời âu yếm đối với bất kỳ một ai trong chúng tôi như tôi nghe Bergotte tuôn ra với Swann. Ngay cả đối với những người mình thương yêu, cụ cũng thích thốt ra những điều khó nghe. Nhưng khi họ không có mặt, cụ không nói giấu lén họ lấy nửa lời. Không đâu khác biệt thể giới phù hoa hơn xã hội Combray chúng tôi. Xã hội của vợ chồng Swann đã là một sự dẫn bước tới thế giới ấy, tới những “cơn sống” phản phúc của nó. Tuy chưa phải là biển cả, nhưng đã là cái đầm.

- Tất cả điều đó chỉ riêng cậu và tôi biết không thôi nhé! - Bergotte bảo tôi khi chia tay trước cửa.

Giá mấy năm về sau thì tôi sẽ trả lời ông ta:

- Tôi không bao giờ nhắc lại cái gì hết.

Đây là câu nói đầu của miệng của những con người trong xã hội phù hoa để làm yên lòng một cách giả dối kẻ nói xấu. Câu nói ấy, lẽ ra hôm ấy, tôi phải nói với Bergotte, bởi lẽ người ta đâu có bịa ra tất cả những điều mình nói, nhất là trong những lúc người ta hành động với tư cách một con người trong xã hội. Nhưng tôi chưa biết câu nói ấy. Mặt khác, trong một trường hợp tương tự, câu nói của bà dì tôi ắt hẳn phải là:

“Nếu anh không muốn điều đó được nhắc lại thì sao anh lại nói với tôi?”

Đây là câu trả lời của những người không thích giao tiếp, của những kẻ thích gây gổ. Tôi không phải là người như thế: tôi im lặng nghiêng mình. Nhiều nhà văn mà tôi cho là những nhân vật quan trọng đã phải dùng mưu chước trong nhiều năm tháng để mong thiết lập với Bergotte những mối quan hệ trước sau cũng chỉ nằm trong phạm vi văn chương không ai biết tới và không thoát ra ngoài bốn bức tường phòng làm việc của ông ta; còn tôi, tôi vừa chiếm vị trí giữa đám bè bạn của nhà văn lớn ấy một cách dễ dàng và im ắng như người chiếm được chỗ tốt nhất sau khi vượt qua một cái hành lang đóng kín đối với người khác, chứ không xếp hàng cùng với thiên hạ để kiếm một chỗ được chẳng hay chớ. Sở dĩ Swann mở cửa hành lang cho tôi chắc hẳn vì muốn tiếp bạn bè của con gái giữa những đồ vật quý giá và với tình thân còn quý giá hơn trong khung cảnh ấy, giống như một nhà vua thấy việc mời bạn bè của con cái mình vào dãy ghế lô của hoàng gia, lên chiếc du thuyền của hoàng tộc là việc tự nhiên. Nhưng vào thời kỳ ấy, tôi nghĩ - và có lẽ một cách có lý - là thái độ thân tình ấy của Swann gián tiếp dành cho bố mẹ tôi. Ngày trước, ở Combray, tôi từng nghe ông ta bàn với bố mẹ tôi đưa tôi tới ăn tối ở nhà Bergotte khi thấy tôi ca ngợi ông này, nhưng bố mẹ tôi khước từ, bảo tôi còn trẻ dại và dễ bị kích động nên không thể “xuất đầu lộ diện”. Không còn nghi ngờ gì nữa, đối với một số người, nhất là những người tôi cho là thật sự tuyệt vời, bố mẹ tôi đại diện cho một cái gì đó hoàn toàn khác đối với tôi; bởi thế, giống như ở thời kỳ vị phụ nhân mặc áo hồng nọ ngỏ với bố tôi những lời ngợi khen mà ông tỏ ra rất ít xứng đáng, tôi mong ước bố mẹ hiểu cho là tôi vừa được nhận món quà vô giá biết chừng nào để tỏ lòng biết ơn đối với ông Swann hào hiệp và tao nhã, người vừa mới tặng tôi hay tặng chính bản thân hai thân tôi món quà ấy mà không có vẻ nhận thấy giá trị của nó hơn vị đạo sĩ dễ thương trên bức bích họa của Luini⁽²⁰¹⁾, vị đạo sĩ có cánh mũi cong, mái tóc hung mà hình như trước kia người ta cho là rất giống Swann.

Tiếc thay, niềm ưu ái Swann dành cho tôi và khi về tới nhà, chưa kịp bỏ áo khoác ra, tôi đã vội vã báo cho bố mẹ tôi biết, hy vọng nó sẽ khơi dậy trong lòng họ một niềm xúc động như trong trái tim tôi và thúc đẩy họ đi tới quyết định có thái độ cực kỳ “lịch sự” đối với vợ chồng Swann, niềm ưu ái ấy không được bố mẹ tôi đánh giá cao.

- Swann giới thiệu con với Bergotte hả? Một chỗ quen biết tuyệt vời, một mối quan hệ tốt đẹp biết chừng nào! - Bố tôi thốt lên một cách hài hước. - Ông ta chỉ còn thiếu thế nữa thôi.

Khi tôi nói thêm Bergotte không thú vị gì ông de Norpois, thì than ôi! bố tôi bảo:

Dĩ nhiên rồi! Điều đó chứng tỏ rõ ràng đây là một kẻ giả

trá và ác ý. Con trai tội nghiệp của bố, con vốn kém lý trí, bố rất buồn thấy con lại rơi vào một môi trường rất cuộc sẽ làm con loạn óc mất thôi.

Việc tôi lui tới gia đình Swann vốn đã không làm bố mẹ tôi hào hứng. Nay họ xem việc tôi được giới thiệu với Bergotte như một hệ quả tai hại nhưng tự nhiên của một lầm lỗi đầu tiên, của thái độ nhu nhược của mình và chắc hẳn ông nội tôi có thể gọi là “thái độ thiếu cân nhắc”. Tôi cảm thấy nếu nói thêm rằng người đàn ông đòi bại và không ưa ông de Norpois ấy cho tôi là đứa cực kỳ thông minh thì chỉ tổ làm bố mẹ tôi điên tiết lên thôi. Thật vậy, khi bố tôi thấy một người, một đứa bạn tôi chẳng hạn, đang lầm đường - như tôi vào lúc này - và nếu đứa bạn đó lại được sự tán thưởng của một người ông không ưa, thì ông cho sự tán thưởng ấy là một bằng chứng khẳng định sự phán xét đáng buồn của mình. Ông thấy mỗi nguy hại chỉ lớn thêm lên mà thôi. Tôi từng nghe ông kêu toáng lên:

- Nhất thiết phải thế, *cả một lũ*⁽²⁰²⁾ mà lại!

Cái từ “lũ” này làm tôi kinh hoàng do tính không rõ rệt và to lớn của những sự cải cách mà hình như ông muốn báo là chúng sẽ được đưa ngay vào cuộc đời êm đềm của tôi. Nhưng dẫu sao cũng không còn gì có thể xua tan ấn tượng của bố mẹ tôi, dù tôi chưa kể lại Bergotte nói những gì về mình; bởi thế nếu ấn tượng ấy có xấu hơn chút ít nữa cũng không mấy quan trọng, vả lại, tôi cảm thấy họ quá bất công và hoàn toàn lầm lẫn nên chẳng những tôi không còn hy vọng mà cũng không còn muốn làm họ có một cách nhìn công bằng hơn. Thế nhưng vào lúc định mở miệng, tôi cảm thấy bố mẹ mình sẽ kinh hoàng biết bao khi nghĩ tôi đã làm vui lòng một kẻ vừa bị những con người trung trực miệt thị vừa cho những người thông minh là đồ ngốc và lời ngợi khen của kẻ ấy mà tôi ao ước khuyến khích tôi làm điều ác. Vì vậy kết thúc câu chuyện, tôi hạ thấp giọng và với vẻ bền lễn, thổ lộ niềm hoan hỉ trong lòng:

- Ông ấy nói với bà Swann là thấy con cực kỳ thông minh.

Giống như một con cún bị đầu độc nằm lằn trên thảm cỏ vốn là thứ giải độc mà nó không biết, tôi bất giác thốt lên lời nói duy nhất có khả năng đánh tan thiên kiến của bố mẹ đối với Bergotte, thiên kiến tôi không sao thắng nổi dù có dùng những lý lẽ đắt giá tới đâu, dù có hết lời ngợi ca ông ta đi nữa. Ngay lúc đó tình thế hoàn toàn bị đảo ngược:

- A! ... Ông ấy bảo ông thấy con là đứa thông minh hả? - Mẹ tôi lên tiếng. -

Mẹ rất mừng vì ông ta là một con người tài năng.

- Sao! Ông ấy bảo thế ư? - Bố tôi tiếp lời. -... Bố tuyệt nhiên không phủ

nhận tài năng văn chương của ông ta, thiên hạ đều nghiêng mình trước tài năng ấy. Chỉ có điều đáng buồn là ông ta có cuộc sống không lấy gì làm danh giá mà ông de Norpois đã thẳng thừng vạch ra. - Bố tôi nói thêm mà không hay biết rằng trước sức mạnh tuyệt đối của mấy lời kỳ diệu tôi vừa thốt lên, những lẽ thói sa đọa của Bergotte cũng chẳng có tác dụng gì hơn sự phán đoán lệch lạc của ông ta.

- Ô! Ông bạn ơi, - mẹ tôi cắt ngang lời bố tôi, - không hề có gì chứng minh rằng cái đó đúng sự thật. Người ta nói biết bao nhiêu điều. Và lại ông de Norpois là người cực kỳ dễ thương nhưng không phải bao giờ cũng rất khoan dung, nhất là đối với ai không cùng hội cùng thuyền với mình.

- Đúng vậy, tôi cũng nhận thấy thế. - Bố tôi đáp.

- Hơn nữa rất có thể bỏ qua cho Bergotte vì ông ta cho con trai tôi là đứa trẻ dễ thương. - Mẹ tôi vừa nói tiếp vừa vuốt ve mái tóc tôi và dăm dăm nhìn tôi với ánh mắt mơ màng, và lại mẹ tôi đâu có chờ lời phán quyết của Bergotte mới cho phép tôi mời Gilberte tới uống trà buổi chiều khi tôi có bạn. Nhưng tôi không dám vì hai lẽ. Một là ở gia đình Gilberte bao giờ cũng chỉ có uống trà. Trái lại, ở chỗ chúng tôi, mẹ tôi buộc cùng với trà phải có sôcôla. Tôi sợ Gilberte cho như thế là tầm thường và khinh thị gia đình. Hai là tôi vấp phải một khó khăn về nghi thức không sao vượt nổi. Bà Swann luôn luôn hỏi tôi mỗi khi tôi tới nhà:

- Bà cụ mẹ cậu, sức khỏe thế nào?

Tôi thử thăm dò xem mẹ tôi có làm như thế không khi Gilberte tới nhà, một điểm mà tôi cho là còn quan trọng hơn cả lời chào “Thưa Đức ông”⁽²⁰³⁾ ở triều đình Louis XIV. Nhưng mẹ tôi một mực khước từ.

- Không, mẹ không quen biết bà Swann.

- Nhưng bà ấy cũng có quen biết mẹ hơn đâu.

- Mẹ không muốn nói cho con biết, nhưng bố mẹ không bắt buộc nhất cử nhất động phải làm răm rắp như thế. Với Gilberte, mẹ sẽ có thái độ thân tình kiểu khác mà bà Swann không có được đối với con.

Nhưng tôi không chịu thuyết phục và muốn không mời Gilberte thì hơn.

Chia tay bố mẹ, tôi chuẩn bị đi thay quần áo. Trong lúc dỡ các túi ra, bỗng nhiên tôi tìm thấy chiếc phong bì người nhà Swann trao cho trước khi dẫn vào phòng khách. Lúc này chỉ có một mình tôi. Tôi mở phong bì ra, bên trong là một tờ thiệp với dòng chữ ghi tên vị phu nhân tôi phải khoác tay khi bước vào bàn ăn.

Chính vào thời kỳ ấy Bloch đảo lộn thế giới quan của tôi, mở ra cho tôi những khả năng mới về hạnh phúc (những khả năng này về sau chuyển thành khả năng gây bất hạnh) trong lúc cam đoan rằng trái với những điều suy nghĩ của tôi vào thời kỳ tôi thường dạo chơi phía Méséglise, đàn bà không đòi hỏi gì hơn là được làm tình. Cùng với sự “giúp đỡ” này, ông ta còn “giúp” tôi một việc thứ hai mà mãi lâu về sau tôi mới đánh giá nổi: ông ta là người lần đầu tiên dẫn tôi tới một hộp đêm và bảo tôi có nhiều gái đẹp có thể chiếm đoạt. Nhưng tôi gán cho họ một gương mặt mơ hồ mà chắc hẳn chốn lâu xanh cho phép mình thay thế bằng những gương mặt riêng biệt. Cũng như người ta chịu ơn người thầy thuốc hay nhà hiền triết lạc quan làm mình hy vọng sống lâu trên thế giới này và sẽ không hoàn toàn cách biệt nó dù đã qua thế giới bên kia, tôi chịu ơn Bloch về cái “tin tốt lành” ông ta mách bảo rằng hạnh phúc và sự chiếm đoạt sắc đẹp không phải là những cái không thể với tới, rằng mãi mãi khước từ những thứ đó là “phí của trời”. Mấy cái hộp đêm mấy năm về sau tôi có tới, cho tôi hiểu thêm thế nào là hạnh phúc, cho phép tôi bổ sung nhan sắc phái đẹp bằng một yếu tố chúng ta không thể sáng tạo mà chỉ có thể đòi hỏi ở thực tại: đó là sức quyến rũ của cá nhân. Nó không chỉ là sự thu tóm những cái đẹp ngày trước, là món quà thực sự Thượng đế ban phát, món quà duy nhất chúng ta không thể nhận từ chính bản thân mình, và một khi có nó là mọi sản phẩm logic của trì trệ đến tiêu tan. Những cái hộp đêm ấy đáng được xếp cạnh mấy “ân nhân” khác, nguồn gốc tuy mới hơn nhưng lợi ích thì tương tự: những tác phẩm có minh họa về lịch sử hội họa, những buổi hòa tấu và những công trình nghiên cứu về các “Thành phố nghệ thuật”. Nhưng căn nhà Bloch dẫn tôi tới và đã từ lâu bản thân ông ta cũng không đoái hoài nữa, thuộc loại quá thấp kém, nhân viên phục vụ quá tầm thường và ít được thay đổi nên tôi nghĩ không thể thỏa mãn những nỗi thèm khát cũ hoặc khơi dậy những thèm khát mới. Mụ chủ không hề biết một người đàn bà nào khách đòi hỏi và bao giờ cũng một mực giới thiệu những người họ không ưng. Đặc biệt mụ ta khoe với tôi về một ả. Nở một nụ cười đầy hứa hẹn (như thể đấy là một của quý hiếm và một nguồn khoái lạc lớn), mụ ta bảo:

- Một cô gái Do Thái đấy! - Chắc hẳn vì vậy mụ gọi cô ta là Rachel⁽²⁰⁴⁾. - Điều đó không có nghĩa gì đối với cậu hết hả?

Và với một niềm say sưa ngốc nghếch và giả tạo mà mụ hy vọng có sức truyền cảm, mụ nói tiếp, giọng phì phò hầu như khoái trá:

- Cậu nghĩ xem, một cô gái Do Thái, tôi nghĩ là người ta phải si mê đến cuồng loạn lên chứ! Ái chà!

Cô gái Rachel ấy mà tôi trông thấy trong lúc cô ả không nhìn thấy tôi, có làn da nâu, không đẹp nhưng có vẻ thông minh, và được giới thiệu với khách làng chơi thì vừa làm cử chỉ liếm môi vừa mỉm cười, vẻ hết sức khiếm nhã. Tôi nghe mấy ông khách bắt chuyện với ả. Ôm lấy khuôn mặt đẹp và hẹp của ả là những lọn tóc đen và xoăn, lô nhô như những nét vẽ bằng mực Tàu trong một bức tranh thủy mặc. Mụ chủ giới thiệu với tôi với một thái độ năn nỉ đặc biệt trong lúc ca ngợi trí thông minh và học vấn của cô gái. Tôi hứa nhất thiết sẽ có ngày đến làm quen Rachel được tôi đặt cho cái biệt danh “nàng Rachel nấp bóng Chúa”⁽²⁰⁵⁾. Nhưng tối đầu tiên, tôi nghe cô ả nói với mụ chủ, lúc ra về:

- Thỏa thuận thế nhé, mai em rảnh, nếu có khách, bà chị chớ quên cho người đi tìm em đấy.

Mấy lời ấy khiến tôi không còn xem cô ta là một con người cụ thể nữa: chúng làm tôi xếp ả vào loại đàn bà có chung cái thói đến đây buổi tối để xem có thể kiếm được một hai đồng louis⁽²⁰⁶⁾ không. Duy chỉ có câu nói là thay đổi đi theo kiểu “nếu bà chị cần đến em” hoặc “nếu bà chị cần đến một ai đó” mà thôi.

Không biết có vở nhạc kịch của Halévy, mụ chủ không hiểu vì sao tôi quen gọi cô gái là “Rachel nấp bóng Chúa”. Nhưng không phải vì vậy mà mụ không tìm được một lời đùa cợt không kém phần ngộ nghĩnh. Mụ không ngớt lời cười như nắc nẻ mỗi khi bảo tôi:

- Thế nào, tối nay chưa phải là tối tôi ghép cặp với “Rachel nấp bóng Chúa” ư? Cậu nói thế nào nhỉ? “Rachel nấp bóng Chúa” hả? A! Cậu tìm giỏi quá! Tôi sẽ gả cô ta cho cậu. Cậu sẽ không phải ân hận gì đâu.

Có lần tôi suýt quyết định, nhưng cô ả đang bận tiếp khách làng chơi; một lần khác lại ở “trong tay” ông “thợ cạo”, một vị luống tuổi không hề làm gì khác với đàn bà ngoài việc đổ Dầu lên mái tóc xo bung ra của họ rồi ra công chải. Và tôi đâm ngán không chờ đợi nữa mặc dù vài ba cô gái quen thuộc chốn này và rất bình thường, mệnh danh là công nhân nhưng luôn luôn không có việc làm, đến pha trà cho mình và trao đổi những câu chuyện kéo dài; cảnh lỏa thể một phần hay trọn vẹn của các cô làm câu chuyện đượm một vẻ đơn sơ thú vị tuy chuyện xoay quanh những đề tài nghiêm túc. Và lại tôi thôi không tới đây nữa sau khi để tỏ thiện chí với mụ chủ đang cần đồ gỗ, tôi biếu mụ ta mấy thứ - đặc biệt là một chiếc tràng kỷ dài - tôi thừa kế của bà dì Léonie. Mấy thứ đó bố mẹ tôi không đưa về nhà do thiếu chỗ và chúng được chất đống lại trong một gian nhà kho. Nhưng

hể trông thấy chúng ở nhà mẹ ta là tất cả những phẩm hạnh phảng phất trong gian phòng của dì tôi ở Combray xuất hiện trước mắt và như thế bị khổ ải vì sự tiếp xúc ác nghiệt mà tôi ném chúng vào trong đó không có phượng tự vệ! Giá có cường hiếp một người chết, tôi cũng không đau khổ hơn. Tôi không trở lại nhà mẹ mỗi láy nữa vì tôi có cảm giác chúng sống và năn nỉ tôi, giống như những đồ vật trong một truyện kể Ba Tư, bề ngoài thì bất tri bất giác nhưng trong đó ẩn chứa những linh hồn đau khổ và cầu mong được giải thoát, vả lại, vì thông thường ký ức không tái hiện trước mắt chúng ta kỷ niệm theo thứ tự thời gian, mà là như một ánh phản chiếu trong đó trật tự các bộ phận bị đảo ngược, nên mãi về sau tôi mới sức nhớ chính trên chiếc tràng kỷ ấy, nhiều năm trước kia, lần đầu tiên tôi được ném trải khoái cảm của tình yêu với một cô em họ. Tôi đang bối rối chưa biết nên chọn chỗ nào thì nàng đã khuyên tôi một lời khuyên khá nguy hiểm là nên lợi dụng giờ phút dì Léonie vắng nhà.

Toàn bộ đồ gỗ còn lại và nhất là một bộ đồ ăn cổ tuyệt vời bằng bạc của dì Léonie, mặc dù bố mẹ phản đối, tôi vẫn đem bán đi để có tiền mua hoa gửi tặng bà Swann. Nhận được những giỏ hoa lan đồ sộ, bà bảo tôi: '

- Giá là ông thân sinh cậu thì tôi khuyên cậu một lời khuyên về pháp lý.

Làm sao tôi có thể giả định có một hôm nào đó mình sẽ luyện tiếc đặc biệt bộ đồ bạc ấy và coi trọng một vài niềm vui hơn niềm vui giữ lễ đối với bố mẹ Gilberte dù sau này nó có thể trở nên tuyệt đối vô nghĩa đi nữa? Cũng chính vì Gilberte và để khỏi phải xa nàng mà tôi từng quyết định không vào làm việc ở các sứ quán. Không bao giờ người ta có những quyết định dứt khoát vì một thoáng suy nghĩ nhất thời. Cá tính kỳ lạ của Gilberte ảnh hưởng tới bố mẹ lẫn nhà cửa gia đình nàng và khiến tôi thờ ơ với mọi thứ trên đời, tôi khó hình dung nổi cá tính ấy có thể được giải phóng và “du nhập” vào một con người khác. Quả là trước sau cũng chỉ một cá tính ấy thôi nhưng đối với tôi mỗi lúc nó lại có những tác dụng hoàn toàn khác nhau. Khi một căn bệnh không ngừng tiến triển thì độc dược dù có ngọt ngào tới mấy cũng không thể dung nạp thêm nếu sự chống đỡ của con tim đã mòn mỏi theo năm tháng.

Bố mẹ tôi mong ước trí thông minh mà Bergotte thừa nhận ở tôi, được thể hiện qua một công việc xuất sắc. Khi chưa quen biết ông bà Swann, tôi tưởng mình không sao làm việc được trong lúc đầu óc xáo động vì không thể tự do đến gặp Gilberte. Nhưng đến lúc cửa nhà họ rộng mở, thì ngồi vào bàn làm việc chưa ấm chỗ, tôi đã đứng dậy và chạy vụt tới. Và mỗi khi chia tay họ về nhà, nỗi lòng chỉ thêm cô quạnh, đầu óc tôi không sao nhớ

lại những lời lẽ bất giác tuôn ra như dòng chảy suốt mấy tiếng liền. Ngồi một mình, tôi tiếp tục “nặn” ra những lời lẽ có khả năng làm vui lòng ông bà Swann và để “trò chơi” thú vị hơn, tôi đóng vai những vị khách vắng mặt, bịa ra những câu hỏi mà tôi chọn sao cho những nét sắc sảo của mình trở thành lời đối đáp hay ho của họ. Tuy lặt vặt, trò chơi này vẫn là một cuộc chuyện vãn, chứ không phải một sự mặc tưởng, và cảnh hiu quạnh của tôi là một cuộc sống tinh thần ở khách thính, trong khi chỉ đạo lời lẽ của tôi không phải là chính bản thân mình mà là những người đối thoại tưởng tượng; và thay vì những ý nghĩ tôi đình ninh chân thực, là những ý nghĩ đến với mình một cách dễ dàng, không một chút trăn trở, tương tự loại khoái cảm hoàn toàn bị động anh chàng bụng phệ vì kém tiêu hóa đành mặc nhiên thưởng thức.

Giá không thật quyết tâm ngồi hẳn vào bàn thì có khi tôi có thể cố gắng bắt tay ngay vào việc cũng nên. Nhưng tôi lại quyết định dứt khoát, và đình ninh những ý đồ tốt đẹp của mình chẳng khó gì để trở thành hiện thực trước hai mươi bốn tiếng ngày hôm sau, một ngày hoàn toàn vui vẻ khi tôi chưa bắt tay vào việc. Bởi vậy tốt hơn hết là không nên chọn một buổi tối mình không sẵn sàng cho một sự mở đầu và than ôi! những ngày tiếp theo cũng chẳng tạo cho nó những điều kiện thuận lợi hơn. Nhưng tôi là đứa không nóng vội. Đối với ai đó đã phải chờ đợi hàng năm thì thật là đứa trẻ con nếu không chịu đựng nổi một sự chậm trễ vài bốn ngày. Đình ninh hai ngày sau sẽ viết xong vài trang sách, tôi không nói lấy nửa lời với bố mẹ về quyết định của mình nữa; tôi muốn thà kiên nhẫn trong mấy tiếng và sau đó mang tới cho bà tôi công trình mình hiện đang làm để cụ yên lòng và tin tưởng. Tiếc thay! Ngày hôm sau không phải là ngày “ngoại diện” và mệnh mang mà tôi từng chờ mong với cả một tấm lòng sôi động. Khi nó kết thúc, sự lười nhác và cuộc đấu tranh vất vả của tôi chóng lại một vài trở lực “nội tâm” chỉ kéo dài thêm hai mươi bốn tiếng. Và sau vài ngày, vì không thực hiện được kế hoạch, tôi không còn hy vọng chúng có thể được hoàn thành ngay lập tức và vì vậy cũng không còn đủ can đảm để bắt buộc mọi cái phục tùng sự thực hiện ấy: tôi lại bắt đầu thức đêm vì không còn niềm tin chắc chắn công việc sẽ bắt đầu sáng hôm sau. Trước khi lấy lại đà, tôi cần vài ngày thư giãn. Với giọng điệu dằn nhưng thất vọng, bà tôi ngỏ ý phản nản:

- Thế nào, công việc ấy, bây giờ thậm chí cháu cũng không nói tới nữa hả? Lần này và là lần duy nhất, tôi đâm giận cụ, đình ninh cụ không thể biết tôi đã quyết định dứt khoát, không thể bàn đi tính lại nữa nên cụ lại muốn trì

hoãn việc thực hiện và có lẽ trì hoãn lâu dài. Tôi giận vì thái độ bất công của cụ khiến tôi bức mình không muốn bắt tay vào công việc nữa. Cụ cảm thấy thái độ hồ nghi của mình vừa vấp phải một cách mù quáng một ý chí.

Cụ xin lỗi và vừa hôn tôi vừa nói:

- Bà xin lỗi, bà sẽ không nói gì nữa đâu!

Và để tôi khỏi chán nản, cụ cam đoan là đến hôm tôi thật sự mạnh khỏe, công việc sẽ tự đến với mình thôi.

Vả lại, tôi nghĩ bụng trong những ngày sống ở gia đình Swann, liệu mình có làm như Bergotte không? Hầu như bố mẹ tôi cho rằng tuy lười nhác, tôi vẫn đang trải qua những ngày tháng thuận lợi nhất cho tài năng nảy nở vì là những ngày sống trong cùng một khách thính với một nhà văn lớn. Tuy nhiên không tự tạo lập lấy tài năng từ trong lòng mình mà lại tiếp nhận của người khác, là điều không thể thực hiện được, chẳng khác nào nghĩ rằng muốn được mạnh khỏe thì chỉ cần thường đi ăn tối ngoài phố với một vị thầy thuốc trong lúc vi phạm mọi quy tắc vệ sinh và phạm những sự thái quá tồi tệ nhất, vả lại người bị thật sự phình phờ hơn hết bởi cái ảo ảnh đã lừa gạt tôi cũng như bố mẹ tôi, chính là bà Swann. Nghe tôi nói không thể tới nhà bà và phải lo làm việc, bà tỏ vẻ cho tôi là đưa làm bộ làm tịch và lời lẽ của tôi có phần ngốc nghếch, kiêu kỳ:

- Nhưng Bergotte cũng tới kia mà. Cậu thấy văn chương ông ta cũng hay ho gì hay sao? Chẳng bao lâu nữa cái đó sẽ tốt hơn thôi, - bà nói thêm, - vì ông ta sẽ tỏ ra sắc bén hơn, cô đúc hơn, chứ không phải có phần dài dòng như trong tác phẩm đâu.

Ông ta đã thỏa thuận với tôi là từ nay sẽ viết một *leader article*⁽²⁰⁷⁾ trên tờ *Figaro*. Hoàn toàn sẽ là *the right man in the right place*.

Và bà ta nói thêm:

- Mời cậu tới; hơn ai hết, ông ấy sẽ bảo cậu nên làm gì.

Giống như kiểu người ta mời một anh chàng tân binh cùng tới nhà một lúc với viên đại tá chỉ huy, bà Swann bảo tôi nhớ ngày hôm sau có mặt để cùng ăn tối với Bergotte, cho đó là quyền lợi của tôi trên con đường sự nghiệp, và như thế người ta làm nên những kiệt tác bằng các “mối quan hệ”. Thế là về phía ông bà Swann cũng như về phía bố mẹ tôi, nghĩa là những người từng muốn lúc này lúc khác cản trở cuộc sống êm đẹp của tôi, không còn một sự chống đối nào nữa và tôi sẽ thả sức gặp gỡ Gilberte với nỗi lòng hân hoan, nếu không phải với trái tim bình thản. Trong tình yêu không thể có bình thản vì cái người ta đạt được bao giờ cũng chỉ là một điểm xuất phát mới để rồi mong muốn nhiều hơn. Chẳng nào chưa tới được nhà nàng thì đôi mắt đắm đắm hướng về niềm hạnh phúc không thể với tới, tôi không sao

hình dung nổi những nguyên nhân nào làm tôi bối rối đang chờ đợi mình. Một khi sự phản đối của bố mẹ nàng đã bị đánh tan và cuối cùng vấn đề được giải quyết thì nó lại bắt đầu được đặt lại, và mỗi lần được đặt lại là lại theo một cung cách khác. Với ý nghĩ ấy thì quả là mỗi ngày lại bắt đầu một tình bạn mới. Mỗi buổi tối, khi trở về nhà, tôi nhận thấy mình có những điểm cốt tử phải nói với Gilberte, tình bạn của chúng tôi tùy thuộc vào những điều ấy và chúng không bao giờ giống nhau. Nhưng rốt cuộc tôi là người sung sướng và không có gì để dọa hạnh phúc của mình nữa. Song, than ôi ! niềm hạnh phúc ấy đang bị uy hiếp từ phía tôi chưa hề cảm thấy một chút nguy cơ nào, tức là chính từ phía Gilberte và bản thân tôi. Trái lại, cái làm tôi yên lòng, cái làm tôi ngỡ là hạnh phúc lại là cái đáng lẽ phải khiến tôi day dứt. Trong tình yêu, đấy là một trạng thái bất thường, nó làm cho sự kiện tưởng chừng hết sức đơn giản và luôn luôn có cơ xảy ra, bỗng nhiên có một tầm quan trọng không hề nằm trong tự thân sự kiện ấy. Điều khiến người ta hết sức sung sướng là khi trong trái tim có một cái gì không vững chãi mà thường xuyên người ta thu xếp để duy trì và hầu như không nhận thấy nữa chừng nào nó chưa thay đổi vị trí. Thực ra trong tình yêu có một nỗi đau thường trực mà niềm vui làm cho trở thành vô hại, có khả năng không xảy tới hay trì hoãn, nhưng bất kỳ lúc nào cũng có thể là một nỗi đau nhức nhối như nó vốn thế từ lâu nếu không đạt được ước vọng.

Nhiều lần tôi có cảm giác Gilberte muốn những cuộc viếng thăm của tôi thưa dần. Quả là khi thiết tha muốn gặp nàng, tôi chỉ việc để bố mẹ nàng ngỏ lời mời: càng ngày họ càng tin chắc tôi có một ảnh hưởng tuyệt vời đối với con gái họ. Tôi nghĩ bụng nhờ họ, tình yêu của tôi sẽ không vấp phải một bất trắc nào; trong lúc họ đứng về phía mình, tôi có thể yên tâm vì họ hoàn toàn có quyền uy đối với Gilberte. Tiếc thay! theo một vài dấu hiệu bức bối Gilberte biểu lộ khi ông bố cho gọi tôi tới ngoài ý muốn của nàng, tôi băn khoăn tự hỏi điều tôi vẫn xem là một sự chở che cho hạnh phúc của mình, phải chăng lại là lý do thầm kín khiến nó không bền vững.

Lần tôi tới thăm Gilberte mới đây, trời mưa; nàng vừa được mời dự một buổi học khiêu vũ ở nhà những người nàng chỉ mới làm quen nên không thể đưa tôi cùng đi. Do thời tiết ẩm ướt, tôi vừa dùng cà phê nhiều hơn thường ngày. Có thể vì trời mưa, cũng có thể vì ít nhiều thành kiến đối với gia đình tổ chức buổi khiêu vũ sáng hôm ấy, nên vào lúc Gilberte sắp sửa ra đi, bà Swann giật giọng gọi nàng: “Gilberte!” và chỉ vào tôi, hàm ý muốn nói tôi tới gặp nàng và nàng phải ở lại. Cái từ “Gilberte” ấy được phát ra, được thét lên thì đúng hơn, với thiện chí đối với tôi; nhưng thấy Gilberte

nhún vai trong lúc cởi bỏ áo ngoài, tôi hiểu là bất giác mẹ nàng đã thúc đẩy tiến trình tách dần tôi ra khỏi người bạn gái, trong lúc có lẽ tiến trình ấy còn có thể ngăn lại được.

- Không việc gì cứ ngày nào cũng phải đi nhảy. - Odette bảo con gái, với một thái độ khôn khéo ắt hẳn ngày trước học được của Swann. Rồi trở lại là Odette, bà ta bắt đầu nói với con bằng tiếng Anh. Thế là ngay lập tức như có một bức tường che khuất đối với tôi một phần cuộc đời Gilberte, như thể một vị hung thần dẫn bạn tôi đi đâu xa. Khi gặp một thứ tiếng mình nắm được, chúng ta thay thế cái mờ đục của âm thanh bằng sự trong suốt của ý tưởng. Còn một ngôn ngữ xa lạ thì chẳng khác nào một tòa lâu đài kín mít và người con gái mình yêu thương có thể lừa dối mình, trong lúc chúng ta đứng bên ngoài, tức tối một cách bất lực, tuyệt vọng vì không thể trông thấy gì hết, ngăn cản gì hết. Giá hai tháng về trước thì tôi chỉ thấy ngộ nghĩnh những lời trò chuyện này bằng tiếng Anh giữa hai mẹ con bà Swann tuy mấy danh từ riêng bằng tiếng Pháp xen vào trong đó không ngừng làm tăng thêm và định hướng nỗi lo âu của mình; nhưng giờ đây, lời chuyện vãn ấy của hai người đàn bà đứng bất động cách mình hai bước chân để tôi bơ vơ, cô quạnh chẳng kém đứng trước một vụ bắt cóc. Cuối cùng bà Swann chia tay chúng tôi. Hôm ấy, có lẽ vì giận tôi, nguyên nhân vô tình cản trở trò vui của nàng, và cũng có lẽ vì tôi có vẻ lạnh lùng hơn thường ngày trước thái độ giận dữ của nàng, nên suốt buổi chiều, gương mặt âu sầu, phờ phạc của Gilberte như lộ rõ vẻ luyến tiếc buổi khiêu vũ và muốn thách thức mọi người bắt đầu từ tôi, tìm hiểu những lý do thầm kín nào thiết tha gắn bó nàng với khiêu vũ.

Thỉnh thoảng nàng mới nói với tôi vài lời về thời tiết, về cơn mưa mỗi lúc một thêm tầm tã, về giờ phút trôi qua. Câu chuyện bị ngắt quãng vì những khoảnh khắc im lặng đột ngột bực bội đến muốn phát cuồng, bản thân tôi cũng khăng khăng bỏ hoài bỏ phí những phút giây mà lẽ ra chúng tôi phải dành cho tình bạn và hạnh phúc. Mọi lời lẽ của chúng tôi đều vô nghĩa đến kỳ cục và khô khan để cho những ý nghĩ vô vị và giọng nói hững hờ của mình đánh lừa Gilberte. Dù tôi có nói: “Hình như hôm nọ đồng hồ chạy chậm thì phải”, nàng cũng vẫn cứ hiểu là: “Cô độc ác quá đấy!”

Trong suốt ngày mưa gió hôm ấy, tôi khăng khăng kéo dài những lời lẽ vô nghĩa như vậy nhưng cũng chẳng để làm gì? Tôi biết thái độ hững hờ của mình không phải vĩnh viễn cố định như tôi muốn đóng trò; và nếu sau khi đã ba lần bảo nàng là ngày tháng vùn vụt trôi qua, tôi liều rĩnh nhắc lại lần thứ tư thì Gilberte không thể không cảm thấy tôi khó lòng kìm giữ nước

mắt. Khi nàng ở trong trạng thái ấy và văng một nụ cười rạng rỡ trên môi, thì không thể nói đôi mắt âu sầu và nét mặt âm đạm của nàng tẻ nhạt đến nỗi lòng như thế nào. Gương mặt hầu như trở nên xấu xí của nàng lúc đó tựa những bãi bờ chán ngắt khi biển cả rút ra xa tít tắp làm người ta mệt mỏi trước làn ánh sáng bất dịch giữa một đường chân trời hạn hẹp và im lìm. Cuối cùng không tìm thấy ở Gilberte một chút đổi thay đáng mừng nào mình từng mong ngóng trong mấy tiếng đồng hồ liền, tôi bảo nàng không có vẻ dễ thương.

- Chính anh là người không dễ thương. - Nàng đáp.

- Có chứ!

Tự hỏi mình đã làm gì nên nổi nhưng không tìm ra lời giải đáp, tôi đành ướm hỏi nàng.

- Dĩ nhiên anh tự thấy mình là người dễ thương. - Nàng vừa nói vừa cười một tràng dài.

Tôi cảm thấy rất đau đớn vì không nắm bắt được cái khía cạnh tư tưởng khó hiểu của nàng qua tiếng cười như muốn nói: “Không, không đâu, tôi không bị tất cả những điều anh nói phỉnh phờ đâu, tôi biết anh say mê say mê tôi, nhưng chẳng may may làm tôi rung động đâu vì tôi cóc cần anh”. Tuy vậy tôi nghĩ bụng dầu sao tiếng cười đâu phải là một thứ ngôn ngữ rõ ràng giúp tôi hiểu nổi vì sao nàng cười. Và lời lẽ Gilberte lại đượm vẻ âu yếm.

- Nhưng tôi không dễ thương ở chỗ nào? - Tôi hỏi nàng. - Cô nói cho tôi biết, tôi sẽ làm tất cả theo ý muốn của cô.

- Không, như thế chẳng để làm gì hết, tôi không thể giải bày với anh đâu.

Trong khoảnh khắc, tôi sợ nàng hiểu mình không yêu nàng, và đây là một nỗi đau khác không kém nhức nhối nhưng đòi hỏi một cách lập luận khác.

- Nếu biết nổi phiền muộn cô gây cho tôi thì cô hãy nói cho tôi hay.

Nếu nghi ngờ tình yêu của tôi thì nổi phiền muộn ấy đáng lẽ làm nàng hoan hỉ nhưng trái lại đã khiến nàng bức bối. Thế là hiểu rõ sai lầm của mình và quyết không chú ý và tin lời lẽ của nàng, tôi để mặc nàng nói:

- Tôi thực sự yêu anh mà, rồi có ngày anh sẽ thấy (cái ngày những kẻ phạm tội cam đoan nỗi oan của họ sẽ được thừa nhận và, vì những lý do bí ẩn, không bao giờ là cái ngày người ta hỏi cung họ).

Tôi đột ngột quyết định sẽ không gặp nàng nữa nhưng chưa báo cho nàng biết vì có lẽ nàng không tin.

Một nỗi phiền muộn do người mình yêu thương gây nên có thể là nỗi phiền muộn xót xa, ngay cả khi nó xen lẫn vào giữa những bận bịu, lo toan đời

thường những niềm vui nỗi buồn mà thắng hoặc chúng ta mới không lưu ý tới để quay trở lại với nỗi niềm ấy. Nhưng nếu một nỗi phiền muộn như thế đến bất chợt vào lúc lòng ta đang tràn ngập hạnh phúc được gặp người yêu, thì trong tâm hồn cho tới lúc bấy giờ yên tĩnh, vững tin và được sưởi ấm, một sự chán ngán đột ngột, một cơn dông bão dữ dội mà ta không thể biết có đủ sức lực chống chọi lại đến tận cùng hay không. Cơn bão lòng ấy khốc liệt tới mức trở về nhà, tôi hoang mang, đau đớn và cảm thấy chỉ quay trở lại và tìm gặp lại Gilberte thì mới lấy lại được sinh khí. Nhưng chắc hẳn nàng sẽ nghĩ bụng: “Lại vẫn anh ta! Dứt khoát là mình muốn làm gì thì làm; mỗi khi chia tay mình, anh ta càng đau khổ thì lúc quay trở lại anh ta càng ngoan ngoãn”. Tư tưởng tôi kéo tôi về với nàng không sao cưỡng nổi; về tới nhà, những sự giằng xé trong lòng, sự cuồng loạn của “chiếc la bàn nội tâm” hiện lên thành hình thành nét trên bản nháp những lá thư mâu thuẫn nhau tôi viết cho Gilberte.

Tôi sắp sửa trải qua những bước đường khó khăn mà thông thường người ta gặp nhiều lần trên đời và không phải bất kỳ lúc nào, nghĩa là ở lứa tuổi nào, người ta cũng đối phó được một cách giống nhau, mặc dù chưa thay đổi tính tình, và bản chất - cái bản chất vốn tự thân nó tạo nên tình yêu, hầu như tạo nên cả những người đàn bà mình yêu thương, và cho tới tận cả những lỗi lầm của họ nữa. Vào những lúc ấy, cuộc đời chúng ta bị phân chia, như thể bị phân phối trên mặt một chiếc cân và nằm trọn trên hai mặt đĩa cân. Trên mặt đĩa này là ước mong không làm phật ý người mình đem lòng yêu thương, không quá thấp hèn trong lúc chính mình không hiểu vì sao có thái độ ấy, không quá sẵn đón để nàng khỏi có ý nghĩ tự cho nàng là cần thiết và do vậy có thể bỏ rơi chúng ta. Trên mặt đĩa kia là một nỗi đau trọn vẹn, chứ không phải chỉ từng lúc từng nơi; nó chỉ có thể lắng dịu nếu chúng ta tìm gặp lại người yêu trong lúc không còn tìm cách lấy lòng nàng và làm nàng nghi chúng ta không cần tới nàng nữa. Nếu rút bớt ở mặt đĩa chứa đựng niềm kiêu hãnh một chút ý chí người ta đã yếu đuối để mòn mỏi dần với tuổi tác, và bỏ thêm vào mặt đĩa chứa đựng phiền muộn, nỗi đau vật chất mà mình đã để cho trầm trọng thêm lên, thì thay vì cách giải quyết dừng cảm có thể làm tiêu tan nỗi phiền muộn vào lúc tuổi hai mươi, chính nỗi đau kia hạ thấp chúng ta xuống vào tuổi năm mươi khi nó trở nên quá nặng nề và không có đủ đối trọng. Nhất là vì tình thế sẽ thay đổi nếu lập đi lập lại mãi và vì khi cuộc đời bắt đầu xế bóng, người ta có thể có chút sở thích tai hại là làm tình yêu rắc rối thêm lên bởi một phần thói quen mà tuổi

thanh xuân không biết tới vì bị ràng buộc bởi những bốn phận khác và không thật sự tự do hành động.

Tôi vừa viết cho Gilberte một lá thư chất chứa giận hờn nhưng không phải không ném ra “chiếc phao cứu hộ” bằng mấy lời như thể thốt ra một cách tình cờ và nàng có thể coi là một sự dàn hòa; một lát sau, khi “gió đã xoay chiều”, tôi viết những lời âu yếm để làm dịu bớt một vài từ ngữ thô lộ sự hối tiếc, chẳng hạn những “không bao giờ nữa” rất thiết tha đối với người viết nhưng cực kỳ chán ngán đối với người đọc vì tưởng đây là những lời lẽ dối trá và hiểu “không bao giờ nữa” có nghĩa là “ngay tối nay, nếu em vui lòng chờ đợi anh”, hoặc trái lại vì nghĩ đây là những lời lẽ thành thực báo tin một sự đoạn tuyệt mà người ấy cho là hoàn toàn không quan trọng khi đó là lời lẽ của người mình không say mê. Nhưng vì khi yêu, người ta không thể hành động với tư cách những người “tiền nhiệm” xứng đáng của con người sau này không còn yêu nữa - mà con người đó chính lại là bản thân mình - nên làm sao hoàn toàn hình dung nổi trạng thái tâm hồn của người đàn bà mà trong mộng tưởng, mình luôn luôn nói với người ấy những lời lẽ chẳng khác nào như thể người ta yêu mình, dù biết người ta thờ ơ, để hoặc tự ru ngủ mình bằng một giấc mơ đẹp đẽ, hoặc an ủi mình trong một nỗi ưu phiền sâu nặng? Trước ý nghĩ và hành động của người đàn bà mình yêu, chúng ta cũng mất phương hướng chẳng khác nào những nhà vật lý học đầu tiên mất phương hướng trước những hiện tượng tự nhiên (trước khi nền khoa học được xây dựng và soi chút ánh sáng vào những điều bí ẩn); hoặc tệ hơn nữa, chẳng khác nào những kẻ hầu như phủ nhận luật nhân quả và không sao thiết lập được mối quan hệ giữa hiện tượng này với hiện tượng khác: đối với anh ta, cảnh tượng thế giới, cũng mơ hồ như một giấc mơ. Dĩ nhiên tôi cố gắng thoát ra khỏi tình trạng bất nhất ấy, tìm ra những nguyên nhân. Thậm chí tôi cố sức “khách quan” và vì vậy hết sức chú ý tới tình trạng không cân xứng giữa vị trí quan trọng của Gilberte đối với tôi và mức độ quan trọng chẳng những của tôi mà còn cả của những người khác đối với nàng; nếu tôi không chú ý tới thì sự bất cân xứng này có thể cho một cử chỉ thân thiện bình thường của Gilberte là một sự thú nhận lòng say mê, và một điệu bộ thô kệch, bi ối của mình là một động tác tự nhiên và duyên dáng hướng mình tới cặp mắt xinh đẹp. Nhưng tôi cũng sợ rơi vào cực ngược lại, hễ Gilberte không tới đúng giờ là đã vội cho nàng đến một chỗ hò hẹn, hễ nàng có một cử chỉ khó chịu đã vội nghĩ đó là một thái độ ghét bỏ không thương tiếc. Giữa hai quan điểm đều lệch lạc ấy, tôi cố tìm ra cách nhìn đúng đắn sự vật; những con tính tôi phải làm vì vậy có

phần giúp tôi khuây khỏa bớt nỗi đau; và hoặc vì tuân theo lời giải của các con số, hoặc vì tôi khiến chúng nói lên điều mình mong muốn nên tôi quyết định ngày hôm sau đến nhà ông bà Swann, trong lòng sung sướng nhưng sung sướng theo cung cách những kẻ không đi xa hơn nhà ga sau khi dẫn vật lâu dài vì một cuộc hành trình họ không muốn tiến hành, rồi quay về nhà tháo dỡ hành lý. Và khi lòng ta còn lưỡng lự thì chỉ cần nghĩ tới một giải pháp có thể thực hiện được là đủ phát triển, như một hạt giống có sức sống dai dẳng, những cái mầm non mới nhú, phát triển toàn bộ chiều sâu những cảm xúc sẽ nảy sinh từ hành động (trừ phi bóp chết ý nghĩ trên đây với quyết định sẽ không áp dụng giải pháp nào hết). Bởi vậy tôi nghĩ bụng trong lúc không có ý định gặp Gilberte nữa,

tôi đã hết sức phi lý tự dẫn dắt mình chẳng khác nào như thể mình có ý định ấy, và bởi vì ngược lại, rốt cuộc tôi vẫn phải trở lại nhà nàng nên lẽ ra tôi có thể tránh biết bao nỗi day dứt đau đớn.

Nhưng ý muốn nối lại tình bạn với Gilberte chỉ tồn tại cho tới khi tôi đến nhà ông bà Swann: không phải vì gã người nhà vốn rất yêu mến tôi bảo Gilberte đi phố vắng (quả là ngay tối ấy, qua những người gặp nàng, tôi biết hẳn nói đúng sự thật), mà chính vì cung cách hẳn nói với tôi:

- Thưa ngài, tiểu thư đi phố vắng, tôi có thể khẳng định với ngài là tôi không nói dối. Nếu ngài muốn hỏi cho kỹ tôi có thể gọi chị hầu phòng tới. Xin ngài tin chắc rằng tôi sẵn sàng làm mọi thứ có thể làm được để làm vui lòng ngài, và nếu tiểu thư ở nhà thì tôi sẵn sàng dẫn ngài tới gặp tiểu thư ngay lập tức.

Những lời nói bất giác nhưng cực kỳ quan trọng này cung cấp cho tôi một bản chụp trung thành⁽²⁰⁸⁾, ít nhất thì cũng sơ lược, sự thật không thể nghi ngờ nổi, nhưng nếu là những câu những chữ được nghiên cứu kỹ lưỡng thì sự thật ấy bị che lấp. Chúng chứng tỏ những người thân cận Gilberte có ấn tượng là tôi làm nàng khó chịu. Bởi thế gã người nhà vừa dứt trút lên đầu hẳn, chứ không phải Gilberte; hẳn tập trung vào chính hẳn tất cả nỗi giận hờn của tôi đối với cô bạn gái; thoát khỏi giận hờn nhờ những lời lẽ ấy, chỉ còn lại mối tình của tôi; nhưng đồng thời những lời lẽ ấy bảo tôi trong một thời gian không nên tìm gặp Gilberte. Chắc hẳn nàng sẽ viết thư xin lỗi.

Mặc dù vậy, tôi sẽ không quay lại tìm nàng ngay lập tức, để tỏ cho nàng thấy tôi có thể sống không có nàng, vả lại, một khi nhận được thư Gilberte, thì tôi có thể dễ dàng chịu đựng việc không đến thăm nàng trong một thời gian, vì tin chắc muốn gặp nàng lúc nào cũng được. Muốn đỡ đau buồn trong khi phải chịu đựng một sự xa vắng tự nguyện, tôi cần cảm thấy trái tim mình thoát khỏi mối nghi hoặc là có phải chúng tôi mãi mãi giận hờn nhau không, có phải nàng đã hứa hôn, đã ra đi, đã bị tước đoạt không?

Những ngày tiếp theo giống như

những ngày trong tuần lễ trước kia tôi từng phải sống không có Gilberte trong dịp đầu Năm mới. Nhưng trước kia, khi kết thúc tuần lễ ấy, một mặt, tôi đành nín thở sẽ trở lại Vườn hoa Élysée, và tôi gặp lại nàng như xưa; mặt khác, tôi cũng biết không kém phần chắc chắn rằng chừng nào còn kéo dài những ngày nghỉ đầu năm thì chừng ấy không việc gì phải đến Vườn hoa. Bởi thế, trong suốt cái tuần lễ buồn bã đã xa xăm ấy, tôi bình tĩnh chịu đựng: nỗi buồn của tôi không vương vấn sợ hãi lẫn hy vọng. Trái lại, giờ đây, chính hy vọng, hầu như cũng chẳng kém sợ hãi, làm nỗi đau nhức nhối không sao chịu nổi.

Không nhận được thư Gilberte ngay tối hôm ấy, tôi nghĩ là nàng sơ suất hay bận việc và đành nín thở sẽ có một lá trong tập thư từ sáng hôm sau. Ngày lại ngày, tôi mong chờ, lòng phấp phỏng, hồi hộp và sau đó là âu sầu, thất vọng nếu chỉ thấy có thư của những người không phải là Gilberte hoặc không thấy thư từ gì hết; cả hai trường hợp cũng bi đát chẳng kém gì nhau và nếu có một cô bạn khác tỏ rõ tình thân thì nỗi đau của tôi trước thái độ thờ ơ của Gilberte càng thêm nhức nhối. Tôi lại đặt hy vọng vào đợt thư tín buổi chiều. Ngay ngoài những giờ bưu điện chuyển thư báo, tôi cũng không dám ra khỏi nhà vì biết đâu nàng chẳng cho người mang tin tới.

Nhưng tôi lại phải đặt hy vọng vào sáng hôm sau, khi biết nhân viên bưu điện cũng như người nhà Swann không thể tới nữa, và cứ thế, vì nghĩ nỗi đau của mình không thể kéo dài, tôi buộc phải “đổi mới” nó không ngừng - nếu có thể nói như vậy. Có lẽ trước sau cũng vẫn là một nỗi phiền muộn giống nhau, nhưng đáng lẽ chỉ một mực kéo dài sự hồi hộp ban đầu như trước kia, thì giờ đây, mỗi ngày nảy sinh mấy lần phiền muộn, và mở đầu là một sự hồi hộp luôn luôn thay đổi tới mức rốt cuộc tuy là một trạng thái vật lý hết sức nhất thời, nó vẫn trở nên ổn định; bởi thế, nỗi lòng xáo động trong đợi chờ vừa kịp lắng dịu thì đã xuất hiện một lý do chờ đợi khác, khiến ngày này qua ngày nọ, không một phút giây nào tôi thoát khỏi lo âu mà dù chỉ phải chịu đựng trong một tiếng thôi cũng đã khó khăn biết chừng nào. Cứ thế, nỗi đau nhức nhối hơn ngàn vạn lần so với thời kỳ ngày một tháng Giêng trước kia: lần này, trong người tôi, thay vì sự chấp nhận đơn thuần nỗi đau ấy, là

niềm hy vọng từng phút từng giây khổ đau sẽ chấm dứt.

Nhưng cuối cùng tôi vẫn phải chấp nhận: lúc đó, tôi hiểu là phải vĩnh viễn và mãi mãi chia tay Gilberte, vì chính để bảo vệ tình yêu và cũng vì tôi mong muốn trước hết nàng không giữ một kỷ niệm tồi tệ về mình. Ngay từ phút giây ấy và để nàng khỏi nghĩ tôi giận hờn, tôi sẽ nhận lời nếu sau này

nàng hò hẹn, để đến phút cuối cùng viết thư báo mình không thể tới được, tuy trong thư vẫn một mực bảo mình rất khổ tâm, chẳng khác nào như thể tôi xử sự với một kẻ mình không muốn gặp. Tôi nghĩ bụng những lời lẽ luyến tiếc ấy mà người ta thường gán cho những kẻ hững hờ, sẽ làm Gilberte tin quả là tôi thờ ơ, hơn cả giọng lưỡi hững hờ, mà người ta chỉ giả vờ dành cho người con gái mình yêu thương. Khi bằng những việc làm lặp đi lặp lại mãi và có tác dụng hơn lời nói, tôi tỏ rõ thái độ không muốn gặp nàng, thì phải chăng nàng sẽ bày tỏ trở lại tình cảm đối với mình? - Than ôi! Chỉ uống công vô ích: không tìm gặp nàng mà lại muốn khơi dậy trong lòng nàng niềm hào hứng muốn gặp tôi, thì sẽ là mãi mãi đánh mất nàng; trước hết, muốn niềm hào hứng ấy được bền chặt khi nó bắt đầu nảy nở trở lại thì không nên rời bỏ ngay trận địa; vả lại những giờ phút đau khổ nhất rồi cũng sẽ qua đi; chính vào lúc này, tôi thấy nàng cần thiết đối với mình và muốn “cảnh cáo” nàng là nếu sau này, mới gặp lại tôi thì lúc đó nỗi đau đã lắng dịu để chấm dứt khổ đau, như nó đang có khả năng ấy vào chính lúc này. Và về sau, khi rốt cuộc tôi có thể bình tĩnh giải bày trong lòng mình vì nàng, đã trở lại mẫn nong như xưa thì không thể chịu đựng nổi một sự xa vắng quá lâu dài đến thế, lòng tôi sẽ nguội lạnh; tôi sẽ hững hờ đối với nàng. Tôi biết vậy nhưng không thể thổ lộ gì hết; nàng sẽ nghĩ sở dĩ tôi muốn làm ra vẻ thôi không yêu nàng nữa bằng cách trong một thời gian rất dài không tìm gặp nàng, là chỉ nhằm mục đích khiến nàng bảo tôi sớm trở lại với nàng mà thôi. Trong lúc chờ đợi, tôi dễ dàng chịu đựng sự xa cách mỗi lần biết trước vắng nhà vì phải ra phố cùng một cô bạn gái và không về ăn tối, tôi đều tới thăm bà Swann (nhằm làm Gilberte hiểu rõ tôi không đến gặp nàng vì tôi muốn thế chứ không phải vì mắc bận hay ốm đau; đối với tôi, bà Swann trở lại như ở thời kỳ tôi gặp con gái bà rất khó khăn, thời kỳ tôi dạo chơi trên đại lộ Cây keo mỗi khi Gilberte không tới Vườn hoa. Bằng cách ấy, tôi được nghe người ta nói về tôi với cung cách khiến nàng hiểu tôi không thiết tha gắn bó với nàng. Và giống như tất cả những ai đang đau khổ, tôi cảm thấy tình thế của mình có thể tồi tệ hơn. Được tự do ra vào nhà Gilberte, tôi vẫn luôn luôn tự nhủ lòng là vạn nhất quá đau đớn thì tôi có thể chấm dứt nỗi đau ấy tuy là điều vạn bất đắc dĩ. Tôi chỉ đau khổ ngày một ngày hai thôi. Và thế cũng đã là nói quá rồi. Biết bao nhiêu lần trong mỗi một giờ, tôi chẳng nhắm đọc trong óc lá thư mà chắc có ngày Gilberte sẽ gửi cho mình và có khi tự nàng đích thân mang tới! (Nhưng giờ đây thì không còn nỗi đợi chờ khắc khoải từng bóp nghẹt trái tim mình trong những tuần lễ đầu sau buổi bất hòa của chúng tôi, trước lúc tôi quay trở lại

gia đình Swann), cái ảo ảnh thường xuyên về niềm hạnh phúc tưởng tượng ấy giúp tôi chịu đựng sự tan nát của niềm hạnh phúc thực sự. Đối với những người đàn bà thôi không yêu mình nữa, cũng như đối với những ai đã “mất tích”, tuy biết không còn gì để hy vọng, chúng ta vẫn tiếp tục đợi chờ, mắt dõi theo, tai mong ngóng. Những bà mẹ có con trai xông pha nơi biển cả vì một cuộc thám hiểm gian nguy, hình dung từng phút từng giây con sắp trở về, mạnh khỏe, sau khi được cứu thoát một cách thần kỳ, tuy đã biết chắc từ lâu người con không còn nữa. Và tùy theo sức mạnh của ký ức và sức chống đỡ của cơ thể, nỗi chờ mong ấy, hoặc giúp họ vượt qua những năm tháng sau đó họ chịu đựng nỗi mất mát, dần dà lãng quên đi và tiếp tục sống, hoặc làm họ phải chết. Mặt khác, tôi được an ủi ít nhiều khi nghĩ nỗi phiền muộn có lợi cho mỗi tình của mình. Tôi đau đớn mỗi khi tới thăm bà

Swann mà không gặp Gilberte nhưng cảm thấy mình đau bao nhiêu thì cuộc viếng thăm cũng sẽ làm nàng có ý nghĩ tốt hơn về mình bấy nhiêu.

Vả lại, trước khi tới nhà bà Swann, bao giờ tôi cũng tìm cách biết chắc con gái bà vắng nhà, có lẽ phần vì tôi quyết tỏ ra bất hòa với nàng, nhưng cũng có phần vì niềm hy vọng dần hòa nẩy sinh cùng lúc với ý muốn chia ly, và giúp tôi không nhận thấy nỗi xót xa của tâm trạng chia ly ấy (chẳng làm gì có nhiều cái tuyệt đối, ít ra cũng một cách liên tục, trong lòng người mà một trong những quy luật, được củng cố bằng những dòng ký ức bất ngờ khác nhau, là sự gián đoạn). Tôi biết rõ niềm hy vọng trên đây chỉ là ảo ảnh. Tôi chẳng khác một kẻ nghèo khổ sẽ bớt nhỏ nước mắt lên mẩu bánh mì khô khốc của mình nếu nghĩ bụng có thể lát nữa một người xa lạ sẽ để lại cho mình toàn bộ của cải của ông ta. Muốn dễ chịu đựng thực tại hơn, ai nấy đều buộc phải duy trì trong lòng mình một vài điều cuồng dại nho nhỏ. Nhưng hy vọng của tôi sẽ nguyên vẹn hơn, đồng thời sự chia tay cũng dễ dàng hơn nếu tôi không gặp Gilberte. Nếu mặt đối mặt với nàng ở nhà mẹ nàng, chúng tôi có thể trao đổi với nhau những lời tai hại có nguy cơ làm mối bất hòa trở thành vĩnh viễn, giết chết hy vọng và mặt khác đánh thức tình yêu và khiến tôi khó nhằn hơn trong lúc nẩy sinh một mối lo âu mới.

Đã từ lâu và một thời gian khá dài trước khi tôi bất hòa với con gái bà, bà Swann bảo tôi:

- Cậu tới thăm Gilberte là rất quý, nhưng tôi cũng muốn thỉnh thoảng cậu tới vì *tôi*, không phải vào ngày tôi tiếp khách, ngày đó cậu sẽ khó chịu vì quá đông người, mà là vào những ngày khác; những ngày ấy, bao giờ tôi cũng thức hơi khuya.

Vì vậy, khi tới thăm bà Swann, tôi làm ra vẻ sau một thời gian dài, tôi mới tuân theo một nguyện vọng bà phát biểu từ trước kia. và rất khuya, gần tới lúc bố mẹ tôi ngồi vào bàn ăn tối, tôi mới tới thăm bà Swann; tuy biết không gặp Gilberte nhưng lòng tôi chỉ nghĩ tới nàng. Khu vực gia đình Swann ở, thời ấy bị xem là khu phố ngoại vi của Paris vốn tối tăm hơn ngày nay, và ngay ở trung tâm thành phố cũng không có đèn đường và chỉ có rất ít đèn nhà. Mấy ngọn đèn phòng khách ở tầng một hay tầng xép rất thấp (như kiểu phòng khách bà Swann) cũng đủ để thắp sáng cả đường phố và khiến khách qua đường ngước mắt lên: họ nghĩ ánh đèn cũng như nguyên nhân hiển hiện lẫn bí ẩn của sự thắp sáng này phải dính dáng tới mấy cỗ xe ngựa sang trọng đỗ trước cửa. Lòng không khỏi hồi hộp, họ cho trong cái nguyên nhân bí ẩn kia chắc hẳn có chuyện khác thường khi thấy

một cỗ xe chuyển bánh; nhưng chỉ vì sợ ngựa bị cảm lạnh, người xà ích thỉnh thoảng cho chúng bước lui bước tới mà thôi; và bánh xe bằng cao su càng lướt nhẹ trong đêm khuya im ắng thì bước chân ngựa càng gây ấn tượng sâu sắc.

Khu “vườn mùa đông” khách bộ hành thường nhìn thấy trong những năm ấy, bất luận từ đường phố nào nếu căn nhà không ở độ quá cao trên vỉa hè, ngày nay chỉ còn xuất hiện trong những bức tranh khắc chụp trong những cuốn sách ngày Tết của P. J. Stahl⁽²⁰⁹⁾; tương phản với những hoa văn hiếm hoi trong các khách thích ngày nay kiểu Louis XVI

- chỉ một bông hồng hay một đóa diên vĩ Nhật Bản trong một chiếc lọ pha lê cao cổ không thể nhận thêm một bông thứ hai, nó như đáp ứng một niềm mê say sống động và ngọt ngào của nữ chủ nhân ngôi nhà đối với cỏ cây hoa lá, hơn là một mối quan tâm lạnh lùng đối với cách trang trí tĩnh lặng, nếu căn cứ vào đám cây cảnh sum sê lúc bấy giờ mà tuyệt nhiên không có một chút cách điệu hóa nào trong cách bố trí. Ở một quy mô lớn hơn, trong các khách sạn lúc bấy giờ, nó khiến người ta nghĩ tới những cái nhà kính tí hon và xách tay đặt sáng mùng một tháng Giêng dưới một cây đèn thấp sáng giữa những quà tặng khác của ngày đầu Năm mới - vì con trẻ không đủ kiên nhẫn chờ cho sáng rõ, những khi nghĩ tới cây cối người ta sắp có điều kiện vun

trồng. Khu vườn mùa đông giống như bản thân những căn nhà kính này, nhưng càng giống hơn căn nhà kính vẽ trong một cuốn sách đẹp, một tặng phẩm khác ngày đầu năm và tuy không dành cho trẻ em mà cho tiểu thư Lili nhân vật tác phẩm, nhưng vẫn làm chúng hoan hỉ tới mức ngày nay, khi hầu như đã về già, vẫn tự hỏi phải chăng trong những năm hạnh phúc ấy, mùa đông là mùa đẹp nhất? Cuối cùng, ở sâu trong khu vườn mùa đông, qua những hàng cây xanh trên đường phố và ô cửa sổ sáng đèn lấp lánh như căn nhà kính tí hon ngoài đời hay trong hình vẽ, khách qua đường khi nhón chân lên thường trông thấy một người đàn ông mặc rơmđanhgô, một bông sơn chỉ hay cầm chướng còi ở ve áo, đứng trước một người đàn bà, cả hai đều mơ hồ tựa hai viên đá quý chạm lõm trên một viên hồng ngọc trong bầu không khí thơm mùi long diên hương tỏa ra từ chiếc xamôva thời ấy mới du nhập và có lẽ ngày nay vẫn được dùng nhưng vì thói quen nên không ai chú ý tới nữa. Bà Swann rất quan tâm tới buổi “uống trà” ấy. Bà nghĩ mình là người độc đáo và duyên dáng khi bảo một người đàn ông: - Ngày nào ông cũng có thể gặp tôi hơi khuya một chút, mời ông tới dùng trà.

Trên môi bà nở một nụ cười tinh tế và dịu dàng kèm theo câu nói phát ra với một thanh điệu tiếng Anh thoáng qua và được người đối thoại khắc sâu vào lòng trong lúc cúi chào một cách trang nghiêm như thể đó là một điều quan trọng và khác thường đòi hỏi sự chú ý và tôn kính. Ngoài những lý do nói trên, còn một lý do khác khiến hoa không phải chỉ có tính chất trang trí trong phòng khách bà Swann, và lý do này không dính dáng gì tới thời đại mà một phần tới cuộc sống trước kia của Odette. Một người đàn bà hết sức lẳng lơ như bà ta ngày trước, bao giờ cũng sống nhiều vì tình nhân, nghĩa là sống ở nhà, và do vậy có thể đi tới chỗ sống vì bản thân mình. Nhưng điều người ta tìm thấy ở một người đàn bà đoan trang - và dĩ nhiên bà Swann cũng thấy quan trọng - bao giờ cũng càng quan trọng hơn đối với người đàn bà lẳng lơ. Khoảnh khắc tuyệt vời trong một ngày của bà ta không phải là lúc nào bà ta trang phục vì thiên hạ, mà là lúc bà ta thoát ý vì một người đàn ông. Dù trong bộ cánh đi phố trong áo choàng ở nhà hay trong quần áo ngủ, bà ta cũng cứ phải mỹ miều. Phụ nữ thường trưng bày tư trang; còn bà Swann thì sống trong không khí thân mật với những viên ngọc quý. Lối sống ấy đòi hỏi và cuối cùng làm bà ta yêu thích một sự xa xỉ kín đáo, nghĩa là hầu như vô tư. Bà Swann xa xỉ trong cả việc chơi hoa. Bao giờ cạnh ghế bành của bà cũng đặt một lọ pha lê đồ sộ đầy ắp hoa cẩm chướng thành Parme⁽²¹⁰⁾ hay cúc đại đóa; hoa như muốn nói với khách một công

việc ưa thích và thường trực của nữ chủ nhân tựa hứng thú uống trà riêng một mình của bà; thậm chí như muốn mách bảo một công việc sâu kín, riêng tư khiến khách muốn xin lỗi khi đứng trước những đóa hoa phơi bày ra kia chẳng khác trước một cuốn sách để mở, khách có thể biết Odette vừa đọc cái gì và vì vậy có thể hiểu bà ta đang nghĩ những gì. Vả lại, hoa thì sống động hơn sách vở; khách bối rối nếu thấy không phải chỉ có một mình bà Swann, hoặc khi bước vào nhà với chủ nhân, không thấy phòng khách vắng lặng, vì hoa giữ một vị trí kín đáo trong đó và dính dáng tới những giờ phút bí ẩn trong cuộc đời người thiếu phụ; hoa không phải được bố trí vì khách khứa của Odette, mà như thể bị bỏ quên ở đấy; chủ và hoa như đang cùng nhau trò chuyện riêng tư, và khách không muốn quấy quả nhưng lại tìm cách nắm bắt, tuy vô vọng, điều bí ẩn trong đó trong khi đắm đắm nhìn màu hoa cà nhợt nhạt, tàn phai của những đóa hoa cắm chướng thành Parme. Từ cuối tháng Mười, Odette cố về nhà thật đúng giờ để tổ chức bữa trà thời ấy người ta còn gọi là *five o'clock tea*⁽²¹¹⁾. Bà ta nghe nói (và thích thú nhắc lại) sở dĩ bà Verdurin lập được thính phòng là vì khách bao giờ cũng tin chắc gặp chủ nhân ở nhà đúng vào một giờ nhất định. Bản thân Odette cũng tưởng tượng mình có một phòng khách cùng một kiểu ấy nhưng tự do hơn, *senza rigore*⁽²¹²⁾, như bà ta thường thích nói. Bà ta tự xem mình là một thứ Lespinasse⁽²¹³⁾ và nghĩ là mình đã thiết lập được một thính phòng đối địch bằng cách tước đoạt theo cung cách du Deffand⁽²¹⁴⁾ của cái nhóm nhỏ ngày trước những người đàn ông dễ thương nhất, đặc biệt là Swann, người theo chân bà ta trong khi ly khai và rút lui khỏi nhóm. Theo lời đồn đại Odette làm những người mới tới, không biết gì về quá khứ, tín nhiệm Swann trong lúc riêng mình thì không. Nhưng có những vai trò ưu ái chúng ta đóng không biết bao nhiêu lần trước thiên hạ và bản thân mình ôn đi ôn lại mãi tới mức mình dựa vào biểu hiện giả trá của chúng dễ dàng hơn chứng cứ của một thực tế hầu như hoàn toàn bị quên lãng.

Những hôm không bước chân ra khỏi nhà, bà Swann bận áo khoác bằng nhiều Tà trắng như tuyết, có khi bằng sa, với những đường xếp nếp dài tựa những cánh hoa màu đỏ hay trắng mà

ngày nay người ta cho là không hợp với mùa đông và cũng chẳng hợp thời thượng. Trong phòng khách kín như bưng, giữa cảnh “chăn êm nệm ấm” dưới ngòai bút thi vị hóa của các nhà tiểu thuyết quý phái, những lớp vải mỏng tanh và màu sắc rực rỡ làm cho vẻ rét mướt của người thiếu phụ như lan sang cả những bông hồng vẫn một màu đỏ thắm chẳng khác đang độ tiết xuân chứ không phải giữa mùa đông giá lạnh. Ngòai sâu trong phòng kín trái thắm và không được báo trước như tục lệ ngày nay, nữ chủ nhân vẫn mãi mê đọc sách khi khách đã hầu như đứng trước mặt, làm đậm đà thêm chút hương vị lãng mạn và sức quyến rũ của một cái gì đó bí ẩn vẫn phảng phất cho tới ngày nay trong ký ức của khách về những tấm áo dài vốn đã không hợp thời trang từ thuở ấy và có lẽ bà Swann là người duy nhất chưa loại bỏ. Người đàn bà trang phục những tấm áo dài ấy ắt phải là một nhân vật tiểu thuyết: người ta chỉ bắt gặp chúng trong tác phẩm của Henri Gréville. Giờ đây, vào đầu mùa đông, trong phòng khách Odette có những bông hoa cúc đại đóa vô số màu sắc xưa kia Swann chưa hề trông thấy ở nhà bà ta, với nỗi lòng rầu rĩ, tôi tới thăm bà Swann. Người mẹ có vẻ thơ mộng khó hiểu này của Gilberte ngày hôm sau chắc hẳn sẽ bảo nàng: “Bạn con có tới thăm mẹ đấy”. Tôi chiêm ngưỡng những cánh hoa màu hồng nhạt như lớp vải lụa thời Louis XV bọc ghế bành màu đỏ sắc kim như chiếc xamôva trong phòng khách màu trắng mướt mà tựa tấm áo choàng bằng nhiều Tàu bên người nữ chủ nhân. Hoa tô thắm thêm cảnh trang trí trong phòng bằng những sắc màu cũng không kém đa dạng, tinh tế và phong phú nhưng chỉ tồn tại vài ba ngày. Hoa làm tôi xúc động: dầu sao chúng vẫn lâu bền và ít mang kiếp phù du hơn những tia sáng cũng màu hồng hay đồng cỏ mà mặt trời chiều tà tỏa ra hết sức hào phóng trong lớp sương mù cuối những ngày tháng Một. Chúng tắt dần trên bầu trời trước lúc tôi bước vào nhà bà Swann, nhưng lại biểu hiện trên những đóa hoa nồng thắm. Tựa những tia lửa một họa sĩ tài hoa giành giật từ bầu không khí và ánh mặt trời bằng bèngh để tô điểm cho nơi ở của con người, những bông cúc đại đóa ấy mời mọc tôi tận hưởng niềm vui ngắn ngủi của những ngày tháng Một, trong giờ uống trà, mặc dù lòng tôi nặng trĩu. Hoa làm lấp lánh cạnh tôi vẻ đẹp âm thầm, sâu kín của những ngày giờ này. Than ôi! tôi đâu được thưởng thức vẻ đẹp ấy trong những câu chuyện mình nghe; chúng chẳng dính dáng gì tới nó hết. Dù người đối thoại là bà Cottard và đêm đã khuya, bà Swann vẫn lấy giọng mơn trớn khi trò chuyện:

- Không, còn sớm, bà đừng nhìn lên đồng hồ, không đúng giờ đâu, nó trực trặc đấy; bà có việc gì mà phải vội vã đến thế?

Bà ta mời bà vợ ngài giáo sư tay đã cầm ví đựng danh thiếp, dùng thêm một chiếc bánh nhân kem.

- Không sao dứt khỏi ngôi nhà này được. - Bà Bontemps thố lộ với bà Swann.

Ngạc nhiên nghe người khác nói lên cảm tưởng của chính mình, bà Cottard thảng thốt reo lên:

- Đây chính là điều tôi luôn luôn tự chủ trong lòng mình.

Cảm tưởng ấy được các vị trong câu lạc bộ Đua ngựa tán thưởng. Họ rồi rít chào hỏi nhau, hoan hỉ trước niềm vinh dự được bà Swann giới thiệu với người đàn bà tiểu tư sản ít niềm nở này: trước mặt những ông bạn danh vọng lấy lòng của Odette, bà ta luôn luôn dè dặt, nếu không phải là ở trong “tư thế tự vệ” như bà ta nói, vì đối với những việc hết sức đơn giản, bà ta cũng không ngớt dùng những lời lẽ cao sang.

- Bà nói thế nào ấy, - bà Swann đáp lời bà Cottard, - đã ba thứ Tư rồi, bà vẫn lỗi hẹn đấy.

- Đúng vậy, Odette, đã tới mấy *thế kỷ*, mấy *thiên niên kỷ* tôi không gặp bà. Bà thấy là tôi biết tội mình rồi, nhưng xin nói với bà, - bà ta nói thêm, về bên lên và mơ hồ (vì tuy là vợ thầy thuốc, bà Cottard không bao giờ không vòng vo khi phải nói tới bệnh thấp khớp hay bệnh sỏi thận), - là tôi có nhiều điều *khổ đau* lắm. Mỗi người, một nỗi khổ đau nho nhỏ cả thôi, và lại tôi gặp khủng hoảng trong đám đầy tớ trai. Tuy không sử dụng quyền uy nhiều hơn người khác, nhưng để làm gương, tôi đã phải thải hồi anh chàng Vatel. Và lại, tôi nghĩ hẳn có thể kiếm một chỗ tiền công cao hơn. Nhưng hẳn ra đi, suýt nữa kéo theo việc “từ chức” của toàn bộ “nội các”. Cô hầu phòng cũng không muốn ở lại và đã xảy ra những cảnh đến lâm li. Nhưng mặc! tôi vẫn nắm vững tay lái và đây là một bài học thường thức thực sự không hề vô bổ đối với mình. Tôi quấy quả quý bà với những câu chuyện về đầy tớ ấy, nhưng cũng như tôi, quý bà biết người ta khốn đốn thế nào khi buộc phải tiến hành những “cuộc sắp đặt lại nhân viên của mình”. Thế chúng tôi không được gặp cô con gái tuyệt vời của bà hay sao? - Bà Cottard hỏi Odette.

- Không, cô con gái tuyệt vời của tôi ăn tối ở nhà bạn, - bà Swann đáp, rồi quay về phía tôi nói thêm: “Tôi nghĩ là em nó có viết thư mời cậu tới thăm nó ngày mai”. - Thế còn các cháu, bên nhà ta đâu? - Bà ta lại quay sang hỏi bà vợ giáo sư Cottard.

Tôi thở ra, khoan khoái. Câu nói của bà Swann như muốn bảo tôi muốn tới thăm Gilberte lúc nào cũng được. Nó mang lại niềm vui tôi tới đây tìm

kiếm, và chính vì niềm vui ấy, những buổi viếng thăm bà Swann trở nên cần thiết.

- Không, tôi không nhận được thư Gilberte. Tối nay, tôi sẽ viết cho cô ấy mấy chữ. vả lại, Gilberte và tôi không thể gặp lại nhau nữa. - Tôi nói thêm và làm ra vẻ gán cho sự chia ly của chúng tôi một nguyên nhân bí ẩn, khiến tôi vẫn không dứt khỏi ảo ảnh về tình yêu, một ảo ảnh được nuôi dưỡng bằng thái độ âu yếm của chúng tôi khi nói về nhau.

- Cậu biết là em nó vô cùng yêu mến cậu, - bà Swann bảo tôi. - Mai cậu không muốn đến thật hả?

Lòng bỗng lâng lâng, tôi thầm nghĩ:

“Nhưng xét cho cùng sao lại không, chính mẹ nàng bảo mình kia mà?”

Nhưng ngay sau đó lòng tôi lại nặng trĩu âu sầu. Tôi sợ gặp lại nhau, Gilberte có thể nghĩ thái độ hồ hững của tôi mấy lâu nay là giả vờ và tôi muốn kéo dài cảnh xa cách.

Trong khi trò chuyện, bà Bontemps phàn nàn phu nhân các nhà chính khách làm mình khó chịu: bà ta cho thiên hạ đều là những kẻ nhiều sự lỗ bịch và lấy làm thất vọng về địa vị của ông chồng.

- Thế thì bà có thể tiếp ngay một lúc năm chục bà vợ các vị thầy thuốc. - Bà ta bảo Cottard vốn trái lại là người đầy lòng nhân ái đối với mọi người và tôn trọng mọi nghĩa vụ. - A! Bà quả là người tiết hạnh! Ở Bộ, tôi ở trong tình thế bắt buộc, dĩ nhiên là thế, phải không nào? Ái dà! Thành nếp mắt rồi, các bà biết không, tôi không sao kìm nén nổi không chế giễu mấy con mẹ vợ viên chức ấy được. Và Albertine, con cháu họ tôi, cũng như tôi. Con bé trơ trên hết chỗ nói. Tuần lễ trước trong buổi tôi tiếp khách, khi bà vợ ông Thứ trưởng Tài chính bảo không biết làm bếp, con cháu tôi vội đáp, với nụ cười hết sức duyên dáng trên môi:

“Thưa bà, thế nhưng chắc hẳn bà phải biết là cụ thân sinh làm nghề phụ bếp chứ?”

- Ô! Tôi thích câu chuyện ấy quá, thật tuyệt diệu. - Bà Swann lên tiếng. - Nhưng ít nhất những hôm ông bác sĩ khám bệnh, bà cũng phải có một căn phòng nhỏ với hoa và sách, những thứ bà yêu mến chứ. - Bà ta khuyên bà Cottard.

- Con bé bộp chộp như tát vào mặt bà thứ trưởng không bằng, - bà Bontemps tiếp tục câu chuyện. - Và nó không cho tôi biết trước gì hết, cái con bé ranh ma ấy, nó láu lỉnh như một con... bú dừ. Bà có cái cơ may là biết tự

kìm nén; tôi đến phát ghen lên với những người biết che giấu ý nghĩ của mình.

- Nhưng tôi chẳng cần phải che giấu, thưa bà; tôi đâu có cầu kỳ đến thế, - bà Cottard dịu dàng đáp. - Trước hết, tôi không có quyền như bà, - bà nói tiếp, giọng có phần mạnh mẽ hơn mà bà vốn thường dùng để nhấn mạnh mỗi khi đưa vào câu chuyện một lời thân tình tinh tế, một lời phỉnh nịnh khéo léo được người ta khen ngợi và hỗ trợ cho sự nghiệp của đức ông chồng. - vả lại, tôi vui vẻ làm mọi việc có thể có ích cho ông giáo sư nhà tôi.

- Nhưng thưa bà, nên lắm chứ. Có thể bà không phải là người dễ bị kích động. Còn tôi, hễ thấy bà vợ ngài Bộ trưởng Chiến tranh cau mặt là ngay lập tức tôi bắt chước bà ta. Khí chất tôi như thế đấy, khủng khiếp thật!

- A! Đúng thế, - bà Cottard tiếp lời. - Tôi nghe nói bà ta có cái tật “làm xấu” ấy; nhà tôi cũng biết một vị quyền cao chức trọng lắm, và dĩ nhiên, khi các vị ấy “bù khú” với nhau thì...

- Nhưng thưa bà, lại còn như vị Vụ trưởng Lễ nghi gù lưng nữa; đúng già như cái máy ấy, hễ đến nhà tôi chưa đầy năm phút là tôi đã muốn sờ lên cục bướu rồi. Nhà tôi bảo tôi sẽ làm ông ta mất chức mất thôi. Ui dà! Vụ với chẳng Bộ! Mặc xác họ! Tôi muốn cho in lời nguyện đó làm tiêu đề trên giấy viết thư. Chắc hẳn tôi làm bà bức mình lắm vì bà là người tốt bụng, nhưng thú thật là không có gì làm tôi thú vị bằng những cái trò quái ác nho nhỏ ấy. Thiếu chúng thì đời chán ngấy.

Bà ta nói suốt buổi về Bộ này Bộ nọ như thế đó là cuốn Cực lạc. Để chuyển hướng buổi nói chuyện, bà Swann quay sang bà Cottard:

- Hôm nay sao trông bà chị đẹp thế?

- Đâu có, chỉ là đồ cũ chữa lại thôi mà.

- Ái chà! Đẹp lắm chứ!

- Bà cho là giá bao nhiêu nào? ... Không đâu, bà đổi con số đầu đi.

- Sao rẻ quá thế! Như cho không không bằng ấy. Người ta bảo tôi giá gấp ba lần thế cơ.

- Thế đấy, người ta xuyên tạc sự thật ghê. - Bà vợ ông bác sĩ kết luận. Và chỉ vào chiếc vòng cổ, quà tặng của bà Swann trước đây, bà ta hỏi:

- Odette, bà nhìn này. Bà có nhận ra không?

Qua cánh cửa hé mở, một đầu người xuất hiện, cung kính về kiểu cách, giả vờ sợ hãi quấy nhiễu đám các bà.

- Odette, - Swann lên tiếng vì chính là ông ta, - ông hoàng d'Agrigente hiện đang ở trong phòng làm việc của tôi muốn biết có thể đến chào bà được

không. Tôi phải trả lời ông ấy thế nào đây?

- Tôi sẽ rất lấy làm hân hạnh. - Odette đáp, ra chiều mẫn nguyện nhưng vẫn giữ vẻ bình thản một cách dễ dàng vì vốn quen tiếp những người đàn ông sang trọng, kể cả với tư cách một cô ả lăng lơ.

Swann đi truyền đạt lệnh cho phép và lẽ ra đã cùng ông hoàng trở lại gặp bà vợ, nếu trong khoảnh khắc ấy, bà Verdurin không bước vào phòng khách.

Khi cưới Odette, Swann yêu cầu bà ta thôi giao du với cái nhóm nhỏ ngày trước, và chỉ cho phép hàng năm hai lần thăm viếng bà

Verdurin. Một số người trung thành với nhóm, phần nộ trước sự nhục mạ ấy đối với bà chủ, người từng đối xử với Odette và thậm chí cả với Swann như những đứa con thân thiết trong nhà; họ cho cách xử sự của Swann là quá đáng. Cái nhóm nhỏ ngày trước, tuy có những kẻ phản phúc, một số buổi tối lẳng lặng hưởng ứng lời mời của Odette và trong trường hợp bị phát hiện, sẵn sàng viện cớ muốn tò mò được gặp Bergotte (tuy bà chủ cho rằng Bergotte không đến nhà Swann, ông ta chẳng tài cán gì, và tuy vậy vẫn tìm cách “lôi kéo” ông ta, theo lối quen thuộc của bà), nhưng cũng lại có những “người cực đoan”. Không nắm được những phép lịch sự đặc biệt thường ngăn cản người ta có thái độ quá khích để khỏi làm phiền người khác, những người cực đoan ấy muốn bà Verdurin chấm dứt mọi quan hệ với Odette để bà vợ Swann này không còn có thể kiêu hãnh cười cười nói nói:

- Từ sau vụ Ly khai, chúng tôi rất ít tới nhà bà chủ. Lúc nhà tôi còn độc thân thì như thế còn được, nhưng đối với một gia đình thì không phải bao giờ cũng rất dễ dàng... Xin nói thật với các bà là ông Swann không chịu nổi bà lão Verdurin và không muốn tôi tới thăm theo thường lệ. Và tôi, người vợ thủy chung...

Swann đưa vợ tới nhà bà Verdurin dự dạ hội nhưng tránh mặt khi bà chủ đến nhà thăm Odette. Bởi vậy, vì bà có mặt trong phòng khách, nên chỉ một mình ông hoàng d'Agreste vào. Và Odette cũng chỉ giới thiệu một mình ông ta, vì bà Verdurin không muốn nghe nhắc tên tuổi những kẻ không ai biết tới, và hễ thấy nhiều gương mặt xa lạ, là bà nghĩ đứng giữa các nhà chức sắc quý tộc. Cách tính toán của Odette đã thành công mỹ mãn: tối hôm đó, bà Verdurin, vẻ chán ngấy bảo chồng:

- Một nơi tụ hội “tuyệt vời”! Không thiếu một vị tai to mặt lớn nào trong đám Phán bội!

Riêng Odette sống trong một ảo ảnh ngược lại đối với bà Verdurin. Không phải vì xalông Verdurin thời ấy đã bắt đầu trở thành cái thính phòng chúng ta sẽ được chứng kiến sau này. Bà Verdurin lúc đó thậm chí chưa hề ấp ủ ý

đồ gì hết; người ta còn hoãn lại những lễ hội lớn vì những thành viên xuất sắc hiếm hoi sản sinh ra những con người công

minh chính trực đến với thánh phòng được nhân lên, gấp bội⁽²¹⁵⁾. vì Odette sẽ không chần chừ làm như vậy nên bà Verdurin nhằm chọn “xã hội thượng lưu” làm đối tượng, nhưng các khu vực tấn công của bà còn rất hạn hẹp và còn cách xa những vùng trong đó Odette có ít nhiều khả năng đạt tới một kết quả tương tự và chọc thủng. Bởi thế Odette hoàn toàn không hay biết gì về kế hoạch chiến lược của bà chủ. Và khi nghe người ta nói về bà Verdurin như về một kẻ chạy theo thời thượng, Odette cười cười nói nói hết sức thành thực:

- Hoàn toàn ngược lại. Trước hết bà ta không có cơ sở, không quen ai hết. Sau nữa phải công bằng mà nói rằng bà ta thích như thế. Không, sở thích của bà ta là những buổi tiếp khách tối thứ Tư, là những người biết trò chuyện một cách thú vị.

Odette âm thầm ganh tị với bà Verdurin thứ kỹ xảo bà chủ hết sức coi trọng tuy nó chỉ tô điểm cho cái không khí tồn tại, khắc họa cái trống rỗng và nói đúng ra là một thứ Nghệ thuật về cái Hư vô: nghệ thuật (đối với một bà chủ nhà) biết “tập hợp”, biết “khai thác”, biết “tự giấu mình đi”, biết “làm cái vạch nói” (tuy nhiên Odette vẫn nuôi hy vọng cuối cùng là học được những thứ nghệ thuật ấy ở một trường học lớn như vậy).

Dẫu sao bạn bè bà Swann hồi hộp được gặp tại nhà bà ta một người phụ nữ mà thông thường họ chỉ hình dung trong chính thánh phòng của bà, giữa một đám quan khách không rời nhau nửa bước và theo họ tưởng tượng đang kề vai sát cánh trong một chiếc ghế bành duy nhất và như đang hiện thân trong bà chủ dưới dạng một vị khách bận măngtô lót lông cò trắng mượt mà chẳng kém những tấm da thú trắng phủ kín tường xalông bà Swann trong đó bản thân bà Verdurin đã là một xalông. Những bà hay bên lên muốn kín đáo rút lui và với lối xưng hô “chúng tôi” như khi người ta muốn làm những người khác hiểu là không nên quấy quả một người đang dưỡng bệnh và mới ngồi dậy lần đầu tiên, họ tuyên bố:

- Odette, chúng tôi xin cáo biệt bà.

Họ ganh tị với bà Cottard vì được bà chủ gọi bằng tên riêng.

- Bà có về với tôi không? - Bà Verdurin không sao có thể nghĩ bụng một “tín đồ” có thể ở lại, chứ không đi theo mình, lên tiếng hỏi bà Cottard.

- Phu nhân đưa tôi về thì thật quý hóa. - Bà Cottard đáp, với ý muốn bày tỏ cho một nhân vật có danh vọng hiểu rằng mình không quên việc bà Bontemps từng chờ mình về nhà bằng cỗ xe có huy hiệu của bà ta. - Tôi thú thật là tôi đặc biệt biết ơn các bà bạn từng vui lòng cho mình đạp xe. Quả là một món quà quý giá đối với tôi, người không có xà ích.

- Nhất là vì bà không ở gần nhà bà de Crécy, - bà chủ đáp. - Ô! Lạy Chúa, không bao giờ tôi gọi được đúng tên “bà Swann”.

Trong cái nhóm nhỏ trước kia, những người không thật tinh tế lấy làm thú vị khi giả vờ không sao có thói quen gọi “bà Swann”. Họ thường nói: “Tôi đã quá quen mồm gọi bà ấy là bà de Crécy, suýt nữa thì lại nhầm”. Riêng bà Verdurin khi nói với Odette, thì không phải “suýt nhầm” mà cố tình nhầm.

- Odette, bà ở cái khu phố hẻo lánh này mà không sợ hãi? Riêng tôi thì không sao có thể thật sự yên tâm khi buổi tối trở về nhà một mình. Và lại quá ẩm ướt nữa. Cái đó không ảnh hưởng tới bệnh eczéma của ông nhà hay sao? Ít ra nhà ta cũng không có nạn chuột chứ?

- Ô, không! Chuột thì khủng khiếp quá!

- Càng tốt. Người ta bảo tôi là nhà bà có chuột. Tôi rất thú vị được bà cho biết điều đó không đúng, vì tôi sợ chuột khủng khiếp và nếu có chuột thì tôi không dám đặt chân trở lại. Tạm biệt, bà bạn thân mến, bà biết là được gặp bà, tôi sung sướng biết chừng nào. Bà không biết bố trí hoa cúc. - Bà Verdurin vừa bước ra về vừa nói trong lúc bà Swann đứng dậy để tiễn chân. - Đó là loài hoa Nhật Bản, phải cắm hoa cúc như người Nhật vẫn cắm.

- Tôi không đồng ý với bà Verdurin tuy trong mọi việc, đối với mình, bà là hiện thân của chân lý tuyệt đối. - Bà Cottard tuyên bố sau khi bà chủ ra khỏi cửa. - Odette, chỉ một mình bà là có những đóa hoa cúc đẹp đến thế.

- Không phải bao giờ bà Verdurin thân yêu cũng rộng lượng đối với hoa của người khác đâu, - bà Swann dịu dàng đáp.

- Odette, bà thường liên hệ với ai về hoa thế? - Bà Cottard hỏi để tránh kéo dài những lời công kích đối với bà chủ. - ... Lemaitre phải không? Thú thật là hôm nọ, trước nhà Lemaitre có một cây hoa hồng lớn làm tôi say mê say mê.

Bà Cottard kín đáo nhưng không nói cụ thể về giá cây hồng và chỉ cho biết là tuy tính tình điềm đạm, vị giáo sư đã cáu tiết và bảo bà ta không biết giá trị đồng tiền.

- Không, không, - Odette đáp, - tôi chỉ có một người quen cung cấp hoa là Debac.

- Tôi cũng vậy, - bà Cottard nói, - nhưng thú thật là tôi “phản bội” ông ta với Lachaume.

- À! Bà phản bội ông ta với Lachaume, tôi sẽ mách ông ta. - Odette cố tỏ ra chút hài hước và muốn chủ động trong khi trò chuyện ở nhà mình, nơi bà

ta cảm thấy thoải mái hơn là trong cái nhóm nhỏ ngày trước. - Và lại, Lachaume ngày càng bán quá đắt, giá cả quá phi lý, bà thấy không, tôi không sao chịu nổi! - Odette vừa nói thêm vừa cười.

Bà Bon temps nói đi nói lại đến hàng trăm lần là không muốn tới gia đình Verdurin, nhưng hoan hỉ được mời dự các buổi tối thứ Tư, đang nhăm tính xem làm cách nào để càng năng tới càng tốt. Bà ta không biết là bà Verdurin mong khách không vắng một buổi nào. và lại, bà là người ít được săn đón, và không đáp ứng lời mời tới dự “hàng loạt” buổi họp mặt, chứ không như những người luôn luôn biết làm người ta vui lòng mỗi khi có chút thì giờ rảnh và muốn đi dạo chơi. Trái lại, bà ta không dự buổi thứ nhất và buổi thứ ba chẳng hạn, trong lúc nghĩ rằng sự vắng mặt của mình sẽ được chú ý, và dành cho mình tối thứ Hai và tối thứ Tư, trừ phi nếu được biết tin tối thứ Ba là một buổi dạ hội đặc biệt sang trọng thì bà theo trật tự ngược lại và viện cớ là “rất tiếc lần trước bị bận việc”. Bằng cách đó, bà Bontemps dự tính có bao nhiêu ngày thứ Tư trước Lễ Phục sinh và làm cách nào để mình có thêm một tối thứ Tư tuy không làm ra vẻ buộc người ta phải đón tiếp mình. Bà ta trông mong bà Cottard

- lát nữa sẽ cùng về với mình - khuyên mình một đôi điều.

- Ô! Thưa bà Bontemps, tôi thấy bà muốn đứng dậy rồi; biểu lộ thái độ muốn bỏ trốn như vậy là rất không tốt đâu. Bà phải trả lời tôi đấy, vì thứ Năm trước bà không tới... Thôi, mời bà ngồi xuống một lát. Dẫu sao, trước bữa ăn tối, bà cũng không còn viếng thăm thêm ai nữa. Quả là bà không muốn dùng gì nữa ư? - Bà Swann nói thêm và đưa mời một đĩa bánh ngọt.

- Mấy thứ xoàng xoàng này không tồi đâu. Trông không được đẹp mã nhưng mời bà nếm thử, rồi cho tôi biết ngon dở ra sao.

- Trái lại, tôi thấy có vẻ ngon lành lắm, - bà Cottard đáp. - Odette, ở nhà bà, không bao giờ thiếu cái ăn. Không cần hỏi bà nhãn hiệu, tôi cũng biết bà đặt tất cả mọi thứ ở nhà Rebattet. Tôi phải nói là tôi thì trung dung hơn. Về bánh ngọt và các thứ kẹo, tôi thường đặt mua của Bourbonneux.

Nhưng tôi thừa nhận là cửa hiệu này không biết thế nào là một món kem lạnh. Còn ở hãng Rebattet thì quả là cả một nghệ thuật làm kem lạnh, kem nước đá pha rượu hay nước trà pha sữa. Như nhà tôi vẫn nói, đấy là *nec plus ultra*(216).

- Nhưng mọi thứ này đều làm ở nhà đây cả thôi. Không phải thế hay sao?

- Tôi không thể ăn tối, - bà Bontemps đáp, - nhưng xin ngồi lại một lát. Tôi, bà biết đấy, tôi say mê trò chuyện với một người đàn bà thông minh như bà. Odette, bà sẽ cho tôi là đùa tọc mạch đấy, nhưng tôi muốn biết bà nhận

xét ra sao chiếc mũ của bà Trombert. Tôi biết rõ một hiện nay là đội mũ rộng vành. Nhưng dẫu sao mũ bà ta cũng quá cỡ. Và so với chiếc bà ta đội hôm đến thăm tôi lần trước, thì chiếc hôm nay chỉ bé tí tẹo.

- Không đâu, tôi đâu có thông minh, - Odette đáp. - Xét cho cùng tôi là đứa cả tin, ai nói gì cũng nghe, và rầu rĩ vì những cái chẳng đâu vào đâu.

Rồi nói bóng nói gió là lúc đầu từng đau khổ nhiều vì kết hôn với

một người như Swann, người có đời sống riêng và lừa gạt mình. Nghe mấy từ “tôi đâu có thông minh”, ông hoàng d’Agrigente thấy có bốn phạm phản đối nhưng không biết phản bác thế nào.

- Kỳ cục thật, - bà Bontemps lên tiếng, - bà mà không thông minh!

- Quả thế, tôi nghĩ bụng: “Tai mình nghe những gì thế nhỉ?” - Ông hoàng vội nói như thể người chết đuối với được cọc. - Chắc hẳn tai tôi lừa dối tôi thôi.

- Không đâu, - Odette đáp, - tôi xin cam đoan với ông rằng thực ra tôi là một con mẹ tiểu tư sản rất dễ bị va chạm, đầy thiên kiến, sống bưng bít và nhất là cực kỳ dốt nát.

Và để hỏi tin tức nam tước de Charlus, Odette nói thêm:

- Thế ông có gặp ngài nam tước thân mến không?

- Bà mà dốt nát, hả! - Bà Bontemps kêu toáng lên. - Thế thì bà sẽ nói sao về xã hội quan chức, về tất cả các vị “Quan bà” chỉ biết trò chuyện về váy áo!... Thế này, thưa bà, cách đây không đến tám ngày, tôi hỏi bà Bộ trưởng Giáo dục về *Lohengrin*⁽²¹⁷⁾. Bà ấy trả lời tôi: “Lohengrin ư? A! Đúng rồi, buổi diễn gần đây nhất của *Folies-Bergere*⁽²¹⁸⁾ chứ gì? Buồn cười đến vỡ bụng”. Thế đấy, thưa bà, nghe những điều như vậy, giận đến sôi máu lên được. Tôi muốn cho bà ta một cái tát. Bởi vì, bà biết đấy, tính tôi dễ nổi cáu lắm. - Quay sang phía tôi, bà ta nói tiếp: “Ông xem, tôi nói thế không đúng hay sao?”

- Cũng chẳng có gì đáng trách lắm đâu, nếu người ta trả lời có chút lệch lạc khi bị hỏi đột ngột, không được báo trước. - Bà Cottard nói xen vào. - Bà Verdurin thường uy hiếp người ta như thế đấy.

- Nhân nói về bà Verdurin, - bà Bontemps hỏi bà Cottard, - bà có biết là thứ Tư này bà ấy tiếp khách không? ... A! Bây giờ tôi nhớ ra rồi: chúng tôi đã nhận lời người ta mời vào thứ Tư này. Bà có muốn cùng chúng tôi ăn tối vào thứ Tư tuần sau không? Chúng ta sẽ cùng đến nhà bà Verdurin. Tôi ngại đến một mình, tôi không hiểu vì sao người đàn bà cao lớn này luôn luôn làm tôi sợ hãi.

- Tôi xin nói ngay với bà, - bà Cottard đáp, - cái làm bà khiếp hãi ở bà Verdurin, chính là giọng nói bà ta. Bà bảo sao? Không phải ai cũng có cái giọng sang sảng của bà ấy đâu. Nhưng chỉ cần có chút tiếp xúc - như bà chủ thường nói - là băng giá sẽ tan thôi, vì thực ra bà ấy rất niềm nở. Nhưng tôi hiểu rất rõ cảm giác của bà, không bao giờ người ta thấy thoải mái khi đặt chân lần đầu tiên tới một nơi xa lạ.

- Cũng xin mời bà cùng ăn tối với chúng tôi, - bà Bontemps bảo bà Swann. - Ăn xong, tất cả chúng ta sẽ cùng đi, theo kiểu Verdurin, với điệu bộ Verdurin; và dù có vì vậy mà bà chủ bực tức tôi và sẽ không mời tôi nữa thì mỗi khi đã đến nhà bà ta, cả ba chúng ta sẽ cùng nhau trò chuyện; như thế, tôi thú vị lắm.

Nhưng lời khẳng định ấy ra chiều không xác thực vì bà Bontemps hỏi lại:

- Vì sao bà nghĩ thứ Tư tuần sau bà ấy tiếp khách? Tình hình gì sẽ xảy ra? Ít ra cũng không quá đông người chứ?

- Tôi thì chắc chắn tôi sẽ không đi, - Odette bảo. - Chúng tôi chỉ xuất hiện vào tối thứ Tư cuối tháng. Nếu các bà cho là chờ tới lúc đó cũng chẳng sao...

Nhưng ý kiến trì hoãn ấy hình như không thuyết phục được bà Bontemps. Tuy giá trị tinh thần và bề ngoài sang trọng của một xalông thông thường có quan hệ tỷ lệ nghịch chứ không phải thuận với nhau, nhưng mỗi khi thừa nhận sự sút kém của mình thì người ta dễ rộng lượng hơn đối với những người mình đành bấm bụng có thái độ vui vẻ ấy với họ, đối với đầu óc họ cũng như đối với mọi thứ khác: bằng chứng là chính Swann cũng cho bà Bontemps là người dễ ưa. Và nếu quả như vậy thì cũng như các dân tộc, con người phải thừa nhận rằng nếu không còn độc lập thì văn hóa và thậm chí cả ngôn ngữ cũng tiêu vong. Đến một độ tuổi nhất định, thái độ dễ dãi nói trên càng làm người ta ưa thích những lời lẽ tỏ ra tôn kính, kích lệ tài trí và khuynh hướng của mình. Đến độ tuổi ấy, một nghệ sĩ lớn cũng sẽ không thích giao tiếp với những tài năng độc đáo nữa mà chỉ muốn gặp gỡ những người học trò chỉ biết nhất nhất tán dương học thuyết của mình, nghe lời mình; và cũng như vậy, một người đàn ông hoặc đàn bà xuất chúng đang yêu sẽ cho người thông minh nhất trong một buổi họp là người có thể thấp kém nhưng tỏ ra hiểu và tán thành thế nào là một cuộc đời phụng sự thói phong tình, và do vậy kích thích khuynh hướng khoái cảm của mình. Cũng ở độ tuổi này và giờ đây với tư cách chồng Odette, Swann thích nghe người ta nói với bà Bontemps rằng thật là lỗi bịch nếu chỉ đón tiếp các nữ công tước và kể những câu chuyện làm bà ta cười ngặt nghẽo vì chưa từng được nghe những lại hiểu ra nhanh. Bà ta vốn thích tán dương, thích đùa cợt.

- Thế ra ông bác sĩ không say mê hoa như bà ư? - Bà Swann hỏi bà Cottard.

-Ồ! Bà biết là nhà tôi vốn thận trọng; trong mọi việc, ông ấy đều tỏ ra ôn hòa. Thế nhưng vẫn có một niềm mê say đấy, thưa bà.

- Niềm mê say nào vậy? - Bà Bontemps vội hỏi, ánh mắt lấp lánh một chút

- ác ý lẫn mừng vui và tọc mạch.
- Mê sách thôi. - Bà Cottard đáp gọn.
 - Ồ! Một niềm mê say hoàn toàn có thể yên tâm về phía một đức ông chồng!
 - Bà Bontemps thốt lên và cố kìm nén một tiếng cười tình quái.
 - Khi ông bác sĩ nhà tôi đã vợ được một cuốn sách, thì bà biết không?
 - Úi dà! Bà chớ quá sợ hãi...
 - Có chứ! ... Đối với mắt mũi ông ấy. Odette, tôi đi tìm nhà tôi đây và sẽ sớm trở lại gõ cửa bà thôi. Nhân nói chuyện mắt mũi, xin hỏi bà có nghe nói là ngôi biệt thự bà Verdurin vừa mua sẽ được mắc điện không? Tôi biết tin ấy không phải từ “bộ máy trinh sát” riêng của mình mà là từ một nguồn khác: chính anh chàng Milde, thợ điện, nói cho tôi biết. Bà thấy là tôi nói có sách, mách có chứng! Tôi được biết là các căn phòng cũng sẽ được lắp bóng điện có tán đèn để làm dịu bớt ánh sáng. Quả là một sự sang trọng tuyệt vời. Vả lại những người đồng thời với chúng ta tuyệt đối mong muốn cái mới, dù cái mới đó không còn tồn tại nữa. Bà chị dâu một bà bạn tôi có máy điện thoại đặt tại nhà! Bà ấy có thể đặt hàng cho một cửa hiệu mà không phải bước ra khỏi cửa! Tôi phải thú nhận là tôi tìm mọi cách để được phép một hôm nào đó nói trước máy điện thoại. Việc ấy quấy rầy tôi nhiều lắm, nhưng tôi thích được nói ở nhà một người bạn hơn là ở nhà mình. Tôi cảm thấy không muốn có máy điện thoại ở nhà. Sau khi niềm hứng thú ban đầu qua đi, nó sẽ làm chúng ta nhức óc. Thôi, Odette, tôi về đây, bà chớ giữ bà Bontemps nữa vì bà ấy chịu trách nhiệm về tôi; nhất thiết tôi phải cáo biệt, không khéo bà làm tôi gặp rắc rối đấy, tôi sẽ về muộn hơn nhà tôi mất thôi.
- Và cả tôi nữa, tôi cũng phải ra về, trước khi được thưởng thức những thú vui mùa đông mà tôi cảm thấy những đóa hoa cúc như là một cái vỏ bọc rục rờ. Những thú vui ấy đã không tới, nhưng bà Swann không có vẻ chờ đợi một điều gì khác nữa. Bà cho người nhà mang trà đi như thể muốn tuyên bố: “Đóng cửa!” Rốt cuộc bà bảo tôi:
- Thế là cậu về thực đấy hả? Vậy *good bye*⁽²¹⁹⁾ Tôi cảm thấy dù có nán lại cũng chẳng tìm thấy những thú vui xa lạ ấy và tôi rầu rĩ không phải chỉ vì không được thưởng thức chúng. Phải chăng chúng không nằm trên con đường thênh thang tôi đi qua đi lại hàng giờ và luôn luôn đưa tôi quay trở lại rất nhanh điểm xuất phát, mà là trên một đoạn đường tắt xa lạ mình phải quật vào đấy? Ít ra mục đích cuộc viếng thăm của tôi đã đạt, Gilberte sẽ biết tôi đã đến nhà bố mẹ nàng trong lúc nàng vắng nhà, và “ngay lập

tức đã chinh phục được bà Verdurin”, như bà Cottard không ngớt nhắc đi nhắc lại. Nàng sẽ rõ là tôi đã nói về nàng đúng mực, một cách âu yếm, nhưng không phải là tôi không thể sống nếu chúng tôi không gặp được nhau, điều mà tôi cho là cội nguồn của nỗi niềm phiền muộn của nàng mấy lâu nay khi ở gần tôi. Tôi nói với bà Swann là tôi không thể gặp lại Gilberte. Tôi làm như thể đã quyết sẽ không bao giờ gặp gỡ nữa. Và lá thư tôi sắp gửi cho Gilberte cũng sẽ viết theo ý ấy. Nhưng đối với riêng mình và để có dũng khí, tôi tự đặt cho mình một chút nỗ lực cuối cùng trong một vài ngày. Tôi tự nhủ: “Đây là buổi hò hẹn cuối cùng của nàng mà mình khước từ; đến lần hẹn sau, mình sẽ nhận lời”. Muốn có cảm giác sự chia ly dễ thực hiện hơn, tôi không tự hình dung đó là một sự chia ly vĩnh viễn. Nhưng tôi linh cảm nó sẽ vĩnh viễn.

Năm ấy, ngày một tháng Giêng là một ngày đặc biệt đau xót đối với tôi. Dĩ nhiên khi người ta gặp bất hạnh thì nỗi đau không thể không để lại dấu ấn. Nhưng nếu mất người thân chẳng hạn thì nỗi đau ấy chỉ là ở chỗ một sự so sánh dữ dội hơn với quá khứ. Trong trường hợp của tôi thì còn thêm nỗi niềm hy vọng không thể nói ra là Gilberte, sau khi muốn dành cho tôi việc chủ động dàn hòa và không thấy tôi thực hiện, chắc hẳn sẽ chờ đợi cơ hội mùng một tháng Giêng để viết thư cho tôi: “Rốt cuộc, tình hình gì xảy ra vậy anh? Em yêu anh say đắm, anh đến để chúng ta cùng nhau thành thực giải bày, em không thể sống nếu không được gặp anh”. Ngay từ những ngày cuối năm, tôi cứ ngỡ lá thư ấy sẽ tới tay. Có lẽ sẽ chẳng làm gì có thư đâu, nhưng chỉ cần mong ước, chỉ cần thiết tha đợi chờ là đủ để tin thư sẽ tới. Người lính nơi trận mạc đình ninh có một thời hạn kéo dài vô hạn định trước khi bị giết; đứa ăn trộm, trước khi bị tóm cổ; con người ta nói chung, trước khi phải chết. Đây là lá bùa phòng ngừa cho con người - và có khi cho các dân tộc - không phải khỏi tai họa, mà là khỏi nỗi khiếp hãi tai họa, thực ra là khỏi một mực đình ninh là sẽ xảy ra tai họa, khiến người ta có thể đương đầu với những thứ đó mà không cần phải dưng cảm. Một niềm tin thuộc loại ấy và ít có cơ sở như vậy vẫn động viên anh chàng đang yêu: anh ta trông chờ một sự làm lành, một lá thư. Chỉ cần lòng thôi ao ước là khỏi phải đợi chờ thư từ. Dù biết mình thờ ơ tới đâu đi nữa đối với cô gái mình đang yêu, người ta vẫn gán cho nàng một loạt ý nghĩ - tuy có thể là những ý nghĩ dừng dừng, cho là nàng muốn thổ lộ những ý nghĩ ấy, là cuộc sống nội tâm của nàng phức tạp, có thể nàng luôn luôn có ác cảm với mình nhưng cũng luôn luôn chú ý tới mình. Trái lại, muốn hình dung Gilberte có những ý nghĩ gì, thì ngay từ ngày mùng một tháng Giêng ấy, tôi chỉ cần tiên đoán

xúc cảm của mình vào ngày tháng ấy những năm sau, lúc hầu như mình không còn nhận thấy sự chú ý hay im lặng, sự âu yếm hay lạnh nhạt của Gilberte, lúc tôi không nghĩ tới, thậm

chí không thể nghĩ tới việc tìm cách giải quyết những vấn đề không còn có thể đặt ra cho mình nữa. Khi yêu, tình yêu bao giờ cũng quá lớn không thể chứa đựng trọn vẹn trong lòng ta; nó tỏa sáng về phía người mình yêu, gặp phải ở nàng một “mặt phẳng” ngăn nó lại, buộc nó trở về điểm xuất phát; và sự dội lại ấy của chính niềm mê say của mình, chúng ta gọi nó là tình cảm của người mình yêu, nó làm chúng ta say mê hơn lúc xuất phát, vì chúng ta không nhận ra là nó bắt nguồn từ chính bản thân mình.

Từng giờ, từng phút ngày mồng một tháng Giêng trôi qua, nhưng Gilberte vẫn bật vô âm tín. Ngày mồng ba, mồng bốn, tôi vẫn nhận được mấy lá thư chúc mừng đến muộn vì thư từ bị ùn tắc vào thời điểm này; vì vậy tôi, vẫn hy vọng, tuy càng về sau, hy vọng càng thêm mỏng manh. Những ngày sau đó, tôi khóc nhiều. Dĩ nhiên như vậy vì tôi không thành thực với mình như mình tưởng khi khước từ Gilberte, nên vẫn hy vọng nhận được thư nàng vào đầu Năm mới. Và cảm thấy, niềm hy vọng ấy tiêu tan trước khi có đủ thì giờ để ấp ủ một niềm hy vọng khác, tôi đau đớn như một con bệnh/docs cạn lọ morphin mà trong tay không có lọ thứ hai. Nhưng đồng thời tôi lại hy vọng đến phút chót nhận được thư Gilberte - hai cách suy nghĩ này không loại trừ lẫn nhau vì có khi chỉ một tình cảm không thôi nhưng lại do những mặt trái ngược nhau tạo thành, và cảm thấy hình bóng nàng gần gũi mình hơn, và lòng tôi lại rạo rức như xưa trong đợi chờ và gặp gỡ. Khi nghĩ có thể làm lành với nhau ngay tức khắc, người ta dễ phạm một sai lầm lớn là quên đi sự nhẫn nhục chịu đựng. Bệnh nhân thần kinh khó có thể tin mình sẽ dần dà bình tĩnh trở lại nếu nghỉ ngơi trên giường và không nhận thư từ, không đọc sách báo. Họ hình dung chế độ ấy chỉ làm mình thêm bức tức. Cũng giống như vậy, xem xét nó trong một trạng thái ngược lại, người đang yêu không thể tin sự nhẫn nhục có thể có tác dụng tốt lành, vì chưa hề bao giờ thể nghiệm.

Tim tôi đập dữ dội; lượng cafein tôi dùng được giảm bớt; nó trở lại trạng thái bình thường. Nỗi lo sợ tôi cảm thấy mỗi khi hầu như giận hờn Gilberte, phải chăng do cafein gây nên? Trước kia, hể lòng phấp phỏng lo âu là tôi nghĩ vì đau khổ không còn được gặp hay chỉ có thể gặp nàng trong khi nàng chưa hết giận dữ. Nhưng nếu chất cafein ấy là cội nguồn những nỗi khổ đau mà trí tưởng tượng của tôi lý giải một cách sai lầm (điều đó chẳng có gì là đặc biệt vì đối với những người đang yêu, nguyên nhân những nỗi đau tinh thần nhức nhối nhất thường lại là sự tiếp xúc lâu dài về mặt vật chất với người đàn bà chung sống với mình), thì cũng chỉ là theo cung cách thử bùa ngải từng gắn bó lâu dài Tristan⁽²²⁰⁾ với Yseult⁽²²¹⁾. Việc giảm

bột lượng cafein hầu như ngay tức khắc làm tăng sức khỏe của tôi nhưng không ngăn được nỗi buồn mà có thể chất độc được ấy, nếu không gây nên, thì ít ra cũng làm cho thêm da diết.

Tuy nhiên, gần đến giữa tháng Giêng, khi không còn hy vọng nhận được thư vào ngày đầu Năm mới và nỗi đau thất vọng ấy đã lắng dịu, thì nỗi âu sầu trước kia, trước thời kỳ “những ngày Lễ” lại nảy sinh. Và điều nhức nhối hơn cả là chính bản thân tôi là người gây nên nỗi ấy một cách tự giác, kiên quyết và kiên nhẫn. Quan hệ giữa tôi và Gilberte, mối quan tâm duy nhất của tôi, chính tôi là người làm nó không sao nổi lại được bằng cách dần dà gây nên không phải sự lạnh nhạt của nàng, mà là của chính tôi (rốt cuộc cũng chẳng khác gì nhau) bằng cách kéo dài thời kỳ xa cách. Tôi tiếp tục khẳng khái kéo dài một cuộc “tự sát” đau đớn, giết chết cái tôi vẫn đang yêu Gilberte trong thâm tâm mình; và tôi sáng suốt nhận ra, không phải chỉ những gì tôi đang làm trong hiện tại, mà cả những hậu quả của chúng trong tương lai. Tôi biết chẳng những rồi đây, mình sẽ không còn yêu Gilberte nữa, mà chính bản thân nàng cũng ân hận về điều ấy, và những nỗ lực của nàng lúc đó để gặp tôi cũng sẽ vô bổ như những nỗ lực hiện nay, không phải vì tôi quá yêu nàng nữa, mà vì chắc hẳn tôi yêu một người đàn bà khác mà tôi sẽ thêm khát và đợi chờ hàng giờ và không dám bỏ ra dù một phút, một giây vì Gilberte; lúc ấy, đối với tôi, năng sẽ không còn là gì nữa hết. và dĩ nhiên, chính vào lúc để mất Gilberte trong khi càng tha thiết yêu nàng (tôi cảm thấy rõ hơn năm trước nàng quý giá như thế nào đối với mình; lúc ấy, sống bên cạnh nàng tất cả các buổi chiều, tôi định ninh không có gì có thể ngăn cản tình bạn của chúng tôi), chính vào lúc ấy, tôi ghê tởm khi nghĩ rằng một ngày nào đấy, tôi sẽ có những tình cảm như vậy đối với một người đàn bà khác, vì ngoài Gilberte ra, tôi sẽ đánh mất cả tình yêu lẫn nỗi đau của mình: lệ tuôn trào, tôi ra sức tìm hiểu xem Gilberte thực sự là thế nào trong tình yêu và nỗi đau ấy của mình tôi phải thừa nhận chúng không thuộc riêng Gilberte và sớm hay muộn sẽ là “phần” dành cho người đàn bà nào đó. Như vậy đấy - ít ra cũng là cách suy nghĩ của tôi lúc bấy giờ

- lúc đang yêu, người ta lại ngỡ là mai sau mình có thể yêu một người đàn bà khác, và thậm chí cả trước kia mình cũng đã có thể yêu một người đàn bà khác chứ không phải là người mình đang yêu. Và khi không yêu, nếu thừa nhận trong tình yêu có những điều nghịch lý thì chính là ở chỗ người ta không cảm thấy, và vì vậy, không còn biết tới mối tình mà mình từng nói tới hết sức thoải mái; trong lĩnh vực này, nhận thức của con người

mang tính chất gián đoạn và không tồn tại sau khi tình cảm thực sự không còn. Dĩ nhiên lúc này vẫn chưa muộn nếu tôi muốn báo cho Gilberte biết là sẽ có ngày tôi không yêu nàng nữa; tôi đoán biết được ngày đó nổi khổ đau trong lòng, tuy trí tưởng tượng chưa cho phép hình dung một cách rõ ràng; ngày đó nếu không sắp xảy tới ngay thì ít ra cũng không sao tránh nổi nếu bản thân nàng không giúp đỡ và tiêu diệt ngay từ đầu thái độ lạnh nhạt của tôi. Đã có biết bao lần tôi suýt viết thư hoặc tới nhà nói với Gilberte: “Cẩn thận nhé! Anh đã quyết định rồi đây và là một quyết định tối hậu. Anh gặp em lần này là lần cuối cùng. Nay mai anh không còn yêu em nữa!” Nhưng để làm gì? Tôi có quyền gì trách móc Gilberte về một sự lạnh nhạt mà mình biểu lộ đối với tất cả những gì không phải là nàng, trong lúc tôi không nghĩ là vì vậy mà mình có lỗi. Lần cuối cùng ư? Đối với mình, tôi cảm thấy việc đó cực kỳ quan trọng vì tôi yêu Gilberte. Còn đối với nàng thì chắc hẳn nó gây cái cảm giác giống như khi người ta nhận được thư của những người bạn ngỏ ý muốn tới thăm trước khi từ giả tổ quốc, cuộc viếng thăm mà chúng ta khước từ vì có những niềm lạc thú cần hưởng, giống như chúng ta khước từ những người đàn bà hay quấy rầy và yêu chúng ta. Thời gian chúng ta sử dụng mỗi ngày là co dần; những điều mê say chúng ta cảm nhận làm nó dần nở ra, những điều mê say chúng ta gây nên cho người khác làm nó co hẹp lại, và thói quen thì choán hết thời gian ấy.

Vả lại, dù tôi có nói với Gilberte cũng vô ích, nàng sẽ chẳng nghe tôi nói đâu. Khi nói, chúng ta luôn luôn hình dung chính tai mình, trí óc mình nghe mình nói. Khi đến với Gilberte, lời lẽ của tôi sẽ lệch lạc đi, như thể xuyên qua bức màn chuyển động của một thác nước trước khi tới tai nàng: chúng sẽ không sao còn có thể nhận biết được vì chỉ phát ra những âm thanh lơ bịch và không còn một chút ý nghĩa nào nữa. Chân lý người ta gửi gắm vào từ ngữ không tự nó trực tiếp vạch ra đường đi cho mình, không mang theo một sự hiển nhiên không sao cưỡng nổi. Chỉ sau một thời gian, một chân lý thuộc loại đó mới có thể hình thành trong từ ngữ. Lúc ấy, dù coi môn đệ một học thuyết đối lập là kẻ phản bội mặc dù mọi lý lẽ và bằng chứng, một địch thủ chính trị vẫn đồng tình với niềm tin mình vốn miệt thị, niềm tin mà kẻ tìm cách truyền bá không thành công không còn thiết tha nữa. Lúc ấy, những người trước đây chỉ cảm thấy đứng trước một hình ảnh mờ nhạt hay tầm thường khi nghe những lời ngợi ca một tuyệt tác mới thừa nhận nó là tuyệt tác, nhưng đã quá muộn nên tác giả không thể hay biết. Tương tự như vậy khi thất vọng trong tình trường dù làm gì đi nữa, người ta cũng không

sao san bằng được trở lực từ bên ngoài. Đến khi không còn quan tâm tới nữa thì bỗng nhiên, do tác dụng của một hoạt động từ một phía khác tới và diễn ra trong lòng người đàn bà giờ đây không còn yêu thương, những trở lực trước kia bị tấn công không có kết quả ấy nay bị phá bỏ, nhưng chẳng để làm gì nữa. Nếu tôi tới báo cho Gilberte biết thái độ lạnh nhạt sau này của mình và cách thức đề phòng nó, thì nàng có thể hiểu là tôi yêu nàng, cần có nàng không phải chỉ như nàng tưởng, và vì vậy nàng sẽ bức bỏ hơn khi gặp tôi. Và lại, quả là qua những trạng thái tinh thần khác nhau trong tôi chính mỗi tình ấy giúp tôi tiên đoán sự tan vỡ mai sau. Thế nhưng tôi có thể báo cho Gilberte điều đó, hoặc qua thư từ, hoặc trực tiếp nói miệng, sau một thời gian, khi nàng trở nên ít cần thiết hơn đối với mình và cũng chẳng phải giấu giếm gì nàng nữa. Tiếc rằng một số ít người, không rõ vì thiện chí hay vì ác ý, nói với nàng về tôi theo cung cách khiến nàng hiểu là họ làm như vậy theo lời tôi yêu cầu. Mỗi khi được biết Cottard, hoặc bản thân mẹ tôi, và cả đến ông de Norpois, bằng những lời nói vụng về, đã làm toàn bộ sự hy sinh tôi vừa chịu đựng trở thành công cốc, làm thất bại toàn bộ kết quả sự thận trọng của tôi trong lúc nghĩ một cách sai lầm rằng tôi đã thoát ra khỏi tình trạng ấy, mỗi khi như vậy là tôi rầu rĩ đến hai lần. Trước hết, sự nhần nhục vất vả nhưng có hiệu quả của tôi mà những người hay quấy rầy làm gián đoạn trong lúc tôi không hay biết, và do vậy làm tiêu tan, tôi chỉ còn có thể ghi nhận thời điểm của nó vào ngày hôm nay. Nhưng hơn thế nữa, dù có gặp lại Gilberte, tôi sẽ ít vui mừng hơn: nàng nghĩ giờ đây tôi không còn nhần nhục một cách kiêu hãnh nữa, mà đang âm mưu sắp đặt trong bóng tối một cuộc gặp gỡ nàng từng khước từ. Tôi nguyên rủa những lời dông dài vô tích sự. Thông thường người ta nói chỉ để mà nói chứ không phải vì gì hết, không với ý định gây hại hay làm lợi nhưng lại gây thật đúng lúc biết bao tác hại. Quả là trong khi hoạt động một cách thâm khốc để phá hủy tình yêu của anh, người ta không đóng vai trò vô thưởng vô phạt của hai kẻ có thói quen rủ rối hết tất cả đúng vào lúc mọi thứ sắp sửa được thu xếp ổn thỏa, một người thì vì quá tốt bụng, còn một kẻ thì vì quá tàn ác. Nhưng chúng ta không oán giận hai người ấy như oán giận hai vợ chồng Cottard, vì người thứ hai là người chúng ta yêu mến, còn người thứ nhất chính là bản thân chúng ta.

Tuy nhiên, hầu như mỗi lần tôi đến nhà là được bà Swann mời tới dùng trà buổi chiều với con gái bà và bảo trực tiếp cho nàng. Vì vậy tôi thường viết thư cho Gilberte và trong thư, tôi không chọn những lời, những câu tôi nghĩ có khả năng thuyết phục nàng, mà chỉ tìm cách sắp đặt một dòng chảy êm

ái nhất cho những dòng lệ tuôn trào. Luyến tiếc và ham muốn đâu có tìm cách tự phân tích mà chỉ muốn được thỏa mãn. Khi bắt đầu yêu, người ta đâu có phải sống qua ngày tháng để biết tình yêu của mình là thế nào, mà là để chuẩn bị cho những khả năng buổi hẹn hò ngày hôm sau. Khi khước từ tình yêu, người ta đâu có tìm cách hiểu thấu nỗi phiền muộn của mình, mà là ra sức tỏ bày hết sức âu yếm nỗi phiền muộn ấy với người đàn bà gây nên nó. Người ta nói những điều mình cảm thấy cần phải nói nhưng người kia không hiểu: người ta chỉ nói cho chính bản thân mình. Trong thư tôi viết:

“Trước đây, tôi định ninh không thể như thế được. Than ôi, giờ đây, tôi thấy việc ấy không đến nỗi khó nhường ấy!”

Và còn viết thêm:

“Có thể tôi sẽ không gặp cô nữa.”

Tôi viết những lời thư ấy trong lúc tiếp tục giữ một thái độ lạnh nhạt mà nàng có thể nghĩ là giả vờ, và tôi vừa viết vừa rơi lệ, vì cảm thấy chúng diễn tả không phải điều mình có thể tưởng là có thật, mà là điều thực sự sẽ xảy tới. Cũng như lần này, tôi vẫn có thể có can đảm khước từ lời hò hẹn sau này của nàng; và qua nhiều lần khước từ, dần dà, tôi sẽ không muốn gặp nàng nữa vì quá lâu ngày không gặp. Tôi khóc nhưng thấy đủ can đảm hy sinh niềm hạnh phúc ở cạnh nàng cho cái khả năng một ngày nào đó làm nàng vui lòng, cái ngày mà than ôi! dù có làm nàng vui lòng, tôi cũng sẽ dừng dừng như không. Dù có cho rằng lúc này nàng yêu tôi như nàng đã nói trong cuộc viếng thăm lần trước, rằng thái độ của nàng mà tôi cho là sự khó chịu người ta cảm thấy bên cạnh kẻ người ta đã chán ngấy chỉ là do một sự giận hờn vì ghen tuông, một sự lạnh nhạt giả vờ tương tự sự lạnh nhạt của chính tôi đi nữa, thì quyết định của tôi cũng chỉ bớt phần đau xót đi thôi. Tôi cảm thấy sau này sau khi chúng tôi đã quên nhau, và khi tôi hồi tưởng lại quá khứ để nói với nàng rằng bức thư tôi đang viết lúc này hoàn toàn không thành thực, nàng sẽ đáp:

“Sao, anh yêu em ư? Giá anh biết em mong chờ lá thư ấy biết chừng nào, em trông ngóng một lời hò hẹn biết bao nhiêu, em đã khóc tức tưởi biết chừng nào!”

Trong lúc viết thư, ngay sau khi ở nhà mẹ nàng trở về, tôi bỗng nảy ý nghĩ là có lẽ chính mình đang làm tiêu tan sự hiểu lầm ấy; và ý nghĩ ấy thúc đẩy tôi tiếp tục biên thư.

Cáo biệt bà Swann khi mãn buổi tiệc trà, tôi suy nghĩ về những điều mình sẽ viết cho con gái bà, còn bà Cottard thì khi ra về có những ý nghĩ hoàn

toàn khác. Làm xong một “cuộc thanh tra nhỏ”, bà không quên ca ngợi bà Swann về những thứ đồ gỗ mới, những thứ “mới kiếm thêm” trong phòng khách. Và bà ta cũng tìm thấy trong đó một vài đồ vật ngày trước của Odette trong ngôi biệt thự ở phố Lapérouse, nhất là những con vật làm bằng các thứ nguyên liệu quý; chúng là những thứ linh vật của bà ta.

Nhưng sau những lời chế giễu của một người bạn, bà Swann lần lượt cho vào kho những thứ trước kia bà vốn cho là “tuyệt vời”, từ dần mắt cáo thép vàng dùng làm giá đỡ cho những cây cúc đại đóa đến vô số hộp đựng kẹo mua của cửa hiệu Giroux và những tờ giấy viết thư có in vành hoa (nếu không muốn nói tới những đồng tiền vàng bằng cactôg rải rác trên mặt lò sưởi và do một anh chàng thanh nhả khuyên Odette dâng làm lễ hiến tế, một thời gian dài trước khi bà ta chưa quen biết Swann), vả lại, trong cảnh bộn bề kiểu nghệ sĩ, trong cái lộn xộn kiểu xưởng thợ của những căn phòng tường còn sơn màu sẫm khác xa những phòng khách màu trắng sau đó ít lâu của bà Swann, không khí Viễn Đông ngày càng lùi dần trước sự xâm lấn của thế kỷ XVIII; và những chiếc gối bà Swann chất lên sau lưng tôi cho “thoải mái” hơn, được thêu những hình hoa kiểu Louis XV, chứ không còn thêu những con rồng Tàu như trước kia. Trong căn phòng tôi thường năng gặp bà nhất, bà Swann sống giữa các thứ đồ sành sứ vùng Saxe⁽²²²⁾. Bà ta thường nói về căn phòng ấy:

- Đúng, tôi yêu mến nó, thiết tha với nó; tôi không thể sống giữa những đồ vật dễ ghét và cổ lỗ; chính nơi đây là nơi tôi làm việc.

Odette lo ngay ngáy bàn tay vụng về của đám tôi tớ đụng chạm vào những đồ vật bằng sành sứ ấy và thường nổi nóng lên với họ trong lúc Swann, một ông chủ vốn rất mực hiền hòa và lịch sự, chứng kiến hành vi cáu giận của vợ mà không hề thấy chướng. Cái nhìn sáng suốt một vài sự thấp kém không hề làm suy giảm lòng yêu mến say mê; trái lại nỗi niềm say mê này chỉ khiến những sự thấp kém ấy có phần dễ thương.

Giờ đây khi tiếp bạn bè thân mật, Odette không còn mặc áo choàng Nhật

Bản nữa, mà là những chiếc áo khoác rộng kiểu Watteau⁽²²³⁾ bằng lụa mượt mà màu sáng. Bà ta như vuốt ve lớp áo in hoa mịn màng trên ngực và ra chiều “vùng vẫy” khoan khoái, thoải mái trong tấm áo rộng ấy, với nước da tươi mát, hơi thở sâu lắng: phải chăng bà Swann không xem những tấm áo ấy là vật trang trí theo kiểu một thứ “khung cảnh” mà là vật cần thiết chẳng khác nào việc tắm rửa và đi bộ thể thao, để thỏa mãn đòi hỏi của diện mạo và sự tinh tế về mặt vệ sinh? Bà ta vẫn thường nói không cần tới bánh

mì dễ dàng hơn là mỹ thuật và sạch sẽ, và nếu thấy tượng La Joconde bị cháy thì đau buồn hơn là thấy “hàng đàn hàng đồng” những người bà ta quen biết bị thiêu. Những “luận thuyết” này bị bạn bè nữ giới cho là ngược đời nhưng làm bà ta được xem là một người đàn bà ưu việt bên cạnh họ và đem lại kết quả là hàng tuần ngài Bộ trưởng Ngoại giao Bỉ tới thăm viếng. Bởi vậy, trong cái xã hội nhỏ nhoi mà bà ta là mặt trời trong đó, người ta sẽ kinh ngạc nếu biết rằng ở những nơi khác, ở nhà bà Verdurin chẳng hạn, bà ta vốn bị xem là kẻ ngu ngốc. Với đầu óc linh lợi, bà Swann ưa giao tiếp với đàn ông hơn là với đàn bà. Nhưng khi công kích phụ nữ, bao giờ cũng là với tư cách một kẻ lăng lợ, vạch ra những khuyết tật có thể làm hại họ trước con mắt đàn ông: cổ tay cổ chân to ụ, màu da xấu xí, lông chân dày, lông mày giả, phả ra mùi hôi khủng khiếp, viết lách thì sai chính tả. Trái lại, đối với những người đàn bà xưa kia rộng lượng và dễ thương, thì bà Swann tỏ ra âu yếm hơn, nhất là khi những người này gặp bất hạnh. Bà ta bênh vực người đó một cách khéo léo và nói:

- Người ta bất công đối với bà ấy, vì đó là một phụ nữ dễ thương, tôi xin bảo đảm như vậy.

Bà Cottard và tất cả những ai từng gặp gỡ bà de Crécý trước kia khó có thể nhận ra, không phải chỉ những đồ vật trong phòng khách Odette, mà chính cả bản thân Odette, nếu đã lâu không trông thấy bà ta. Bà ta như trẻ ra không biết bao nhiêu so với trước kia! Dĩ nhiên như vậy, một phần vì bà ta béo ra và với sức khỏe tốt hơn, tỏ vẻ bình tĩnh hơn, tươi mát hơn, lãng dịu hơn, mặt khác vì lối chải đầu sau này với mái tóc bóng mượt khiến gương mặt dưới một lớp phấn hồng mỏng như nở dần ra và đôi mắt cùng nét mặt nhìn nghiêng, trước kia nhô ra, giờ đây như thu hẹp lại. Nhưng một lý do khác của sự đổi thay ấy là ở chỗ đến nửa đường đời, Odette tìm thấy hoặc tự tạo ra một diện mạo riêng, một “tính cách” bất di bất dịch, một “loại vẻ đẹp” và ghi dấu ấn loại hình cố định ấy như một sức thanh xuân bất tử lên trên những đường nét trước kia tạo nên được chẳng hay chớ, tùy theo tính khí và dáng vẻ, một gương mặt rời rạc, đổi thay hàng ngày; những đường nét ấy trong cả một thời gian dài phớt mặt cho những sở thích ngẫu hứng và bất lực của xác thịt và mang dáng dấp già nua mỗi khi phải chịu đựng một chút mệt mỏi trong chốc lát mà chúng tưởng chừng như cả một quãng thời gian đằng đẳng.

Trong căn phòng riêng, thay vì những tấm ảnh đẹp đẽ của bà vợ trên đó dễ nhận ra một thân hình và gương mặt kiêu hãnh qua những đường nét bí ẩn và mẫn nguyện, bất luận áo mũ thế nào, Swann chỉ treo một tấm hình nhỏ,

ngày trước, rất đơn giản theo kiểu ảnh Daguerre⁽²²⁴⁾, trên đó hình như vắng bóng vẻ trẻ trung và nhan sắc Odette. Nhưng phải chăng vì trung thành hay gần gũi trở lại với một quan niệm khác trước, mà Swann thưởng thức một vẻ duyên dáng theo kiểu Botticelli⁽²²⁵⁾ ở những thiếu phụ mảnh mai với cặp mắt trầm ngâm, nét mặt mệt mỏi và thái độ ngập ngừng giữa chuyển động và lặng im? Quả là ông ta vẫn muốn tìm thấy một Botticelli ở bà vợ. Trái lại, Odette không muốn nghe nói tới nhà họa sĩ này. Bà ta không tìm cách làm nổi bật mà là che giấu những gì thâm tâm mình không ưa thích, những gì có thể là “tính cách” riêng đối với nghệ sĩ nhưng là những khiếm khuyết đối với phụ nữ. Swann mua một tấm khăn choàng tuyệt vời của Đức thánh Đồng trinh trong Kinh Thánh mẫu. Nhưng bà Swann không thích dùng. Chỉ có một lần bà ta để chồng đặt mua một bộ y phục thêu đầy hoa bạch cúc, hoa xa cúc lam, hoa lưu ly và hoa chuông theo kiểu Primavera⁽²²⁶⁾ trên bức Printemps⁽²²⁷⁾. Thỉnh thoảng, vào buổi tối, khi bà vợ mệt mỏi, Swann ri tai bảo tôi theo dõi bàn tay bà ta bất giác phát ra một cử chỉ ẻo lả, có phần ngập ngừng tựa cử chỉ chỉ Đức thánh Đồng trinh nhúng ngòi bút vào lọ mực trên tay thiên thần trước khi viết vào Thánh kinh ưên đó đã kẻ sẵn từ “Magnificat”⁽²²⁸⁾. Nhưng ông ta lại nói thêm:

- Cậu chớ nói cho bà ấy biết; nếu biết thì bà ấy sẽ làm khác đi đấy. Bà Swann muốn và biết giữ lại dấu ấn của một vài cách trang phục đã lỗi thời ngay giữa những trang phục thay thế chúng. Buổi tối, khi không làm việc nổi và biết chắc Gilberte đang cùng bè bạn ở nhà hát, tôi bất thần đến nhà bố mẹ nàng thì thường gặp bà Swann trong trang phục mặc ở nhà, chiếc váy màu sẫm, đỏ thẫm hay da cam - những màu sắc hình như có một ý nghĩa đặc biệt vì không còn hợp nữa - viền một dải đăngten đen rộng bản và thêu ren. Trước ngày xảy ra sự bất hòa giữa tôi và Gilberte, một hôm, trong khi tiết xuân còn lạnh, bà Swann dẫn tôi tới vườn Bách thảo. Dưới chiếc áo vét hàng khuy mở nhiều hay ít tùy theo nóng nhiều hay ít trong khi bà ta đi bộ, hàng đăngten hình răng cưa viền trên áo lột lộ ra tựa ve chiếc áo gilê ngày trước bà vẫn mặc, mép ve áo cũng có đường lượn sóng tương tự; và chiếc cà vạt bằng thứ vải kẻ ô vuông nhiều màu bà ta vẫn không rời bỏ nhưng làm màu sắc dịu bớt đi (màu đỏ trở thành màu hồng, và màu xanh thành màu thanh thiên) khiến người ta hầu như tưởng là một thứ vải mỏng sắc xanh biếc hiện được xem là rất hợp thời, chiếc cà vạt ấy thắt phía dưới cằm sao cho người ta không thể thấy nó được buộc vào đầu

và không thể không liên tưởng tới những cái dài mũ mà vào thời ấy không còn ai dùng nữa. Chỉ cần bà ta “tồn tại” như vậy trong một thời gian ngắn nữa là lớp trẻ trong khi tìm cách nắm bắt trang phục của bà, sẽ phải nói: “Bà Swann là cả một thời đại, có phải thế không nào?”

Cũng như trong một phong cách đẹp có sự đan xen những hình thức khác nhau và được một truyền thống kín đáo củng cố, trong trang phục của bà Swann, những ký ức mơ hồ về những chiếc áo gilê hay những cái vòng khuy khiến người ta nghĩ tới những kiểu trang phục ngày trước nay được tái hiện lại nửa vờ dưới bàn tay của người thợ thời trang và tạo nên ở bà Swann một dáng vẻ quý phái, có lẽ vì chính bản thân cái vô dụng của những thứ trang sức này khiến chúng hình như đáp ứng một mục đích không chỉ thực dụng, cũng có thể do dấu ấn của thời gian để lại, hoặc nữa do một thứ đặc điểm trang phục riêng biệt của người đàn bà này, nên với những lối ăn bận hết sức khác nhau, bà ta bao giờ cũng mang cốt cách như đang ở nhà mình. Người ta có cảm giác bà Swann không phải chỉ ăn mặc để phục vụ hay điểm tô cho hình hài đối với bà ta, trang phục dường như một bộ máy tinh tế mang linh hồn của một nền văn minh.

Gilberte thường tổ chức tiệc trà vào những ngày bà mẹ tiếp khách; nhưng mỗi khi nàng vắng nhà là tới đến dự buổi tiếp của bà Swann. Bà bận một chiếc áo dài đẹp, bằng sa, bằng lụa phay hoặc bằng nhung, bằng nhiễu Tàu, hoặc nữa bằng xatanh hay lụa thường; khác với áo choàng lò xo thường bận ở nhà, chiếc áo dài được cắt may như để mặc đi phố và tạo cho bà chiều hôm ấy một dáng dấp lạnh lẽo, hoạt bát. Và dĩ nhiên cách cắt may đơn giản táo bạo rất thích hợp với thân hình và động tác của bà ta, hai ống tay áo như phản ánh sắc thái luôn luôn thay đổi của động tác tùy theo từng ngày. Người ta tưởng như nhận thấy đột nhiên sự quyết đoán trong lớp những màu xanh, một thái độ cởi mở trong lớp sa trắng, một sự thận trọng rất mực cao sang trong lớp nhiễu Tàu màu đen. Nhưng đồng thời những thứ trang sức không có lý do rõ rệt, không nhằm mục đích thực tiễn nào trên áo tạo nên một cái gì đó vô tư, trầm ngâm, bí ẩn phù hợp với vẻ âu sầu trầm lắng của bà Swann, ít ra cũng trong đôi mắt và trên các đầu ngón tay. Cùng với tư trang, những vật cầu may, những bùa ngải đeo đầy người một cách vô cớ tựa chừng muốn bộc lộ một ý đồ, bảo đảm một tấm lòng triu mến, giữ kín một nỗi niềm tâm sự, đáp ứng một sự mê tín và giữ lại kỷ niệm về một sự làm lành sau những ngày hờn giận, về một ước mong, một mối tình. Và thỉnh thoảng chiếc áo lót bằng nhung xanh với những chỗ may phồng hoặc ở cánh tay áo gần vai hoặc ở dưới váy làm tấm áo dài phẳng phất một

bộ y phục hần hoi và gợi lên một ký ức mơ màng về quá khứ trong cuộc sống hiện tại, khoắc lên hình hài bà Swann cái duyên dáng của một vài nữ nhân vật lịch sử hay tiểu thuyết. Và hẳn tôi nhận xét như vậy là bà ta trả lời:

- Tôi không đánh gôn như nhiều bà bạn. Tôi không thể tự cho phép mình bận áo len cụt tay cài khuy như họ.

Trong cảnh bộn bề của phòng khách, trong khi tiễn chân một vị khách trở về hay bưng một đĩa bánh ngọt mời vị khác, bà Swann kéo riêng tôi ra một khoảnh khắc:

- Gilberte nhờ tôi chuyển lời mời cậu ngày kia tới ăn trưa. Vì không biết chắc cậu có tới hay không nên tôi định viết thư cho cậu.

Tôi tiếp tục khước từ. Và càng ngày tôi càng phải bớt trả giá cho sự khước từ này. Khi vì một sự ràng buộc nào đấy người ta đã không dùng trong một thời gian nhất định chất độc được từng làm hại mình thì dù có yêu mến nó, người ta cũng không thể không thấy giá trị của sự yên tĩnh đã đánh mất, của sự giải thoát khỏi những nỗi xúc động và khổ đau. Nếu không hoàn toàn thành thực khi nói mình không còn bao giờ muốn gặp lại người đàn bà mình yêu, thì cũng sẽ không thành thực nếu bảo mình muốn gặp lại nàng. Rõ ràng là người ta chỉ có thể chịu đựng sự vắng mặt của người yêu trong khi định ninh sự vắng bóng ấy không kéo dài và nghĩ tới ngày cùng nhau tái ngộ; nhưng mặt khác, người ta cảm thấy nỗi lòng mơ ước hàng ngày một cuộc gặp gỡ không ngừng bị trì hoãn ít đau xót hơn nhiều so với một buổi tái ngộ có thể dẫn tới ghen tuông; bởi vậy khi được biết sẽ gặp lại người đàn bà mình yêu, người ta bỗng cảm thấy trong lòng một nỗi xao xuyến không mấy thú vị. Điều giờ đây người ta trì hoãn hết ngày này qua ngày khác không còn là sự kết thúc nỗi lo âu không sao chịu nổi vì chia ly, mà là sự mở đầu rất đáng sợ những xúc cảm không có lối thoát. Chẳng khác nào thay vì một cuộc gặp gỡ như vậy người ta mong muốn một kỷ niệm êm đềm mà mình tha

hồ thêu dệt nên bằng những ước mơ trong đó người đàn bà thực tế không yêu mình lại tỏ tình với mình khi chỉ có một mình mình! Chút kỷ niệm mà mình có thể làm cho trở nên hết sức êm đềm theo ý muốn bằng cách dần dà đưa vào nhiều điều mình ao ước, người ta thích hơn biết chừng nào so với cuộc trò chuyện lần lữa ngày này qua ngày khác trong đó người mình gặp không phải là người mình muốn bảo sao họ nói vậy mà là người có những cử chỉ lạnh nhạt, thô bạo bất ngờ! Ai nấy đều biết khi không còn yêu nữa thì sự lãng quên, thậm chí chỉ một kỷ niệm mơ hồ cũng không gây đau thương bằng mối tình bất hạnh. Tuy không tự thú nhận với lòng mình tôi vẫn mong ước sự êm đềm tĩnh lặng của một sự lãng quên kiểu đó theo linh cảm.

Vả lại, nỗi đau phải dứt bỏ tình cảm và chịu cảnh cô đơn ngày một phai nhạt dần vì một lý do khác: sự xa vắng ấy làm dịu bớt tình yêu vốn đã ăn sâu bén rễ trong lòng ta trong khi chờ ngày “chữa khỏi” nó. Tình yêu trong lòng còn khá mãnh liệt nên tôi thiết tha khôi phục lại toàn bộ ảnh hưởng của mình đối với Gilberte; ảnh hưởng ấy, tôi có cảm giác ngày một tăng dần do sự cách ly cố tình của mình; bởi vậy, mỗi một ngày tĩnh lặng và buồn bã tôi không gặp nàng cứ lần lượt trôi qua không ngừng, không nghỉ, không phải là một ngày mất đi mà là một ngày thắng lợi. Có lẽ là một thắng lợi vô bổ vì chẳng bao lâu sau người ta có thể tuyên bố tôi đã “khỏi bệnh”. Sự nhẫn nhục, một dạng thức của thói quen, cho phép một số sức mạnh phát triển không ngừng. Sức mạnh của tôi, vốn rất nhỏ nhoi trong khi phải chịu đựng nỗi phiền muộn vì bất hòa với Gilberte, nhưng từ ấy đã tăng tiến một cách khó có thể tính toán nổi. Tuy nhiên, mặc dù mọi thứ tồn tại trên đời đều có khuynh hướng kéo dài, đôi khi chúng vẫn bị gián đoạn bởi những xúc động đột ngột mà người ta bị lôi cuốn theo, không mấy trăn trở vì biết mình đã không được nếm trải chúng và sẽ còn có thể không được nếm trải trong biết bao ngày tháng nữa. Và thông thường, người ta đột nhiên dứt hết túi tiền tiết kiệm khi nó sắp đầy; người ta chấm dứt việc trị bệnh khi đã làm quen với nó mà không chờ kết quả điều trị. Một hôm bà Sawnn bảo tôi như thường lệ là Gilberte sẽ vui sướng được gặp tôi, đặt lại vào tầm tay tôi niềm hạnh phúc mà tôi tự khước từ đã từ bao lâu. Lòng tôi bỗng xao xuyến khi hiểu ra rằng mình vẫn còn có thể nếm hưởng niềm hạnh phúc ấy. Tôi khó có thể đợi chờ đến ngày hôm sau và quyết định bất chợt đến gặp Gilberte trước bữa ăn tối.

Một dự định giúp tôi kiên nhẫn chịu đựng được cả một ngày đằng đẳng. Vì mọi cái đều đã bị lãng quên, vì tôi đã dần hòa với Gilberte nên tôi chỉ còn

muốn gặp nàng với tư cách người yêu. Hàng ngày nàng sẽ nhận được của tôi những bông hoa đẹp nhất trên đời. và nếu bà Swann không cho phép tôi hàng ngày gửi hoa tới tuy bà không có quyền làm một người mẹ quá nghiêm ngặt, thì tôi sẽ tìm những món quà quý giá hơn và đưa tới ít thường xuyên hơn. Bố mẹ tôi không cho tôi đủ tiền để mua những thứ đắt tiền. Tôi nghĩ tới một chiếc đồng hồ Tà cổ cỡ lớn của bà cô Léonie để lại và mẹ tôi luôn luôn tiên đoán là có ngày Françoise sẽ đánh vỡ tan tành không còn một mảnh. Tôi nghĩ bụng có thể bán một nghìn quan. Tôi gói lại mang đi trước khi tới gia đình Swann và bảo anh chàng xà ích cho xe chạy về hướng Vườn hoa Élysée. Ở góc Vườn hoa có một cửa hiệu lớn buôn đồ Tà cổ, chủ hiệu quen biết bố tôi. Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy được trả ngay không phải một nghìn mà là mười nghìn quan. Tôi hân hoan cầm tiền. Tôi sẽ có thể tha hồ tặng Gilberte hoa hồng và hoa tử đinh hương trong suốt một năm. Gia đình Swann ở gần rừng Boulogne, anh chàng xà ích cho xe chạy dọc theo đại lộ Vườn hoa Élysée. Xe vừa vượt qua góc phố Berri thì trong bóng hoàng hôn nhập nhoạng, và ở gần sát nhà Swann, tôi như nhận ra bóng dáng Gilberte bước đi ngược chiều tôi, chậm rãi nhưng với vẻ dứt khoát và vừa đi vừa trò chuyện với một chàng trai mà tôi không nhìn rõ mặt. Tôi nhồm dậy trong xe, định bảo dừng xe lại, nhưng rồi lưỡng lự. Cặp trai gái ấy dạo bước đã cách xa một quãng, và hai bóng người in song song trên mặt đường mờ dần cạnh Vườn hoa. Tôi bước tới nhà Swann. Bà Swann tiếp tôi:

- À! Con bé chắc sẽ buồn lắm đấy, tôi không hiểu sao nó không có nhà. Nó bảo muốn đi hít thở chút không khí với một cô bạn.

- Hình như tôi vừa nhìn thấy cô ấy trên đại lộ Vườn hoa Élysée.

- Tôi nghĩ có lẽ không phải nó đâu. Đau sao cậu cũng đừng nói với bố nó; ông ấy không muốn nó đi chơi vào những giờ này, *good evening*⁽²²⁹⁾.

Ra về, tôi bảo xà ích trở lại con đường cũ, nhưng không gặp lại cặp trai gái đi dạo chơi kia nữa. Họ đi đâu? Nói với nhau những gì trong đêm tối, với cái vẻ thân tình nọ?

Tôi về nhà, thất vọng, tay nắm số tiền mười nghìn quan không ngờ mà có: lẽ ra nó có thể cho phép tôi mang lại biết bao niềm vui nho nhỏ cho Gilberte mà giờ đây tôi quyết không gặp lại nữa. Dĩ nhiên lúc ở cửa hiệu buôn đồ cổ, lòng tôi tràn ngập hân hoan vì hy vọng nàng sẽ hài lòng và biết ơn mình. Nhưng giá không tới cửa hiệu và xe không xuôi đại lộ Vườn hoa Élysée thì tôi đã không gặp Gilberte và chàng trai nọ. Thế là cùng một sự kiện nhưng lại có những “cành nhánh” đối lập nhau, và tai họa nó gây nên

làm tiêu tan niềm hạnh phúc nó vừa mang lại. Điều trái ngược những gì thường xảy ra đã đến với tôi. Chúng ta mong ước một niềm vui, nhưng lại không có phương tiện vật chất để đạt tới niềm vui ấy. La Bruyère⁽²³⁰⁾ từng viết:

“Yêu mà không giàu có thì thật đáng buồn”.

Người ta chỉ còn cách cố gắng tiêu diệt dần dà khát vọng vươn tới niềm vui ấy. Ngược lại, đối với tôi, phương tiện vật chất đã nằm trong tay; nhưng ngay lúc ấy, niềm vui đã bị tước đoạt, nếu không phải do một hệ quả logic thì ít nhất cũng vì một hậu quả ngẫu nhiên của vận may ban đầu ấy. Và lại, hình như niềm vui của chúng ta bao giờ cũng bị tước đoạt như vậy, tuy thông thường không bị tước đoạt ngay nhồn tiền: chúng ta vẫn tiếp tục cố gắng hy vọng trong một thời gian. Nhưng hạnh phúc không bao giờ xảy tới. Nếu khắc phục được hoàn cảnh thì tạo vật chuyển cuộc đấu tranh từ ngoại cảnh vào nội tâm; dần dà chúng ta thay lòng đổi dạ và ước mong cái gì khác điều mình sắp nắm bắt được. Và nếu sự biến động xảy ra quá nhanh khiến lòng dạ ta không kịp đổi thay, thì cũng không phải vì vậy mà tạo vật không còn hy vọng chiến thắng chúng ta, tuy chậm rãi hơn, tinh tế hơn nhưng cũng có hiệu quả hơn. Đen giây phút chót, khả năng bắt hạnh phúc mới bị tước đoạt, hay nói đúng hơn, tạo vật, bằng mưu ma chước quỷ, giao cho chính cái khả năng ấy hủy diệt hạnh phúc. Thất bại trong mọi rĩnh vực sự kiện và đời sống, tạo vật gây nên một tình thế vô vọng cuối cùng: về mặt tâm lý, người ta không còn một chút ảo vọng đạt tới hạnh phúc. Hạnh phúc không đến với người ta hoặc người ta chỉ có những phản ứng hết sức chua xót.

Tôi nắm chặt số tiền mười nghìn quan. Nhưng chúng chẳng có ích lợi gì nữa. Và lại tôi phung phí chúng nhanh hơn nhiều nếu giả thử so sánh với việc hàng ngày tôi mua hoa gửi tặng Gilberte. Mỗi khi bóng chiều buông xuống, tôi đau khổ tới mức không sao ở nhà được và chạy đến khóc tức tưởi trong vòng tay những người đàn bà mình không hề yêu. Còn tìm cách tạo cho Gilberte một niềm vui nào đó thì tôi không mong ước nữa. Giờ đây giá có trở lại gia đình Gilberte thì chỉ đau khổ mà thôi. Và dù có gặp Gilberte cũng không đủ nữa tuy ngày hôm trước, đó là niềm ao ước hết sức tha thiết của mình, vì tôi sẽ lo lắng bồn chồn trong suốt những giờ phút không ở cạnh nàng. Mỗi khi bất giác làm chúng ta đau khổ, người đàn bà tăng thêm quyền lực đối với chúng ta nhưng cũng đồng thời tăng thêm những đòi hỏi của ta đối với nàng. Bằng nỗi đau ấy, nàng càng lưu luyến thêm chúng ta, siết chặt thêm xích xiềng đối với ta, nhưng cũng đồng thời

củng cố thêm những xích xiềng mà cho tới lúc bấy giờ chúng ta nghĩ là đã đủ để trói chặt nàng và làm chúng ta yên lòng. Chỉ ngày hôm trước thôi, giá không nghĩ mình đã làm Gilberte khó chịu thì tôi chỉ đòi hỏi một vài buổi gặp gỡ; nhưng giờ đây, chỉ có thế thì không đủ thỏa mãn nữa và tôi sẽ thay thế bằng nhiều điều kiện khác. Trái với tình hình xảy ra sau chiến trận, trong tình yêu, càng thất bại, người ta càng đặt ra những điều kiện ngặt nghèo hơn, nặng nề hơn nếu người ta có cơ hội đặt điều kiện. Đó không phải là trường hợp của tôi đối với Gilberte. Bởi vậy trước hết tôi không muốn trở lại nhà mẹ nàng. Tôi vẫn nghĩ bụng là Gilberte không yêu mình, là tôi biết như vậy từ lâu, là tôi có thể gặp lại nàng nếu mình muốn, và nếu không muốn thì

có thể quên hẳn nàng. Nhưng tựa một vị thuốc không có tác dụng chống lại một số bệnh tật, những ý nghĩ ấy không mấy may có hiệu quả chống lại hình bóng Gilberte và chàng trai chậm rãi sánh bước trên đại lộ Vườn hoa Élysée thảnh thơi xuất hiện trước mặt tôi. Đây là một nỗi đau mới, nó cũng sẽ dần dần nhạt phai; hình ảnh ấy sẽ có ngày hiện lên trong trí óc tôi sau khi đã hoàn toàn gạn hết tất cả mọi độc tố, giống như những chất độc chết người mà người ta điều khiển một cách an toàn, như một chút chất nổ người ta có thể dùng để châm điếu thuốc mà không sợ bùng nổ. Trong lúc chờ đợi, trong tôi có một sức mạnh khác, quyết liệt chống lại cái sức mạnh độc hại gợi lên một cách bất di bất dịch trong trí óc tôi cuộc dạo chơi của Gilberte trong bóng hoàng hôn: để bẻ gãy những cuộc tấn công lặp đi lặp lại của ký ức, trí tưởng tượng của tôi hoạt động một cách hữu ích theo hướng ngược lại. Dĩ nhiên sức mạnh thứ nhất trên đây tiếp tục gợi lên trước mắt tôi hình ảnh cặp trai gái dạo bước trên đại lộ Vườn hoa Élysée và những hình ảnh khó chịu khác, hiện lên từ quá khứ, chẳng hạn hình ảnh Gilberte nhún vai khi mẹ nàng bảo ở lại nhà với tôi. Nhưng sức mạnh thứ hai, hoạt động trên cơ sở những nỗi niềm hy vọng của tôi, vẽ nên một bức tranh tương lai tươi đẹp phát triển hơn nhiều so với cái quá khứ hết sức hạn hẹp. Nếu có một phút tôi hình dung gặp lại Gilberte bực bõ thì trái lại, có biết bao nhiêu giờ phút tôi tưởng tượng nàng tìm cách hoạt động để chúng tôi làm lành với nhau, và có khi có thể cho cả sự đính hôn của chúng tôi nữa! Quả là thử sức mạnh mà trí tưởng tượng hướng về tương lai, dầu sao, nó cũng tìm cách khai thác trong quá khứ. Nỗi lòng phiền muộn của tôi vì cái nhún vai của Gilberte phai nhạt dần đi bao nhiêu, thì ký ức về sức quyến rũ của nàng cũng mờ dần đi bấy nhiêu, ký ức ấy khiến tôi ao ước nàng trở lại làm lành. Nhưng quá khứ chưa hề chết trong lòng tôi. Tôi vẫn một mực yêu người con gái mà thực sự tôi nghĩ là bị mình ghét bỏ. Mỗi khi người ta thấy tôi đầu tóc chải chuốt, sắc mặt vui tươi là khi tôi muốn nàng hiện diện. Tôi bực mình thấy nhiều người vào thời kỳ ấy muốn tiếp đón mình và bị tôi khước từ. Ở gia đình tôi đã xảy ra một vụ bất hòa vì tôi không đi theo bố tôi dự một bữa ăn tối do các nhà chức trách tổ chức và trong đó có mặt

Ông bà Bontemps cùng cô cháu gái Albertine, một cô gái hầu như còn trẻ thơ. Các thời kỳ khác nhau của cuộc đời chúng ta đan xen nhau như thế đấy. Vì điều mình yêu mến hôm nay sẽ có ngày trở nên dừng dưng, nên người ta khinh khỉnh khước từ cái điều hôm nay dừng dưng đối với mình nhưng ngày mai mình sẽ yêu mến và có lẽ có thể yêu mến sớm hơn nếu

không có thái độ khước từ, và do vậy rút ngắn bằng những nỗi đau khổ khác. Những nỗi đau khổ của riêng tôi thì ngày một đổi thay. Tôi ngạc nhiên thấy trong thâm tâm mình, hôm nay thì tình cảm này, ngày hôm sau lại một tình cảm khác; thông thường gây nên những tình cảm ấy là niềm hy vọng này hoặc nỗi sợ hãi nọ liên quan tới Gilberte, một Gilberte tôi mang nặng hình ảnh trong lòng. Lẽ ra tôi phải tự bảo mình là một nàng Gilberte khác, nàng Gilberte bằng xương bằng thịt, có lẽ hoàn toàn khác nàng Gilberte ấy và không biết tới mọi nỗi niềm luyến tiếc mà tôi gán cho nàng; có thể chẳng những nàng ít nghĩ tới tôi hơn là tôi nghĩ tới nàng, mà còn ít hơn cả ý nghĩ của tôi cho rằng nàng nghĩ tới mình khi chỉ có một mình tôi mặt đối mặt với nàng Gilberte trong tâm tưởng tôi, khi tôi tìm cách biết được ý đồ thực sự của nàng đối với mình và hình dung nàng luôn luôn chú ý tới mình.

Khi nỗi lòng phiền muộn của chúng ta vẫn dai dẳng tuy có dịu bớt, cần phân biệt giữa một bên là nỗi niềm mà ý nghĩ thường xuyên của bản thân người yêu gây ra, với một bên là nỗi niềm do một vài kỷ niệm gợi lại, chẳng hạn một lời thô bạo, một động từ không thỏa đáng trong một lá thư. Nếu phải miêu tả những nỗi phiền muộn khác nhau về một mối tình sau này thì phải nói rằng nỗi niềm thứ nhất ít nhức nhối hơn nhiều so với nỗi niềm thứ hai. Như vậy vì hình ảnh người yêu luôn luôn sống trong lòng ta, được điểm tô bằng ánh hào quang mình sẵn sàng tưởng tượng ra, và nó thắm đậm, nếu không phải vị ngọt thường xuyên của hy vọng, thì ít nhất cũng cái tĩnh lặng của một nỗi buồn âm thầm. (Và lại, cần lưu ý rằng hình ảnh con người làm chúng ta đau khổ giữ vị trí chẳng mấy quan trọng khi những tình thế phức tạp làm trầm trọng thêm nỗi buồn trong yêu đương, kéo dài nó và ngăn cản không cho nó chấm dứt, giống như trong một số bệnh tật, nguyên nhân gây bệnh kéo dài). Nhưng nếu ý nghĩ của ta về người yêu tiếp nhận được ánh hào quang của một đầu óc thường là lạc quan thì trái lại, tình hình không phải như thế đối với những kỷ niệm đặc biệt, những lời nói độc ác, đối với lá thư thù hận (lá thư thù hận duy nhất tôi nhận được của Gilberte); có thể nói bản thân người yêu nằm trong những mảnh hết sức nhỏ nhoi, nhưng được nâng lên thành một sức mạnh khó có thể có trong ý nghĩ thường ngày của chúng ta về toàn bộ con người ấy. Như vậy là vì chúng ta không chiêm nghiệm lá thư với nỗi lòng luyến tiếc bình tĩnh như chiêm nghiệm hình ảnh người yêu; chúng ta đọc thư, đọc ngẫu nhiên với nỗi kinh hoàng khủng khiếp như vì một tai họa bất ngờ. Những nỗi niềm sâu muộn loại này hình thành một cách hoàn toàn khác; chúng đến từ bên ngoài, và

thâm nhập vào tận con tim ta theo con đường đau khổ nhức nhối nhất. Hình ảnh người bạn gái mà chúng ta ngỡ là hình ảnh xưa kia, hình ảnh đích thực, thực ra do chúng ta tái tạo nhiều lần. Còn kỷ niệm đau thương thì không cùng thời với hình ảnh được tái tạo ấy; nó thuộc một thời kỳ khác và là một trong những chứng nhân hiếm hoi của một quá khứ quá khứ. Nhưng vì quá khứ ấy tiếp tục tồn tại, chỉ trừ trong con người chúng ta trong đó nó được thay thế bằng một thời kỳ hoàng kim diệu kỳ, một chốn thiên đường hòa hợp được mọi người, nên những kỷ niệm ấy, những lá thư ấy đều nhắc lại thực trạng và do nỗi đau đột ngột chúng gây nên, làm chúng ta cảm thấy mình xa cách thực tại ấy biết chừng nào khi mình hy vọng một cách cuồng dại trong sự đợi chờ hàng ngày. Như vậy đâu phải vì thực tại bao giờ cũng vẫn y nguyên, tuy tình hình ấy thỉnh thoảng có xảy ra. Trong cuộc đời chúng ta có không ít người đàn bà mình không bao giờ tìm cách gặp lại và dĩ nhiên đã đáp lại sự im lặng tuyệt nhiên không cố tình của chúng ta bằng một sự im lặng tương tự. Chỉ có điều vì chúng ta không yêu nên không tính đến những năm tháng sống xa họ và không chú ý tới trường hợp ấy khi lập luận về tính hiệu quả của sự xa cách vì trường hợp ấy phủ định hiệu quả này, giống như những người tin vào dự cảm của mình không quan tâm tới những trường hợp dự cảm không được kiểm nghiệm.

Nhưng rốt cuộc sự xa cách có thể có hiệu quả. Lòng ham muốn, khát khao gặp lại nhau rốt cuộc nảy sinh trở lại trong trái tim hiện giờ hờ hững đối với chúng ta. Chỉ có điều là cần có thời gian. Thế nhưng đòi hỏi của chúng ta về mặt thời gian cũng không kém kỳ cục so với những yêu sách của con tim dễ đổi thay. Trước hết, thời gian chính là điều chúng ta khó có thể chấp nhận hơn cả vì chúng ta đau nhức nhối và mong sao nỗi đau ấy sớm chấm dứt. Sau nữa, thời gian cần thiết cho trái tim người yêu đổi thay, trái tim ta cũng cần tới để bản thân nó cũng thay đổi. Bởi vậy khi mục đích chúng ta đặt ra cho mình có thể với tới được thì nó không còn là mục đích đối với mình nữa. và lại bản thân ý nghĩ cho rằng mục đích ấy có thể với tới, rằng không có niềm hạnh phúc nào chúng ta không đạt được, khi nó không còn là hạnh phúc đối với mình nữa, ý nghĩ ấy là bao hàm một phần chân lý, nhưng chỉ một phần thôi. Hạnh phúc đến với chúng ta khi chúng ta đã dừng dừng đối với nó. Nhưng chính sự dừng dừng ấy làm chúng ta bớt yêu sách và cho phép chúng ta về sau tin rằng hạnh phúc ấy có thể làm chúng ta hoan hỉ vào một thời kỳ mà rất có thể chúng ta cho là nó rất không trọn vẹn. Người ta không thật khó tính nhưng cũng không thật dễ dãi đối với những gì mình không mấy may quan tâm. Thái độ dễ thương

của người mình không yêu thương nữa và hình như vẫn thái quá đối với sự dửng dưng của mình, rất có thể không sao thỏa mãn nỗi tình yêu của chúng ta. Chúng ta nghĩ tới niềm vui mà những lời nói ngọt ngào, một buổi hò hẹn mang tới cho mình, chứ không nghĩ tới tất cả những gì mình ước ao tiếp diễn ngay sau đó vì nỗi lòng khao khát ấy có thể ngăn cản chúng xuất hiện. Bởi vậy niềm hạnh phúc đến với người ta muộn màng khi người ta thôi không còn yêu nữa, đâu phải hoàn toàn là niềm hạnh phúc mà trước kia vì không với tới được, người ta từng chịu biết bao đau khổ. Một người duy nhất có thể quyết định niềm hạnh phúc ấy, con người ấy là cái tôi của chúng ta lúc bấy giờ; giờ đây nó không tồn tại nữa; và phải chăng chỉ cần nó trở lại là hạnh phúc tiêu tan, dù có giống hay không niềm hạnh phúc xưa kia? Trong lúc chờ đợi những gì xảy ra sau một giấc mơ mà tôi không còn thiết tha nữa, và do tưởng tượng ra giống như vào thời kỳ mới quen biết nàng, những lời lẽ, những lá thư Gilberte gửi tới năn nỉ tôi tha lỗi, thú nhận bao giờ cũng chỉ yêu riêng một mình tôi, ngỏ ý muốn cùng tôi kết hôn, cuối cùng một loạt hình ảnh êm đềm kế tiếp nhau chiếm trong đầu óc tôi nhiều chỗ hơn là cái ảo ảnh về Gilberte và chàng trai nọ, ảo ảnh ấy giờ đây không còn nguồn tiếp sức nào nữa. Có lẽ tôi có thể quay lại nhà bà Swann ngay lúc ấy nếu không nằm mơ thấy một anh bạn, hành động hết sức xảo trá đối với tôi và cũng cho là tôi xảo trá không kém. Bừng tỉnh đột ngột vì nỗi xót xa do giấc mơ gây nên và trong lúc nỗi đau xót ấy chưa chấm dứt, tôi vẫn nghĩ tới giấc mơ, tìm cách nhớ lại anh bạn mình gặp trong giấc ngủ; tên tuổi bằng tiếng Tây Ban Nha của anh ta tôi không phân biệt được là của ai nữa. Và là Joseph⁽²³¹⁾ vừa là Pharaon⁽²³²⁾ tôi bắt đầu lý giải giấc mơ. Tôi biết là trong nhiều giấc mơ, không nên quan tâm tới bề ngoài con người, họ có thể cải trang và đổi bộ mặt cho nhau, giống nhau như vị thánh bị hủy hoại thân thể ở các nhà thờ mà các nhà khảo cổ học dốt nát đã phục chế bằng cách “đem râu ông nọ cắm cằm bà kia”. Tên tuổi của con người trong giấc mơ có thể đánh lừa chúng ta. Trong mơ, chỉ có thể nhận biết người chúng ta yêu thương bằng sức mạnh của nỗi đau mình cảm nhận mà thôi. Nỗi đau của riêng mình cho tôi hay rằng con người vừa biến thành một chàng trai trong giấc ngủ của tôi và sự nguy trang vừa qua của con người ấy đến nay vẫn còn làm tôi đau buồn, con người ấy chính là Gilberte. Tôi bỗng nhớ lại lần gặp gỡ cuối cùng, hôm mẹ nàng không cho phép tôi tới dự một buổi khiêu vũ, nàng vừa cười một cách kỳ lạ vừa hoặc thành thực hoặc vờ vĩnh không chịu tin tấm thịnh tình của tôi. Bằng liên tưởng, kỷ niệm ấy dẫn tới một kỷ niệm khác trong ký ức tôi. Trong một thời gian

dài trước kia, Swann không tin tấm lòng thành thực của tôi, không tin tôi là người bạn tốt của Gilberte. Mọi lá thư tôi viết cho ông đều vô ích, Gilberte đưa trả lại bao giờ cũng với một nụ cười khó hiểu như nhau. Nàng không trả thư ngay, tôi vẫn còn nhớ như nguyên cảnh tượng xảy ra phía sau khóm trúc đào. Người ta trở thành con người có đức hạnh trong đau khổ. Thái độ thù ghét hiện nay của Gilberte, tôi cảm thấy như một thứ trừng phạt của cuộc đời vì cách ứng xử của mình hôm ấy. Người ta cứ tưởng tránh được trừng phạt vì chú ý tới xe cộ lúc qua đường, vì tránh hiểm họa. Nhưng có những hiểm họa nội tâm. Nó đến từ phía người ta không nghĩ tới, từ bên trong, từ con tim. “Nếu anh muốn, chúng ta cứ tiếp tục giằng co” câu nói của Gilberte làm tôi kinh hoàng. Tôi hình dung nàng như vậy, có lẽ ở nhà nàng, trong buồng để quần áo, cùng với chàng trai tôi trông thấy đi theo nàng trên đại lộ Vườn hoa Élysée. Thế là giờ đây, khi đã khước từ hạnh phúc, tôi thật dại dột tin chắc rằng ít nhất mình cũng đã bình tâm và vẫn tiếp tục có thể bình tâm chẳng khác nào (trước đây ít lâu) tôi tin rằng mình đang yên ổn nếm hưởng những giờ phút hạnh phúc. Khi trái tim luôn luôn ấp ủ hình ảnh một người khác thì không phải chỉ hạnh phúc của mình bất kỳ lúc nào cũng có thể tiêu tan; khi hạnh phúc ấy đã thành mây khói, khi chúng ta đã đau khổ và sau đó lãng quên được khổ đau thì sự yên tĩnh trong lòng cũng chỉ là phỉnh phờ và mong manh chẳng khác nào bản thân niềm hạnh phúc trước kia. Cuối cùng tôi lấy lại được sự yên tĩnh ấy vì những gì được đưa vào đầu óc chúng ta qua một giấc mơ và làm thay đổi trạng thái tinh thần, thay đổi dự vọng của chúng ta, những cái đó cũng dần dà tiêu tan: không có gì, kể cả khổ đau, là thường trực, vĩnh viễn, vả lại, cũng như người ta nói về một vài bệnh nhân, những người đau khổ vì tình yêu là thầy thuốc của chính bản thân mình. Vì chỉ có người làm họ đau khổ là có thể an ủi họ và vì nỗi đau ấy phát sinh từ chính bản thân họ nên rốt cuộc họ tìm thấy phương thuốc trong chính nỗi đau ấy. Vào một lúc nào đó, chính nỗi đau mách bảo họ phương thuốc, vì nỗi đau trăn trở trong lòng tới đâu thì nó để lộ một khía cạnh khác của con người mình luyện tể tới đó, khi thì dễ ghét tới mức thậm chí mình không muốn gặp mặt nữa vì trước khi vui vẻ với nàng phải làm nàng đau khổ, khi thì dịu dàng đến độ người ta có lý do để hy vọng. Nhưng nỗi đau tái diễn trong tôi dù có dịu bớt cũng vô ích, tôi chỉ muốn rất ít khi trở lại nhà bà Swann. Trước hết vì ở những người đang yêu và bị bỏ rơi, cảm giác chờ đợi chất chứa trong lòng - dù là một sự đợi chờ không nói ra - tự bản thân nó luôn luôn biến đổi và đem một trạng thái tình cảm thứ hai hoàn toàn trái ngược thay thế cho trạng thái thứ nhất, là sự

phản ánh những nỗi đau xót ngẫu nhiên từng làm chúng ta xao xuyến. Nỗi lòng chờ đợi những gì có thể xảy ra đan xen với khiếm hãi, nhất là vì lúc ấy chúng ta mong muốn tự mình hành động nếu không có gì đến với mình từ phía người đàn bà mình yêu thương; và chúng ta không biết rõ sẽ ra sao kết quả của một hành vi mà sau đó có lẽ không bao giờ mình còn có khả năng thực hiện một hành vi khác nữa. Nhưng chẳng bao lâu, trong lúc mình không hề hay biết, chúng ta lại vẫn chờ đợi không phải vì hồi tưởng quá khứ mình từng trải qua, mà vì hy vọng vào một tương lai trong tưởng tượng. Từ ấy, nỗi đợi chờ đó hầu như thú vị. Và nỗi mong chờ lần đầu, trong lúc kéo dài chút ít, làm chúng ta quen sống trong hy vọng. Nỗi đau trong những buổi hẹn hò trước kia còn dai dẳng trong ta nhưng đã lắng dịu. Chúng ta chẳng việc gì phải vội vã nhen nhóm lên một nỗi đau khổ mới, nhất là mình đâu có biết rõ giờ đây mình đòi hỏi những gì. Khi đòi hỏi nhiều hơn, dù chỉ nhiều hơn chút đỉnh, ở người đàn bà mình yêu thương, chúng ta chỉ làm cho những gì mình không có trở nên cần thiết hơn, và dù thế nào đi nữa, những cái đó vẫn là bất di bất dịch vì nhu cầu của chúng ta nảy sinh từ sự mãn nguyện của chính mình.

Lại còn thêm một lý do khiến tôi chấm dứt hoàn toàn những buổi viếng thăm bà Swann. Lý do muộn mằn này không phải là ở chỗ tôi đã quên Gilberte, mà là ở chỗ cố quên nàng nhanh hơn. Dĩ nhiên, từ khi lòng tôi không còn nhức nhối nữa, những buổi viếng thăm bà Swann trở lại là một thứ thuốc an thần, một trò khuây khỏa đối với nỗi buồn còn rơi rớt; buổi đầu, những thứ đó từng quý giá biết chừng nào! Nhưng nếu vị “thuốc an thần” có hiệu quả thì trái lại, nó cũng tác hại tới “trò khuây khỏa” vì kỷ niệm về Gilberte gắn bó mật thiết với những cuộc viếng thăm bà Swan. Sự giải khuây chỉ có thể bổ ích đối với tôi nếu nó đưa những ý nghĩ, những mối quan tâm, những niềm mê say không còn dính dáng gì tới Gilberte nữa vào cuộc giao tranh với một tình cảm không còn được sưởi ấm bởi sự có mặt của nàng. Những trạng thái ý thức mà người mình yêu thương không một chút quan tâm ấy chiếm một vị trí dù lúc đầu hết sức nhỏ bé

nhưng vẫn là một chỗ ẩn náu đối với tình yêu vẫn chiếm toàn bộ tâm hồn chúng ta. Phải tìm cách nuôi dưỡng, phát triển những ý nghĩ ấy, trong lúc tình cảm nhạt phai dần và chỉ còn là một chút kỷ niệm; những tình cảm mới sẽ ngày một giành giật và cuối cùng chiếm đoạt hoàn toàn tâm hồn chúng ta. Tôi nhận ra đây là cách duy nhất để giết chết một mối tình; tôi còn đủ sức thanh xuân và can đảm để thử tìm cách làm xem, để chịu đựng nỗi đau đớn nhức nhối nhất vì tin chắc rằng dù có tốn bao nhiêu thời gian đi nữa, cuối cùng người ta cũng sẽ giết chết tình yêu. Trong thư gửi Gilberte, tôi giải bày lý do không nhận lời gặp nàng là những lời bóng gió tới một sự hiểu lầm khó hiểu, hoàn toàn giả tạo, hình như xảy ra giữa nàng và tôi và lúc đầu tôi hy vọng nàng yêu cầu tôi giải bày. Nhưng trên thực tế, ngay cả trong những mối quan hệ nhỏ nhoi nhất trên đời, người trao đổi thư tín với ta cũng không đòi hỏi phải được làm sáng tỏ khi biết một câu tối nghĩa, đối trá và buộc tội được bày đặt ra cốt để cho người đó phản đối và vì vậy cảm thấy sung sướng trước sau mình vẫn làm chủ hành động của mình. Tình hình lại càng như vậy trong những mối quan hệ đậm ấm hơn, trong đó tình yêu xiết bao hùng hồn, còn sự dửng dưng thì hết sức nhạt nhẽo. Gilberte không nghi ngờ mà cũng không tìm cách nắm bắt sự hiểu lầm ấy nên đối với tôi nó trở thành một cái gì có thực mà tôi không ngừng nhắc tới trong mỗi lá thư. Và trong những tình thế cố hiểu lầm ấy, trong khi giả vờ lạnh nhạt, như có một phù phép làm người ta tiếp tục hành động. Trước sau tôi vẫn viết:

“Từ khi trái tim hai chúng ta chia ly”, để mong Gilberte phúc đáp:

“Nhưng chúng ta đâu có chia ly, chúng ta phải giải bày với nhau cho tỏ tường”.

Rốt cuộc tôi đành nín trái tim hai chúng tôi chia ly. Tôi nhắc đi nhắc lại:

“Cuộc đời đã có thể thay đổi đối với chúng ta” vì muốn được nghe trả lời:

“Nhưng chẳng hề có gì thay đổi, tình cảm ấy mặn nồng hơn bao giờ hết”.

Bởi vậy tôi luôn luôn vương vấn ý nghĩ là quả cuộc đời đã đổi thay, là chúng tôi chỉ còn giữ lại kỷ niệm về những tình cảm đã không còn nữa, giống như một số người đầu óc căng thẳng vì giả vờ ốm đau nên rốt cuộc nằm mãi trên giường bệnh. Giờ đây, mỗi khi cần viết thư cho Gilberte, là tôi nói tới sự đổi thay tưởng tượng ấy; được mặc nhiên thừa nhận qua thái độ im lặng của nàng về vấn đề này trong thư trả lời, sự đổi thay tồn tại dai dẳng giữa hai chúng tôi. Nhưng rồi Gilberte thôi không giữ thái độ thụ động nữa. Bản thân nàng chấp nhận quan điểm của tôi; và giống như trong những buổi nâng cốc ngoại giao, vị Quốc trưởng được đón tiếp hầu như lặp

lại những lời vị Quốc trưởng-chủ nhà vừa mới nói, mỗi khi tôi viết thư cho Gilberte với lời lẽ:

“Cuộc sống đã có thể chia ly chúng ta, nhưng kỷ niệm về thời kỳ chúng ta quen nhau sẽ trường cửu”, là nàng trả lời:

“Cuộc sống đã có thể chia ly chúng ta, nhưng không thể làm chúng ta quên những giờ phút tốt đẹp chúng ta sẽ mãi mãi trân trọng” (chúng tôi khó có thể nói vì sao “cuộc sống” đã chia ly chúng tôi, và sự đổi thay nào đã xảy ra).

Tôi không còn quá đau khổ nữa. Nhưng một hôm, trong thư gửi cho nàng, tôi báo tin cái chết của bà bán đường đại mạch ngày trước cho chúng tôi ở Vườn hoa Élysée. Vừa viết xong câu:

“Tôi nghĩ⁽²³³⁾ điều đó làm cô buồn, và trong lòng
tôi, nó khuấy

động⁽²³⁴⁾ lên nhiều kỷ niệm”, tôi không sao ngăn được nước mắt khi thấy mình dùng thì quá khứ để nói về mối tình mà dù có không muốn đi nữa tôi vẫn không ngừng nghĩ tới nó như vẫn còn nguyên vẹn. Thư Gilberte cũng tinh tế như thư từ tôi viết cho những người không thân thiết và cũng tỏ bày những tình cảm thương mến ngọt ngào.

Vả lại, càng ngày tôi càng bớt đau khổ mỗi khi không nhận lời tới gặp nàng. Và vì mỗi ngày nàng một trở nên ít thân thiết hơn nên những kỷ niệm đau xót không còn đủ sức mạnh làm tiêu tan niềm hứng thú trong lòng tôi mỗi khi nghĩ tới Florence hay Venise, mặc dù những kỷ niệm ấy không ngừng trở đi trở lại. Vào những lúc ấy, tôi ân hận đã khước từ ngành ngoại giao và sống một cuộc đời tại chỗ để khỏi phải xa một người con gái mà mình không còn gặp nữa và hầu như mình đã lãng quên. Chúng ta xây đắp cuộc đời vì một con người nhưng khi cuối cùng có thể đón nhận người ấy vào đời mình thì người ta lại không tới, rồi sau đó trở thành người đã chết đối với chúng ta; còn chúng ta thì sống như bị cầm tù trong tất cả những gì vốn chỉ dành cho nàng. Nếu hình như Venise quá xa xăm đối với bố mẹ tôi và quá sôi động đối với tôi, thì ít ra tôi có thể dễ dàng đến ở Balbec mà không vất vả gì. Nhưng muốn thế thì phải rời bỏ Paris, khước từ những buổi viếng thăm tuy hết sức hiếm hoi vẫn cho phép tôi thỉnh thoảng nghe bà Swann nói chuyện về con gái bà. Hơn nữa trong những buổi viếng thăm ấy, tôi bắt đầu tìm thấy thú vui này, thú vui nọ hoàn toàn không đáng gì tới Gilberte.

Gần tới mùa xuân, trong giá lạnh những ngày mưa tuyết tuần lễ Thánh (trước lễ Phục sinh), những hôm tới thăm bà Swann, tôi thường thấy bà tiếp khách, mình bận những chiếc áo lông, hai bàn tay và hai vai run rẩy bịt kín trong tay áo và cổ áo trắng muốt lấp lánh bằng lông chuột hương và giống như những mảng tuyết mùa đông cuối cùng; chúng dai dẳng hơn những mảng tuyết khác, sưởi ấm của lửa và tiện nghi của phòng khách cũng không làm tan nổi. Đối với tôi, toàn bộ quang cảnh những tuần lễ giá lạnh nhưng đã báo hiệu mùa xuân trong phòng khách này hiện qua những màu trắng khác say mê hơn, ví dụ những bông nụ tuyết tập trung trên đỉnh những cành nhánh cao vút trơ trụi, giống như những thân cây vẽ thành đường thẳng của các họa sĩ trước thời Raphael⁽²³⁵⁾, những nụ hoa tròn li ti trắng muốt tựa các thiên thần báo mộng và phảng phất hương chanh. Nữ chủ nhân lâu đài Tansonville biết tháng Tư tuy giá lạnh vẫn không thiếu hoa, và mùa đông, mùa xuân, mùa hạ không bị phân cách bởi những bức vách kín mít như kiểu những anh chàng phong lưu công tử cho tới khi có những ngày nắng ấm đầu tiên vẫn hình dung thế giới như chỉ chứa đựng những căn nhà trần trụi dưới mưa. Dù bà Swann bằng lòng với những bó hoa người làm vườn ở Combray gửi tới và không mua thêm của bà hàng hoa quen thuộc những thứ hoa đầu mùa của vùng Địa Trung Hải, tôi cũng chẳng quan tâm. Cánh ống tay áo trắng muốt như tuyết của bà Swann những cành nụ tuyết nhắc nhở tôi rằng phép lạ của ngày thứ Sáu trước lễ Phục sinh là biểu tượng của một điều diệu kỳ tự nhiên người ta có thể chứng kiến hàng năm nếu biết sống tử tế; phảng phất mùi hương của những loài hoa khác tôi không biết tên nhưng đã khiến tôi dừng bước rất nhiều lần trong những buổi dạo chơi ở Combray, những bông nụ tuyết làm phòng khách bà Swann trở nên trinh khiết, nở đầy hoa mà không có lấy một chiếc lá nhỏ và sức nức những hương vị đắm thắm tựa con đường dốc nhỏ ở Tansonville. Lòng tôi xao xuyến nhớ tới cảnh đồng quê.

Kỷ niệm về con đường ấy làm tôi vương vấn không dứt nổi chút tình còn lại trong lòng đối với Gilberte. Bởi vậy tuy hoàn toàn không còn đau khổ trong những buổi viếng thăm bà Swann, tôi vẫn tìm cách bớt thăm bà. Cùng lắm tôi cũng chỉ nhận cùng bà đi dạo chơi một vài buổi vì tôi tiếp tục ở lại Paris. Cuối cùng những ngày đẹp trời và ánh nắng xuất hiện trở lại. Tôi biết bà Swann đi dạo chơi trong một tiếng trước bữa ăn trên đại lộ rừng Boulogne, gần quảng trường Khải Hoàn Môn và “Câu lạc bộ Những người

cạn túi” - được gọi như vậy vì người ta tới đây để ngắm nhìn những kẻ giàu có mà họ chỉ nghe tên. vì vậy tôi xin phép bố mẹ ngày Chủ nhật ăn trưa rất muộn, lúc một giờ mười lăm, và trước đó đi dạo một vòng. Trong suốt tháng Năm năm ấy, tôi không vắng mặt một buổi nào, trong khi Gilberte về nông thôn thăm viếng một số bạn gái. Tôi đến Khải Hoàn Môn vào mười hai giờ trưa, tôi đứng chực sẵn ở đầu đại lộ, chăm chăm nhìn vào góc phố nhỏ cách nhà bà Swann chỉ vài mét, nhiều khách dạo chơi đã về ăn trưa, không còn mấy người ở lại, và phần lớn là những

người trang nhã. Bỗng nhiên trên con đường cát, bà Swann xuất hiện, bước đi chậm rãi, vẻ hào nhoáng tựa một đóa hoa sen đẹp, trang phục luôn luôn thay đổi nhưng tôi nhớ thường là màu hoa cà. Bà trương lên trên đầu một tán dù bằng lụa cùng màu với tấm áo dài. Đi theo chân bà là cả một đám tùy tùng: Swann cùng bốn, năm người đàn ông trong câu lạc bộ đến thăm bà ta từ buổi sáng hoặc bà ta gặp trên đường. Cái nhóm người ngoan ngoãn, quần áo xám xịt, với những động tác giống như máy ấy tạo thành xung quanh Odette vốn chỉ có ánh mắt sắc sảo một cái khung bất động, làm bà ta ra chiều nhìn thẳng trước mặt, giữa đám đàn ông, như nhìn từ một ô cửa sổ, với dáng người mảnh mai, không một chút sợ hãi, giữa những màu sắc rực rỡ. Bà ta xuất hiện như một con người thuộc một loại khác, một chủng tộc xa lạ, và với một sức mạnh hầu như gây gỗ mà nhờ nó, một mình bà ta tưởng như “cân bằng” với cả đám tùy tùng đông đúc. Vô tư lự, hoan hỉ về tiết trời đẹp, về ánh nắng mặt trời ban mai, với vẻ tự tin và bình tĩnh của người sáng tạo vừa hoàn thành tác phẩm và không còn quan tâm tới gì khác nữa, Odette định nhìn trang phục của mình trang nhã vào Bạc nhất - dù những khách qua đường tầm thường không biết đánh giá đi nữa; bà ta bận nó cho riêng mình và dĩ nhiên cho đám bạn đàn ông nữa, không coi trọng một cách quá đáng nhưng cũng không hoàn toàn dừng dừng: những dải nơ nhỏ trên yếm và váy phấp phới trước theo nhịp chân đung đưa? Thỉnh thoảng bà lướt lên cây ô màu hoa cà như lướt trên một bó hoa violet thành Parme một ánh mắt hoan hỉ và dịu dàng tưởng chừng như nó đang mỉm cười với một vật vô tri vô giác. Bà ta trang phục một cách trang nhã mà những người bạn trai thân tình nhất cho là cần thiết và trân trọng, nhưng là một thứ trân trọng của kẻ ngoại đạo thú nhận mình dốt nát: dưới con mắt họ, Odette biết chăm sóc trang phục như một người bệnh phải biết chăm sóc sức khỏe một cách đặc biệt hay một bà mẹ biết giáo dục con cái. Giữa đám đàn ông hầu như không trông thấy khách qua đường, và vì giờ dạo chơi muộn, bà Swann gọi lên hình ảnh căn nhà bà ta vừa sống cả một buổi sáng và nay phải trở về ăn trưa; bước đi dạo chơi dừng đỉnh, giống như người ta dạo chơi trong vườn, bà ta như muốn bảo nhà mình không cách xa, và người ta có cảm giác bà ta vẫn mang theo quanh mình hình ảnh ấm cúng và tươi mát của căn nhà ấy. Nhưng chính vì bản thân tất cả những cái đó, nhìn thấy bà, tôi càng có thêm cảm giác đứng giữa cảnh bầu trời lồng lộng và ánh nắng chan hòa. Nhất là vì tin chắc trang phục của bà Swann gắn liền với mùa vụ và giờ giấc bằng một sợi dây cần thiết duy nhất bởi lẽ bà ta hết sức thành thực trong lễ chế và nghi thức, nên tôi có cảm giác những hình

hoa trên chiếc mũ rơm uyển chuyển và những cái dải nhỏ trên tấm áo dài của bà ra đời từ tháng Năm còn tự nhiên hơn cả hoa vườn và hoa rừng, và để nắm bắt cái xao xuyến mới của thời tiết, tôi không ngước mắt lên cao hơn chiếc ô của bà xòe rộng và trương căng như một bầu trời khác, gần gũi hơn, tròn trịa, bao dung, di động và một màu xanh, vì nếu những nghi thức ấy là tối thượng và đáng tự hào chẳng khác niềm tự hào của bà Swann khi phải tuân theo với vẻ khoan dung buổi sáng sớm, tiết trời xuân và ánh nắng mặt trời không lấy gì làm thích thú khi thấy một thiếu phụ rất mực thanh lịch quan tâm tới chúng và đã vì chúng mà chọn tấm áo dài mỏng màu sáng; qua cổ áo và tay áo khoét rộng, qua lớp mồ hôi dâm dấp trên cổ và cổ tay, người ta dễ liên tưởng tới một vị phu nhân chịu vất vả vì chúng, chịu hạ mình về đồng quê gặp gỡ những con người bình thường mà ai nấy, kể cả kẻ tầm thường nhất, cũng biết, nhưng không vì vậy mà có ý mặc ngày hôm đó một bộ trang phục dân dã. Bà Swann vừa tới nơi, tôi vội chào; bà dừng bước và bảo tôi: *Good morning*⁽²³⁶⁾ miệng nở nụ cười tươi. Chúng tôi cùng nhau đi mấy bước. Và tôi hiểu bà tuân theo những quy tắc trang phục cho chính bản thân bà, như thể một vị nữ tu sĩ danh tiếng tuân thủ một triết lý cao thượng: khi nóng quá, Odette mở khuy áo giakét hoặc thậm chí cởi áo hoàn toàn và nhờ tôi mang giúp; tôi phát hiện trong chiếc áo lót hàng nghìn chi tiết thêu may rất có thể người ta không nhìn thấy, giống như những phần hòa nhạc của nhà soạn nhạc đã bỏ hết tâm sức vào đó mặc dù chúng không bao giờ tới tai công chúng; hoặc nữa trong hai ống tay áo chiếc giakét vắt trên cánh tay mình, tôi nhìn thấy, nhìn mãi, vì thích thú hoặc vì phép lịch sự, một vài chi tiết tuyệt diệu, một chiếc dải màu sắc dịu dàng, một mảnh vải láng màu hoa cà thông thường không ai để ý giống như những bức tượng gothic của Nhà thờ ẩn náu phía sau một dây bao lơn cao tới tám mươi bộ, hoàn mỹ chẳng khác những hình chạm nổi trên chiếc cổng lớn nhưng chưa một ai nhìn thấy cho tới khi một người nghệ sĩ trong một chuyến đi du lịch được phép trèo lên dạo bước giữa bầu trời bao la để nhìn bao quát cả thành phố, giữa hai ngọn tháp.

Những người không biết thói quen “đi bộ thể dục” của bà Swann có cảm giác bà ta đi dạo chơi trên đại lộ rừng Boulogne như bước trên lối đi trong vườn, tuy ngay từ những ngày đầu tháng Năm, người ta đã quen nhìn thấy bà đi qua với cỗ xe trắng những cặp ngựa được chăm chút cẩn thận nhất và với đám đầy tớ trong những bộ trang phục sang trọng nhất; bà ta

ngồi vừa đường bệ vừa yếu điệu như một nữ thần trong cỗ xe ngựa đồ sộ và ấm áp. Đi bộ nhất là với bước chân chậm rãi vì nóng bức, bà Swann như có vẻ tuân theo một sự hiếu kỳ, vi phạm những quy tắc giao tế, giống như những vị vua chúa bước ra khỏi chỗ ngồi trong một buổi dạ hội và chen lấn với những khán giả khác xuống thăm phòng các nghệ sĩ mà không hỏi ý kiến ai hết trong lúc đám tùy tùng không dám có một lời can ngăn. Đám đông cảm thấy giữa bà Swann và mình có một thứ hàng rào ngăn cách rất khó vượt qua là sự phú quý. Xóm Saint-Germain cũng có hàng rào ngăn cách của nó, nhưng ít lộ liễu hơn đối với con mắt và trí tưởng tượng của “dân nghèo”. Đứng cạnh một vị phu nhân giản dị, dễ có thể lẫn lộn với một thiếu phụ tiểu tư sản và ít xa cách dân chúng, những người nghèo chắc hẳn không cảm thấy bất bình đẳng và hầu như nhục nhã như đứng trước một bà Swann. Dĩ nhiên cũng như những người nghèo, bản thân những thiếu phụ này không ngạc nhiên trước bộ sâu hào nhoáng của họ và không chú ý tới nữa; nhưng vì vậy vì đã quá quen thuộc với nó, nghĩa là rốt cuộc thấy nó hết sức tự nhiên, hết sức cần thiết, và đánh giá người khác tùy theo những người này đã làm quen nhiều hay ít với những thói quen xa xỉ ấy; bởi vậy, nếu những thiếu phụ này cho rằng một người khách qua đường nào đó chiếm một vị trí xã hội thấp kém nhất thì cũng chẳng khác nào người ấy đặt họ vào địa vị cao sang nhất, ngay từ đầu, không mảy may lưỡng lự. Lúc bấy giờ bao gồm những người phụ nữ như bà Israels, dẫn những người trong các tầng lớp quý tộc và cả bà Swann - người sẽ có ngày giao du với họ, tầng lớp xã hội đặc biệt và trung gian chiếm vị trí thấp hơn so với xóm Saint-Germain vì vốn phỉnh nịnh, nhưng cao hơn những gì không phải là của xóm ấy; đặc điểm của tầng lớp xã hội trung gian nói trên là tuy thoát khỏi thế giới những kẻ giàu có, nó vẫn tiếp tục là hiện thân của sự giàu có, nhưng là sự giàu có đã trở nên “dẻo dẻo” tuân thủ một tư duy, một mục đích nghệ thuật, trở thành một thứ tiền bạc “dễ sai khiến”, được khắc chạm một cách thi vị và biết “mỉm cười”; phải chăng tầng lớp xã hội ấy không tồn tại nữa, ít ra cũng với cùng một tính chất và sức quyến rũ ngày trước, vả lại, những người đàn bà thuộc giai tầng ấy ngày nay có lẽ không còn vị trí ban đầu của thời đại họ nữa vì cùng với năm tháng, hầu hết họ đã phai tàn nhan sắc. Từ niềm vinh quang rực rỡ của lứa tuổi nửa đời người⁽²³⁷⁾ còn ngát hương thơm cũng như tột đỉnh giàu có của mình, bà Swann đường bệ, tươi cười và khoan hậu bước đi trong rừng Boulogne, nhìn thiên hạ đi qua con mắt mình chẳng khác nào nàng Hypatie⁽²³⁸⁾ thuở trước. Các

chàng trai qua đường nhìn bà với vẻ băn khoăn, không biết mối quan hệ sơ giao với bà có đủ để họ được quyền chào hỏi bà hay không (nhất là vì chỉ được giới thiệu qua quýt một lần với Swann, họ sợ ông ta nhận ra mình). Và họ quyết định chào hỏi nhưng trong lòng run sợ, lo âu không biết thái độ khiêu khích và “phạm thượng” táo bạo của mình vì phạm địa vị cao sang của một đẳng cấp, cố gây nên những tai họa hay sự trừng phạt của Thượng đế hay không. Nhưng đáp lại chỉ có cử chỉ hầu như máy móc của đám người bao quanh Odette, bắt đầu từ Swann: ông ta nâng chiếc mũ bọc da màu xanh lên với vẻ duyên dáng tươi cười học được ở xóm Saint-Germain nhưng không còn cái dáng dấp lãnh đạm ngày trước nữa. Nó được thay thế vừa bởi thái độ bức bối phải chào lại một kẻ ăn mặc quá xoàng xĩnh, vừa bởi vẻ mãn nguyện thấy bà vợ quen biết nhiều người đến vậy. Ông ta thổ lộ tình cảm phức tạp này trong lúc nói với đám bạn bè thanh nhã cùng đi:

- Lại một thằng cha nữa! Thú thật là tôi không biết Odette lôi từ đâu ra tất cả cái bọn ấy!

Nhưng sau khi gật đầu đáp lễ một người khách qua đường hoảng hốt tuy đã đi khuất nhưng tim chưa hết đập, bà Swann quay về phía tôi:

- Sao, thế là kết thúc mọi việc hả? Cậu không bao giờ tới thăm Gilberte nữa sao? Tôi hài lòng thấy mình được “miễn trừ” và không bị cậu “bỏ rơi” hoàn toàn. Tôi muốn được gặp cậu nhưng cũng quý mến ảnh hưởng ấy lắm. Cuối cùng tôi không muốn làm tình làm tội cậu vì đến cả tôi, rồi cậu cũng sẽ không muốn gặp mặt nữa thôi!

- Odette, Sagan chào bà đấy. - Swann bảo vợ.

Quả vậy, giống như khi kết thúc một buổi biểu diễn xiếc hay sân khấu hoặc như trong một bức tranh cổ người ta bắt ngựa cúi đầu, ông hoàng Sagan nghiêng mình thi lễ với một thái độ trịnh trọng và như có hàm ý, với tất cả phép lịch sự thượng võ của vị lãnh chúa tỏ vẻ cung kính trước người đàn bà, dù người đó hiện thân trong một người phụ nữ mà mẹ hoặc vợ chồng ông ta không thể đi lại, giao du. Vả lại, luôn luôn lấp lánh dưới bóng cây ô, bà Swann nhận lời chào hỏi của những du khách muộn măn cuối cùng trên lưng ngựa, hình bóng như in lên trên đại lộ dưới ánh nắng mặt trời một màu bàng bạc, của những con người lừng danh đối với công chúng nhưng đối với bà Swann lại là chỗ bạn bè thân thiết, những Antoine de Castellanta, Adalbert de Montmorency và biết bao người khác nữa. Thời hạn trung bình của cuộc sống - tức là tuổi thọ tương đối của con người - nếu đối chiếu với

những kỷ niệm thơ mộng thì bao giờ cũng lớn hơn nhiều khi đối chiếu với những kỷ niệm đau thương, nên mặc dù những nỗi âu sầu do Gilberte gây nên đã tiêu tan từ lâu trong lòng tôi, niềm vui của tôi vẫn dai dẳng mỗi khi tôi muốn tính đến những phút giây từ mười hai giờ mười lăm đến một giờ trên một thứ đồng hồ mặt trời trong lúc hồi tưởng những buổi chuyện trò với bà Swann dưới tán ô của bà chẳng khác dưới bóng một chùm đậu tía.

PHẦN HAI

Hai năm sau, khi cùng bà tôi lên đường đi Balbec, tôi hầu như hoàn toàn dừng dừng đối với Gilberte. Đê mê trước một gương mặt mới và hy vọng có thể tìm hiểu nhà thờ gothic, lâu đài, vườn tược trên đất nước Italia nhờ một cô gái khác, tôi buồn bã nghĩ bụng tình yêu lừa dối, với tư cách là tình yêu của một con người cụ thể, có thể không phải là một cái gì thực sự hiển hiện. Khi liên tưởng tới những giấc mơ dù êm đềm hay xót xa, chúng ta vẫn có thể có ý nghĩ đó là mối tình keo sơn của một người đàn bà, do chính người ấy tự giác khơi gợi; nhưng nếu trái lại, chúng ta hữu ý hay vô tình thoát khỏi những sự liên tưởng nọ, thì tình yêu nảy nở trở lại như thể là một mối tình tự phát và chỉ bắt nguồn từ riêng một mình chúng ta, để đến với một người đàn bà khác.

Tuy vậy, vào lúc ra đi Balbec, và trong những ngày đầu ở đấy, không phải bao giờ tôi cũng dừng dừng. Tôi thường sống với quá khứ nhiều hơn với hiện tại, thường sống lại những ngày tôi từng yêu Gilberte (vì dòng đời đâu có luôn luôn tuân theo trật tự trước sau; và lẫn theo bánh xe thời gian, có biết bao sự lẫn lộn về tháng ngày xen kẽ nhau). Bỗng nhiên tôi cảm thấy đau đớn không được gặp nàng, chẳng khác nỗi đau trước kia. “Cái tôi” ngày nào vốn yêu nàng và hầu như đã hoàn toàn bị một “cái tôi” khác thay thế, giờ đây bỗng xuất hiện trở lại, và thường xuất hiện vì một chi tiết phù phiếm nhiều hơn là vì một sự kiện quan trọng. Chẳng hạn, trong những ngày nghỉ ở Normandie, tôi gặp một người không quen biết và nghe ông ta nói: “Gia đình Ngài Đồng lý Bộ Bưu điện”. Mấy tiếng lẽ ra vô bổ ấy đối với tôi (vì lúc bấy giờ tôi đâu biết ảnh hưởng của gia đình này đối với mình) lại gây cho tôi một nỗi đau nhức nhối, nỗi đau của một “cái tôi” phần lớn đã tiêu tan từ lâu sau khi chia tay Gilberte. Vì chẳng bao giờ tôi nhớ lại buổi chuyện trò của cô gái với thân phụ nàng trước mặt mình về gia đình “Ngài Đồng lý Bộ Bưu điện”.

Vả lại, kỷ niệm về tình yêu đâu có nằm ngoài những quy luật chung về ký ức vốn bị chi phối bởi những quy luật còn khái quát hơn của thói quen. Thói quen làm mờ nhạt hết tất cả, nên chúng ta nhớ lại hình ảnh một con người rõ rệt hơn hết, chính lại là nhờ những gì chúng ta đã quên đi (bởi lẽ những cái đó là vô nghĩa, và do vậy chúng ta vẫn giữ nguyên dấu ấn). Vì thế phần ký ức tốt nhất của chúng ta lại nằm ngoài chúng ta, trong một làn

gió ẩm ướt, trong mùi mốc của một căn phòng hay trong hương vị của một ngọn lửa ban đầu, ở khắp mọi nơi tự chính chúng ta tìm thấy lại những gì trí tuệ của mình từng lãng quên, tức là phần dự trữ cuối cùng của dĩ vãng, phần tốt đẹp nhất, phần vẫn làm chúng ta rơi lệ khi toàn bộ nước mắt tưởng chừng đã khô cạn. Ngoài chúng ta ư? Nói là trong chúng ta thì đúng hơn, nhưng mắt chúng ta không nhìn thấy, trong một sự lãng quên ít nhiều kéo dài. Chính chỉ nhờ sự lãng quên ấy mà thỉnh thoảng chúng ta có thể tìm thấy lại “cái tôi” trước kia của mình, có thể tự đặt mình trước sự vật như thể cái tôi ấy vốn tồn tại, có thể đau khổ trở lại, vì chúng ta không còn là chúng ta nữa, mà là một con người khác, và vì con người đó yêu mến những gì giờ đây dừng dừng đối với chúng ta. Dưới ánh sáng chói chang của thói quen thường ngày, hình ảnh của quá khứ mờ nhạt dần rồi bị xóa nhòa và không còn để lại chút dấu ấn nào, chúng ta sẽ không tìm thấy lại dĩ vãng nữa. Hay nói đúng hơn chúng ta có thể không tìm thấy dĩ vãng, nếu vài từ ngữ (như kiểu “Ngài Đồng lý Bộ Bưu điện”) không được giữ chặt trong lãng quên, giống như người ta lưu trữ ở Thư viện Quốc gia một đầu sách, nếu không, thì có thể sẽ không bao giờ tìm thấy sách.

Nhưng lần này, nỗi đau và chút tình này nở trở lại đối với Gilberte không lâu bền hơn những tình cảm ấy của tôi trong mộng tưởng, vì ở Balbec tôi không còn thói quen cũ để kéo dài chúng, và sở dĩ ảnh hưởng của thói quen tưởng như trái ngược nhau, là vì nó tuân theo nhiều quy luật. Ở Paris, nhờ thói quen, tôi đã ngày càng dừng dừng đối với Gilberte. Chính sự thay đổi tập quán, tức là sự chấm dứt nhất thời thói quen, đã hoàn thành công việc của thói quen ấy khi tôi lên đường đi Balbec. Nó làm suy yếu nhưng lại ổn định, nó đưa tới chia ly nhưng lại kéo dài cảnh ly biệt một cách vô tận. Đã từ nhiều năm, mỗi ngày tôi có “sao chép lại nguyên xi” trạng thái tâm hồn ngày hôm trước. Ở Balbec, mỗi sáng là một bữa ăn khác bữa ăn sáng ở Paris; và nằm trên giường bên cạnh những món ăn ấy, đầu óc tôi không còn những ý nghĩ như xưa, khi chúng được ấp ủ trong tình yêu đối với Gilberte; có những trường hợp (tuy quả là hiếm hoi), cách tốt nhất để tranh thủ thời gian là thay đổi vị trí, vì một khi địa điểm đã cố định, thì thời gian cũng không chuyển dịch. Cuộc hành trình của tôi tới Balbec chẳng khác nào buổi dạo chơi đầu tiên của một người dưỡng bệnh vốn chỉ mong ngóng có thể để hiểu được mình đã khỏi bệnh.

Ngày nay, chắc hẳn người ta tổ chức cuộc hành trình ấy bằng xe hơi vì nghĩ như thế thú vị hơn. Bằng cách đó, người ta sẽ thấy ở một mặt nào đấy cuộc hành trình sẽ “thực” hơn vì có thể theo dõi sát hơn, trong một bầu không

khí thân mật hơn, những cung bậc đổi thay khác nhau của trái đất. Nhưng rốt cuộc niềm hứng thú đặc trưng của du lịch không phải là có thể dừng chân khi thấy mệt mỏi, mà là cố làm cho sự khác biệt trở nên thật sự sâu sắc giữa nơi đi và nơi đến; cảm nhận nó một cách trọn vẹn, nguyên xi, như thể nó ở trong ta, khi trí tưởng tượng đưa chúng ta từ nơi mình từng sống tới trung tâm một địa phương ưa thích, bằng một “bước nhảy vọt” mà mình cảm thấy diệu kỳ, không phải vì bước nhảy vọt ấy vượt qua một khoảng cách, mà chính vì nó nối liền hai đặc điểm khác biệt của trái đất, nó đưa ta từ một địa danh này tới một địa danh khác; dẫn ta tới bước nhảy vọt ấy, là thứ hoạt động huyền bí diễn ra ở những nơi chốn đặc biệt, những nhà ga vốn không phải là bộ phận tự thân của thành phố nhưng lại hàm chứa cái tinh túy của tính cách thành phố, cũng tương tự trên một tấm biển báo của nhà ga có ghi tên thành phố ấy.

Nhưng ở thời đại ngày nay, trong mọi lĩnh vực, người ta có cái tật chỉ giới thiệu sự vật cùng với tất cả những gì tồn tại quanh nó trong thực tại, và do vậy, loại bỏ mất cái chủ yếu, tức là loại bỏ mất hoạt động trí óc tách sự vật ra khỏi thực tại. Người ta “trình bày” một bức tranh giữa các thứ đồ gỗ, đồ trang trí, trướng phủ tường cùng một thời đại với nó, giữa một thứ khung cảnh nhạt nhẽo mà một nữ chủ nhân mới hôm qua chưa một chút lịch lãm, hôm nay đã tạo lập nên trong khách sạn một cách sành sỏi: giờ đây, bà ta luôn luôn có mặt trong các thư viện và cơ quan lưu trữ. Giữa khung cảnh nhạt nhẽo ấy, kiệt tác chúng ta vừa ngắm nhìn vừa ăn tối không thể gây nên niềm vui say mê mà người ta chỉ có thể đòi hỏi ở nó trong một gian phòng bảo tàng; vì “trần trụi” và tách ra khỏi mọi đặc điểm riêng biệt, gian phòng này tượng trưng một cách hoàn hảo hơn nhiều cho cái “không gian tâm tưởng” mà người nghệ sĩ ẩn mình trong đó để sáng tác.

Tiếc thay, những nơi chốn diệu kỳ ấy, những nhà ga xe lửa tiễn người ta lên đường đi xa ấy, cũng đồng thời là những nơi buồn thảm vì nếu nhờ điều diệu kỳ diễn ra tại đây, những xứ sở chỉ mới tồn tại trong tâm tưởng chúng ta sẽ trở thành những xứ sở mình đến ở, thì cũng chính vì lý do ấy mà hễ bước ra khỏi phòng chờ, người ta phải từ bỏ ý nghĩ lát nữa sẽ tìm thấy lại căn buồng thân quen mình vừa ở đây lúc này. Phải từ bỏ mọi hy vọng trở về ngủ ở nhà mình, một khi đã quyết dẫn thân vào cái nơi hôi hám dẫn mình tới miền đất lạ. Phía trên nhà ga Saint-Lazare khi tôi đến để đáp tàu đi Balbec, mệnh mang một bầu trời chói chang, chất chứa những đám mây đầy vẻ uy hiếp, trông tựa những bầu trời mang dáng dấp hiện đại tương tự bầu trời Paris, trong tranh của Mantegna⁽²³⁹⁾ hay của Veronese⁽²⁴⁰⁾; và

dưới bầu trời ấy, chỉ có thể diễn ra một hành vi dữ dội và long trọng như một buổi ra đi bằng xe lửa hay buổi lễ dựng Thánh giá.

Chừng nào tôi thích thú ngắm nhìn ngôi nhà thờ Ba Tư ở Balbec giữa những đụn mây trong đông bão trong khi vẫn không phải xa rời chiếc giường êm ấm ở Paris, thì hình hài tôi không mấy may phản đối cuộc hành trình. Nhưng nó bắt đầu chống trả khi hiểu ra rằng nó sẽ “ở trong cuộc”, rằng tối hôm tới nơi, người ta sẽ dẫn tôi tới căn buồng *của tôi* vốn xa lạ đối với nó. Sự phản kháng của nó càng dữ dội vì ngay tối hôm trước ngày lên đường, tôi được tin mẹ tôi không cùng đi với bà cháu chúng tôi, và vì bận việc ở Bộ cho tới ngày đi Tây Ban Nha cùng ông de Norpois, bố tôi muốn thuê một ngôi nhà trong vùng phụ cận Paris. Và lại, dù có phải trả giá, tôi vẫn ao ước được chiêm ngưỡng Balbec; và chính cái giá phải trả ấy là điều kiện bảo đảm cho tôi đi tìm cảm xúc, những cảm xúc không thể nảy sinh trước bất kỳ một cảnh tượng tương tự nào, một bức tranh hoành tráng nào tôi có thể tới ngắm nhìn nhưng vẫn có thể trở về với chiếc giường thân quen của mình. Đây không phải là lần đầu tiên tôi cảm thấy yêu là một việc, hứng thú lại là việc khác. Tôi nghĩ bụng mình ước ao Balbec cũng thiết tha chẳng kém nỗi niềm ao ước của ông bác sĩ chữa bệnh cho mình khi ông nói trước vẻ mặt đau khổ của tôi sáng hôm tôi lên đường:

- Tôi cam đoan với cậu là dù chỉ có tám ngày không thôi để đi nghỉ mát ở bờ biển, tôi cũng không để phải nài nỉ. Cậu sẽ có những buổi dạo chơi, những cuộc đua thuyền buồm hết sức thú vị.

Về phần mình, ngay khi chưa được xem bà Berma biểu diễn, tôi từng hiểu là bất luận mình yêu điều gì, điều đó bao giờ cũng chỉ đến với mình sau một cuộc săn đuổi đau đớn, và trước hết phải hy sinh hứng thú cho hạnh phúc tối cao, chứ không phải đi tìm kiếm hứng thú.

Dĩ nhiên bà tôi quan niệm cuộc hành trình có phần hơi khác và vẫn thiết tha khoác cho những món quà tôi được tặng một chút tính chất thẩm mỹ như xưa nay, bà muốn tôi làm một “cuộc thử nghiệm” có phần cũ kỹ: tiến hành một nửa bằng xe lửa, một nửa bằng xe ngựa cuộc du lịch trên đoạn đường bà de Sévigné⁽²⁴¹⁾ đã đi từ Paris sang miền Đông qua Chaulnes và Pont-Audemerté⁽²⁴²⁾. Nhưng cụ phải từ bỏ dự định ấy vì bị bố tôi ngăn cản: ông biết có thể có vô số chuyến tàu bị nhỡ, hành lý bị mất, bà cháu chúng tôi bị viêm họng và bị phạt vạ khi bà tôi tổ chức một cuộc hành trình nhằm thu được tối đa những mối lợi tinh thần. Dẫu sao bà tôi cũng thú vị nghĩ không bao giờ, đúng vào lúc chuẩn bị đi ra bãi biển, chúng tôi bị cản trở vì

bỗng xuất hiện cái mà bà de Sévigné gọi là “cỗ xe chết tiệt”, vì chúng tôi không có một người quen nào ở Balbec, và Legrandin cũng không viết thư giới thiệu chúng tôi với bà chị ông ta.

Chúng tôi có thể thanh toán ra đi từ Paris trên chuyến tàu một giờ hai mươi hai phút. Từng say sưa tìm hiểu về con tàu trong cuốn cẩm nang đường sắt, với nỗi lòng hồi hộp và hầu như cả với một ảo ảnh thật sự êm đềm về buổi lên đường, tôi hình dung cuộc hành trình sẽ không có gì mới lạ. Hạnh phúc thành hình thành nét trong trí tưởng tượng người ta, không phải trên cơ sở cội nguồn những ham muốn nó khơi gợi, mà chính bằng cách căn cứ vào tính chính xác của những nguồn tin đã nắm được về nó. Bởi vậy, tôi tưởng chừng đã biết rõ niềm hạnh phúc lên đường của mình trong từng chi tiết, và đỉnh ninh trên tàu, khi không khí bắt đầu mát mẻ, mình sẽ đặc biệt hứng thú, sẽ chiêm ngưỡng những cảnh tượng làm say lòng người khi tàu từ từ lăn bánh vào ga. Tuy vẫn gọi lên trong tôi hình ảnh buổi chiều tà khi nó băng qua, con tàu này, đối với tôi, hình như vẫn khác mọi con tàu khác; và như người ta thường xử sự đối với một người chưa bao giờ gặp mặt nhưng lại thích tưởng tượng mình đã tranh thủ được tình thân, rốt cuộc, tôi gán một gương mặt đặc biệt và bất di bất dịch cho vị “du khách - nghệ sĩ có mái tóc màu hung” dẫn tôi đi trên đường trường và cùng tôi chia tay dưới chân nhà thờ Saint-Lô trước khi đi về phía mặt trời lặn.

Không thể đi thẳng một mạch tới tận Balbec, bà tôi ắt sẽ nghỉ lại nhà một bà bạn trong hai mươi bốn tiếng; và từ đây, ngay tối hôm ấy, tôi sẽ ra đi để tránh mọi phiền hà và cũng để ngày hôm sau tới được nhà thờ Balbec mà chúng tôi biết là cách khá xa bờ biển; có thể vào buổi đầu thời kỳ điều trị bệnh bằng tắm biển, tôi sẽ không có dịp quay lại nhà thờ. Và có lẽ lòng tôi sẽ bớt xốn xang nếu thấy mục tiêu đáng chiêm ngưỡng của cuộc hành trình được đặt ra ngay trước cái đêm đau khổ đầu tiên phải bước chân vào một ngôi nhà mới và bằng lòng sống ở đấy. Nhưng trước hết phải rời bỏ ngôi nhà cũ; mẹ tôi đã thu xếp đến ở Saint-Cloud ngay trong ngày hôm ấy, và đã sắp đặt hay vờ làm như thể đã sắp đặt mọi việc để có thể đi thẳng tới đấy sau khi tiễn bà cháu chúng tôi ra ga, mà không phải quay trở lại nhà nữa: bà sợ tôi muốn trở về nhà với bà và không chịu đi Balbec. Và thậm chí, lấy cớ có nhiều việc phải làm trong ngôi nhà vừa thuê, và không có thì giờ, nhưng thực ra là nhằm tránh cho tôi nỗi buồn xa cách, mẹ tôi quyết định không ở lại với chúng tôi cho tới lúc tàu chuyển bánh. Giữa dòng người tấp nập qua lại và trong cảnh rộn ràng trên sân ga, người ta bỗng cảm thấy không sao chịu đựng nổi chia ly khi không thể nào tránh khỏi nữa, cảnh biệt ly ấy

hoàn toàn không tập trung vào một khoảnh khắc người ta cảm thấy mình cực kỳ sáng suốt nhưng cũng hoàn toàn bất lực.

Lần đầu tiên tôi cảm thấy mẹ tôi có thể sống một cuộc sống khác, không có tôi, không vì tôi. Bà sẽ đến ở với bố tôi, phải chăng vì bà thấy cuộc sống của ông có phần phiền toái và buồn bã vì tình hình sức khỏe và tính tình dễ bị kích động của tôi? Buổi chia ly ấy càng làm tôi xót xa vì tôi nghĩ bụng về phía mẹ tôi, nó chấm dứt những nỗi thất vọng liên tiếp tôi từng gây cho bà nhưng được bà giấu kín, và sau đó bà hiểu ra khó có thể tổ chức những buổi cả gia đình cùng nhau đi nghỉ. Cũng có thể buổi chia ly ấy là bước thử nghiệm đầu tiên một cuộc sống bà bắt đầu nhẫn nhục chịu đựng trong tương lai khi bố mẹ tôi ngày một tuổi tác, cuộc sống trong đó tôi sẽ ít gặp bà hơn, và đối với tôi bà sẽ có phần xa lạ - điều không bao giờ xuất hiện dù trong những cơn ác mộng. Bà sẽ là vị phu nhân người ta thấy bước một mình vào ngôi nhà không có tôi ở đấy, và hỏi người gác cổng xem có thư từ tôi gửi lại không.

Tôi lúng túng trả lời nhân viên nhà ga khi anh ngỏ ý xách giùm vali. Mẹ tôi tìm ra những cách mà bà cho là có hiệu quả hơn hết để an ủi tôi. Bà thấy không cần thiết phải tỏ vẻ không nhận ra bộ mặt râu rĩ của tôi; bà âu yếm nói vui:

- Con này, nhà thờ Balbec sẽ bảo thế nào nếu biết người ta chuẩn bị đi ngắm nhìn nó với vẻ mặt đau khổ thế kia? Người du khách hoan hỉ mà

Ruskin⁽²⁴³⁾ nói tới là như vậy hay sao? và lại, mẹ sẽ biết rồi con có chịu đựng nổi hoàn cảnh không; dù xa, mẹ vẫn ở cạnh con đấy, con cún con của mẹ ạ. Mai con đã nhận được thư mẹ rồi.

- Con ơi, - bà tôi bảo mẹ tôi, - với tấm bản đồ trước mắt và không rời khỏi bà cháu nhà này một giây, con chẳng khác bà de Sévigné tí nào.

Mẹ tôi tìm cách làm tôi khuây khỏa, hỏi tôi sẽ gọi những món gì cho bữa ăn tối; bà ngắm nghía Françoise, khen chiếc mũ và tấm áo măngtô mà bà không nhận ra, mặc dù trước kia chúng đã làm bà kinh hãi khi thấy hai thứ đó trên người bà dì tôi, mũ thì trên chóp có một hình chim to tướng, áo thì in đầy những hình vẽ khủng khiếp. Nhưng vì măngtô quá cũ kỹ, Françoise đem lộn trái, lớp dạ bên trong trông còn rất đẹp màu. Còn chim thì gãy nát nên cho vào kho từ lâu. Nếu thỉnh thoảng người ta ngây ngất trước những vẻ đẹp tinh tế mà những người nghệ sĩ có ý thức nhất cố vươn tới, trong một bài dân ca hay trước mặt tiền một ngôi nhà nông dân với một đóa hồng bạch hay màu vàng lưu huỳnh đặt thật đúng chỗ phía trên khung cửa thì cũng như vậy, Françoise cài chiếc nơ nhung và cái dải lụa với một ý thức

thăm mỹ đơn sơ nhưng tuyệt vời, làm mũ trở nên thật duyên dáng; chiếc nơ và dải lụa ấy, giá ở trong một bức chân dung của Chardin⁽²⁴⁴⁾ hay của Whistler⁽²⁴⁵⁾ chắc hẳn sẽ làm người ta say mê.

Nấu ngược dòng thời gian, thì phải thừa nhận sự khiêm tốn và trung thực vốn thường mang lại cho gương mặt người lão bộc chúng tôi một vẻ cao quý, như đã in cả dấu ấn lên trang phục của bà; người đàn bà dè dặt nhưng không thấp hèn ấy biết giữ đúng địa vị của mình; suốt cuộc hành trình, bà trang phục sao cho xứng đáng cùng đi với chúng tôi nhưng không tìm cách phô trương. Khoác chiếc măngtô dạ màu hạt dẻ đã nhạt màu và cái cổ áo lông mịn màng, Françoise khiến người ta nghĩ tới những tấm hình Anne de Bretagne⁽²⁴⁶⁾ trong những cuốn sách kinh, trong đó mọi cái đều đặt thật đúng chỗ, cái cảm giác tổng thể lan đều khắp mọi bộ phận, khiến vẻ khác lạ vừa phong phú vừa cũ kỹ của trang phục cũng thể hiện sự trang nghiêm thành kính chẳng khác cặp mắt, đôi môi và hai bàn tay.

Không thể đề cập chuyện tư duy khi nói về Françoise. Bà không biết gì hết, với cái nghĩa trọn vẹn không biết gì cũng tức là không hiểu gì hết, trừ phi những chân lý hiếm hoi mà con tim có thể trực tiếp nắm bắt. Đối với bà, không làm gì có cái vũ trụ tư duy mênh mênh. Nhưng trước ánh mắt trong sáng, trước cánh mũi và làn môi thanh tú của bà, trước tất cả những biểu hiện thiếu vắng ở biết bao con người có học thức mà giá có thì chúng làm nổi bật sự xuất chúng, sự thanh thoát cao quý của một bộ óc tinh anh, người ta bối rối như đứng trước ánh mắt thông minh và hiền lành của một con vật, tuy người ta biết mọi quan niệm của con người đều xa lạ đối với nó; và người ta có thể tự hỏi trong giới nông dân, liệu có những người siêu phàm giữa những kẻ trì độn hay những người vì một số mệnh bất công phải sống giữa những kẻ trì độn không? Thiếu ánh sáng trí tuệ nhưng lại có quan hệ một cách tự nhiên nhất, chủ yếu nhất với những bản chất tinh anh mà phần lớn những người có học thức không có, họ như những thành viên bị phân tán, lằm lằm thiếu lý trí của cái gia đình thần thánh, như những người bà con vắn trẻ thơ của những bậc trí tuệ cao siêu nhất; họ chỉ thiếu tài năng vì thiếu kiến thức, tài năng ấy xuất hiện trong một luồng ánh sáng mà họ không thể không nhận biết, tuy đối với những cặp mắt ấy, luồng ánh sáng kia không thể ứng dụng vào đâu hết.

Thấy tôi khó kìm nén được nước mắt, mẹ tôi bảo:

- Trong những giờ phút trọng đại, Régulus⁽²⁴⁷⁾ bao giờ cũng tỏ ra xứng đáng... và lại như thế là không đáng yêu đâu! Con hãy nhớ lại câu nói của

bà de Sévigné như bà nội con thường nhắc: “Mẹ sắp buộc phải vận dụng tất cả lòng dũng cảm mà con không có”.

Và bỗng nghĩ tình thương đối với người khác làm quên đi những nỗi đau ích kỷ, bà cố làm tôi vui lòng, bảo tôi cuộc hành trình của bà đến Saint-Cloud sẽ êm đẹp, bà hài lòng về cỗ xe bà giữ lại, người xà ích thì lẽ phép còn xe thì đầy đủ tiện nghi. Tôi cố nở nụ cười khi nghe những chi tiết ấy và nghiêng đầu, vẻ đồng tình và mãn nguyện. Nhưng những chi tiết ấy chỉ khiến tôi hình dung một cách chân thực hơn buổi lên đường của mẹ tôi, và lòng tôi thắt lại khi nhìn bà như thể bà đã chia tay tôi, với chiếc mũ rộng vành mua để đội ở nông thôn, và tấm áo dài mỏng tanh bà bận vì cuộc hành trình dài dưới trời nắng chói chang; áo ấy và mũ ấy làm mẹ tôi như đã là một người khác rồi, là chủ nhân ngôi biệt thự mới, nơi tôi sẽ không còn gặp lại bà nữa.

Nhằm tránh những cơn ngạt thở dọc đường, thầy thuốc khuyên tôi lúc lên đường uống một ít bia hay Cognac cho được “hưng phấn” - như ông nói, và cho hệ thần kinh tạm thời đỡ bị tổn thương. Tôi chưa biết chắc mình có làm như vậy không, nhưng ít ra cũng muốn bà tôi thừa nhận nếu quyết định uống thì tôi có đủ quyền và trí khôn để quyết định. Bởi thế tôi nói như thể mình chỉ còn lưỡng lự chưa biết nên uống rượu ở đâu, ở quầy rượu nhà ga hay trên toa xe bán rượu. Nhưng ngay lập tức, trước vẻ mặt ra chiều chê trách của bà tôi như thể không chấp nhận cái ý nghĩ tôi muốn uống rượu, tôi đột ngột quyết định đi uống, tôi cảm thấy hành động ấy là cần thiết để chứng minh quyền tự do của mình vì nếu chỉ nói miệng không thôi thì không thể không bị phản đối:

- Sao, - tôi kêu toáng lên, - bà biết cháu ốm đến mức nào rồi, biết bác sĩ bảo cháu những gì rồi, thế mà bà lại khuyên cháu như vậy hả bà!

Nghe tôi giảng giải tình trạng mệt mỏi của mình, bà tôi có vẻ hết

sức buồn bã, và dịu dàng bảo:

- Vậy cháu chạy đi tìm bia hay rượu mùi nhanh lên nếu nó làm cháu dễ chịu.

Tôi ôm chầm lấy bà tôi, đặt những nụ hôn lên khắp gương mặt cụ. Nhưng tôi vẫn tới uống nhiều ở quầy rượu trên tàu vì cảm thấy nếu không, mình sẽ lên cơn dữ dội hơn và sẽ làm cụ đau đớn hơn. Ở chặng đỗ tàu đầu tiên, khi trở lại chỗ ngồi, tôi nói với cụ là tôi thật sự sung sướng được đi Balbec, tôi cảm thấy mọi việc sẽ êm đẹp, tôi sẽ sớm quen sống xa mẹ, và chuyến tàu này thật sự thú vị, người phục vụ ở quầy rượu và nhân viên trên tàu thật sự dễ thương, tôi mong luôn luôn có dịp thực hiện cuộc hành trình này để được gặp lại họ. Nhưng bà tôi không có vẻ vui mừng về tất cả những điều tốt lành ấy. Cụ bảo trong lúc tránh không nhìn tôi:

- Có lẽ cháu nên cố ngủ đi một lát.

Bà tôi ngoảnh về phía cửa sổ riđô đã bỏ xuống, nhưng không che hết khung kính nên mặt trời vẫn chiếu vào thứ ánh sáng ấm áp và dễ ru ngủ như luồng ánh sáng trong khu rừng thưa khi người ta nằm nghỉ trưa.

Nhưng khi bà tôi tưởng tôi đã ngủ, tôi thấy cụ từ dưới tấm khăn voan có những chấm to, thỉnh thoảng nhìn tôi, rồi quay mặt đi, rồi lại nhìn, tựa một người chịu vất vả luyện tập để làm quen với công việc.

Tôi bèn trò chuyện với cụ, nhưng xem chừng cụ không thích. Tuy vậy, giọng nói cũng như những động tác nhỏ nhoi nhất, thầm kín nhất của cơ thể làm tôi khoan khoái; tôi cố gắng kéo dài chúng, kéo dài chỗ uốn giọng mỗi khi phát ra một từ; tôi cảm thấy mỗi ánh mắt mình đều đặt đúng chỗ và dừng lại đấy lâu một cách khác thường.

- Thôi nào, - bà tôi bảo, - cháu nghỉ đi. Nếu khó ngủ thì cháu đọc một chút sách.

Bà tôi trao cho tôi một cuốn sách của bà de Sévigné trong lúc cụ say mê đọc một tập *Hồi ký* khác. Không bao giờ cụ đi du lịch mà không mang theo tác phẩm của hai nhà văn nữ cụ rất mực ưu ái ấy.

Tôi lặng im cầm lấy sách, nhưng để nguyên không mở ra đọc. Tôi say sưa ngắm nhìn đến sững sờ bức màn màu xanh treo cửa sổ và càng nhìn, càng thấy đẹp. Màu xanh rực rỡ đến chói chang như xóa nhòa hết mọi sắc màu từng hiển hiện trước mắt tôi từ trước tới nay. Ly rượu tôi vừa uống bắt đầu ngấm, những sắc màu ấy càng trở nên nhạt nhẽo, vô vị, chẳng khác nào cái nhạt nhẽo, vô vị của bóng đêm những người mù bẩm sinh từng phải chịu đựng và giờ đây hồi tưởng lại sau khi được phẫu thuật và nhìn thấy màu sắc.

Một bác nhân viên già tới hỏi vé. Những ánh bạc lấp lánh trên khuy áo kim loại của ông làm tôi say mê. Tôi muốn mời ông ngồi xuống ghé. Nhưng ông đã bước sang một toa tàu khác, và tôi như luyến tiếc nghĩ tới cuộc đời của công nhân đường sắt, những người không ngày nào không gặp bác nhân viên già này. Niềm hứng thú ngắm nhìn bức tranh màu xanh loăng đăng. Tôi hơi cựa quậy và chú ý được tới mấy trang sách liền. Càng đọc, tôi càng thần phục bà de Sévigné.

Người đời không nên tự- phỉnh phờ mình vì những đặc điểm hoàn toàn hình thức có dính dáng tới thời đại, tới đời sống thính phòng và khiến một vài người ngỡ mình đã là một Sévigné khi họ nói:

“Hãy ra lệnh cho tôi đi, bà vú của tôi ời!” hoặc:

“Tôi thấy ngài bá tước kia có tài trí lắm”, hoặc nữa:

“Tàn phai là cái đẹp dễ nhất trên đời”.

Bà de Simiane⁽²⁴⁸⁾ ngỡ bà ta giống bà nội mình khi viết:

“Thưa ngài, ông de la Boulie khỏe mạnh lắm, ông ấy rất có thể nghe tin tức về cái chết của mình”, hoặc:

“Ồ, thưa ngài hầu tước thân mến, thư ngài làm tôi thú vị biết chừng nào!

Tôi không sao phúc đáp nổi”, hoặc nữa:

“Thưa ngài, hình như ngài còn nợ tôi một lá thư hồi âm, còn tôi thì nợ ngài những chiếc hộp thuốc hít phảng phất mùi lê. Tôi sẽ gửi hầu ngài tám chiếc, những chiếc khác rồi lại sẽ tới...; chưa bao giờ trên trái đất này có nhiều đến thế. Chắc hẳn để làm ngài vui lòng thôi”.

Và những lá thư theo cùng kiểu ấy viết về cách chích máu, về các loài chanh, v.v..., bà ta vẫn hình dung là thư của bà de Sévigné. Còn bà tôi thì đến với bà de Sévigné bằng cả tấm lòng, bằng tình yêu đối với gia đình, với thiên nhiên. Cụ dạy tôi biết yêu những vẻ đẹp đích thực của tạo hóa, những vẻ đẹp hoàn toàn khác. Chẳng bao lâu nữa, những vẻ đẹp ấy chắc hẳn sẽ gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ, nhất là vì bà de Sévigné là một nghệ sĩ lớn cùng dòng dõi với Elstir, một họa sĩ tôi sẽ được gặp ở Balbec và sẽ có ảnh hưởng hết sức sâu sắc đối với quan niệm của tôi về sự vật. Ở Balbec, tôi hiểu ra rằng nhà văn nữ ấy giới thiệu sự vật với chúng ta, cũng một cách như Elstir, theo trật tự nhận thức của ta, thay vì cho việc trước tiên giải thích sự vật bằng nguyên nhân của chúng.

Nhưng chiều hôm ấy, trên xe lửa, tôi đọc lại lá thư nhà văn nói tới ánh trăng:

“Tôi không thể cưỡng lại sự cảm dỗ, tôi mang hết mũ áo không cần thiết, tôi bước lên con đường nhỏ, không khí tốt lành như ở trong phòng; tôi bắt gặp hàng nghìn chuyện huyền hoặc, *những đạo sĩ trắng và đen, nhiều nữ tu sĩ màu xám và trắng, quần áo lót vứt rải rác chỗ này chỗ nọ, những con người đứng tựa trời trông áp vào thân cây, v.v...*”

Tôi hoan hỉ trước cái điều mà ít lâu sau tôi gọi là khía cạnh Dostoievski của tập *Thư của bà de Sévigné*⁽²⁴⁹⁾ (bà chẳng miêu tả cảnh vật, tính cách giống như nhà văn Nga hay sao?).

Buổi tối, sau khi đưa bà tôi tới nhà bà bạn và ở lại đấy mấy tiếng, tôi đáp xe lửa về một mình; ít ra tôi cũng biết đêm nay không đến nỗi quá buồn bã: tôi sẽ không phải qua đêm trong tù ngục của một căn buồng không sao nhắm mắt nổi vì không khí im lìm; xung quanh tôi, con tàu hoạt động rậm rịch như sẵn sàng trò chuyện với tôi, ru tôi ngủ và tôi ngỡ như nghe tiếng chuông nhà thờ Combray theo những nhịp điệu luôn luôn đổi thay; tiếng bánh xe lăn trên đường sắt dần dà đưa tôi vào giấc ngủ với một cảm giác êm đềm như khi được nghỉ ngơi nhờ hoạt động của những lực lượng hùng mạnh trong lòng thiên nhiên và giữa cuộc đời, nếu một lúc nào đó, tôi có thể hóa thân thành một con cá nằm ngủ trong biển cả, dập dờn trong cơn mơ màng giữa sống nước, hay một cánh phượng hoàng lượn lờ trong đông bão.

Cùng với những buổi hành trình dài bằng xe lửa là những cảnh mặt trời hừng đông, những quả trứng luộc, những tờ báo có tranh ảnh, những buổi chơi bài, những dòng sông với con đò lượn lờ tại chỗ. Vào lúc nhắm tính lại những ý nghĩ vừa đầy rẫy trong óc để xem mình có vừa ngủ hay không, tôi nhìn thấy ở ô cửa sổ, phía trên một bức tranh nhỏ màu đen, những đụn mây hình răng cưa màu hồng cố định như màu hồng trên cánh chim phượng hoàng hay trên bức tranh chì theo nét bút phóng túng của nhà họa sĩ. Nhưng ngược lại tôi cảm thấy màu hồng ấy không phải là sự chết chóc cứng đờ, cũng không phải là sự tùy tiện phóng túng,

mà chính là sự tất yếu và là cuộc sống. Chẳng bao lâu nữa, phía sau màu hồng ấy, sẽ tích tụ những nguồn dự trữ ánh sáng. Nó rực rỡ lên và bầu trời trở thành màu đỏ tươi; dán mắt vào cửa kính, tôi cố nhìn cho rõ hơn, vì cảm thấy nó có quan hệ với cuộc sống sâu lắng của thiên nhiên; nhưng vì quãng đường sắt đối hướng, con tàu phải quành theo nên qua khung cửa sổ, phong cảnh ban mai được thay thế bằng cảnh xóm làng với những mái nhà nhuộm ánh trắng, và một buồng tắm công cộng lấp lánh một màu trắng đục trong đêm, dưới bầu trời vẫn còn đầy trăng sao. Đang thất vọng đánh mất dải trời hồng thì tôi bỗng tìm thấy lại, nhưng lần này là màu đỏ qua ô cửa sổ đối diện, khi tàu đến một chỗ quặt thứ hai trên đường sắt. Tôi chạy từ cửa sổ này qua cửa sổ khác để ghép lại với nhau những mảng gián đoạn và chống đối nhau của buổi mai đỏ rực đẹp đẽ nhưng bấp bênh để có một tầm nhìn tổng thể và một bức tranh nhất quán.

Cảnh vật trở nên gấp ghe, uốn lượn, con tàu dừng bánh ở một nhà ga nhỏ giữa hai dãy núi. Ở cuối con đèo, bên bờ suối, chỉ trông thấy một cái chòi canh ngập trong nước. Nếu một con người có thể là sản phẩm của một mảnh đất mà chúng ta thường thức vẻ đẹp đặc biệt của đất qua chính con người thì con người đó ắt là cô gái cao lớn tôi thấy bước ra khỏi chòi canh, và tiến về phía nhà ga với một cái bình sữa, trên con đường mòn chênh vênh ánh sáng ban mai. Trong chốn thung lũng bị những ngọn núi cao cách ly với thế giới bên ngoài, cô gái chắc hẳn chỉ gặp con người trong những chuyến tàu dừng bánh chốc lát này. Cô đi dọc các toa tàu, mời vài bốn hành khách vừa thức giấc dùng cà phê sữa. Dưới những tia nắng ban mai, gương mặt cô trông còn hồng hơn cả bầu trời hồng. Trước mặt cô gái, tôi cảm nhận niềm ham sống thường trỗi dậy trong lòng mỗi khi chúng ta có ý thức về sắc đẹp và hạnh phúc. Người ta luôn luôn không nhớ rằng sắc đẹp và hạnh phúc mang tính cá thể; và nếu thay thế chúng trong đầu óc mình bằng một kiểu quy ước mà chúng ta lập nên với một thứ bình quân giữa những gương mặt khác nhau mình hằng ưa thích, giữa những niềm hứng thú mình hằng nếm trải, thì chúng ta chỉ có được những hình ảnh trừu tượng nhạt nhẽo và náo nê vì chính chúng thiếu mất đặc tính của một sự vật mới, cái đặc tính

riêng biệt của sắc đẹp và của hạnh phúc, khác hẳn những gì mình từng biết. Thế rồi người ta đánh giá cuộc đời một cách bi quan nhưng lại tưởng là chính xác vì tưởng đâu đã tính đến hạnh phúc và sắc đẹp, trong khi lãng quên chúng và thay thế chúng bằng những sự tổng hợp trong đó chúng không có lấy một phần tử.

Chính vì vậy, một nhà trí thức sẽ ngáp lên ngáp xuống khi nghe nói tới một “cuốn sách hay” mới ra đời, nếu ông ta hình dung một thứ tổng hợp tất cả những cuốn sách hay đã đọc, trong lúc một cuốn sách hay là riêng biệt, không thể tiên đoán được; nó không phải là con số cộng của mọi kiệt tác trước đây, mà là một cái gì đó không sao có thể tìm thấy trọn vẹn nếu chỉ hoàn toàn đồng hóa con số cộng, vì chính cái gì đó nằm bên ngoài con số cộng kia. Hễ nhận thức ra tác phẩm mới nọ, thì người trí thức, lúc này chán ngán, sẽ cảm thấy hứng thú ngay đối với hiện thực miêu tả trong tác phẩm. Cũng như vậy, xa lạ đối với những mô hình nhan sắc mà trí óc tôi theo đuổi nên khi chỉ có một mình mình, người con gái đẹp nọ mang tới cho tôi một nhận thức về một niềm hạnh phúc nhất định; niềm hạnh phúc ấy trở thành hiện thực nếu tôi được sống cạnh nàng. Nhưng cả ở đây nữa, việc đoạn tuyệt với thói quen, dù chỉ trong chốc lát, cũng có ảnh hưởng lớn. Tôi như muốn hiến dâng cho cô gái bán sữa con người trọn vẹn của mình đang đứng trước mặt cô, con người có khả năng nếm hưởng những khoái cảm nồng cháy. Thông thường chúng ta sống với chính con người mình thu nhỏ tới mức tối thiểu; phần lớn năng lực của chúng ta không hoạt động, vì với thói quen vốn làm chỗ dựa cho chúng và không cần tới chúng, chúng ta biết mình phải làm gì.

Nhưng trong buổi sáng lên đường hôm nay, nền nếp cũ của cuộc sống thường ngày bị gián đoạn, địa điểm và thời gian đổi thay nên đối với tôi, những năng lực ấy trở nên cần thiết. Thói quen không muốn xê dịch và không muốn dậy sớm của tôi không còn; mọi năng lực trong tôi ồa tới thay thế nó, sôi nổi, dồn dập, dâng lên như sóng biển với một mức độ khác thường, từ cái thấp hèn nhất đến cái cao quý nhất, từ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn đến cảm xúc và tưởng tượng. Tôi không rõ vẻ đẹp hoang vu của vùng đất này có tôn thêm vẻ đẹp cho cô gái bán sữa không, trong lúc nó làm tôi thấy nàng không giống những người đàn bà khác, nhưng rõ ràng nàng tô điểm cho cảnh vật thêm tươi.

Cuộc sống đối với tôi sẽ ngọt ngào nếu giờ lại giờ, tôi có thể ở cạnh nàng, cảm thấy nàng quen biết mình, hình ảnh mình phảng phất trong tâm trí nàng. Nàng sẽ tập cho tôi làm quen với vẻ đẹp của cuộc sống thôn dã, của

những giây phút đầu tiên trong một ngày. Tôi ra hiệu cho nàng mang cà phê sữa tới. Tôi mong được nàng chú ý. Nàng không trông thấy tôi, tôi bèn cất tiếng gọi. Thân hình cô gái cao lớn, sắc mặt vừa ửng hồng vừa đỏ rực, tôi tưởng như nhìn thấy nàng qua một tấm kính màu chói sáng. Nàng quay trở lại, tôi không sao rời mắt khỏi gương mặt nàng mỗi lúc một lớn dần, giống như một mặt trời người ta có thể giữ lại và dịch lại gần mình, gần mãi, cho mình ngắm nhìn tận mắt và làm mình chói chang vì sắc màu rực rỡ của nó. Cô gái nhìn tôi với ánh mắt rực sáng, nhưng tàu bắt đầu lăn bánh. Nàng rời nhà ga, trở lại con đường mòn. Trời sáng rõ: đối với tôi, ánh bình minh xa dần. Phải chăng sự có mặt của cô gái làm tôi phẫn chấn, hay ngược lại, vì tâm hồn phẫn chấn mà lòng tôi cảm thấy niềm vui được ở cạnh nàng? Nhưng dầu sao, nàng vẫn có quan hệ khăng khít với niềm vui ấy, nên nỗi lòng ao ước của tôi được gặp lại nàng, trước hết là một niềm vui ao ước tinh thần không để cho hoàn toàn nguội lạnh sự phẫn chấn trong tâm hồn, và không phải vĩnh viễn xa nàng. Như vậy không phải chỉ vì đó là một trạng thái êm đềm, mà chủ yếu vì nó giúp tôi nhìn sự vật qua một lăng kính mới, đưa tôi vào một vũ trụ mới lạ và vô cùng kỳ thú (chẳng khác một dây đàn thật căng hay một dây thần kinh rung động mạnh tạo nên âm thanh hay một màu sắc mới). Người con gái tôi vẫn nhìn thấy trong lúc con tàu lăn bánh mỗi lúc một nhanh, như trở thành một bộ phận của một cuộc đời khác cuộc đời tôi hằng sống - tuy chúng chỉ cách nhau gang tấc, với những cảm xúc khác xưa; và nếu bước ra khỏi cuộc đời thứ hai này thì chẳng khác nào tôi tự mình giết chết mình. Muốn hưởng cái vị ngọt cảm thấy dù sao mình cũng dính dáng tới cuộc đời ấy, chỉ cần tôi ở không quá xa cái chòi canh nhỏ bé, để sáng sáng tới mua cà phê sữa của cô thôn nữ. Nhưng than ôi! nàng sẽ luôn luôn vắng bóng trong cuộc đời thực của tôi, cuộc đời mỗi lúc tôi một dần bước tới nhanh hơn và tôi đành nhẫn nhục chấp nhận bằng cách phối hợp nhiều kế hoạch để một ngày sau, làm lại cuộc hành trình trên đoạn đường này và một lần nữa dừng chân ở nhà ga này. Dầu sao dự định ấy cũng có cái lợi cung cấp một món ăn tinh thần cho đầu óc chúng ta vốn có khuynh hướng vụ lợi và lười nhác không muốn đào sâu trong chính bản thân mình, một cách khách quan và vô tư, một cảm xúc êm đềm mình từng có. Mặt khác, vì muốn tiếp tục nghĩ tới cảm xúc êm đềm ấy nên đầu óc ta thiên về hình dung nó trong tương lai, khéo léo chuẩn bị cơ hội làm nó nảy sinh trở lại. Tuy bằng cách ấy, chúng ta không hay biết gì hết về bản chất cảm xúc của mình, nhưng tránh được nỗi vất vả phải tái tạo nó trong chính bản thân ta và có thể hy vọng tiếp nhận nó, một lần nữa, từ ngoài vào.

Một số tên gọi thành phố, Vézelay hay Chartres, Bourges hay Beauvais, được dùng để chỉ, theo kiểu rút gọn, ngôi nhà thờ chính của thành phố. Đối với những địa danh ta chưa từng biết, lối dùng toàn thể để chỉ bộ phận mà chúng ta thường chấp nhận như vậy, rất cuộc khắc sâu tên thành phố, và về sau, khi muốn gắn liền khái niệm về thành phố mà chúng ta chưa hề biết bao giờ với tên gọi của nó, thì tên gọi ấy khiến người nghe hình dung thành phố với những đường nét theo cùng một phong cách, một khuôn mẫu với nhà thờ, và biến thành phố thành một thứ nhà thờ lớn. Tuy vậy, ở một ga xe lửa, phía trên một cửa hàng ăn uống, tôi đọc thấy cái tên Balbec viết bằng chữ trắng, hầu như theo phong cách Ba Tư. Tôi vội vã vượt qua nhà ga và đại lộ dẫn tới thành phố. Tôi hỏi thăm bãi biển để từ đây có thể nhìn thấy nhà thờ và biển cả. Người ta tỏ vẻ không hiểu tôi muốn nói gì. Balbec, nơi tôi đang đứng đây, không phải là bãi biển hay hải cảng. Dĩ nhiên, theo truyền thuyết, những người đánh cá đã tìm thấy bức tượng kỳ lạ của Chúa Jésus trên biển, và trên một tấm cửa kính màu của ngôi nhà thờ cách tôi có mấy bước chân, có ghi lại sự tích ấy; đá xây giáo đường và các ngọn tháp quả là lấy từ những vách đá dạt dào sóng vỗ. Vì vậy tôi hình dung biển cả dâng tới dưới chân nhà thờ, nhưng thực ra cách xa hơn năm dặm, ở tận ngoài bãi Balbec; còn tháp chuông thì sừng sững ở chỗ múi hai đoạn đường tàu điện, trước mặt một quán cà phê với cái biển hiệu “Bi-a” kẻ bằng mũi kim nhũ; nó nổi lên trên nền những ngôi nhà cao mái, còn thuyền bè thì hoàn toàn vắng bóng. Cùng với quán cà phê nọ, với người khách bộ hành tôi vừa hỏi thăm đường, với nhà ga tôi sắp quay trở lại, ngôi nhà thờ thu hút sự chú ý của tôi; nó hòa nhập với tất cả mọi thứ khác, nó như là một hiện tượng ngẫu nhiên, một sản phẩm của một buổi chiều tà, trong đó có vòm nhà thờ duyên dáng vươn lên trên bầu trời, trông tựa một trái cây vỏ chín muộm, vàng rực dưới ánh nắng mặt trời tỏa khắp trên ống khói các ngôi nhà. Nhưng tôi chỉ còn muốn nghĩ tới ý nghĩa vĩnh hằng của các công trình điêu khắc khi nhận ra các Sứ đồ mà trước kia tôi từng thấy những bức tượng đúc lại ở bảo tàng Trocadéro; giờ đây, đứng hai bên Đức mẹ Đồng trinh, phía trước cổng sâu hun hút mười hai vị Sứ đồ đón chào tôi như thể muốn tỏ lòng ngưỡng mộ. Các vị như muốn bước lên phía trước và ca ngợi một ngày đẹp trời, nhưng gương mặt nhân từ, đôn hậu vẫn bất động và chỉ có vẻ biến động khi du khách bước lui tới để chiêm ngưỡng. Đúng đây là nhà thờ Balbec - tôi nghĩ bụng, là nơi duy nhất có nhà thờ Balbec: phải chăng chỉ có nơi đây là được biết niềm vinh quang của công trình vĩ đại này? Cho tới nay nhà thờ thì tôi mới chỉ nhìn thấy ảnh, còn mười hai vị Sứ

đồ và Đức mẹ Đồng trinh lầy lừng danh tiếng, thì mới nhìn thấy các bức tượng đúc lại. Giờ đây, trước mắt tôi, mới chính là nhà thờ đích thực, duy nhất: và còn nhiều hơn thế nữa.

Nhưng cũng có thể ít hơn thế. Nếu một chàng trai, khi dự một kỳ thi hoặc một cuộc đấu kiếm, nhớ lại vấn đề mình từng được hỏi hay viên đạn mình đã bắn, thì quả là ít ỏi so với vốn kiến thức khoa học hay dũng khí anh ta có thể tỏ bày. Cũng như vậy, trước kia, vượt ra ngoài phạm vi những bức tượng mình có trước mắt, đầu óc tôi từng tưởng tượng một Đức mẹ Đồng trinh lý tưởng, có giá trị vĩnh hằng, một Đức mẹ bất khả xâm phạm đối với mọi sự tàn phá, mọi bước thăng trầm. Giờ đây, tôi sững sờ thấy bức tượng mình hình dung hàng nghìn lần, chỉ là một cái vỏ bằng đá, nằm trong tầm tay tôi và bị gắn chặt tại chỗ, không thể tách khỏi múi đường phố lớn, không thể lẫn tránh những ánh mắt ném ra từ quán cà phê và quầy bán vé xe buýt gần đây; trên mặt đá, chênh chếch một nửa tia nắng mặt trời buổi chiều, còn nửa kia chiếu lên văn phòng Chứng khoán bên cạnh, và chỉ vài tiếng nữa, thay thế cho tia nắng ấy, sẽ là ánh đèn đường. Cùng với một Chi nhánh Tín dụng, mặt đá chìm ngập trong mùi nhà bếp một cửa hàng bánh ngọt và pho mát cho sự bạo ngược của người đời: giá tôi có muốn ký tên lên mặt đá, thì chính Đức mẹ Đồng trinh lừng danh mà tôi vẫn đinh ninh có cuộc sống vĩnh hằng và vẻ đẹp bất khả xâm phạm, Đức mẹ Đồng trinh ở Balbec, Đức mẹ duy nhất ấy, sẽ không sao có thể gột rửa và che giấu mọi người đến chiêm ngưỡng vết tích mẫu phẫn và những con chữ tên tôi trên mặt đá lem luốc một thứ bồ hóng như các ngôi nhà quanh vùng. Cuối cùng, trước mắt tôi, cái công trình nghệ thuật bất tử, hằng ao ước từ bao ngày, cũng như bản thân ngôi nhà thờ, biến thành một bà già nhỏ bé bằng đá có thể đo được chiều cao, đếm được những nếp nhăn.

Thời gian trôi nhanh, tôi phải quay lại nhà ga đón bà tôi và Françoise để cùng ra bãi biển Balbec. Tôi nhớ lại những gì đã đọc về Balbec, những lời của Swann:

“Tuyệt vời, đẹp chẳng khác Sienne⁽²⁵⁰⁾”.

Và cho rằng mình thất vọng chỉ vì những sự việc ngẫu nhiên, vì cơ thể mệt mỏi, vì không biết cách nhìn, tôi cố tự an ủi mình bằng cách nghĩ bụng còn những thành phố khác nguyên vẹn nay mai có thể tới chiêm ngưỡng.

Trên con tàu hỏa nhỏ chạy ra bãi biển Balbec, tôi gặp lại bà tôi một mình: cụ đã cho Françoise đi trước để chuẩn bị sẵn mọi thứ. Chắc hẳn lúc này, người lão bộc đang trên chuyến tàu tốc hành đi Nantes và có lẽ sẽ thức dậy

ở Bordeaux. Tôi vừa kịp ngồi trong toa tàu tràn ngập ánh sáng buổi chiều và ngột ngột hơi nóng dai dẳng, thì bà tôi hỏi:

“Này cháu, Balbec thế nào?” Trên môi bà tôi nở một nụ cười rạng rỡ vì cụ đình ninh tôi thực sự hoan hỉ, nên tôi không dám thú nhận ngay nỗi lòng thất vọng. Vả lại, cái nơi chốn hình hài tôi sắp phải làm quen càng dịch lại gần, thì tôi càng ít quan tâm tới cảm giác mà trí óc mình trước đây kiếm tìm. Còn một tiếng nữa, chúng tôi mới tới đích, nhưng tôi đã tìm cách hình dung vị giám đốc khách sạn và muốn đến gặp ông ta cùng với một bộ sậu uy nghi hơn, chứ không phải chỉ với một mình bà tôi: Chắc chắn cụ sẽ yêu cầu ông ta hạ giá tiền cho thuê buồng. Tôi hình dung anh ta đầy vẻ cao ngạo nhưng với những đường nét mơ hồ. Trước khi tới bãi biển Balbec, con tàu nhỏ luôn luôn dừng bánh ở những nhà ga nhỏ với những cái tên xa lạ đối với tôi; nhưng nếu đọc trong một cuốn sách thì có lẽ những địa danh ấy có quan hệ với một số vùng lân cận Combray. Đối với tai một nhạc sĩ, hai môtip tuy thực sự bao gồm nhiều nốt giống nhau nhưng vẫn không giống nhau tí nào nếu chúng có sự khác biệt về hòa âm và tiết tấu. Cũng giống như vậy, những địa danh với rất những cát và muối, với bầu trời thoáng đãng và trơ trụi, khiến tôi nhớ tới địa danh khác, vì tôi đã thường được nghe bà cô nhắc tới bên bàn ăn, và chúng có một sức hấp dẫn âm thầm, trong đó có lẽ lẫn lộn hương vị các món mứt, mùi lửa củi gỗ, mùi giấy một cuốn sách của Bergotte, màu sa thạch của ngôi nhà trước mặt; và cả đến hôm nay, khi từ kí ức sâu thẳm, chúng đang lên như một cái bọt nước, những địa danh ấy vẫn giữ nguyên bản sắc đặc trưng của chúng qua những nơi chốn khác nhau và chồng chất lên nhau thành tầng thành lớp mà chúng phải vượt qua trước khi ngoi tới trên mặt. Sừng sững trên mặt biển xa xa hoặc ẩn náu trong bóng đêm dưới chân những ngọn đồi một màu xanh chói chang và một dáng dấp chẳng mấy thanh nhã, là những khu nhà nghỉ nhỏ bao gồm vài bốn ngôi biệt thự với một mảnh sân quần vợt và thỉnh thoảng một câu lạc bộ phấp phới một lá cờ trước gió. Lần đầu tiên, những khu nhà nghỉ ấy giới thiệu du khách với tôi, nhưng là giới thiệu về vẻ bề ngoài thường ngày của họ: những cầu thủ quần vợt đội cát két trắng, viên xếp ga sống cạnh những khóm liễu bách và khóm hồng trong vườn nhà, một vị phu nhân đội mũ hẹp vành đang diễn lại cái vòng đời hàng ngày của bà mà tôi sẽ không bao giờ nắm bắt được: bà gọi con chó săn đang nhớn nhơ để trở về lâu đài tràn ngập ánh sáng; những hình ảnh vừa quen vừa lạ ấy làm nhức nhối ánh mắt lạ lẫm và trái tim bơ vơ của tôi. Nhưng nỗi đau càng nhức nhối hơn khi chúng tôi đặt chân vào hành lang của Đại-Khách sạn Balbec, trước bậc tam

cấp đồ sộ giả đá hoa cương, trong lúc bà tôi không hề lo ngại khơi dậy thêm lòng thù ghét của những con người xa lạ sẽ cùng chung sống với chúng tôi. Cụ bàn cãi “điều kiện” với tay giám đốc, một gã cục mịch, mặt đầy sẹo, giọng nói ngọng nghịu. Ra về hào hoa trong chiếc x-mô-king với ánh mắt của nhà tâm lý học, mỗi khi xe buýt tới, lão thường cho các đại quý tộc là kẻ hạ lưu và bọn trộm cắp là đại quý tộc! Chắc hẳn quên bằng bản thân mình cũng không kiểm nổi năm trăm quan tiền lương tháng, lão hết sức khinh miệt những ai cho năm trăm quan, hay, như lão nói, “hai năm louis”, là cả “một khoản tiền”, và xem họ thuộc lớp người khố rách áo ôm không đáng mặt đến Đại-Khách sạn. Quả là ngay trong khách sạn này, có những người không trả thật nhiều tiền nhưng vẫn được lão kính nể, miễn là lão tin chắc họ ngần ngại tiêu pha, không phải vì nghèo đói mà vì hà tiện. Thật vậy, hà tiện không hề làm giảm uy tín vì nó là một thói tật và do vậy có thể bắt gặp ở mọi địa vị xã hội. Lão giám đốc chỉ chú ý tới vị trí xã hội hay nói đúng hơn, tới những dấu hiệu cho lão nhận ra một địa vị cao sang, chẳng hạn không bỏ mũ ra khi bước vào hành lang, mặc quần rộng bóp gấu, áo palotô bó sát người, và rút điếu xì gà có kẻ chỉ màu đỏ và vàng từ một bao thuốc bằng da dê thuộc (tất cả những ưu thế mà than ôi! tôi đâu có). Điểm xuyết cho cái miệng lưỡi nhà buôn của lão là những từ ngữ chọn lọc nhưng ngược nghĩa.

Không tỏ vẻ khó chịu trước cái cảnh lão giám đốc đứng nghe mình nói mà mũ vẫn sùm sụp trên đầu và huýt sáo miệng, bà tôi hỏi với một giọng không tự nhiên:

- Thế giá cả của ông... thế nào? ... Ô, cao quá đối với ngân sách nhỏ nhoi của tôi đấy.

Còn tôi thì ngồi chờ trên chiếc ghế dài, và để khỏi quá đau khổ, tự giấu mình vào nơi sâu lắng nhất của nỗi lòng, cố sức ẩn náu vào những tư tưởng vĩnh hằng, có sức không để lộ một tí gì sống động trên bề mặt hình hài mình, cái bề mặt đã trở nên vô tri vô giác như của những con vật giả chết khi người ta bắn bị thương. Tại đây tôi thật sự thấm thía tình cảnh hoàn toàn thiếu quan hệ giao tiếp của mình khi thấy lão giám đốc tỏ vẻ trân trọng đối với một vị phu nhân thanh lịch có những cung cách ra chiều thân tình với con chó theo sau, và với cậu công tử bột đội mũ có cắm lông chim vừa bước vào vừa hỏi hẳn có thư từ gì không; đối với tất cả những người này,

bước lên những bậc tam cấp giả cẩm thạch của khách sạn cũng chẳng khác nào trở về nhà họ. Cùng lúc đó, các vị mang danh hiệu “trưởng ban đón tiếp”, có lẽ vì không mấy thông thạo nghệ thuật “đón tiếp”, nhìn tôi với ánh mắt của Minos, Eaque và Rhadamante⁽²⁵¹⁾; xa hơn, phía sau một tấm cửa kính đóng kín mít, nhiều người ngồi trong một phòng đọc sách mà nếu muốn miêu tả thì ắt phải chọn trong tác phẩm của Dante⁽²⁵²⁾ lần lượt những màu sắc ông phác họa Thiên đường và Địa ngục, tùy theo tôi nghĩ tới hạnh phúc của những người được Chúa chọn lựa và có quyền hoàn toàn yên ổn ngồi đọc sách trong phòng, hoặc tới nỗi kinh hoàng của bản thân mình nếu bà tôi ra lệnh cho tôi đặt chân vào trong đó khi cụ không quan tâm tới loại cảm giác ấy.

Một lát sau, cảm giác cô đơn của tôi càng tăng thêm. Tôi thú thật với bà tôi là tôi không được khỏe lắm, là có lẽ bà cháu chúng tôi buộc rồi đây phải trở về Paris; không ngờ ý phản đối, cụ chỉ bảo cụ đi phố mua mấy thứ có thể bổ ích dù chúng tôi ra về hay ở lại; trong lúc chờ đợi, tôi đi bách bộ trên đường phố chen chúc những con người còn mang theo hơi ấm của gia đình; một cửa hiệu cắt tóc và phòng khách một hàng bánh ngọt vẫn mở cửa với những người khách quen ngồi ăn kem trước bức tượng Duguay-

Trouin⁽²⁵³⁾. Tượng hầu như gây cho tôi hứng thú chẳng khác nào tấm ảnh của ông trong một tờ họa báo có thể làm người bệnh vui thích khi ngồi đọc trong phòng chờ của một bác sĩ phẫu thuật. Tôi ngạc nhiên khi nghĩ có nhiều người không giống mình tới mức lão giám đốc khuyên tôi đi phố dạo chơi để giải trí, và một số người không cho một chỗ ở mới là một chốn khổ ải, mà chính là một “cõi Thiên đường” như ghi trong tờ quảng cáo của khách sạn; quảng cáo có thể cường điệu nhưng nhằm đông đảo khách hàng mà nó phỉnh nịnh sở thích. Quả là để câu khách tới Đại-Khách sạn Balbec, tờ quảng cáo nhắc tới chẳng những “món ăn tuyệt hảo” và “cảnh trí thần tiên trong khu vườn Câu lạc bộ”, mà còn cả những “quyết định của Hoàng đế Thời thượng người ta không thể dễ dàng vi phạm nếu không muốn bị xem là kẻ đần độn, tình huống không một con người có giáo dục nào muốn rơi vào”.

Càng lo sợ làm bà tôi thất vọng, tôi càng thấy cần có cụ. Chắc cụ phải nản lòng và cảm thấy nếu tôi không thể chịu đựng nổi vất vả cuộc hành trình này thì không một cuộc du lịch nào có thể mang lại sức khỏe cho tôi nữa. Tôi quyết định trở về chờ cụ; lão giám đốc đích thân tới bấm một cái nút: một “nhân vật” tôi chưa quen biết, mà người ta gọi là “lift”⁽²⁵⁴⁾ (đứng ở

điểm cao nhất của khách sạn giống như nhà nhiếp ảnh đứng sau ống kính hay một nghệ sĩ đại phong cầm ngồi trong phòng) bắt đầu đi xuống phía tôi một cách đều đặn như một con sóc được thuần dưỡng, cần mẫn trong cảnh giam cầm. Tiếp tục trượt theo một cái trụ, hẳn kéo tôi theo tới vòm của cái “giáo đường thương nghiệp” này. Ở mỗi tầng lầu, hai bên những chiếc cầu thang liên lạc nhỏ, tỏa ra theo hình nan quạt một dãy hành lang tối tăm; một cô gái hầu phòng đi qua, mang theo một chiếc gối dài.

Gương mặt cô gái nhòa nhạt trong bóng hoàng hôn, tôi ngỡ là bóng hình những giấc mơ say đắm nhất của nành, nhưng tôi đọc thấy trên gương mặt nàng nỗi kinh hoàng trước vẻ hư ảo của tôi. Trong cuộc leo cao vô tận này, nhằm đánh tan nỗi khiếp hãi phải im lặng thâm nhập bí mật của cái cảnh tranh tối tranh sáng không một chút thi vị này với một dãy theo chiều thẳng đứng những tấm cửa kính của nhà vệ sinh duy nhất ở mỗi tầng lầu, tôi bắt chuyện chàng trai chơi đại phong cầm, người tạo nên cuộc hành trình, người bạn đồng hành trong cảnh giam hãm của mình. Hẳn tiếp tục chơi đàn. Tôi xin lỗi đã choán mất nhiều chỗ, đã quá làm phiền hẳn, muốn biết có làm trở ngại công việc thi thố tài nghệ của hẳn không; và để phỉnh nịnh anh chàng, tôi không chỉ ngỏ ý tò mò muốn biết, mà còn thú thật lòng say mê tài nghệ ấy. Nhưng hẳn không nói không rằng. Phải chăng vì nghề ngỗng hay vì trí óc lười nhác; vì ngạc nhiên trước lời lẽ của tôi hay vì tập trung chú ý vào công việc; vì giữ gìn nghi thức hay vì tôn kính nơi chốn này; vì sợ tai nạn hay sợ mệnh lệnh giám đốc?

Có lẽ không có gì gây ấn tượng về thực trạng những gì nằm bên ngoài ta, sâu sắc hơn sự thay đổi vị trí của một người đối với chúng ta, trước và sau khi chúng ta biết người đó, dù là một người không mấy may quan trọng. Tôi vẫn là đứa đáp con tàu nhỏ ở Balbec vào một buổi chiều; tâm hồn trước sau vẫn là một. Nhưng nếu trước đây vào lúc sáu giờ, tôi nghĩ tới một cuộc đón tiếp mơ hồ và ngượng ngùng và không sao hình dung nổi khách sạn cùng lão giám đốc và nhân viên khách sạn, thì giờ đây, tôi chứng kiến những vết mụn trên mặt lão ta, cử chỉ của lão khi bấm chuông thang máy, và cả bản thân chiếc thang máy này nữa với cả một lũ con rối bất di bất dịch nhưng vô tích sự bước ra từ tòa nhà Đại Khách sạn. Nhưng ít ra sự đổi thay mà tôi không hề can dự ấy cũng cho tôi thấy đã xảy ra một điều gì đấy bên ngoài tôi – dù tự bản thân điều ấy không có gì quan trọng hết, và tôi khác nào một du khách lúc ra đi, mặt trời ở trước mặt nên nhận ra thời gian đã trôi qua khi thấy mặt trời sau lưng mình.

Tôi mệt rũ rời, người lên cơn sốt, lẽ ra phải đi nằm, nhưng lại thấy không
mấy may sẵn sàng để có thể đi nằm. Tôi muốn ít ra cũng ngả lưng một lát
trên giường, nhưng làm sao yên lòng được khi ngón ngang biết bao cảm
xúc vốn là bộ phận tâm linh nếu không phải là một bộ phận vật chất của
mỗi chúng ta? Và lại, những vật xa lạ bao quanh tôi như đưa thị giác, thính
giác, mọi giác quan của mình vào một vị trí chật hẹp và khó chịu (dù tôi có
đuỗi chân đi nữa) giống như vị trí của Hồng y giáo chủ La Balue⁽²⁵⁵⁾
trong chiếc lồng không đứng mà cũng không ngồi nổi.

Những buổi ban đầu, chúng ta chú ý tới sự có mặt của đồ vật trong buồng nhưng rồi quen dần, chúng như không còn tồn tại và không chiếm mất chỗ của chúng ta nữa. Trái lại, căn buồng ở Balbec, không dành chỗ cho tôi (nó chỉ là của tôi về danh nghĩa) - nó chất đầy những thứ tôi không quen biết, chúng trả lại tôi cái ánh mắt ngờ vực tôi nhìn chúng, và không quan tâm tới cuộc sống của tôi, chúng tỏ ý tôi quấy nhiễu nếp sống thường ngày của chúng. Ở nhà, tôi chỉ nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường mỗi tuần vài phút khi bừng tỉnh suy tư; còn đồng hồ khách sạn thì tích tắc liên tục không ngừng không nghỉ một khắc nào, và bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ, nói lên những điều chắc hẳn khiếm nhã đối với tôi, vì những tấm riđô màu tím như thể lặng im nghe nó, không nói không rằng, nhưng với một thái độ tương tự thái độ của những kẻ nhún vai để tỏ rõ sự có mặt của người thứ ba làm họ khó chịu. Căn phòng khách sạn rất cao này bỗng phảng phất một hơi hướng lịch sử có thể làm nó thích hợp với vụ ám sát công tước de Guise⁽²⁵⁶⁾, và về sau với cuộc viếng thăm của những du khách do một nhân viên hãng Cook⁽²⁵⁷⁾ dẫn đường, nhưng tuyệt nhiên không thích hợp với giấc ngủ của tôi. Tôi day dứt vì sự có mặt của những chiếc tủ sách nhỏ có cửa kính chạy dọc tường, và nhất là vì một tấm gương soi to tướng có chân sừng sừng giữa căn buồng, và cảm thấy chừng nào nó chưa bị đưa ra ngoài thì tôi không sao có một chút nghỉ ngơi. Đồ đạc trong phòng tôi ở Paris không hề làm tôi khó chịu, vì chúng chỉ là những thứ phụ trợ của con người tôi, một sự phóng to bản thân tôi mà thôi. Trái lại ở đây, tôi không ngớt ngược mắt lên cái trần vòm lâu phía trên nóc khách sạn bà tôi chọn cho mình; và đến cả mùi thơm cây hương bài cũng tấn công tôi trong nơi ẩn nấu cuối cùng, nơi người ta cảm nhận được đến tận cái tinh tế của mùi vị, chứ không phải chỉ nghe bằng tai, nhìn bằng mắt; tôi vất vả và liên tục chống chọi lại một cách vô ích và chỉ biết hít hà một cách tuyệt vọng. Tôi không còn thể giới riêng, không còn cả buồng ngủ của mình nữa, mà chỉ còn lại cái hình hài bị “kẻ thù” bao vây, uy hiếp, bị cơn sốt giày vò; tôi cảm thấy cô đơn, tôi muốn chết. Đúng vào lúc ấy, bà tôi bước vào: ngay lập tức, những không gian vô tận mở ra trước trái tim tôi cho tới lúc bấy giờ bị dồn nén.

Bà tôi bận chiếc áo dài mặc trong nhà bằng vải chàm màu xanh thẫm thường dùng mỗi khi trong gia đình có người bệnh (vì- theo lời cụ - như thế cụ thấy thoải mái hơn: bà tôi luôn luôn gằn cho mọi hành vi của mình những động cơ vị kỷ); trong lúc cụ chạy chữa, chăm sóc chúng tôi, tấm áo ấy, đối với

cụ, chính là chiếc blu của chị hộ lý, là tấm áo dài của bà xơ; càng biết ơn sự săn sóc ân cần, tấm lòng nhân hậu và công lao của những người này, chúng ta càng cảm thấy mình cô đơn, xa lạ, tự mình chịu trách nhiệm về tâm tư, tình cảm của mình. Nhưng trái lại, bà tôi thấu hiểu mọi nỗi phiền muộn sâu lắng nhất của tôi với một tình thương bao la, mong kéo dài và phát triển cuộc sống của tôi còn thiết tha hơn chính bản thân tôi. Tâm tưởng của tôi chuyển thành của bà tôi, nguyên vẹn, không hề sai lệch, vì cảnh và người không một chút đổi thay.

Cũng như anh chàng đứng thẩn cựa trước gương soi không nghĩ cái nút cựa mình nhìn thấy, thực ra không nằm ở phía mình đưa tay tới mà ngược lại, hoặc như con cún đuổi theo cái bóng chập chờn của con côn trùng trên mặt đất, tôi bị hình hài đánh lừa chẳng khác người ta bị đánh lừa trong một xã hội mà con người không hiểu con người trực tiếp qua tâm hồn. Tôi lao vào vòng tay bà tôi, gấn môi lên vầng trán cụ như thể hòa nhập vào cõi lòng mênh mông cụ rộng mở cho mình. Môi không rời khỏi gương mặt bà tôi, tôi tìm thấy trên đó một cảm giác thật êm đềm, thật ấm áp và tôi giữ nguyên vẻ bất động, nghiêm túc, sự ham hố bình tĩnh của đứa trẻ đang rúc vào vú mẹ.

Tôi nhìn không chán gương mặt rạng rỡ của bà tôi nổi lên như một áng mây chói lọi nhưng im ắng, ấp ủ cả một tình thương bao la. Mọi cảm xúc dù hết sức mơ hồ bà tôi truyền cho tôi, mọi điều tâm tình thầm kín tôi có thể thổ lộ với cụ, đều bỗng nhiên trở nên thiêng liêng, thành kính. Tôi dịu dàng vuốt lên mái tóc mới bắt đầu lốm đốm mấy sợi bạc của bà tôi, thận trọng và tôn kính như thể mơn trớn tấm lòng nhân hậu của cụ. Vui sướng khi chịu đựng vất vả để tránh vất vả cho tôi, trong lúc chân tay tôi rã rời, bà tôi đưa một ánh mắt năn nỉ khi thấy tôi muốn tự mình thay áo, cởi giày để lên giường.

- Ôi, bà van cháu, - cụ bảo tôi. - Một niềm vui rất lớn đối với bà đấy! Và nhất là đêm nay, nếu có cần gì, thì cháu nhớ gõ vào tường; giường bà kê sát giường cháu, và bức vách rất mỏng. Lát nữa, cháu đi nằm thì gõ thử để xem bà có nghe tiếng không.

Và, đúng thế, tối hôm ấy, tôi gõ ba tiếng; và một tuần sau, bị mệt, sáng sáng, tôi gõ như vậy mấy ngày liền vì bà tôi muốn mang sữa cho tôi thật sớm. Vì vậy, khi tường chừng bà tôi đã thức giấc, để cụ khỏi chờ đợi và ngay sau đó có thể ngủ lại, tôi gõ thử ba tiếng, rụt rè, yếu ớt nhưng vẫn rõ rệt, vì nếu tôi sợ làm mất giấc ngủ của bà tôi trong trường hợp cụ đang ngon giấc thì trái lại, tôi cũng không muốn cụ tiếp tục mong ngóng một tín

hiệu mà thoát tiên cụ không nhận ra và tôi không dám lặp lại. Tôi vừa gõ xong thì nghe ngay ba tiếng gõ khác, cung cách không giống như tiếng gõ của tôi, mà thấm đậm một vẻ quyền uy tĩnh táo, lặp lại hai lần để được rõ ràng và như muốn bảo: “Cháu chớ bắn khoả, bà nghe rồi; chỉ một lát nữa, bà sẽ có mặt thôi”. Và ngay sau đó, bà tôi sang. Tôi thưa là tôi sợ cụ không nghe hoặc nghĩ là nhà hàng xóm gõ. Bà tôi bật cười:

- Nhằm tiếng gõ của con cún tội nghiệp của bà với những tiếng gõ khác ư? Dù có hàng nghìn tiếng, bà cũng nhận ra thôi, cháu ạ! Thế ra trên đời này còn có những người khác cũng ngờ nghệch, cũng run rẩy, cũng day dứt giữa nỗi lo phải thức giấc và nỗi sợ bị không hiểu như cháu của bà hay sao? Nhưng dù chỉ qua một tiếng cào nhẹ, bà cũng nhận ra ngay chú chuột nhắt bé nhỏ duy nhất và tội nghiệp của mình. Bà nghe chú chuột nhỏ của bà ngập ngừng, cựa quậy trên giường được một lúc rồi kia mà.

Bà tôi hé mở cửa chớp; ở gian nhà phụ của khách sạn, mặt trời đã chiếu sáng mái ngói giống như một bác thợ lợp nhà dậy sớm im lặng bắt tay ngay vào công việc để khỏi đánh thức phố phường còn ngon giấc; không gian tĩnh lặng làm nổi bật sự tháo vát của người thợ.

Bà tôi cho tôi biết đã mấy giờ rồi, thời tiết sẽ ra sao, bảo tôi chẳng phải ra tận cửa sổ làm gì vì biển có sương mù, rồi lại cho tôi biết hiệu bánh mì đã mở cửa hay chưa, chiếc xe hơi có tiếng lăn bánh ngoài kia là xe nào: toàn

bộ cái cảnh mở màn vô thưởng vô phạt của một ngày, cái *introit*⁽²⁵⁸⁾

không một ai tham dự, một mảnh đời con con chỉ của riêng hai bà cháu tôi mà ngày hôm đó tôi sẵn sàng gọi lại với Françoise hay với những người khách lạ trong khi nói về sương mù dày đặc lúc sáu giờ sáng, không phải để phô trương một tri thức vừa học được, mà để thô lộ biểu hiện của một tình thương chỉ riêng một mình tôi được hưởng; quả là một khoảnh khắc ban mai êm đềm bắt đầu như một bản hợp tấu qua cuộc đối thoại nhịp nhàng giữa ba tiếng gõ của tôi và ba tiếng gõ khác qua bức vách thấm đậm tình thương và nỗi mừng; trở nên êm ái, vô hình và hát ca như những đấng thiên thần, qua ba tiếng gõ hồi âm biết bao mong chờ và hai lần lặp lại ấy, vách như biết mang theo tâm hồn và lời hứa sẽ tới của bà tôi, với một niềm hoan hỉ báo tin và một lòng trung thành không suy suyển.

Nhưng buổi tối đầu tiên sau khi tới nơi, trong lúc bà tôi ra phố, tôi lại bắt đầu đau đớn, như từng đau đớn ở Paris lúc lên đường. Phải chăng nỗi khiếp hãi của tôi - và của cả biết bao người khác nữa - khi phải nằm ngủ trong một căn buồng xa lạ, chỉ là sự phủ nhận tưởng chừng lặng lẽ, êm đềm, hầu như không tự giác nhưng thực ra cực kỳ quyết liệt của tất cả những gì tốt

đẹp nhất trong cuộc sống hôm nay của chúng ta đối với lớp vàng son hào nhoáng mà tâm tưởng mình đem phủ lên trên một ngày mai hoàn toàn vắng bóng những thứ tốt đẹp ấy? Sự phủ nhận đó chính là nỗi kinh hoàng lắng đọng nhất trong lòng tôi khi chợt nghĩ là rồi có ngày bố mẹ tôi sẽ không còn nữa, là những đòi hỏi của cuộc sống có thể buộc tôi phải sống xa Gilberte, hoặc đơn giản hơn, là tôi sẽ phải vĩnh viễn sống ở một xứ sở mà mình sẽ không bao giờ còn gặp gỡ bạn bè. Sự phủ nhận đó cũng còn là nỗi lòng day dứt sâu kín nhất của tôi khi phải nghĩ tới cái chết của chính bản thân mình hay nghĩ tới sự hồi sinh như kiểu hồi sinh Bergotte hứa với độc giả trong tác phẩm; cuộc hồi sinh ấy đâu có cho phép mỗi người mang theo ký ức, khuyết tật, cá tính, vì chúng đâu có cam chịu bị tiêu vong: đối với tôi, chúng không muốn cả cái hư vô lẫn cảnh trường tồn trong đó không còn bóng dáng chúng nữa.

Một hôm, ở Paris, trong khi tôi đặc biệt đau yếu, Swann bảo:

- Cậu nên tới mấy hòn đảo tuyệt vời ở Thái Bình Dương, cậu sẽ thấy là sau đó, cậu chẳng muốn trở về nữa đâu.

Tôi những muốn trả lời:

- Nhưng thế thì tôi sẽ chẳng gặp con gái ông nữa, tôi sẽ sống giữa những người, những vật cô ấy chưa từng thấy bao giờ.

Thế nhưng lý trí bảo tôi:

“Như vậy có sao đâu, vì mi đâu có đau buồn? Khi bảo mi sẽ chẳng trở về nữa đâu, ông Swann muốn nói là mi sẽ không muốn trở về, và nếu mi không muốn trở về, là vì ở đây, mi sẽ hạnh phúc”.

Lý trí trong tôi biết rằng thói quen, giờ đây, phải làm tôi mến yêu chỗ trú chân lạ lẫm này, làm thay đổi vị trí của tấm gương soi, màu sắc các tấm riđô, và làm chiếc đồng hồ treo tường ngừng chạy. Nhưng thói quen cũng có nhiệm vụ biến những người bạn đồng hành lúc đầu làm chúng ta khó chịu thành những người thân thiết, mang tới cho các gương mặt một dáng vẻ mới, làm một giọng nói trở nên dễ thương và làm đổi thay tình cảm của con tim.

Dĩ nhiên những xu hướng thân thiện mới này đối với người và cảnh được vun đắp trên cơ sở lãng quên những xu hướng ngày trước; nhưng quả lý trí bảo tôi có thể hình dung không chút sợ hãi viễn cảnh một cuộc sống mình sẽ vĩnh viễn chia ly với những người mà mình sẽ không còn nhớ tới nữa; nó tưởng đâu là một nguồn an ủi khi hứa hẹn với con tim tôi một sự lãng quên, nhưng trái lại, nó chỉ làm lòng tôi xót xa, tuyệt vọng. Khi cảnh chia ly đã đến những giai đoạn tột cùng, không phải trái tim ta không chịu ảnh

hưởng của những tác dụng xơ cứng của thói quen; nhưng cho tới lúc đó, nó vẫn tiếp tục nhức nhối. Và nỗi khiếp hãi về một ngày mai không còn gặp gỡ, chuyện trò với những người mình yêu thương, cái ngày mai mà hôm nay đây, mình những ngỡ mang lại cho mình niềm vui lớn nhất, nỗi khiếp hãi ấy không hề tiêu tan mà trái lại ngày càng dữ dội, nếu cùng với nỗi đau mất mát, là sự ân hận, xót xa khi thấy lòng mình dừng đứng không hề đau đớn. Cái tôi của chúng ta sẽ đổi thay: không phải chỉ có thiếu vắng xung quanh ta sức cuốn hút của cha mẹ, người yêu, bạn bè, mà tình thương yêu đối với họ cũng sẽ bị hoàn toàn dứt khỏi trái tim ta hôm nay đây còn dành phần lớn cho nó; chúng ta có thể thích thú với cuộc sống chia ly mà lúc này, chỉ mới nghĩ tới không thôi là chúng ta đã kinh hoàng. Bởi vậy, đây sẽ là cái chết thực sự của chính chúng ta, một cái chết quả là sau đó có sự hồi sinh, nhưng là hồi sinh ở một cái tôi khác, và những bộ phận của cái tôi cũ buộc phải chết ấy không sao có thể yêu cái tôi khác được. Chính những bộ phận ấy – ngay cả những bộ phận yếu ớt nhất như sự gắn bó mơ hồ với kích thước, với bầu không khí một căn buồng – sẽ hoảng sợ và khước từ, trong những cuộc

- “nổi loạn” mà ta phải thấy trong đó một phương thức phản kháng bí ẩn, không trọn vẹn nhưng hiển nhiên và đích thực đối với cái chết, một sự phản kháng lâu dài, hàng ngày và khủng khiếp đối với cái chết từng mảng và liên tục trong suốt cuộc đời chúng ta; nó tách ra khỏi ta từng lúc một những mảng của chính cơ thể ta, nhường chỗ cho chính tế bào mới. Và đối với một cá tính dễ bị xúc động như tôi, thì nỗi lo âu khủng khiếp dưới cái trần nhà xa lạ và cao quá cỡ của khách sạn Balbec chỉ là sự phản kháng của thứ tình cảm vẫn còn rơi rớt ở tôi đối với loại trần nhà thấp quen thuộc. Dĩ nhiên tình cảm này sẽ tiêu tan và được thay thế bằng một tình cảm mới; nhưng cho tới lúc ấy, mỗi tối, tim tôi vẫn nhức nhối và nhất là vào tối đầu tiên này, trước một ngày mai đã hiển hiện trong đó không còn có chỗ cho nó, tình cảm ấy

“nổi loạn”, dẫn dắt tôi mỗi khi ánh mắt tôi tìm cách ngược lên cái trần nhà cao vợi vợi làm nó nhức nhối.

Nhưng sáng hôm sau, sau khi được người hầu tới đánh thức và mang nước nóng đến, rồi trong lúc tắm rửa và lôi hết các thứ trong hòm ra mà vẫn không sao tìm thấy những thứ áo quần cần đến, tôi sung sướng biết chừng nào khi bỗng nhìn thấy, qua ô cửa sổ và ở tất cả cửa kính các tủ sách, chẳng khác qua cửa sổ một cabin tàu thủy, mặt biển trần trụi nhưng bị che khuất hết một nửa, và đôi theo lớp sóng cuộn cuộn nối tiếp nhau tựa những người

lướt ván! cầm trên tay chiếc khăn tắm hồ cứng có in tên khách sạn và kỳ cọ mãi mà vẫn không lau khô mình được, tôi quay lại gần cửa sổ nhìn khối nước menh mông và chói chang với những ngọn sóng trắng xóa dữ dội dưới ánh nắng mặt trời còn e ấp. Về sau, ngày ngày, tôi đến đứng cạnh cửa sổ như đứng trước ô kính một cỗ xe ngựa sau khi thức giấc, để nhìn xem trong đêm, một ngọn núi mình ao ước có tiến lại gần hay lùi đi xa không. Ở đây, trước khi dập dờn ào ạt xô về phía chúng tôi, sóng biển có khi lùi xa tới mức thông thường chỉ ở phía sau một cánh đồng cát chạy dài, tôi mới nhìn thấy ở tận tít tắp những gợn sóng đầu tiên, trong một không gian trong suốt, mờ ảo một màu lam tựa những dải băng hà trên nền những bức tranh của các nghệ sĩ Tôxcan⁽²⁵⁹⁾ thời Phục hưng.

Những lần khác, sát bên tôi, ánh mặt trời nô giỡn trên lớp sóng một màu xanh tươi giống màu xanh trên các cánh đồng cỏ ở vùng núi Alpes do sự chuyển động thanh thoát của ánh sáng hơn là nhờ chất ẩm ướt của mặt đất (trên những dãy núi này, mặt trời trải ra đó đây tựa một ông khổng lồ vui vẻ và bước thấp bước cao trượt từ trên đỉnh núi xuống chân đèo). Hơn nữa, ở chốn menh mông trời nước này, ánh sáng làm chuyển động sóng biển nhấp nhô theo hướng ngược chiều với hành trình của nó. Ánh sáng phong phú sắc màu làm biến đổi phương hướng một nơi chốn, đặt ra trước mắt ta những mục tiêu mới mình muốn vươn tới, chẳng kém gì một cuộc du lịch dài ngày.

Sáng sớm, từ phía sau khách sạn chiếu tới, ánh nắng mặt trời như mời mọc tôi dõi theo một cuộc hành trình bất động nhưng phong phú qua những cảnh trí huy hoàng nhất trên một vùng biển nhấp nhô hàng tiếng đồng hồ. Và từ buổi sáng đầu tiên ấy, mặt trời hớn hỡ chiếu sáng xuống những lớp sóng biển xanh rờn không hề có tên trên một bản đồ địa lý nào, cho tới khi, ngây ngất vì cuộc dạo chơi tuyệt vời trên mặt biển vang động và gập ghềnh vì

sóng gió, nó đến ầm náu trong phòng tôi, khoan khoái nghỉ ngơi trên chiếc giường bện bẽ chần nệm, phơi bày sắc màu trên chiếc bàn rửa mặt ướt át, trên chiếc hòm mở toang, làm tăng thêm cảm giác ngổn ngang bừa bãi vì chính vẻ huy hoàng và sự xa phí không đúng chỗ của nó. Than ôi! một tiếng sau, trong phòng ăn thênh thang, giữa bữa ăn trưa, khi chúng tôi vắt mấy giọt chanh màu vàng rộm lên hai con cá lờn bơn khiến chúng để lộ ra trên đĩa ăn bộ xương quăn queo như một cái lông chim và kê tanh tách tựa cây đàn lục huyền, bà tôi cảm thấy khổ sở không được hưởng làn gió biển mát rượi vì cái khung cửa sổ trong suốt nhưng kín mít tựa một chiếc tủ kính bày hàng, cách ly chúng tôi với bãi biển trong lúc chúng tôi vẫn thấy rõ mồn một; và bầu trời in bóng qua khung cửa tròn vẹn tới mức màu xanh da trời tưởng như là màu cửa sổ và những dải mây trắng, như là một tì vết của lớp thủy tinh. Ngỡ mình “ngồi trên bến cảng” hay trong “khuê phòng” nói tới trong thơ Baudelaire⁽²⁶⁰⁾, tôi băn khoăn tự hỏi “vầng dương tỏa sáng mặt biển”, khác xa ánh nắng chiều tà đơn sơ và hời hợt như một đường nét vàng óng và run rẩy, phải chăng là những tia sáng lúc này đang đốt cháy biển cả như một viên hoàng ngọc, làm biển lên men, trở nên một màu hung đỏ đục tựa màu bia, và nổi bọt như sữa, trong khi thỉnh thoảng bập bênh những cái bóng màu xanh to tướng tưởng chừng một vị thần linh vui đùa xô dịch một tấm gương soi trên bầu trời. Tiếc thay! Cái buồng ăn trần trụi ở Balbec tràn ngập ánh mặt trời xanh lè như mặt nước trong bể bơi, và chỉ cách vài bước chân, thủy triều giữa ban ngày dựng lên một bức thành lũy lấp lánh màu đỏ và vàng, vững như bàn thạch nhưng di động, cái buồng ăn ấy khác với “căn buồng” ở Combray ngoảnh mặt ra trước các ngôi nhà đối diện, không chỉ vì dáng dấp của nó không thôi. Ở Combray, mọi người đều biết chúng tôi nên tôi không phải băn khoăn về bất cứ ai hết. Còn trong những ngày đi tắm biển, thì không hề quen biết những người bên cạnh, còn ít tuổi và vẫn rất nhạy cảm, tôi không thể từ bỏ lòng mong muốn làm vui lòng và chinh phục người khác. Tôi đâu có được thái độ dừng dưng cao thượng của một vị khách hào hoa đối với những người ngồi trong phòng ăn, hay của đám các chàng trai và cô gái dạo chơi trên bờ biển; tôi buồn bã nghĩ mình không được cùng họ sánh vai, nhưng lại sẽ buồn bã hơn nếu coi thường mọi hình thức xã giao và chỉ lo nghĩ về sức khỏe của tôi, bà tôi có thể yêu cầu họ gia ân chấp nhận tôi vào cuộc - một lời yêu cầu, tôi cảm thấy thật nhục nhã đối với mình. Dù họ trở về một ngôi biệt thự xa lạ, hoặc rakét cầm tay từ biệt thự ra đi đến một sân quần vợt, hoặc nữa leo lên lưng những con ngựa mà móng chân như giẫm nát trái tim tôi, tôi vẫn nhìn theo họ với

sự tò mò say mê, trong luồng ánh sáng chói chang trên bãi biển trong đó cung bậc xã hội được đổi thay; tôi dõi theo mọi động tác của họ qua ô cửa kính trong suốt tràn ngập ánh sáng mặt trời. Nhưng cửa ngăn hết gió; không chịu để mất khí trời, bà tôi lên mở một cánh cửa sổ; ngay lập tức, cùng với các bản thực đơn và báo chí, gió thổi tung khăn voan và cát kết của mọi người đang ăn trưa; bản thân cụ, như thể được hơi thở của đất trời động viên, ngồi điềm tĩnh và tươi cười tựa nữ thánh Blandine⁽²⁶¹⁾ giữa những tiếng phản đối của các vị du khách khinh bạc và phần nộ, tóc tai rũ rượi, làm tôi càng cảm thấy cô đơn và buồn bã.

Trong số các vị du khách ấy, có những nhân vật quan trọng của một số tỉnh thành chủ yếu của Pháp, vị chánh án ở Caen, vị luật sư trưởng ở Cherbourg, vị đại công chứng ở Mans; quanh năm, họ phân tán khắp nơi như những tay súng du kích đi đánh lẻ hay những quân cờ trên mặt bàn tàn cáo, và đến kỳ nghỉ, tập trung tới khách sạn này. Bao giờ họ cũng giữ nguyên một căn phòng, và cùng với các bà vợ có tham vọng vươn tới hàng ngũ quý tộc, lập thành một nhóm nhỏ, lại có thêm một ngài luật sư có danh vọng, một vị thầy thuốc nổi tiếng của Paris. Hai vị này, hôm lên đường, bảo họ:

- A! Phải rồi, ông bà không đáp cùng chuyến tàu với chúng tôi, ông bà được ưu đãi, ông bà sẽ tới cho kịp bữa ăn trưa mà.

- Thế nào, được ưu đãi ư? Các ngài sống ở Paris, thủ đô, thành phố lớn, trong lúc tôi ở một thị xã tội nghiệp một trăm nghìn sinh mạng, đúng là một trăm hai nghìn trong đợt điều tra dân số vừa qua; nhưng chừng ấy là cái thá gì bên cạnh các ngài với hai triệu rưỡi người, với đường phố rải nhựa và toàn bộ sự rực rỡ của thế giới Paris?

Họ phát âm *r* với lối uốn lưỡi theo kiểu nông dân, nhưng không lấy thế làm khó chịu vì họ là những người xuất chúng ở tỉnh nhà, họ có thể đến Paris như những người khác - nhiều lần người ta mời ông chánh án Caen lên làm thẩm phán ở tòa Đại hình - nhưng muốn yên vị tại chỗ, vì yêu mến thành phố quê hương hoặc vì muốn có cuộc sống kín đáo hay muốn có danh giá, hoặc nữa vì họ bảo thủ và thích thú có quan hệ láng giềng với các tòa lâu đài. Và lại nhiều người không quay về tỉnh ly ngay tức thì.

Bãi biển Balbec như một vũ trụ nhỏ riêng biệt giữa vũ trụ lớn, một chu kỳ mùa vụ khép kín: chẳng những trong những ngày nhìn thấy Rivebelle - tức là nhìn thấy dấu hiệu đông bão, người ta bắt gặp ánh nắng mặt trời trên các mái nhà trong lúc ở Balbec còn tối trời, mà ngay cả khi Balbec đã trở rét, người ta vẫn biết chắc sẽ còn hai hay ba tháng nóng trên bờ bên kia. Bởi vậy, khi mùa mưa và sương mù tới, khi gần sang thu, những vị khách quen

của Đại-Khách sạn Balbec mà vụ nghỉ hè bắt đầu muộn hoặc kéo dài, cho hòe xiểg lên thuyền và đến tìm mùa hè ở Rivebelle hay ở Costedor. Họ nhìn mỗi người mới tới với ánh mắt ngờ vực, và không hề bận tâm, chỉ lo hỏi han về ông chủ khách sạn. Năm nào cũng chỉ vẫn một người - anh chàng Aimé -

tới chuẩn bị vụ nghỉ và giữ chỗ ăn cho họ; biết vợ hăn sắp sinh con, mỗi vị phu nhân của họ, sau bữa ăn, ngồi khâu một chiếc áo quần trẻ sơ sinh và dùng chiếc gương cầm tay ngạo nghễ nhìn bà cháu chúng tôi khi thấy chúng tôi ăn trứng luộc với xà lách, một lối ăn người ta cho là tầm thường và không còn thịnh hành trong xã hội thượng lưu Alençon nữa. Họ tỏ thái độ mỉa mai và miệt thị đối với một người Pháp mệnh danh là Hoàng thượng: quả là ông ta tự xưng là vua của một hòn đảo tí hơn trên Thái Bình Dương, cư dân chỉ có vài người man rợ. Ông ta ở khách sạn cùng với một ả tình nhân xinh đẹp; mỗi lần gặp ả trên đường đi tắm, bọn nhóc con hô to: “Hoàng hậu muôn năm!” vì ả vãi cho chúng những đồng năm mươi xu. Ngài chánh án và ngài luật sư trưởng khăng khăng tránh mặt cô ả, và nếu có ai đó trong số bè bạn họ nhìn cô ta, thì họ cho là có bốn phận bảo cho y biết đó là một cô công nhân tầm thường.

- Nhưng người ta cam đoan với tôi là ở Ostende⁽²⁶²⁾, họ sử dụng cả một buồng tắm vương giả.

- Dĩ nhiên! Họ thuê với giá hai mươi franc. Ông cũng có thể thuê nếu thích. Tôi biết đích xác là hăn xin yết kiến nhà vua, nhưng Hoàng thượng cho người bảo hăn Ngài không cần biết tới cái ông vua-con rồi ấy.

- A, quả là thú vị! Dầu sao cũng có những kẻ!...

Và chắc hẳn tất cả tình hình ấy là có thật; nhưng cũng vì bức mình cảm thấy đối với số đông, họ chỉ là những tay trưởng giả không quen biết “nhà vua và bà hoàng hậu” hoang phí tiền bạc này nên các ngài công chứng, chánh án, luật sư trưởng vô cùng cáu giận khi hai con người mà họ gọi là những con rối lồ bịch đi qua, và không giấu giếm sự phẫn nộ ấy; biết rõ như vậy, ông chủ khách sạn từ xa nháy mắt với các vị khách hàng quen thuộc với điệu bộ đầy ý nghĩa trong lúc buộc phải tiếp đón niềm nở hai vị vua chúa hào phóng hơn là chính danh. Cũng có thể họ có phần bức mình vì bị hiểu lầm là không “sang” mà không sao bộc bạch được là mình còn thật sự “sang” hơn cả cái anh chàng bảnh bao, gã con trai phóng đảng và bị lao phổi của một nhà công nghiệp lớn ngày nào cũng đến uống sâm banh trong bữa ăn trưa. Trong chiếc veston mới tinh với một đóa hoa lan cắm ở khuy áo, lạnh lùng, thản nhiên, một nụ cười phớt đời trên môi, hăn ném lên chiếu bạc những số tiền khổng lồ “mà hăn không biết quảng đi đâu cho hết” - theo lời ngài công chứng nói với ngài chánh án với vẻ thạo tin, còn bà vợ ông ta thì biết “theo một nguồn tin chắc chắn” rằng chàng trai “hư đồn” này làm bố mẹ hăn chết buồn chết phiền.

Mặt khác, ngài trạng sư trưởng và bè bạn không tiếc lời đàm tiếu về một vị phu nhân giàu có và có tước vị chỉ vì bà ta đã đi du lịch với tất cả nếp sinh hoạt như khi ở nhà. Mỗi khi gặp bà trong bữa ăn, hai bà vợ ông công chứng và ông chánh án dùng gương cầm tay xét nét một cách xất xược, soi mói và thách thức như thể bà là một món ăn, tên gọi thì hào nhoáng, nhưng dáng vẻ thì đáng ngờ và sau khi xem xét kỹ lưỡng, người ta phải đẩy ra xa với một cử chỉ khinh mạn và một cái bĩu môi kinh tởm. Chắc hẳn qua đây, họ chỉ muốn tỏ ra rằng nếu bản thân họ không có chút quyền lợi này lợi nọ - cụ thể là một vài đặc quyền của vị phu nhân già, và quan hệ giao tiếp với bà, thì không phải là vì họ không thể có, mà chính vì họ không muốn có.

Nhưng rốt cuộc chính họ lại tin như vậy; và nếu từ bỏ mọi ham muốn, từ bỏ thái độ tò mò đối với những cung cách sống mà mình không biết tới, cũng như từ bỏ hy vọng làm vui lòng những người mới tới, thay thế chúng bằng một sự khinh khỉnh giả tạo, một sự hoan hỉ không chân thực, thì họ vấp phải điều bất lợi là tuy bức dọc nhưng phải làm ra vẻ hài lòng và luôn luôn tự lừa dối mình, chỉ hai điều kiện ấy cũng đủ làm họ đau khổ. Nhưng rõ ràng là mọi người trong khách sạn này đều hành động như họ, tuy dưới những hình thức khác, và hy sinh cái xao xuyến ngọt ngào muốn dính líu vào một cuộc đời xa lạ, nếu không phải cho lòng tự ái thì ít ra cũng cho một vài nguyên lý giáo dục hay những tập quán tinh thần. Dĩ nhiên cái tiểu vũ trụ vị phu nhân già khép mình trong đó không bị đầu độc bởi những nỗi căm hờn gay gắt, những tiếng la hét cuồng nộ như cái nhóm hai bà vợ ông công chứng và ông chánh án. Trái lại, nó phảng phất một hương vị thanh tao và già lão nhưng cũng không kém phần giả tạo. Xét cho cùng, bằng cách quyến rũ và tranh thủ cảm tình thầm kín của người mới tới, vị phu nhân già có thể tìm thấy một sự mê ly không sao có được nếu chỉ giao thiệp với những người trong thế giới của mình và nếu đỉnh ninh đó là thế giới đẹp đẽ nhất nên coi thường thái độ miệt thị của người khác. Có thể bà ta cảm thấy nếu tới Đại Khách sạn mà không ai biết thì với chiếc áo dài đen bằng len và chiếc mũ vải không hợp thời trang, bà có thể làm một gã phóng đảng mỉm cười; nằm dài trên ghế xích đu, hẳn có thể lầm bầm “đồ đĩ!” Đặc biệt, với bộ ria mép màu muối tiêu trên một gương mặt tươi mát và cặp mắt sắc sảo như ngài chánh án, một vị cao sang nào đó có thể chỉ ngay trong chiếc gương cầm tay của bà vợ sự xuất hiện của “cái hiện tượng khác thường này”. Phải chăng vì nỗi sợ hãi bất giác đối với cái giây phút đầu tiên mình biết là ngăn ngại nhưng không phải vì vậy mà không đáng gờm - như khi người ta ngụp đầu lần thứ nhất xuống nước - nên vị phu nhân nọ cho

đầy tớ tới trước, báo cho khách sạn biết cá tính và thói quen của bà; và không kịp để chủ khách sạn chào hỏi, vội vã bước về phòng, vì e ấp hơn là vì cao ngạo; trong phòng, những tấm riđô của riêng bà thay thế riđô cửa sổ, màn gió, tranh ảnh, tạo nên giữa bà và thế giới bên ngoài mà lẽ ra bà phải thích nghi, “bức vách tập quán” khiến chính căn buồng ở nhà bà mà bà vẫn ở trong đó “đi du lịch”, chứ không phải bản thân bà.

Cách ly bà chủ họ với nhân viên khách sạn và mọi người phục vụ khác, đám gia nhân thay mặt bà ta tiếp xúc với cái nhân loại mới này và duy trì xung quanh bà một không khí quen thuộc. Như có một bức tường thành kiến ngăn cách giữa bà và khách tắm biển, và không quan tâm có làm phật ý hay không những người mà chắc hẳn bạn bè mình không chấp nhận, bà tiếp tục sống trong thế giới riêng của mình với thư từ của bè bạn, và bằng ký ức, bằng nhận thức sâu sắc mình có địa vị, có phong cách đẹp đẽ, có phép xã giao thành thực. Hàng ngày khi bà từ trên lầu xuống nhà để bước lên xe ngựa đi dạo, thì cô hầu phòng mang đồ đạc theo sau và anh chàng hầu cận bước đi phía trước, trông tựa những người lính gác trước cửa một tòa đại sứ có treo quốc kỳ bảo đảm quy chế ngoại giao cho bà trên lãnh thổ nước ngoài.

Hôm chúng tôi tới, vị phu nhân không ra khỏi phòng trước nửa buổi chiều, và chúng tôi không gặp bà trong phòng ăn; vì là những người mới tới, chúng tôi được ông chủ khách sạn dẫn tới đây, dưới sự che chở của ông, vào giờ ăn trưa, chẳng khác một ngài đội đưa mấy chàng tân binh tới thầy cai-phó may để đo may quần áo. Nhưng một lát sau, chúng tôi thấy một nhà quý tộc - chúa đất cùng con gái, thuộc một dòng dõi không lấy lừng song rất lâu đời ở Bretagne: ngài Stermaria và tiểu thư.

Khách sạn bố trí bà cháu tôi ngồi vào bàn ăn của họ, vì tưởng chiều tối họ mới quay về. Tối Balbec chỉ để tìm gặp những chủ lâu đài quen biết trong vùng, họ chỉ đặt chân vào phòng ăn khách sạn lúc thật cần thiết, ngoài những buổi mời ăn ngoài phố được họ nhận lời và những buổi thăm viếng đáp lễ. Thái độ cao ngạo của hai bố con ông ta khiến không ai có cảm tình, và họ cũng không chút quan tâm tới những người xa lạ ngồi xung quanh. De Stermaria giữ thái độ lạnh lùng, xa cách, thô bạo, ra chiều gây gổ và ác ý như thái độ của người ta ở một quầy hàng ăn trên xe lửa giữa đám hành khách chưa bao giờ gặp mặt và sẽ không bao giờ gặp mặt nữa; đối với những người này, họ không hình dung một mối quan hệ nào khác ngoài

việc bảo vệ con gà ướp lạnh và chỗ ngồi trong toa xe. Chúng tôi vừa kịp cầm thìa nĩa thì người ta yêu cầu đứng dậy theo lệnh của ngài de Stermaria vừa mới tới; không một lời xin lỗi nhỏ đối với bà cháu tôi, ông ta lớn tiếng yêu cầu ông chủ khách sạn chú ý không để cho một sai lầm như vậy tái diễn, vì ông ta khó chịu khi bị “những kẻ ông ta không quen biết” chiếm mất bàn ăn.

Dĩ nhiên, nếu có một nàng diễn viên (nổi tiếng vì vẻ thanh lịch, vì đầu óc, vì bộ sưu tập sành sứ Đức hơn là vì vài vai diễn ở Nhạc viện) cùng người yêu, một chàng trai rất giàu có, và hai người đàn ông rất được trọng vọng trong giới quý tộc, sống tách biệt thành một nhóm, chỉ cùng nhau đi du lịch, cùng nhau ăn trưa rất muộn sau khi mọi người ăn xong, rồi suốt ngày ngồi đánh bài trong phòng khách, thì có thể không phải vì ác tâm mà chỉ vì thị hiếu đối với một vài hình thức chuyện văn tế nhị, một vài thói ăn ngon sành sỏi; thị hiếu ấy khiến họ chỉ tìm thấy thú vui khi cùng sống, cùng ăn với nhau, và không sao chịu đựng nổi cuộc sống chung với những người chưa từng được làm quen với cuộc sống ấy. Ngay trước bàn ăn hay bàn chơi bài, mỗi người trong số họ cũng cần biết người khách ngồi trước mặt liệu có một hiểu biết nhất định cho phép nhận ra những sản vật tồi nhưng rất nhiều ngôi nhà Paris phô trương như những công trình “Trung thế kỷ” hay “Phục hưng” chính hiệu hay không, và nói chung có năm được những tiêu chuẩn họ cùng thừa nhận đối với mọi sự vật để phân biệt cái tốt, cái xấu không. Dĩ nhiên, vào những lúc ấy, cuộc sống đặc biệt mà họ mê say có khi chỉ là một lời tán thán hiếm hoi và kỳ cục thốt ra giữa bầu không khí tĩnh lặng của bữa ăn hay ván bài, hoặc nữa là chiếc áo dài duyên dáng của cô diễn viên trẻ trong bữa ăn trưa hay trong lúc chơi bài. Nhưng bủa vây họ trong những thói quen đã trở thành máu thịt, cuộc sống đặc biệt ấy đủ để bảo vệ họ chống lại tấm màn bí ẩn của cuộc sống xung quanh.

Trong những buổi chiều vắng vẻ, trước mắt họ, mặt biển chỉ còn lơ lửng như một bức tranh màu sắc dễ ưa treo trong phòng khách một anh chàng độc thân giàu có; và không biết làm gì hơn mỗi khi ra xong một con bài, một người ngước mắt lên nhìn mặt biển để xem trời đẹp hay xấu hoặc để biết giờ và nhắc những người khác là đã đến bữa trà chiều.

Và buổi tối, họ không ăn ở khách sạn; ở đây, ánh sáng điện chói chang biến phòng ăn thành thang thành một chiếc bể nuôi cá mèn mông và kỳ thú; thợ thuyền, dân chài lưới và cả những gia đình tiểu tư sản vốn sống âm thầm trong bóng tối, đến đứng áp vào mặt kính bể để nhìn giữa cảnh vàng son, cuộc sống xa hoa kỳ lạ đối với những con người nghèo khổ chẳng

khác cuộc sống của những loài cá và nhuyễn thể kỳ lạ. (Và một vấn đề xã hội lớn được đặt ra là liệu cái thành bể bằng kính có mãi mãi bảo vệ được tiệc tùng của những con vật kỳ diệu ấy không và những con người sống âm thầm, tắm tối dưới ánh mắt hau háu trong đêm khuya có tới tót cổ chúng và ăn ngấu nghiến không?)

Vào giờ ấy, ba gã đàn ông mặc x-mô-king đứng chờ một ả đàn bà tới muộn; chỉ một lát sau, từ trên thang máy, ả bước xuống như từ một hộp đồ trang sức bước ra, hầu như mỗi lần với một chiếc áo dài mới và những tấm khăn choàng chọn theo sở thích đặc biệt của người tình, và cho rằng kết quả thâm nhập của các đại tửu lâu mang tầm cỡ quốc tế vào Balbec là thói xa hoa, chứ không phải là nghệ thuật nấu nướng, cả bọn vội vã rúc vào xe hơi, đi ăn tối cách đây nửa dặm, trong một quán ăn nhỏ, nơi họ có những cuộc trao đổi vô tận với anh chàng đầu bếp về cách bố trí thực đơn và cách chế biến thực phẩm. Con đường hai bên trồng táo chạy từ Balbec tới cái tửu quán nhỏ, đối với họ, chỉ là khoảng cách trong đêm tối khó phân biệt với khoảng cách từ nhà

họ ở Paris tới tiệm Cà phê Ănglê hoặc tới Tháp bạc. Tại đây, mấy anh bạn của gã thanh niên giàu có ganh tị với hắn: người tình của hắn quần áo sang trọng biết chừng nào, tấm khăn choàng của ả pháp phối trước mặt họ, mượt mà, thơm nức, nhưng cách ly ả với thế giới bên ngoài.

Tôi băn khoăn, day dứt thấy mình không được như tất cả bọn họ; tôi chú ý tới nhiều người trong số họ; tôi ao ước được một người biết tới, một người đàn ông có vầng trán lõm, có ánh mắt mơ màng, vừa có vẻ bảo thủ nặng nề vừa ra chiều có giáo dục; đó là vị lãnh chúa lớn trong vùng, người anh rể của Legrandin. Thỉnh thoảng ông ta tới thăm Balbec, và ngày Chủ nhật, qua hội hoa viên vợ chồng ông tổ chức, ông làm khách sạn với một phần quan khách, vì một hai vị được mời tới dự lễ hội, và vì những vị khác, để khỏi bị coi là không được mời, chọn ngày hôm ấy làm một cuộc du ngoạn đường xa. Và lại, ông ta là người đầu tiên được đón tiếp khá sơ sài ở khách sạn, vì đám nhân viên, vừa ở Côte d'Azur tới, chưa biết ông là ai. Ông không bận đồ phlanen màu *trắng*, và theo tập quán xưa của Pháp, khi bước vào hành lang có bóng phụ nữ, ông vội bỏ mũ ra từ ngoài cửa; vì vậy, lão giám đốc nghĩ chắc hẳn đây là một kẻ nguồn gốc hết sức thấp kém mà lão vẫn gọi là một con người “ngoại lệ” nên không buồn sờ tới mũ để đáp lễ. Riêng một mình bà vợ ngài công chứng cảm thấy có cảm tình với người mới tới, vì nhận ra ở ông cái vẻ thô lậu giả vờ của một con người có tri thức hần hoi; và với óc phán đoán tuyệt vời cùng quyền uy tuyệt đối của một kẻ biết tỏng mọi điều bí ẩn của giới thượng lưu ở Le Mans, bà ta tuyên bố đây là một con người xuất chúng, thật sự có giáo dục, khác hẳn mọi người ở Balbec và được bà ta xem là không sao có thể gặp gỡ được chừng nào bà chưa gặp. Cách đánh giá thượng thặng này của bà ta đối với người anh rể Legrandin có thể bắt nguồn từ dáng dấp tầm thường của một con người không hề có gì ra vẻ oai vệ, cũng có thể từ chỗ bà ta nhận thấy ở nhà quý tộc - chủ trại ra dáng thầy tu này những dấu hiệu Tam điểm⁽²⁶³⁾ trong chủ trương của ông ta để tôn giáo tham gia chính trị.

Dù có nghe nói những chàng trai ngày ngày cưỡi ngựa trước khách sạn là quý tử một tay chủ hiệu bắt lương mà bố tôi không bao giờ chịu làm quen, “cuộc sống tầm biến” vẫn biến họ thành những bức tượng á thần trên lưng ngựa trước mắt tôi, tôi chỉ mong sao họ đừng để mắt tới mình, một anh chàng tội nghiệp hể rời khỏi phòng ăn khách sạn là chỉ biết ra ngồi trên bãi cát. Thậm chí tôi ước ao gây được cảm tình đối với gã phiêu lưu từng “làm vua” trên một hòn đảo hoang vu giữa Thái Bình Dương, và cả đối với anh chàng bị lao mà tôi cho là dưới vẻ bề ngoài xác xược, anh ta che giấu một

tâm hồn sợ sệt và tràn ngập yêu thương và có thể dành riêng cho mình những tình cảm vô cùng trù mẫn. Và lại (trái ngược với những gì người ta thường nói về các mối quan hệ trên đường du lịch), không có gì người ta giữ gìn trân trọng trong đời sống Paris như những mối tình bạn kết giao trong những ngày đi tắm biển, vì sự có mặt của mình bên cạnh một số người trên bãi biển thỉnh thoảng mình có dịp quay trở lại, có thể làm tăng thêm cho mình một hệ số vô giá trong đời sống phù hoa. Tôi muốn biết các quan chức nhất thời hay địa phương đánh giá mình ra sao; với khuynh hướng tự đặt mình vào địa vị người khác và tái tạo lên trạng thái tinh thần của người ta, tôi xếp các vị quan chức ấy, không phải vào thứ bậc thực sự của họ, thứ bậc họ chiếm giữ ở Paris chẳng hạn và có thể rất thấp, mà là vào thứ bậc họ cứ tưởng là của mình, và nói đúng ra, là thứ bậc của họ ở Balbec, nơi không có tiêu chuẩn đánh giá chung nên họ được xếp cao một cách tương đối và được quan tâm một cách đặc biệt. Than ôi! Không một sự khinh miệt nào của bất kỳ ai trong số quan chức ấy làm tôi xót xa như thái độ của ông de Stermaria.

Tôi xót xa vì lẽ đã chú ý tới cô con gái ông ngay khi nàng mới bước chân vào, chú ý tới gương mặt kiêu diễm có phần xanh xao, tới dáng vẻ đặc biệt khó tả trong cách đi đứng và thân hình cao lớn của nàng; nó làm tôi liên tưởng tới quan hệ huyết thống và nền giáo dục quý tộc, nhất là khi tôi biết dòng họ của nàng, chẳng khác nào những đề tài gợi cảm của những nhạc sĩ thiên tài khi miêu tả cái lấp lánh của ngọn lửa, tiếng rì rào của dòng sông và cảnh thanh bình chốn thôn dã khiến người ta chỉ nghe

qua lời nhạc là có thể đưa trí tưởng tượng của mình đi đúng hướng. “Giống nòi” làm rõ thêm vì sao tiểu thư de Stermaria có sức quyến rũ đến thế, khiến nó dễ hiểu hơn, hoàn chỉnh hơn. Nó cũng làm sức quyến rũ ấy càng thêm mãnh liệt vì nó cho biết khó có thể chinh phục cô gái, chẳng khác nào giá cả một vật chúng ta ham muốn càng cao thì giá trị càng lớn. Và ngọn nguồn huyết thống mang lại cho sắc da cô gái bao gồm những tinh hoa khác nhau, cái hương vị một trái cây ngoại lai hay một loại rượu nổi tiếng. Bỗng nhiên một sự tình cờ tạo uy tín cho cả hai bà cháu chúng tôi đối với mọi người trong khách sạn. Thật vậy, ngay hôm đầu tiên, khi vị phu nhân già từ trên lầu bước xuống, anh chàng hầu cận đi phía trước, chị hầu gái chạy phía sau mang theo một cuốn sách và một chiếc mền bỏ quên, thì ai nấy, mà hơn ai hết là ông de Stermaria, đều tỏ vẻ tò mò và trân trọng. Chính vào lúc ấy, lão giám đốc nghiêng đầu về phía bà tôi và, với một thái độ dễ thương (giống như người ta chỉ vào Hoàng đế Ba Tư hay Nữ hoàng Ranavalô⁽²⁶⁴⁾) cho một khán giả hèn mọn, dĩ nhiên không thể có chút quan hệ nào với những vị đế vương quyền thế, nhưng có thể thích thú được ngắm nhìn long nhan cách mình có vài bước chân) rỉ vào tai bà tôi: “Nữ hầu tước de Villeparisis đấy”, và cũng đúng lúc đó, bà hầu tước nhìn bà tôi với một ánh mắt vừa ngạc nhiên vừa vui vẻ.

Có thể nói giá một vị tiên nữ lấy lòng nhất có đột ngột xuất hiện trong hình hài một bà cụ già nhỏ bé, cũng không thể làm tôi sung sướng hơn, vì tôi đang ở trong tình trạng vô kế khả thi để tiếp cận tiểu thư de Stermaria, ở một xứ sở không quen lấy một ai. Tôi muốn nói “một ai” về mặt thực tiễn. Còn về phương diện thẩm mỹ thì số lượng hình mẫu con người ta rất hạn hẹp nên bất

luận đi tới đâu, người ta cũng thường có niềm vui gặp lại người quen, dù không tìm kiếm họ trong tranh của các bậc thầy ngày trước, như Swann vẫn làm. Chính vì thế, ngay những ngày đầu ở Balbec, tôi gặp lại cả Legrandin lẫn người gác cổng nhà Swann và cả bản thân bà Swann nữa; giờ đây, người thứ nhất trở thành bồi bàn; người thứ hai, một người khách lạ đi qua mà về sau tôi không còn trông thấy đâu nữa; và người thứ ba trở thành người trông coi khách tắm biển. Có một thứ lực nam châm hút và giữ lại bên nhau một số nét ngoại hình và tính cách nội tâm, kháng khí tới mức khi đưa một con người vào một hình hài mới, tạo hóa không phá hủy hoàn toàn con người ấy. Trở thành anh hầu bàn, Legrandin vẫn giữ nguyên vóc dáng, cánh mũi chênh chếch và một phần cằm; bà Swann, tuy hoạt động trong giới mây râu, và trên vị trí một người trông coi khách tắm biển vẫn giữ nguyên, chẳng những diện mạo hăng ngày mà còn cả cung cách lời ăn tiếng nói nữa. Nhưng bà ta chẳng còn ích lợi gì cho tôi, với chiếc thắt lưng đỏ rực và hể có một đợt sóng nhỏ là vội huơ lên, lá cờ cấm tắm (vì những người trông coi khách tắm biển đều thận trọng trong lúc ít khi họ biết bơi). Trái lại, bà de Villeparisis

có thể cho tôi sử dụng một thứ bùa phép khả dĩ nâng tôi lên trên một cánh chim huyền thoại và chỉ trong khoảng khắc vượt qua những khoảng cách xã hội vô tận – ít ra cũng ở Balbec – phân cách tôi với tiểu thư de Stermaria. Tiếc thay, nếu có một người hơn ai hết sống bưng bít trong vũ trụ của riêng mình, thì người đó chính là bà tôi. Cụ có thể không chê bai tôi, có thể không hiểu tôi nếu thấy tôi quan tâm tới dư luận và chú ý tới những kẻ mà cụ không nhận thấy sự tồn tại của họ, mà tên tuổi họ, cụ cũng không nhớ khi lên đường đi Balbec; tôi không dám thú nhận với bà tôi rằng nếu những kẻ đó trông thấy cụ chuyện trò với bà de Villeparisis thì tôi rất sung sướng vì tôi cảm thấy bà hầu tước có uy tín ở khách sạn và tình bạn của bà sẽ nâng cao giá trị của chúng tôi đối với ông de Stermaria. Thực ra, đối với tôi, bà bạn của bà tôi không hề là một người trong giới quý tộc: dòng họ bà ta đã quá quen thuộc đối với đôi tai tôi trước khi trí óc mình chú ý tới, lúc tôi nghe nhắc tới nó trong gia đình từ thuở nhỏ; và chức tước bà ta chỉ đưa thêm vào dòng họ ấy một đặc điểm kỳ cục, chẳng khác một cái biệt danh ít khi được dùng tới, như tình hình vẫn xảy ra trong tên gọi các đường phố: chẳng có tên phố nào là cao quý hơn tên phố nào. Bà de Villeparisis không làm tôi nghĩ tới một nhân vật trong xã hội đặc biệt hơn là

Mac - Mahon⁽²⁶⁵⁾, người anh em họ của bà, mà tôi không phân biệt với ông Carnot, cũng làm tổng thống như ông ta, hay với Raspail⁽²⁶⁶⁾ mà Françoise có mua một tấm ảnh chụp chung với Giáo hoàng Pie XI. Nguyên tắc của bà tôi là đã đi du lịch thì khước từ mọi quan hệ, là ra biển không phải để nhìn người ta, vì ở biển tha hồ làm việc đó, còn ở biển, với những lời xã giao, những việc tầm phào, người ta làm mình mất thì giờ quý báu lẽ ra phải dành hoàn toàn để hít thở khí trời trước biển cả. Bà tôi nghĩ rằng tốt hơn hết là xem như mọi người đều đồng tình với quan điểm ấy, cái quan điểm cho phép hai người bạn nếu tình cờ gặp nhau trong khách sạn thì cả hai đều giả vờ không quen biết nhau. Cụ ngoảnh mặt đi khi nghe lão giám đốc khách sạn nhắc đến tên bà hầu tước, và ra về không trông thấy bà ta; đến lượt bà hầu tước cũng như nhìn vào chỗ không có người, khi hiểu ra rằng bà tôi không muốn nhận bạn. Bà de Villeparisis rời bước, và tôi đứng lặng trong cảnh cô đơn như một người chết đuối ngờ có một con tàu tiến lại gần nhưng nó bỗng biến mất.

Bà hầu tước cũng dùng bữa trong phòng ăn, nhưng ngồi ở tận cuối phòng đằng kia. Bà không quen biết một ai trong số người ở trong khách sạn hay đến thăm khách sạn, cả ông de Cambremer cũng không; quả vậy, tôi thấy ông ta không chào bà, hôm hai vợ chồng ông nhận lời mời ăn trưa của ông luật sư trưởng; say sưa với niềm vinh dự mời được nhà quý tộc ngồi vào bàn ăn, ông ta tránh mặt bạn hữu thường ngày và bằng lòng từ xa nháy mắt cho người ta hiểu có sự kiện trọng đại này, nhưng một cách kín đáo, để người ta không lầm tưởng là mình được mời.

- Ông bạn này, chắc hẳn ông thích thú lắm, oai vệ lắm phải không?

- Bà vợ ngài Chánh án hỏi ông ta ngay tối hôm ấy.

- Oai vệ hả? Vì sao cơ chứ? - Ông Luật sư trưởng hỏi lại, che giấu niềm vui của mình với một vẻ ngạc nhiên quá mức. - vì các vị khách của tôi hả? -

Ông ta nói tiếp tuy cảm thấy khó có thể giả vờ lâu hơn: - Nhưng có gì là oai vệ khi mời bạn tới ăn trưa cơ chứ? Họ không ăn chỗ này thì cũng phải ăn chỗ khác chứ!

- Nhưng quả là oai vệ! Đích thị là vợ chồng de Cambremer, phải không nào? Tôi biết họ rõ lắm. Một dòng họ hầu tước kia đấy. Và hầu tước chính thống. Chứ không phải là nhờ vợ đâu nhé!

- Ô! Bà ấy là một người đàn bà rất giản dị, dễ thương, không kiểu cách tí nào. Tôi cứ tưởng ông bà sẽ tới, tôi ra hiệu mà... lẽ ra tôi có thể giới thiệu ông bà. - Ông ta nói thêm như để sửa sai những lời ngờ nghệch của mình

với một chút hài hước, giống như Assuérus⁽²⁶⁷⁾ khi nói với Esther⁽²⁶⁸⁾:
“Nên chẳng Trăm tặng ái phi một nửa vương quốc này?”

- Không, không, không, không, chúng tôi sống ẩn dật như một đoá violet hèn mọn thôi.
- Nhưng thế là ông bà sai lầm, tôi xin nhắc lại như vậy. - Ông Luật sư trưởng đáp, vẻ táo bạo vì cảm thấy đã tai qua nạn khỏi. - Họ chẳng nhai nuốt ông bà đi đâu. Bây giờ chúng ta chơi bài chứ?
- Sẵn sàng thôi, chúng tôi không dám đề xuất với ông vì giờ đây ông đã mời tiệc các bà hầu tước!
- Ồ! Thôi đi, chẳng có gì đặc biệt đâu. Thế này, mai tôi ăn tối ở đây. Ông có muốn đi thay tôi không? Tôi hoàn toàn vui lòng. Tôi xin nói thành thực là tôi muốn ở lại đây thôi.
- Không, không đâu!... Người ta sẽ cách chức tôi mất với tư cách một tay phản động. - Ông Chánh án vừa nói vừa cười đến chảy nước mắt vì câu nói đùa của mình. - Nhưng cả ông nữa, ông cũng được đón tiếp ở Féteme.
- Ông ta quay về phía ông Công chứng nói thêm...
- Ồ! Tôi vẫn đến đây ngày Chủ nhật; người ta vào bằng một cửa, đi ra bằng một cửa khác. Nhưng họ không ăn trưa ở nhà tôi như ở nhà ngài Luật sư trưởng đâu.

Ngài Luật sư trưởng tiếc ngơ tiếc ngần ngày hôm ấy ông de Stermaria không có mặt ở Balbec. Nhưng với vẻ dối trá, ông ta bảo người hầu bàn:

- Aimé, anh có thể nói với ông de Stermaria rằng ông ta không phải là nhà quý tộc duy nhất trong phòng ăn này đâu. Anh đã trông thấy rõ người cùng ăn với tôi sáng nay chứ? Thế nào? Bộ ria mép con kiến, dáng vẻ nhà binh phải không? Ấy, ngài hầu tước de Cambremer đấy.
- A, đúng thế thưa ông? Tôi chẳng lấy thế làm lạ tí nào.
- Để lão ta thấy lão ta không phải là người duy nhất có chức tước đâu. Hãy cho lão ấy một đòn! Khóa mõm bọn quý tộc ấy lại là thú vị lắm đấy. Aimé này, nếu không muốn thì anh không phải nói gì với lão hết, còn tôi, những điều tôi nói đâu phải cho tôi; vả lại, lão biết rõ điều đó.

Ngày hôm sau, được biết ông Luật sư trưởng đã cãi cho một người bạn, ông de Stermaria tự thân hành đến, tự giới thiệu.

- Ông bà de Cambremer quả là muốn tập hợp chúng tôi, nhưng ngày giờ chúng tôi không khớp nhau, rất cuộc, tôi chẳng hiểu thế nào hết. - Ông Luật sư trưởng tuyên bố; cũng như nhiều người dối trá, ông ta nghĩ người ta không tìm cách làm sáng tỏ một chi tiết vô nghĩa nhưng đủ để tố cáo

một tính cách và gây nên vĩnh viễn lòng ngờ vực (nếu tình cờ người ta nắm được sự thực tuy nhỏ nhoi nhưng mâu thuẫn với chi tiết ấy)... Cũng như mọi lúc khác, tôi ngược mắt nhìn tiểu thư de Stermaria, nhưng lần này thuận lợi hơn, trong lúc ông bố rời chỗ đến nói chuyện với ông Luật sư trưởng. Cử chỉ táo bạo đến kỳ lạ tuy duyên dáng; ánh mắt khô khốc khi chống tay lên mặt bàn nâng cao ly rượu; thái độ lạnh lùng quen thuộc khó có thể che giấu qua giọng nói độc đáo của nàng và vốn làm tôi khó chịu; dáng vẻ ngang bướng mang tính huyết thống mỗi khi bộc lộ xong tư tưởng qua một ánh mắt hay một giọng nói, tất cả khiến người ta liên tưởng tới dòng họ đã để lại cho nàng một cá tính ít có sức đồng cảm với con người và những hạn chế về khả năng rung động, về tài năng đích thực. Nhưng nếu một ánh mắt lướt nhanh lên con người ráo hoảnh của một cô gái kiêu hãnh nhất đời và khiến nàng cảm thấy một chút êm đềm vì sự lấn át của tình dục, thì chẳng mấy chốc, nàng chỉ còn thừa nhận một sức quyến rũ phát ra từ bất kỳ ai có thể làm nàng cảm nhận được những ham muốn xác thịt, bất luận là một kẻ xảo trá hay một gã lỗ bịch mà có thể một ngày nào đó vì hắn, cô gái có thể đoạn tuyệt chồng. Qua màu hồng sáng rực và đầy nhục cảm hiện lên trên đôi má xanh xao của nàng tựa màu hồng phấn giữa những đóa hoa sen trắng trên mặt hồ, tôi tưởng dễ dàng tìm hiểu phong vị cuộc sống nên thơ của tiểu thư de Stermaria ở Bretagne, một cuộc sống nàng vẫn ấp ủ trong người tuy chẳng mấy thiết tha, hoặc vì thói quen, hoặc vì nguồn gốc quý tộc, hoặc nữa vì lòng khinh ghét cảnh đói nghèo hay thói bủn xỉn của gia đình. Phải chăng nàng không tìm thấy khả năng chống đối trong chút nghị lực còm cõi được huyết thống truyền lại và khiến gương mặt nàng phảng phất vẻ nhu nhược? Chiếc mũ phớt màu xám cầm chiếc lông chim có phần lỗi thời và kiểu cách, nàng không bao giờ rời khỏi trong bữa ăn, khiến tôi cảm thấy nàng có vẻ dịu dàng hơn, không phải vì nó hài hòa với sắc da trắng hồng, mà vì nó làm tôi nghĩ bụng nàng nghèo và dịch nàng lại gần mình. Tuy bắt buộc có thái độ không thực lòng trước mặt ông bố, song nhận thức và phân loại những người hiện diện theo những nguyên tắc khác ông ta, có thể nàng thấy ở tôi, không phải cái thang bậc xã hội thấp kém mà là giới tính và lứa tuổi. Nếu một ngày nào đó, tiểu thư de Stermaria không cùng đi phố với ông bố, và nhất là nếu tôi đánh bạo bước tới gần nàng vì nghĩ nàng đã nhìn chúng tôi với con mắt khác trước khi thấy bà de Villeparisis đến ngồi vào bàn ăn bà cháu tôi, thì có thể nàng và tôi đã trao đổi với nhau đôi điều, hẹn nhau một buổi gặp gỡ, và gắn bó với nhau, và có thể tối tới, trong những ngày nàng ở lại một mình, xa bố mẹ, trong ngôi biệt

thực nên thơ, chúng tôi sẽ cùng nhau dạo bước trong cảnh hoàng hôn, giữa những cánh hoa thạch thảo màu hồng dịu dàng tỏa sáng trên dòng nước, dưới bóng những cây dẻ sống vổ dập dờn dưới gốc. Chúng tôi sẽ cùng nhau dạo khắp hòn đảo đầy sức quyến rũ đối với tôi vì nó chất chứa cuộc sống thường ngày của tiểu thư de Stermaria và in bóng trong chiều sâu thăm đôi mắt nàng.

Nhưng tôi thôi không dám nhìn cô gái. Thân phụ nàng cáo biệt ngài Luật sư trưởng và trở về ngồi trước mặt nàng, hai tay xoa xoa vào nhau như thể vừa thu được một kết quả quan trọng. Chắc hẳn ông cho rằng làm quen một nhân vật có địa vị cao sang là một hành vi khác thường và khẩn trương, tự bản thân nó đã đầy đủ; và nếu muốn triển khai toàn bộ ý nghĩa quan trọng của nó thì chỉ cần một cái nắm tay và một ánh mắt, chứ không cần tới một cuộc trò chuyện ngay lúc đó hay những mối quan hệ về sau. Còn ngài Luật sư trưởng, sau khi hết xúc động về cuộc hội kiến, chốc chốc quay sang bảo người hầu bàn như thường ngày:

Này Aimé, ta có làm vua đâu, vậy anh cứ tới gặp nhà vua... Ngài Chánh án xem, - ông ta quay sang nói với vị Quan tòa, - mấy con cá hương kia có vẻ ngon lành lắm, chúng ta sẽ bảo Aimé mang tới... Aimé, ta thấy con cá nhỏ anh để ở kia thật hấp dẫn: anh mang tới đây cho bọn ta nhé, Aimé, và kín đáo đấy. Ông ta luôn mồm nhắc đi nhắc lại cái tên Aimé, nên hẳn ông ta mời người tới ăn tối là vị khách bảo: “Tôi thấy ông thật sự hạnh phúc trong gia đình”, và nghĩ mình cũng phải thường xuyên nói tới Aimé⁽²⁶⁹⁾ với cái lối biểu lộ tình cảm vừa rụt rè, vừa kịch cỡm đại dộ của một số người cho rằng bắt chước nguyên xi những người cùng có mặt với mình là một hành vi tinh tế và thanh lịch. Ngài Luật sư trưởng không ngớt nhắc đi nhắc lại “Aimé”, với một nụ cười trên môi, vì muốn phô bày quan hệ tốt đẹp của mình với anh chàng hầu bàn và vị trí bề trên của mình so với anh ta. Và anh chàng hầu bàn cũng vậy, mỗi khi nghe nói tới tên mình là mỉm cười, vẻ xúc động và tự hào, vì muốn tỏ rõ mình cảm thấy vinh dự và thấu hiểu lời vui đùa.

Các bữa ăn trong cái buồng ăn thênh thang thường chật ních của Đại-Khách sạn luôn luôn làm tôi khiếp hãi, nhưng tôi càng khiếp hãi hơn khi ông chủ (hay Tổng giám đốc do một công ty cổ phần bầu ra, tôi không rõ) không phải chỉ của khách sạn này, mà còn của bảy tám cái khác ở khắp nước Pháp, tới ở đây vài hôm: ông ta qua lại như con thoi và khi ở chỗ này, lúc ở chỗ khác một tuần lễ. Những hôm đó, khi gần bắt đầu bữa tối, con người thân hình nhỏ bé, tóc bạc, mũi đỏ ửng xuất hiện ở cửa phòng ăn, thái độ thản

nhiên và đứng đắn hết sức kỳ lạ. Ở Londres cũng như ở Monte-Carlo⁽²⁷⁰⁾, hình như ông ta được xem là một trong những chủ khách sạn hàng đầu của châu Âu.

Một lần trước bữa ăn tối, tôi ra ngoài một lát; khi về đi qua trước mặt, ông ta chào tôi, chắc hẳn để tỏ rõ tôi đang ở nhà ông ta, nhưng với một thái độ lạnh lùng mà tôi không thể hiểu là do sự dè dặt của một người không lúc nào quên mình là ai, hay do sự khinh thị đối với một khách hàng không sang trọng. Trái lại, trước mặt những ông to, bà lớn, ngài Tổng giám đốc tuy cũng nghiêng mình một cách lạnh lùng như vậy, song cúi rạp xuống, cặp mày hạ thấp vì một sự trọng vọng thành kính như thể đứng trước thân phụ hay trước một người đàn bà quá cố trong một buổi lễ tang. Ngoài những cái chào lạnh lùng và hiềm hoi ấy, ông ta không có lấy một động tác nhỏ, chắc hẳn để tỏ rõ rằng đôi mắt long lanh của mình như thể thoát ra khỏi gương mặt, trông thấy hết tất cả, giải quyết hết tất cả, đảm bảo trong “Bữa ăn tối ở Đại-Khách sạn” cả sự tuyệt hảo của mọi chi tiết lẫn sự hài hòa của toàn cục. Dĩ nhiên ông ta cảm thấy mình không phải chỉ là đạo diễn, chỉ là nhạc trưởng, mà là đại nguyên soái. Cho rằng một sự ngăm nhìn với cường độ tối đa đủ cho mình tin chắc mọi thứ đã sẵn sàng và không một sai lầm nào có thể kéo theo sự lộn xộn, và rồi cuộc để đảm nhận trách nhiệm, chẳng những ông ta không làm một cử chỉ nhỏ nào mà cả đến cặp mắt như hóa đá vì sự chăm chú bao quát và điều khiển toàn bộ các hoạt động, cũng không hề nhúc nhích.

Tôi cảm thấy thậm chí động tác cầm thìa của mình cũng không thoát khỏi ánh mắt ông ta, và dù biến mất ngay sau món xúp, sự có mặt thoáng qua vừa rồi của ông vẫn làm tôi ăn mất ngon trong suốt bữa tối. Còn ông ta thì ăn rất ngon lành, như mọi người vẫn nhận thấy trong bữa ăn trưa mà ông dùng như một cá nhân bình thường, vào cùng một giờ với mọi người, trong phòng ăn. Bàn ăn của ông ta chỉ có một đặc điểm là trong khi ông ngồi ăn thì lão giám đốc kia, lão giám đốc thường ngày, đứng suốt buổi bên cạnh hầu chuyện. Là người thuộc quyền Tổng giám đốc, lão rất sợ ông ta và tìm cách nịnh bợ. Còn trong những bữa ăn trưa ấy, tôi có phần bớt sợ vì ngài Tổng giám đốc ngồi lẫn lộn giữa đám khách hàng, trông tựa một vị tướng cũng có mặt trong tiệm ăn với binh lính và không có vẻ gì chú ý tới họ. Tuy vậy, khi nghe bác gác cổng đứng giữa đám hầu bàn báo tin: “Ngày mai, ông ấy đi Dinard, và từ đó đi Biarritz rồi cuối cùng tới Cannes” thì tôi thở phào một cách sáng khoái.

Cuộc sống của tôi ở khách sạn chẳng những trở nên buồn tẻ vì không có quan hệ xã hội, mà còn bất tiện vì Françoise lại có quá nhiều. Những mối quan hệ này tưởng chừng có thể tạo cho chúng tôi nhiều điều thuận lợi. Nhưng thực ra hoàn toàn ngược lại. Khi được Françoise xử sự với họ như những chỗ quen biết, những người vô sản phải khá vất vả và hết sức lễ phép đối với bà. Ngược lại, một khi họ đã tới nhà thì bà coi dưới bầu trời này không còn ai khác nữa. Quy tắc quen thuộc của bà là không có bốn phạm gì hết đối với bè bạn của chủ, và nếu bạn, thì sẵn sàng tổng khứ một vị phu nhân đến thăm bà tôi. Nhưng đối với những chỗ quen biết riêng của mình, nghĩa là những người bình dân hiếm hoi được bà kết thân, thì nhất cử nhất động của bà đều tuân theo những nghi thức tuyệt đối tinh tế. Sau khi làm quen với người bán cà phê và một chị hầu phòng khâu áo dài cho một phu nhân người Bỉ, Françoise không còn lên lầu soạn sửa đồ đạc cho bà tôi ngay sau bữa ăn trưa nữa, mà để mãi một tiếng đồng hồ sau, vì người bán giải khát muốn pha cho bà một ly cà phê hay một thứ nước sắc theo kiểu cà phê, hoặc vì chị hầu phòng mời bà xuống xem chị khâu vá, còn bà thì không sao từ chối được. Bà lại có thái độ ưu ái đặc biệt đối với chị ta vốn là một cô gái mồ côi và được người nước ngoài nuôi dưỡng; thỉnh thoảng chị tới

sống với họ mấy ngày. Tình hình ấy khiến Françoise vừa xót thương vừa khinh thị nhưng với một tấm lòng nhân hậu. Là người có gia đình, có ngôi nhà nhỏ cha mẹ để lại và ở đấy người anh trai nuôi mấy con bò sữa, bà không thể xem người đàn bà “mất gốc” kia là người bình đẳng với mình. Và khi chị hầu phòng nhỏ bé ao ước đến thăm ân nhân của chị vào ngày 15 tháng Tám, Françoise không thể kìm lòng nổi và nhắc đi nhắc lại: “Cô ấy làm mình đến chết cười. Cô ấy bảo: em mong đến ngày 15 tháng Tám thì về nhà. Quả là cô ấy bảo: “về nhà!” Nhưng đâu phải là xứ sở, mà chỉ có những người đã nhận nuôi cô ta thôi, thế mà lại bảo “về nhà” như thể quả là nhà mình. Tội nghiệp con bé: khổ sở biết bao khi nó không biết thế nào là có một chút nhà riêng của mình”.

Trước vẻ mặt thanh tú và chiếc mũ vải thêu đăngten của Françoise, những chị hầu phòng đi theo du khách tới khách sạn và cùng đi ăn tối một cách vội vã⁽²⁷¹⁾ với bà ta nghĩ bà là một bậc phu nhân, có thể là bậc phu nhân quý tộc, do hoàn cảnh thúc ép hay do tình cảm gắn bó mà nhận làm tùy tùng cho bà tôi.

Françoise cũng làm quen với một tay hầu rượu, một người nấu bếp và một chị trông coi nội thất. Trước kia, khi mới tới khách sạn và chưa quen biết ai, đựng một chút là bà ta bấm chuông vô tội vạ, vào những lúc cả hai bà cháu chúng tôi không bao giờ dám bấm; và nếu chúng tôi có nhẹ nhàng góp ý thì bà trả lời: “Nhưng chúng ta phải trả nhiều tiền cơ mà”, như thể chính bản thân bà phải trả. Trái lại, giờ đây, sau khi kết thân với một nhân vật nhà bếp - điều mà chúng tôi tưởng là một điềm tốt lành cho cuộc sống của mình, Françoise không dám sờ tới chuông nữa dù bà tôi hoặc tôi có lạnh chân và vào một thời điểm bình thường đi nữa; bà ta một mực cho rằng như thế sẽ bị hiểu lầm vì người ta sẽ phải đốt lại lò, hoặc quấy nhiễu bữa tối của những người phục vụ và họ sẽ bất bình. Và bà kết thúc bằng mấy tiếng: “Sự thật là...” tuy bà nói ra có phần do dự nhưng không phải vì vậy mà không rõ ràng. Chúng tôi không nài nỉ vì sợ sẽ vấp phải những lời nặng nề hơn: “Có chuyện đấy!...” Rốt cuộc chúng tôi không sao có nước nóng được nữa vì Françoise đã quen thân anh chàng đun nước.

Cuối cùng, chúng tôi cũng có một mối quan hệ nhưng bất đắc dĩ. Một buổi sáng, bà tôi và bà de Villeparisis đựng nhau trước cửa và đành phải hỏi nhau, sau khi không khỏi không có những cử chỉ ngạc nhiên, do dự, lùi lại phía sau, hồ nghi và cuối cùng cất lên những lời thề thốt lịch sự và hoan hỉ giống như trong một vở kịch của Molière, hai diễn viên độc thoại một lúc lâu mỗi người một góc chỉ cách nhau vài bước chân, và làm như thể

không hề quen biết nhau, nhưng bỗng nhiên sững sờ nhìn thấy nhau, cắt ngang lời nhau, cuối cùng cùng nói một lúc và ôm choàng lấy nhau. Một lát sau, bà de Villeparisis muốn kín đáo chia tay, nhưng trái lại, bà tôi muốn giữ bà lại cho tới bữa ăn trưa, vì muốn biết bằng cách nào bà nhận được thư từ, báo chí sớm hơn chúng tôi và có món thịt nướng ngon lành. Từ đó, bà hầu tước ngày nào cũng tới ngồi một lát cạnh chúng tôi trong lúc chờ đợi nhà bếp đưa món ăn lên, nhưng không để chúng tôi phải đứng dậy chào hỏi gì hết. Chúng tôi thường nấn ná ngồi lại, sau khi ăn xong, chuyện vãn với bà, vào cái lúc “bệ rạc”, dao nĩa ngổn ngang cạnh những chiếc khăn ăn nhàu nát.

Về phần mình, muốn không rời bỏ ý nghĩ mình đang ở một điểm tận cùng của đất liền để vẫn tiếp tục yêu mến Balbec, tôi cố phóng tầm mắt thật xa để chỉ nhìn thấy mặt biển, tìm ra ở đấy những hiện tượng Baudelaire từng miêu tả; tôi chỉ ngược mắt lên mặt bàn mỗi khi khách sạn dọn lên một con cá biển khổng lồ, một con “hải quái” - như người ta thường nói. Trái với các thứ dao nĩa hiện đại trên bàn, nó là một sản phẩm nguyên thủy, khi cuộc sống bắt đầu ào ạt tới Đại Tây Dương; với vô số đốt xương sống và những dây thần kinh chằng chịt màu xanh và hồng, thân cá chỉ là một sản phẩm thiên tạo nhưng kết cấu theo một đồ án kiến trúc, trông tựa một ngôi nhà thờ nhiều màu trên mặt biển.

Nếu khi thấy ngài sĩ quan mình vẫn phục vụ hết sức cung kính nhận ra một ông khách mới bước vào và hai người cùng nhau trò chuyện, một bác thợ cạo hoan hỉ hiểu hai người ấy cùng một thế giới với nhau và không thể không vui vẻ mỉm cười vì biết rằng ngoài công việc bình thường của một phòng cắt tóc, cửa hiệu của mình còn có thể mang lại những niềm vui mang tính xã hội, thì cũng như vậy, khi thấy bà de Villeparisis nổi lại với bà tôi tình xưa nghĩa cũ, anh chàng Aimé vội chạy đi tìm bàn chải răng cho chúng tôi với nụ cười khiêm nhường nhưng kiêu hãnh, sành sỏi nhưng kín đáo, tựa nụ cười của một bà chủ biết rút lui đúng lúc. Cũng có thể nói trông anh ta giống một ông bố sung sướng và xúc động trước hạnh phúc lứa đôi của con gái mình, vả lại, chỉ cần nghe nhắc tới họ tên một vị có chức tước là Aimé tỏ vẻ sung sướng, trái ngược với Françoise. Bà không giống những người bộc lộ tình cảm rõ rệt khi nghe kể lại một sự kiện khá giật gân nhưng chưa công bố, chưa được báo chí nói tới. Bà không một chút ngạc nhiên. Giá có nghe nói vương hầu Rodolphe chưa chết, tuy sự thật đã rành rành, thì bà vẫn sẵn sàng đáp “Đúng thế” như thể mình biết từ lâu rồi. Hơn nữa, hễ nghe nói tới họ tên một nhà quý tộc, dù từ chính cửa miệng chúng tôi -

những người bà vẫn gọi một cách kính cẩn là chủ nhân và hầu như hoàn toàn phục tùng, là bà không thể kìm nổi một cử chỉ phản nộ.

Françoise không thoát ra ngoài khuynh hướng chung của người ăn kẻ ở trong các gia đình quý tộc: họ luôn luôn có những nhận xét vụn vặt về quan hệ của chủ nhà với những người khác và từ đó thỉnh thoảng rút ra những suy luận sai lầm - như con người thường làm đối với đời sống loài vật.

Françoise cũng luôn luôn cho rằng chúng tôi không được trọng vọng đúng mức. Bà dễ dàng đi tới kết luận ấy vừa vì quá yêu mến vừa vì thích thú trêu chọc chúng tôi. Nhưng nhận biết, không một chút nhầm lẫn, vô vàn thái độ ân cần của bà de Villeparisis đối với bà cháu chúng tôi và đối với cả bản thân mình nữa, Françoise tha thứ cho bà “cái tội” làm nữ hầu tước, và ưu ái bà hơn tất cả những người quen biết chúng tôi. Và lại không một ai trong số những người này tỏ ra luôn luôn dễ thương như bà de Villeparisis. Mỗi khi bà tôi chú ý tới một cuốn sách bà đang đọc, hoặc khen ngợi những trái cây bà vừa nhận được của một bà bạn, là chỉ một tiếng sau, một người hầu phòng mang sách hoặc trái cây tới cho chúng tôi. Và sau đó, khi gặp bà, chúng tôi ngỏ lời cảm ơn, thì bà khéo léo gạt đi: “Cuốn sách chẳng phải là một kiệt tác đâu, nhưng báo tới quá muộn, cần có cái gì để đọc chứ”, hoặc: “Ồ biển, bao giờ cũng nên có một chút trái cây”.

- Hình như bà không dùng sò biển bao giờ, - bà de Villeparisis bảo bà tôi. - Sò biển ở đây tuyệt vời! A! Để tôi bảo chị hầu phòng đi nhận thư từ của bà cùng với của tôi một thể. Thế nào, cô con gái bà *ngày nào* cũng biên thư cho bà chứ? Nhưng có gì mà phải thư từ nhỉ?

Bà tôi im lặng, nhưng có lẽ vì kiêu hãnh thôi, vì cụ thường nhắc với mẹ tôi lời của bà de sévigné:

“Hễ nhận được một lá thư là tôi muốn lát nữa nhận được một lá khác, tôi chỉ ao ước có thế. Không mấy ai hiểu nổi cảm xúc của tôi đâu”.

Tôi phấp phỏng sợ bà tôi đem áp dụng vào trường hợp bà de Villeparisis câu kết luận của nhà văn:

“Tôi tìm gặp những người hiếm hoi này và tránh mặt những kẻ khác”.

Bà tôi ca ngợi trái cây bà de Villeparisis cho mang tới biểu hôm qua. Và quả là những trái cây tuyệt vời tới mức mặc dù bức mình vì trái cây của khách sạn dọn lên không được chúng tôi ngó ngang tới, lão giám đốc vẫn bảo tôi:

- Tôi cũng giống cậu, tôi thích hoa quả hơn mọi thứ trắng miêng.

Bà tôi nói với bà hầu tước cụ rất quý những trái cây được bà biểu vì những loại mà khách sạn dọn lên bàn thường chẳng ra sao.

- Tôi không thể nói, như bà de Sévigné, - cụ tiếp lời, - là nếu chúng ta có tính nông muốn có một trái cây tôi thì chỉ có cách đặt từ Paris gửi tới.
- A, quả là bà đọc bà de sévigné. Ngay từ hôm đầu, tôi gặp bà với *Tập thư* của nhà văn nữ ấy (bà hầu tước quên mất rằng bà chưa hề nhìn thấy bà tôi ở khách sạn trước khi hai người gặp nhau trước cửa). Bà có thấy quan tâm thường xuyên tới con gái như bà ấy là có phần quá đáng không? Bà ấy nói tới cô ta quá nhiều nên khó có thể chân thực được. Quả là không tự nhiên. Bà tôi thấy không cần phải bàn cãi và vội lấy xắc tay chặn lên tập *Hồi ký của bà de Beausergent* để khỏi phải nói về những điều mình yêu thích trước một người không thể hiểu chúng.

Hễ gặp Françoise đi ăn trưa, là bà de Villeparisis giữ lại hỏi thăm tin tức chúng tôi. Françoise kể lại:

- Bà ấy bảo: “Bà cho tôi gửi lời chào tới họ nhé”.

Françoise giả giọng bà hầu tước và cho là mình kể lại nguyên văn lời hỏi thăm trong lúc làm chúng sai lệch đi, chẳng kém Platon⁽²⁷²⁾ làm sai lệch lời Socrate⁽²⁷³⁾, hoặc Thánh Jean⁽²⁷⁴⁾ làm sai lệch lời Chúa Jésus. Dĩ nhiên Françoise rất xúc động về những sự ân cần của bà hầu tước. Dầu sao, khi bà tôi cam đoan bà de Villeparisis từng nhan sắc một thời, bà ta cũng không tin và cho là cụ nói dối vì quyền lợi giai cấp; người giàu bao giờ chẳng ủng hộ lẫn nhau. Quả là khó có thể hình dung một sắc đẹp khi đã phai tàn, chẳng còn để lại mấy dấu vết, trừ phi phải có tâm hồn nghệ sĩ nhạy bén hơn Françoise. Muốn hiểu được một bà già từng lấy lòng nhan sắc, thì không phải chỉ cần ngắm nhìn, mà phải phân tích từng đường từng nét.

- Thế nào rồi bà cũng sẽ phải hỏi bà hầu tước xem mình có nhầm không và bà ta có họ hàng gì với dòng họ de Guermantes không, - bà tôi bảo tôi. - Làm sao có thể tin hai dòng họ, một thì vàng son chói lọi, một thì xấu xa ô nhục, lại có thể cùng chung một cội nguồn?

Đã mấy ngày nay, người ta thấy quận chúa de Luxembourg cao lớn, nhan sắc, tóc màu hung, mũi hơi quá cỡ, đi nghỉ mát trong vùng với một đám tùy tùng lộng lẫy. Xe ngựa của bà ta dừng bánh trước khách sạn, một người hầu đến gặp tay giám đốc, quay lại xe và lấy mang vào những thứ trái cây tuyệt vời với tấm thiệp: “Quận chúa de Luxembourg”, trên thiệp có mấy từ viết bằng bút chì. Những thứ trái cây này, mận màu lục lam, lóng bóng và tròn vành vạnh, nho trong suốt lủng lẳng trên cành, màu da trời, được dành cho vị du khách vương giả giấu tên nào ở đây? Vì bà quận chúa chắc hẳn không

đến thăm bà bạn của bà tôi. Thế nhưng chiều hôm sau, bà de Villeparisis gửi tới biểu chúng tôi chùm nho tươi vàng rực và những quả mận và lê mà chúng tôi nhận ra ngay, mặc dù mận đã chuyển sang màu hoa cà tựa màu nước biển vào giờ chúng tôi ăn tối, còn màu da trời của lê thì đã phảng phất vài áng mây hồng. Một ngày sau đó, chúng tôi gặp bà de Villeparisis khi từ một buổi hòa nhạc sáng sớm trên bãi biển trở về. Định ninh những tác phẩm vừa được đề cập những chân lý cao đẹp nhất, tôi cố hết sức tự nâng mình lên để vươn tới, để hiểu được tác phẩm, để gửi gắm vào tác phẩm những gì tốt đẹp nhất, sâu lắng nhất trong lòng.

Trên đường trở về khách sạn, hai bà cháu tôi dừng bước một lúc trên bãi biển, trao đổi đôi lời với bà de Villeparisis. Bà cho biết bà đã đặt mua cho chúng tôi bánh nhân xá xíu và trứng đánh kem ở khách sạn. Từ xa, quận chúa de Luxembourg đi về hướng chúng tôi, người nghiêng nghiêng trên cán dù, với dáng dấp uyển chuyển của những người đàn bà nhan sắc dưới thời Đế chế, và giờ đây, tuy vai đã xuôi, lưng đã gù, tấm thân tuy không còn thanh xuân vẫn uốn mềm mại như một chiếc fula, xung quanh một cái cán vô hình, chênh chênh và cứng cáp tưởng chừng xuyên qua tấm thân ấy. Sáng nào bà cũng đi dạo trên bãi biển vào lúc hầu như mọi người sau khi tắm xong đã về ăn trưa, và mãi tới một rưỡi, lúc bãi tắm vắng tanh và nóng bỏng, bà mới trở về biệt thự.

Bà de Villeparisis giới thiệu bà tôi, muốn giới thiệu cả tôi nữa, nhưng phải hỏi tên vì bà không nhớ. Có lẽ bà không bao giờ biết, hoặc dẫu sao thì cũng quên từ nhiều năm nay, bà tôi đã gả con gái cho ai. Họ tên tôi hình như gây ấn tượng mạnh cho bà de Villeparisis. Còn quận chúa de Luxembourg thì bắt tay chúng tôi và thỉnh thoảng, trong lúc nói chuyện với bà hầu tước, ngoảnh qua nhìn hai bà cháu chúng tôi với ánh mắt dịu dàng tựa một nụ hôn thoáng qua kèm nụ cười người ta gửi tới một cháu bé trong vòng tay bà nhũ mẫu. Chắc hẳn bà quận chúa muốn tránh cái vẻ ở vào một vị trí cao hơn chúng tôi, nhưng vì tính toán khoảng cách không chính xác nên qua ánh mắt rất mực nhân hậu của bà, tôi có cảm giác chẳng mấy chốc nữa, bà sẽ giơ tay vỗ về chúng tôi như hai con thú dễ thương ở vườn bách thảo ló đầu về phía bà, qua tấm lưới sắt. Và ngay lập tức cái ý nghĩ về loài vật và về rừng Boulogne thành hình nét rõ rệt trong đầu óc tôi.

Lúc này, trên bãi biển, những người bán hàng rong ầm ĩ rao bán bánh kẹo. Không biết làm gì để tỏ rõ lòng nhân hậu đối với chúng tôi, bà quận chúa

gọi người bán hàng đi qua đầu tiên; anh ta chỉ còn một chiếc bánh đại mạch, loại bánh ném cho gà, vịt. Bà quận chúa cầm bánh và bảo tôi:

- Bánh của bà cậu đấy nhé.

Nhưng lại trao bánh cho tôi và tươi cười nói thêm:

- Tự tay cậu sẽ đưa cho bà.

Chắc hẳn bà quận chúa nghĩ niềm vui của tôi sẽ trọn vẹn hơn nếu không có người trung gian giữa tôi và các con thú.

Những người bán hàng khác tới gần, bà nhét đầy túi cho tôi tất cả những gì họ có, gói có dây buộc, bánh kẹp, bánh sữa, đường đại mạch. Bà bảo tôi:

- Cậu ăn và cậu đưa cả cho bà cậu ăn nữa.

Bà bảo một chú bé da đen đi theo sau trả tiền cho những người bán hàng; chú bé mặc quần áo xatanh đỏ và luôn luôn theo sau chân bà làm vui mắt cả bãi tắm. Rồi bà chia tay bà de Villeparisis và bắt tay chúng tôi với ý muốn đối xử với chúng tôi như với bè bạn bà, một cách thân mật, và sẵn sàng tiếp đón chúng tôi vào một vị trí không quá thấp kém như lúc này trong thang bậc xã hội, vì để biểu thị sự bình đẳng của mình đối với chúng tôi, bà cười với bà tôi một nụ cười âu yếm kiểu mẫu tử như người ta mỉm cười khi chia tay một chú nhóc. Nhưng nhờ một bước tiến hóa diệu kỳ, bà tôi không còn là một chú vịt hay một con dê rừng nữa, và đã là cái mà giá có bà Swann thì bà ta ắt phải gọi là một “baby”(275).

Cuối cùng, chia tay cả ba người chúng tôi, quận chúa de Luxembourg tiếp tục dạo bước trên bãi tắm chói chang ánh nắng, uốn éo tấm thân kiều diễm dưới bóng cây dù trắng với những hình vẽ màu xanh, trông tựa một con rắn quấn mình quanh một chiếc que. Đây là bà hoàng đầu tiên của tôi, tôi xin nói rõ là “đầu tiên” vì công chúa Mathilde không hề có cung cách một bà hoàng. Bà hoàng thứ hai, như độc giả sẽ thấy sau này, cũng sẽ làm tôi không kém ngạc nhiên về thái độ dễ thương của bà. Ngày hôm sau, tôi hiểu được tấm lòng ưu ái của các vị đại lãnh chúa, những người trung gian tự nguyện giữa nhà vua và tầng lớp tư sản, khi bà de Villeparisis bảo:

- Bà quận chúa cho là hai bà cháu rất dễ thương. Bà ấy là người rất nhân hậu, chứ không phải như biết bao bà hoàng hậu hay công chúa khác. Quả là một người đàn bà thực sự cao quý.

Và vẻ hân hoan tự tin, hoan hỉ, bà nói thêm:

- Tôi nghĩ bà ấy sẽ rất sung sướng được gặp lại bà cháu bà.

Nhưng cũng ngay trong buổi sáng, trong lúc chia tay quận chúa de Luxembourg, bà de Villeparisis nói với tôi một điều làm tôi ngạc nhiên hơn

nhiều và không dính dáng gì tới chuyện dễ thương hay không dễ thương.

- Câu có phải là con ông đồng lý văn phòng ở Bộ không? - Bà hỏi tôi. - A!

Hình như ông thân cậu là một người tuyệt vời. Lúc này ông đang có một cuộc hành trình hết sức thú vị đấy.

Mấy ngày trước đây, mẹ tôi viết thư báo tin bố tôi và ông de Norpois, người bạn đồng hành, bị mất hết hành lý.

- Hành lý đã tìm thấy lại, hay nói đúng hơn, chưa bao giờ bị mất. Tình hình xảy ra là như thế này, - bà de Villeparisis bảo, vẻ nắm chắc chi tiết cuộc hành trình hơn chúng tôi nhiều mà chúng tôi không hiểu vì sao. - Tôi nghĩ ông thân cậu sẽ trở về trong tuần tới vì rất có thể sẽ không đi

Algésiras⁽²⁷⁶⁾ nữa. Nhưng ông muốn ở lại thêm một ngày ở Tolède⁽²⁷⁷⁾

vì ông là người chiêm ngưỡng một môn đệ của lễ Titien⁽²⁷⁸⁾ mà tôi không nhớ tên và chỉ được đánh giá cao ở đấy.

Tôi băn khoăn không hiểu vì sự ngẫu nhiên nào run rủi mà trong chiếc kính viễn vọng lạnh lùng bà de Villeparisis vốn dùng để từ khá xa ngắm nhìn đám người bà quen biết và chuyển động một cách vội vã, bỗng tự nhiên trong một khung cảnh nhòa nhạt, lại có gắn vào đúng chỗ bà ta quan sát bố tôi, một tấm gương phóng cực đại khiến bà ta nhìn thấy rõ rệt và chi tiết đến thế tất cả những gì dễ chịu đối với ông, những hoàn cảnh bất ngờ buộc ông quay trở về, những nỗi bức dọc của ông về mặt hải quan, niềm hứng thú của ông đối với le Gréco⁽²⁷⁹⁾; thay đổi quy mô tầm nhìn của bà, tấm gương làm hiển hiện trước mắt bà, người đàn ông to lớn duy nhất giữa những người khác nhỏ xíu, chẳng khác Jupiter⁽²⁸⁰⁾ với một vóc dáng siêu phàm bên cạnh một người đàn bà yếu ớt trong bức vẽ của Gustave Moreau⁽²⁸¹⁾.

Bà tôi chia tay bà de Villeparisis, ở lại hít thở không khí thêm một lúc trước khách sạn và chờ bữa ăn trưa. Bỗng có tiếng ồn ào. Át tình nhân trẻ của nhà vua người Rợ vừa tắm biển xong và trở về khách sạn.

- Quả là một tai họa, đến phải bỏ đất nước Pháp mà đi thôi! - Ngài Luật sư trưởng lúc bấy giờ đi qua đấy kêu toáng lên.

Nhưng bà vợ ông Công chứng thì trở mắt nhìn bà hoàng hậu giả hiệu.

- Tôi không thể nói với ông là bà Blandais làm tôi cáu tiết biết chừng nào khi bà ta nhìn bọn người kia như thế ấy, - ngài Luật sư trưởng nói với ngài Chánh án. - Tôi chỉ muốn cho bà ta một cái tát. Làm như thế chẳng khác

nào đề cao con mẹ để tiện kia, dĩ nhiên con mẹ ấy chỉ mong người ta quan tâm tới nó. Xin ông bảo ông Blandais cảnh cáo bà vợ rằng như thế là lỗ bịch; còn tôi, tôi sẽ không ra phố với họ nữa đâu nếu họ làm ra vẻ chú ý tới những đứa bịp bợm.

Còn sự có mặt của quận chúa de Luxembourg với cỗ xe ngựa dừng bánh trước khách sạn hôm bà mang trái cây tới, thì không thoát khỏi những cặp mắt chú ý của nhóm mấy bà vợ các ông Công chứng, Luật sư trưởng và Chánh án: ít lâu nay, họ muốn biết đến mức day dứt bà de Villeparisis được người ta hết sức trọng vọng, là một hầu tước phu nhân đích thực hay một con mụ giang hồ; họ nóng lòng nóng ruột muốn được nghe tin bà ta không xứng đáng với bấy nhiêu sự trọng vọng. Khi bà de Villeparisis đi qua hành lang, bà vợ ngài Chánh án, vốn đánh hơi thấy đâu đâu cũng nhan nhản những người đàn bà bất chính, vội ngược mắt lên khỏi công việc đan lát của mình và nhìn bà hầu tước với cái cung cách làm mấy bà bạn cười ngất.

-Ồ! Tôi, các bà biết đấy, - bà ta kiêu hãnh nói, - bao giờ tôi cũng bắt đầu nhìn thấy cái xấu. Tôi chỉ thừa nhận một người đàn bà thực sự có chồng khi người ta xuất trình trích lục giá thú⁽²⁸²⁾ và các giấy tờ có công chứng xác nhận, vả lại, xin các bà chớ lo, tôi sẽ làm một cuộc điều tra nhỏ.

Và hàng ngày, tất cả các bà ấy vừa chạy ủa tới vừa cười:

- Chúng tôi đi lấy tin đây.

Nhưng tới hôm quận chúa de Luxembourg tới khách sạn, bà vợ ngài Chánh án đặt một ngón tay lên miệng.

- Có tin mới.

-Ồ! Bà Poncin lạ lắm! Tôi chưa hề thấy... nhưng các bà này, có tình hình gì vậy?

- Có tình hình là một con mụ tóc vàng, mặt bự phấn đỏ, cỗ xe ngựa dài tới một dặm mà chỉ có bọn họ mới có, lúc này vừa tới thăm mụ hầu tước giả hiệu.

- Đúng, đúng rồi! úi dà! Các bà thử xem! Nhưng chính chúng ta trông thấy người đàn bà ấy, ông còn nhớ không, ông Luật sư trưởng, mụ ta đáng bộ rất đáng khả nghi, nhưng chúng ta không biết là mụ tới thăm bà hầu tước. Một mụ đàn bà với một thằng nhỏ da đen phải không?

- Đúng thế.

- A! Bây giờ bà cho biết thế thì tôi hết ngạc nhiên rồi. Nhưng bà không biết tên mụ ta hả?

Có chứ, tôi giả vờ cầm nhầm tấm danh thiếp, biệt hiệu mụ

ta là quận chúa de Luxembourg! Tôi ngờ vực có đúng không nào!

Ngài Luật sư trưởng viện dẫn Mathurin Rénier⁽²⁸³⁾ và Macette⁽²⁸⁴⁾ cho ngài Chánh án nghe.

Sự hiểu lầm ấy không phải chỉ xảy ra chốc lát như những tình huống hình thành ở màn hai một vở đoản kịch để được thanh toán ở màn chót. Bà de Luxembourg, cháu họ vua Anh và hoàng đế Áo, luôn luôn xuất hiện cạnh bà de Villeparisis khi người thứ nhất đến tìm người thứ hai để đi dạo chơi bằng xe ngựa, như hai “con nôm” thuộc loại người mà du khách khó tránh mặt ở những thành phố có suối nước khoáng. Nhiều nhà tư sản cho ba phần tư các vị quý tộc ở xóm Saint-Germain là những kẻ phóng đảng kiết xác không một ai đón tiếp. Quả là giai cấp tư sản quá thật thà trong vấn đề này: đau phải vì thói hư tật xấu mà những nhà quý tộc khánh kiệt không được đón tiếp hết sức ưu ái trong lúc bản thân giai cấp họ không bao giờ được hưởng vinh dự ấy? Còn các nhà quý tộc thì biết tổng giai cấp tư sản chẳng lạ gì tình hình ấy nên thản nhiên như không và không tiếc lời công kích những người bạn giờ đây rơi vào cảnh “khố rách áo ôm”. Sự hiểu lầm thế là không sao tránh khỏi nữa. Khi một nhà quý tộc cực kỳ giàu có nắm giữ những công ty tài chính quan trọng bậc nhất và do vậy, có quan hệ với tầng lớp tiểu tư sản, thì rốt cuộc những nhà tư sản thấy một nhà quý tộc cực kỳ giàu có nắm giữ những công ty tài chính quan trọng bậc nhất và do vậy, có quan hệ với tầng lớp tiểu tư sản, thì rốt cuộc những nhà tư sản thấy một nhà quý tộc xứng đáng là đại tư sản, và họ khẳng định như đinh đóng cột rằng ông ta không giao du với một lão hầu tước máu mê cờ bạc, không một xu dính túi. Vì vậy, họ như từ cung trăng rơi xuống khi ngài công tước, chủ tịch hội đồng quản trị một công ty khổng lồ, cho con trai kết hôn với con gái lão hầu tước tuy kiết xác nhưng có dòng họ lâu đời nhất ở Pháp, chẳng khác nào một vị quốc vương thà cho con trai lấy con gái một nhà vua đã bị phế truất hơn là tiểu thư một vị đương kim Tổng thống. Nói như vậy để nói rằng quý tộc và tư sản cùng có cách nhìn ảo tưởng đối với nhau, chẳng khác nào cư dân một bãi biển ở phía đầu này vịnh Balbec đánh giá bãi biển phía đầu kia: dân cư Rivebelle thấp thoáng nhìn thấy “Marcouville-Oai hùng”, nhưng chính đó là cái đánh lừa, vì họ tưởng từ Marcouville, người ta cũng nhìn thấy mình, trong lúc trái lại, từ thành phố này thì không thể quan sát được phần lớn những vẻ đẹp của Rivebelle.

Ông thầy thuốc ở Balbec được mời tới khi tôi bị lên cơn sốt cho rằng đáng lẽ tôi không nên ở suốt ngày ngoài bờ biển, và kê cho tôi mấy đơn thuốc liền. Bà tôi cầm lấy đơn ra về kính cẩn nhưng tôi biết là cụ sẽ không theo

một đơn nào hết mà chỉ theo lời khuyên về mặt phòng bệnh, và nhận lời bà de Villeparisis mời chúng tôi đi dạo bằng xe ngựa. Tôi đi lui tới từ buồng tôi tới buồng bà tôi cho đến giờ ăn trưa. Buồng bà tôi không ngoảnh ra biển như buồng tôi nhưng có ánh sáng chiếu vào từ ba phía: một từ một góc bãi biển, một, từ một mảnh sân và một, từ cánh đồng. Đồ đạc trong buồng cụ cũng khác, với những chiếc ghế bành có thêu đường chìm kim loại và hoa màu hồng mà người ta người ta có cảm giác ngửi thấy mùi thơm êm dịu khi bước chân vào. Và những tia nắng mặt trời, từ những vị trí và vào những giờ phút khác nhau, chiếu lên các góc tường, làm lấp lánh trên chiếc tủ có ngăn kéo những sắc màu rực rỡ như những đóa hoa đồng nội; in lên trên thành tường một thứ ánh sáng chập chờn; sưởi ấm một mảng vuông trên thảm trải nhà trước ô cửa sổ ngoảnh ra mảnh sân nhỏ mà ánh mặt trời viền xung quanh tựa một cành dây leo; và tôn thêm vẻ đẹp đồ vật trang trí có phần rườm rà. Vào những giờ phút ấy, trong lúc tôi bước qua trước khi thay quần áo đi dạo, căn buồng của bà tôi có dáng dấp một chiếc lăng kính làm biến hóa màu sắc ánh sáng từ ngoài tràn vào; một cái tổ ong mà mật tan ra, ngọt ngào, hương vị ngây ngất, mắt nhìn thấy rõ; một mảnh vườn kỳ thú phập phồng những tia ánh bạc và những cánh hoa hồng. Nhưng trước hết tôi cuộn riđô lên vì nóng lòng muốn biết sáng hôm ấy mặt biển nào nô giỡn trên bờ như một Nữ hải thần. Vì một mặt biển không bao giờ ở lại quá một ngày. Ngày hôm sau lại một mặt biển khác tuy thỉnh thoảng có giống mặt biển đến hai lần.

Có những mặt biển đẹp tới mức khi nhìn thấy chúng, niềm vui của chúng ta tăng lên gấp bội vì kinh ngạc. Vì một đặc ân nào mà vào một buổi sáng này chứ không phải một sáng khác, khi cánh cửa sổ vừa hé mở, đã hiện hiện trước cặp mắt sửng sờ của tôi Nữ thần biển với vẻ đẹp huyền ảo tựa một viên hồng ngọc trong suốt, dập dờn dưới ánh sáng mặt trời và nổi bật trong lớp sương mù vô hình bao phủ xung quanh, trông tựa một bức tranh nữ thần nhà điêu khắc tạc nên giữa một khối đá không gọt tía. Với một sắc màu duy nhất, biển mời mọc chúng tôi dạo chơi trên những con đường đá gập ghềnh, và ngồi trong xe ngựa bà de Villeparisis, chúng tôi nhìn thấy suốt ngày biển phập phồng trong làn gió mát, nhưng không bao giờ ra tới tận biển.

Bà de Villeparisis cho thẳng xe sớm để chúng tôi có đủ thì giờ đi tới tận hoặc Saint-Mars-le-Vêtu, hoặc lên Quetteholme, hay một mục tiêu du lãm nào khác; đi tới những chốn này trên một cỗ xe chậm chạp, phải mất cả một ngày. Vui mừng vì sắp lên đường làm một cuộc du ngoạn xa, tôi khẽ hát

một vài điệu nhạc vừa được nghe và đi bách bộ trong lúc chờ bà de Villeparisis chuẩn bị. Nếu là Chủ nhật thì trước cửa khách sạn, không chỉ có xe ngựa của bà; nhiều cỗ xe thuê chờ những người được mời tới lâu đài Féteyme của bà de Cambremer, và cả những người không muốn ở lại khách sạn như những đứa trẻ bị phạt nên tuyên bố Chủ nhật ở Balbec là một ngày chán ngấy và ngay sau bữa ăn trưa, đi ẩn náu ở một bãi biển quanh vùng hay một danh lam thắng cảnh. Và thậm chí, nếu hỏi bà Blandais có được gia đình de Cambremer mời không thì bà ta cả quyết:

- Không, chúng tôi đi thăm thác le Bec, - như thế đấy là lý do duy nhất bà ta không có mặt ở Féteyme.

Thế là ngài Luật sư trưởng nói, về tội nghiệp:

- Tiếc quá, giá tôi đổi được cho bà; ở Féteyme, thú vị biết chừng nào!

Tôi đứng chờ xe trước cổng khách sạn. Một cậu bồi cũng đứng đấy, im lìm như một pho tượng. Tôi chú ý tới cậu ta vì vẻ đẹp đặc biệt của mái tóc nhuộm màu thì ít, mà chủ yếu vì sắc da trông như vỏ một loại cây hiếm thấy. Phía trong tiền sảnh giống như kiểu phòng chờ ở các nhà thờ lớn của La Mã, nơi những người không ở trong khách sạn có thể qua lại, bạn bè anh chàng “tiểu đồng bên ngoài” này cũng không hoạt động nhiều hơn cậu ta nhưng ít ra cũng làm một vài động tác. Có thể buổi sáng họ làm công việc quét dọn. Nhưng buổi chiều họ chỉ ở đấy giống như những người hát đệm trong đội đồng ca, tuy không phải làm gì nữa vẫn đứng trên sân khấu cho màn diễn thêm phần đông vui. Ngài Tổng giám đốc vốn làm tôi khiếp hãi, dự tính năm tới tăng số lượng họ lên nhiều lần vì muốn “làm ăn lớn”.

Quyết định của ông ta làm lão giám đốc khách sạn rất phiền lòng vì cho rằng “bọn nhóc” này chỉ làm quần chân người ta và chẳng được tích sự gì.

Ít ra, trong những khoảnh khắc từ bữa ăn trưa đến bữa ăn tối, giữa lúc khách ra phố và khách trở về, họ cũng lấp chỗ trống tựa đám học trò bà de

Maintenon⁽²⁸⁵⁾ trong bộ trang phục của những chàng trai Do Thái, đóng vai phụ khi thiếu vắng Esther hay Joad⁽²⁸⁶⁾. Nhưng cậu bồi ngoài cổng khách sạn, dáng dấp ra chiều quý phái, thân hình mảnh mai, uyển chuyển, đứng im lìm và buồn bã, vì những lớp đàn anh đã rời bỏ khách sạn đi tìm những số phận vẻ vang hơn, và cậu ta cảm thấy cô đơn trên mảnh đất xa lạ này. Cuối cùng bà de Villeparisis xuất hiện. Có lẽ trông coi cỗ xe của bà và giúp đỡ cho khách lên xe là một phần công việc của cậu bồi nọ. Nhưng cậu ta biết một vị khách có người nhà đi theo, ắt hẳn được những người này phục vụ và thường ít cho phuơcboa. Cậu ta cũng biết các nhà quý tộc ở xóm

Saint-Germain thường hành động như vậy. Bà de Villeparisis thuộc cả hai lớp người ấy. Thế là cậu bồi trồng phảng phất như cái thân cây kia cho là mình chẳng chờ đợi được gì ở bà hầu tước; và để mặc hai vợ chồng người phụ trách đám bồi bàn đưa bà và hành lý lên xe, cậu ta buồn bã mơ màng tới số phận đáng ước ao của lớp đàn anh và vẫn đứng ngây người như một thân cây.

Chúng tôi lên đường; sau khi đi vòng quanh khu vực nhà ga xe lửa một lát, xe chạy trên một con đường làng; chẳng bao lâu nó quen thuộc đối với tôi chẳng khác những con đường ở Combray, từ chỗ ngoặt đầu đường giữa những vườn cây xinh xắn đến chỗ rẽ cuối đường, hai bên là những thửa ruộng. Đó đây lác đác nổi lên một gốc táo tuy không còn hoa mà chỉ còn một chùm nhị cái, nhưng vẫn làm tôi say mê khi tôi nhận ra những chiếc lá không đâu thấy có, giống như chiếc thảm trải trên bụi lên xuống trong một buổi hôn lễ vừa kết thúc, tán lá rộng bị che phủ dưới những cánh hoa màu trắng hồng lấp lánh như xatanh.

Tháng Năm năm sau, ở Paris, tôi có nhiều dịp mua một cành táo ở hàng hoa và đêm đêm ngủ trước những bông hoa táo lấp lánh một thứ phấn màu kem rắc lên những lá non mới nhú; và giữa những cánh hoa màu trắng, tôi có cảm giác người bán hoa vì hào phóng và cũng vì một chút hứng thú sáng tạo, một sự tương phản tài tình, đã giắt thêm mỗi phía một nụ hoa màu hồng. Tôi ngắm nhìn hoa, tôi đặt hoa dưới ánh đèn, thường cho tới khi ánh sáng ban mai phủ lên một màu hồng giống như màu hồng ánh bình minh ở Balbec; và tôi hình dung bằng tưởng tượng những bông hoa ấy trên con đường này, nhân chúng lên nhiều lần, rải chúng ra trong cái khung, trên bức tranh tạo nên bằng những mảnh vườn nhỏ bé hai bên đường; tôi thuộc lòng đường nét những mảnh vườn ấy; tôi thiết tha muốn gặp lại và biết sẽ có ngày phải gặp lại chúng vào lúc mùa xuân háo hức và tài tình đem sắc màu thời gian phủ lên bức tranh tạo hóa ấy.

Trước khi lên xe, tôi phác họa trong đầu bức tranh biển cả tôi đi tìm và hy vọng bắt gặp với “ánh mặt trời chói lọi”; nhưng ở Balbec, tôi chỉ nhìn thấy một bức tranh quá mạnh mún giữa những cái tầm thường mà ước mơ của tôi không sao chấp nhận: những khách tắm biển, những buồng thay quần áo tắm, những chiếc du thuyền. Xe lên tới đỉnh dốc. Tôi trông thấy biển qua tán lá cây: không còn bóng dáng những chi tiết hiện đại chừng như từng đặt biển ra ngoài thiên nhiên và lịch sử; và nhìn những lớp sóng nhấp nhô, tôi có nhớ lại là Leconte de Lisle⁽²⁸⁷⁾ đã miêu tả những lớp sóng như vậy

trong *Orestie*⁽²⁸⁸⁾ khi “tựa một đàn chim ăn thịt vỗ cánh trong ánh bình minh”, các dũng sĩ rậm tóc của đất nước Hy Lạp anh hùng “với trăm ngàn mái chèo khua vang sóng biển”. Nhưng ngược lại, tôi đã cách xa biển, biển không còn vẻ sống động nữa, tôi không còn cảm thấy sức mạnh của biển qua những sắc màu trải rộng như sắc màu của một bức tranh thiên nhiên trong đó biển hiện ra cũng phấp phồng như bầu trời và chỉ sẫm màu hơn mà thôi.

Thấy tôi yêu thích nhà thờ, bà de Villeparisis hứa sẽ đưa tôi đi xem, khi thì nhà thờ này, lúc thì nhà thờ nọ, nhất là nhà thờ Carqueville “hoàn toàn ẩn mình dưới những dây trường xuân lâu đời” - bà vừa nói vừa khoát tay như muốn ôm vào vòng tay mặt tiền ngôi nhà thờ bị phủ lấp giữa những lá cành vô hình, mỏng manh, cùng với cái cử chỉ miêu tả nhỏ nhoi ấy, bà de Villeparisis thường tìm ra một từ thật đắt để xác định đặc điểm và cái duyên dáng của một công trình kiến trúc: bà luôn luôn tránh dùng thuật ngữ chuyên môn nhưng không thể che giấu là bà nắm rất chắc những điều bà nói. Hình như bà lấy làm xấu hổ đã không say mê kiến trúc trong khi một tòa lâu đài của thân phụ bà nằm trong một vùng có những nhà thờ cùng một phong cách với nhà thờ xung quanh Balbec, nhất là tòa lâu đài ấy, nơi bà từng được nuôi dạy, là một trong những mô hình đẹp nhất của nền kiến trúc gothic. Nhưng vì nó cũng là một viện bảo tàng thực sự, nơi Chopin và Listz⁽²⁸⁹⁾ từng chơi nhạc, Lamartine⁽²⁹⁰⁾ đã đọc thơ, tất cả các nghệ sĩ trứ danh của cả một thế kỷ đã ghi lại những suy tưởng, sáng tác những thi ca, phác họa bức tranh gia đình, nên bà de Villeparisis, do tốt bụng, do đức hạnh, do thực sự khiêm nhường, hoặc do thiếu tinh thần triết học, chỉ nói tới cái cội nguồn thuần túy vật chất của sự hiểu biết của bà về tất cả các nghệ thuật, và rốt cuộc có vẻ cho rằng hội họa, âm nhạc, văn học và triết học là đặc trưng của một thiếu nữ được dạy dỗ theo phong cách quý phái nhất trong một lâu đài nổi tiếng. Có thể nói đối với bà, không có những bức tranh nào khác ngoài những bức người ta được hưởng qua thừa kế. Bà hài lòng thấy bà tôi yêu quý chiếc vòng cổ cụ mang và nhô lên phía trên tấm áo dài. Chiếc vòng ấy được thể hiện trong bức chân dung bà cụ cổ của cụ, tác phẩm của le Titien và chưa bao giờ đưa ra khỏi nhà. Bằng cách đó, người ta biết chắc là chiếc vòng thật. Bà hầu tước không muốn nghe nói tới những bức tranh do một Crésus⁽²⁹¹⁾ mua không biết bằng cách nào; bà đành nhìn đó là những bức tranh rơm và tuyết nhiên không muốn xem. Chúng tôi biết chính bản thân bà vẽ những bức thủy mặc các loài hoa; và được nghe người

ta ca ngợi, bà tôi nói lại với bà. Bà de Villeparisis liền nói lảng sang chuyện khác vì khiêm tốn, nhưng cũng không tỏ ra ngạc nhiên hay thích thú hơn một nghệ sĩ đã trứ danh tới mức những lời ngợi khen chẳng mang lại gì mới mẻ nữa. Bà chỉ bảo đấy là một trò giải trí thú vị, vì dù những cánh hoa vẽ lên không được đẹp đi nữa, thì ít nhất khi vẽ, người ta cũng sống trong thế giới những đóa hoa thiên tạo mà vẽ đẹp không bao giờ làm người ta chán, nhất là khi bắt buộc phải nhìn kỹ chúng để vẽ. Nhưng ở Balbec, bà de Villeparisis nghỉ vẽ để mắt được nghỉ ngơi.

Hai bà cháu chúng tôi ngạc nhiên thấy bà hầu tước có “tư tưởng tự do” hơn phần lớn những nhà tư sản. Bà kinh ngạc thấy người ta phản nộ về những vụ trục xuất các tín đồ đạo Thiên Chúa dòng Tên, và cho rằng tình hình ấy luôn luôn xảy ra, cả dưới thời quân chủ và ngay ở Tây Ban Nha. Bà bênh vực chế độ Cộng hòa và không đồng tình với chủ trương chống Giáo hội nhưng chỉ theo kiểu:

“Nếu ngăn cấm tôi đi dự lễ misa khi tôi muốn đi thì tôi thấy cũng tồi tệ chẳng khác bắt buộc tôi đi khi tôi không thích đi tí nào”.

Thậm chí có lúc bà bảo:

“Ôi! Tầng lớp quý tộc ngày nay là cái thá gì”, hoặc nữa:

“Đối với tôi, một người không lao động thì không là cái gì hết”.

Phải chăng bà hầu tước nói như vậy chỉ vì cảm thấy người ta cho những điều bà nói ra đều có chút ý vị, ngọt ngào, đáng ghi nhớ?

Nghe bà de Villeparisis thường thốt ra những quan điểm tiên tiến - tuy chưa tới mức đề cập tới chủ nghĩa xã hội mà bà vốn khiếm hãi, cả hai bà cháu chúng tôi dễ cho bà là hiện thân của chuẩn mực và khuôn mẫu của chân lý trong mọi vấn đề.

Chúng tôi một mực tin lời đánh giá của bà đối với các tác phẩm của le Titien, những hàng cột trong lâu đài của bà hoặc cung cách trò chuyện của Louis-Philippe⁽²⁹²⁾. Nhưng cũng như các nhà thông thái có thể nói một cách chán ngấy về các tác phẩm hiện đại trong lúc làm người ta say mê khi bàn về nền hội họa Ai Cập, khi tôi hỏi về Chateaubriand, Balzac hay Hugo - những nhân vật ngày trước từng được bố mẹ bà đón tiếp và bản thân bà tiếp kiến, bà chế giễu thái độ thần phục của tôi, kể về họ những nét hài hước như bà vừa kể về các vị lãnh chúa hay các nhà chính khách. Bà nghiêm khắc phê phán họ thiếu đức tính khiêm nhường, thiếu thứ nghệ thuật bình dị chỉ cần một nét chính xác mà không cần nhấn mạnh, không biết lánh mình và lảng tránh tất cả cái lỗ bịch của sự khoa trương; họ thiếu nhạy bén đối với tình hình, không đúng mực trong đánh giá, thiếu sự giản

dị, những đức tính mà người ta dạy cho bà là chỉ có chân giá trị mới đạt tới được. Bà không ngần ngại tỏ rõ lòng ưu ái đối với những người có lẽ nhờ những đức tính ấy mà vượt lên trên một Balzac, một Hugo, một Vigny, trong một khách thánh, một viện hàn lâm, một hội đồng bộ trưởng.

- Chẳng khác những cuốn tiểu thuyết của Stendhal⁽²⁹³⁾ mà cậu có vẻ thần phục đâu, - bà hầu tước bảo tôi. - Giá nghe cậu nói với cái giọng ngưỡng mộ ấy thì chắc hẳn ông ấy sẽ ngạc nhiên lắm. Từng gặp ông ở nhà ông Mérimée⁽²⁹⁴⁾ - ít ra ông này là một người có tài năng, thân phụ tôi thường bảo Beyle (tên thực của ông) tầm thường một cách khủng khiếp, nhưng tỏ ra hóm hỉnh trong bữa ăn tối và không hề tự phụ về sách vở của mình. Vả lại, chính bản thân cậu từng thấy ông ấy nhún vai ra sao để trả lời những lời ngợi khen quá đáng của ông de Balzac. Ít ra, về phương diện này, ông là một người bạn tốt.

Bà có thủ bút của tất cả các bậc vĩ nhân ấy và hình như dựa vào những mối quan hệ đặc biệt giữa gia tộc mình với họ, bà cho rằng sự đánh giá của bà chính xác hơn sự đánh giá của lớp người trẻ như tôi, không có dịp gặp gỡ họ.

- Tôi nghĩ tôi có thể nói chuyện về các vị ấy, vì họ đã tới nhà thân phụ tôi, và như ông Sainte-Beuve, một con người sắc sảo, đã nói, chúng ta nên tin lời những người đã được gần gũi họ và vì vậy có thể nhận chân giá trị của họ.

Thình thoảng, khi xe leo lên một đoạn đường dốc giữa những ô đất có trồng trọt, vài ba cây xa cúc lam như nuối tiếc chạy theo xe chúng tôi, ghi lên ruộng đồng một dấu ấn chân thực, giống như kiểu hình một đóa hoa nhỏ quý hiếm thay cho chữ ký của người nghệ sĩ bậc thầy, khẳng định nguồn gốc bức tranh. Chẳng mấy chốc, ngựa bỏ xa chúng, nhưng chỉ sau vài bước chân, chúng tôi lại trông thấy một cây khác đã cắm đóa hoa nhỏ màu xanh hình ông sao vào thảm cỏ trong lúc chờ đợi cỗ xe; nhiều cây nghiêng ngả sát vệ đường, và thế là cùng với những cánh hoa quen thuộc, những kỷ niệm xa xôi gợi lên trong tôi biết bao buồn vui lẫn lộn.

Xe chạy xuống dốc. Đi ngược chiều với chúng tôi là những cô gái - những đóa hoa một ngày đẹp trời nhưng không phải hoa đồng nội, mỗi đóa hàm chứa một dáng vẻ, một hương sắc khác nhau: một cô thôn nữ thúc bò đi phía trước hay ngả lưng trên xe; một cô gái cửa hiệu đi dạo chơi; một tiểu thư thanh lịch ngồi trên chiếc song mã, đối diện với bố mẹ.

Dĩ nhiên Bloch đã mở ra cho tôi một kỷ nguyên mới, làm thay đổi quan niệm của tôi về giá trị cuộc sống khi cho tôi biết những giấc mơ tôi hằng ấp ủ trong lúc dạo bước một mình về phía Méséglise, và nỗi ước ao có một cô thôn nữ đi qua để ôm vào vòng tay đâu phải là chuyện hão huyền hoàn toàn xa lạ với bề ngoài của tôi; mọi cô gái, dù nơi thôn dã hay chốn thị thành, đều sẵn sàng thỏa mãn những giấc mơ, những ao ước ấy. Và giờ đây, dù vì bệnh tật và không dạo chơi một mình, tôi vẫn sung sướng như một đứa trẻ sau khi chào đời trong nhà tù hay trong bệnh viện, dinh ninh cơ thể con người chỉ có thể tiêu hóa bánh mì nhạt và thuốc men, nhưng bỗng một hôm được biết trái cây, đào, mận, nho... không phải chỉ để điểm tô cho chốn làng quê, mà còn là những món ăn tuyệt diệu, có thể đồng hóa được. Dù gã coi ngục hay cô hộ lý không cho phép hái những trái cây tuyệt vời ấy đi nữa, chú bé vẫn thấy thế giới tốt đẹp hơn, cuộc sống khoan dung hơn. Chúng ta cảm thấy ước vọng của mình cao đẹp hơn, chúng ta dựa vào nó một cách tin tưởng hơn khi biết hiện thực phù hợp với ước vọng ấy dù không sao có thể thực hiện được đi nữa. Và với một niềm vui lớn hơn, chúng ta nghĩ tới một cuộc sống cho phép hình dung có thể thỏa mãn nó, miễn gạt ra trong chốc lát khỏi trí óc cái trở lực bất ngờ và đặc biệt ngăn cản cá nhân mình. Từ ngày biết những cặp má của các cô gái đi qua có thể nhận những nụ hôn, tôi trở nên tò mò muốn biết tâm tưởng họ. Và vũ trụ đối với tôi trở nên thú vị hơn.

Cỗ xe bà de Villeparisis lăn bánh nhanh. Tôi chỉ kịp thoáng thấy cô gái đi về phía mình. Nhưng vẻ đẹp của con người đâu phải tĩnh như vẻ đẹp của sự vật, nên dễ tính cách người con gái xa lạ - hiện lên qua một hình ảnh nhỏ bị thu hẹp lại đến mức kỳ lạ nhưng vẫn trọn vẹn, ở nơi sâu thẳm ánh mắt mơ màng của nàng, là ngay lập tức, như kiểu phấn hoa đáp ứng nhị hoa một cách huyền diệu, tôi cảm thấy nhú lên trong lòng cái mầm mống mơ hồ, nhỏ bé của một ham muốn, ham muốn không để cô gái ra đi nếu tâm trí nàng không nhận ra sự có mặt của tôi, nếu tôi không ngăn cản được nàng ao ước một kẻ khác, không để lại dấu ấn trong tâm hồn và không chiếm đoạt được trái tim nàng.

Nhưng xe chúng tôi vẫn lăn bánh, người con gái xinh đẹp đã lùi lại phía sau; và không hề hiểu biết gì về con người tôi, ánh mắt nàng vừa kịp trông thấy đã quên tôi ngay. Phải chăng vì thoáng thấy bóng dáng người con gái nên tôi nghĩ nàng cực kỳ xinh đẹp ? Có thể lắm. Trước hết, khi không thể dừng chân cạnh một cô gái và không có hy vọng gặp lại nàng một ngày sau, chúng ta bỗng thấy nàng đẹp, cũng như ta cho là kỳ thú một đất nước mình

không tới viếng thăm được vì bệnh tật hay đói nghèo, hoặc cho là huy hoàng những ngày buồn tẻ cuối cùng mình vừa sống khi phải xông vào một cuộc chiến đấu và đình ninh sẽ tử vong. Bởi vậy, nếu không dạn dày kinh nghiệm thì những người bị cái chết uy hiếp từng giờ từng phút – tức là tất cả mọi người – sẽ cho cuộc sống là êm đềm.

Sau nữa, bị cuốn theo lòng ham muốn những cái chúng ta không thể với tới, trí tưởng tượng con người có khả năng vượt ra ngoài giới hạn thực tế những buổi gặp gỡ ngẫu nhiên : bước chân cô gái qua đường càng nhanh, chúng ta càng hình dung nàng nhan sắc. Chỉ cần màn đêm buông xuống và cỗ xe lăn bánh nhanh, dù ở làng quê hay giữa phố phường, là không một hình bóng phụ nữ nào, từ mỗi góc đường, mỗi cửa hiệu, không làm cho

lòng ta xao xuyến⁽²⁹⁵⁾. Thỉnh thoảng chúng ta băn khoăn tự hỏi phải chăng trên đời này, nhan sắc là cái gì khác ngoài cái phần trí tưởng tượng của ta gán thêm cho cô gái ẩn hiện trên đường?

Giá xuống được xe, nói chuyện được với cô gái mình bắt gặp, biết đâu tôi chẳng vỡ mộng vì một khiếm khuyết nào đấy trên làn da nàng mà từ trên xe tôi không nhận thấy (và thế là bỗng nhiên tôi cảm thấy không sao có thể cố gắng thâm nhập vào đời sống cô gái: sắc đẹp là cả một chuỗi giả thuyết mà cái xấu thu hẹp lại bằng cách ngăn chặn con đường chúng ta đã thấy hé mở trước cái mình chưa biết). Có lẽ chỉ một lời nói, một nụ cười của nàng là có thể cho tôi một chiếc chìa khóa, một mã số bất ngờ để hiểu được nét mặt và dáng dấp nàng, nhưng nếu vậy thì ngay lập tức những cái đó sẽ trở nên nhạt nhẽo, tầm thường. Có thể như vậy lắm: trong lúc ngồi trên xe với một ông bạn bố tôi trên đường phố Paris, tôi thoáng thấy một bóng đàn bà bước nhanh trong đêm tối. Tôi nghĩ vì một lý do xã giao mà đánh mất chút hạnh phúc trên đời thì thật phi lý. Vội vàng nhảy xuống đất và không kịp cáo lỗi, tôi chạy đi tìm người đàn bà lạ mặt, mắt hút bóng hồng ở một ngã tư đường, nhưng bắt gặp lại trên một đường phố thứ ba, và cuối cùng, hỗn ha hỗn hển, tôi đứng trước mặt bà lão Verdurin mà tôi luôn luôn tìm cách lánh mặt. Dưới ánh đèn đường, bà ta sung sướng và kinh ngạc kêu lên:

“Ôi! Cất công chạy tới ngỏ với tôi một lời chào, quý hóa biết bao!” Ở Balbec, tôi thường lấy cớ đau đầu xin phép bà tôi và bà de Villeparisis đi bộ một mình về nhà. cả hai bà đều không cho tôi xuống xe. Thế là tôi đành đưa thêm cô gái nhan sắc (rất khó gặp lại vì vô danh và di động) vào bộ “sưu tập” tất cả những cô gái mà tôi đình ninh trong dạ là sẽ tìm gặp kỳ được. Nhưng một người đẹp trở đi trở lại trước mắt tôi trong những điều

kiện khiến tôi ngỡ có thể làm quen nàng theo ý muốn. Một cô gái bán sữa từ

một trang trại mang kem đến cho khách sạn. Tôi nghĩ nàng cũng nhận ra mình và quả là nàng nhìn tôi chăm chú, có thể chỉ vì ngạc nhiên trước ánh mắt tôi chăm chú nhìn nàng. Thế nhưng ngày hôm sau, ngày tôi nằm nghỉ suốt cả buổi sáng, Françoise trao cho tôi một bức thư khi tới kéo riđô vào lúc giữa trưa. Tôi không quen một ai ở Balbec. Tôi chắc mẫm thư của cô gái bán sữa nhưng than ôi! chỉ là của Bergotte. Nhân có việc đi qua, ông ta tìm đến gặp tôi, nhưng biết tôi ngủ, để lại mấy dòng mà anh chàng trông coi thang máy cho vào phong bì; và tôi tưởng chữ viết trên phong bì là của cô hàng sữa. Tôi thất vọng một cách xót xa, và tuy biết có được một lá thư của Bergotte là điều khó khăn và đáng tự hào, tôi vẫn không sao tự an ủi được. Bản thân cô gái này, tôi không gặp lại cũng như không gặp lại những cô gái tôi chỉ trông thấy từ trên cổ xe ngựa của bà de Villeparisis. Trông thấy rồi lại mất hút tất cả các cô nàng, tâm trạng tôi càng thêm xao động, và tôi thấy các triết gia có phần đúng khi khuyên ta kìm chế dục vọng. (Nếu quả họ muốn nói tới “dục vọng của con người”, vì đó là thứ dục vọng duy nhất có thể làm chúng ta lo âu khi ta muốn biết điều chưa biết. Nếu giả định triết học muốn nói tới “dục vọng của của cải” thì quá phi lý). Nhưng tôi có thiên hướng cho cái lý kia của các nhà triết học không đầy đủ, vì nghĩ bụng những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên giúp ta tìm thấy một thế giới đẹp đẽ hơn, một thế giới làm nảy nở trên mọi nẻo đường đồng quê những đóa hoa vừa khác thường vừa thông thường, những vật báu thấp thoáng trong ngày, những món quà tặng bất ngờ của buổi dạo chơi, mà chỉ có những hoàn cảnh ngẫu nhiên (có lẽ không bao giờ xảy ra nữa) ngăn cản không cho ta lợi dụng: những đóa hoa ấy mang lại một phong vị mới cho đời.

Nhưng có lẽ hy vọng sau này, khi được tự do hơn, mình có thể tìm thấy trên những nẻo đường khác những cô gái tương tự, tôi bắt đầu hiểu sai tính chất hoàn toàn riêng tư của nỗi lòng ham muốn được sống cạnh một người đàn bà mình thấy đẹp, và chỉ do việc chấp nhận khả năng làm nảy sinh ham muốn ấy một cách nhân tạo, tôi đã mặc nhiên thừa nhận ảo ảnh đó.

Hôm bà de Villeparisis dẫn chúng tôi tới Carqueville, nơi có ngôi nhà thờ phủ kín dưới giàn trường xuân và xây dựng trên một mỏm đất cao, bao quát cả xóm làng, cả khúc sông chảy qua làng và còn giữ nguyên chiếc cầu nhỏ thời Trung cổ, hôm ấy, bà tôi nghĩ tôi sẽ vui lòng được ở lại một mình để ngắm nhìn nhà thờ nên đề nghị với bà bạn đi ăn chiều ở một hiệu bánh ngọt quanh vùng. Muốn nhận ra ngôi nhà thờ nằm khuất sau cả một vùng cây cối xanh rờn, tôi phải cố gắng nằm cho được khái niệm thế nào là một ngôi nhà thờ. Quả vậy, cũng như học sinh nằm được đầy đủ hơn ý nghĩa một câu

vẫn khi bị bắt buộc, qua dịch xuôi hay dịch ngược, tước bỏ khỏi câu những cấu trúc quen thuộc, tôi buộc phải luôn luôn viện tới khái niệm nhà thờ - mà thông thường tôi không hề cần đến khi đứng trước những cái tháp chuông tự bản thân chúng làm người ta dễ dàng nhận diện - để biết được cái vòm um tùm những cây bần kia chính là cái vòm một khung cửa kính theo kiểu kiến trúc hình cung nhọn, cái chỗ lá cành nhô lên kia là do viên gạch trên đầu một cây cột tạo thành. Nhưng, một làn gió nhẹ thoảng qua, khẽ rung rinh cánh cửa tự động loang loáng ánh sáng; lá cây xô vào lá cây; và run rẩy, đám lá cành che khuất mặt tiền nhà thờ kéo theo những hàng cột nhấp nhô chạy dài.

Rời khỏi nhà thờ, tôi nhìn thấy phía bên này chiếc cầu cũ kỹ, những cô gái trong làng, quần áo đẹp đẽ - chắc hẳn vì hôm ấy là Chủ nhật - vẫy gọi các chàng trai đi qua. Một cô gái trang phục không được diễm lệ như những người khác nhưng hình như chinh phục họ bằng một thứ ưu thế nhất định - vì nàng hầu như chỉ trả lời họ qua quýt. Cao lớn, vẻ nghiêm trang và kiên nghị, nửa đứng nửa ngồi trên mép cầu, hai chân đung đưa, nàng đặt trước mặt một chiếc bình đựng đầy cá chắc hẳn vừa câu được. Cô gái có làn da rám nắng, cặp mắt hiền dịu như ánh mắt ra chiều khinh bạc đối với xung quanh, một cánh mũi nhỏ nhắn, thanh tú và dễ thương. Ánh mắt tôi lướt lên làn da nàng. Nhưng tôi muốn biết, đâu phải chỉ hình hài nàng không thôi, mà còn cả con người sống trong đó; hình hài chẳng qua chỉ là một thứ tiếp xúc để thu sự chú ý của con người, một thứ thâm nhập để khơi gợi một ý nghĩ.

Và tôi cảm thấy con người bên trong ấy của cô gái câu cá xinh đẹp vẫn khép kín đối với mình, không dám tin mình thâm nhập được vào trong đó, ngay cả sau khi thấy hình ảnh chính bản thân mình được phản chiếu một thoáng trong ánh mắt nàng như trong một tấm gương soi, theo một dấu hiệu khúc xạ xa lạ, chẳng khác nào tôi đứng trước ánh mắt ngơ ngác một chú nai rừng. Nhưng cặp môi tôi dù có khoái trá được đặt lên môi nàng cũng không đủ, mà còn phải làm cho môi nàng cũng cùng chia sẻ khoái cảm ấy; và cũng như vậy, tôi mong muốn cái ý nghĩ về tôi, khi thâm nhập được vào con người bên trong ấy, không phải chỉ khiến nàng chú ý tới tôi, mà còn khâm phục tôi, ham muốn tôi và buộc nàng giữ chặt kỷ niệm về tôi cho tới ngày tôi có thể gặp lại nàng. Nhưng xe bà de Villeparisis đã chờ cách tôi vài bước chân. Tôi chỉ có một khoảnh khắc; và cảm thấy các cô gái cùng nhau rúc rích khi thấy tôi đứng lại. Tôi có năm franc trong túi. Tôi lấy ra, và trước khi giải thích cho người con gái nhan sắc công việc tôi muốn nhờ

nàng, tôi giờ cao đồng tiền trước mắt nàng, mong nàng vui lòng nghe mình nói:

- Hình như cô là người trong vùng, - tôi lên tiếng. – Vậy cô có thể vui lòng giúp tôi một tí việc không? Tôi phải đến một cửa hiệu bánh ngọt hình như gần đây đây nhưng tôi không thật rõ ở phía nào; một cỗ xe ngựa đang chờ tôi ở đây. Nhưng... để khỏi nhầm, xin cô hỏi xem có phải là xe bà hầu tước de Villeparisis không. Hơn nữa cô sẽ thấy là xe trắng hai ngựa.

Tôi muốn cô gái có ý nghĩ thật tốt đẹp về mình. Và thốt xong mấy từ “bà hầu tước” và “hai ngựa”, tôi bỗng hết sức yên tâm tưởng chừng cô gái câu cá sẽ nhớ lại buổi hôm nay, nhưng cùng với nỗi lo sợ không thể gặp lại nàng, cái háo hức một buổi hội ngộ cũng bỗng nhiên tiêu tan một phần. Tôi có cảm giác mình vừa đụng vào người nàng với cặp môi vô hình và nàng có cảm tình với mình. Và việc “cưỡng đoạt” tinh thần nàng như vậy, sự chiếm hữu vô hình ấy, đồng thời tước đoạt của nàng mọi sự bí ẩn chẳng khác nào một sự chiếm hữu hình hài...

Xe lăn bánh về hướng Hudimesnil; bỗng nhiên tôi cảm thấy một niềm hạnh phúc sâu xa tương tự niềm hạnh phúc các tháp chuông nhà thờ ở Martinville từng mang lại cho mình. Nhưng lần này, niềm hạnh phúc ấy không trọn vẹn. Xe chúng tôi lăn bánh trên con đường khum khum kiểu mai rùa, bỏ lại phía sau ba thân cây chắc hẳn dùng làm cổng vào một con đường râm mát và tạo thành một bức tranh không phải tôi mới gặp lần đầu. Tôi không nhận ra cảnh vật nơi đây nhưng cảm thấy quen thuộc. Đầu óc tôi chập chờn giữa một năm tháng xa xăm và thời khắc hiện tại; những vùng đất xung quanh Balbec trở nên mờ lung và tôi băn khoăn nghĩ bụng phải chăng cả buổi dạo chơi này chỉ là một trò bày đặt, và tôi chỉ mới bước chân tới Balbec bằng tưởng tượng? Phải chăng bà de Villeparisis chỉ là một nhân vật tiểu thuyết, và ba thân cây già nọ chỉ là hiện thực mình bắt gặp khi mắt rời cuốn sách miêu tả một vùng đất tốt cuộc mình tin là quả mình đã đặt chân tới đấy?

Tôi nhìn thấy ba thân cây kia, trông thấy chúng rõ mồn một, nhưng cảm thấy chúng bao phủ một cái gì đó mà đầu óc tôi không thể tác động tới, chẳng khác nào những đồ vật để quá xa, ngón tay ta đang ra hết cỡ chỉ thỉnh thoảng đụng tới cái vỏ bọc ngoài và không bao giờ có thể nắm bắt được. Người ta đành nghỉ một lát để rời vùng mạnh cánh tay hơn và cố gắng với xa hơn. Nhưng muốn đầu óc có thể tập trung và lấy đà, thì phải chỉ có một mình tôi thôi. Tôi thiết tha muốn đi riêng một mình như trong những buổi dạo chơi về phía Guermantes, tôi tạm chia tay bố mẹ. Tôi cảm

thấy lẽ ra mình phải hành động như vậy. Tôi từng nếm trải niềm vui cô đơn này; quả là nó đòi hỏi tư duy phải tự vận động; nhưng so với nó, thì khoái cảm vì lưỡi nhấc không vận động thật là nhỏ nhoi. Niềm vui chỉ mới được dự cảm ấy và tự bản thân tôi phải tạo lấy, tôi rất ít khi được tận hưởng nhưng mỗi lúc cảm nhận, tôi tưởng như những sự việc xảy ra trong khoảnh khắc chẳng có gì quan trọng, và chỉ bằng cách bám chặt lấy niềm vui hiển hiện ấy là rốt cuộc tôi có thể bắt đầu một cuộc sống thực sự. Đặt bàn tay lên mắt một lát, tôi nhắm mắt lại mà bà de Villeparisis không hề hay biết. Tôi ngồi im, không suy nghĩ, rồi tập trung tư duy hướng về các thân cây, hay nói đúng hơn về chính nội tâm tôi để cuối cùng trông thấy chúng trong bản thân mình.

Một lần nữa, từ phía sau hàng cây xuất hiện một hình ảnh vừa quen thuộc vừa mơ hồ. Nhưng xe càng lăn bánh thì tôi càng cảm thấy cả ba thân cây tiến lại gần. Tôi đã nhìn thấy chúng ở đâu? Quanh vùng Combray, không đâu có một con đường mở ra như vậy. Cảnh trí chúng gợi lên cũng không thể có ở vùng nông thôn nước Đức mà trước đây một năm tôi đã cùng bà tôi tới để tắm nước khoáng. Nên chẳng nghĩ rằng ba thân cây ấy hiện ra từ những năm tháng xa xăm tới mức phong cảnh bao quanh chúng đã hoàn toàn tiêu tan trong ký ức? Và giống như những trang sách làm người ta xúc động ngay lập tức khi tìm thấy lại chúng trong một tác phẩm ngỡ chưa bao giờ đọc, phải chăng chỉ có ba thân cây ấy còn sót lại trong cuốn sách của buổi ấu thơ mà tôi đã lãng quên? Phải chăng ngược lại, chúng chỉ nằm giữa những cảnh trí trong mơ, bất di bất dịch, ít ra cũng đối với riêng tôi? Đáng dấp kỳ lạ của chúng chỉ là sự khách thể hóa, trong giấc ngủ, những nỗ lực ngày hôm trước, hoặc để nắm bắt điều bí ẩn mình linh cảm trước một cảnh trí - như vẫn thường xảy ra trước kia trong những ngày tôi dạo bước về phía Guermantes, hoặc để tìm cách đoạt lại điều bí ẩn ấy vào một nơi chốn mình từng ước mong được biết nhưng đến khi biết được thì lại hoàn toàn tầm thường, như Balbec chẳng hạn. Phải chăng ba thân cây kia chỉ là một hình ảnh hoàn toàn mới, tách ra khỏi giấc mơ đêm hôm trước, nhưng đã trở nên mờ nhạt tới mức tưởng chừng nó đến với tôi từ xa xưa? Hoặc nữa phải chăng tôi chưa bao giờ trông thấy chúng; cũng như những thân cây, những lùm cỏ tôi từng gặp ở Guermantes, chúng che giấu một ý nghĩ mơ hồ, khó nắm bắt chẳng khác một dĩ vãng xa xăm, khiến tôi ngỡ mình nhận ra một kỷ niệm khi chúng đòi hỏi tôi đào sâu một ý nghĩ? và biết đâu chúng không che giấu một ý nghĩ nào và chỉ vì ảo giác mà tôi trông thấy chúng đến hai lần trong thời gian, như thỉnh thoảng người ta vẫn trông thấy hai lần trong

không gian? Tôi đâu có biết. Nhưng chúng vẫn đi về phía tôi; có thể là một sự hiển hiện hoang đường, một điệu nhảy múa của những mù phù thủy với những lời sấm truyền. Tôi thì nghĩ đó là những bóng ma của quá khứ, những đứa bạn thân thiết từ tuổi ấu thơ, những chỗ thân giao nay không còn nữa nhưng gợi nhớ những kỷ niệm chung. Tựa những chiếc bóng, chúng như đòi hỏi tôi mang chúng đi

theo, trả chúng trở về cuộc sống. Trong cái trò múa may ngây ngô và say đắm của chúng, tôi nhận ra niềm luyện tiếc bất lực của một người thân không còn khả năng sử dụng lời nói và biết không thể nói với chúng ta điều người đó muốn nói và chúng ta không thể đoán ra được. Chẳng bao lâu, đến một ngã tư đường, xe bỏ rơi chúng. Xe đưa tôi đi xa cái mà tôi ngỡ là duy nhất đích thực, cái có thể mang lại cho mình hạnh phúc thực sự; xe cũng giống như cuộc đời tôi.

Ba thân cây xa dần trong lúc thất vọng vung lên những cành lá như thể muốn nói: “Điều mà hôm nay đây cậu không biết về chúng tôi, cậu sẽ không bao giờ biết được đâu. Nếu cậu bỏ rơi chúng tôi ở cuối con đường này, nơi chúng tôi tìm cách vươn tới cậu, thì một bộ phận của chính bản thân cậu mà chúng tôi mang tới cho cậu sẽ mãi mãi rơi vào cõi hư vô”. Thật vậy, dù về sau, tìm thấy lại niềm vui hay nỗi buồn mà một lần nữa mình vừa cảm nhận, dù gắn bó với niềm vui hay nỗi buồn ấy, thì tôi vẫn không bao giờ biết được chính những thân cây kia muốn mang lại cho mình điều gì và tôi từng trông thấy chúng ở đâu. Khi quay lưng lại và không trông thấy chúng nữa vì xe rẽ sang đường khác, trong lúc bà de Villeparisis hỏi vì sao tôi có vẻ mơ màng, tôi buồn như thể vừa mất một người bạn, như thể phủ nhận chính bản thân mình, hoặc không công nhận một xác chết hay khước từ một đấng thần linh.

Đã đến lúc phải nghĩ tới chuyện trở về. Tuy nhận thức về thiên nhiên có phần lạnh lùng hơn bà tôi nhưng nhận biết được cái đẹp đơn giản và uy nghi của một số cổ vật, ngay ở ngoài các viện bảo tàng và lâu đài quý tộc, bà de Villeparisis bảo người xà ích cho xe chạy theo con đường Balbec vắng vẻ nhưng hai bên trồng những cây du lâu năm trông thật đẹp mắt. Chúng tôi trở về theo một con đường khác chạy qua các khu rừng Chantereine và Canteloup. Tiếng chim líu lo khắp nơi, nhưng rừng cây sum sê không để lộ một bóng chim nào. Ngồi bất động trên xe như

Prométhée⁽²⁹⁶⁾ bị xiềng trên núi đá, tôi lắng nghe chim hót⁽²⁹⁷⁾. Và giá có trông thấy một cánh chim trong đám lá cành thì giữa cánh chim và tiếng hót, hầu như chẳng có mối quan hệ rõ rệt nào, nên không thể nghĩ là những tiếng hót ấy phát ra từ cánh chim nhỏ bé nhảy nhót, ngơ ngác kia.

Đoạn đường này giống như nhiều đoạn đường khác cùng loại người ta gặp ở Pháp, triền lên khá dốc nhưng triền xuống thoải thoải. Ngay vào lúc ấy, tôi không thấy con đường có gì thật thú vị, tôi chỉ hài lòng được trở về. Nhưng về sau, đối với tôi, nó trở thành một nguồn vui và nằm trong ký ức như một đầu mối, nơi giao lưu của mọi con đường tương tự tôi sẽ đi qua

trong một buổi dạo chơi hay một cuộc du lịch; và nhờ đầu mỗi ấy, những con đường này sẽ làm con tim tôi rung động. Hễ xe lăn bánh trên những con đường có vẻ như là sự tiếp nối con đường tôi đã đi qua cùng với bà de Villeparisis, là lại dậy lên trong tôi những cảm xúc tôi từng nếm trải vào những buổi chiều tà trong lúc dạo chơi gần Balbec, khi lá cây thoang thoảng mùi thơm, khi sương mù bắt đầu tỏa nhẹ. Làng quê sắp đi qua, ẩn hiện giữa các thân cây trong cảnh mặt trời lặn, chúng tôi có cảm giác như là một khu vực rừng núi, xa xăm không sao có thể tới nơi ngay tối hôm ấy được. Cảm xúc tiếp nối cảm xúc, chúng trở nên vững chắc như một thứ hứng thú đặc biệt, một mảnh đời tôi ít có cơ hội bắt gặp, nhưng những kỷ niệm xa xăm mang tới cho tôi, giữa những vùng đất tôi đi qua, không chỉ một xúc cảm thẩm mỹ, mà còn nổi háo hức, tuy thoáng qua nhưng sôi động, từ nay được mãi mãi sống tại đây. Đã biết bao lần, chỉ cần thoang thoảng ngửi hương vị một tán lá, ngồi trên một cỗ xe đối diện bà de Villeparisis, và gặp quận chúa de Luxembourg khi từ trên xe bà chào bà hầu tước, sau đó trở về ăn tối ở Đại Khách sạn, là tôi cảm thấy một niềm hạnh phúc vô biên không thể tìm thấy trong hiện tại cũng như trong tương lai, niềm hạnh phúc người ta chỉ được hưởng một lần trên đời!

Thông thường chúng tôi chưa kịp về thì trời đã bắt đầu tối. Tay chỉ vầng trăng trên bầu trời, tôi rụt rè đọc cho bà de Villeparisis nghe một lời văn hay của Chateaubriand, của Vigny hoặc của Hugo:

“Ánh trăng tỏa xuống như màn bí ẩn bao phủ nỗi ưu tư ngàn đời”; hoặc “Khóc nức nở tựa nữ thần Diane bên cạnh hồ nước”;

hoặc nữa: “Bóng trăng buông xuống lộng lẫy, trang nghiêm và đầy vẻ thành kính”.

- Cậu thấy đẹp hả? “Thần kỳ” như cậu nói hả? - Bà hầu tước hỏi tôi. - Tôi xin nói là tôi rất kinh ngạc thấy ngày nay, người ta hết sức coi trọng những điều mà chính bè bạn của các vị nhà thơ ấy là những người chế giễu trước tiên trong lúc vẫn hoàn toàn công nhận tài năng của họ. Trước đây, người ta đâu có phung phí danh từ “thiên tài” như ngày nay: hiện giờ, nếu cậu bảo một nhà văn chỉ có thiên tài, thì ông ta cho là bị cậu lăng nhục. Cậu đọc cho tôi nghe một lời văn tuyệt tác của ông de Chateaubriand về ánh trăng. Cậu sẽ thấy là tôi có lý do để không thương thức. Ông de Chateaubriand thường đến thăm ông bố tôi. Khi chỉ có một mình, ông ta rất dễ thương vì tỏ ra giản dị và vui vẻ, nhưng hễ đông người là tỏ vẻ kênh kiệu và trở nên lỗ bịch; ông bảo với bố tôi là ông đã quăng đơn từ chức trước mặt nhà vua, từng điều khiển hội nghị bầu giáo hoàng mà không nhớ

rằng ông từng nhờ ông cụ năn nỉ nhà vua gọi trở lại, từng nói với cụ những lời tiên đoán hết sức phi lý về việc bầu giáo hoàng, về cuộc họp đáng ghi nhớ ấy để bầu người đứng đầu Giáo hội, thì nên nghe ông de Blacas⁽²⁹⁸⁾ nói, ông de Blacas là một con người khác ông de Chateaubriand. Còn những câu văn của ông này viết về ánh trăng thì đã trở thành “gánh nặng” đối với gia đình chúng tôi. Mỗi khi trăng sáng chiếu xung quanh tòa lâu đài, và nhà có một vị khách mới, là chúng tôi khuyên vị này dẫn ông de Chateaubriand đi hóng mát sau bữa ăn tối. Khi hai người trở về, bố tôi không bao giờ quên kéo riêng vị khách ra một nơi:

-

- Ông de Chateaubriand đã rất hùng biện phải không ông?

-Ồ! Phải.

- Ông ấy nói về ánh trăng phải không?

- Phải. Làm sao ông biết?

- Có phải câu văn thế này không? (Bố tôi đọc câu văn).

Phải. Nhưng do bí quyết nào mà ông biết cơ chứ?

- Và ông ấy còn nói cả về ánh trăng trên đồng quê La Mã nữa.

- Ông quả là tay phù thủy rồi.

Bà de Villeparisis nói tiếp:

- Bố tôi không hề là nhà phù thủy, nhưng ông de Chateaubriand bao giờ cũng chỉ dùng nguyên xi một đoạn văn đã viết sẵn.

Còn khi nghe nhắc tới cái tên de Vigny, bà hầu tước bật cười:

- Cái người luôn luôn nói: “Tôi là bá tước Alfred de Vigny” chứ gì? Con người ta là bá tước hay không là bá tước, cái đó chẳng mấy may quan trọng.

Nhưng có lẽ bà thấy dấu sao cái đó cũng có chút quan trọng vì bà vội nói thêm:

- Lúc đầu, tôi không tin ông ta là bá tước, và dấu sao thì dòng dõi ông ta cũng rất tầm thường thôi tuy ông ta từng nói tới chiếc “huy hiệu quý tộc” của mình trên mũ. Cái huy hiệu quý tộc ấy thật hợp thời thượng và thật thú vị đối với bạn đọc. Cũng chẳng khác nào Musset chỉ là một tay trưởng giả ở Paris nhưng lại nói một cách khoa trương: “Con chim ưng bằng vàng trên chóp mũ”. Không bao giờ một vị đại lãnh chúa đích thực nói những lời như vậy. Ít ra Musset cũng có tài làm thơ. Còn ngoài tập *Mồng Năm tháng Ba* ra, tôi không bao giờ đọc nổi cái gì khác của ông de Vigny: hễ cầm đến sách là chán, phải bỏ xuống ngay. Là người thông minh và lịch thiệp khác hẳn ông de Vigny, ông Molé đã thỏa mãn ông ta bằng cách tiếp nhận vào Viện Hàn lâm Văn học. Sao, cậu không biết bài diễn văn của ông de Vigny hay sao? Một “kiệt tác” về sự ranh ma và khiếm nhã!

Bà hầu tước chê bai Balzac và bà kinh ngạc thấy đám cháu bà thần phục tham vọng của nhà văn miêu tả một xã hội “ông ta không được đặt chân vào trong đó”, nhưng đã kể ra hàng nghìn chuyện thất thiệt.

Còn về Victor Hugo, thì bà cho chúng tôi biết nhờ bè bạn trong giới lãng mạn trẻ, ông de Bouillon, thân phụ bà, được dự buổi diễn đầu tiên vở

Hemani⁽²⁹⁹⁾, nhưng không thể nán ngồi tới phút chót vì thấy quá lố bịch

những lời thơ của nhà văn có tài nhưng quá khoa trương này: ông ta được tặng cái danh hiệu “nhà thơ lớn” chỉ là do một sự mua bán, và là phần thưởng cho sự khoan dung vụ lợi đối với những lời ba hoa nguy hiểm của phái theo chủ nghĩa xã hội.

Chúng tôi đã nhìn thấy khách sạn, nhìn thấy những luồng ánh sáng vểnh hết sức thù địch tối đầu tiên khi đặt chân tới, nhưng giờ đây thì dịu dàng, ra chiều che chở và báo hiệu một nơi chốn êm đềm. Và khi xe về gần tới cửa, thì người gác cổng, những người bồi bàn, anh chàng trông coi thang máy, pháp phòng không hiểu sao chúng tôi về chậm, đứng túm tụm trên tam cấp chờ đón; những con người đã biết bao lần thay đổi ấy trong cuộc đời chúng ta cũng như bản thân chúng ta thay đổi, giờ đây trở nên thân thiết: vào lúc họ trở thành tấm gương những thói quen của ta trong chốc lát, chúng ta cảm thấy thú vị được phản chiếu trong đó một cách chân thực và thân ái. Chúng ta thích họ hơn những người bạn đã từ lâu không gặp, vì họ hàm chứa cái “chúng ta” ngày hôm nay nhiều hơn. Chỉ riêng một mình anh bồi đang nâng cả ngày là đã trở vào nhà để tránh gió lạnh buổi tối; và cùng với mái tóc lòa xòa màu da cam, đôi má màu hồng đến kỳ lạ, những thứ len dạ quấn chặt trên người, cậu ta đứng giữa hành lang có cửa kính, khiến người ta liên tưởng tới một thân cây trong lồng kính được bảo vệ chống rét.

Chúng tôi xuống xe, với sự giúp đỡ của số người hầu hạ quá mức cần thiết, như họ cảm thấy tầm quan trọng của buổi đưa đón này và cho là bắt buộc phải có vai trò trong đó. Tôi đói cồn cào. Để khỏi trì hoãn giờ ăn tối, tôi không lên căn phòng rồi cuộc đã trở thành “căn phòng của riêng tôi” tới mức hẳn nhìn thấy những tấm riđô lớn màu tím và những ô tủ sách thấp tịt, là tôi cảm thấy một mình mình đối mặt với chính bản thân mình. Tất cả chúng tôi đều cùng đứng trong hành lang chờ người ta đến báo bữa ăn. Lại một dịp chúng tôi được nghe bà de Villeparisis nói chuyện.

- Chúng tôi đến lạm dụng lòng tốt của bà mất thôi, - bà tôi tuyên bố.

- Sao lại thế? Tôi thật sự hoan hỉ mà, - bà hầu tước đáp, với một nụ cười âu yếm, giọng thánh thót khác thường.

Quả là vào những lúc này, bà hầu tước không được tự nhiên, bà nhớ lại quá trình giáo dục của mình, nhớ lại những cung cách quý tộc một vị phu nhân danh giá phải tỏ rõ với đám trưởng giả, bà vui mừng được gặp gỡ họ, bà không một chút cao ngạo. Có chăng bà không thực sự lễ độ là ở chỗ quá lễ độ; người ta dễ dàng nhận ra trong đó cái nếp cố hữu của một vị phu nhân xóm Saint-Germain luôn luôn nghĩ mình sẽ có ngày làm một số tay trưởng giả bất mãn, nên háo hức lợi dụng mọi cơ hội để tỏ tình thân thiện với họ lúc này, nhằm về sau có thể tránh không mời họ dự một bữa ăn tối hoặc một buổi dạ hội.

Trong những ngày ở Balbec, bà de Villeparisis liên tiếp gửi biếu chúng tôi hoa hồng và dưa hấu, cho mượn sách, tổ chức những buổi dạo chơi bằng xe ngựa và say sưa nói với chúng tôi những lời tốt đẹp, như thể bà còn quá ít thì giờ để tỏ rõ tình thân hữu. Và qua đây - cũng như vẻ lộng lẫy choáng ngợp trên bãi biển, và ánh sáng muôn màu trong các căn phòng khách sạn - những cử chỉ ưu ái hàng ngày của bà de Villeparisis, và cả thái độ vui vẻ của bà tôi dễ dàng đón nhận tấm lòng ưu ái ấy, tất cả thấm sâu vào ký ức tôi như là những nét đặc trưng cho quãng đời trong những ngày tắm biển.

- Cụ đưa măngtô để chúng đưa lên.

Bà tôi trao áo cho ông giám đốc, còn tôi thì ân hận đã có thái độ thiếu tôn trọng khiến ông có vẻ buồn phiền.

- Tôi có cảm giác lão ta phật ý, - bà hầu tước nhận xét. - Chắc hẳn lão cho mình là một đại lãnh chúa, làm sao có thể cầm giúp áo khoác cho bà được. Tôi vẫn không quên hình ảnh công tước de Nemours lúc tôi còn bé xíu. Ông đến nhà bố tôi ở tầng trên cùng trong lâu đài Bouillon, cặp dưới nách một bọc tương thư từ và báo chí. “Ông Cyrus này, - ông bảo bố tôi, - người gác cổng gửi tôi những thứ này cho ông. Anh ta bảo tôi: “Vì ông lên chỗ ngài bá tước nên tôi chẳng phải lên làm gì cho mất công, nhưng ông cẩn thận, nếu không thì đứt mất dây buộc đấy”.

Kể xong câu chuyện, bà bảo bà tôi:

- Bây giờ, xin mời bà ngồi vào chỗ này.

- Ô! Nếu không có gì phiền bà thì tôi không muốn ngồi chiếc ghế bành ấy! Nó bé quá cho hai người nhưng lớn quá đối với một mình tôi, tôi sẽ không được thoải mái.

- Bà làm tôi nghĩ tới một chiếc phôtơ khác tôi dùng trong một thời gian dài nhưng cuối cùng không sao giữ lại được. Nó do bà công tước de Praslin tội nghiệp cho mẹ tôi. Nó hoàn toàn giống chiếc ghế hôm nay đây. Tuy là người giản dị nhất trần đời nhưng vẫn mang tư tưởng thời trước mà lúc đó

tôi không hiểu thật rõ, lúc đầu mẹ tôi không muốn được giới thiệu với bà de Praslin vốn chỉ là cô Sebastiani, trong lúc bà ta lại nghĩ là với tư cách nữ công tước, bà ta không cần được ai giới thiệu hết. Và thực ra, - bà de Villeparisis nói thêm, - giá bà ta chỉ là bà de Choiseul không thôi thì yêu sách của bà ta vẫn có thể được chấp nhận. Choiseul là một dòng họ hết sức lấy lòng, nguồn gốc từ một bà chị gái vua Louis le Gros, họ là những vị đế vương thực sự ở Bassigny. Tôi thừa nhận là chúng tôi hơn họ về mặt quan hệ sui gia và về danh vọng, còn về phương diện lâu đời thì hầu như ngang nhau. Kết quả của câu chuyện vị thứ ấy là những sự kiện buồn cười, như chuyện bữa ăn trưa bắt đầu trễ hơn cả tiếng đồng hồ sau khi một trong hai vị phu nhân nhận lời để cho người ta giới thiệu. Tuy vậy, hai bà trở thành đôi bạn thân thiết và bà công tước de Praslin đã biếu mẹ tôi chiếc phôtôir thuộc loại này, mà không một ai chịu ngồi hết, giống như bà vừa từ chối lúc nãy. Một hôm mẹ tôi nghe có tiếng xe ngựa ngoài sân tòa lâu đài, cụ hỏi chú bé đầy tớ xem ai.

“Thưa bà bá tước, bà công tước de La Rochefoucauld đấy ạ.

- A! Được, ta sẽ tiếp bà ấy”.

Mười lăm phút sau, vẫn chẳng thấy ai hết.

“Thế nào, bà công tước de La Rochefoucauld đâu rồi?

- Thưa bà bá tước, bà ấy đang trên cầu thang, và đang dứt cả hơi”. Chú bé đáp.

Chú bé này vừa ở nông thôn ra. Mẹ tôi có thói quen thuê người ở đấy, nơi bà thường chứng kiến sự ra đời của họ. Chúng tôi có những con người tử tế trong nhà như thế đó. Và đó cũng là cái thứ sang trọng nhất trên đời. Đúng như lời chú tiểu đồng, bà công tước de La Rochefoucauld lên gác một cách vất vả vì to lớn, to lớn tới mức khi bà vào, mẹ tôi có một thoáng lo âu, nghĩ bụng không biết để bà ấy ngồi vào đâu. Nhưng ngay lúc đó, chiếc ghế của bà de Praslin đập vào mắt cụ:

“Mời bà ngồi”, mẹ tôi vừa nói vừa đẩy ghế lại.

Và bà công tước ngồi vào chiếc phôtôir sít sần sịt. Mặc dù... về quan trọng ấy, bà ta vẫn khá dễ thương.

“Bà đã gây ấn tượng khi đặt chân vào nhà”, một ông bạn gia đình chúng tôi nhận xét.

“Và càng gây ấn tượng khi ra khỏi nhà”, mẹ tôi đáp với cái vẻ khiếm nhã ngày nay không còn thích hợp nữa.

Ở gia đình bà de La Rochefoucauld, khách khứa không ngần ngại vui đùa trước mặt bà, và bà là người đầu tiên cười cợt về thân hình đồ sộ của mình.

“Thế ông ở nhà một mình, thưa ông?” Một hôm mẹ tôi hỏi ông de La Rochefoucauld khi đến thăm bà công tước.

“Bà de La Rochefoucauld không có nhà phải không, thưa ông? Tôi không trông thấy bà nhà”.

“Bà tốt bụng quá!” Ông hầu tước đáp; ông ta thường có những phán đoán sai lầm nhưng không phải hoàn toàn không nhanh trí.

Trả về phòng sau bữa ăn tối, tôi nói với bà tôi là sự tinh tế và kín đáo của bà de Villeparisis từng làm chúng tôi say mê, có lẽ không phải là những đức tính thật sự cao quý, và tuy thiếu chúng thì quan hệ hàng ngày trở nên khó chịu nhưng không phải vì vậy mà người ta trở thành Chateaubriand, Vigny, Hugo, Balzac, những kẻ khoe mẽ và không có óc phán đoán, dễ bị người ta chế giễu, như Bloch chẳng hạn...

Nhưng nghe nói tới Bloch, bà tôi vội vàng phản đối. Và cụ ca ngợi bà de Villeparisis. Người ta thường bảo quyền lợi của giống loài chỉ đạo khuynh hướng của mỗi người trong tình yêu, và muốn con cái được cấu tạo hoàn toàn bình thường thì phải tìm đàn bà gầy cho đàn ông béo và đàn bà béo cho đàn ông gầy. Tương tự như vậy, muốn có hạnh phúc và chống lại sự uy hiếp của tật dễ bị kích động và xu hướng không lành mạnh dễ buồn bã, dễ cảm thấy cô đơn của mình, tôi phải đặt lên hàng đầu sự cẩn trọng và óc phán đoán vốn không phải chỉ đặc trưng cho một de Villeparisis, mà còn cho cả một xã hội có thể làm tôi ít nhiều khuây khỏa, tĩnh tâm.

Tôi cắt lời bà tôi để hôn cụ và hỏi cụ có chú ý tới câu nói này nọ của bà de Villeparisis trong đó nổi rõ hình ảnh người đàn bà quan tâm tới dòng dõi của mình chứ không phải như bà ta nói không. Tôi muốn thổ lộ ý nghĩ của mình vì bao giờ cũng chỉ biết nên ứng xử đối với mỗi người ra sao theo lời bà tôi chỉ bảo. Mỗi tối, tôi mang đến cho cụ những bản ký họa tôi vẽ ban ngày theo chân dung tất cả những con người không có thực ngoài cụ ra.

Một lần tôi nói với cụ:

- Không có bà, cháu sẽ không sống nổi.
- Không nên thế, - bà tôi đáp, giọng xúc động. - Trái tim cháu cần cứng rắn chứ. Nếu không, cháu sẽ ra sao nếu bà đi du lịch? Trái lại, bà mong cháu sẽ rất khôn ngoan và được sung sướng.
- Cháu sẽ rất khôn ngoan nếu bà chỉ đi vài ngày, nhưng cháu tính giờ, tính phút đấy.
- Nhưng nếu bà đi hàng tháng... (chỉ với ý nghĩ không thôi tim tôi đã thắt lại), hàng năm..., hàng...

Cả hai bà cháu chúng tôi lặng im, không dám nhìn nhau.

Thế nhưng tôi đau khổ vì nỗi kinh hoàng của cụ hơn là của tôi. Tôi bèn bước tới gần cửa sổ và nói rành rọt với cụ trong lúc tôi ngoảnh mặt đi:

- Bà biết cháu là đứa không rời khỏi thói quen bao giờ. Những ngày đầu phải xa những người mình yêu thương nhất, thì cháu đau khổ. Nhưng cháu quen dần trong lúc vẫn tiếp tục yêu thương họ như xưa, cuộc sống của cháu sẽ trở lại yên tĩnh, êm đềm; cháu chịu được cảnh phải xa họ hàng tháng, hàng năm...

Tôi phải ngừng lời và tập trung nhìn qua cửa sổ. Bà tôi ra khỏi phòng một lát. Nhưng ngày hôm sau, tôi bắt đầu nói về triết học bằng một giọng hết sức dửng dưng tuy cố làm thế nào để bà tôi chú ý tới những lời mình nói. Tôi bảo thật kỳ lạ là theo phát hiện gần đây nhất của khoa học thì chủ nghĩa duy vật hình như bị phá sản, và điều có lẽ chắc chắn hơn hết vẫn là sự trường tồn của linh hồn và sự tái hợp về sau của chúng.

Bà de Villeparisis báo tin là chẳng bao lâu nữa bà sẽ không có dịp đến thăm chúng tôi luôn. Một người cháu họ đang trú quân trong vùng và chuẩn bị cho Saumur⁽³⁰¹⁾ sẽ tới nghỉ ở nhà bà mấy tuần lễ và bà sẽ bỏ ra nhiều thì giờ cho cậu ta. Trong những buổi dạo chơi, bà ca ngợi trí thông minh, nhất là lòng nhân hậu của chàng trai; tôi liền hình dung chàng sẽ có cảm tình với mình, mình sẽ là người bạn chàng ưa thích; và trước lúc chàng chưa tới, khi bà nói cho bà tôi biết là chàng chẳng may rơi vào nanh vuốt một người đàn bà tồi tệ mà chàng mê say và cô ta sẽ chẳng buông tha chàng, tôi định ninh loại ái tình ấy rốt cuộc không thể không dẫn tới điên loạn, tội ác và tự sát; và nghĩ tới thời gian rất ít ỏi dành cho tình bạn của chúng tôi, một tình bạn đã rất thấm thiết trong lòng tuy chưa gặp chàng, tôi khóc than cho tình bạn ấy và cho những tai họa đang chờ anh như than khóc cho một người thân mình vừa biết tin là bị bệnh nặng và cuộc sống chỉ còn tính đếm từng ngày. Một buổi chiều nắng gay gắt, tôi ngồi trong phòng ăn khách sạn giữa cảnh tranh tối tranh sáng vì những tấm riđô vàng ố do ánh nắng mặt trời đều rủ kín, tuy qua các kẽ hở, vẫn thấy màu xanh nhấp nháy của biển. Bỗng từ phía bờ biển xuất hiện một chàng trai cao lớn, mảnh mai, dáng kiêu hãnh, ánh mắt sắc sảo, nước da màu hung và mái tóc vàng rực như thể đã hấp thụ hết ánh nắng mặt trời. Chàng trai rảo bước trong bộ quần áo mềm mại màu trắng mà tôi không hề nghĩ một người đàn ông dám ăn mặc như vậy, bộ quần áo mỏng tanh ấy gợi lên vừa cái mát mẻ trong phòng ăn vừa cái nắng gay gắt ngoài trời. Mắt anh chàng màu nước biển cặp chiếc kính một mắt luôn luôn trễ xuống. Mọi người tò mò nhìn chàng đi qua, người ta biết chàng hầu tước trẻ tuổi Saint-Loup-Ở-Bray này là người nổi tiếng thanh

lịch. Báo chí từng miêu tả bộ trang phục chàng bận mới đây trong khi làm nhân chứng cho công tước d'Uzès trong một trận đấu kiếm. Hình như đặc điểm của mái tóc, ánh mắt, sắc da và dáng dấp làm chàng nổi bật giữa đám đông chẳng khác một viên hồng ngọc quý giá lấp lánh giữa những thứ thô lậu, đặc điểm ấy ắt phải tương ứng với một cuộc sống khác cuộc sống những con người bình thường. Bởi vậy trước khi có mối quan hệ mà bà de Villeparisis phàn nàn, nhiều người đàn bà rất mực nhan sắc tranh giành chàng, và sự có mặt của chàng trên một bãi tắm chẳng hạn, không những chỉ làm nổi bật người đàn bà đẹp chàng trai đang muốn tỏ tình mà còn làm mọi ánh mắt đổ dồn về phía cả chàng lẫn nàng, vì vẻ mặt thanh lịch, cộng thêm cái táo bạo kiểu “sư tử non”, và nhất là vì vẻ đẹp khác thường của chàng trai, một số người thậm chí còn cho chàng là người ảo lả nhưng không chê trách vì biết chàng rất “đàn ông” và yêu say đắm. Chính chàng là người cháu họ của bà de Villeparisis như bà đã nói với chúng tôi. Tôi hoan hỉ với ý nghĩ sẽ được làm quen chàng trong vài tuần lễ và tin chắc rằng chàng sẽ hết sức yêu mến mình. Chàng bước nhanh vào khách sạn và như thể đuổi theo chiếc kính một mắt nhảy nhót trước mặt như một cánh bướm. Chàng từ bãi tắm đi vào, và mặt biển dâng cao như tạo thành một cái nền trên đó chàng cất bước, chẳng khác nào trong một bức chân dung, tuy vẫn một mực trung thành với hiện thực đời sống trước mắt nhưng người họa sĩ chọn một khung cảnh thích hợp: một bãi chơi gôn hay đánh cầu, một trường đua ngựa hay một du thuyền, nhằm tạo nên một tác phẩm hiện đại tựa những bức tranh của người nguyên thủy, với gương mặt con người, nổi bật ở cận cảnh.

Một cỗ xe ngựa chờ chàng trai trước cửa; và trong lúc chiếc kính một mắt vẫn nhảy nhót trên con đường rực rỡ ánh nắng mặt trời, với vẻ thanh cao và tài nghệ điêu luyện mà một nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng vẫn có thể thể hiện trong nét nhạc đơn giản nhất trong đó tưởng chừng người ấy không sao có thể cao tay hơn một nhạc công hạng hai, người cháu bà de Villeparisis cầm lấy dây cương người xà ích trao cho, nhảy lên ngồi cạnh anh ta và vừa mở chiếc phong bì lão giám đốc khách sạn trao cho vừa ra roi cho ngựa cất bước.

Những ngày sau đấy, tôi gặp chàng trai khi ở trong, lúc ở ngoài khách sạn, áo cổ cao, tay chân luôn điều chỉnh động tác theo chiếc kính một mắt chập chờn như thể kính là trọng tâm của cả cơ thể. Anh chàng không muốn lại gần và không chào chúng tôi tuy không thể không biết bà tôi là bạn của bà cô chàng! Tôi vô cùng thất vọng. Và tôi nhớ tới thái độ hòa nhã đối với

chúng tôi của bà de Villeparisis, và trước kia nữa của ông de Norpois. Tôi nghĩ phải chăng họ chỉ là những nhà quý tộc cho vui chuyện thôi, và có một điều khoản bí mật nào đó của tầng lớp thượng lưu cho phép phụ nữ và một số nhà ngoại giao, trong quan hệ với người bình dân và vì một lý do tôi không nắm bắt được, không biểu lộ thái độ cao ngạo mà trái lại một chàng hầu tước trẻ tuổi phải tỏ rõ. Lẽ ra trí tuệ của mình bảo tôi ngược lại. Nhưng lứa tuổi đại khờ tôi đang trải qua - lứa tuổi rất giàu tưởng tượng chứ không hề căn cỗi - có đặc điểm là người ta không hỏi han lý trí, vì hình như những nét cá tính riêng biệt nhỏ nhất của con người đều là bộ phận khăng khít không thể tách khỏi nhân cách. Xung quanh mình đầy rẫy vừa quý dữ vừa thiên thần, lứa tuổi ấy không hề biết sự yên tĩnh. Hầu như không có cử chỉ nào lúc đó mà về sau người ta không muốn loại bỏ đi. Nhưng ngược lại, điều chắc hẳn sẽ luyến tiếc là không còn giữ được tính hồn nhiên bột phát khích lệ những cử chỉ ấy. Về sau người ta nhìn sự vật một cách thực tiễn hơn, hoàn toàn phù hợp với xã hội, nhưng tuổi thanh xuân là thời gian duy nhất người ta học tập được đôi điều.

Thái độ hỗn xược tôi cảm thấy ở de Saint-Loup và toàn bộ sự thô bạo tự nhiên tiềm tàng trong đó, thể hiện rất rõ mỗi khi anh chàng đi bên cạnh chúng tôi, thân hình cứng đờ, đầu ngẩng cao, ánh mắt lạnh lùng - nói thể cũng chưa đủ mà phải nói là kiêu sa, khinh thị người khác dù người ta không quen biết bà cô anh ta chẳng nữa. Những cung cách giá lạnh ấy khác xa những lá thư ngọt ngào mới cách đây vài hôm tôi còn hình dung anh chàng viết cho mình để bộc lộ thịnh tình. Khi bà de Villeparisis nhắc lại tấm lòng nhân hậu vô bờ bến của người cháu họ - chắc hẳn nhằm cố gắng xóa đi cái ấn tượng xấu của chúng tôi trước dáng dấp bề ngoài bộc lộ một bản chất kiêu căng và tàn bạo, thì tôi ngưỡng mộ anh ta giống như trong xã hội thượng lưu, bất chấp sự thật, người ta vẫn cho là nhân hậu những kẻ lòng dạ giá lạnh, dù họ có dụ dằng với những người quyền cao chức trọng trong giới của họ chẳng nữa. Chính bản thân bà de Villeparisis khẳng định thêm, tuy gián tiếp, những nét chủ yếu mà tôi đã nắm chắc về bản chất người cháu họ của bà hôm tôi gặp cả hai cô cháu trên một con đường hẹp bà không thể không giới thiệu anh ta với tôi. Hình như anh chàng không nghe bà cô giới thiệu, không một cơ bắp nào trên mặt anh ta động đậy; đôi mắt không có lấy một chút tia sáng tình thương yêu con người, ánh mắt như vô tri vô giác chỉ để lộ một sự thái quá mà giá như thiếu cái đó thì không có gì phân biệt được đôi mắt với những tấm gương soi không hồn. Rồi dăm dăm nhìn tôi với đôi mắt lạnh lùng như thể muốn tìm hiểu về tôi, trước khi

chào lại tôi, anh chàng dang cánh tay ra hết cỡ và cách xa, chìa bàn tay cho tôi, với một động tác đột ngột giống như một sự phản xạ của cơ bắp hơn là một hành vi ý chí, và tạo ra giữa hai người chúng tôi một khoảng cách hết sức lớn. Ngày hôm sau, khi nhận được danh thiếp của anh chàng, tôi nghĩ tới một sự thách đấu. Nhưng anh ta chỉ nói về văn học và sau một buổi nói chuyện kéo dài, ngỏ lời thiết tha muốn gặp tôi nhiều giờ liền mỗi ngày. Trong buổi viếng thăm này, anh không chỉ tỏ ra say mê những vấn đề về trí óc, mà còn biểu lộ một mối cảm tình không hề ăn khớp với cái chào ngày hôm trước.

Mỗi lần thấy anh chàng lặp lại cái chào ấy với người được giới thiệu, tôi đều hiểu đây chỉ là một thói quen xã giao đặc biệt của một số người trong gia tộc anh và bà mẹ anh buộc hình hài anh phải tuân theo vì bà thiết tha người con trai được nuôi dạy một cách hoàn hảo nhất, anh chào hỏi mà không hề nghĩ suy về cái chào ấy nhiều hơn về bộ quần áo sang trọng hay về mái tóc đẹp đẽ của mình; nó không có một ý nghĩa tinh thần nào hết như tôi nghĩ lúc ban đầu, mà chỉ là một điều khoản hoàn toàn do học tập mà có cũng như một thói quen khác của chàng trai là muốn được giới thiệu ngay lập tức với bố mẹ người anh quen biết, thói quen ấy đã trở thành một thứ bản năng tới mức một hôm sau buổi chúng tôi gặp nhau, anh ta nhảy bổ vào tôi và không chào hỏi, bảo tôi giới thiệu với bà tôi lúc ấy đang đứng bên cạnh; anh nói vội vã như thế do thúc đẩy bởi một thứ bản năng tự vệ, giống như cử chỉ tránh một cú đòn hay nhắm vội mắt trước một tia nước sôi.

Sau những nghi thức xã giao⁽³⁰²⁾ đầu tiên, giống như một nàng tiên cau có cởi bỏ vỏ bọc và khoác vào mình những vẻ quyến rũ đắm đuối, tôi thấy con người khinh bạc kia trở thành chàng trai ân cần nhất đời, dễ thương nhất đời.

“Thế đấy, - tôi nghĩ bụng, - mình đã hiểu lầm hẵn, mình là nạn nhân của một ảo ảnh, nhưng mình chỉ vượt qua ảo ảnh thứ nhất để rơi vào một ảo ảnh thứ hai, vì hẵn là một tay đại lãnh chúa đắm đuối tước vị nhưng lại tìm cách che giấu niềm đam mê ấy”.

Và quả vậy, chẳng bao lâu sau, toàn bộ nền giáo dục tốt đẹp, toàn bộ vẻ dễ thương của Saint-Loup để lộ cho tôi thấy một con người khác, nhưng khác xa con người tôi từng ngờ ngợ.

Chàng trai có cái vẻ một nhà quý tộc và một tay thể thao khinh bạc ấy chỉ quý mến và tò mò muốn biết những vấn đề về trí óc, nhất là những biểu hiện cách tân trong văn học và nghệ thuật mà bà cô anh cho là hết sức lỗ bịch. Mặt khác, anh thấm nhuần điều mà bà cô gọi là những sự khoa trương

về chủ nghĩa xã hội, hết sức khinh miệt đẳng cấp mình, và bỏ hàng giờ nghiên cứu Nietzsche và Proudhon⁽³⁰³⁾. Anh là một trong những “nhà trí thức” dễ dàng ngưỡng mộ, say sưa sách vở và chỉ quan tâm tới những tư tưởng cao siêu. Khuynh hướng rất trừu tượng ấy khiến anh xa lạ đối với những mối quan tâm hàng ngày của tôi; biểu hiện của khuynh hướng ấy dù ở Saint-Loup vẫn không khỏi làm tôi vừa phiền lòng vừa xúc động.

Đọc xong tập hồi ký kể lại nhiều giai thoại về thân phụ anh, bá tước de Marsantes lừng danh, hiện thân của vẻ thanh lịch rất đặc biệt của một thời xa xưa, đầu óc tôi đầy mộng tưởng và tôi muốn biết cụ thể cuộc đời ông. Tôi giận sôi lên khi thấy đáng lẽ bằng lòng là con trai của bố anh, đáng lẽ có thể hướng dẫn tôi trong cuốn tiểu thuyết đã lỗi thời ấy, tức là cuộc đời của ông, Robert de Saint-Loup lại chỉ say mê Nietzsche và Proudhon. Bố anh chắc hẳn không đồng tình với những nỗi luyến tiếc của tôi. Bản thân ông vốn là một con người thông minh, vượt qua giới hạn một kiếp người phù hoa. Ông không có thời gian để hiểu biết đứa con trai, nhưng mong ước nó hơn mình. Chắc hẳn trái ngược với những người còn lại trong gia đình, ông ngợi khen anh, vui mừng thấy anh không đoái hoài tới những trò tiêu khiển phù phiếm xưa kia của mình để quan tâm tới những sự suy ngẫm nghiêm túc; và lạnh lẽ, với thái độ khiêm nhường của một nhà quý tộc có cơ mưu, chắc chắn ông lén đọc những tác giả con trai ông yêu thích để nhận thấy Robert hơn mình đến đâu.

Hơn nữa có điều đáng buồn là nếu ông de Marsantes, với đầu óc khá cởi mở, yêu thích đứa con trai dù khác xa mình thì, trái lại, là người gắn liền tài năng với một số hình thái nghệ thuật và cuộc sống, Robert de Saint-Loup giữ một kỷ niệm yêu thương nhưng có phần khinh bạc về một ông bố suốt đời chăm lo chuyện săn bắn và đua ngựa, không buồn đọc Wagner nhưng lại say mê Offenbach⁽³⁰⁴⁾. Saint-Loup không đủ thông minh để hiểu rằng giá trị tinh thần không dính dáng gì tới việc tán thành hình thức thẩm mỹ này nọ, và đối với “đầu óc thông thái” của ông de Marsantes, hầu như anh có thái độ khinh thường giống thái độ khinh thường đối với Boieldieu⁽³⁰⁵⁾ hay đối với Labiche⁽³⁰⁶⁾ của một Boieldieu-con hay một Labiche-con, hai anh chàng rất có thể là những đồ đệ của trào lưu văn học tượng trưng tiêu biểu nhất, hay của khuynh hướng âm nhạc phức tạp nhất.

- Mình rất ít biết bố mình, - Robert tâm sự. - Hình như ông là một con người cao nhã. Tai họa của ông chính là cái thời đại khốn khổ ông đã sống. Giá là một người tiểu tư sản cuồng nhiệt quyền Anh, thì có lẽ sự thể

đã khác. Tôi nghe nói ông yêu văn học. Nhưng chẳng biết thế nào, vì cái mà ông cho là văn học chỉ bao gồm những tác phẩm lỗi thời!

Trong lúc tôi thấy Saint-Loup có phần nghiêm túc thì ngược lại, anh không hiểu nổi vì sao tôi không thể nghiêm túc hơn anh. Chỉ đánh giá mỗi sự vật qua nội dung ý nghĩa của nó và không thấy đâu là những niềm vui tinh thần tôi có thể thường thức trong một vài hiện tượng mà anh cho là phù phiếm, anh lấy làm kinh ngạc là tôi - người mà anh cho là vượt xa anh, có thể quan tâm tới những hiện tượng ấy.

Ngay từ những ngày đầu, Saint-Loup biểu lộ đối với cả hai bà cháu chúng tôi một tấm lòng nhân hậu rất tự nhiên. Thái độ tự nhiên vốn là phẩm chất bà tôi coi trọng hơn hết, phải chăng vì với nghệ thuật của con người, nó khiến người ta cảm nhận được thiên nhiên? Ngoài vườn, cụ không thích những dải đất quá bằng phẳng như ở Combray; trong nhà bếp, cụ ghét những chiếc bánh ngọt có trang trí che khuất không còn cho thấy những thứ nguyên liệu dùng làm bánh; trong biểu diễn dương cầm, cụ không ưa lối chơi quá cầu kỳ, tỉ mỉ... Cụ ca ngợi phong cách trang phục tự nhiên nhưng trang nhã của Saint-Loup, không bảnh bao, diêm dúa, không có kiểu quần áo hồ bột cứng đờ. Cụ càng ưa chuộng lối sống xuềnh xoàng, giản dị của anh tuy xa hoa mà không “cảm thấy đồng tiền”, không có những điệu bộ quan trọng, nhất là thái độ dễ thương không che giấu cảm xúc trên nét mặt, một biểu hiện tự nhiên gắn liền với tuổi thơ cùng với một vài đặc điểm sinh lý học khác. Có khi chỉ một lời khen cũng làm bùng lên ở anh một niềm vui đột ngột, cháy bỏng, không sao kìm nén nổi; làn da mướt mà trên má anh đỏ ửng, ánh mắt anh tỏ ra hân hoan một cách bối rối.

Bà tôi cực kỳ nhạy cảm với những biểu hiện dễ thương ấy của thói ngây thơ và lòng chân thật vốn không hề lừa dối ở Saint-Loup, ít ra cũng vào thời kỳ tôi kết thân với anh. Một thoáng đỏ mặt đột ngột là một biểu hiện sinh lý học tự nhiên và chân thật. Tuy vậy nhiều khi, ở không ít kẻ, nó không hề loại trừ sự tráo trở về mặt đạo lý, họ có thể có những ngón lừa đảo xấu xa nhất trong lòng nhưng không thể chống nổi chút ửng hồng trên má khi không chế ngự nổi một niềm đam mê cuồng nhiệt.

Nhưng bà tôi quý nhất cách bộc lộ tình cảm rất tự nhiên của Saint-Loup đối với tôi, với những từ ngữ hết sức chính xác và âu yếm; anh cũng không ngần ngại chế giễu những thiếu sót của tôi, vạch chúng ra một cách tinh tế làm bà tôi rất tâm đắc, nhưng chắc hẳn bản thân cụ cũng chế giễu như vậy: đó là lối chế giễu với thái độ yêu thương. Ngược lại, anh ca ngợi phẩm chất của tôi một cách say sưa, tin cậy, không có lối thờ ơ lãnh đạm như những

chàng trai ở lứa tuổi anh. Anh chú ý đề phòng những trường hợp bất lợi nhỏ nhất nhất cho tôi, kín đáo phủ chắn lên chân tôi nếu trời trở lạnh, thu xếp ở lại buổi tối với tôi nếu cảm thấy tôi buồn hay trong người khó ở. Bà tôi thấy sự săn sóc ân cần ấy có phần quá mức đối với sức khỏe của tôi trong khi nó đòi hỏi một sự chịu đựng lớn hơn, nhưng cụ lại xúc động sâu sắc trước biểu hiện tình thương ấy.

Chẳng bao lâu hai đứa chúng tôi bảo nhau sẽ mãi mãi giữ vững tình bạn, và Saint-Loup nói “tình bạn của chúng ta” như nói về một vấn đề trọng đại tồn tại một cách diệu kỳ bên ngoài bản thân chúng tôi và anh cho là niềm vui lớn nhất của đời anh - nếu không nói đến tình yêu lứa đôi. Tôi có phần buồn bã và bối rối, vì cảm thấy không thể nào nói chuyện về hạnh phúc với anh cũng như với mọi người khác. Chỉ thỉnh thoảng những lúc một mình một bóng tôi mới cảm thấy tự đáy lòng dâng lên một vài cảm giác thật sự êm đềm. Nhưng hề đứng với một người khác, nói chuyện với một người bạn là trí óc tôi hướng ý nghĩ về người đối thoại, chứ không phải về bản thân mình, và những ý nghĩ đi ngược chiều như vậy không mang lại cho tôi một chút niềm vui nào.

Mỗi khi chia tay Saint-Loup, là tôi sắp đặt lại trong đầu óc một chút thứ tự về những giờ phút lộn xộn mình vừa trải qua; tôi thầm nghĩ mình có một người bạn tốt, tự bảo mình có một người bạn tốt là điều hiếm hoi; và cảm thấy được sống giữa những thứ quý giá khó có thể tìm thấy trên đời, tôi vui niềm vui hoàn toàn đối lập với một niềm vui tôi vốn cho là tự nhiên, niềm vui mỗi khi rút ra được từ bản thân mình và đưa ra ánh sáng một cái gì đó trước kia bị che lấp trong bóng tối. Sau hai ba giờ chuyện vãn với Robert de Saint-Loup và tuy được anh ca ngợi, tôi cảm thấy mệt mỏi và ân hận đã không ở nhà một mình để bắt tay vào việc. Nhưng tôi nghĩ bụng người ta đâu chỉ thông minh cho riêng một mình mình; ngay cả những người vĩ đại vẫn mong muốn được đánh giá cao, và tôi không thể xem là mất toi những giờ phút dùng để tạo lập trong đầu óc bạn một quan niệm tốt đẹp về bản thân mình; tôi dễ dàng tin chắc mình phải lấy thế làm sung sướng, và vì chưa từng có ý thức về niềm hạnh phúc ấy nên tôi càng thiết tha ao ước. So với tất cả các thứ của cải trên đời, việc đánh mất của cải nằm bên ngoài mình là đáng sợ hơn hết, bởi lẽ trái tim ta chưa hề chiếm đoạt chúng. Tôi cảm thấy có thể giữ gìn tình bạn (vì đặt lợi ích của bạn bè lên trên quyền lợi cá nhân mà những người khác rất mực gắn bó, nhưng tôi thì không coi trọng) song không thể vui sướng khi tình cảm xóa nhòa chứ không làm tăng thêm những sự khác biệt giữa tâm hồn mình và tâm hồn những người khác.

Ngược lại, thỉnh thoảng tôi như tìm thấy ở Saint-Loup một con người thoát ra ngoài chính bản thân anh - “anh chàng quý tộc”; như một “linh hồn bên trong”, nó làm chuyển động tay chân anh, điều hòa cử chỉ và hành động của anh. Vào những lúc ấy, mặc dù ở cạnh anh, tôi vẫn cô đơn chẳng khác nào đứng trước một cảnh vật tự thân nó hài hòa, gắn bó. Anh chỉ còn là một đối tượng tôi tìm cách đi sâu tìm hiểu.

Luôn luôn tìm thấy ở anh con người hôm trước, con người muôn thuở, nhà quý tộc mà chính Robert muốn thoát ra khỏi, tôi cảm thấy vui mừng, nhưng chỉ mới là niềm vui hiểu nhau, chứ chưa hẳn là tình bạn.

Thỉnh thoảng tôi tự trách mình đã thích thú xem bạn như một tác phẩm nghệ thuật, nghĩa là cho hoạt động của mọi bộ phận cơ thể anh như được chỉ đạo một cách hài hòa bởi một tư tưởng khái quát chúng bám chặt, nhưng bản thân anh không biết tới, và bởi thế nó không bổ sung gì hết cho phẩm chất đích thực của anh, cho giá trị trí tuệ và đạo đức anh vốn hết sức coi trọng.

Thế nhưng trong một chừng mực nhất định, tư tưởng khái quát này lại là điều kiện của những phẩm chất ấy. Chính vì anh là một nhà quý tộc nên trong hoạt động tinh thần và những xu hướng xã hội chủ nghĩa từng khiến anh tìm kiếm những sinh viên tự cao tự đại và ăn mặc lôi thôi, có một cái gì đó thật sự trong sáng, thật sự vô tư không thể có ở những anh chàng này. Định ninh mình là một dòng dõi đẳng cấp dốt nát và ích kỷ, anh thành thực mong mỗi họ tha thứ cho anh cái cội nguồn quý tộc của mình, nhưng trái lại, cội nguồn ấy làm họ say mê và tìm kiếm anh trong lúc giả vờ có thái độ lạnh nhạt và khiếm nhã. Vì vậy anh chủ động tìm gặp những kẻ mà chắc hẳn trung thành với tập quán xã hội Combray, bố mẹ tôi nghĩ lẽ ra anh phải tránh xa.

Một hôm trong lúc ngồi trên bãi cát, Saint-Loup và tôi nghe từ một căn lều vải bên cạnh phát ra những lời chửi rủa “tình trạng nhung nhúc những người Do Thái đang tàn phá Balbec”:

“Hễ đi hai bước chân là đụng phải họ, - giọng nói bên kia lều vải cất lên. – về nguyên tắc, tôi không triệt để thù ghét dân tộc Do Thái, nhưng sao lại nhiều đến thế? Chỉ toàn nghe những Abraham⁽³⁰⁷⁾ và Abraham. Tưởng mình đang trên đường phố Aboukir⁽³⁰⁸⁾”. “Kẻ chửi bới Israel” bước ra khỏi lều, chúng tôi ngược mắt nhìn anh ta. Té ra là anh bạn Bloch. Ngay lập tức Saint-Loup yêu cầu tôi nhắc anh ta là họ từng gặp nhau trong một

kỳ thi chung khảo trong đó Bloch đoạt giải thưởng danh dự, và về sau tại một trường Đại học nhân dân.

Thỉnh thoảng tôi thích thú nhận thấy Robert áp dụng những quy tắc của các giáo sĩ dòng Tên một cách lúng túng vì sợ làm người khác phật lòng, mỗi khi một trong những người bạn trí thức của anh phạm một sai lầm trong cuộc sống đời thường, có một hành vi lỗ bịch mà bản thân anh không lấy làm điều nhưng anh cảm thấy người kia đỏ mặt nếu có người nhận thấy, và anh cảm thấy xấu hổ như thể chính mình là thủ phạm, chẳng hạn, hôm Bloch sau khi hứa tới thăm anh ở khách sạn, nói thêm:

- Tôi không sao chịu nổi cảnh ngồi chờ giữa cái không khí sang trọng giả tạo của những “nơi tứ chiếng” ấy và để cho những kẻ “giang hồ”⁽³⁰⁹⁾ làm mình khó chịu. Vậy anh hãy yêu cầu anh chàng “laift”⁽³¹⁰⁾ bảo chúng im mồm đi và báo ngay cho anh biết.

Riêng phần mình, tôi không muốn Bloch tới khách sạn. Hẳn không ở Balbec một mình, mà có cả mấy cô em gái cùng đi, và bản thân những cô em này lại có nhiều bà con và bè bạn. Và lại, đám kiều dân Do Thái ấy tuy có vẻ ngoạn mục nhưng không mấy dễ chịu. Ở Balbec cũng vậy và ở một số đất nước khác như Nga hay Rumania chẳng hạn cũng vậy. Ở đây những bài học địa lý dạy người ta rằng dân chúng Do Thái không hề được hưởng một sự ưu ái như nhau và không đạt tới một trình độ đồng hóa ngang nhau như ở Paris chẳng hạn. Bao giờ họ cũng đi với nhau, không lẫn lộn với một thành phần nào khác, khi bà con, anh em Bloch hoặc những người đồng tôn của họ, nam cũng như nữ, tới câu lạc bộ, người này thì để khiêu vũ, người kia thì rẽ sang chỗ chơi bài; họ tạo thành một dòng người hoàn toàn đồng nhất, hoàn toàn khác những người nhìn họ đi qua và hàng năm gặp họ mà không bao giờ trao đổi với họ một lời chào hỏi, dù là nhóm họ hàng Cambremer, phe phái ngài Chánh án, hay các nhà tư sản và tiểu tư sản, hoặc thậm chí những nhà buôn bán ngũ cốc bình thường ở Paris. Các cô gái những gia đình này, xinh đẹp, kiêu sa, hài hước và “rất Pháp” tựa những bức tượng ở nhà thờ Reims, không muốn dính dáng tới những “con nôm” mất dạy, chăm chăm chú chú tới các mốt áo tắm biển tới mức bao giờ cũng như đi câu tôm trở về hay đang nhảy một điệu tango. Còn đám đàn ông thì mặc dù những chiếc x-mô-king lỏng lẻo và những đôi giày bóng lộn, vẫn khiến người ta nghĩ tới, do lối cường điệu quá đáng loại hình của họ, những sự tìm tòi được mệnh danh là “thông minh” của những họa sĩ, khi phải minh họa Kinh Thánh hoặc *Nghìn lẻ một đêm*, liên tưởng tới đất nước diễn

ra sự việc và gán cho Thánh Pierre hay Ali-Baba gương mặt của nhân vật quan trọng nhất của Balbec. Bloch giới thiệu tôi với các cô em gái mà hẳn bắt im mồm với thái độ hết sức thô bạo; nhưng hễ nghe một lời nói ngỗ nghịch của ông anh trai, niềm ngưỡng mộ và thần tượng của họ, là các cô nàng cười như nắc nẻ. Chắc hẳn cũng như và có lẽ còn hơn mọi môi trường khác, môi trường này ẩn chứa nhiều điều thú vị, nhiều cái hay, cái đẹp. Nhưng muốn cảm nhận được chúng, thì phải thâm nhập, trong lúc chẳng ai nghĩ tới chuyện tìm một con đường len lỏi tới chỗ chống chủ nghĩa bài Do Thái.

Còn cái lỗi phát âm “lift” thành “laift”, thì không làm tôi ngạc nhiên. Mấy hôm trước, khi Bloch hỏi tôi vì sao tôi tới Balbec (trái lại, hẳn cho hẳn có mặt ở đây là chuyện hết sức tự nhiên), có phải vì tôi “hy vọng làm quen những người đẹp không”, và khi tôi bảo cuộc du lịch này đáp ứng một nguyện vọng hết sức lâu ngày của tôi, tuy không sâu xa bằng nguyện vọng đi Venise, thì hẳn đáp:

- Đúng thế, dĩ nhiên thôi, để vừa cùng ăn kem với người đẹp, vừa làm ra vẻ đang đọc tác phẩm *Stones of Venaice*⁽³¹¹⁾ của John Ruskin, người làm độc giả chán ngấy chứ gì !

Bloch đình ninh ở Anh, chẳng những tất cả đám mây râu đều là nguyên lão, mà bao giờ chữ *i* cũng đều phát âm là *ai*. Còn Saint-Loup thì cho lỗi phát âm chẳng có gì quan trọng, chẳng qua chỉ thuộc về một trong những quan niệm về xã hội phù hoa mà anh nắm vững bao nhiêu thì anh bạn mới quen của tôi coi thường bấy nhiêu. Nhưng về sau, khi nghe có người phát âm “Venice” và bảo Ruskin không phải là một vị nguyên lão, thì Bloch sợ Robert cho là mình lỗ bịch, còn Robert thì cảm thấy mình có lỗi vì thiếu độ lượng trong lúc bản thân anh là người cực kỳ độ lượng; và nếu Bloch phải đỏ mặt vì xấu hổ khi biết rõ nhầm lẫn của mình, thì Robert cũng cảm thấy mặt mình đỏ ửng vì hối hận. Vì anh đình ninh Bloch quan tâm hơn anh tới cái lỗi ấy. Bloch tỏ rõ như vậy ít lâu sau, khi nghe tôi phát âm “lift” và vội vã cắt ngang lời tôi:

- A! Thì ra người ta nói “lift”.

Rồi, với một giọng khô khốc và cao ngạo, nói thêm:

- Vả lại, cái đó chẳng có gì quan trọng hết.

Giống như một sự phản xạ, đây là câu nói cửa miệng của những kẻ chúa tự ái, trong những trường hợp nghiêm trọng nhất cũng như vô nghĩa nhất; ở đây, nó chỉ rõ sự việc thực ra cực kỳ quan trọng đối với kẻ tuyên bố nó không quan trọng tí nào; có khi nó là câu nói bi thảm thốt ra đầu tiên từ cửa

miệng một kẻ kiêu hãnh khi người ta chối từ một sự giúp đỡ và làm tiêu tan niềm hy vọng cuối cùng mà hắn bám chặt. Hắn tuyên bố:

- A! Được, điều đó không mấy may quan trọng, tớ sẽ thu xếp cách khác.

Trong lúc cái cách sắp xếp khác ấy - mà hắn cho dù mình có bị dồn vào cũng chẳng có gì quan trọng - có khi lại là chuyện tự sát.

Rồi Bloch nói với tôi những lời rất dễ thương. Chắc hẳn hắn muốn tỏ ra tử tế. Tuy nhiên hắn hỏi tôi:

- Có phải cậu giao du với Saint-Loup-ở-Bray vì muốn ngoi lên giai cấp quý tộc - một giai cấp đã xuống dốc lắm rồi, nhưng cậu vẫn ngây thơ không biết phải không? Chắc hẳn cậu đang trải qua một cuộc khủng hoảng thời thượng ra trò. Cậu bảo cho tớ biết, cậu đang chạy theo thời thượng chứ gì? Đúng thế phải không?

Không phải bỗng nhiên ý muốn tỏ ra tử tế của hắn thay đổi. Nhưng cái mà bằng một thứ tiếng Pháp không chuẩn lắm người ta gọi là “kém giáo dục”, chính là thiếu sót của Bloch, do vậy là thiếu sót hắn không nhận ra, nên hắn lại càng không nghĩ là có thể làm người khác khó chịu.

Trong xã hội loài người, hiện tượng có nhiều ưu điểm giống nhau ở tất cả mọi người cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên hơn sự đa dạng của những khuyết điểm riêng biệt của mỗi người. Dĩ nhiên, “điều phổ biến nhất trên đời” không phải là lương tri mà là lòng nhân ái. Ở những chân trời góc biển xa xôi nhất, hẻo lánh nhất, người ta lấy làm kỳ thú thấy tự nó nảy nở, như nảy nở trong một thung lũng hoang vắng một cây hoa mỹ nhân giống mọi cây hoa mỹ nhân khác trên đời, tuy nó chưa hề trông thấy chúng bao giờ và chỉ biết có làn gió thỉnh thoảng lay động cánh hoa đỏ cô đơn của nó. Dù bị lợi ích cá nhân làm tê liệt, tấm lòng nhân ái ấy không được đưa ra thi thố chẳng nữa, thì nó vẫn tồn tại và, mỗi khi không bị một động cơ ích kỷ nào ngăn cản, chẳng hạn trong lúc đọc một cuốn tiểu thuyết hay một tờ báo, thì nó lại nảy nở, và ngay cả trong lòng một kẻ tuy là đả sát nhân nhưng vẫn dịu dàng trong lúc say mê văn chương, nó hướng về người yếu thế, người chính trực, người bị ngược đãi.

Tuy nhiên sự đa dạng của khuyết tật đáng ngạc nhiên không kém tình trạng giống nhau về đức hạnh. Con người hoàn mỹ hoàn thiện nhất đời vẫn có một chút thiếu sót nào đó làm người ta khó chịu hay thậm chí phẫn nộ.

Người này thì hết sức thông minh, nhìn nhận mọi sự việc theo một quan điểm cao thượng, không nói xấu ai bao giờ, nhưng lại bỏ quên trong túi những lá thư quan trọng nhất mà chính bản thân họ yêu cầu anh trao cho, và sau đó làm anh lỡ một buổi hẹn hò hết sức quan trọng, song không hề xin

lỗi và vẫn nở một nụ cười trên môi, vì họ lấy việc không bao giờ biết đến giờ giấc làm một niềm kiêu hãnh. Người nọ thì tinh tế, dịu dàng tới mức bao giờ cũng chỉ nói về anh những điều có làm anh vui mừng, nhưng anh cảm thấy họ giấu kín trong lòng một cách chua chát những điều hoàn toàn khác, và họ thiết tha với niềm hứng thú được gặp anh tới mức họ làm anh đến chết mệt, chứ không chịu chia tay. Một người thứ ba thì chân thành hơn, nhưng tới mức khi anh đã cáo lỗi vì tình hình sức khỏe vừa qua không tới thăm họ được, họ vẫn khẳng khẳng muốn anh hiểu rằng người ta có thấy anh tới nhà hát và sức khỏe anh vẫn tốt, rằng công việc họ nhờ anh không mấy kết quả và vài ba người khác cũng đã ngỏ lời muốn giúp đỡ họ: họ muốn bảo họ chỉ mang ơn anh chút đỉnh thôi. Trong hai trường hợp này, người bạn nói trên chắc hẳn sẽ làm như thế không biết anh đã đến nhà hát, và những người khác ắt có thể giúp anh ta công việc tương tự. Còn người bạn sau cùng này thì thấy cần nhắc lại với người khác những điều làm anh phật ý nhất; anh ta khoan khoái về sự thành thật của mình và thẳng thừng nói với anh: “Tôi là như thế đấy”. Còn những người khác thì làm anh khó chịu vì sự tò mò quá đáng, hoặc thái độ thờ ơ tới mức anh có thể nói với họ về những sự kiện đáng xúc động nhất đời mà họ vẫn không buồn biết là anh đang nói gì; những người khác nữa thì để đến hàng tháng mới trả lời anh nếu như anh nói về một việc liên quan tới anh chứ không phải tới họ; hoặc nữa, sau khi bảo anh họ sẽ tới vì có chút việc nhờ anh và anh không dám vắng nhà vì sợ họ tới không gặp, họ lại không tới và để anh chờ đợi hàng tuần, vì không nhận được của anh lời phúc đáp tuy thư họ không đề cập tới, họ ngỡ đã làm anh phật lòng. Một vài người chỉ biết nguyện vọng của họ chứ không phải của anh, thì thao thao bất tuyệt không cho anh chen vào nửa lời nếu họ cao hứng và muốn gặp anh, dù anh bận công việc cấp bách đến mấy; nhưng nếu họ cảm thấy mệt mỏi vì thời tiết hoặc trong người không được phấn chấn, thì anh không sao có thể làm họ mở miệng lấy nửa lời dù anh có cố gắng đến thế nào đi nữa.

Mỗi người bạn chúng ta đều có thiếu sót, và muốn tiếp tục yêu thương họ, chúng ta buộc phải cố gắng nghĩ tới tài ba, lòng tốt, tình thương của họ, hay nói đúng hơn cố quên đi thiếu sót ấy bằng cách vận dụng toàn bộ thiện chí của mình. Tiếc thay, tuy chúng ta khẳng khẳng không muốn thấy khuyết điểm của bạn nhưng thái độ cố chấp không chịu từ bỏ khuyết điểm của bạn còn quyết liệt hơn vì bạn mù quáng hoặc cho là người khác mù quáng. Vì nguy cơ làm người khác phật lòng, chủ yếu bắt nguồn từ chỗ khó có thể đánh giá hay không nhận thấy sự việc xảy ra, nên chúng ta không bao giờ

nên nói về mình, ít ra thì cũng vì thận trọng, vì đây là một đề tài mà quan điểm của người khác và quan điểm của bản thân ta chắc chắn không bao giờ phù hợp với nhau. Nếu khi tới thăm một ngôi nhà bề ngoài bình thường như mọi ngôi nhà khác nhưng bên trong đầy rẫy của cải, những chiếc kìm cộng lực của kẻ gian và xác chết, người ta hết sức kinh ngạc vì phát hiện ra đời sống thực của người khác, phát hiện ra cái đích thực dưới lớp sơn bề ngoài, thì người ta cũng không kém sung sướng nếu thay vì hình ảnh chúng ta tự tạo cho mình bằng những điều mỗi người nói về chúng ta, chúng ta biết được, qua lời lẽ của họ trong lúc ta vắng mặt, họ giữ trong lòng họ một hình ảnh hoàn toàn khác về chúng ta và về cuộc sống chúng ta. Vì vậy, mỗi khi tự nói về mình, chúng ta có thể tin chắc là những lời nói vô hại và thận trọng ấy được người ta nghe với vẻ lịch sự bề ngoài và một sự đồng tình giả dối, sẽ gây ra những lời bình luận dữ dội nhất hoặc vui vẻ nhất, và dẫu sao thì cũng ít thiện chí nhất. Ít nhất chúng ta cũng có thể làm người ta khó chịu vì sự cách biệt ấy thường làm cho những lời người ta tự nói về chính mình cũng lỗ bịch chẳng khác những lời bài hát khe khẽ của những tài tử âm nhạc giả hiệu cảm thấy cần cất lên một làn điệu họ yêu thích để bù đắp cho sự thiếu sót của lời rì rầm không thành tiếng bằng một điệu bộ mạnh mẽ và một vẻ thán phục mà những điều họ cho chúng ta nghe không so lý giải nổi. Và cùng với cái thói xấu nói về mình và khuyết điểm của mình, cần phải kể thêm, như thể gắn liền khăng khít với nó, cái thói xấu khác là tố cáo ở những người khác thiếu sót hoàn toàn giống như thiếu sót của bản thân mình.

Và lại, bao giờ người ta cũng nói tới những thiếu sót ấy, như thể đó là một cách nói về bản thân mình; tuy quanh co, nó gắn liền thú vui thú nhận với thú vui tự miễn thứ cho mình. Hơn nữa, hình như luôn luôn tập trung về những gì điển hình ở chúng ta, sự chú ý của mình nhận ra điều đó rõ hơn mọi thứ khác của những người khác. Một anh chàng cận thị nói về một người cận thị khác: “Hầu như hẳn không mở được mắt ra”; một người có bệnh phổi nghi ngờ về sự an toàn của đôi lá phổi ở người khỏe mạnh nhất; một anh chàng bị phản bội nhìn thấy khắp nơi những đức ông chồng bị phản bội; trước mắt người đàn bà nông nổi là nhan nhản đàn bà nông nổi; kẻ chạy theo thời thượng, thấy vô số những người chạy theo thời thượng. Cũng như mỗi nghề nghiệp, mỗi khuyết tật đều đòi hỏi và phát triển một tri thức riêng biệt mà người ta sẵn sàng phô trương ra. Người đồng tính luyện ái phát hiện ra người đồng tính luyện ái; bác phó may lịch lãm chưa kịp bắt chuyện anh đã đánh giá chất lượng vải quần áo anh và nóng lòng sốt ruột

muốn sờ tận tay; nếu sau vài câu chuyện, anh hỏi ý kiến một thầy thuốc nha khoa, thì ông ta sẽ nói cho anh biết số răng sâu của anh. Đối với ông ta, không có gì quan trọng hơn thế, còn đối với anh, người đã nhìn thấy những chiếc răng sâu của ông ta, thì không có gì lố bịch hơn. Và không phải chỉ khi nói về bản thân mình, chúng ta mới tin là những người khác mù quáng, chúng ta còn hành động như thế họ là những kẻ thực sự mù quáng. Đối với mỗi chúng ta, có một vị thần linh đặc biệt che giấu hoặc hứa che giấu khuyết điểm cho ta, cũng như Ngài bịt mắt, bịt mũi những kẻ không tắm rửa trước vết bẩn của họ trên tai hoặc mùi mồ hôi ở nách, và cam đoan họ có thể phơi bày vô tội vạ cả hai thứ đó trước bàn dân thiên hạ mà chẳng một ai nhận biết gì hết. Còn những kẻ mang hay tặng những viên ngọc trai giả thì tưởng tượng người ta sẽ cho là ngọc trai thật.

Bloch là kẻ thiếu giáo dục, bị bệnh thần kinh, chuộng thời thượng và thuộc một dòng họ ít được trọng vọng; hắn chịu đựng như ở dưới đáy biển vô số sức ép chẳng những của những người Cơ Đốc giáo trên bề mặt mà còn của cả những tầng lớp chòng chéo nhau trong các đẳng cấp Do Thái trên tầng lớp hắn, mỗi một tầng lớp ấy hết sức miệt thị tầng lớp ở ngay dưới mình. Muốn ngoi lên lớp không khí tự do bằng cách chuyển mình từ dòng họ Do Thái này tới dòng họ Do Thái khác, Bloch chắc hắn phải bỏ ra hàng nghìn năm. Thà tìm lối ra theo một con đường khác!

Khi Bloch nói với tôi về cuộc khủng hoảng chạy theo thời thượng và yêu cầu tôi thú nhận tôi là đứa chạy theo thời thượng, lẽ ra tôi phải trả lời:

“Giá là đứa chạy theo thời thượng, thì tớ đã không giao du với cậu”.

Nhưng tôi chỉ bảo hắn không mấy dễ thương. Thế là hắn muốn xin lỗi, nhưng theo cái lối của một kẻ thiếu giáo dục, kẻ vô cùng sung sướng khi cải chính lời lẽ của mình, tìm thấy cơ hội làm chúng nặng nề hơn lên.

- Xin lỗi cậu, - giờ đây hắn nói mỗi khi gặp tôi, - tớ đã quấy nhiễu, hành hạ cậu, đã độc ác một cách vô tội vạ. Thế nhưng, con người ta nói chung và thằng bạn này của cậu nói riêng là một con vật kỳ lạ; cậu không sao tưởng tượng nổi tớ, đứa trêu chọc cậu độc ác đến thế, tớ yêu mến cậu biết chừng nào. Tớ yêu cậu nhiều khi đến rơi lệ.

Và hắn cất lên một tiếng nức.

Bloch làm tôi ngạc nhiên vì những cung cách thô lỗ thì ít, mà chủ yếu vì nội dung ý nghĩa những câu chuyện của hắn rất thất thường, về những nhà văn đang được ưa chuộng nhất, anh chàng khó tính ấy đánh giá:

- Một kẻ dốt nát tồi tệ, một thằng ngốc hoàn toàn.

Nhưng thỉnh thoảng hẳn lại kể hết sức vui về những giai thoại không hề có gì đáng buồn cười, và nói về một kẻ hoàn toàn kém cỏi như một “con người thật sự kỳ lạ”. Hai cái lối đánh giá ấy đối với tinh thần, trí tuệ và giá trị con người không khỏi làm tôi ngạc nhiên cho tới hôm tôi được biết ông bố Bloch.

Tôi không bao giờ dám nghĩ là có thể được phép gặp ông, vì Bloch- con đã nói xấu về tôi với Saint-Loup và nói xấu về Robert với tôi. Đặc biệt là hẳn bảo Robert rằng tôi (luôn luôn) chạy theo thời thượng một cách kinh khủng.

- Có, có chứ, bố tôi sẽ sướng như tiên nếu được biết ông LLLLegrandin, - hẳn tuyên bố.

Cái lối cắt rời một từ ra như thế của Bloch là dấu hiệu vừa của thói hài hước vừa của cách nói văn hoa. Chưa hề nghe nói tới cái tên Legrandin, Saint-Loup ngạc nhiên:

- Ai vậy?

- Ô! Một người *tuyệt vời*. - Bloch vừa đáp vừa cười và thọc hai tay vào túi áo ra vẻ rét mướt, đỉnh ninh mình đang ngắm nhìn dáng vẻ kỳ cục của một tay quý tộc tỉnh lẻ khác thường mà nếu đứng cạnh hẳn ta thì những vị quý tộc tỉnh lẻ trong tác phẩm của Barbey d'Aurevilly⁽³¹²⁾ chẳng là cái gì hết. Hẳn tự an ủi mình tuy không biết miêu tả ông Legrandin nhưng biết gán cho ông nhiều chữ *L* và thường thức cái tên gọi này như người ta thường thức loại vang thượng hạng.

Nhưng những nỗi hoan hỉ chủ quan này vẫn xa lạ đối với những người khác. Nếu hẳn nói xấu tôi với Saint-Loup thì mặt khác, hẳn cũng nói xấu Saint-Loup với tôi không kém. Ngay ngày hôm sau, mỗi đứa chúng tôi đều biết rạch ròi những lời gièm pha ấy, không phải vì chúng tôi kể lại cho nhau nghe. Điều đó theo chúng tôi là tội lỗi nhưng Bloch lại cho là tự nhiên và hầu như tất yếu tới mức trong nỗi lo lắng và tin chắc mình chỉ nói cho người này hay người kia biết cái điều họ sắp biết, hẳn giành phần chủ động và, kéo riêng Saint-Loup ra, thú nhận với anh là hẳn đã cố tình nói xấu anh để người ta kể lại với anh, và viện “Kroniôn Zeus⁽³¹³⁾, vị thần canh giữ những lời nguyền”, hẳn thề thốt hẳn yêu mến anh, sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời cho anh, và lau một giọt nước mắt.

Cũng ngay hôm ấy, hẳn thu xếp để được gặp một mình tôi, nói với tôi những lời ân hận, tuyên bố từng hành động vì lợi ích của tôi bởi lẽ hẳn nghĩ lối quan hệ phù hoa này nọ là không có lợi cho tôi và tôi “xứng đáng hơn thế nhiều”. Rồi nắm tay tôi với vẻ thương yêu cuồng nhiệt, hẳn thề thốt:

- Cậu hãy tin tớ; tớ xin Diêm Vương bóp chết tươi ngay lúc này nếu hôm qua, nghĩ tới cậu, tới Combray, tới tình thương vô hạn của tớ đối với cậu, tới những buổi chiều trên lớp mà thậm chí cậu cũng không nhớ nữa, tớ không nức nở suốt đêm. Đúng, suốt đêm, tớ xin thề với cậu, nhưng than ôi! cậu không tin tớ, tớ biết lắm vì tớ hiểu tâm hồn người ta mà.

Quả là tôi không tin hẳn, và dù có viện tới cả Diêm Vương, lời thề nguyên của hẳn cũng không đưa thêm bao nhiêu trọng lượng cho những lời lẽ mà tôi biết hẳn vừa “sáng tác” ra tại trận, vì lòng ngưỡng mộ thần linh ở Bloch chỉ hoàn toàn mang tính chất “văn chương”, vả lại, hễ bắt đầu tỏ vẻ xúc động và muốn người ta xúc động trước một sự kiện giả dối, là hẳn nói: “Tớ xin thề” vì chút khoái cảm cuồng loạn được dối trá hơn là vì niềm hứng thú làm người ta tin hẳn nói thật. Tôi không tin lời hẳn, nhưng không giận, vì bà tôi và mẹ tôi dạy tôi không được hận thù, dù đối với những kẻ phạm tội nặng nề hơn nhiều, và không bao giờ được kết tội.

Vả lại Bloch không phải là một anh chàng tuyệt đối xấu, hẳn vẫn có nhiều điều dễ thương. Và từ khi dòng họ Combray, dòng họ sản sinh ra những con người tuyệt đối trọn vẹn như bà tôi và mẹ tôi, hầu như tàn lụi, tôi chỉ còn có thể lựa chọn giữa một bên là những kẻ thô lỗ, sắt đá và trung thực mà chỉ giọng nói không thôi cũng cho người ta thấy ngay là họ hoàn toàn không quan tâm tới cuộc sống của anh, với một bên là một loại người khác hễ còn ở cạnh anh thì hiểu anh, yêu anh, xúc động tới rơi lệ, nhưng chỉ vài tiếng đồng hồ sau là mĩa mai anh một cách độc ác, để rồi về sau lại quay lại với anh và vẫn thông cảm, vẫn dễ thương, vẫn đồng tình trong chốc lát với anh; giữa hai loại người ấy, tôi nghĩ là mình thiên về loại thứ hai, nếu không phải vì giá trị đạo lý thì ít nhất cũng vì quan hệ xã hội.

- Cậu không thể tưởng tượng tớ đau đớn ra sao khi nghĩ tới cậu, - Bloch nói tiếp. - Thực ra, đây là một khía cạnh mang tính chất tương đối Do Thái trong con người tớ, - hẳn nói thêm một cách hài hước trong lúc nheo mắt lại như muốn quan sát bằng kính hiển vi một lượng cực nhỏ “máu Do Thái”. Câu nói này có thể là câu nói (nhưng không bao giờ nói ra) của một vị đại lãnh chúa Pháp, tuy tất cả tổ tiên đều là tín đồ Cơ Đốc nhưng trong đó vẫn có Samuel Bernard⁽³¹⁴⁾ hoặc xa hơn nữa là Đức mẹ Đồng trinh mà theo dư luận, dòng họ Lévy⁽³¹⁵⁾ cho là tiền nhân của mình.

- Tớ vẫn muốn, - hẳn nói thêm, - dành một phần tình cảm tuy không nhiều, cho nguồn gốc Do Thái của mình.

Hắn thốt lên câu nói này vì cảm thấy hóm hỉnh và dũng cảm khi nói lên sự thật về chủng tộc mình, sự thật mà trong cùng một lúc, hắn ra sức giảm bớt đi một cách khác thường, chẳng khác nào những kẻ hà tiện quyết định trả nợ, nhưng chỉ có can đảm thanh toán một nửa. Hành vi gian trá của những kẻ có gan tuyên bố sự thật nhưng bằng cách đưa vào khá nhiều sự dối trá xuyên tạc nó, là một hiện tượng phổ biến, chứ không phải như người ta nghĩ; và tuy có những người thông thường không thi thố chúng nhưng một số biến động trong cuộc sống, nhất là những biến động đáng tới một mối quan hệ yêu đương, vẫn tạo cơ hội cho họ sử dụng.

Sau khi thổ lộ với tôi những lời chê bai Saint-Loup và với Saint-Loup những lời công kích tôi, Bloch mời chúng tôi tới ăn tối. Tôi nghĩ là thoát đầu, hắn tìm cách chỉ mời một mình Saint-Loup. Có thể hắn có ý định ấy nhưng kết quả đưa lại thì không, vì bỗng một hôm Bloch bảo cả tôi lẫn

Saint-Loup: “Các bạn thân mến, tớ đã gặp các bạn trên bờ Amphitrite⁽³¹⁶⁾ vang động tiếng sóng; vậy hai bạn có vui lòng trong tuần lễ này tới ăn tối ở nhà ông bố lừng danh có tấm lòng tuyệt mỹ của tớ không?”

Hắn mời chúng tôi vì muốn kết thân với Saint-Loup với hy vọng

anh có thể đưa hẳn thâm nhập giới quý tộc. Giá mong ước ấy do tôi phát ra cho bản thân mình, thì chắc hẳn Bloch cho là dấu hiệu của thói chạy theo thời thượng tồi tệ nhất, rất phù hợp với quan niệm của hẳn về một khía cạnh bản chất tồi mà hẳn không cho là khía cạnh chủ yếu, ít ra thì cũng cho tới lúc này; nhưng nếu đó là nỗi ước ao của hẳn, thì Bloch cho là bằng chứng của một sự hiếu kỳ đẹp đẽ về trí tuệ muốn một chút đổi thay môi trường xã hội mong có thể tìm thấy một đôi điều bổ ích về văn chương. Khi con trai báo tin sẽ dẫn tới một anh bạn mà hẳn giới thiệu tên họ và danh tước: “Hầu tước de Saint-Loup-ở-Bray” với một vẻ thỏa mãn có phần châm biếm, Bloch-bố xúc động dữ dội:

- Hầu tước de Saint-Loup-ở-Bray! A! Chó thật! - Lão thàng thốt kêu lên và thốt ra tiếng chửi vốn là biểu hiện mạnh mẽ nhất của lão để tỏ lòng tôn kính về mặt xã hội. Và lão nhìn đứa con trai đã lập những mối quan hệ như vậy, với một ánh mắt thán phục như muốn nói: “Quả là nó kỳ lạ. Kẻ siêu phàm ấy là con ta hay sao?”

Ánh mắt ấy làm anh bạn tôi vui sướng chẳng khác nào khoản trợ cấp hàng tháng của hẳn được tăng thêm năm chục franc, vì trong gia đình, Bloch không được thoải mái và bị ông bố cho là một đứa mê muội chỉ biết ngợi ca Lecôte de Lisle, Heredia⁽³¹⁷⁾ và những “hạng văn sĩ phóng đảng” khác. Nhưng quan hệ với Saint-Loup-ở-Bray mà ông bố là chủ tịch Kênh đào Suez! (A! Chó thật!) thì quả là một kết quả “không sao chối cãi nổi”, vì vậy ông ta càng ân hận đã để chiếc kính thực thể ở Paris, vì sợ làm hỏng. Chỉ riêng một mình Bloch-bố là có nghệ thuật hoặc ít nhất là quyền sử dụng kính, và lại ông ta rất ít khi dùng nó và dùng một cách có ý thức, những ngày có yến tiệc và có đầy tớ trai thuê thêm một cách tạm thời. Vì vậy, những buổi chiếu kính thực thể trở thành một thứ ưu đãi đối với những người khách được dự, và một thứ uy tín đối với chủ nhà chẳng khác uy tín do tài năng mang lại, và giá như buổi chiếu do chính Bloch điều khiển, và máy do hẳn sáng chế thì uy tín không thể to lớn hơn được.

- Hôm qua Salomon không mời anh hả? - Người ta hỏi nhau trong gia đình.

- Không, tôi không có diễm phúc ấy! Thế có chuyện gì vậy?

- Huyền nào vô cùng, kính thực thể mà, thú vị lắm!

- A! Có kính thực thể thì đáng tiếc thật, vì hình như Salomon thật đặc biệt khi ông ta biểu diễn kính ấy.

Bloch-bố bảo con trai:

“Con chó cho hăn tất cả một lúc; như thế, hăn vẫn có một cái gì đó để ước ao”.

Với tình cảm bố con và để lòng con xúc động, ông ta cho mang công cụ tới. Nhưng “thời gian vật chất” thiếu, hay nói đúng hơn, họ nghĩ là nó thiếu; nhưng chúng tôi phải hoãn bữa ăn tối lại vì Saint-Loup phải túc trực ở nhà để đón một ông chú sắp tới ở cạnh bà de Villeparisis trong bốn mươi tám tiếng. Là một người rất dày dặn với tập luyện thể dục, nhất là với những buổi đi bộ đường dài, ông chú này sẽ ngày đi, đêm ngủ trong các trại ập, trong cuộc hành trình xuất phát từ tòa lâu đài ông đang nghỉ hè. Vì vậy ngày tới Balbec chưa thể định trước được. Và không dám rời nhà nửa bước, Saint-Loup nhờ tôi mang tới bưu điện Incarville bức điện anh gửi hàng ngày cho người tình. Người chú anh chờ đợi tên là Palamède, còn họ là họ các ông hoàng ở Sicile, tổ tiên anh.

Saint-Loup bảo tôi là ngay trong xã hội quý tộc khép kín như bưng, ông chú Palamède của anh vẫn nổi tiếng là người khó gặp, thái độ khinh bạc, say mê với dòng dõi quý tộc của mình và cùng với cô em dâu và vài bốn người chọn lọc khác, lập thành cái mà người ta mệnh danh là câu lạc bộ Phụng hoàng. Ngay tại câu lạc bộ này, người ta kinh hãi thái độ khinh mạn của ông tới mức trước đây, nhiều người trong giới thượng lưu muốn làm quen ông phải nhờ người em trai giới thiệu, nhưng cũng bị khước từ.

- Không, ông đừng yêu cầu tôi giới thiệu với anh Palamède tôi. Dù cố sức tới đâu, tất cả chúng tôi, kể cả nhà tôi nữa, cũng không làm gì được đâu. Hoặc nữa, ông sẽ phải chịu đựng thái độ không hòa nhã của anh ấy, nhưng tôi không muốn như vậy.

Ở câu lạc bộ, cùng với vài ba người bạn, ông ta chỉ định hai trăm hội viên nhưng không cho phép họ được tự giới thiệu bao giờ. Và ở nhà bá tước de Paris, người ta gọi ông với cái biệt danh “Ông Hoàng” vì vẻ thanh lịch và kiêu hãnh.

Saint-Loup nói với tôi về tuổi thanh xuân xa xưa của ông chú. Ngày nào ông ta cũng dẫn đàn bà tới một căn phòng của những chàng trai độc thân ông thuê chung với hai anh bạn, cũng đẹp trai như ông, nên người ta gọi là “Bộ ba Mỹ nhân”.

- Một hôm, - Saint-Loup kể, - một người đàn ông mà Balzac sẵn sàng gọi là người nổi nhất ngày nay trong xóm Saint-Germain, nhưng trong thời kỳ đáng tiếc ban đầu đã tỏ rõ những thị hiếu kỳ cục, ngổ ý với ông chú tớ muốn đến căn buồng các chàng trai độc thân ấy. Nhưng vừa chân ướt chân ráo, hẳn vội tỏ tình, không phải với đám các bà các cô, mà là với chú Palamède. Chú tớ giả vờ không hiểu, tìm cách đưa hai ông bạn tới, tóm gọn anh chàng tội nghiệp, lột trần lột truồng ra và đánh cho nhừ tử, rồi trong lúc trời lạnh mười độ âm, đá phóc hẳn ra ngoài, chỉ còn thiếu chết nên cơ quan pháp luật phải tiến hành một cuộc điều tra, và kẻ tội nghiệp kia phải khổ sở lắm mới xin đình chỉ được. Chắc hẳn ngày nay, ông chú tớ không hành hạ người ta một cách độc ác như thế nữa, và cậu khó có thể hình dung số người bình dân ông ta yêu thương, che chở, dù cho được trả giá bằng sự vô ân bạc nghĩa, trong lúc ông một mực kiêu hãnh đối với những người trong giới thượng lưu. Ông tìm việc làm ở Paris cho một người đầy tớ trước kia phục vụ ông trong khách sạn; ông bố trí cho một người nông dân học nghề. Hình như khó có thể hình dung ông chế ngự ra sao cả xã hội trong buổi thanh xuân của mình. Trong mọi trường hợp, ông làm mọi điều ông cho là thú vị nhất, thuận tiện nhất đối với mình, nhưng ngay lập tức được những kẻ chạy theo thời thượng làm theo. Nếu trong rạp hát ông khát nước và cho mang tới tận nơi đồ uống là tuần lễ sau, những chỗ ngồi phía sau ghế ông chất đầy các thứ giải khát.

- Vào một mùa hè mưa xối xả, - Saint-Loup kể tiếp, - chú tớ hơi bị thấp khớp; ông đặt may một chiếc áo choàng bằng lông lạc mã mềm mại nhưng rất ấm người ta chỉ dùng làm chặn đấp trong lúc đi đường và ông muốn để nguyên những cái sọc màu xanh lẫn màu da cam. Thế là, ngay lập tức các hiệu may lớn được đặt may những chiếc áo choàng màu xanh và có viền tua, có lông dài. Nếu vì một lý do nào đó ông muốn loại bỏ mọi tính chất long trọng của một bữa ăn tối trong một tòa lâu đài ông ở lại đấy mấy ngày, và do vậy không mang theo giakét mà chỉ bận chiếc veston buổi

chiều khi ngồi vào bàn ăn, là tự nhiên hình thành cái thói mặc veston ăn tối trong những ngày đi nghỉ hè. Nếu ông dùng, không phải cùi dĩa, mà là nĩa hay một bộ đồ muổng nĩa do ông sáng tạo và đặt cho một thợ kim hoàn làm, hoặc nữa là dùng tay để ăn bánh ngọt, thì không một ai làm khác đi. Ông thích nghe đi nghe lại một số khúc nhạc bốn phần của Beethoven (vì tuy có những ý nghĩ ngây ngô như vậy, ông không hề ngốc nghếch và rất có thiên bẩm) và hàng tuần mời các nghệ sĩ tới đánh cho ông và vài người bạn nghe.

Cung cách sang trọng năm ấy là tổ chức những cuộc họp ít người để nghe nhạc thính phòng, vả lại, tớ tin là ông không có gì buồn phiền trong đời. Đẹp trai như ông, chắc hẳn không thiếu đàn bà! Tớ không thể nói chính xác với cậu những bà nào, vì ông rất kín đáo. Nhưng tớ biết ông đã phản bội bà cô tội nghiệp của tớ. Tuy vậy ông vẫn rất mực dịu dàng với bà, còn bà thì say mê ông, và ông đã khóc bà trong nhiều năm. Lúc ở Paris, hầu như ông vẫn tới nghĩa trang hàng ngày.

Một ngày sau hôm Robert nói với tôi như vậy về ông chú, trong lúc anh chờ đợi ông nhưng không thấy ông tới, khi đi qua một mình trước câu lạc bộ trên đường trở về khách sạn, tôi có cảm giác có người đứng đầu đầu nhìn theo mình. Quay đầu lại, tôi thấy một người đàn ông trạc tứ tuần, rất cao lớn và khá to béo, ria mép đen nhánh, vừa dùng một cây cần nhỏ đập đập vào ống quần, vẻ nóng nảy, vừa giương mắt chăm chăm nhìn tôi. Chốc chốc những ánh mắt cực kỳ sắc sảo lại đảo về phía này phía nọ, những ánh mắt chỉ có khi người ta đứng trước một người lạ mà vì một duyên cớ nào đấy, người lạ ấy gợi lên cho mình những ý nghĩ không thể đến với bất kỳ một ai khác. Người lạ mặt ngược về phía tôi một ánh mắt cuối cùng, táo bạo nhưng thận trọng, nhanh nhưng sâu, giống như kiểu phát đạn người ta bắn ra lúc bỏ chạy; và sau khi nhìn khắp bốn phía, ông ta bỗng nhiên làm ra vẻ lơ đãng và cao ngạo, và quay ngoắt cả người về phía một tờ quảng cáo vừa say sưa đọc vừa khe khẽ hát và sửa lại một bông hồng cài trên khuy áo. Ông ta rút từ túi ra một cuốn sổ nhỏ và có vẻ như ghi lại tiêu đề vở diễn sân khấu được quảng cáo, rồi lấy đồng hồ ra xem hai ba lần, kéo sụp xuống mắt một chiếc mũ rơm màu đen và đưa tay lên vành mũ như thể để nhìn xem có ai tới không. Ông ta phác một cử chỉ bất bình như để muốn nói là đã chờ đợi quá lâu nhưng lại không bao giờ làm như vậy khi phải đợi chờ thực sự; rồi hất mũ ra phía sau để lộ một mái tóc cắt kiểu bàn chải tuy hai bên vẫn có hai lọn khá dài như hai cánh chim bồ câu lượn sóng, ông ta thở phì phò,

không phải như một người quá nóng bức, mà như kẻ muốn tỏ ra mình quá nóng bức.

Tôi nghĩ tới một tên bất lương ở khách sạn có thể hôm trước đã chú ý tới bà cháu chúng tôi và chuẩn bị một hành vi bất lương. Người lạ mặt vừa nhận ra bị tôi bắt chộp trong khi có thái độ dò xét. Phải chăng để đánh lừa tôi, chẳng những ông ta tìm cách tỏ vẻ lơ đãng và thờ ơ, trong lúc thay đổi thái độ, mà còn làm ra vẻ khiêu khích như muốn vừa đánh tan mọi mối ngờ vực vừa trả thù thái độ lảng nhục bất giác của tôi, và làm tôi hiểu rằng tôi chẳng là cái gì hết khiến người ta chú ý? Ông ta ưỡn người ra vẻ thách thức, mím môi, vênh rìa mép và để lộ trong ánh mắt một vẻ lạnh lùng, gay gắt, hầu như lảng mạt. Thái độ kỳ cục ấy khiến tôi khi thì nghĩ đó là một tên trộm, lúc lại cho là một kẻ mất trí.

Nhưng trang phục cực kỳ chăm chút của ông ta nghiêm trang và giản dị hơn nhiều quần áo của tất cả những người khách tắm biển tôi gặp ở Balbec; nó làm tôi yên tâm về chiếc veston của mình thường bị “xấu hổ” trước màu trắng rực rỡ không hề thay đổi của những bộ quần áo tắm của họ.

Nhưng bà tôi ra gặp tôi, hai bà cháu cùng đi dạo một vòng, và một tiếng sau, tôi chờ cụ trước khách sạn cụ vừa trở vào một lát. Bỗng tôi thấy từ khách sạn bước ra bà de Villeparisis cùng với Robert de Saint - Loup và người lạ mặt lúc nãy vừa nhìn tôi chăm chăm. Nhanh tựa một tia chớp, ánh mắt ông ta như xuyên qua người tôi giống như lúc nãy, rồi hạ thấp xuống, vẻ đờ đẫn trông tựa một ánh mắt vô thường vô phạt làm ra vẻ không trông thấy gì hết ở bên ngoài và không thể đọc được gì hết ở bên trong; dưới hàng mi nhướn lên trên đôi mắt mở to ngây ngô, nó chẳng khác ánh mắt ra vẻ mộ đạo của vài bốn kẻ xảo trá, ánh mắt vênh vang của đám bảy đứa ngốc nghếch. Tôi nhận thấy ông ta bận một bộ quần áo khác, còn sẫm màu hơn bộ trước. Chắc hẳn sự thanh lịch đích thực gần gũi sự giản dị hơn sự thanh lịch giả hiệu; nhưng không phải chỉ có thế: nếu tôi có cảm giác quần áo ấy hầu như không có một chút màu sắc nào thì không phải vì chủ nhân của nó thờ ơ với màu sắc mà chính vì người đó tự cấm đoán mình bởi một lý do nào đó. Và bộc lộ qua quần áo, vẻ giản dị ấy như thể bắt nguồn từ sự tuân thủ một chế độ, chứ không phải từ một sự thiếu vắng nỗi lòng háo hức. Một vạch nhỏ màu xanh thẫm trên vải quần hài hòa với những đường sọc trên tất một cách tinh tế, còn một dấu chấm đỏ trên cà vạt thì hầu như vô hình chẳng khác nào một chút tự do người ta không dám tự cho phép mình được hưởng.

- Cậu khỏe mạnh chứ? Tôi giới thiệu với cậu đây là cháu tôi, nam tước de

Guermantes, - bà de Villeparisis bảo tôi, trong lúc người mới đến quay mặt đi và lầm bầm: “Hân hạnh” kèm theo mấy tiếng “hơ, hơ, hơ” để tỏ ra vui vẻ một cách miễn cưỡng, rồi gập ngón tay út, ngón trỏ và ngón cái lại, chìa cho tôi ngón thứ ba và ngón đeo nhẫn - cả hai đều không mang trang sức gì hết, rồi không ngước nhìn tôi, quay sang phía bà de Villeparisis.

- Lạy Chúa, đầu óc mình để mất đâu rồi hay sao? - Bà công tước vừa nói vừa cười. - Thế mà cô lại gọi cháu là nam tước de Guermantes,
- rồi quay sang tôi nói: “Tôi giới thiệu với cậu nam tước de Charlus”. Dẫu sao, - bà nói thêm, - cũng chẳng nhằm lẩn gì nhiều cho lắm vì dù sao thì cháu cũng quả là một Guermantes kia mà.

Bà tôi trở ra và mọi người cùng nhau lên đường. Ông chú của Saint-Loup chẳng những không ngỏ với tôi một lời mà cũng không buồn dành cho tôi một ánh mắt. Ông ta nhìn chăm chăm

những người lạ mặt qua đường nhưng trái lại, không một phút giây nào liếc qua một ánh mắt

- nếu tôi tự lấy mình ra để xét đoán - lên những người quen biết, như thể một tay thám tử trong hoạt động bí mật đặt bạn bè ra ngoài vòng kiểm soát nghiệp vụ của mình. Để bà tôi, bà Villeparisis và ông ta nói chuyện với nhau, tôi giữ Saint-Loup lùi lại sau:
- Này, có phải tớ không nghe nhầm không? Bà de Villeparisis bảo ông chú cậu ta là một Guermantes.
- Đúng thế, dĩ nhiên thôi, chú ấy là Palamède de Guermantes.
- Nhưng dòng họ Guermantes có lâu đài ở gần Combray và cho mình là dòng dõi Geneviève de Brabant⁽³¹⁸⁾ kia mà.
- Hoàn toàn đúng như vậy: là người coi trọng gia huy hơn bất kỳ ai hết, ông chú tớ chắc hẳn sẽ bảo cậu rằng danh hiệu dòng họ tớ trên cờ lệnh trong chiến tranh lúc đầu là Combraysis, về sau trở thành Passavant. Ông ấy là em trai chủ nhân ông hiện nay của tòa lâu đài.
- Trong lâu đài này có tất cả các tượng bán thân của các lãnh chúa ngày trước trong dòng họ Guermantes không?
- Có, một cảnh tượng đẹp lắm. - Saint-Loup đáp, vẻ hài hước. - Nói riêng với nhau thôi nhé, tớ thấy tất cả những cái đó có phần kỳ cục. Nhưng ở Guermantes, có một cái thú vị hơn chút ít! Bà cô tớ có một bức chân dung gây nhiều xúc động, tác phẩm của Carrière⁽³¹⁹⁾ ấy mà. Đẹp chẳng khác các công trình của Whistler hoặc Vélasquez⁽³²⁰⁾, - Saint-Loup nói thêm. - Cũng có cả những bức tranh của Gustave Moreau làm say đắm lòng người. Cô tớ là cháu họ bà de Villeparisis, được bà nuôi dạy, và kết hôn với người anh em họ cũng là cháu họ bà de Villeparisis, tức là công tước de Guermantes hiện nay.
- Và vì vậy trở thành chú cậu?
- Ông ấy là nam tước de Charlus. Nếu đúng theo luật lệ thì khi ông chú của tớ qua đời, chú Palamède phải là Hoàng thân des Laumes, tước hiệu của người em chú ấy trước khi trở thành công tước de Guermantes,

vì trong dòng họ này, người ta thay tên như thay áo sơ mi. Nhưng chú tở có những quan niệm đặc biệt về tất cả những cái đó. Và vì cho người ta có phần lạm dụng chức này, tước nọ nên tuy có quyền lựa chọn bốn năm tước vị hoàng thân, ông ấy vẫn tự xưng là nam tước de Charlus để tỏ thái độ phản đối và giữ một cốt cách giản dị kiêu hãnh. Chú tở bảo:

“Ngày nay, mọi người đều là hoàng thân, tuy nhiên vẫn phải có một cái gì đó để người ta có thể phân biệt anh chứ: tôi sẽ lấy tước hiệu hoàng thân khi tôi đi du lịch kiểu vi hành”.

- Theo ông ấy, - Saint-Loup nói tiếp, - không có tước hiệu nào xưa hơn tước hiệu nam tước de Charlus; để chứng minh với cậu rằng nó xưa hơn tước hiệu của dòng họ Montmorency, những người mạo danh là những nam tước đầu tiên của nước Pháp trong lúc thực ra họ chỉ là những nam tước đầu tiên của Ile-de-France⁽³²¹⁾ - nơi có thái ấp của họ, chú tở sẽ giải thích cho cậu nghe hàng tiếng đồng hồ một cách khoái trá, vì ông cho đó là một đề tài rất sống động. Nhưng tở không phải như ông ấy, cậu chớ bảo tở nói chuyện phả hệ, tở không thấy có gì chán ngán hơn, lỗi thời hơn đâu, cuộc đời quả là quá ngắn ngủi thôi mà.

Bây giờ tôi nhận ra cái ánh mắt nghiêm khắc lúc này làm mình phải quay lại lúc ở cạnh câu lạc bộ cũng chính là ánh mắt tôi từng thấy chăm chăm tập trung vào mình ở Tansonville lúc bà Swann gọi Gilberte.

- Thế trong số nhiều người tình mà cậu bảo là của ông de Charlus, chú cậu, có bà Swann không?

-Ồ! Hoàn toàn không! Nghĩa là ông ấy là bạn thân của ông Swann và luôn luôn ủng hộ ông ta. Nhưng không ai bảo ông là tình nhân của vợ ông ta cả. Nếu có vẻ tin điều đó, cậu sẽ làm giới thượng lưu ngạc nhiên lắm đấy.

Tôi không dám trả lời cậu ta là nếu tôi làm ra vẻ không tin, thì người ta ở Combray sẽ càng ngạc nhiên hơn.

Bà tôi rất hài lòng về ông de Charlus. Dĩ nhiên ông ta coi trọng mọi vấn đề về dòng họ và về địa vị trong xã hội thượng lưu; bà tôi thấy rõ điều đó, nhưng với thái độ không một chút nghiêm khắc nào như người ta thường có khi thấy người khác được hưởng những quyền lợi mình ao ước một cách âm thầm nhưng không thể có được. Bằng lòng với số phận và không mấy may mắn hận không được sống trong tầng lớp cao sang hơn, bà tôi chỉ sử dụng trí tuệ để quan sát những thiếu sót của ông de Charlus nên cụ nói về người chú của Saint-Loup với một vẻ nhân hậu vô tư, thoải mái, hầu như thương yêu mà người ta thường dùng để tưởng lệ đối tượng mình quan sát một cách khách quan vì nó làm mình hứng thú, nhất là vì giờ đây đối tượng

ấy lại là một nhân vật mà cụ cho là khá nổi bật vì những tham vọng của ông ta nếu không thật chính đáng thì ít ra cũng dễ thương. Bà tôi dễ dàng bỏ qua thiên kiến quý tộc của ông de Charlus, chính vì trí tuệ và sự nhạy cảm hết sức sắc sảo người ta đoán thấy ở ông ta, khác hẳn rất nhiều người khác trong xã hội thượng lưu bị Saint-Loup chế giễu.

Đến trước Đại-Khách sạn, ba vị trong dòng họ de Guermantes chia tay chúng tôi; họ đi ăn trưa ở nhà quận chúa de Luxembourg. Trong lúc bà tôi, bà de Villeparisis và Saint-Loup chào chia tay nhau thì de Charlus

- cho tới lúc bấy giờ chưa nói với tôi nửa lời - đi lùi mấy bước về phía sau và đến bảo tôi:

- Sau bữa ăn tối nay, tôi sẽ dùng trà trong phòng cô tôi, bà de Villeparisis.

Tôi mong ông sẽ vui lòng tới cùng với cả bà cụ nữa.

Nói xong, ông ta bước theo bà hầu tước.

Tuy hôm ấy là Chủ nhật, trước khách sạn vẫn không có nhiều xe ngựa hơn những ngày đầu mùa. Đặc biệt bà vợ ông Công chứng cho là quá tốn kém mỗi khi phải thuê xe nên không tới gia đình Cambremer mà ở lại trong phòng khách sạn.

- Bà Blandais không được khỏe phải không? - Người ta hỏi ông Công chứng. - Hôm nay chúng tôi không gặp bà ấy.

- Bà ấy hơi vầng đầu, vì trời nóng, đông bão thế này. Chỉ hơi một tí là có chuyện; nhưng tôi tin tối nay, các vị sẽ gặp. Tôi đã khuyên nhà tôi xuống thang gác. Như thế chỉ có lợi cho bà ấy thôi.

Tôi nghĩ bằng cách mời bà cháu chúng tôi tới nhà bà cô mà tôi tin ông ta đã báo trước, de Charlus chắc hẳn muốn chuộc cái lỗi khiếm nhã đối với tôi trong suốt buổi dạo chơi ban sáng. Nhưng khi tôi tới phòng khách bà de Villeparisis, và muốn chào người cháu bà, thì với một giọng the thé, ông ta đang kể một câu chuyện khá bất nhã về một người bà con; tôi đi lui đi tới nhưng không sao bắt gặp được ánh mắt ông ta, tôi quyết định cất cao lời chào để báo tin mình có mặt, nhưng tôi hiểu ngay là de Charlus đã biết, vì vào lúc tôi nghiêng mình thi lễ, tôi thấy hai ngón tay chìa ra cho tôi nắm lấy, trong lúc ông ta vẫn không ngừng câu chuyện và cũng không ngoái đầu lại. Hiển nhiên de Charlus đã trông thấy tôi nhưng không tỏ vẻ đã trông thấy, và lúc đó, tôi nhận thấy cặp mắt ông ta không bao giờ đặt lên người đối thoại, mà thường xuyên đảo về tứ phía, như mắt của một số con vật hoảng hốt, hoặc của những người bán hàng rong vừa rao hàng vừa đưa hàng lậu ra nhưng mắt thì đảo khắp bốn đường chân trời trong lúc đầu vẫn không nhúc nhích, để xem có cảnh sát hay không.

Tôi hơi ngạc nhiên thấy bà Villeparisis tuy vui mừng thấy chúng tôi tới nhưng không có vẻ chờ đợi; tôi càng ngạc nhiên hơn khi nghe de Charlus nói với bà tôi:

“A! Cụ nghĩ tới chuyện tới thăm thì hay quá; tuyệt thật”, rồi quay sang phía bà hầu tước, hỏi: “Phải thế không, thưa cô?”

Chắc hẳn de Charlus nhận thấy vẻ ngạc nhiên của bà de Villeparisis khi chúng tôi bước vào và nghĩ rằng muốn biến vẻ ngạc nhiên ấy thành niềm vui, thì ông ta chỉ cần tỏ ra bản thân mình cũng vui mừng, và cho rằng sự có mặt của chúng tôi phải

gây nên niềm vui ấy. Quả là de Charlus đã trù tính đúng, vì bà Villeparisis vốn biết khó làm vui lòng người cháu, bỗng nhiên như tìm thấy ở bà tôi những đức tính mới và không ngót chúc tụng cụ. Nhưng tôi không thể hiểu nổi vì sao de Charlus chỉ sau có vài giờ lại quên được lời mời tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng cố tình và có sắp xếp trước nên chỉ mới sáng nay mới bảo tôi, và vì sao một ý nghĩ hoàn toàn của mình ông ta lại gọi là ý nghĩ của bà tôi. Với quyết tâm làm sáng rõ mọi việc, kiểu quyết tâm tôi giữ nguyên cho tới lứa tuổi hiểu ra rằng không thể nắm được sự thật về ý đồ của một con người bằng cách hỏi thẳng anh ta, và cái hại của một sự hiểu lầm có thể thoáng qua không ai biết không quan trọng bằng cái hại của một sự nài nỉ gây thơ, tôi bèn lên tiếng:

- Nhưng thưa ông, chính ông mời chúng tôi tới tối nay kia mà, chắc ông còn nhớ chứ?

Không một cử chỉ, một âm thanh nào chứng tỏ de Charlus đã nghe câu hỏi của tôi. Tôi bèn nhắc lại giống như các nhà ngoại giao hay những anh chàng bất hòa với nhau quyết tâm và không một mối đòi cho kỳ được những lời giải thích mà đối phương kiên quyết không đưa ra. De Charlus vẫn câm như hến. Tôi cảm thấy trên môi ông ta phảng phất nụ cười nửa miệng của những kẻ từ vị trí rất cao phán xét các tính cách và các nền giáo dục.

Vì de Charlus khước từ mọi lời giải thích nên tôi cố gắng tự tìm ra một lời, nhưng băn khoăn giữa nhiều cách giải thích mà không một cách nào ra chiều thỏa đáng hết. Có thể người cháu bà hầu tước không nhớ, hay có thể chính tôi hiểu nhầm lời ông ta sáng nay... Có thể đúng hơn là do cao ngạo, ông ta không muốn tỏ ra là đã tìm cách lôi kéo những kẻ mà mình khinh miệt và muốn đổ vấy cho họ cái “sáng kiến” tới nhà. Nhưng vậy thì vì sao trong lúc khinh thường chúng tôi, de Charlus lại muốn chúng tôi tới, hay nói đúng hơn muốn bà tôi tới, vì buổi chiều hôm ấy, ông ta chỉ bắt chuyện với bà tôi, chứ không có lấy nửa lời với tôi. Nói chuyện hết sức sôi nổi với bà tôi cũng như với bà de Villeparisis trong lúc như giấu mình phía sau họ, như thể ngồi trong một ngăn riêng ở nhà hát, thỉnh thoảng de Charlus mới quay cặp mắt sắc sảo, gằn một ánh mắt ra chiều dò hỏi lên gương mặt tôi, với một vẻ nghiêm túc, trầm ngâm như thể nó là một tập bản thảo khó hiểu. Chắc chắn là giá không có đôi mắt ấy, thì gương mặt de Charlus chẳng khác mặt nhiều người đàn ông đẹp khác. Và về sau, trong lúc nói về những người khác trong dòng họ de Guermantes, Saint-Loup bảo tôi:

- Úi dà, họ không có cái vẻ đại lãnh chúa đến tận xương tủy⁽³²²⁾ như chú

Palamède của tớ đâu.

Anh khẳng định đáng dấp chủng tộc và điệu bộ quý tộc không hề có gì bí ẩn và mới lạ mà chỉ là những biểu hiện tôi đã từng dễ dàng nhận ra và không gây một ấn tượng đặc biệt nào hết. Thế là ảo ảnh của tôi tiêu tan. Nhưng de Charlus dù muốn giấu kín không để lộ một nét biểu hiện nào trên khuôn mặt phẳng phất một bộ mặt sân khấu dưới một lớp phấn mỏng cũng không được: đôi mắt trên khuôn mặt ấy như là một kẻ nứt, một cái lỗ châu mai mà chỉ riêng một mình cái đó ông ta không bịt kín được, và qua đấy, tùy theo chỗ đứng của mình, người ta bỗng nhiên cảm thấy bắt gặp cái tia phản quang của một thứ vũ khí tiềm tàng khó có thể làm người ta yên tâm, ngay đối với kẻ tuy không hoàn toàn làm chủ được nó nhưng vẫn mang nó trong người, ở trạng thái bấp bênh và luôn luôn sẵn sàng nổ tung; và cái vẻ dè dặt, thường xuyên lo âu của đôi mắt ấy, cùng với tất cả sự mệt mỏi hiện lên xung quanh chúng cho tới cả một cái quầng đen trề xuống rất thấp, trên gương mặt dù cố tình sắp đặt đến mấy, cũng khiến người ta nghĩ tới lối ẩn danh, cách giả trang của một con người có quyền thế đang lâm nạn, hoặc chỉ là của một kẻ nguy hiểm, nhưng rơi vào tình cảnh bi đát. Tôi những muốn đoán xem cái điều bí ẩn không có trong lòng những người khác và khiến ánh mắt de Charlus khó hiểu đến thế khi tôi gặp ông ta sáng nay cạnh câu lạc bộ là cái gì. Nhưng với những điều giờ đây tôi đã được biết về dòng họ con người ấy, tôi không còn tin đó là ánh mắt của một tên trộm, và theo những lời tôi nghe ông ta chuyện trò, cũng không thể cho đó là ánh mắt của một thằng điên. Lạnh nhạt đối với riêng tôi trong lúc hết sức dễ thương đối với bà tôi, có thể thái độ đó của de Charlus không phải là do ác cảm cá nhân, vì một cách khái quát, tỏ ra nhân hậu đối với đàn bà bao nhiêu thì đối với đàn ông, đặc biệt là đối với các chàng trai, ông ta hận thù dữ dội bấy nhiêu, chẳng khác sự căm giận khủng khiếp của những người đàn ông ghét gái đối với đàn bà. Hể Saint-Loup tình cờ nhắc tới tên vài ba “đứa ma cô” trong dòng họ hay trong chỗ thân quen là de Charlus tuyên bố, điệu bộ dữ dằn khác hẳn thái độ lạnh lùng thường ngày:

- Những đồ chó má!

Tôi hiểu chủ yếu ông ta chê trách các chàng trai ngày nay quá ẻo lả.

- Chúng là những con mụ đàn bà thực sự, - ông ta nói thêm một cách khinh bỉ.

Nhưng cuộc sống nào là không ảo tưởng, không có “vẻ đàn bà” so với cuộc sống mà de Charlus muốn một đàn ông phải sống và ông ta cho không bao giờ thật sự hùng dũng, thật sự đầy “nam tính”? Thậm chí ông ta không chấp nhận một người đàn ông có thể đeo dù chỉ một chiếc nhẫn.

Nhưng yêu cầu nam tính quyết liệt ấy vẫn không loại trừ ở de Charlus những khả năng nhạy cảm hết sức tinh tế. Khi bà de Villeparisis yêu cầu miêu tả cho bà tôi nghe tòa lâu đài nơi bà de Sévigné từng sống và nói thêm cụ thấy có phần thiếu chân thật nỗi thất vọng của bà nữ sĩ khi phải sống xa bà de Grinan⁽³²³⁾, de Charlus đáp:

- Trái lại, cháu thấy không có gì chân thật hơn. Và lại đây là thời đại người ta hiểu rất rõ những tình cảm như vậy. Và đẹp để biết bao những lời bà de Sévigné nói khi chia tay con:

“Buổi biệt ly ấy gây cho tâm tưởng tôi một nỗi đau mà tôi cảm thấy như một nỗi nhức nhối trong hình hài...”

Bà tôi hân hoan nghe nói về những *Bức thư* mà giá ở vào địa vị tác giả, chắc hẳn cụ cũng làm đúng như thế. Cụ ngạc nhiên vì sao một người đàn ông lại có thể thấu hiểu chúng đến nhường ấy. Cụ cho là de Charlus có một tấm lòng nhạy cảm và những sự tinh tế thật sự nữ tính, về sau, khi chỉ có hai bà cháu chúng tôi và cả hai cùng nói về de Charlus, chúng tôi nghĩ chắc hẳn ông ta có chịu ảnh hưởng sâu xa của một người đàn bà, hoặc là mẹ, hoặc là con gái ông ta. Riêng tôi thì nghĩ người đó phải là một người tình, trong khi tôi liên tưởng tới ảnh hưởng của người yêu của Saint-Loup đối với anh, ảnh hưởng ấy cho phép tôi nhận thấy trong lúc cùng nhau chung sống, đàn bà làm cho đàn ông trở nên hết sức tinh tế.

- Một khi ở cạnh bà con gái, có lẽ bà de Sévigné chẳng có gì để nói với con đâu. - Bà de Villeparisis trả lời de Charlus.

- Chắc chắn là có chứ, dù chỉ nói về điều mà bà ấy gọi là “những cái đơn sơ tới mức chỉ có hai mẹ con ta chú ý tới”. Và dẫu sao thì bà ấy cũng ở cạnh con gái.

Và La Bruyère bảo chúng ta thế là tất cả: “Được ở cạnh người mình yêu thương, thì dù có nói, dù không nói gì hết với người đó, cũng thế cả thôi”. Ông ấy nói có lý; đây là niềm hạnh phúc duy nhất, - de Charlus nói thêm, giọng rầu rĩ; - và niềm hạnh phúc ấy, than ôi! Ít khi người ta được nếm hưởng vì cuộc sống quá bận bịu. Tóm lại, bà Sévigné không đáng thương hại bằng những người khác. Bà đã sống một phần lớn cuộc đời bên cạnh người con gái bà yêu thương.

- Cháu quên đấy không phải là ái tình, mà là tình thương con của một bà mẹ.

- Nhưng trong cuộc sống, cái quan trọng là lòng yêu thương, chứ đâu phải là con người ta yêu thương. - De Charlus nói tiếp với giọng thông thạo, chắc nịch, hầu như cả quyết. - Tình cảm của bà de Sévigné đối với con gái quả là giống mỗi tình say đắm Racine miêu tả trong *Andromaque* hay trong *Phèdre*. Lòng sùng kính của người theo chủ nghĩa thần bí đối với vị Thần của mình cũng vậy. Chúng ta vạch ra xung quanh tình yêu những giới hạn quá hạn hẹp chỉ vì chúng ta quá dốt nát về cuộc đời.

- Chú yêu *Andromaque* và *Phèdre* lắm phải không? - Saint-Loup hỏi de Charlus với giọng có phần khinh khỉnh.

- Trong một vở bi kịch của Racine, chân lý dồi dào hơn trong tất cả các vở kịch của ngài Victor Hugo. - De Charlus đáp.

Dẫu sao loài người cũng đáng kinh hãi thật, - Saint-Loup rỉ tai tôi.

- Thích Racine hơn Victor, dù thế nào cũng khủng khiếp thật!

Anh thành thực lấy làm buồn, về những lời lẽ của người chú, nhưng niềm vui được nói “dù thế nào” và “khủng khiếp” an ủi anh.

Trong những suy nghĩ về nỗi buồn phải sống xa những gì mình yêu thương (những suy nghĩ này khiến bà tôi cho người cháu bà de Villeparisis hiểu một số tác phẩm chính xác hơn bà cô, và nhất là có một cái gì đó đặt ông ta lên trên phần lớn những người trong xã hội phù hoa), de Charlus không chỉ bộc lộ một sự tinh tế về tình cảm mà quả là ít người có thể tỏ rõ; để diễn tả những ý nghĩ tinh tế, giọng nói tuy trầm của de Charlus phát ra bằng những nốt cao, trở nên êm ái một cách bất ngờ,

nghe như lời ca trong một khúc hòa tấu giữa một cặp trai gái.

De Charlus cho chúng tôi biết một ngôi nhà trước kia thuộc gia tộc ông ta, nơi Marie-Antoinette⁽³²⁴⁾ từng nghỉ đêm, và hoa viên do Lenôtre⁽³²⁵⁾ vẽ kiểu, ngày nay đã bán cho những nhà tài chính giàu có Israel.

- Israel, - ông ta tuyên bố, - ít ra đó cũng là tên của bọn họ, tôi cho nó là một cái tên chung loại, chung tộc, hơn là một tên người. Phải chăng loại người ấy không mang tên và chỉ được gọi bằng cái tên của tập thể họ nằm trong đó? Nhưng cũng chẳng sao! Ngôi nhà từng là của dòng họ de Guermantes, thế mà nay vẫn rơi vào tay bọn Israel!!! - Ông ta thét lên. - Nó khiến tôi nghĩ tới căn phòng trong lâu đài Blois⁽³²⁶⁾ mà người trông coi bảo tôi hôm tôi đến tham quan.

“Chính chỗ này Marien Stuart⁽³²⁷⁾ đã ngồi cầu kinh, và cũng chính chỗ này, giờ đây tôi để chổi quét nhà”.

- Dĩ nhiên, - de Charlus nói tiếp, - tôi không muốn biết gì hết về ngôi nhà đã bị ô danh này, cũng như về cô em họ Clara de Chimay đã bỏ chồng.

Nhưng tôi vẫn cất giữ nguyên vẹn bức ảnh ngôi nhà cũng như tấm ảnh bà công chúa: cặp mắt mở to của bà chỉ chăm chăm nhìn ông anh họ tôi. Tấm ảnh phảng phất vẻ cao sang bà ta vốn không có, khi nó không còn là một bản sao của hiện thực nữa và cho ta thấy những điều không hề tồn tại.

- Tôi có thể biểu cụ một tấm ảnh ấy vì cụ quan tâm tới loại kiến trúc này, - de Charlus quay sang nói với bà tôi.

Vào lúc ấy, thấy chiếc mùi soa thêu bở trong túi để lộ ra những đường viền có màu sắc, de Charlus vội vã ấn nó vào vớ vẻ hoảng hốt giống như người đàn bà hay bẽn lẽn tuy không chút ngại ngùng vội vã che giấu bộ ngực mà vì quá giữ kẽ, bà ta cho là sỗ sàng.

- Các vị tưởng tượng xem, - de Charlus nói tiếp, - bọn người ấy đã bắt đầu hủy hoại hoa viên của Lenôtre; hành động ấy cũng tội lỗi chẳng kém xé nát một bức tranh của Poussin⁽³²⁸⁾. Chỉ với hành vi này, bọn Israel ấy cũng đáng vào tù rồi. Dĩ nhiên, - ông ta lại nói thêm sau một giây im lặng, - chúng còn đáng vào nhà đá vì biết bao nhiêu việc khác nữa! Dầu sao, các vị-cũng hình dung được ấn tượng do một khu vườn kiểu Anh gây ra đối với những công trình kiến trúc này.

- Những ngôi nhà ấy xây theo cùng một phong cách với tòa Tiểu

Trianon⁽³²⁹⁾ kia mà, - bà de Villeparisis lên tiếng, - và Marie-Antoinette quả có cho lập ở đây một khu vườn kiểu Anh.

- Khu vườn ấy dầu sao cũng làm mất vẻ đẹp của mặt tiền tòa lâu đài, công

trình của Gabriel, - de Charlus đáp. - Dĩ nhiên phá hủy tòa lâu đài thì quả là man rợ. Nhưng thưa cô, dù tinh thần ngày nay ra sao, cháu cũng không tin là về phương diện này, một chút hứng thú nhất thời của bà Israels có thể có ảnh hưởng như một kỷ niệm về Nữ hoàng.

Nhưng bà tôi ra hiệu bảo tôi lên lầu đi ngủ mặc dù Saint-Loup nài nỉ tôi ở lại: trước mặt de Charlus, anh nhắc tới tâm trạng thường buồn bã của tôi buổi tối trước khi ngủ, một tâm trạng mà chắc hẳn người chú anh cho là ít mang tính chất đàn ông. Tôi chần chừ thêm một lát rồi bỏ đi, và sau đó một lúc, khi nghe gõ cửa và hỏi vọng ra thì nghe de Charlus trả lời, giọng lạnh tanh:

- Charlus đây. Tôi có vào được không, thưa ông? Thưa ông, - ông ta nói tiếp cũng cùng một thứ giọng ấy sau khi khép cửa lại, - lúc này anh cháu tôi cho tôi biết ông có chút buồn chán trước khi ngủ; mặt khác, ông ca ngợi tác phẩm của Bergotte. Vì trong hòm tôi có một cuốn và có lẽ ông chưa đọc nên tôi mang tới, mong giúp ông vượt qua những giây phút ông không cảm thấy vui vẻ này.

Tôi xúc động cảm ơn de Charlus và bảo là trái lại, tôi sợ những điều Saint-Loup nói về sự mệt mỏi của tôi vào buổi tối có thể làm ông ta nghĩ tôi là đứa quá ngốc nghếch.

- Không đâu, - de Charlus đáp, giọng dịu dàng hơn. - Có thể ông không có tài năng cá nhân, điều đó, tôi không rõ; vả lại, những người tài năng phải đếm trên đầu ngón tay! Nhưng ông có tuổi trẻ, ít ra cũng trong một thời gian, và tuổi trẻ bao giờ lại chẳng có sức hấp dẫn. Vả lại, thưa ông, điều đại đột lớn nhất là coi những tình cảm mình không có là những cái lỗi bịch hay đáng lên án. Tôi thích ban đêm còn ông thì bảo là ông sợ nó; tôi thích ngửi mùi hoa hồng nhưng một người bạn tôi hề ngửi thấy là lên cơn sốt. Ông có cho là vì vậy mà tôi nghĩ anh ta kém giá trị so với mình không? Tôi cố gắng tìm hiểu mọi thứ và giữ mình không lên án thứ gì hết. Tóm lại, ông chớ quá buồn phiền, tôi biết người ta có thể đau khổ vì những cái mà người khác không hiểu. Nhưng ít ra ông cũng đã dành cả tình thương cho bà cụ. Ông thường có mặt bên cạnh cụ. Vả lại, đấy là một sự âu yếm được phép, tôi muốn nói là một sự âu yếm được đền đáp. Có biết bao sự âu yếm khác mà chúng ta không thể nói như thế được!

De Charlus đi lui đi tới trong phòng, nhìn đồ vật này, nâng lên tay đồ vật khác. Tôi có cảm giác ông ta có điều gì muốn nói nhưng không biết nói thế nào.

- Tôi còn có một cuốn khác của Bergotte, để tôi đi lấy cho ông. - Ông ta nói

thêm và bấm chuông. Một anh chàng hầu bàn bước vào.

- Đi tìm người chỉ huy đám hầu bàn các cậu tới đây. Chỉ có hăn là có thể làm công việc được giao phó một cách thông minh. - De Charlus tuyên bố, vẻ kiêu căng.

- Ông Aimé phải không, thưa ông? - Người hầu bàn hỏi.

- Tôi không biết tên hăn, à nhưng có, tôi nhớ là đã nghe người ta gọi hăn là Aimé. Cậu đi nhanh lên, tôi đang vội.

- Ông ấy sẽ có mặt ngay, thưa ông, tôi vừa thấy ở dưới nhà. - Người hầu bàn đáp với vẻ muốn tỏ ra thông thạo.

Một thời gian trôi qua. Cậu ta quay lại.

- Thưa ông, ông Aimé đi ngủ rồi. Nhưng tôi có thể làm công

- việc ông giao.
- Không, cậu cứ việc gọi hẵn dậy.
- Không được, thưa ông, ông ấy không ngủ ở đây.
- Vậy cậu để chúng tôi yên.
- Thưa ông, - tôi lên tiếng sau khi người hầu bàn bước ra ngoài, - ông tốt bụng quá, một cuốn sách của Bergotte là đã đủ đối với tôi rồi.
- Dẫu sao, tôi cũng thấy hình như thế.

De Charlus bước lui bước tới. Mấy phút trôi qua. Ngập ngừng một lát, ông ta quay tròn một vòng, và lấy lại cái giọng the thé chào tôi rồi bỏ đi.

Sáng hôm sau, tức là sáng ngày de Charlus ra về, trên bãi biển, lúc tôi sắp sửa tắm, ông ta bước tới gặp và bảo bà tôi sẽ chờ tôi ngay sau khi tôi tắm xong. Ông ta vừa nói vừa bẹo cổ tôi với một vẻ suồng sã và một tiếng cười thô bạo. Trái ngược với những tình cảm cao đẹp tôi nghe ông ta thốt ra tối hôm trước, thái độ và lời lẽ ông ta lần này làm tôi sững sờ:

- Nhưng cóc cần bà phải không? Đồ nỡm!
 - Sao được, thưa ông, tôi quý trọng bà tôi!...
 - Thưa ông, - ông ta vừa bước ra một bước vừa nói, vẻ lạnh lùng, - ông còn trẻ, ông phải lợi dụng tuổi trẻ để học tập hai điều: một là chớ nói lên những tình cảm quá tự nhiên để khỏi bị hiểu lầm; hai là chớ nên vội vã trả lời những điều người ta nói với ông trước khi chưa hiểu thật kỹ ý nghĩa của chúng. Vừa lúc này, giá cần thận như vậy, thì chắc hẳn ông đã tránh được, khỏi nói bậy bạ như một người điếc và do vậy lại thêm một chuyện lố bịch thứ hai bên cạnh cái lố bịch có hình những chiếc mỏ neo thêu trên bộ đồ tắm. Tôi cần cuốn sách của Bergotte tôi đưa ông mượn hôm nọ. Một giờ sau, ông gửi trả tôi qua anh chàng trông coi đám hầu bàn có cái tên buồn cười nọ, cái thằng cha mà tôi không tin là nằm ngủ vào giờ này. Ông làm tôi thấy là tối qua, tôi nói với ông quá nhiều về sức quyến rũ của tuổi trẻ; giá tôi lưu ý ông về sự liều lĩnh, khinh suất và thái độ ít hiểu biết của lứa tuổi ấy thì có lẽ giúp ích hơn cho ông. Thưa ông, tôi mong mấy lời thẳng thắn này cũng có lợi cho ông chẳng kém buổi tắm biển hôm nay. Nhưng ông đừng đứng lặng im như thế, có thể bị cảm lạnh đấy. Chào ông.
- Phải chăng ông ta hối hận về những lời lẽ ấy nên ít lâu sau, tôi nhận được cuốn sách trước kia ông ta cho mượn và tôi đã gửi trả lại, không phải qua anh chàng Aime có tin “đi vắng” mà qua người trông coi thang máy. Sau khi de Charlus ra về, Robert và tôi tới ăn tối ở nhà Bloch. Thế là trong bữa tiệc con con ấy, tôi hiểu ra rằng những câu chuyện anh bạn chúng tôi

luôn luôn cho là buồn cười chính là những câu chuyện về Bloch-bố, và con người “hoàn toàn kỳ cục” trong chuyện không phải ai khác ngoài ông bố hẳn.

Có một số người được chúng ta chiêm ngưỡng trong tuổi ấu thơ, một người cha có cơ mưu hơn toàn bộ gia đình, một vị giáo sư nói chuyện về siêu hình học, một người bạn tiến bộ hơn chúng ta (như Bloch đối với tôi) chê bai Musset trong *Hy vọng ở Thượng đế* trong khi chúng ta còn ưa ái tác giả.

Lấy cố miêu tả hiện thực, một nhà văn có khi sử dụng trong tiểu thuyết những “từ”, những nhân vật tạo nên một sức ỳ, một bộ phận kém cỏi trong cả một tổng thể sống động. Tác phẩm tự truyện của Saint-Simon, tự tay ông sáng tác, tuy rõ ràng không để tự khen mình, nhưng vẫn rất đáng khen, trong lúc những nét ông miêu tả về những con người tinh anh mà ông quen biết, thì lại tầm thường hoặc trở nên khó hiểu tuy ông cho là đẹp đẽ. Vả lại, đây là sự kiện đáng ghi nhận ở nhiều người khác và bao hàm những cách lý giải khác nhau; chẳng hạn người ta cho rằng trong khi “quan sát”, nhà văn đứng rất thấp so với vị trí đứng để sáng tác.

Vì vậy, lồng vào trong anh bạn Bloch của tôi, có một Bloch-bố lạc hậu đến bốn chục năm so với con trai, kể ra những giai thoại ngây ngô và lấy thế làm lý thú trong thâm tâm ông ta chẳng kém Bloch-bố đích thực người đời, vì cùng với tiếng cười của ông bố trong khi nhắc đi nhắc lại câu chuyện sao cho cử tọa thực sự thích thú, lại có thêm tiếng cười ồn ào của anh con cất lên trong bữa ăn để hưởng ứng. Chẳng hạn, sau khi kể những chi tiết ý vị nhất, và để thể hiện những gì tiếp nhận được của dòng họ, Bloch-con nhắc lại với chúng tôi đến lần thứ ba mươi một vài từ mà Bloch-bố thỉnh thoảng mới “cho ra” (cùng một lúc cho ra chiếc rơđanhgô) trong những ngày long trọng, khi Bloch-con dẫn tới một vị khách quý: một vị giáo sư, một anh bạn đoạt tất cả các giải thưởng, hoặc như tối nay, là Saint-Loup và tôi. Hẳn kể chẳng hạn:

“Một nhà phê bình quân sự tài ba đã từ những chứng cứ cụ thể suy luận một cách khoa học vì sao trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật, Nhật sẽ chiến bại và Nga chiến thắng”.

Hoặc:

“Đây là một con người vĩ đại tỏ ra là một nhà tài chính xuất sắc trong các giới chính trị và một nhà chính trị lỗi lạc trong các giới tài chính”.

Những câu chuyện kiểu ấy có thể hoán vị cho nhau, khi thì về nam tước de Rothschild, lúc thì về ngài Rufus Israels, những nhân vật được đưa ra biểu

diễn một cách nhập nhằng khiến người nghe có thể hiểu ông Bloch quen riêng họ.

- Bản thân tôi cũng hiểu như vậy, và theo cung cách Bloch-bố nói về Bergotte, tôi cũng nghĩ đây là một trong những người bạn cố tri của ông. Nhưng tất cả những nhân vật nổi tiếng ấy, ông Bloch đều biết “mà không quen” vì chỉ trông thấy từ xa ở nhà hát hay trên đường phố. Ông ta cũng hình dung gương mặt, tên tuổi, nhân cách của mình không xa lạ đối với họ, và thoáng thấy ông, họ thường phải kìm nén ý muốn chào hỏi. Những người trong xã hội phù hoa không phải vì quen biết những bậc anh tài và mời họ

ăn tới mà hiểu họ hơn. Nhưng khi đã sống chút ít trong xã hội ấy, thì sự đại dốt của những con người trong cuộc khiến người ta thiết tha muốn sống ở những nơi kín đáo, nơi người ta cho là con người cực kỳ thông minh, nơi người ta chỉ biết “mà không quen”. Tôi sẽ nhận ra điều đó trong khi nói về Bergotte.

Bloch không phải là người duy nhất thành công khi ở nhà. Anh bạn tôi lại càng thành công bên cạnh mấy cô em gái mà anh ta không ngớt hỏi han với một giọng cầu nhàu trong lúc cúi sắp mặt xuống đĩa ăn, khiến các cô cười đến chảy nước mắt. Họ cũng sử dụng thông thạo ngôn ngữ của ông anh như thể đây là thứ ngôn ngữ bắt buộc và duy nhất những con người thông minh có thể dùng. Khi chúng tôi tới nhà, cô chị cả bảo một cô em:

- Em hãy đi báo tin cho bố khôn ngoan và mẹ đáng kính của chúng ta.

- Mấy nàng chó cái này, - Bloch nói với họ, - anh giới thiệu với các em, ký sĩ Saint-Loup, người phóng lao nhanh như cắt, tới đây vài ngày từ Doncières, nơi có những ngôi nhà bằng đá mài và vô số ngựa.

Những lời lẽ vừa văn hoa vừa nhảm chán ấy kết thúc như thường lệ bằng một câu đùa cợt ít lâm ly hơn:

- Thôi nào, các cô hãy khép tà áo dài lại, cái gì mà huyền ảo thế? Rốt cuộc, đâu phải bố tôi!

Và các tiểu thư nhà Bloch cười nghiêng cười ngả. Tôi bảo Bloch là hẳn làm tôi hết sức vui mừng trong khi khuyên tôi đọc Bergotte mà tôi say mê tác phẩm.

Chỉ biết Bergotte “từ xa” và biết cuộc đời Bergotte qua những câu chuyện phiếm ở vườn hoa, Bloch-bố cũng nhận thức về tác phẩm của nhà văn này một cách gián tiếp, nhờ những sự đánh giá bề ngoài có vẻ văn chương. Ông ta sống trong thế giới những sự ước lượng, nơi người ta chào hỏi trong hư vô, người ta đánh giá trong giả trá. Sự thiếu chính xác, sự bất lực không làm giảm sự cả quyết, trái lại là khác. Đây là phép lạ diệu kỳ của thói tự ái mà cả những người có những mối quan hệ lầy lùnh và những người bạn thâm giao, lẫn những kẻ không có, đều cho là mình có phần trong đó, vì quan điểm về thang bậc xã hội khiến mỗi người cho vị trí của mình là vị trí tối ưu, còn những người dù cao sang nhất cũng vẫn không được ưu đãi bằng mình, và thật đáng thương; họ gọi tên và nói xấu người ta trong lúc không quen biết, đánh giá và khinh miệt người ta trong lúc không hiểu gì hết. Và khi những quyền lợi cá nhân nhỏ bé không đủ đảm bảo cho mỗi người liều lượng hạnh phúc lớn hơn liều lượng dành cho người khác và cần thiết đối với mình, thì đã có lòng ganh ghét làm nhiệm vụ san bằng sự

chênh lệch. Quả là nếu lòng ganh ghét được thể hiện ra bằng những lời lẽ kiêu ngạo, thì phải hiểu câu nói:

“Tôi không muốn làm quen anh ta”

có nghĩa là:

“Tôi không thể làm quen anh ta”

Hiểu theo lý trí thì như vậy. Nhưng hiểu theo tình cảm thì quả là:

“Tôi không muốn làm quen anh ta”.

Người ta biết như thế là không đúng, nhưng người ta vẫn nói như thế vì một sự giả tạo đơn thuần; người ta nói như thế vì cảm thấy như thế, và chừng ấy là đủ để loại trừ khoảng cách, tức là đủ để cảm thấy hạnh phúc.

Bằng cách đó, thuyết lấy mình làm trung tâm cho phép mỗi con người nhìn vũ trụ sắp xếp phía dưới mình với tư cách một vị hoàng đế. Và ông Bloch tự cho phép mình làm một nhà vua bạo ngược khi, một buổi sáng sớm, trong lúc uống sôcôla, nhìn thấy chữ ký của Bergotte phía dưới một bài báo; với vẻ mặt khinh khỉnh, ông hạ cố dành cho bài báo “một phút bệ kiến”, đồng dặc tuyên bố Lời phán xét và khoan khoái nhắc lại sau mỗi ngụm sôcôla nóng bỏng:

- Không thể đọc thẳng cha Bergotte này được. Bực mình thật với cái đồ ngốc này! Phải thôi không đặt mua nữa. Nói quanh nói quẩn mãi! Đến chán ngấy!

Vả lại, cái ảo ảnh tự cho mình là quan trọng này của Bloch-bố có phần mở rộng ra ngoài phạm vi nhận thức riêng của ông ta. Trước hết, con cái xem ông ta như một con người siêu phàm. Con cái bao giờ cũng có khuynh hướng hoặc chê bai, hoặc ca ngợi bố mẹ, và đối với một đứa con ngoan, bố hẳn bao giờ cũng là ông bố tốt đẹp nhất đời, ngoài tất cả những lý do khách quan để ngợi ca. Và những lý do này tuyệt nhiên không thiếu đối với ông Bloch, người có học thức, tinh tế và yêu thương vợ con. Trong phạm vi gia đình thân mật, người ta lại càng yêu thích ông nếu ngoài “xã hội”, người ta đánh giá con người theo một tiêu chuẩn phi lý và những quy tắc sai lầm nhưng bất di bất dịch so với toàn thể những người thanh lịch khác; trái lại, trong cái manh mún của cuộc sống trưởng giả, những bữa ăn tối, những buổi họp gia đình xoay quanh những người chúng ta cho là dễ chịu, dễ thương, nhưng ở ngoài xã hội thì không đứng vững nổi hai ngày. Rốt cuộc, nơi đây, nơi không tồn tại những cái vĩ đại giả tạo của tầng lớp quý tộc, người ta thay thế chúng bằng những niềm vinh quang còn diên rồ hơn. Chẳng hạn, trong phạm vi gia đình và cho tới những chỗ họ hàng xa xôi,

người ta gọi ông Bloch là “công tước d’Aumale giả hiệu” vì cho cách để ria mép và phía trên sống mũi của hai người giống nhau.

Sự giống nhau ấy hết sức mơ hồ, nhưng có giá trị hầu như một tước vị. Người ta nhắc đi nhắc lại: “Bloch hả? Bloch nào? Công tước d’Aumale hả?” Chẳng khác nào người ta nói “Công chúa Murat hả? Ai vậy? Hoàng hậu (Naples) hả?” Một số dấu hiệu cực kỳ nhỏ bé khác, cuối cùng khiến họ hàng ông ta là người danh giá. Không đủ tiền sắm riêng một cỗ xe ngựa, ông Bloch thỉnh thoảng thuê một chiếc song mã và đi qua rừng Boulogne, uể oải nằm ngang trên xe, hai ngón tay đặt trên thái dương, hai ngón khác để dưới cằm, và nếu những người không quen biết cho ông là một “thằng cha làm phách” thì, trái lại, trong họ hàng, người ta đình ninh chú Salomon, nếu muốn tỏ vẻ sang trọng, thì có thể đi tới những đâu đâu nữa ấy chứ. Ông ta thuộc loại người vì cùng ngồi một bàn với ông chủ bút tờ *Radical*⁽³³⁰⁾ trong hàng ăn đường phố, nên lúc qua đời được mục *Tin tức* tờ báo này tôn lên là “gương mặt rất quen thuộc của dân chúng Paris”.

Ông Bloch bảo Saint-Loup và tôi rằng Bergotte biết rất rõ vì sao ông, đích danh ông, không chào hỏi ông ta nên thoáng thấy ông ở nhà hát hay câu lạc bộ là Bergotte lảng tránh. Saint-Loup muốn biết đó có phải là câu lạc bộ ở phố Hoàng gia mà gia đình anh đánh giá “đã xuống cấp” và là nơi, theo anh, một số người Do Thái được đón tiếp không.

- Không đâu, - ông Bloch uể oải đáp, vẻ vừa kiêu hãnh vừa ra chiều xấu hổ, - một câu lạc bộ nhỏ thôi nhưng rất thú vị. “Câu lạc bộ những Lão ngốc” ấy mà. Ở đấy, người ta đánh giá con người rất nghiêm ngặt.

- Có phải do ngài Rufus Israels làm chủ tịch không, thưa bố? - Bloch-con hỏi ông bố để tạo cho ông ta một cơ hội đối trá vẻ vang hơn nhưng không ngờ nhà hoạt động tài chính ấy không có uy tín đối với Saint-Loup như đối với hẳn.

Thực ra ở câu lạc bộ những Lão ngốc, làm gì có ngài Rufus Israels mà chỉ có một nhân viên của ông ta. Nhưng vì anh này rất được chủ tín nhiệm nên được phép sử dụng danh thiếp của nhà tài phiệt, và cho ông Bloch một tấm khi ông ta đi du lịch trên một tuyến đường sắt thuộc quyền quản trị của ngài Rufus. Và ông ta đã lòn bịp được các ông trưởng tàu với tấm thiếp ấy.

Thông thường, sau khi kể hết mọi chuyện về ngài Rufus Israels và những người khác cho một vị khách quý nghe, ông Bloch rút lui để khỏi “hạ thấp mình” trước mặt một chú “học sinh trung học” vì cảm thấy đã làm ông con trai xao xuyến đến muốn rơi lệ. Nhưng khi có một lý do đặc biệt quan trọng, chẳng hạn khi ông con trai thi đỗ thạc sĩ, ông Bloch đưa thêm vào cái loạt giai thoại quen thuộc một dòng suy nghĩ hài hước ông thường dành cho bè bạn của riêng mình, và Bloch-con hết sức kiêu hãnh khi thấy ông thốt ra cho bè bạn của bản thân hẳn:

- Quả là không sao tha thứ cho chính phủ được. Họ đã không hỏi ý kiến ông Coquelin⁽³³¹⁾! Ông Coquelin cho biết là ông ta bất bình. (Ông Bloch lấy làm kiêu hãnh mình là tay bảo thủ và coi thường giới sân khấu).

Nhưng các tiểu thư Bloch và cả ông anh trai đều đỏ lựng mặt vì cảm động khi ông Bloch, để tỏ ra vương giả đến cùng đối với hai anh “bạn trường trung học” của con trai, ra lệnh mang sâmbanh tới và hững hờ báo tin đã cho mua ba vé ghế bành đi xem buổi biểu diễn ngay tối nay của một đoàn nhạc hài kịch nhằm “chiêu đãi” chúng tôi. Ông lấy làm tiếc không mua được vé lô vì đã hết sạch chỗ. và lại, ông đã có kinh nghiệm rồi, ngồi ở ngay chỗ dàn nhạc là tốt hơn cả. Chỉ có điều là nếu thói xấu của anh con trai, tức là cái mà hẳn cho là những người khác không thấy được, là sự thô lỗ, thì thói xấu của ông bố là thói bủn xỉn. Bởi thế, ông ta mời chúng tôi uống, với cái tên “sâmbanh” mỹ miều, một thứ vang có bọt đựng trong bình, và dưới danh nghĩa “ghế bành”, cho mua vé ngồi ở ngay phía sau dàn nhạc, giá vé chỉ bằng một nửa giá thường. Sau khi cho chúng tôi trụng môi vào những chiếc ly dẹt mà ông con trai tô vẽ bằng cái tên “những hòn núi lửa hai bên sườn bị đào sâu xuống”, ông Bloch cho chúng tôi chiêm ngưỡng một bức tranh ông ta yêu quý tới mức mang

theo đến tận Balbec. Ông ta bảo chúng tôi đây là tranh Rubens. Saint-Loup ngây thơ hỏi tranh có chữ ký không. Ông Bloch đỏ mặt đáp đã cho cắt chữ ký đi cho vừa khung, và lại cái đó chẳng có gì quan trọng vì ông không có ý định bán tranh. Rồi vội vã chia tay chúng tôi và ra về say sưa đọc những tờ *Công báo* chất đầy trong nhà.

Ông ta bảo cần đọc “vị cương vị nghệ sĩ” của mình, nhưng cương vị cụ thể thế nào thì không nói rõ.

- Chờ tớ đi lấy khăn quàng cổ một lát, - Bloch bảo chúng tôi, - vì trời có thể trở lạnh và chúng ta có thể về muộn. Này, - hắn hỏi Saint-Loup khi chúng tôi ra tới ngoài đường, - cái bóng ma mặc quần áo màu sẫm tớ thấy đi dạo với cậu sáng hôm kia trên bãi biển là ai thế? (Tôi đâm hoảng vì hiểu ngay với cái giọng châm biếm ấy, Bloch nói về de Charlus).

- Chú tớ đấy. - Saint-Loup đáp, vẻ bức bối.

Khốn nỗi, Bloch hình như không sao tránh nổi một sự “vụng dại”. Hắn cười ngất cười nghèo:

- Tớ xin có lời khen. Lẽ ra tớ phải đoán ra mới phải, ông ta ăn diện ghê thật và có đầu óc kỳ cục nhất đời.

- Cậu nhầm hoàn toàn rồi, chú ấy là người cực kỳ thông minh. - Saint-Loup phản nộ cãi lại.

- Tớ lấy làm tiếc điều đó, vì nếu vậy thì ông ta không được hoàn chỉnh. Và lại, tớ rất muốn làm quen ông ta vì tớ tin chắc sẽ viết những câu chuyện thích hợp với những con người kiểu đó. Trông thấy ông ta đi qua, buồn cười đến muốn chết được. Nhưng tớ sẽ bỏ qua khía cạnh kỳ cục của bộ mặt ông ta - xin lỗi cậu, nó đã làm tớ cười ngất một lúc - vì xét cho cùng, cái đó là vô nghĩa đối với một nghệ sĩ say sưa cái đẹp uyển chuyển của lời văn, và tớ sẽ nhấn mạnh khía cạnh quý phái của chú cậu, rốt cuộc nó gây một ấn tượng lạ lùng, và đột cười cợt ban đầu qua đi, nó sẽ làm ta chú ý vì một phong cách đẹp đẽ. Nhưng, - hắn lại quay sang nói với tôi, - có một việc hoàn toàn khác tớ muốn hỏi cậu, nhưng vì thần phật nào xui khiến mà mỗi lần gặp cậu, tớ lại quên khuấy. Cậu cho tớ biết người đàn bà đẹp tớ thấy cùng đi với cậu ở vườn Bách thảo hôm nọ bên cạnh một vị mà tớ nhớ là đã có lần gặp mặt và một cô gái có mái tóc dài, là ai thế.

Bà Swann không nhớ tên Bloch, vì bà nhắc tới một cái tên khác và bảo anh bạn này của tôi làm tùy viên ở một Bộ nọ mà từ ấy tôi không nghĩ chuyện hỏi xem hắn đã nhậm chức hay chưa. Nhưng làm sao Bloch, người từng yêu cầu được giới thiệu với bà, lại có thể không biết tên bà ta được? Tôi ngạc nhiên tới mức đứng im như tượng gỗ.

- Dẫn sao, tớ cũng nhiệt liệt chúc mừng cậu, - hẳn bảo tiếp, - chắc cậu không khó chịu vì bà ta. Trước đó vài hôm, tớ gặp bà ta trên chuyến tàu hỏa vòng quanh Paris. Bà ta rất muốn cởi mở tâm tình với thằng đầy tớ này của cậu, tớ chưa bao giờ được sống những giờ phút đẹp đẽ như thế và đang bàn tính chuyện gặp lại nhau thì có một người bà ta quen biết bước lên tàu ở nhà ga gần tận cùng tuyến đường.

Thái độ im lặng của tôi hình như không làm vui lòng Bloch.

- Tớ hy vọng, - hẳn lại nói, - nhờ cậu mà biết được địa chỉ bà ta và mỗi tuần mấy lần tới thưởng thức những khoái cảm của thần Ái tình, nhưng tớ không nài nỉ vì cậu muốn giữ bí mật cho một gái điếm từng hiến mình cho tớ ba lần liên tiếp và theo cung cách hết sức tinh tế. Thế nào cũng có tối tớ sẽ gặp lại thôi.

Sau bữa ăn tối ấy, tôi tới thăm Bloch, và hẳn tới đáp lễ, nhưng tôi đi phố vắng và hẳn gặp Françoise. Tuy hẳn từng tới Combray nhưng Françoise chưa bao giờ gặp mặt. Vì vậy bà chỉ báo lại là có “một vị” quen tôi tới thăm, bà không rõ “với mục đích gì”, ăn vận “như thế nào ấy” và không gây cho bà ấn tượng gì rõ rệt cả. Tôi không sao nắm được một số quan niệm về xã hội của Françoise, có thể chúng dựa một phần trên cơ sở những sự nhầm lẫn của bà giữa từ này với từ nọ, giữa tên người này với tên người kia, và tuy đã từ lâu không tự đặt cho mình những câu hỏi trong những trường hợp như vậy nữa, tôi vẫn không thể không tìm cách tìm xem tên tuổi Bloch có gì quan trọng đối với bà, song cũng chỉ uống công vô ích thôi. Tôi vừa bảo chàng trai bà vừa gặp là ông Bloch, thì Françoise lùi lại ngay mấy bước, vừa sững sờ, vừa thất vọng.

- Sao, ông Bloch là thế đấy à! - Bà kinh ngạc kêu lên như thể muốn nói một nhân vật lỗi lạc như thế lẽ ra phải có một bề ngoài “cho người ta biết” ngay lập tức rằng người ta đang đứng trước một vĩ nhân trên trái đất chứ. Và, theo cung cách của một người thấy một nhân vật lịch sử không ngang tầm danh vọng của mình, Françoise nhắc lại, với một giọng vừa xúc động vừa bi quan:

- Sao, ông Bloch là như thế đấy à! A! Quả là mình không ngờ được gặp ông ta.

Françoise có vẻ giận tôi như thể tôi đã “quá tán dương” Bloch với bà.

Nhưng bà vui vẻ nói thêm:

- Dù ông Bloch sáng giá đến thế nào đi nữa thì *Cậu* cũng chẳng thua kém gì ông ta đâu.

Ít lâu sau, đối với Saint-Loup mà bà vốn quý trọng, Françoise có một nỗi thất vọng kiểu khác nhưng không kéo dài: bà biết anh có tư tưởng cộng hòa. Thế nhưng Françoise là người bảo hoàng mặc dù khi nói về hoàng hậu Bồ Đào Nha chẳng hạn, bà ta nói với vẻ bất kính: “Amélie, em gái Philippe”.

Nhưng điều chủ yếu là một vị hầu tước từng được bà sùng bái, và ủng hộ nền Cộng hòa, nay bà thấy không còn là hầu tước đích thực nữa. Bà bực bội chẳng khác nào nếu tôi biếu bà một chiếc hộp bà ngỡ là bằng vàng và khiến bà rối rít cảm ơn, nhưng về sau một người thợ kim hoàn phát hiện ra là hộp chỉ mạ vàng thôi. Bà ta thôi ngay không trọng vọng Saint-Loup nữa, nhưng chẳng bao lâu sau lại trở lại kính yêu như xưa sau khi suy nghĩ rằng là hầu tước Saint-Loup, anh làm sao có tư tưởng cộng hòa được và anh chỉ vờ có tư tưởng ấy vì quyền lợi thôi: với chính phủ hiện tại, điều đó có thể có lợi lớn. Từ hôm ấy, Françoise không còn thái độ lạnh lùng đối với anh, giận dữ đối với tôi nữa. Và hễ nói về Saint-Loup, là bà ta bảo: “Một kẻ đạo đức giả”, nhưng với một nụ cười tươi tỉnh trên môi khiến người ta hiểu bà ta lại “kính trọng” như buổi đầu và đã tha thứ cho anh.

Thế nhưng trái lại, lòng chân thật và thái độ không vụ lợi tuyệt đối của Saint-Loup không thể tự thỏa mãn hoàn toàn trong một tình cảm “vị kỷ” như tình yêu; mặt khác, khác hẳn tôi, anh không thể tìm thấy món ăn tinh thần ở đâu khác ngoài chính bản thân mình. Với tâm hồn trong sáng ấy, Saint-Loup thật sự có khả năng kết bạn, trong lúc ngược lại, tôi hoàn toàn không có.

Françoise cũng không ít hiểu lầm Saint-Loup hơn, khi bà bảo anh có vẻ không khinh miệt dân chúng, nhưng không phải như thế, và chỉ cần trông thấy anh nổi giận đối với người xà ích thì đủ rõ. Quả vậy, đã có vài bạn Robert mắng mỏ anh ta một cách thô bạo chứng tỏ anh có ý thức về sự khác biệt giai cấp ít hơn ý thức về quyền bình đẳng giữa các giai cấp.

- Nhưng vì sao tớ phải vờ vĩnh nói năng lễ phép với y? - Saint-Loup đáp khi tôi trách anh đối xử có phần thô bạo với người xà ích. - Y không phải là người bình đẳng với tớ hay sao? Y không gần gũi tớ như những người anh em họ, chị em họ của tớ hay sao? Cậu ra tuồng muốn cho là tớ phải ứng xử một cách trọng thị với y, như là một kẻ bề dưới! Cậu nói như một gã quý tộc. - Anh khinh khỉnh nói thêm.

Thật vậy, nếu anh có thành kiến và thái độ bất công đối với một giai cấp, thì đó là giai cấp quý tộc, và dễ dàng tin tưởng tính ưu việt của người bình dân bao nhiêu thì anh khó tin tưởng điều ấy ở một con người trong xã hội

thượng lưu bấy nhiêu. Nghe tôi nói tới công chúa de Luxembourg tôi vừa gặp cùng đi với bà cô, anh vội bảo ngay:

- Dốt đặc, như mọi công chúa khác thôi. Nhưng có hơi hướng họ hàng với tớ đấy.

Vì có thiên kiến đối với những người giao du với mình, Saint- Loup ít khi bước chân vào xã hội phù hoa, và thái độ khinh miệt hay thù địch của Saint-Loup đối với xã hội này càng làm tăng thêm ở tất cả những người bà con gần gũi nỗi phiền muộn vì mối

quan hệ của anh với một “đào hát”, mối quan hệ mà họ cho là tai hại cho anh và nhất là phát triển ở anh tinh thần phủ nhận, khiến anh trở thành kẻ mê muội trong lúc chờ đợi trở thành kẻ hoàn toàn “biến chất”. Bởi thế, không ít người nông nổi ở xóm Saint-Germain tỏ ra cay độc khi nói về cô gái tình nhân của Robert:

- Các ả giang hồ cứ việc hành nghề, - người ta bảo nhau, - họ cũng như những kẻ khác thôi; nhưng con mẹ ấy thì không! Chúng tôi không tha thứ cho nó! Nó làm hại quá nhiều một người chúng tôi yêu mến.

Dĩ nhiên Saint-Loup không phải là người đầu tiên vướng vào sợi dây tình ái. Nhưng những kẻ khác chơi bời với tư cách những nhân vật trong giới thượng lưu, tiếp tục suy ngẫm với tư cách ấy về chính trị, về tất cả mọi thứ. Còn anh, thì gia đình thấy anh đã “biến chất”. Người ta không biết rằng đối với không ít chàng trai trong xã hội thượng lưu, thông thường, chính người tình là người thầy thực sự của họ, và những mối quan hệ kiểu đó là trường học đạo lý duy nhất, nơi họ làm quen với một nền văn hóa cao siêu, nơi họ học tập giá trị của những mối bằng hữu không vụ lợi, và nếu thiếu những thứ đó, thì đầu óc họ không được mở mang, họ sẽ thô bạo trong tình bạn và không có hứng thú trong cuộc đời. Ngay trong tầng lớp tiện dân (thường cũng thô bạo chẳng khác gì giới thượng lưu) phụ nữ vốn nhạy cảm hơn, tinh tế hơn, rồi rãi hơn, thường ước ao những cử chỉ dịu dàng, trân trọng những vẻ đẹp về tình cảm và nghệ thuật mà, dù không hiểu chúng chẳng nữa, họ vẫn đặt lên trên những thứ đàn ông cho là quý giá hơn hết, tức là tiền bạc và địa vị.

Khi đi ăn tối ở quán ăn với người tình, chàng trai quý tộc Saint- Loup có thói quen mang theo trong túi lọ vétêrianat nàng có thể cần tới và lớn tiếng, không một chút hài hước, ra lệnh cho người hầu bàn chú ý đóng cửa nhẹ nhàng để khỏi gây tiếng động, chú ý không để khăn ướt lên bàn nhằm tránh cho nàng cảm giác khó chịu.

Giống như các giáo sĩ đầu tiên thời Trung cổ, người tình của Saint- Loup dạy cho anh lòng xót thương đối với loài vật, vì nàng say mê chúng, không bao giờ ra phố mà không mang theo chó, chim bạch yến và vẹt. Saint-Loup chăm sóc chúng và cho là đồ súc sinh những ai không tốt với loài vật. Mặt khác cô gái sống với anh, dù là diễn viên sân khấu hay không, dù thông minh hay không - điều tôi không rõ - đã chống lại thói chạy theo thời thượng và chữa cho anh khỏi tính nông nổi, bằng cách làm cho anh thấy quan hệ với phụ nữ trong xã hội phù hoa quả là khó chịu, và sẽ là một sự khổ sai nếu bắt buộc phải đi dự một buổi dạ hội. Nếu nhờ nàng, các mối

quan hệ trong xã hội ấy chiếm ít chỗ hơn trong cuộc sống Saint-Loup thì, ngược lại, nàng cũng luyện cho anh tỏ ra cao thượng hơn, tinh tế hơn trong những mối quan hệ ấy, trong lúc giả thử anh chỉ là một con người bình thường ở thính phòng, thì thói khoe khoang hay quyền lợi cá nhân ắt hẳn chỉ đạo tình cảm bạn bè của anh và khiến anh trở nên thô bạo.

Với bản năng phụ nữ, và đánh giá cao ở nam giới một số khả năng nhạy cảm mà có thể Saint-Loup không nhận ra hoặc chế giễu nếu không có nàng, người tình của anh nhanh chóng phân biệt được và ưu ái người bạn nào thật sự yêu thương anh. Nàng biết buộc anh tỏ lòng biết ơn đối với người ấy, và nhận ra những điều làm người ta vui hay buồn. Và chẳng bao lâu sau, không cần phải có nàng nhắc nhở, Saint-Loup cũng bắt đầu quan tâm tới tất cả những điều đó; và ở Balbec, tuy không có nàng, tuy nàng chưa hề gặp tôi, và có lẽ trong thư, anh chưa hề nói với nàng về tôi, anh vẫn tự thân đóng cửa sổ xe ngựa cho tôi, mang cất những bó hoa làm tôi khó chịu, và khi ra đi phải chào nhiều người cùng một lúc, thì anh thu xếp sao cho có thể chia tay họ sớm đi một chút để cuối cùng ở lại một mình với tôi, và đối xử với tôi khác những người khác.

Người tình mở rộng trí tuệ cho Saint-Loup làm cuộc đời anh trở nên nghiêm túc, trái tim anh trở nên tinh tế; nhưng tất cả những cái đó, gia đình đau thương của Saint-Loup không hề nhận thấy. Họ nhắc đi nhắc lại: “Cái con khốn nạn ấy sẽ giết chết nó, và trong lúc chờ đợi, làm ô danh nó”. Quả là rốt cuộc tất cả những gì tốt đẹp người tình có thể mang lại, Saint-Loup đã tận hưởng; và giờ đây, nàng chỉ còn là nguồn gốc nỗi đau thường xuyên của anh, vì nàng kinh tởm và giày vò anh. Và một hôm, nàng bắt đầu thấy anh ngu ngốc và lỗ bịch, vì bạn bè của nàng trong đám các tác giả và diễn viên trẻ cam đoan anh quả là ngu ngốc và lỗ bịch; đến lượt nàng nhắc lại với anh những điều họ nói, với vẻ say sưa, thiếu thận trọng như người ta thường biểu hiện mỗi khi tiếp nhận những ý kiến ấy từ bên ngoài và tán thành những quan niệm, những tập tục mình hoàn toàn không biết. Tựa những diễn viên hài kịch, nàng sẵn sàng tuyên bố, cái hố ngăn cách giữa mình và Saint-Loup không sao vượt qua nổi, vì hai người thuộc hai “chủng tộc” khác nhau, nàng là một người tri thức, còn anh, dù anh nói gì đi nữa, cũng vẫn bẩm sinh là một “kẻ thù của trí tuệ”. Nàng cho đó là một quan điểm sâu sắc và tìm cách kiểm nghiệm qua những lời lẽ vô nghĩa nhất, những cử chỉ nhỏ nhặt nhất của người tình.

Nhưng khi cũng vẫn những người bạn ấy thuyết phục nàng rằng kết bạn một cách hết sức không thỏa đáng như vậy, nàng làm tiêu tan những niềm

hy vọng lớn nàng đã mang lại cho người tình, rằng rốt cuộc hẳn sẽ ảnh hưởng tới nàng, và sống với hẳn, nàng sẽ hủy hoại cuộc đời nghệ sĩ của mình, thì chẳng những nàng khinh miệt Saint-Loup mà còn hận thù anh như thể anh khăng khăng làm nàng tiêm nhiễm một căn bệnh chết người. Nàng hết sức tránh gặp anh trong khi trì hoãn ít lâu một cuộc đoạn tuyệt mà riêng tôi cho là ít có khả năng xảy ra. Saint-Loup đã hy sinh cho cô gái tới mức nàng khó có thể tìm được một người đàn ông thứ hai sẵn sàng chịu đựng những sự hy sinh tương tự, trừ phi nàng có nhan sắc đến độ mê ly (nhưng anh không bao giờ chịu cho tôi xem ảnh cô gái và bảo: “Trước hết cô ta không đẹp, hơn nữa lại không ăn ảnh: tớ chỉ có mấy tấm tự tay tớ chụp chớp nhoáng với chiếc Kodak, chúng sẽ cho cậu một khái niệm không chính xác về cô ta”). Saint-Loup không hiểu rõ những gì diễn ra trong đầu óc người tình, không tin nàng hoàn toàn thành thật khi oán trách anh một cách bất công cũng như khi nói những lời hứa hẹn yêu đương suốt đời; nhưng thỉnh thoảng cảm thấy nàng sẽ đoạn tuyệt khi có điều kiện, và vì vậy, chắc hẳn bị thúc đẩy bởi bản năng duy trì mối tình của mình - một bản năng có thể sáng suốt hơn chính bản thân Saint-Loup, mặt khác lại vận dụng một sự khéo léo thực tiễn kết hợp với những niềm rạo rực của con tim, anh không chịu tạo lập cho người tình một số vốn và tuy có vay một món tiền khổng lồ để nàng khỏi thiếu thốn bất kỳ một thứ gì hết, nhưng chỉ trao tiền cho nàng từng ngày một.

Giai đoạn bi kịch trong quan hệ tình ái của họ giờ đây đã tới đỉnh điểm, gay gắt nhất, đau khổ nhất đối với Saint-Loup, vì cô gái cấm anh không được ở lại Paris bởi lẽ sự có mặt của anh làm nàng điên tiết, và buộc anh phải nghỉ phép ở Balbec, cạnh nơi trú quân. Mở đầu giai đoạn ấy là một buổi tối ở nhà bà cô Saint-Loup, khi nàng nhận lời anh đến hát cho nhiều quan khách nghe một số đoạn trong một vở nhạc kịch từng được ngưỡng mộ.

Những khi cô gái xuất hiện, với một bông huệ to tướng trên tay, trong bộ quần áo kiểu dáng ngộ nghĩnh mà nàng cam đoan với Robert là một “biểu hiện nghệ thuật” đích thực, thì đám cử tọa gồm những đấng mày râu trong giới phù hoa và những bà quận chúa, đón tiếp lúc đầu bằng những nụ cười mỉa mai, và về sau, khi nghe một giọng hát đơn điệu, buồn tẻ và một số từ kỳ quặc được lặp đi lặp lại thì cười ngặt nghẽo, khiến người biểu diễn tội nghiệp không sao tiếp tục nổi. Ngày hôm sau, bà cô Saint-Loup bị mọi người phàn nàn đã để cho tới nhà một nghệ sĩ lỗ bịch đến thế. Một vị công tước rất quen thuộc nói thẳng với bà là nếu bị công kích thì bà ta phải tự trách lấy mình:

- Trời đất! Sao lại có thể cho ra những tiết mục như thế được! Giá con mụ ấy có tài, nhưng mụ ta đâu có và sẽ chẳng bao giờ mảy may có tài. Khốn kiếp! Paris đâu có ngu ngốc như người ta muốn bảo. Xã hội đâu chỉ gồm những kẻ đại dốt. Con bé ấy tưởng là Paris phải kinh ngạc. Nhưng Paris đâu có thể dễ dàng để người ta làm nó kinh ngạc đến thế, và dẫu sao cũng có những cái chúng ta không thể nuốt trôi.

Còn nàng nghệ sĩ trên đường trở về bảo Saint-Loup:

- Anh đưa tôi sai đường lạc lối tới nhà những con mẹ ngu ngốc, dĩ điểm và những thằng cha để tiện nào vậy? Tôi nói thật cho anh biết là trong bọn đàn ông có mặt, không một đứa nào là không liếc mắt đưa tình, không chòng ghẹo tôi đâu, và chính vì bị tôi cự tuyệt nên chúng tìm cách trả thù. Những lời lẽ ấy đã biến ác cảm của Robert đối với những người trong xã hội phù hoa thành một sự kinh tởm hết sức sâu xa và nhức nhối; và những người đặc biệt gây nên ở anh sự kinh tởm ấy lại chính là những người không đáng phải chịu tí nào: những người thân thích tận tụy thay mặt gia đình tìm cách thuyết phục người tình của Robert đoạn tuyệt với anh; và cô ta bảo anh họ vận động như vậy là vì muốn tỏ tình yêu với mình. Tuy thôi không giao du với họ nữa, Robert, khi xa người tình như lúc này, vẫn nghĩ những người ấy hoặc những người khác lợi dụng cảnh xa cách để tấn công và có thể đã được nàng ưu ái. Và khi nói về những tay ăn chơi phản bội bạn bè, tìm cách quyến rũ phụ nữ, cố sức đưa họ tới nhà chứa, gương mặt Robert lộ rõ đau thương và thù hận.

- Ta sẽ giết chúng mà không hối hận bằng giết một con chó, ít ra nó cũng là một con vật dễ thương, ngay thẳng và trung thành. Chúng đáng lên đoạn đầu đài hơn cả những kẻ tội nghiệp phạm tội vì đói khổ hoặc vì sự tàn bạo của bọn nhà giàu.

Robert dùng phần lớn thì giờ gửi thư và điện cho người tình. Mỗi khi từ xa cô ta tìm cách gây nên một sự bất hòa cấm anh trở về Paris, là tôi biết rõ qua bộ mặt thiếu nảo của anh. Vì người tình không bao giờ nói cho anh biết cô ta oán trách điều gì, và nghi ngờ nàng không nói ra, có lẽ vì nàng không biết và chỉ vì đã chán mình thôi, nên Robert muốn nghe những lời giải thích. Anh viết thư cho nàng: “Em nói cho anh rõ anh đã làm gì sai. Anh sẽ sẵn sàng nhận lỗi”.

Vì sầu muộn, Saint-Loup định ninh mình đã ứng xử không đúng. Nhưng cô gái bắt anh chờ hoài chờ mãi những lá thư trả lời, dù chúng chẳng có ý nghĩa gì hết. Bởi vậy hầu như bao giờ tôi cũng bắt gặp anh, vầng trán ưu tư, và thông thường hai bàn tay không, từ bưu điện trở về. Ở khách sạn, cùng

với Françoise, Saint-Loup là người duy nhất thân hành đi nhận thư hay mang thư đi gửi, anh, với nỗi sốt ruột của người tình Françoise, vì ngờ vực đám tôi tớ (các bức điện gửi đi khiến anh phải đi lại nhiều hơn).

Mấy ngày sau bữa ăn tối ở nhà Bloch, bà tôi vui vẻ bảo tôi Saint- Loup vừa hỏi cụ có vui lòng để anh chụp hình trước khi từ giã Balbec không. Thấy cụ “diện” bộ cánh đẹp nhất, và bản khoản không biết nên đội chiếc mũ nào để ngồi chụp, tôi hơi bức mình về cái lối trẻ con tôi thấy rất kỳ lạ ở cụ. Thậm chí tôi day dứt tự hỏi liệu tôi có hiểu lầm bà tôi không, có đánh giá cụ quá cao không, liệu cụ có thờ ơ đối với tất cả những gì dính dáng tới con người cụ như tôi hằng nghĩ không, liệu cụ có làm duyên làm dáng - điều mà tôi cho hết sức xa lạ đối với cụ - không?

Tiếc thay, nỗi bất bình của tôi trước dự kiến buổi chụp hình và nhất là trước niềm hoan hỉ hình như nó mang lại cho bà tôi, tôi bộc lộ khá rõ ra ngoài nên Françoise cảm thấy và vô tình làm tăng thêm bằng cách nói với tôi những lời âu yếm và xúc động mà tôi không muốn làm ra vẻ đồng tình:

- Ô! Cậu chủ ơi, bà cụ tội nghiệp của cậu sẽ hết sức sung sướng được chụp hình, được đội chiếc mũ mà người lão bộc Françoise này đã sửa sang cho cụ; cậu cứ để cho cụ toại nguyện.

Tôi đành ninh mình không hề thô bạo khi chế giễu sự nhạy cảm của Françoise trong lúc nhớ lại rằng mẹ tôi và bà tôi, những tấm gương cho tôi nơi theo về mọi mặt, cũng từng chụp hình nhiều lần. Nhưng thấy tôi có vẻ không vui, bà tôi bảo nếu buổi chụp hình hôm nay làm tôi khó chịu, thì cụ thôi không chụp nữa. Tôi không muốn như thế, tôi cam đoan với bà tôi chẳng hề có gì thiệt hại hết và để cụ làm đẹp, nhưng muốn tỏ ra mình là đứa hiểu biết và khôn ngoan bằng cách nói với cụ mấy lời châm biếm và khiếm nhã nhằm làm tiêu tan niềm hứng thú được chụp hình của bà tôi; bởi vậy tuy buộc phải nhìn chiếc mũ tuyệt đẹp của cụ nhưng ít nhất tôi cũng làm biến mất trên gương mặt cụ cái vẻ hớn hờ lẽ ra phải làm tôi vui mừng. Tình hình đáng tiếc ấy từng xảy ra biết bao nhiêu lần trên đời! Chẳng nào những người chúng ta rất mực yêu thương còn sống, thì chúng ta xem vẻ mặt hớn hờ của họ là biểu hiện thật đáng giận của một thói tật xấu xa, chứ không phải là hình thức đáng trân trọng của một niềm hạnh phúc mình tha thiết mang tới cho họ. Nỗi bức dọc của tôi, chủ yếu là do, trong tuần lễ ấy bà tôi hình như tìm cách lánh mặt tôi và tôi không sao gặp cụ được trong chốc lát, dù ban ngày hay chiều tối. Khi tôi trả về khách sạn vào buổi chiều để được một mình gặp cụ, người ta bảo cụ không có mặt; hoặc cụ ngồi trong phòng với Françoise và hai người có những cuộc chuyện trò riêng mà

tôi không được phép quấy nhiễu, và sau khi cùng Saint-Loup đi dạo chơi suốt buổi tối trở về với hy vọng được gặp và hôn bà tôi, tôi mong chờ cụ gõ vào bức vách mấy tiếng khẽ khàng để bảo tôi vào chúc cụ ngon giấc; nhưng tôi chẳng nghe thấy gì hết; cuối cùng tôi đành lên giường, trong lòng giận hờn bà tôi đã tước mất của mình, với một sự thờ ơ hiếm thấy ở cụ, niềm vui tôi từng xiết bao ao ước; trái tim tôi vẫn phấp phồng như trong những ngày thơ ấu, chờ nghe bức vách lên tiếng, nhưng nó vẫn lặng câm, và tôi ngủ thiếp đi trong nước mắt.

Hôm ấy, cũng như mấy hôm trước, Saint-Loup buộc phải đi Doncières, nơi giờ đây người ta vẫn cần tới anh cho tới hết buổi chiều, trong lúc chờ ngày trở về vĩnh viễn. Tôi lấy làm tiếc anh không có mặt ở Balbec. Trước đó, từ xe ngựa từng bước xuống những thiếu phụ từ xa tôi thấy đẹp mê hồn, người thì bước vào sàn nhảy câu lạc bộ, người thì vào hàng kem. Tôi đang ở vào lứa tuổi thanh xuân, vắng lặng, chưa yêu riêng một ai, cái lứa tuổi người ta ước ao, tìm kiếm, nhìn thấy sắc đẹp ở khắp mọi nơi - như một người yêu ước ao, tìm kiếm người đàn bà mình say đắm... Dù chỉ một nét hiện thực duy nhất - nhận thấy ở một người đàn bà mình nhìn từ xa hay từ phía sau lưng - cho phép chúng ta gọi lên sắc đẹp trước mắt mình, chúng ta cũng vẫn hình dung đã từng quen biết người đó; trái tim ta đập rộn ràng, và chúng ta nửa tin nửa ngờ chính là người đó, miễn là hình bóng người đẹp biến mất: chỉ có bắt kịp nàng, chúng ta mới hiểu ra sự nhầm lẫn của mình. Và lại, mỗi ngày một thêm đau đớn, tôi tìm cách cưỡng điệu những niềm vui đơn giản nhất, chính vì tôi khó có thể vươn tới những niềm vui ấy. Tôi hình dung bắt gặp khắp nơi những người đàn bà đẹp, nhưng không ở đâu tôi dám bước tới gần họ, vì ở bãi biển thì đã quá mệt mỏi, còn ở câu lạc bộ hay trong một hiệu bánh ngọt, thì quá rụt rè. Nhưng giá phải chết sớm, thì tôi ước ao được biết những cô gái nhan sắc nhất đời, thực ra, là những con người như thế nào, dù một người khác chứ không phải mình hoặc thậm chí không một ai hết, được hưởng cái báu vật ấy của đời (quả là tôi không thấy sự tò mò của mình bắt nguồn từ một dục vọng chiếm đoạt).

Giá có Saint-Loup cùng đi, thì tôi dám bước vào sàn nhảy. Nhưng chỉ có một mình, tôi đành đứng trước Đại-Khách sạn, chờ

tới lúc đi gặp bà tôi. Bỗng hầu như từ cuối con đê, tôi thấy tiến bước năm sáu thiếu nữ dáng dấp, cung cách hoàn toàn khác tất cả những người thường gặp ở Balbec, chẳng khác một đàn hải âu từ phương trời xa nào tới không ai biết và trong khi những con tới muồn bay lượn để bắt kịp những con khác, cả đàn khoan thai từng bước dạo chơi trên bãi biển, một buổi dạo chơi mà khách tắm biển hình như không rõ mục đích và chính chim cũng chẳng hay: mục đích ấy, chỉ có thể tinh thần chim muông của chúng mới xác định nổi.

Một cô trong đám thiếu nữ lạ mặt ấy dắt xe đạp, hai cô khác mang theo những cây gậy đánh gôn; trang phục của họ khác hẳn trang phục những thiếu nữ khác ở Balbec; trong số này, quả là có một vài người chơi thể thao, nhưng không vì vậy mà có cách ăn mặc riêng biệt.

Ngày nào cũng vậy, vào giờ này, các bà, các ông đi dạo trên đê, không sao tránh khỏi những tia chớp khủng khiếp phát ra từ chiếc gương cầm tay mà bà vợ ngài Chánh án chiếu vào người họ như thể họ mang trong mình một thứ khuyết tật mà bà ta quyết kiểm tra cho tới tận chân tơ kẽ tóc. Bà ta kiêu hãnh ngồi trước một kiôt âm nhạc, giữa một dãy ghế đáng sợ, nơi một lát nữa, từ diễn viên trở thành người phê bình, chính bản thân họ sẽ tới ngồi để đến lượt mình, phán xét những người đi qua trước mặt.

Vừa đi dọc con đê vừa lắc la lắc lư dừ dội như trên một chiếc cầu tàu, các vị du khách làm như thể không trông thấy những người bước bên cạnh hay đi ngược chiều, để người ta hiểu rằng họ không quan tâm tới ai hết nhưng lại liếc nhìn trộm để khỏi đụng phải họ; tuy vậy, người ta lại vấp phải nhau, mắc míu vào nhau, vì cả hai phía, người qua cũng như kẻ lại, đều bí mật chú ý tới nhau, dưới cái vẻ thờ ơ bề ngoài như nhau; quả là lòng yêu thương - và do vậy nỗi sợ hãi - đối với quần chúng là một trong những động cơ mạnh mẽ nhất của tất cả mọi người, hoặc vì họ tìm cách làm vui lòng hay làm kinh ngạc người khác, hoặc vì muốn tỏ ra họ khinh miệt người ta: chính bản thân cuộc sống khép kín của người ẩn dật thông thường bắt nguồn từ một lòng thương yêu quá độ đối với quần chúng; nó lấn át mọi thứ tình cảm khác; vì khi ra ngoài, nếu thấy không được chị gác cổng, những người khách qua đường và gã xà ích mình vẫy gọi, chiêm ngưỡng, thì người đó muốn không bao giờ ai gặp mặt mình nữa, và vì vậy khước từ mọi hoạt động buộc phải ra khỏi nhà.

Một vài người trong số họ theo đuổi một ý nghĩ, nhưng không thể không bộc lộ ra ngoài bằng những cử chỉ loạn xạ, những ánh mắt liến láo chẳng khác thái độ loạn choạng của những kẻ bên cạnh. Giữa đám người ấy,

những cô gái trước mắt tôi, với những cử chỉ chủ động hoàn toàn, những tấm thân rất mực uyển chuyển, và thật sự bất chấp bàn dân thiên hạ, dứt khoát bước thẳng về phía trước, làm những động tác hoàn toàn theo ý muốn, tay chân không mảy may phụ thuộc vào nhau, cơ thể giữ nguyên vẻ bất động tuyệt vời của những kỹ nữ tài ba nhất.

Họ không còn cách xa tôi. Mỗi cô gái thuộc một loại hình hoàn toàn khác nhau, nhưng tất cả đều nhan sắc; tuy nhiên, nói cho đúng ra, tôi chỉ vừa thoáng thấy họ và không dám đắm đắm nhìn nên chưa phân biệt rõ được người nào. Ngoại trừ một người mà cánh mũi thẳng, nước da nâu làm nổi bật giữa những người khác như một đạo sĩ kiểu Ả-rập trong một bức tranh thời Phục hưng. Tôi chỉ nhận ra các cô gái, người này qua cặp mắt nghiêm nghị, bướng bỉnh và cười cợt; người kia qua đôi má màu hồng đậm gợi nhớ cây phong lữ thảo; và ngay những nét ấy, tôi cũng chưa kịp dứt khoát gán cho người này hay người nọ; và khi thấy nổi lên một gương mặt trái xoan trắng mượt mà, một cặp mắt hạt huyền, tôi cũng không rõ có phải là gương mặt, cặp mắt vừa làm mình say mê lúc nãy không, tôi không thể cho chúng là của cô gái này, chứ không phải của cô gái nọ. Và sự thiếu vắng, trong ảo giác của tôi, những nét khác biệt ấy - mà rồi đây tôi sẽ sớm nhận ra giữa người này với người khác - tạo nên trong nhóm các cô gái ấy như một sự bập bênh nhịp nhàng, sự chuyển động liên tục của một sắc đẹp tập thể và di động.

Có lẽ những cô gái nhan sắc không ai thua kém ai này kết bạn với nhau không phải chỉ vì ngẫu nhiên; cực kỳ nhạy cảm với mọi cái lỗi bịch và cái xấu xí, hình như họ không chịu ảnh hưởng của một sức quyến rũ nào về trí tuệ hay đạo lý (thái độ của họ bộc lộ rõ bản chất táo bạo vừa vui nhộn vừa nghiêm trang); họ tự nhiên thấy có ác cảm và xa lánh tất cả những ai, trong đám bạn bè cùng lứa tuổi, thể hiện khuynh hướng tư tưởng hoặc tình cảm bằng những thái độ rụt rè, bối rối. Ngược lại, họ kết thân với những ai cuốn hút họ vì vẻ duyên dáng, uyển chuyển và thanh lịch về hình hài. Chỉ có như vậy họ mới hình dung được tính chân thật của một tính cách hấp dẫn và viễn cảnh những giờ phút đẹp để sống bên nhau. Cũng có thể tầng lớp xã hội của các cô gái mà tôi khó có thể xác định nổi, đã tiến triển mạnh mẽ và nhờ quá trình làm giàu và thì giờ rỗi rãi, hoặc nhờ những tập quán mới về thể thao phổ cập ngay cả trong một số giới bình dân, cùng một sự tập luyện về thể chất không đi đôi với sự bồi dưỡng về trí tuệ tương tự các trường phái điêu khắc mực thước không chạy theo lối biểu hiện cầu kỳ, một môi trường xã hội đã sản sinh ra một cách tự nhiên và dồi dào những thân hình

đẹp với những cặp đùi đẹp, những cái eo đẹp, những gương mặt lành mạnh và thanh thản, lạnh lợi và nghịch ngợm. Và phải chăng đây là những hình mẫu cao quý và diễm tình của nhan sắc con người mà tôi trông thấy trước biển cả, tựa những bức tượng trưng bày dưới ánh nắng mặt trời trên một bờ biển Hy Lạp?

Bước dọc theo con đê và trông tựa một chuỗi sao chổi lấp lánh, các cô gái hình như cho đám đông xung quanh mình bao gồm những sinh linh thuộc một giống nòi khác, và dù người ta có đau khổ, họ cũng chẳng động lòng; hình như họ không trông thấy người ta và buộc những người dừng lại dạt ra, chẳng khác một cỗ máy khi đã phát động thì cứ thế mà lao tới, bất chấp khách bộ hành. Thanh hoặc có một vị cao tuổi, mà họ không công nhận sự tồn tại và khước từ sự tiếp xúc, bỏ chạy với những động tác sợ hãi hay giận dữ, nhưng lập cập và tội nghiệp, thì các cô gái nhìn nhau và cất tiếng cười. Đối với những gì không thuộc nhóm họ, các cô gái không hề giả vờ tỏ vẻ miệt thị: thái độ khinh bạc thật sự của họ đã quá đủ. Nhưng hề gặp một trở lực là các cô không thể không nghĩ chuyện nghịch ngợm lấy đà hay chụm chân nhảy qua vì tất cả bọn họ đều chất chứa, dồi dào sức thanh xuân cần được tiêu phí, tới mức dù có buồn rầu hay đau yếu, họ vẫn tuân theo đòi hỏi của lứa tuổi hơn là trạng thái tinh thần trong ngày, và không bao giờ bỏ qua một cơ hội chạy nhảy mà không lao vào một cách tự giác, rồi bước chậm lại – giống như Chopin ngừng lời nhạc lâm li nhất – để làm mấy động tác duyên dáng vừa phóng túng vừa tài nghệ.

Bà vợ một ông chủ ngân hàng già, sau lúc lưỡng lự chọn hướng, để chồng ngồi lên một chiếc ghế xếp, ngoảnh mặt ra đê biển. Yên tâm thấy cái kiốt của các nhạc công che nắng che gió cho chồng, bà chạy đi mua báo về đọc cho ông khuây khỏa. Tuy không bao giờ bà để ông ngồi một mình quá năm phút, ông già vẫn thấy thời gian ấy quá dài. Nhưng bà vẫn thường vắng mặt như vậy vì muốn cho ông cảm thấy vẫn có khả năng sống như mọi người và không cần tới một sự che chở nào. Bà vừa hết lòng chăm sóc ông vừa muốn giấu kín không cho ông biết sự chăm sóc ấy.

Khán đài của các nhạc công tạo nên phía trên đầu ông già một chiếc cầu trượt tự nhiên và hấp dẫn: không một giây ngập ngừng, cô gái lớn nhất trong bọn đã lấy đà nhảy qua đầu ông già khiếp đảm; đôi bàn chân dẻo dai của cô gái lướt qua chiếc mũ hải quân của ông làm các cô gái khác hết sức thích thú, nhất là cô gái có cặp mắt xanh trên một gương mặt búp bê, vẻ thán phục và vui vẻ nhưng thoáng một chút bẽn lễn, một thứ bẽn lễn vừa có vẻ then thùng vừa ra chiều kiêu hãnh không thấy có ở những cô gái khác.

“Thật bực mình với cái ông già tội nghiệp ấy; trông chẳng khác người sống dở chết dở ”. – Một cô gái nói lúng túng, giọng có phần hài hước.

Họ bước thêm mấy bước, rồi đứng lại một lát giữa đường; và không buồn biết có cản trở khách bộ hành hay không, họ túm tụm lại thành một nhóm nhỏ khác thường, đông đặc, ríu ra ríu rít tựa một đàn chim tụ tập nhau lại để cùng nhau cất cánh; rồi tiếp tục buổi dạo chơi khoan thai dọc con đê, phía trên mặt biển.

Giờ đây, những nét xinh đẹp của các cô gái không còn mơ hồ và lẫn lộn nữa. (Không biết tên họ mỗi người), tôi phân phối và tập hợp chúng lại xung quanh những cô gái vô danh ấy: cô cao lớn nhảy qua đầu ông cụ chủ ngân hàng; cô bé hơn với đôi má ú màu hồng và cặp mắt xanh nổi lên trên đường chân biển cả; cô thứ ba với làn da nâu, cánh mũi thẳng và nổi lên giữa đám bạn bè; cô sắc mặt trắng như lòng trắng trứng và cánh mũi nhỏ dạng vòng cung tựa mỏ gà con, gương mặt thường thấy ở một số trai gái còn rất trẻ; một cô nữa, cao lớn, khoác tấm áo choàng (nghèo đói và trái ngược với dáng dấp rất mực trang nhã, tới mức tôi nghĩ bố mẹ nàng ắt hẳn phải là những người có địa vị cao sang, coi thường khách tắm biển ở Balbec và phong cách trang phục của con cái, nên chẳng mấy coi trọng việc để cô gái đi dạo chơi trên đê biển trong bộ quần áo mà ngay những con người bình thường trong xã hội cũng có thể cho là quá xoàng xĩnh); lại một cô nữa với cặp mắt long lanh, nghịch ngợm, đôi má phình nhợt nhạt, đội chiếc mũ vận động viên chơi cầu, tay đẩy chiếc xe đạp, lưng uốn éo một cách nhõng nhẽo, miệng thốt ra những tiếng lóng “mất dạy” khi tôi đi ngang qua (nhưng trong đó tôi vẫn nhận ra được câu nói giận dữ phải “sống cuộc sống của mình”).

Thế là bỏ cái giả thuyết mình vừa hình dung qua tấm áo choàng của cô bạn cô ta, tôi kết luận tất cả các tiểu thư này đều thuộc lớp dân cư có mặt trên trường đua xe đạp và chắc hẳn là những người tình rất trẻ của các tay đua. Dẫu sao tôi cũng không hình dung nổi có một cô nào thật sự đoan trang trong tất cả số họ. Thoạt tiên, và qua cung cách họ vừa nhìn nhau vừa cười, qua ánh mắt chăm chăm của cô gái có đôi má nhợt nhạt, tôi không nghĩ đây là những cô gái đức hạnh, vả lại, bà tôi luôn luôn chăm sóc tôi với một sự tính tể hết sức tỉ mỉ nên tôi nghĩ toàn bộ những điều người ta không nên làm là một tổng thể không thể phân chia; và những cô gái thiếu tôn trọng tuổi già không thể bỗng nhiên biết tự kiềm chế mình khi đứng trước những khoái cảm có sức quyến rũ hơn hứng thú nhảy qua đầu một ông cụ tám mươi.

Giờ đây mỗi cô gái mang riêng một vẻ, nhưng trong những ánh mắt thỏa mãn và chan chứa tình bạn họ trao đổi với nhau, chốc chốc sáng lên khi thì

một vẻ quan tâm, lúc thì một sự thờ ơ hỗn xược.

Tùy theo trước mắt họ là những cô bạn hay những người khách qua đường; gắn bó với nhau trong tình bạn, bao giờ họ cũng cùng nhau dạo chơi thành nhóm riêng. Trong lúc khoan thai cất bước, tuy mỗi người một vẻ, nhưng bao trùm lên cả nhóm, luôn luôn phảng phất một mối quan hệ vô hình song nhịp nhàng tựa một hình bóng âm áp, một bầu không khí duy nhất biến họ thành một tổng thể, nhất quán bao nhiêu giữa các bộ phận thì cũng khác biệt bấy nhiêu với dòng người tấp nập xung quanh họ.

Bước cạnh cô gái sắc da màu nâu với cặp má phình phính đang đẩy chiếc xe đạp, tôi thoáng gặp ánh mắt chênchếch và cười cợt của nàng. Chăm chú lắng nghe các cô bạn chuyện trò, liệu cô gái đội chiếc mũ đánh cầu sụp xuống tận trán này có trông thấy tôi vào lúc ánh mắt đen láy của nàng bắt gặp ánh mắt tôi không? Nếu có thấy, thì tôi hiện ra trước mắt nàng ra sao? Nàng nhận ra tôi trong tâm trạng thế nào? Tôi khó có thể nói điều đó, chẳng khác nào khó có thể, từ một vài đặc điểm xuất hiện ở một hành tinh bên cạnh qua kính viễn vọng, kết luận có người ở trên hành tinh ấy hay không, họ có nhìn thấy chúng ta không và cái nhìn ấy có thể gọi lên ở họ những khái niệm gì.

Nếu nghĩ cặp mắt của một cô gái chỉ là những cái vòng tròn mica thì chắc hẳn chúng ta không háo hức muốn biết và gắn chặt cuộc đời của nàng vào cuộc đời mình. Nhưng chúng ta cảm thấy thứ ánh sáng lấp lánh trong cái đĩa tròn biết suy nghĩ kia không phải chỉ là một cấu tạo vật chất đơn thuần: xa lạ đối với chúng ta trong luồng ánh sáng ấy, chính là những ý nghĩ thầm kín của cô gái về con người và cảnh vật quen thuộc - thăm cỏ trên trường đua ngựa, lớp cát trên những nẻo đường nàng tiên nhỏ ấy có thể kéo người ta đi theo qua đồi, qua núi, cả cái bí ẩn của ngôi nhà nàng sẽ trở về, của những dự định nàng sắp đặt hay người ta sắp đặt cho nàng, và nhất là cái bí ẩn về chính con người nàng với những ham muốn, những mối thiện cảm và ác cảm, với ý chí sâu lắng và luôn luôn biến động. Tôi biết không thể chiếm đoạt cô gái đi xe đạp này nếu không chiếm đoạt được những gì ẩn chứa trong đôi mắt nàng. Và bởi vậy, chính toàn bộ cuộc sống của nàng gọi cho tôi ham muốn, một ham muốn nhứt nhối, vì cảm thấy không sao thỏa mãn được, nhưng đăm đuổi, vì những gì cho tới lúc này là cuộc sống của tôi bỗng nhiên không còn là cuộc sống trọn vẹn của mình nữa và chỉ còn là một bộ phận nhỏ bé của không gian trải rộng trước mặt do cuộc sống của các cô gái tạo nên và tôi háo hức muốn chiếm đoạt. Và dĩ nhiên vì giữa họ và tôi không có một tập quán cũng như một

quan niệm chung nào nên tôi càng khó kết thân và mang niềm vui tới cho họ. Nhưng cũng có thể nhờ những sự khác biệt ấy, nhờ nhận thấy trong việc tạo lập bản chất và hành vi của các cô gái này không có một yếu tố nào mình biết hay mình có, nên trong lòng tôi, thay thế cho nỗi chán chường, là niềm khao khát - tựa cơn khát cháy bỏng của một mảnh đất khô cằn - một cuộc sống mà tâm hồn tôi sẽ uống ừng ực, từng ngụm lớn, trong một sự đồng hóa tuyệt vời, nhất là vì cho tới lúc này, nó chưa từng nhận lấy được một giọt cuộc sống ấy.

Tôi đắm đắm nhìn cô gái đi xe đạp có cặp mắt long lanh; hình như nàng nhận thấy và nói với cô gái lớn hơn một điều gì đó tôi không nghe thấy được nhưng khiến cô bạn cất tiếng cười.

Nói đúng ra, cô gái có sắc da màu nâu này không phải là người tôi ưa thích nhất, chính vì da nàng màu nâu, và từ ngày tôi gặp Gilberte trên con đường dốc và hẹp ở Tonsanville, một cô gái tóc hung, da đỏ au đối với tôi vẫn là một niềm ước mơ không sao đạt tới được. Nhưng phải chăng tôi không yêu Gilberte, chủ yếu vì nàng xuất hiện trong vầng hào quang khi nàng đóng vai cô bạn gái của Bergotte và cùng ông ta đi thăm các nhà thờ? Và phải chăng cũng theo cung cách ấy, tôi không thể vui mừng khi thấy cô gái sắc da màu nâu kia nhìn mình (khiến tôi hy vọng trước hết có thể dễ dàng làm quen nàng), vì nàng có thể giới thiệu tôi với cô gái tàn nhẫn đã nhảy qua đầu ông già, với cô gái độc ác đã nói: “Thật bức mình với cái ông già tội nghiệp ấy” và lần lượt với tất cả các cô gái, những người xem cô là người bạn có uy tín không sao có thể thiếu được.

Thế nhưng nếu giả định rằng sẽ có ngày tôi trở thành người bạn của người này hay người nọ trong số các cô gái ấy; rằng sự tồn tại của tôi sẽ lọt vào những cặp mắt xa lạ thỉnh thoảng ngược nhìn tôi kia và bất giác tác động tới tôi như ánh nắng mặt trời bằng một phép luyện đan màu nhiệm tác động tới một bức tường; rằng sẽ có ngày bản thân tôi có thể đứng vào giữa đám các cô gái ấy dọc bãi biển; giả thuyết ấy, tôi cảm thấy bản thân nó chứa đựng một mối mâu thuẫn không sao giải quyết nổi, chẳng khác nào khi đứng trước một bức bích họa thành Athen miêu tả một đám rước, tôi ngỡ mình, một khán giả ngoài đời, có thể đặt chân vào giữa hàng ngũ các vị nữ thần trong bức họa.

Niềm hạnh phúc được làm quen các cô gái không sao trở thành hiện thực được hay sao? Dĩ nhiên không phải lần đầu tiên tôi phải khước từ niềm hạnh phúc như thế này. Tôi chỉ cần hình dung biết bao gương mặt xa lạ mình buộc phải vĩnh viễn chia ly ở ngay Balbec khi cỗ xe ngựa phóng hết

tốc độ trên đường. Và các cô gái trang nhã tựa những trinh nữ Hy Lạp này mang tới cho tôi một chút niềm vui, chính vì họ phảng phất cái dáng dấp vội vội vàng vàng như thể muốn bỏ chạy của những người đàn bà qua đường. Sự xuất hiện thoáng qua của những con người mình không quen biết, những con người buộc mình phải rời bỏ cuộc sống thường ngày trong đó những người đàn bà mình thân quen rồi cuộc thế nào cũng bộc lộ khuyết tật, sự xuất hiện thoáng qua ấy khiến chúng ta phải miệt mài đeo đuổi, phải không ngừng tưởng tượng và tách niềm vui của chúng ta ra khỏi cảnh chưa kịp hội ngộ đã phải chia ly, cũng tức là biến niềm vui ấy thành chính bản thân nó, thành hư vô. Giá được hiển dăng ở nhà một mụ mối lái - mà bạn đọc đã thấy là tôi đâu có khinh thường, và tách khỏi cái yếu tố tạo nên cho họ biết bao sắc thái và vẻ mơ màng, thì ắt

hắn các cô gái sẽ ít có sức quyến rũ tôi hơn. Trong thế phấp phồng, lo âu, trí tưởng tượng tìm cách tạo ra một mục đích này để che giấu mục đích kia; và thay thế nhục cảm bằng ham muốn thâm nhập một cuộc đời, nó không cho phép chúng ta thừa nhận và thưởng thức phong vị đích thực của khoái lạc. Nếu con cá lần đầu tiên chúng ta thấy dộn lên trên bàn ăn không có vẻ xứng đáng với trăm phương nghìn kế phải vận dụng để tóm được nó, thì giữa chúng ta và cá, cần xuất hiện, trong những buổi chiều ngồi câu, cái xoáy nước mà trên bề mặt của nó thấp thoáng vẻ bóng nhẫy của một lớp thịt, cái bất định của một hình thù, trong cảnh nhấp nhô của một làn nước màu xanh da trời trong vắt và chuyển động, trong lúc chúng ta không biết rõ mình sẽ làm gì với những thứ đó.

Các cô gái cũng trải qua sự thay đổi quan hệ xã hội đặc trưng cho cuộc sống những ngày tắm biển. Ở đây, tất cả những ưu thế vốn nâng chúng ta lên trong cuộc sống đời thường, đều trở nên vô hình, và trên thực tế bị xóa bỏ; ngược lại, những kẻ được ta giả định một cách phi lý có những ưu thế như vậy chỉ tiến bước trong một khoảng cách giả tạo. Cuộc sống ở đây khiến những người đàn bà xa lạ, và trong ngày hôm ấy là những cô gái trong cái nhóm này, bỗng trở nên hết sức quan trọng đối với tôi, trong khi tôi không sao tỏ rõ với họ tầm quan trọng của bản thân mình.

Tuy nhiên, nếu buổi dạo chơi của mấy cô gái, đối với bản thân họ, chỉ là một bộ phận nhỏ bé của cuộc “chạy trốn” vô tận của những người đàn bà qua đường - vốn luôn luôn làm tôi xúc động, thì trái lại, cuộc chạy trốn của họ biến thành một sự chuyển động chậm rãi tới mức hầu như là một sự bất động. Và lại, trong một khoảnh khắc hết sức ngắn ngủi, những gương mặt ấy đối với tôi vẫn đẹp đẽ, đã không còn bị cuốn theo một cơn lốc mà đã trở nên điềm tĩnh và rõ nét. Nhưng không phải vì vậy mà tôi không nghĩ - như tôi vẫn thường nghĩ những khi ngồi trong cỗ xe phóng nhanh của bà de Villeparisis - là nếu tôi dừng chân một lát và nhìn kỹ hơn thì một số chi tiết, một lớp da mặt đỏ hoa, một vết trên cánh mũi, một ánh mắt nhàm chán, một nụ cười thiếu duyên dáng, một thân hình xấu xí... chắc hẳn sẽ thay thế trên gương mặt và trong hình hài người thiếu phụ những chi tiết mà trước đó tôi không thể không tưởng tượng ra; vì chỉ cần một đường nét đẹp của cơ thể, một làn da tươi mát thoáng qua là đủ để tôi chân thành đưa thêm vào một bờ vai mê ly, một ánh mắt ngọt ngào luôn luôn hiện diện trong ký ức hay suy tưởng của mình: những cách giải mã nhanh chóng về một con người chỉ thoáng nhìn thấy dễ dẫn chúng ta tới những sự lầm lẫn giống như khi đọc một trang sách quá vội vàng, chúng ta chỉ chú ý tới một âm tiết duy

nhất mà không kịp nhận dạng những âm tiết khác nên dễ thay thế một từ trong sách bằng một từ hoàn toàn khác theo ký ức. Lúc này, đối với tôi, tình hình cũng không thể khác. Tôi đã nhìn kỹ các gương mặt; và mỗi gương mặt ấy, tuy ít khi tôi nhìn chính diện và cũng không phải nhìn nghiêng từ đủ các hướng nhưng dấu sao cũng theo hai ba dáng vẻ khác nhau, nên vẫn có thể hoặc điều chỉnh, hoặc kiểm ưa và “chứng minh” những giả thuyết khác nhau về đường nét và màu sắc thoát đầu trông thấy, và qua những biểu hiện trước sau, giữ lại trong những đường nét và màu sắc ấy một chút gì đó mang tính vật chất mãi mãi không phai mờ. Bởi vậy tôi định ninh dù ở Paris hay Balbec, dù hình dung trong những điều kiện thuận lợi nhất những cô gái trên đường từng khiến tôi ngược mắt, và giả dụ tôi có được tiếp chuyện họ chẳng nữa, thì cũng chưa hề có một ai thoát đến thoát đi trong lúc tôi chưa quen biết họ, có thể để lại cho tôi nhiều nỗi luyến tiếc như những thiếu nữ tôi gặp lần này và làm tôi nghĩ tình thân của họ có thể làm tôi say đắm như hiện nay. Dù ở những người nữ diễn viên, ở những cô thôn nữ hay những tiểu thư trong ký túc xá trường dòng, tôi chưa bao giờ tìm thấy một cái gì đẹp để đến thế, thậm chí một vẻ bí ẩn đến thế, vừa quý giá vô song vừa tưởng chừng không sao với tới được.

Nhưng tôi phải ra về vì phải cùng Robert đi ăn tối ở Rivebelle và vì bà tôi ra lệnh những tối ấy, trước khi đi, tôi phải nằm nghỉ một tiếng; về sau, theo lời thầy thuốc ở Balbec, tôi phải nằm nghỉ như vậy tất cả các buổi tối. Và lại, muốn trở về, tôi không còn phải từ con đê biển bước vào khách sạn qua đại sảnh, tức là qua lối sau nữa. Chính giữa mùa hè, ngày rất dài nên khi mặt trời còn trên cao, như vào lúc dùng tiệc trà buổi chiều, ở Đại-Khách sạn Balbec, người ta đã dọn bữa ăn tối. Bởi thế những cánh cửa sổ lớn có lắp kính vẫn để mở ngang mặt đê. Tôi chỉ việc bước qua một khung gỗ mỏng là bước vào phòng ăn và chẳng bao lâu sau đó dùng thang máy để lên lầu.

Đi qua trước văn phòng, tôi mỉm cười với ông giám đốc, và không một thoáng thù hận, đón nhận một nụ cười đáp lại trên gương mặt ông; giờ đây, đối với tôi, gương mặt ấy trở nên quen thuộc, tuy ý nghĩa đường nét thì tầm thường nhưng có thể nhận ra chẳng khác một trang sách chúng ta vẫn thường đọc: chúng không còn giống tí nào những nét kỳ cục, không sao chịu nổi trên bộ mặt ông ta xuất hiện trước mắt tôi hôm đầu tiên: nhân vật tôi tiếp xúc ngày hôm ấy nay đã đi vào dĩ vãng, và nếu tôi có thể gọi lại thì cũng khác lạ, khó đồng nhất với cái con người vô nghĩa ra vẻ lịch sự lúc bấy giờ.

Không còn rụt rè và cũng không rầu rĩ như tối hôm mới tới, tôi bấm chuông gọi anh chàng trông coi thang máy; không còn im lặng như trước và cũng bước vào thang lên lầu với tôi, như bước vào một cái lồng ngực di động thay đổi vị trí dọc theo một cây cột dựng đứng, hắn nói đi nói lại với tôi:

- Người ta không còn đông như trước đây một tháng. Khách bắt đầu ra về, trời âm u dần.

Hắn nói như vậy, không phải theo đúng sự thật, mà vì đã ký hợp đồng làm việc với một cơ sở khác, hắn muốn tất cả chúng tôi ra về càng sớm càng tốt để khách sạn đóng cửa và hắn có một vài ngày nghỉ trước khi đến chỗ mới. Một lát sau, hắn lại cho tôi biết hắn sẽ có bộ đồng phục đẹp hơn và tiền lương cao hơn. Nhưng tôi chỉ muốn biết bà tôi có mặt ở khách sạn hay không và như đoán được câu hỏi của tôi, hắn bảo:

- Bà ấy vừa ra khỏi phòng ông.

Tôi lầm tưởng là bà tôi. Nhưng hắn nói tiếp:

- Bà ấy, tôi nghĩ là người làm công của gia đình ông.

Vì trong ngôn ngữ trường giả ngày trước - thứ ngôn ngữ lẽ ra phải bị thủ tiêu, một người làm bếp không mang danh hiệu “người làm công”, nên tôi thoáng nghĩ:

“Hắn bé cái nhâm: gia đình mình làm gì có nhà máy, có người làm công”.

Tôi bỗng sực nhớ mấy tiếng “người làm công” là một sự thỏa mãn lòng tự ái đối với các anh chàng hầu bàn, tương tự việc để ria mép, và hiểu ra rằng người đàn bà vừa mới đi ra là Françoise (có lẽ đến chỗ người ta pha chế cà phê hoặc đến chỗ chị hầu phòng của bà khách người Bỉ). Không còn say sưa trò chuyện với anh chàng trông coi thang máy, tôi chỉ băn khoăn tự hỏi các thiếu nữ tôi vừa gặp có ở Balbec không và họ là ai. Khi ham muốn của chúng ta hướng về một số ít người mình lựa chọn, thì tất cả những gì có thể dính dáng tới họ đều trở thành duyên cớ làm ta xúc động và sau đó mơ màng. Đi trên con đê biển, tôi nghe một bà nói:

- Cô bạn của con bé Simonet đấy.

Giọng nói của bà ta lộ rõ thiện cảm giống như kiểu người giảng giải:

“Đấy là người bạn keo sơn của chú bé La Rochefoucauld”.

Và ngay lập tức người ta cảm thấy trên gương mặt anh chàng vừa được biết tin trên, cái vẻ tò mò háo hức muốn nhìn rõ mặt cô gái có cái may mắn là “cô bạn của con bé Simonet”.

Từ ấy, tôi thường tìm cách nhớ lại cái tên gọi Simonet từng vang lên bên tai mình, trên bãi biển như thế nào, cái tên lúc bấy giờ còn mơ hồ về mặt hình thức tôi không sao phân biệt rõ được, cũng như về mặt ý nghĩa vì không

hiếu nó chỉ cô gái này hay có lẽ cô gái nọ; tóm lại, vừa mơ hồ vừa mới lạ tới mức xúc động, cái tên gọi ấy, mà từng con chữ mỗi giây phút một khắc sâu thêm trong lòng ta vì chúng ta không ngừng chú ý tới, đã trở nên cái từ đầu tiên chúng ta bắt gặp (hoặc lúc tỉnh giấc, hoặc sau một cơn ngất), ngay sau khi chúng ta có khái niệm mình đang ở đâu, đồng hồ chỉ mấy giờ, và hầu như cả trước khi ta thốt ra cái từ “tôi”, như thể con người mà cái tên gọi ấy gọi lên, chính là “chúng ta” còn hơn cả bản thân chúng ta nữa.

Tôi không hiểu vì sao ngay từ hôm đầu tiên tôi định ninh Simonet là tên một trong các cô gái mình gặp; tôi luôn luôn tự hỏi mình làm thế nào để có thể biết được gia đình Simonet, và biết được như vậy qua những người mà gia đình này cho là có địa vị cao hơn bản thân họ - điều không khó nếu họ chỉ là những kẻ khờ dại trong đám bình dân – để họ khỏi khinh thường mình. Vì người ta không hoàn toàn biết rõ, không thể cuốn hút trọn vẹn người ghét bỏ mình, chừng nào chưa khắc phục được sự ghét bỏ ấy. Vả lại, mỗi khi hình ảnh những người đàn bà hết sức xa lạ thâm nhập vào ta, trừ phi sự lãng quên hoặc sự cạnh tranh của những hình ảnh khác loại bỏ nó, thì chúng ta chỉ có thể yên ổn chừng nào biến đổi được những người đàn bà xa lạ ấy thành một cái gì đó giống chúng ta, tâm hồn con người có khả năng phản ứng và hoạt động giống như cơ thể không bao giờ chịu để cho một vật lạ thâm nhập mà không tìm cách tiêu hóa và đồng hóa nó.

Cô bé Simonet chắc hẳn là cô tiểu thư đẹp nhất, và phải chăng cũng là người tôi linh cảm có thể trở thành người tình của mình, vì là người duy nhất hai ba lần ngoái đầu lại và như nhận ra ánh mắt đăm đăm của tôi? Tôi hỏi anh chàng trông coi thang máy có biết ở Balbec có gia đình Simonet không. Không muốn công nhận mình không biết điều này hay điều nọ, hẳn đáp hình như đã nghe nói tới cái tên gọi ấy. Lên đến nấc thang trên cùng, tôi bảo hẳn mang cho tôi bản danh sách những người khách mới tới sau cùng.

Tôi bước ra khỏi thang máy, nhưng không đi về phòng riêng mà tiến sâu hơn vào hành lang, vì vào giờ này, tuy sợ gió lùa, anh chàng hầu phòng trên lầu vẫn mở một ô cửa sổ; ô cửa này không ngoảnh ra biển, mà ngoảnh về phía đồi và thung lũng, tuy không bao giờ để người ta trông thấy gì hết vì cửa kính bằng loại gương mờ, thường đóng kín mít. Tôi đứng một lát trước cửa sổ, đủ để chiêm ngưỡng “bức tranh” lần duy nhất hiện lên phía bên kia ngọn đồi sau lưng khách sạn, và trong đó chỉ có một ngôi nhà cách xa một quãng nhưng hiện lên dưới ánh nắng chiều tà như một vật chạm trổ quý giá, chẳng khác một công trình kiến trúc thu nhỏ, một ngôi chùa hay một giáo đường dùng làm thánh tích và người ta chỉ mở cửa trong những ngày hiếm hoi cho tín đồ bái vọng. Nhưng giờ phút chiêm nghiệm cũng đã quá dài, vì anh chàng hầu phòng, một tay cầm chùm chìa khóa, tay kia giơ chào tôi bằng cách sờ lên mũ nhưng không cất mũ khỏi đầu vì gió lạnh buổi tối, tới khép hai cánh cửa sổ lại.

Tôi trở về phòng. Thời tiết càng về gần cuối năm, thì bức tranh tôi nhìn thấy qua cửa sổ càng thay đổi. Thời kỳ đầu, trời rất sáng, và chỉ âm u những hôm thời tiết xấu; qua mặt kính mờ cửa sổ, mặt biển phẳng phồng dọc suốt bờ vịnh khúc khuỷu với một lớp bọt bất động lẫn lẫn tựa đường nét tinh tế dưới ngòi bút sắt hay bút lông của Pisanello⁽³³²⁾.

Ánh sáng nhạt dần, và lúc tôi bước vào phòng, bầu trời màu tím chên vech trên mặt biển trông tựa một bức tranh tôn giáo phía trên bàn thờ thần về phía Tây, ánh nắng chiều tà phản chiếu trong tấm kính những chiếc tủ sách thấp bằng gỗ huê đào chạy dọc tường, giống như bức tranh của một họa sĩ bậc thầy vẽ trên một chiếc hòm đựng thánh tích cho một giáo đoàn và được người ta đem trưng bày bên cạnh nhau, trong một gian phòng bảo tàng, từng bộ phận tách rời mà chỉ có trí tưởng tượng của khách tham quan mới đặt trở lại vào vị trí của chúng ở phía dưới bệ thờ.

Vài tuần lễ sau, khi tôi bước lên phòng thì mặt trời đã lặn. Một mảnh trời màu đỏ, đông đặc tựa tuyết thịt, và chẳng bao lâu, trên mặt biển màu xanh

thậm là những tia sáng màu hồng nhạt, tất cả những cảnh sắc ấy kích thích niềm hứng thú khi tôi thay quần áo để đi ăn tối. Trên mặt biển, sát bờ, những cột hơi nước màu đen bồ hóng nhưng bóng loáng, vẽ chắc nịch như đá mã não, cổ vươn lên trên nhau, thành tầng tầng lớp lớp mỗi lúc một trải rộng ra, và những cột cao nhất nghiêng dần ra khỏi trọng tâm, hình như sắp sửa kéo theo cả hệ thống cột hơi nước đã lên tới lưng chừng bầu trời và ném ra biển cả. Nhìn theo một con tàu biển ra khơi tựa một du khách trong đêm, tôi có cảm giác giống như khi ngồi trên một toa tàu hỏa, cảm giác thoát khỏi nhu cầu giấc ngủ và cảnh khép mình trong một căn buồng, và lại tôi không cảm thấy mình bị giam hãm trong căn buồng mình ở lúc ấy, vì chỉ một tiếng nữa là tôi sẽ rời bỏ nó để lên xe. Tôi ngả lưng trên giường; và với cảm giác nằm trên giường một con tàu biển từ từ chuyển động trong bóng tối tựa những con thiên nga âu sầu và lặng lẽ, tôi thấy bốn bề đều là những hình ảnh về biển cả.

Nhưng thực ra chỉ là những hình ảnh thường ngày tôi không nhớ là phía sau sắc màu của chúng chỉ là cái trống rỗng buồn tẻ của bãi biển, trong luồng gió chiều đáng sợ tôi từng cảm thấy một cách kinh hoàng hôm mới tới Balbec; và lại, dù ở trong phòng, nhưng vì đầu óc chỉ nghĩ tới những cô thiếu nữ bắt gặp trên đường, nên tôi không còn đủ bình tĩnh và vô tư để giữ lại những ấn tượng thực sự sâu sắc về sắc đẹp. Trong tâm trạng chờ đợi bữa ăn tối ở Rivebelle, tôi càng băng khuâng, và chỉ nghĩ tới việc ăn bận sao cho thỏa mãn ánh mắt những cô gái sẽ chăm chú tới mình trong phòng ăn chan hòa ánh sáng, tâm trí tôi không thể tìm hiểu chiều sâu phía sau sắc màu sự vật. và nếu những cánh én êm đêm và không biết mệt mỏi không vọt lên cao như một vòi nước, như một cây pháo-hoa-cuộc-đời, khi thì phóng lên thẳng đứng, lúc lại lượn lờ hàng ngang như thể bất động; nếu không có vẻ đẹp diệu kỳ của hiện tượng tự nhiên và mang màu sắc địa phương gắn liền những quang cảnh trước mắt mình với hiện thực cuộc sống, thì tôi có thể nghĩ những quang cảnh ấy chỉ là những bức tranh mỗi ngày người ta lựa chọn một khác và tùy tiện đặt ở chỗ tôi, tuy chúng không có quan hệ tất yếu với nơi chốn này. Một hôm bày ra trước mắt tôi như cả một cuộc triển lãm tranh Nhật Bản: bên cạnh một mảnh mặt trời đỏ rực và tròn vành vạnh tựa một vàng trắng, phảng phất một dải mây vàng chẳng khác một mặt hồ in bóng những thân cây ven bờ trông như những cây đoản kiếm; một dải cát màu hồng nhạt chạy dài tựa một dòng sông mà trên đôi bờ, những con tàu biển bị cạn như đang chờ người ta tới đẩy xuống nước, và với ánh mắt lơ đãng, chán ngán và phù phiếm của một tay tài tử hay của

một thiếu phụ nhìn một phòng triển lãm giữa hai buổi thăm viếng trong xã hội phù hoa, tôi tự nói với mình:

“Kỳ thật, cảnh mặt trời lặn này quả là khác thường, nhưng dẫu sao mình cũng đã từng chứng kiến những cảnh cũng êm đềm, cũng kỳ lạ như thế này”.

Tôi thích thú hơn vào những buổi tối khi một con tàu biển ở đường chân trời hiện lên cùng một màu sắc với nó như trong một bức tranh của trường phái ấn tượng. Thỉnh thoảng đại dương hầu như dâng tới tận cửa sổ phòng tôi dưới một mảnh trời xanh như màu xanh nước biển nên tôi vẫn tưởng là mặt biển nhưng màu sắc có khác đi chỉ vì ánh sáng điện mà thôi.

Một hôm khác, biển chỉ lấp lánh ở phần dưới cửa sổ, toàn bộ phần còn lại in bóng vô số những dải mây chồng lên nhau theo hàng ngang tới mức những ô cửa kính tưởng như muốn giới thiệu một “công trình nghiên cứu về mây” của một họa sĩ, còn những mặt kính khác nhau của tủ sách, trong lúc phản chiếu những dải mây giống như nhau nhưng ở một bộ phận khác của đường chân trời và mang những màu sắc khác nhau dưới ánh sáng ban ngày, thì như muốn lặp đi lặp lại một nét bút

khắc họa vào những giờ phút khác nhau, nhưng giờ đây, với sự bất động của nghệ thuật, có thể hoàn toàn xuất hiện cùng một lúc trên cùng một tác phẩm được vẽ bằng bút chì phấn màu và lông kính.

Thỉnh thoảng, trên bầu trời và mặt biển cùng một màu tro, điểm thêm một thoáng màu hồng êm dịu và tinh tế, trong lúc một con bướm nhỏ nằm ngủ phía dưới cửa sổ, như thể dùng đôi cánh ghi lại chữ ký của một họa sĩ bậc thầy phía dưới bức tranh một màu hồng- xám hài hòa ấy. Cuối cùng màu hồng cũng biến mất, không còn gì để ngắm nhìn nữa. Tôi đứng dậy một lúc và, trước khi lên giường lại, kéo các tấm riđô lớn xuống. Từ chỗ nằm, tôi nhìn thấy phía trên riđô một vệt sáng tối dần, nhỏ dần, nhưng tôi không buồn và cũng không hối tiếc để cho trôi qua cái giây phút lẽ ra tôi đã ngồi vào bàn ăn vì biết ngày hôm nay không giống những ngày khác, nó giống như những ngày ở địa cực, nơi bóng đêm chỉ buông xuống mấy phút. Tôi biết là từ bóng tối hoàng hôn và bằng một sự biến đổi diệu kỳ, sẽ xuất hiện ánh sáng rực rỡ của phòng ăn ở Rivebelle.

Nghĩ bụng: “Đã tới giờ rồi”, tôi vươn mình trên giường, đứng dậy, và tắm rửa xong, thích thú với những giây phút nhàn rỗi thoát khỏi mọi gánh nặng vật chất này; và trong lúc ở dưới nhà người ta ăn tối, thì tôi chỉ dùng sức lực dồn lại trong buổi cuối ngày rồi rã này để lau khô mình, bận xmoaking, thắt cà vạt, làm tất cả mọi động tác với niềm phấn chấn sẽ gặp lại cô gái mình đã chú ý tới mới đây nhất ở Riveville; nàng hình như đã nhìn mình và có lẽ chỉ rời khỏi bàn ăn trong chốc lát với hy vọng mình sẽ bước theo chân. Tôi vui vẻ tự tạo cho mình những sức cảm dỗ ấy để khoan khoái thả mình hoàn toàn vào một cuộc sống mới, tự do, không lo nghĩ.

Cuối cùng, tôi không thể từ con đê bước vào khách sạn qua nhà ăn nữa: cửa kính giờ đây đã đóng kín mít, vì bên ngoài trời tối om, và đám người nghèo đói hoặc tò mò, vật vờ trong gió lạnh, bám chặt phía ngoài những tấm kính lấp lánh ánh sáng và phẳng lì của tòa nhà khách sạn.

Có tiếng gõ cửa: Aimé thân hành mang những trang danh sách khách trọ cuối cùng tới cho tôi.

Trước khi rút lui, Aimé cố bảo tôi là Dreyfus có tội đến ngàn vạn lần.

- Chúng ta sẽ biết hết, - hãnh bảo tôi, - không phải trong năm nay mà là năm tới: một vị rất đáng tin cậy trong bộ tham mưu cho tôi biết như vậy.

Tôi hỏi hãnh liệu người ta có quyết tâm làm sáng tỏ hết mọi việc ngay cuối năm nay không.

- Vị đó bỏ điều thuốc lá xuống, - Aimé nói tiếp trong lúc bắt chước vị khách lắc đầu và giơ ngón tay trở như thế để nói: không nên đòi hỏi nhiều quá...

“Trong năm nay thì không đâu, Aimé, - ông ta vừa nói vừa sờ vào vai tôi, - không thể thế được đâu. Nhưng tới lễ Phục sinh, thì được!”

Và Aimé vừa vỗ nhẹ vai tôi vừa nói:

- Ông thấy không, tôi diễn tả lại đúng những cử chỉ của vị ấy đấy.

Có thể hãnh hân về thái độ thân mật đối với mình của một nhân vật quan trọng, cũng có thể hãnh muốn tôi tự giác đánh giá cách lập luận của vị khách và hiểu rõ lý do hy vọng vụ án sẽ được đưa ra ánh sáng. Không phải tim tôi không có một thoáng nhói lên khi ngay ở trang đầu bản danh sách những người mới tới khách sạn, tôi trông thấy mấy từ: “Simonet và gia đình”. Tôi vẫn giữ trong mình những giấc mơ từ tuổi ấu thơ: tất cả tình thương yêu trong lòng tôi đều do một con người hết sức khác bản thân mình mang tới. Một lần nữa, tôi lại tạo ra con người ấy bằng cách sử dụng cái tên gọi Simonet và ký ức về sự hài hòa giữa những thân hình trẻ trung tôi trông thấy tung tăng trên bãi biển. Tôi không biết cô gái nào trong đám tiểu thư ấy là tiểu thư Simonet, và có một cô nào mang cái tên ấy không, nhưng tôi biết mình được tiểu thư Simonet đem lòng yêu thương và nhờ Saint-Loup, mình sắp sửa có cách để làm quen nàng. Tiếc thay, ngày nào anh cũng bắt buộc quay lại Doncières vì chỉ với điều kiện ấy, anh mới kéo dài được thời gian nghỉ phép; nhưng muốn anh dám chấp nhận thiếu sót trong nghĩa vụ quân ngũ, tôi trông cậy vào tình bạn của anh ít hơn là vào sự tò mò của nhà nghiên cứu về con người, sự tò mò tôi từng có khi muốn được biết một hình mẫu mới về sắc đẹp nữ giới, dù chỉ mới nghe nói tới cô thủ quỹ xinh đẹp ở một cửa hàng rau quả. Tôi đã sai lầm khi hy vọng có thể kích thích sự tò mò ấy của Saint-Loup bằng cách nói với anh về các “cô gái của tôi”. Vì đã từ lâu, tình yêu của anh đối với cô diễn viên làm tê liệt sự tò mò ấy. Và dù có thoáng cảm thấy thì chắc hẳn anh cũng kiềm chế lại ngay vì một thứ mê tín cho rằng lòng chung thủy của người tình có thể phụ thuộc vào lòng thủy chung của chính bản thân mình. Bởi vậy chúng tôi ra đi ăn tối ở Rivebelle trong lúc anh chưa hứa sẽ tích cực quan tâm tới các “cô gái của tôi”.

Trong thời kỳ đầu, khi chúng tôi tới nơi, mặt trời vừa mới lặn, nhưng trời vẫn còn sáng; trong vườn khách sạn chưa lên đèn, ánh nắng ban ngày nhòa nhạt buông xuống như dưới đáy một chiếc bình, và dọc thành bình, bầu không khí như đông đặc lại tới mức một cây hồng to tướng áp sát vào bức tường bao phủ trong bóng tối như hắt lên những đường vân màu hồng, trông chẳng khác một hình vẽ hoa lá dưới đáy một viên đá mã não có vân.

Ít lâu sau, khi màn đêm buông xuống, chúng tôi mới xuống xe; dù trời xấu, chúng tôi vẫn từ Balbec ra đi và trì hoãn việc thắng ngựa vào xe với hy vọng trời tạnh ráo. Nhưng những hôm ấy, tôi nghe gió thổi mà lòng không buồn bã, tôi biết dù gió thổi, mình vẫn không phải từ bỏ dự định, không phải nằm im ở nhà và khi chúng tôi bước vào phòng ăn lớn của khách sạn giữa tiếng nhạc của những người Digan, vô số ánh đèn sẽ dễ dàng chiến thắng cảnh tối tăm lạnh lẽo. Tôi vui vẻ bước lên cỗ song mã đang chờ Saint-Loup và tôi dưới cơn mưa.

Trước đây, Bergotte định ninh dù tôi muốn thế nào đi nữa thì tôi vẫn là người sinh ra để chủ yếu thưởng thức những niềm vui về trí tuệ. Đối với những gì tôi có thể làm sau này, những lời nói ấy, mấy lâu nay, mang lại cho tôi một niềm hy vọng, nhưng hàng ngày, tôi đâm thất vọng vì nỗi buồn chán mỗi khi tôi ngồi vào

bàn để bắt đầu một công trình phê bình hay một cuốn tiểu thuyết.

“Xét cho cùng, - tôi tự bảo mình, - có lẽ niềm hứng thú viết lách, sáng tác đâu phải là tiêu chí bất di bất dịch của giá trị một trang sách hay; có lẽ nó chỉ là một trạng thái tạm thời thường bổ sung cho cái hay của trang sách, nhưng không phải vì thiếu nó mà có thiên kiến đối với giá trị của tác phẩm. Có thể một số kiệt tác đã được sáng tác trong khi tác giả ngáp lên ngáp xuống kia mà”.

Bà tôi làm tôi yên lòng bằng cách bảo tôi sẽ làm việc tốt và vui vẻ nếu khỏe mạnh, và nghe lời thầy thuốc khuyên tôi đề phòng những tai họa lớn tình trạng sức khỏe của tôi có thể gây ra, tôi đặt mọi hứng thú xuống dưới mục đích quan trọng hơn nhiều là có đủ sức khỏe để bắt tay vào tác phẩm hình như ập ủ từ lâu. Ở Balbec, tôi thực hiện đối với bản thân mình một sự kiểm tra tỉ mỉ và thường xuyên. Không ai có thể làm tôi đặng tới ly cà phê vì nó có thể làm tôi mất ngủ và mệt mỗi ngày hôm sau. Nhưng ngay lập tức khi tới Rivebelle, do một niềm hứng thú mới lạ kích thích và cắt đứt những sợi dây tôi từng kiên nhẫn dệt nên trong bao ngày tháng - những sợi dây đưa người ta tới sự khôn ngoan, cái cơ chế vệ sinh chặt chẽ và thận trọng vốn hoạt động để bảo vệ ngày mai và những mục đích cao cả ấy, tan biến như thể sẽ không bao giờ còn ngày mai, còn mục đích cao cả gì nữa. Trong lúc một anh chàng hầu bàn ngỏ ý muốn cất giữ áo khoác cho tôi, thì Saint-Loup bảo:

- Cậu sẽ không lạnh hả? Có lẽ cứ để nguyên thì hơn, hôm nay trời không nóng lắm đâu.

- Không, không, - tôi đáp, có lẽ vì không cảm thấy lạnh, nhưng chắc hẳn vì không còn biết ốm đau, không còn thấy cần phải sống và làm việc.

Tôi trao áo khoác cho người hầu bàn; chúng tôi bước vào phòng ăn khách sạn giữa một khúc quân hành do những người Digan cất lên; chúng tôi đi giữa những dãy bàn ăn như đi trên một con đường vinh quang rộng mở; Và, cảm thấy trong người phấn chấn vì nhịp điệu của bản hòa tấu, chúng tôi giữ một bộ mặt trang nghiêm và lạnh lùng, với những bước đi ra chiều mệt mỏi, để tỏ ra không muốn bắt chước những anh chàng bánh bao ở quán cà phê có dàn nhạc, sau khi hát xong một ca khúc tục tĩu với vẻ hiêu chiến, chạy ào lên sân khấu với vẻ hùng dũng của một ông tướng chiến thắng. Từ ấy, tôi trở thành một con người khác, không còn là thằng cháu của bà tôi nữa và chỉ nhớ tới cụ khi ra đi phố, mà là người anh trai nhất thời của những chú hầu bàn sắp sửa phục vụ chúng tôi.

Những lúc tinh thần bình tĩnh và sáng suốt, thì đối với tôi, hương vị của bia, của rượu là một niềm hứng thú tuy đáng quý song dễ dàng có thể hy sinh. Nhưng giờ đây, chỉ trong một giờ tôi có thể nốc cạn cả lượng sâm banh, chứ không nói là bia, pha thêm vài giọt pooctô, mà giá như ở Balbec thì trong suốt một tuần lễ, mình không thể uống hết.

Và tôi sẵn sàng cho người chơi violon hai louis dành dụm suốt cả một tháng.

Vài ba anh chàng phục vụ mở hết tốc độ chạy qua chạy lại giữa các dãy bàn với trên lòng bàn tay dang thẳng một chiếc khay: mục đích của kiểu “chạy đua” này là không để cho khay đổ. Và thực tế, những chiếc bánh phồng bằng sôcôla được mang tới nơi mà không hề bị nghiêng ngả; món khoai tây nấu theo kiểu Anh vẫn giữ nguyên vị trí xung quanh con cừu non vùng Pauillac, mặc dù người bưng tới vừa phi như ngựa. Tôi chú ý tới một trong những anh chàng phục vụ ấy, rất cao lớn, mái tóc đen nhánh rất đẹp, mặt đánh một thứ phấn màu khiến người ta liên tưởng tới một vài loài chim quý hiếm hơn là tới con người; anh ta liên tục chạy đi chạy lại từ đầu tới cuối căn phòng, có thể nói là không mục đích và gợi lên hình ảnh những chú chim vẹt màu sắc sặc sỡ, nhảy nhót loạn xạ trong những chiếc lồng chim to tướng ở vườn bách thú.

Chẳng bao lâu, quang cảnh ấy diễn ra, ít nhất cũng đối với con mắt tôi, một cách trang nhã và tĩnh lặng hơn. Toàn bộ hoạt động đến chóng mặt ấy trở nên hài hòa. Tôi nhìn những chiếc bàn tròn choán hết khách sạn tựa những thiên thể vẽ trên những bức tranh tượng trưng ngày trước. Và lại, giữa các thiên thể khác nhau ấy, có một sức hút lẫn nhau không sao cưỡng lại nổi, và ở mỗi bàn, thực khách chỉ nhìn ngó sang những chiếc bàn khác, trừ trường hợp một vị đãi tiệc giàu có mời được một nhà văn nổi tiếng và tìm cách “rút ruột” ông ta những câu chuyện vô nghĩa nhưng làm các bà say mê.

Giữa những dãy-bàn-hành-tinh ấy, những anh chàng phục vụ đông vô kể không ngừng hoạt động. Chắc hẳn họ chạy đi mang thức ăn phụ tới, thay đổi rượu vang hay đưa thêm cốc chén. Nhưng mặc dù lý do này nọ, rốt cuộc, bước chân chạy liên tục của họ giữa các dãy bàn tròn vẫn làm toát ra quy luật của một sự vận động đến chóng mặt nhưng có quy tắc. Ngồi phía sau một khóm cây cảnh, hai cô thủ quỹ trông đến khiếp và không ngừng tính toán, giống như hai mụ phù thủy, bằng những phép tính thiên văn học, chăm chú dự đoán những sự đảo lộn thỉnh thoảng có thể xảy ra trong bầu trời theo quan niệm của nền khoa học thời Trung cổ.

Tôi có phần ái ngại cho tất cả những vị thực khách ấy, vì cảm thấy đối với họ, những chiếc bàn tròn không phải là những thiên thể, và họ không phân chia sự vật để loại bỏ cái vỏ bên ngoài quen thuộc của chúng và cho phép chúng ta tìm ra những sự tương đồng. Họ tính toán ăn tối với ai đây, bữa ăn tốn hết bao nhiêu, ngày hôm sau có tiếp tục trở lại không... Và họ hoàn toàn thờ ơ với hoạt động của những người hầu bàn trẻ tuổi. Một vài anh chàng còn quá trẻ và mê muội đi vì những cái gót giày của những tay chỉ huy, buồn bã nghĩ tới một giấc mơ xa xăm và chỉ được an ủi khi có một vị khách của khách sạn ở Balbec, nơi họ làm công trước đây, nhận ra họ, ngỏ lời với họ và bảo riêng họ mang cất đi chai sâm banh không uống được. Họ lấy thế làm hạnh diện.

Tôi đã uống quá nhiều pooctô, và nếu vẫn uống nữa, thì không phải vì niềm khoái cảm những ly rượu uống thêm mang lại, mà chính vì ảnh hưởng của khoái cảm do những ly rượu trước gây nên. Nếu khách sạn Rivebelle tập hợp lại trong cùng một lúc nhiều phụ nữ mở ra những triển vọng hạnh phúc cho tôi, hơn số cô gái tình cờ tôi gặp trong các buổi dạo chơi hay các cuộc du lịch suốt cả một năm - giống như những ngành công nghiệp hóa học sản xuất ra, với những lượng lớn, những chất chỉ gặp nhau trong thiên nhiên một cách rất ngẫu nhiên và rất hiếm thấy, thì mặt khác, buổi hòa nhạc chúng tôi được nghe - những điệu vals, những tiểu phẩm nhạc kịch Đức, những khúc nhạc nhẹ, tất cả đều mới lạ đối với tôi - mang lại cho tôi một niềm hứng thú nhẹ lâng lâng nhưng thật sự mê say.

Đến khách sạn không phải chỉ hoàn toàn có gái giang hồ, mà cả những người trong xã hội rất mực hào hoa cũng tới dùng tiệc trà vào lúc năm giờ hoặc tổ chức những bữa ăn tối long trọng. Tiệc trà diễn ra trong một hành lang dài, hẹp, có kính, chạy từ tiền sảnh tới phòng ăn, dọc một khu vườn, cửa kính hành lang đó đây để mở. Kết quả là những luồng gió lùa và những đợt cảm nắng đột ngột. Một thứ ánh sáng chói chang, bất định hầu như không cho phép phân biệt các vị phu nhân dùng trà, và trong suốt chiều dài cái hành lang hẹp ấy, ngồi cách nhau hai chiếc bàn một, người họ lấp la lấp lánh mỗi khi làm động tác để uống trà hay để chào hỏi nhau. Người ta có cảm giác như đứng trước một chiếc bể nuôi cá, một cái lừ trong đó người ngư dân nhốt những con cá đánh bắt được, và cá, nửa mình nằm phía ngoài nước và chan hòa ánh sáng, lấp lánh những sắc màu không ngừng thay đổi. Vài giờ sau, trong bữa ăn tối dĩ nhiên được dọn trong phòng ăn, người ta đốt đèn lên, tuy ngoài trời còn sáng, nên phía trong vườn, bên cạnh những chiếc kiốt nhạt nhòa trong ánh hoàng hôn như những bóng ma, người ta

trông thấy trước mặt những hàng cây một màu xanh đục dưới những tia nắng mặt trời cuối cùng: chúng xuất hiện như những loài thảo mộc trong một cái bể cá khổng lồ màu xanh nhạt dưới một thứ ánh sáng siêu nhiên. Người ta đứng dậy khỏi bàn ăn; và nếu trong bữa ăn, các vị tân khách gắn liền với nhau thành một khối chặt chẽ xung quanh chiếc bàn của họ trong lúc để thì giờ nhìn ngắm, nhận dạng và nghe người ta nói cho biết tên những người dự bữa ăn tối bên cạnh, thì lúc này, cái lực hút khiến họ xoay quanh vị chủ bữa tiệc không còn ma lực nữa khi họ đi uống cà phê trong cái hành lang từng dùng làm chỗ uống trà ban chiều. Và tình hình thường xảy ra là một vài vị tân khách của bàn tiệc này, do chịu sức hút quá mạnh của bàn tiệc kia, bỏ bàn mình trong một lát và nói trước khi quay trở lại:

- Tôi phải chạy đi gặp ông X..., ông ta mời tôi tối nay.

Và họ được thay thế bởi những ông hay những bà chạy tới chào bè bạn. Thế là trong khoảnh khắc, người ta có cảm giác đứng trước hai bó hoa riêng biệt đối cho nhau một vài đóa hoa.

Sau đó, hành lang vắng lặng. Thông thường, vì trời vẫn còn hơi

sáng ngay cả sau bữa ăn tối, nên người ta không đốt đèn trong dãy hành lang dài dằng dặc này; và chạy dọc những hàng cây đổ ngọn ra ngoài phía bên kia cửa kính, nó trông giống như một lối đi trong một khu vườn âm u, rậm rạp. Thịnh thoảng một thiếu phụ sau bữa ăn tối dừng lại trong bóng tối. Một hôm, trong khi bước qua hành lang để ra ngoài, tôi gặp bà công chúa de Luxembourg xinh đẹp ngồi giữa một nhóm người lạ. Tôi cất mũ chào nhưng không đứng lại. Bà nhận ra tôi, nghiêng mình và mỉm cười; cùng với cái chào ấy, cất lên một cách dịu dàng mấy lời tuồng như là một tiếng chào dài, không phải để tôi dừng bước, mà chỉ để hoàn chỉnh cái chào, biến nó thành một cái chào bằng lời. Lời chào vẫn không rõ nhưng âm thanh tôi nghe được thì kéo dài hết sức êm ái, du dương giống như tiếng hát của một con họa mi trong lùm cây sum sê.

Nếu thắng hoặc để kết thúc buổi tối với đám bạn bè riêng của anh mà chúng tôi bắt gặp, Saint-Loup quyết định tới một câu lạc bộ ở một bãi biển bên cạnh cùng với họ, và để tôi lại một mình trong xe ngựa, thì tôi bảo anh chàng xà ích phóng hết tốc độ để cảm thấy bớt dài những giờ phút tôi sống một mình không có người giúp đỡ. Khả năng đâm vào một cỗ xe đi ngược chiều trong đêm tối trên những con đường hẹp chỉ đủ chỗ cho một chiếc, mặt đường gồ ghề và nền đường dễ bị sụt lở ở gần phía dốc vách đá chạy ra biển, tất cả vẫn không đủ cho lý trí tôi hình dung và khiếp hãi tai nạn có thể xảy ra. Ấy là vì giúp ta chăm chú tương lai, không phải là niềm phấn chấn hiện tại, mà là những suy nghĩ khôn ngoan trong quá khứ, chẳng khác nào cho phép ta sản sinh ra một tác phẩm, không phải là tham vọng trở nên có danh tiếng, mà chính là thói quen lao động cần mẫn. Và lại, khi tới Rivebelle, quãng xa “đôi nặng” lý luận và việc tự kiểm tra bản thân vốn giúp người ta vượt lên “tật nguyên” để đi theo con đường thẳng, tôi bỗng rơi vào tình trạng làm mỏi cho một sự rối loạn tinh thần. Rượu làm thần kinh tôi hết sức căng thẳng và mang lại cho những giây phút hiện tại một niềm rạo rực, một sự say mê, nhưng tôi không giữ gìn nổi những phút giây ấy, vì sự phấn chấn trong lòng vừa làm tôi ưa thích chúng nghìn lần hơn phần còn lại của đời mình nhưng vừa tách chúng ra khỏi phần còn lại ấy; tôi tự nhốt mình trong hiện tại, và quá khứ không còn phóng ra trước mắt hình bóng của chính bản thân nó, hình bóng mà chúng ta vẫn gọi là tương lai của mỗi người; không còn đặt mục đích cuộc sống trong việc thực hiện những ước mơ của quá khứ nữa, mà là trong diễm phúc của phút giây hiện tại, tôi không nhìn xa hơn phút giây ấy. Bởi vậy, theo một thứ nghịch lý thực ra chỉ là bề ngoài, chính vào lúc cảm thấy một niềm vui đặc biệt, cảm

thấy đời mình có thể hạnh phúc, chính vào lúc đó, thoát khỏi những nỗi lo âu thường ngày, tôi không ngần ngại phó mặc nó cho rủi may, cho tai họa. Tóm lại, tôi chỉ làm cái công việc tập trung lại vào một buổi tối, sự khinh suất thường được “hòa loãng” ra đối với những người khác trong toàn bộ cuộc đời họ, trong đó hàng ngày, họ đương đầu, tuy không cần thiết, với những rủi ro của một chuyến du lịch trên biển, một cuộc dạo chơi bằng ô tô hay máy bay, trong lúc người thân chờ họ ở nhà sẽ biết bao đau khổ nếu họ bị chết, hoặc trong lúc đầu óc mông lung của họ vẫn nghĩ tới cuốn sách mà việc xuất bản nay mai là lý do duy nhất cuộc đời họ.

Cũng giống như vậy, trong những buổi tối ở khách sạn Rivebelle, trong lúc tôi chỉ thấy trước mắt một tương lai mù tịt, nhưng lại ngây ngất vì mùi nước hoa của người thiếu phụ ngồi bên cạnh, vì cử chỉ cung kính của đám hầu bàn và điệu vals trên sàn nhảy, trong lúc bị buộc chặt vào cảm xúc hiện tại, giá lúc đó có kẻ có ý đồ sát hại, thì tôi sẽ chết với cảm xúc ấy trong lòng, sẽ để cho người ta sát hại, không nhúc nhích, không tự vệ, chẳng khác con ong mật bị tê liệt vì khói thuốc không còn thiết tha bảo vệ kết quả của biết bao công sức từng tích tụ từng ngày, bảo vệ niềm hy vọng của cả đàn ong nữa.

Tôi cũng phải nói thêm là sự hờ hững đối với những sự việc hết sức quan trọng trên đời và trái ngược với tâm trạng phấn chấn mãnh liệt của tôi, rồi cuộc đụng tới cả tiểu thư Simonet và các cô bạn nàng. Giờ đây, ý đồ làm quen họ, tôi không còn thiết tha nữa, vì đối với tôi, chỉ có cảm xúc hiện tại là quan trọng; nó có sức mạnh đặc biệt, mỗi sự biến đổi nhỏ nhất, thậm chí nguyên trạng của nó cũng mang lại cho tôi niềm vui. Tất

cả những thứ khác, bố mẹ, công việc, hứng thú, các cô gái ở Balbec, không nặng hơn một chiếc lông hồng⁽³³³⁾ và chỉ tồn tại trong quan hệ với sức mạnh nội tâm ấy: tất cả chỉ còn là hiện tượng bề ngoài và chỉ tồn tại theo “cái ta” cao siêu của bản thân mình. Và lại, một tình yêu chân chính, nếu có chẳng nữa, cũng không thể tồn tại trong một trạng thái như thế. Nhưng cảm thấy rất rõ ràng là những sức ép xa lạ đã làm đổi thay khuôn khổ của cảm xúc như trong một môi trường mới mẻ, chúng ta không thể xem nó như trước nữa. Chúng ta tìm thấy lại mối tình ngày trước, nhưng nó không còn nguyên vẹn và có sức nặng đối với ta như xưa; nó thỏa mãn với cảm xúc mà hiện tại mang lại cho nó, và như thế là đủ đối với ta, vì ta đâu có quan tâm tới những gì không phải là hiện tại. Tiếc thay, cái hệ số làm thay đổi các giá trị như vậy chỉ thay đổi chúng trong giờ phút say sưa này mà thôi. Tôi không quen biết một ai trong số các bà, các cô ở Rivebelle những người đối với tôi đáng ao ước ngàn vạn lần hơn tiểu thư Simonet ngày một vắng bóng vì họ gắn liền với niềm say mê của tôi như những tia sáng gắn liền với tấm gương soi. Một cô gái tóc hung đầu đội mũ rơm có cầm những đóa hoa đồng nội thơ thẩn một mình. Nàng thoáng nhìn tôi, vẻ mơ màng và tôi cảm thấy nàng dễ thương. Rồi đến lượt một cô khác, rồi lại một cô thứ ba; cuối cùng là một cô tóc nâu, sắc da lóng lánh. Saint-Loup quen biết hầu hết các cô gái ấy, còn tôi thì không.

Trước khi gần gũi với ả tình nhân hiện nay, quả là Saint-Loup đã lẫn lộn nhiều trong cuộc sống phóng đảng nên trong số phụ nữ hôm ấy ăn tối ở Rivebelle, mà nhiều người từ bãi tắm tới một cách tình cờ, người này để gặp lại bạn tình cũ, người nọ thì cố tìm cho được một ý trung nhân, không một ai là anh ta không biết vì hoặc anh ta, hoặc một người bạn, ít ra cũng đã một lần chần gối với họ. Anh không chào họ nếu họ đi với một người đàn ông, còn họ thì làm ra vẻ không quen biết anh tuy vẫn nhìn anh nhiều hơn là nhìn mọi người khác. Với thái độ thờ ơ nổi tiếng của anh đối với bất kỳ người đàn bà nào không phải là “nàng diễn viên của mình”, Saint-Loup vẫn có một ma lực kỳ lạ đối với họ. Một người trong số họ thăm thì:

- Anh chàng Saint-Loup đấy. Hình như vẫn yêu cô gái lẳng lơ ngày trước. Mỗi tình lớn mà! Anh chàng đẹp trai biết chừng nào! Mình thấy anh ta mê ly thật! và sang trọng thật! Dẫu sao cũng có những người đàn bà may mắn hết chỗ nói. Anh ấy là con người tuyệt vời về mọi mặt. Tớ biết rõ anh khi tớ ở chung nhà với con bé d'Orléans. Hai người không rời nhau nửa bước. Quả là cô ả đã gặp may. Và tớ băn khoăn không rõ anh ấy tìm thấy được cái gì ở nó. Bàn chân cô ả thì to bè như con tàu biển, lại có ria mép kiểu

Hoa Kỳ và đồ lót thì bán ôi là bán! Tớ nghĩ dù là một cô thợ xoàng cũng phải ngán với những chiếc quần của cô ta. Cậu nhìn cặp mắt anh ta kìa, người ta có thể nhảy vào lửa vì một người đàn ông như thế. Thôi, cậu im đi, anh ấy đã nhận ra tớ. Ô! Anh cười, anh quen biết tớ lắm mà. Người ta tha hồ nói chuyện về tớ với anh.

Tôi bắt gặp một ánh mắt đồng cảm giữa các cô gái và Saint-Loup. Tôi muốn được anh giới thiệu với họ và mong họ ban cho một lời hò hẹn dù khó có thể chấp nhận đi nữa. Vì nếu không như vậy thì trong ký ức tôi, sẽ vĩnh viễn mất đi một phần chính bản thân gương mặt họ như thể nó bị che khuất sau một tấm voan; ở mỗi người đàn bà, nó mang một vẻ khác nhau và chỉ xuất hiện trong ánh mắt dành cho chúng ta, đồng tình và hứa hẹn. Tuy nhiên, dù có bị thu hẹp tới mức ấy đi nữa, gương mặt của họ đối với tôi vẫn hơn nhiều gương mặt phẳng lì, tẻ nhạt của những thiếu phụ khác dù tôi có thể biết là đức hạnh đi nữa. Dĩ nhiên nó không xuất hiện trước mắt tôi như trước mặt Saint-Loup: dưới cái vẻ thờ ơ bề ngoài của những nét bất động vờ vĩnh

không quen biết anh, hoặc cái vô vị của một lời chào có thể dành cho bất kỳ ai, anh vẫn nhớ lại, vẫn nhìn thấy giữa những mớ tóc xoã tung, một khuôn miệng đắm đuối và cặp mắt lim dim, cả một bức tranh im lìm như thể được nhà họa sĩ phủ lên một lớp sơn trịnh khiết để đánh lừa số đông quan khách. Còn đối với tôi thì trái lại, những gương mặt ấy vẫn kín như bưng: tôi cảm thấy mình không may mắn thâm nhập vào một ai trong số thiếu phụ ấy, không hề được cuốn theo họ trên những nẻo đường xa lạ trong suốt cuộc đời họ. Nhưng chỉ cần biết đó là những gương mặt cởi mở cũng đủ cho tôi biết chúng có một giá trị mà ắt hẳn tôi không thể tìm thấy nếu chúng chỉ là những tấm huy chương đẹp, chứ không phải những bức chân dung ẩn giấu những kỷ niệm tình yêu.

Robert không thể ngồi yên một chỗ. Anh che giấu dưới nụ cười của con người thanh tao cái háo hức hành động của con nhà võ. Nhìn kỹ anh, tôi nhận thấy một khuôn mặt chữ điền cương nghị, chắc hẳn giống khuôn mặt của tổ tiên, một khuôn mặt sinh ra cho một người xạ thủ sôi nổi hơn là một nhà trí thức tinh tế. Dưới vẻ bề ngoài thanh tú là một thân hình lực sĩ. Và trong thân hình lực sĩ ấy lại ẩn giấu một trí tuệ uyên thâm, khiến dễ liên tưởng tới một ngọn tháp trên pháo đài nhưng lại bộn bề sách vở⁽³³⁴⁾.

Trên đường trở về Balbec, tôi bất giác nhắc đi nhắc lại, như một điệp khúc: “Tuyệt vời! Tuyệt vời!” về những người đàn bà lạ mặt vừa được anh giới thiệu. Dĩ nhiên tôi thốt ra mấy từ ấy vì một sự kích động về thân kinh hơn là vì một sự phán đoán kỹ càng. Nhưng không phải vì vậy mà tôi không mua tặng người đàn bà xa lạ ấy một chiếc nhẫn nếu tôi có trong túi một nghìn franc, và một hiệu kim hoàn còn mở cửa. Khi những giờ phút trong cuộc đời diễn ra trên những bình diện quá khác nhau như vậy, thì người ta dễ hy sinh cho người này người nọ, những người mà ngay ngày hôm sau, anh thấy chẳng có ý nghĩa gì đối với mình hết. Nhưng người ta cảm thấy có trách nhiệm đối với những điều nói với họ ngày hôm trước và muốn giữ đúng lời hứa.

Những tối ấy, tôi về muộn. Trong căn phòng khách sạn giờ đây không đáng ghét nữa, tôi vui vẻ tìm đến chiếc giường mà hôm mới tới, tôi những tưởng không bao giờ có thể nghỉ ngơi trên đó được. Tay chân rã rời, tôi tìm kiếm một chỗ dựa. Lần lượt các bộ phận cơ thể tôi, đùi, hông, vai... tìm cách bám chặt cả bốn góc tấm đra bọc nệm, như thể vì mệt mỏi, chúng muốn tạo ra tựa một nhà điêu khắc, một cái khuôn tròn vẹn cho một cơ thể con người. Nhưng tôi không sao ngủ được vì cảm thấy trời sắp sáng; tôi không còn đủ bình tĩnh và sức lực. Trong tuyệt vọng, tôi có cảm giác không còn bao giờ

tìm thấy lại chúng nữa, trừ phi sau một giấc ngủ dài. Thế nhưng chắc hẳn chỉ cần mơ mơ màng màng là thế nào hai giờ sau, một khúc hòa tấu cũng sẽ đánh thức tôi dậy.

Bỗng nhiên tôi ngủ thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề, và lần lượt hiện lên những kỷ niệm về tuổi thanh xuân, về cả những hiện tượng thoát xác, sự luân hồi của linh hồn, việc gọi hồn người đã khuất, những ảo ảnh vì cuồng loạn, việc quay trở về những giới sơ đẳng nhất của tự nhiên. (Vì người ta bảo chúng ta thường thấy các con vật trong khi nằm mơ, nhưng lại quên mất rằng hầu như bao giờ trong mơ, bản thân chúng ta cũng là một con vật không có cái lý trí vốn chiếu rọi lên sự vật một ánh sáng chân lý, trái lại, trong mơ, đối với quang cảnh cuộc sống, chúng ta chỉ có một cái nhìn bấp bênh, luôn luôn bị sự lãng quên làm tiêu tan, vì hiện thực trước tan biến mỗi khi hiện thực sau xuất hiện, giống như một hình ảnh trước bị hình ảnh sau thay thế khi người ta thay bóng trong đèn chiếu). Tất cả những điều bí ẩn ấy, chúng ta ngỡ mình không biết, nhưng thực ra đã làm quen hầu như trong mọi giấc mơ cũng như chúng ta làm quen với cái màn bí ẩn lớn lao về sự hủy diệt và sự hồi sinh. Hồi tưởng lại những hình ảnh mờ ảo của quá khứ một cách rời rạc, trong cái đêm khó ngủ sau bữa ăn tối ở Rivebelle, tôi ước ao được gặp Legrandin mà tôi vừa tiếp chuyện trong giấc mơ và cho đó là niềm hạnh phúc lớn nhất đời mình.

Và chính bản thân cuộc đời tôi bị che khuất phía sau một bối cảnh mới, tựa bối cảnh trên sân khấu nhà hát, phía trước thì các diễn viên tiếp tục ra mắt khán giả nhưng ở hậu trường, người ta thay đổi cảnh tuồng. Trong mơ, tôi chỉ là một đứa say mê những câu chuyện cổ tích phương Đông, không hề biết gì về quá khứ cũng như về chính bản thân mình, vì bị một bối cảnh trước mặt ngăn cách; tôi chỉ là một nhân vật chịu một trận đòn và những hình thức trừng phạt khác nhau vì một tội lỗi mình không nhận ra nhưng chính là tội đã uống quá nhiều poocô. Bỗng nhiên tỉnh giấc, tôi nhận ra qua một giấc ngủ dài, mình đã không nghe buổi hòa tấu. Trời đã về chiều; tôi xem đồng hồ, sau khi cố gắng gượng dậy, một sự cố gắng lúc đầu không có kết quả và bị gián đoạn vì tôi ngã vật xuống gối, theo kiểu người ta ngã vật khi vừa ngủ dậy hay sau những cơn say; và lại, ngay trước khi nhìn đồng hồ, tôi cũng đã định ninh là quá trưa rồi.

Tối hôm trước, tôi chỉ là một con người “không trọng lượng”, và (vì phải nằm mới có thể ngồi dậy và phải ngủ mới có thể im lặng), tôi không thể ngừng động dậy, ngừng nói, tôi không còn trọng lực, trọng tâm nữa; như một vật thể bị phóng ra khỏi quỹ đạo tôi có thể cảm thấy có thể tiếp tục

cuộc chạy buồn bã của mình lên tới tận mặt trăng. Và lại, nếu trong lúc ngủ, mắt tôi không trông thấy giờ, thì trái lại, cơ thể tôi biết tính toán: nó tính thời gian, không phải trên mặt đồng hồ, mà bằng cách từng bước cân tất cả sức lực được hồi phục từng nấc một, giống như một chiếc đồng hồ mạnh, nó cho toàn bộ sức lực ấy, toàn bộ nguồn dự trữ dồi dào trong tôi chạy từ bộ não xuống cơ thể, tận tới phía trên đầu gối.

Nếu quả biến cả trước kia là môi trường sống trong đó chúng ta phải trung lại dòng máu để phục hồi sức lực, thì tình hình cũng như vậy đối với quyền lãng, đối với côi hư vô về tinh thần; lúc đó, người ta như xa vắng thời gian trong vài bốn giờ; nhưng sức lực tích tụ lại trong những giờ phút ấy tính toán thời gian bằng lượng của chúng, chính xác chẳng kém quả lắc đồng hồ. Và lại, người ta không ra khỏi một giấc ngủ như vậy dễ dàng hơn ra khỏi một đêm thao thức, vì trong giấc ngủ, mọi sự vật đều có khuynh hướng kéo dài và, nếu quả một vài loại thuốc ngủ đem lại giấc ngủ, thì giấc ngủ kéo dài là một liều thuốc ngủ còn mạnh hơn, khiến người ta tỉnh giấc một cách khó khăn. Tựa một thủy thủ trông thấy rõ bến bờ con tàu thả neo nhưng tàu bị sóng biển lay động, tôi rất muốn xem giờ và đứng dậy, nhưng cơ thể luôn luôn bị “ném” vào giấc ngủ; cuộc “đổ bộ” thật vất vả, và trước khi đứng dậy để lấy đồng hồ và đối chiếu giờ của nó với “giờ” mà sức lực còn lại trong hai đầu gối đã rời muốn chỉ ra, tôi lại ngã vật xuống gối hai ba lần nữa.

Cuối cùng nhìn thấy rõ: “Hai giờ chiều!”, tôi bấm chuông nhưng ngay lập tức, lại rơi vào một giấc ngủ lần này chắc hẳn dài hơn vô tận nếu căn cứ vào tinh thần thoải mái và cái ảo giác về một đêm dài mênh mông tôi cảm thấy lúc tỉnh giấc. Thế nhưng, vì tôi thức giấc là do Françoise bước vào theo tiếng chuông của mình, nên giấc ngủ lần thứ hai này - mà tôi ngỡ là dài hơn giấc ngủ trước và mang lại cho tôi biết bao hạnh phúc và lãng quên - chỉ kéo dài nửa phút.

Bà tôi mở cửa bước vào, tôi đặt ra với cụ hàng nghìn câu hỏi về gia đình Legrandin.

Nói rằng tôi lấy lại được bình tĩnh và sức khỏe là không đủ, vì không phải quãng đường tối hôm trước ngăn cách chúng với tôi, tôi đã trải qua cả một đêm chống chọi lại một cơn sóng ngược dòng, và lại, không phải tôi chỉ cảm thấy gần gũi chúng: chúng đã thâm nhập vào trong tôi. Chúng thâm nhập vào những điểm cụ thể và có phần còn nhức nhối trong cái đầu trống rỗng và có thể có ngày tan vỡ của tôi, để cho tư tưởng vĩnh viễn thoát ra ngoài; giờ đây, một lần nữa, những tư tưởng này lấy lại vị trí của chúng, và

tìm thấy lại cuộc sống mà than ôi! cho tới nay, chúng không hề biết lợi dụng.

Một lần nữa, tôi thoát khỏi tình trạng mất ngủ, thoát khỏi cơn đại hồng thủy, nạn chết đuối của những cơn kịch phát và thần kinh. Tất cả những gì uy hiếp tôi tối hôm trước, khi tôi không được nghỉ ngơi, giờ đây, tôi không còn sợ hãi. Một cuộc sống mới mở ra trước mắt tôi; không làm lấy một động tác nhỏ nào - vì vẫn còn mệt mỏi tuy thấy khoan khoái, tôi hoan hỉ thường thức sự

một mỗi ấy; nó từng tách tiêng ra từng cái một và bẻ gãy những chiếc xương ở hai cẳng chân, hai cẳng tay tôi, nhưng giờ đây tôi cảm thấy chúng được sắp xếp lại trước mắt mình, sẵn sàng nối liền lại với nhau và tôi chỉ cần cất lên tiếng hát là sẽ hồi phục chúng chẳng khác nào anh chàng kiến trúc sư trong truyện cổ.

Bỗng nhiên tôi nhớ lại cô gái có mái tóc nâu thoảng nhìn mình ở Rivebelle. Trong suốt buổi tối, tôi cảm thấy nhiều cô gái khác cũng dễ thương, nhưng giờ đây chỉ một mình nàng xuất hiện từ chiều sâu ký ức mình. Tôi có cảm giác nàng chú ý tới mình, tôi mong chờ một cậu bồi bàn ở Rivebelle tới nhả một lời của nàng. Saint-Loup không quen biết nàng và nghĩ nàng là một -cô gái tử tế. Sẽ khó có thể gặp nàng, nhất là luôn luôn gặp nàng. Nhưng tôi hoàn toàn sẵn sàng để gặp nàng, tôi chỉ còn có nghĩ tới nàng. Triết học thương nói tới hành vi tự do và hành vi tất yếu. Phải chăng một khi tư tưởng yên tĩnh thì không có một hành vi nào tác động tới chúng ta trọn vẹn hơn hành vi làm nổi bật một kỷ niệm cho tới lúc bấy giờ bị san bằng với những kỷ niệm khác sức mạnh áp chế của sự lãng quên; và hơn những hành vi khác, nó chứa đựng một sức quyến rũ mà chỉ hai mươi bốn giờ sau, chúng ta mới nhận ra? Và phải chăng cũng không có hành vi nào tự do hơn nó, vì nó không mang theo cái thói quen kỳ cục là chỉ cho xuất hiện, trong tình yêu, hình ảnh độc tôn của một con người nhất định?

Hôm ấy chính là hôm sau ngày tôi thấy các cô gái dạo chơi trên bãi biển. Tôi hỏi nhiều vị khách hầu như năm nào cũng tới khách sạn Balbec về những người đẹp ấy. Họ không cung cấp được một nguồn tin nào. Về sau, một tấm ảnh cho tôi biết vì sao như vậy. Giờ đây, ai có thể nhận ra được ở những cô gái vừa bước qua lứa tuổi làm người ta thay da đổi thịt này, gương mặt mấy cô bé còn trẻ thơ, chưa thành hình thành nét trong ảnh mà chỉ mới trước đây vài năm, người ta còn thấy ngời quây tròn trên bãi cát, quanh một chiếc lều vải? Đám các cô bé ấy khác nào một chùm sao mỏng lung màu trắng trong đó chỉ phân biệt nổi một cặp mắt long lanh hơn những cặp mắt khác, một gương mặt nghịch ngợm, một mái tóc màu hung, nhưng chỉ một thoảng sau là chúng hòa tan vào giữa đám tinh vân như một dải ngân hà.

Dĩ nhiên, trong những năm chưa xa xôi gì cho lắm ấy, không phải chỉ có cái ảo giác về nhóm các cô gái, mà chính bản thân nhóm này cũng không rõ hình rõ nét trước mắt tôi. Lúc đó, những cô gái còn quá trẻ ấy đang ở độ thành đường thành nét và trên mỗi gương mặt chưa có dấu ấn một nhân cách riêng biệt. Giống như những bộ phận cơ thể nguyên thủy trong đó cái

cá thể không tồn tại tự thân và do cả cái quần thể san hô chứ không phải do từng con san hô một tạo thành, các cô gái trong ảnh áp sát vào nhau. Thỉnh thoảng một cô cúi ngả cô bên cạnh, thế là những tiếng cười ngặt nghèo – tưởng chừng là biểu hiện duy nhất của đời sống riêng tư của họ - làm rung động tất cả cùng một lúc, xóa nhòa làm một những gương mặt mơ hồ và méo mó trong cảnh nhạt nhòa của một khối người duy nhất, lấp lánh và run rẩy.

Trong một tấm ảnh cũ sau này họ cho tôi và tôi vẫn còn giữ, nhóm các cô bé trước kia có đủ mặt như các thiếu nữ hôm nay; người ta cảm thấy lúc đó họ đã tạo nên trên bãi tắm một cái chấm khác thường buộc người ta phải ngắm nhìn, nhưng chỉ có thể nhận biết riêng từng người bằng lập luận, mặc cho mọi sự biến đổi có thể xảy ra trong tuổi thanh xuân cho tới khi những đường nét mới được hình thành, tạo nên một con người khác; và biết đâu gương mặt xinh đẹp của người con gái hôm nay lại không phải đã từng có những nét cau có, nhăn nhúm trong tấm ảnh cũ kỹ?

Biến đổi trong một thời gian ngắn, những nét ngoại hình của các cô gái chỉ là những dấu hiệu khá mơ hồ khó phân biệt; mặt khác, cái chung và cái đáng đập tập thể của họ từ ấy rất đậm nét, nên thỉnh thoảng những người bạn gái thân thiết nhất của họ vẫn nhầm người này với người kia trong ảnh, và cuối cùng sự hồ nghi chỉ có thể hoàn toàn đánh tan nhờ một chi tiết trang phục nhất định khi chỉ duy nhất có một người trong số họ sử dụng mà thôi.

Từ những ngày khác xa ngày tôi vừa trông thấy họ trên đê biển – khác xa nhưng rất gần gũi – các cô gái vẫn thả sức cười cợt như tôi nhận thấy ngày hôm qua; những tiếng cười giờ đây không còn là tiếng cười đứt quãng và hầu như máy móc của tuổi thơ làm những mãi đầu bất cứ lúc nào cũng gục xuống, giống như những con cá bạch dương trong dòng sông Vivonne phân tán ra và biến mất để một lát sau lại tụ tập bên nhau; ngày nay, gương mặt họ là những gương mặt tự chủ, cặp mắt họ nhằm vào mục đích chúng theo đuổi: còn ngày hôm qua, với cảm giác bấp bênh buổi đầu của bản thân mình với tiếng cười cất lên đồng loạt của các cô gái và với tấm ảnh cũ, tôi vẫn lẩn lộn giữa người này với người khác như kiểu người ta lẩn lộn giữa những bộ phận của loài thạch san hô tuy đã tách riêng ra khỏi nhau và cá biệt hóa.

Dĩ nhiên, rất nhiều lần, mỗi khi các cô thiếu nữ xinh đẹp ấy đi qua, tôi tâm niệm niệm sẽ gặp lại họ. Thông thường, họ không trở lại. Và lại, khi dễ quên nhanh sự có mặt của các cô gái thì ký ức khó có thể tái hiện đường nét

của họ; mắt ta có thể không nhận ra họ, và đã thấy xuất hiện những cô gái khác mà chúng ta cũng sẽ không gặp lại nữa. Thế nhưng, những lần khác, sự ngẫu nhiên lại run rủi đưa họ trở lại trước mắt chúng ta - và tình hình là như vậy đối với nhóm các cô gái ngỗ ngược kia. Chúng ta nghĩ đó là một sự ngẫu nhiên tốt lành, vì là một bước đầu tổ chức và nỗ lực để tạo lập cuộc sống, và người ta dễ dàng trung thành với những hình ảnh về sau tưởng đâu mình chiếm đoạt được là do tiền định, và nếu không có sự ngẫu nhiên ấy thì ngay buổi đầu, mình đã có thể quên chúng đi một cách dễ dàng như bao hình ảnh khác.

Chẳng bao lâu sau, những ngày nghỉ của Saint-Loup chấm dứt. Tôi không gặp lại các cô gái trên bãi tắm. Buổi chiều, anh chỉ ở lại Balbec một lát nên không thể quan tâm tới họ và vì tôi mà cố làm quen với họ. Buổi tối, anh rảnh hơn và thường tiếp tục dẫn tôi tới Rivebelle. Trong các khách sạn ở đây, cũng như trong công viên và trên xe lửa, có những người trông bề ngoài thì bình thường nhưng tên tuổi làm chúng ta kinh ngạc nếu sau khi tình cờ hỏi han, chúng ta được biết họ không phải là người khách vô thưởng vô phạt bất kỳ nào như ta giả định, mà chính đích thị là vị bộ trưởng hoặc ngài công tước chúng ta vẫn thường nghe nói tới.

Trước đây, đã hai ba lần, ở Rivebelle, Saint-Loup và tôi thấy một người đàn ông cao lớn, lực lưỡng, nét mặt cân đối, bộ râu cằm ngả muối tiêu, ánh mắt mơ màng chăm chăm nhìn khoảng hư vô, tới ngồi vào bàn ăn khi mọi người bắt đầu ra về. Một buổi tối, chúng tôi hỏi chủ quán người khách ăn tối lặng lẽ, cô đơn và thường tới muộn ấy là ai.

- Sao, các ông không biết nhà danh họa Elstir ư? - Ông ta đáp.

Cái tên ấy, Swann có một lần nhắc tới trước mặt tôi, tôi hoàn toàn không nhớ vào dịp nào; nhưng việc lãng quên một kỷ niệm, cũng như lãng quên một thành phần câu trong một buổi đọc sách, đôi khi không làm người ta nghi ngờ mà trái lại, khẳng định một niềm tin.

- Đây là một ông bạn của Swann, và là một nghệ sĩ tài hoa nổi tiếng. - Tôi bảo Saint-Loup.

Ngay lập tức cả hai chúng tôi thoáng nghĩ Elstir là một nghệ sĩ lớn, một người lừng danh; và xem chúng tôi cũng như những người khách ăn tối khác, chắc hẳn ông ta đâu có biết niềm phấn chấn của chúng tôi khi nghĩ tới tài nghệ của ông. Dĩ nhiên, giả dụ ông không hay biết tấm lòng ngưỡng mộ của chúng tôi, không hay biết chúng tôi là chỗ quen biết Swann, thì dù không có mặt trên bãi tắm, chúng tôi cũng không buồn phiền. Nhưng đã ở vào một lứa tuổi mà niềm phấn chấn trong lòng không thể không bộc lộ ra

ngoài, và đã bước vào một cuộc sống không sao chịu nổi cảnh mai danh ẩn tích, chúng tôi viết một lá thư ký tên cả hai đứa, thổ lộ với Elstir là hai kẻ ngồi ăn tối chỉ cách ông vài bước chân, chính là hai gã tài tử say mê tài nghệ của ông, và là hai người bạn của người bạn lớn Swann của ông, hai kẻ đó muốn tỏ lòng bái vọng ông. Chúng tôi nhờ một anh chàng hầu bàn mang thư tới cho con người trứ danh.

Có lẽ vào thời kỳ này, Elstir chưa trứ danh hoàn toàn như lời ông chủ khách sạn, mà chắc hẳn phải mấy năm sau nữa. Nhưng ông là một trong những người đầu tiên tới khách sạn này lúc nó chỉ mới là một thứ trang trại và đã đưa tới đây cả một nhóm đông nghệ sĩ (vả lại, tất cả bọn họ đã bỏ đi chỗ khác từ khi cái trang trại người ta ngồi ăn ngoài trời này trở thành một trung tâm sang trọng; bản thân Elstir lúc này cũng chỉ quay lại Rivebelle vì vắng mặt bà vợ cùng ở với ông cách đây không xa). Dầu sao, một tài năng lớn, dù chưa được thừa nhận chẳng nữa, cũng tất yếu khơi dậy một vài tấm lòng thán phục, như những tấm lòng mà chính bản thân chủ nhân trang trại này đã nhận ra trong những câu hỏi của nhiều phụ nữ Anh tới đây và háo hức muốn biết về cuộc đời Elstir, hoặc trong số thư từ Elstir nhận được từ nước ngoài gửi tới. Thế là ông chủ trang trại lại càng chú ý là Elstir không muốn bị quấy rầy trong lúc đang làm việc, là nhà họa sĩ thức dậy trong đêm khuya và cùng người mẫu ra bờ biển nếu có ánh trăng để vẽ một bức tranh khỏa thân.

Và ông ta nghĩ bụng bấy nhiêu nỗi vất vả không phải uổng công vô ích, và lòng khâm phục của các du khách cũng không phải không có căn cứ, khi ông ta nhận ra trong một bức tranh của Elstir một cây thánh giá bằng gỗ chôn ở cửa ô Rivebelle.

“Đúng nó rồi, - ông ta nhắc đi nhắc lại, về mãi nguyện. – Có đủ cả bốn tấm! A! Quả là ông ấy cố công!”

Và ông ta không biết một bức tranh nhỏ vẽ “cảnh mặt trời mọc trên biển” Elstir tặng, có đáng giá cả một gia tài không.

Chúng tôi thấy Elstir đọc thư, bỏ vào túi, tiếp tục ăn, bắt đầu hỏi han công việc, đứng dậy ra đi, và chúng tôi đành nhìn bức thư đã làm ông phật ý, nên lúc này, chúng tôi thiết tha mong (chẳng khác nào vừa lúc này chúng tôi hết sức lo lắng) ông ra đi mà không chú ý gì tới mình. Không một phút giây nào chúng tôi nghĩ tới điều mà lẽ ra mình phải coi là quan trọng hơn hết, ấy là mối nhiệt tình đối với Elstir – mà chúng tôi không cho phép bất kỳ ai nghi ngờ tính chân thật của nó và quả là chúng tôi có thể chứng minh bằng sự hồi hộp đến đứt thở vì đợi chờ, bằng ước mong làm bất cứ việc gì khó khăn hay dũng cảm vì con người vĩ đại này – mối nhiệt tình ấy không phải là sự thán phục như chúng tôi từng hình dung vì chưa hề trông thấy bức tranh nào của Elstir; tình cảm của chúng tôi có thể nhằm vào cái khái niệm phù phiếm về “một nghệ sĩ lớn”, chứ không phải vào một tác phẩm mình không biết. Cùng lắm cũng chỉ là một sự thán phục hão huyền, một cái khung tinh thần, một bộ sườn tình cảm cho một sự ngợi khen không có nội dung, nghĩa là một cái gì đó khăng khít gắn bó với tuổi nhỏ như một vài bộ phận không còn tồn tại trong cơ thể người lớn; chúng tôi vẫn còn là những đứa trẻ.

Nhưng Elstir sắp sửa ra tới cửa thì đột nhiên quay người lại và bước về phía chúng tôi. Tôi bỗng cảm thấy một nỗi kinh hoàng thú vị mà chỉ vài ba năm sau tôi không sao cảm nhận được nữa, vì đồng thời tuổi tác làm giảm bớt năng lực, thì đồng thời thói quen giao tiếp xã hội cũng làm người ta không còn nghĩ tới chuyện tạo nên những cơ hội kỳ lạ, và nếm trải loại cảm xúc như vậy.

Elstir nói với chúng tôi một đôi lời trong lúc tới ngồi vào bàn, nhưng những lần tôi hỏi chuyện về Swann, ông tuyệt nhiên không trả lời. Tôi bắt đầu nghĩ ông không quen biết ông ta. Tuy vậy ông vẫn mời tôi tới thăm xưởng vẽ ở Balbec; ông mời riêng một mình tôi, chắc hẳn vì, qua tiếp xúc, ông nghĩ là tôi yêu mến nghệ thuật – điều mà có lẽ sự tiến cử của Swann, dù Elstir có quen thân ông ta nữa, cũng không thể làm được (vì trong cuộc

sống con người, có nhiều tình cảm không vụ lợi hơn là người ta tưởng). Ông biểu lộ đối với tôi một thái độ hòa nhã hơn hẳn thái độ hòa nhã của Saint-Loup, cũng như thái độ này của anh bạn tôi cao hơn sự ân cần của một anh chàng tiểu tư sản. Bên cạnh vẻ dễ thương của một nghệ sĩ lớn, thì vẻ dễ thương của một vị lãnh chúa lớn, dù hấp dẫn tới đâu đi nữa, cũng mang dáng dấp một sự đóng kịch, một cảnh giả đồ. Saint-Loup tìm cách làm người ta vui lòng, còn Elstir thì thích cho, thích hy sinh. Tất cả những gì ông có thể có, tư tưởng, tác phẩm, và tất cả những gì khác mà ông rất ít coi trọng, ông có thể sẵn sàng và vui vẻ cho người hiểu biết ông. Nhưng vì không có một xã hội có thể chịu đựng nổi, ông sống trong sự biệt lập, với một vẻ man rợ mà giới thượng lưu cho là thói cao ngạo và thiếu giáo dục; các nhà chức trách cho là một thái độ bất hảo; còn đối với xóm giềng thì đó là một hành vi điên cuồng; đối với gia đình, một thói ích kỷ, kiêu căng. Và phải chăng, trong những thời kỳ đầu, ngay trong cảnh cô đơn, ông thích thú nghĩ rằng qua tác phẩm, ông gián tiếp nói với những người ngộ nhận hoặc xúc phạm mình, làm họ có ý nghĩ tốt đẹp hơn. Bởi vậy phải chăng ông sống một mình, không phải vì thờ ơ mà chính vì yêu thương người khác? Và phải chăng cũng như tôi từng khước từ Gilberte để một ngày sau trở lại với nàng dưới những sắc màu dễ thương hơn, ông dành tác phẩm của mình cho một số người như một sự quay trở về với họ, trong đó tuy không gặp lại bản thân ông, người ta sẽ yêu mến ông, ngợi khen ông, nói chuyện với nhau về ông? Một sự khước từ không phải bao giờ cũng trọn vẹn ngay từ đầu, khi ta quyết định nó theo thiên kiến và trước khi nó tác động trở lại tới chúng ta bằng phản ứng, dù là sự khước từ của một bệnh nhân, một tu sĩ, một nghệ sĩ hay một người anh hùng. Nhưng dù muốn sáng tác vì một vài người, thì trong quá trình sáng tác, ông đã sống cho chính bản thân mình, không gần gũi và do vậy dần dà thờ ơ đối với xã hội. Quen sống cuộc sống cô đơn, ông đam mê yêu mến nó, giống như tình hình xảy ra đối với bất kỳ việc lớn nào mà lúc đầu chúng ta sợ hãi vì biết nó không thể dung hòa với những việc nhỏ hơn mà mình thiết tha gắn bó; thực tế, nó tách chúng ta ra khỏi những việc nhỏ nhiều hơn là tước đoạt chúng của chúng ta. Trước khi bắt tay vào việc lớn ấy, chúng ta thiết tha tìm hiểu trong chừng mực nào có thể dung hòa nó với một vài niềm vui, vì những niềm vui này sẽ không còn là niềm vui nữa mỗi khi chúng ta biết được việc lớn kia.

Elstir không ngồi lâu chuyện vãn với chúng tôi. Tôi hứa sẽ tới xưởng vẽ của ông trong vài ngày tới, nhưng ngày hôm sau, khi cùng bà tôi từ tận cuối con đê về phía vách đá Canapville trở về, tới góc một đường phố nhỏ cắt ngang

bãi biển theo hình thước thợ, tôi gặp một cô gái, đầu cúi thấp tựa một con vật người ta cưỡng bức vào chuồng, tay cầm gậy đánh gôn, đi trước một người trông bộ có quyền uy và tựa bức chân dung *Jeffries* của

Hogarth⁽³³⁵⁾, mặt đỏ gay đỏ gắt như thể chỉ uống rượu mạnh thay vì nước chè, hàng ria mép dày màu muối tiêu vuốt cong ngược. Cô bé đi phía trước giống cô gái trong nhóm thiếu nữ hôm trước với gương mặt phình phính bất động và cặp mắt nghịch ngợm dưới chiếc mũ cầu thủ màu đen. Cô cũng đội mũ màu đen như thế nhưng tôi thấy cô xinh đẹp hơn cô gái lần trước, sống mũi thẳng hơn, cánh mũi phía dưới rộng hơn và dày hơn. Tôi cảm thấy cô gái lần trước như một thiếu nữ kiêu hãnh, sắc da xanh nhạt, còn cô gái lần này như một cô bé chịu phục tùng và sắc da màu hồng. Thế nhưng nàng đẩy một chiếc xe đạp giống chiếc xe lần trước, và mang găng tay cũng bằng da tuần lộc. Tôi kết luận những sự khác nhau này chỉ là do chỗ đứng của mình và do hoàn cảnh, vì khó có khả năng ở Balbec có hai gương mặt thiếu nữ giống nhau đến thế và với những đặc điểm trang phục cũng chẳng khác nhau tí nào. Nàng liếc nhanh một ánh mắt về hướng tôi. Những ngày sau đó, khi gặp lại nhóm thiếu nữ trên bãi tắm, và cả về sau nữa, khi biết tất cả mọi người trong nhóm, tôi không bao giờ hoàn toàn tin chắc có một cô nào là người con gái tôi gặp chiều hôm nọ ở cuối bãi tắm, chỗ góc phố, kể cả cô gái tay dắt xe đạp và giống nàng hơn hết.

Từ chiều hôm ấy, tôi bắt đầu quan tâm tới cô gái có những cây gậy chơi gôn mà tôi phỏng đoán là tiểu thư Simonet, tuy những ngày trước đó, chủ yếu tôi nghĩ tới cô gái cao lớn. Đi giữa những người khác, tiểu thư Simonet thường dừng bước, buộc những cô bạn có vẻ rất kính trọng nàng cũng đứng lại. Giờ đây, tôi hình dung nàng nghỉ chân, cặp mắt long lanh dưới chiếc mũ chơi gôn, in hình trên nền mặt biển; và đây là hình ảnh ban đầu, mờ nhạt trong ký ức tôi mà tôi khao khát, tôi theo đuổi, rồi lãng quên, rồi lại tìm thấy, hình ảnh một gương mặt mà từ ấy tôi thường đặt trở lại vào quá khứ để có thể thầm nghĩ: “Đích thị là nàng rồi!”

Nhưng có lẽ cô gái tôi ao ước làm quen hơn hết vẫn là người có sắc da như hoa phong lữ thảo và cặp mắt xanh, vả lại, dù cô gái tôi mong muốn nhìn thấy vào một ngày nào đó là người nào, thì những cô gái khác, trong lúc vắng mặt nàng, vẫn đủ làm tôi xúc động; ham muốn của tôi, khi thì hướng về cô này, lúc lại hướng về cô khác, và như tôi vẫn lẫn lộn trong ngày đầu tiên - tiếp tục tập hợp họ lại với nhau, biến họ thành một tiểu vũ trụ riêng biệt sôi động một đời sống chung mà chắc hẳn họ có tham vọng thiết lập; giống như một người đa thần giáo khôn ngoan hay một tín đồ Cơ Đốc giáo

thận trọng giữa những người man rợ, nếu trở thành bạn của một trong số những cô gái ấy, thì tôi có thể thâm nhập một xã hội đang hồi xuân với sự thống trị của biết bao điều mới lạ, buồn vui lẫn lộn.

Tôi kể lại với bà tôi buổi gặp mặt Elstir. Vui mừng về món lợi tinh thần mà tình bạn của ông có thể mang lại, cụ thấy tôi chưa tới viếng thăm ông là phi lý và khiếm nhã. Nhưng tôi chỉ nghĩ tới nhóm các thiếu nữ và, không biết chắc giờ giấc họ dạo chơi trên đê biển, tôi không dám vắng mặt. Bà tôi cũng ngạc nhiên thấy tôi làm duyên làm dáng, vì tôi bỗng nghĩ tới những bộ quần áo cho tới lúc này vẫn nằm nguyên dưới đáy hòm. Mỗi ngày tôi thay một bộ, và thậm chí tôi viết thư về Paris để cho gửi tới những chiếc mũ và cà vạt mới.

Quả là thú vị cuộc sống ở một vùng nghỉ mát như Balbec nếu hàng ngày gương mặt một cô gái đẹp, cô gái bán sò biển, bán bánh ngọt hay cô gái hàng hoa được khắc họa trong trí ta bằng những màu sắc rực rỡ, là cái đích của mỗi một ngày nhàn rỗi và huy hoàng trên bãi biển. Tuy vô công rồi nghề, những ngày ấy sẽ trở nên sôi động như những ngày làm việc, có phương hướng, có sức hút, nhẹ nhàng nhằm vào một khoảnh khắc sắp tới, khoảnh khắc đê mê vừa mua hoa hồng, bánh xốp hay những viên đá hoa cúc, vừa ngắm nhìn, trên một gương mặt phụ nữ, những màu sắc trải ra trình khiết chẳng khác trên một đóa hoa. Nhưng ít ra, trước hết, cũng có thể hỏi chuyện những cô bé bán hàng ấy nên khỏi phải dùng tưởng tượng xây dựng những chi tiết ngoài những khía cạnh do mắt nhìn cung cấp, khỏi phải hình dung cuộc đời và cường điệu vẻ kiêu diễm của họ như đứng trước một bức chân dung; và nhất là chính vì trò chuyện với họ, có thể biết được sẽ gặp lại họ ở đâu, vào lúc nào.

Nhưng tình hình nhóm thiếu nữ trên bãi biển đối với tôi hoàn toàn không phải như vậy. Không nắm được tập quán của họ nên nếu không gặp họ một vài ngày nào đó trong lúc không biết nguyên nhân họ vắng mặt thì tôi cố tìm xem có phải đây là một sự vắng mặt cố định không, có phải cứ hai ngày họ mới xuất hiện một lần không hay xuất hiện tùy theo thời tiết, hay có những ngày tuyệt nhiên không bao giờ gặp họ. Tôi thử hình dung mình đã là bạn các cô gái và hỏi họ:

- Sao hôm ấy các bạn không có mặt?

- A! Phải rồi, vì hôm ấy là một ngày thứ Bảy, thứ Bảy chúng tôi không tới bao giờ vì...

Giá biết cứ vào ngày thứ Bảy đáng buồn, mình có sục sạo cũng uống công vô ích, biết có chạy ngược chạy xuôi trên bãi tắm, ngồi trước hiên một cửa

hiệu bánh ngọt, làm như thể đang ăn một chiếc bánh kem, vào một nhà hàng đồ cổ, hoặc ngồi chờ giờ tắm, giờ hòa nhạc, chờ thủy triều lên, chờ mặt trời lặn, chờ bóng đêm buông xuống, cũng vẫn không thấy nhóm các cô gái mình ước ao! Nhưng có lẽ cái ngày tai hại không phải mỗi tuần chỉ đến có một lần. Có lẽ một số điều kiện khí hậu ảnh hưởng hay hoàn toàn không dính dáng tới ngày đó. Cần thu thập biết bao kết quả những buổi quan sát kiên nhẫn nhưng không còn tỉnh táo nữa đối với hoạt động bề ngoài có vẻ thất thường của cái xã hội xa lạ này trước khi có thể biết chắc không bị đánh lừa bởi những sự trùng hợp ngẫu nhiên, và dự kiến của mình không sai lệch, trước khi rút ra những quy luật vững chắc của thứ “thiên văn học” say mê ấy với cái giá những sự thể nghiệm đau đớn! Nhớ lại trước đây không gặp họ vào cùng một ngày như ngày hôm nay, tôi nghĩ bụng họ sẽ không tới, và ở lại trên bãi tắm là vô ích. Thế nhưng chính hôm đó, tôi lại gặp họ. Ngược lại, một hôm, khi tôi tính toán phải là một ngày tốt lành trong lúc có thể giả định là có những quy luật ấn định việc quay trở lại của chòm sao ấy, thì hôm đó, họ lại không tới. Nhưng ngoài tình trạng bấp bênh không rõ sẽ gặp họ hay không ngay ngày hôm ấy, lại thêm một mối băn khoăn khác, quan trọng hơn, là có bao giờ tôi còn trông thấy họ nữa không, vì rốt cuộc tôi không biết họ có đi Mỹ hay trở về Paris không. Chùng ấy là đủ để khiến tôi bắt đầu yêu mến họ.

Tôi viện đủ mọi duyên cớ để ra bãi tắm vào những giờ hy vọng có thể gặp họ. Một lần, trông thấy họ trong khi hai bà cháu chúng tôi đang ăn trưa, tôi ra tới nơi thì đã quá muộn và đành ở lại trên đê ngong ngóng họ đi qua, sau đó ngồi trong phòng ăn, tôi dán chặt mắt vào tấm kính màu da trời, và đứng dậy trước khi có món ăn tráng miệng, để không bỏ lỡ cơ hội gặp họ nếu thắng hoặc họ dạo chơi vào một giờ khác. Tôi hờn giận bà tôi: cụ đã độc ác một cách vô tình khi muốn giữ tôi lại quá thời điểm tôi cho là thuận lợi nhất. Tôi quay lệch chiếc ghế để mở rộng tầm nhìn; vì tất cả các cô gái trong nhóm đều cùng mang một bản chất đặc biệt giống nhau nên nếu tình cờ trông thấy một cô là chẳng khác nào tôi thấy hiện ra trước mắt, trong một ảo ảnh chớp chờn và ma quái, một thoáng giấc mơ, đáng sợ nhưng tôi cuồng nhiệt khát khao và mới một giây trước đây thôi không hề có trong óc tôi tuy nó luôn luôn tiềm tàng trong đó.

Tôi không yêu riêng một cô nào vì yêu toàn nhóm; thế nhưng nếu được gặp gỡ họ, thì đó là giờ phút êm đềm nhất trong những chuỗi ngày của tôi; chỉ có sự gặp gỡ ấy là có khả năng khơi dậy ở tôi những niềm hy vọng có thể giúp tôi san bằng mọi trở lực, nhưng thường kéo theo sự đau đớn nếu

không được gặp họ. Tâm tư tôi khoan khoái hướng về họ trong khi tôi nghĩ tới một cái gì khác, hay không nghĩ tới gì hết.

Nhưng khi nghĩ tới họ, dù hoàn toàn bất giác đi nữa, thì trước mặt tôi lại là những lớp sóng xanh rờn, cuộn cuộn, là hình bóng những con người điều qua trước biển cả. Nếu đến một thành phố họ đang có mặt thì tôi hy vọng tìm thấy biển. Tình yêu tuyệt đối nhất đối với một con người bao giờ cũng là tình yêu đối với một cái gì khác.

Chỉ chăm chăm chú chú tới trò đánh gôn và quần vợt, và bỏ lỡ cơ hội nhìn một nghệ sĩ có tên tuổi làm việc và nghe ông ta nói chuyện, tôi bị bà tôi ra chiều ghét bỏ, một thái độ tôi nghĩ là có lẽ bắt nguồn từ những quan điểm có phần hẹp hòi. Trước đây, ở Vườn hoa Élysée, tôi đã thoáng nghĩ và từ ấy, nhận thấy rõ hơn là khi say mê một người đàn bà, chúng ta chỉ “đặt” vào người ta một trạng thái tâm hồn của mình; vì vậy, cái quan trọng không phải là giá trị người đàn bà, mà là chiều sâu của trạng thái tâm hồn ấy: những cảm xúc trước một cô gái tầm thường có thể khuấy động trong tâm tưởng ta những phần sâu lắng trong bản thân con người mình riêng tư hơn, thậm kín hơn, chủ yếu hơn so với niềm hứng thú khi nghe một buổi nói chuyện hoặc chiêm ngưỡng tác phẩm của một bậc vĩ nhân.

Rốt cuộc tôi phải làm theo lời bà tôi nhưng không thoải mái, nhất là vì Elstir nhà ở khá xa con đê biển, trên một trong những đại lộ mới nhất của Balbec. Trời nắng nóng tôi buộc phải đạp tàu điện chạy qua đường phố Bãi biển, và trước mắt tôi bày ra cảnh sang trọng hổ lốn của các công trình xây dựng trong đó có lẽ ngôi biệt thự của Elstir là tòa nhà xấu xí nhất tuy uy nghi, nhưng ông vẫn thuê vì đó là ngôi nhà duy nhất ở Balbec có thể dùng làm một xưởng vẽ lớn.

Trong khu vườn trước mặt tôi, là một thảm cỏ - như người ta vẫn thấy, tuy nhỏ hơn, ở nhà bất kỳ gia đình trưởng giả nào vùng ngoại ô Paris, một bức tượng nhỏ người làm vườn xinh xắn, những hình cầu bằng thủy tinh có thể soi gương được, những bồn thu hải đường và một dàn hoa nhỏ phía dưới đặt một dãy ghế xích đu xung quanh một chiếc bàn sắt. Nhưng sau khi tiếp xúc với những thứ mang dáng dấp thị thành không lấy gì làm đẹp đẽ ấy, tôi không còn chú ý tới những đường chỉ màu sôcôla trên các cột trụ nữa lúc bước chân vào xưởng; tôi hết sức sung sướng cảm thấy có khả năng nâng mình lên một sự hiểu biết thi vị và lý thú về vô số sự vật cho tới lúc bấy giờ tôi chưa tách ra khỏi toàn cảnh bức tranh hiện thực ngoài đời. Và xưởng vẽ Elstir hiện ra trước mắt tôi như một thứ phòng thí nghiệm để tái tạo thế giới, trong đó, từ tất cả những thứ hỗn độn, ông rút ra và thể hiện trên

những mảnh vải hình chữ nhật khác nhau rải rác theo đủ mọi hướng, chỗ này một lớp sóng biển ào ạt dâng lên bãi cát trắng xóa, chỗ kia một chàng trai trong bộ quần áo chéo go chống tay trên boong tàu.

Lúc tôi bước vào xưởng, người nghệ sĩ, với chiếc bút vẽ trên tay, đang điểm những nét cuối cùng lên bức tranh mặt trời lặn.

Các bức màn rủ xuống ở cả bốn phía, xưởng vẽ khá mát mẻ và âm sâm trừ một chỗ có ánh sáng ban ngày ủa vào trong chốc lát; chỉ có độc một ô cửa sổ nhỏ hình chữ nhật, xung quanh có những cây kim ngân hoa, là để mở, trông ra một dải vườn hẹp nép mình bên đại lộ. Bầu không khí trong đại bộ phận xưởng vẽ âm u, mờ đục và như đông đặc lại, nhưng ẩm ướt và lấp lánh ở những kẽ hở trên tường, nơi ánh sáng len lỏi vào, long lanh tựa một mặt gương. Trong lúc mời Elstir tiếp tục vẽ, tôi đi lui đi tới trong cảnh tranh tối tranh sáng ấy, và dừng chân trước bức tranh này, rồi bức tranh khác.

Phần lớn những bức xung quanh tôi không phải là những bức tôi mong chờ nhất ở ông; chúng đều thuộc “phong cách thứ nhất và thứ hai của ông” - theo lời tạp chí *Nghệ thuật* Anh tôi tìm thấy trên bàn trong phòng khách Đại Khách sạn: phong cách huyền thoại và phong cách chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Nhật Bản, cả hai phong cách này, theo dư luận, đều được thể hiện tuyệt vời trong bộ sưu tập của bà de Guermantes. Dĩ nhiên, trong xưởng vẽ này, chỉ có những bức tranh về biển ông vẽ tại đây, tại Balbec. Nhưng tôi nhận ra được sức hấp dẫn của mỗi bức là ở sự biến hóa của những cái ông thể hiện, tương tự cái mà trong thơ ca, người ta gọi là phép ẩn dụ, và cả ở chỗ nếu đấng Tối cao đã sáng tạo ra mọi vật trong lúc đặt tên cho chúng, thì trái lại, Elstir đã tái tạo chúng trong lúc tước bỏ tên gọi của chúng hoặc đặt cho chúng một tên gọi khác. Tên gọi sự vật bao giờ cũng tương ứng

với một khái niệm trừu tượng xa lạ đối với cảm xúc đích thực của chúng ta, khái niệm này buộc chúng ta loại trừ khỏi sự vật tất cả những gì xa lạ đối với nó.

Thỉnh thoảng, ở khách sạn Balbec, buổi sáng, khi Françoise cuốn những tấm màn che ánh sáng lên, và buổi chiều, trong khi chờ lên đường cùng với Saint-Loup, do ảnh hưởng của mặt trời, tôi ngỡ một khoảng mặt biển sẫm màu hơn những phần khác là một bờ biển cách xa, và hân hoan nhìn một vùng màu xanh chuyển động mà không biết là mặt biển hay bầu trời. Rất nhanh, đầu óc tôi tái lập giữa các yếu tố sự phân cách mà cảm giác của mình vừa hủy bỏ. Chẳng hạn, ở Paris, nằm trong phòng ngủ, tôi nghe một cuộc cãi lộn, hầu như một vụ náo loạn cho tới khi tôi cho nguyên nhân của nó là một cỗ xe ngựa đang lăn bánh, loại trừ ra khỏi tiếng động ấy những lời la hét the thé, chói chang mà quả thật tai tôi nghe thấy nhưng trí óc tôi biết không thể là tiếng bánh xe. Cái tạo nên tác phẩm của Elstir, chính là những khoảnh khắc hiếm có người ta trông thấy thiên nhiên đúng như bản chất đầy chất thơ của nó. Một trong những lối ẩn dụ quen thuộc nhất trong những bức tranh về biển để bên cạnh ông lúc này, chính là phương pháp loại bỏ mọi sự phân cách giữa đất liền với biển cả trong lúc so sánh chúng với nhau. Chính sự so sánh, được lặp đi lặp lại một cách mặc nhiên và không mệt mỏi này trong cùng một bức tranh, mang lại cho nó một sự nhất quán đa dạng và vững chãi, nguyên nhân tạo nên lòng ngưỡng mộ của một số người ham mê nghệ thuật đối với tác phẩm của Elstir, tuy có khi bản thân họ không nhận ra nguyên nhân ấy.

Chẳng hạn, trong một bức tranh vẽ hải cảng Carquethuit ông vừa hoàn thành trước đây vài hôm và tôi say sưa ngắm nhìn, Elstir muốn khán giả làm quen với lối ẩn dụ ấy bằng cách chỉ sử dụng những yếu tố biển cho thành phố và những yếu tố đô thị cho biển. Ở cận cảnh thứ nhất của bãi biển trong tranh, nhà họa sĩ tập cho con mắt người xem không nhận ra ranh giới cố định, sự phân chia tuyệt đối giữa đất liền và đại dương. Những người đàn ông đẩy tàu xuống mặt biển chạy giữa các lớp sóng cũng như trên bãi cát, và cát bắt đầu ướt phản chiếu vỏ tàu như một mặt nước. Chính biển cũng không dâng lên đều đặn, nó nhấp nhô theo những chỗ lồi lõm trên bờ mà phép vẽ phối cảnh càng làm cho thêm khúc khuỷu, nên trông một con tàu giữa biển cả, người xem tưởng như nó đang bập bênh giữa phố phường, trong lúc nó bị những công trình nhô ra của xưởng đóng tàu che khuất một nửa. Còn những người đàn bà đang nhặt tôm trong các vũng nước, trông như đang ở trong một cái động giữa biển nhấp nhô thuyền bè

và cuộn sóng, nhưng được bảo vệ một cách thần kỳ, vì nước biển bao bọc họ bốn bề và vì bờ biển thoải thoải chạy ngang mực nước biển. Tuy toàn bộ bức tranh gây một ấn tượng về những hải cảng mà biển lấn vào trong đất liền, đất liền như đã biến thành mặt biển và dân chúng trở thành những con người lưỡng thể, nhưng sức mạnh của yếu tố biển vẫn nổi bật.

Một đám du khách vui vẻ bước lên một con thuyền lắc la lắc lư tựa một cỗ xe ngựa. Một anh chàng thủy thủ hoan hỉ nhưng thận trọng điều khiển con thuyền như với hai chiếc dây cương và chỉ huy cánh buồm hung dữ; ai nấy đều ngồi đúng chỗ để không làm thuyền quá nặng về một phía và lật đổ, và thế là thuyền lướt qua những mảng nước biển chói chang ánh nắng mặt trời, đi vào những thắng cảnh im mát, chồm qua các lớp sóng. Một buổi sáng đẹp trời sau một cơn dông!

Tuy người ta nói một cách có lý rằng không có tiến bộ và phát kiến trong nghệ thuật, mà chỉ có trong khoa học, rằng trong khi bắt đầu trở lại một nỗ lực cá nhân cho bản thân mình, người nghệ sĩ không thể được giúp đỡ hoặc bị cản trở vì những sự cố gắng của những người khác, nhưng vẫn phải thừa nhận là trong chừng mực nghệ thuật soi sáng một vài định luật, một khi một ngành công nghệ đã phổ biến chúng, thì nghệ thuật trước đó đã mất đi một phần tính độc đáo của nó.

Từ những buổi đầu sáng tác của Elstir, người ta đã biết thế nào là những tấm hình “kỳ diệu” về cảnh vật và phố phường. Nếu tìm cách xác định đối tượng những người hâm mộ muốn nói tới với định ngữ ấy, thì sẽ thấy rằng nó thông thường được áp dụng cho một hình ảnh lạ thường của một sự vật quen thuộc, một hình ảnh không giống những hình ảnh vẫn thường thấy: hình ảnh ấy khác thường nhưng lại chân thật, và chính vì vậy, gây xúc động gấp bội; nó làm chúng ta thoát khỏi thói quen thường ngày, nhưng đồng thời đưa chúng ta thâm nhập vào chính bản thân mình bằng cách gợi lại một cảm giác. Chẳng hạn, một trong những tấm hình “kỳ diệu” ấy minh họa một định luật về phép phối cảnh, giới thiệu một ngôi nhà tuy chúng ta quen nhìn thấy chính giữa thành phố, nhưng trái lại, ở đây lại chụp từ một điểm được lựa chọn sao cho nó có vẻ ba mươi lần cao hơn các ngôi nhà quanh vùng và như ôm lấy bờ sông tuy thực ra ở cách xa sông.

Và chính vì cố gắng trình bày sự vật không phải như chúng ta biết trong thực trạng của chúng, mà là theo những ảo giác quang học hiện ra trước ánh mắt đầu tiên, nên Elstir đưa ra ánh sáng một số định luật về phép phối cảnh khiến người xem càng ngạc nhiên vì chúng được nghệ thuật phát hiện ra trước tiên.

Một con sông, do dòng chảy quanh co, một cái vịnh, do tường chùng ở cạnh các vách đá, có vẻ như tạo nên giữa một cánh đồng hay rừng núi một cái hồ bốn mặt hoàn toàn khép kín. Trong một bức tranh Elstir vẽ ở Balbec giữa một ngày hè oi ả, một chỗ mặt biển lôm vào giữa hai bức thành bằng đá hoa cương màu hồng, trông tưởng chừng không phải là biển, mà biển phải bắt đầu ở ngoài xa tí tắp. Chúng ta có cảm giác đứng trước đại dương khi những cánh hải âu bay lượn tưởng chừng như trên đá trước mắt người xem tranh, nhưng thực ra chúng hít thở hơi ấm của sóng biển. Những định luật khác cũng toát ra từ bức tranh này, chẳng hạn, dưới chân vách đá khổng lồ, những cánh bướm trắng duyên dáng nhỏ xíu trên mặt biển xanh rờn như một tấm gương soi, trông tựa những cánh bướm nằm ngủ, cùng với những sự tương phản khác giữa chiều sâu thẳm của bóng tối và vẻ nhạt nhòa của ánh sáng. Cách dùng mảng tối mảng sáng tuy đã trở nên nhàm chán ngay cả trong nghệ thuật nhiếp ảnh nhưng vẫn cuốn hút Elstir tới mức trước kia ông say sưa tạo nên những ảo ảnh thực sự trong tranh: một tòa lâu đài trên nóc chụp một ngọn tháp, hiện ra như một tòa lâu hoàn toàn hình tròn kéo dài ra với một ngọn tháp trên đỉnh và một ngọn khác lộn ngược ở phía dưới, hoặc vì ánh sáng trong suốt một ngày cực kỳ đẹp trời làm bóng tòa nhà lấp lánh trong nước mang vẻ cứng rắn và sáng loáng của đá, hoặc vì sương mù buổi sáng làm đá mờ ảo như một cái bóng. Cũng giống như vậy, phía bên kia biển, sau một dãy rừng, bắt đầu một mặt biển khác một màu hồng dưới ánh mặt trời chiều tà, nhưng lại chính là bầu trời. Tác động như những chất rắn mới hình thành, ánh sáng “đẩy” vỏ con tàu được nó chiếu rọi lùi vào sau một vỏ tàu khác nằm trong bóng tối, và tất cả hiện ra như những bậc tam cấp bằng pha lê trên mặt biển buổi sáng, thực ra thì bằng phẳng nhưng lại nhấp nhô dưới ánh mặt trời. Một dòng sông chảy dưới những nhịp cầu của thành phố được vẽ từ một điểm nhìn, sao cho nó hoàn toàn “loãng” ra, chỗ này thì trải rộng thành một mặt hồ, chỗ kia thì dát mỏng thành một tia nước, chỗ khác nữa thì đứt đoạn vì bị cắt ngang bởi một ngọn đồi sum sê tựa cánh rừng, chiều chiều dân phố ra hít thở không khí mát lành; và bản thân nhịp điệu của cái thành phố bị đảo ngược này chỉ còn được đảm bảo bởi chiều thẳng đứng bất động của những cái tháp chuông không vươn lên cao mà trái lại, hình như giữ lủng lẳng phía dưới chúng, theo một sợi dây dọi trọng lực, cả cái khối mờ ảo những ngôi nhà xếp thành tầng bậc trong sương mù, dọc con sông dàn rộng ra và bị cắt đứt đoạn. Những tác phẩm đầu tay của Elstir ra đời vào thời kỳ người ta điểm xuyết cảnh vật bằng sự có mặt của một nhân vật, và trên phía vách đá hay

trong núi, con đường nhỏ - một bộ phận của thiên nhiên có dáng dấp tới con người - cũng chịu cảnh bị che khuất từng quãng vì phép phối cảnh. Và vì một sườn núi, bụi nước một dòng thác, hay một mặt biển không cho phép theo dõi hành trình liên tục của con đường mà người dạo chơi thì nhìn thấy những chúng ta, người xem tranh, thì không, nên con người nhỏ bé trong bộ quần áo lỗi thời, lạc lõng giữa chốn hoang vu ấy hình như thường phải dừng bước trước một vực thẳm. Con đường anh ta đi chấm dứt ở đây, trong lúc nhìn lên cao ba trăm mét, trong những cánh rừng tùng bách, chúng ta vừa hồi hộp vừa yên tâm khi thấy lại lớp cát trắng mịn bị sườn núi che khuất vui vẻ đón bước chân du khách.

Sự nỗ lực của Elstir nhằm vận dụng toàn bộ trí tuệ khi đứng trước cảnh vật thật đáng khâm phục vì trước lúc vẽ ông tự xem mình là dốt nát và với một tấm lòng chính trực quên hết mọi thứ (bởi lẽ những điều mình

biết đâu có phải của riêng mình), trong lúc chính ông lại là người có bộ óc cực kỳ uyên bác. Khi tôi thú nhận với ông nỗi thất vọng đối với nhà thờ Balbec, ông liền bảo:

- Sao, ông thất vọng vì cái cổng lớn nhà thờ ấy ư? Nhưng đấy chính là bản Thánh kinh huy hoàng nhất được ghi tạc lại trước con mắt dân chúng. Tượng Đức mẹ Đồng trinh và tất cả những bức chạm nổi kể lại cuộc đời của Người, chính là sự thể hiện thiết tha nhất, sâu lắng nhất của bản trường ca chiêm ngưỡng và bái phục thời Trung đại dâng lên Người. Nếu ông biết, cùng với bản dịch Thánh kinh chính xác đến mức tỉ mỉ, nhà điêu khắc thuở ấy đã có những tìm tòi tinh tế biết chừng nào; những tư tưởng sâu xa biết bao, một bài ca ngọt ngào biết bao! Việc nghĩ ra tấm khăn voan khổng lồ dùng để các Thiên thần mang xác Đức mẹ Đồng trinh rất mực thiêng liêng họ không dám trực tiếp đựng vào; vị thiên thần mang linh hồn của Người đi để nhập vào xác; cử chỉ của Nữ thánh Elisabeth sờ vào vùng ngực của Người trong buổi Đức mẹ Đồng trinh và Nữ thánh gặp nhau, và hân hoan khi cảm thấy lồng ngực của Người căng lên; cánh tay đeo băng của người nữ hộ sinh không muốn tin và đụng tới sự Hoài thai Trinh khiết của Đức mẹ; chiếc thắt lưng Người ném cho Thánh Thomas để chứng minh sự hồi sinh của Người; cả chiếc khăn voan Người giật từ trên ngực mình để phủ lên tấm thân trần truồng của con trai; và người chồng, vào giờ Phán xét cuối cùng, giúp vợ bước ra khỏi mộ..., tất cả những sự tìm tòi ấy không tuyệt diệu hay sao? Các vị thiên thần khác nữa, vị mang theo mặt trời và mặt trăng giờ đây đã trở nên vô ích vì đã có lời phán quyết Ánh sáng cây Thánh giá sẽ bảy lần mạnh hơn ánh sáng các thiên thể; vị trưng bàn tay vào nước tắm của Jésus để xem nước có đủ nóng không; vị từ mây bước xuống để đặt vương miện lên vầng trán Đức mẹ; và tất cả các vị khác, từ trên bầu trời giơ cao cánh tay vì kinh hoàng trước cảnh nhục hình giáng xuống những kẻ gian ác hay vui sướng trước cuộc sống hạnh phúc của những người được Chúa lựa chọn! cả một bản trường ca thánh thần đầy ý nghĩa tượng trưng! Quả là mê ly, là thánh thiện, là nghìn lần cao đẹp hơn tất cả những gì ông tìm thấy ở Italia, nơi các tác phẩm nghệ thuật này do các nhà điêu

khắc kém tài nghệ hơn nhiều sao chép lại nguyên văn. Vì, ông biết không, tất cả những cái đó là chuyện thiên tài. Chưa hề có thời đại nào mọi người đều có thiên tài cả đâu; nói như thế là chuyện tầm phào cả thôi, là cho hơn cả thời đại hoàng kim. Sao được! Người khắc chạm cái mặt nhà thờ Balbec ấy dứt khoát cũng có những quan điểm sâu xa chẳng kém những người

ngày này được ông ca ngợi hết lời. Tôi sẽ chỉ tất cả những thứ đó cho ông, nếu chúng ta có dịp cùng đi tới đấy.

Tôi những tưởng Elstir khiêm nhường, nhưng tôi hiểu mình đã nhầm khi thấy nét mặt ông thoáng buồn vì trong một lời cảm ơn, tôi nói hai tiếng *vinh quang*. Những ai tin tác phẩm của mình sẽ trường cửu – và đấy là trường hợp Elstir – đều có thói quen đặt chúng vào một thời kỳ mà trong đó chính bản thân họ cũng sẽ trở thành cát bụi. Và như vậy, trong lúc buộc họ phải nghĩ tới cõi hư vô, khái niệm vinh quang làm họ buồn vì nó không thể tách rời khái niệm chết chóc. Tôi chuyển hướng câu chuyện để xua tan lớp mây u buồn vì niềm kiêu hãnh mà bất giác tôi đã làm hằn lên trên vầng trán Elstir.

- Người ta khuyên tôi không nên tới Bretagne vì sẽ không lành mạnh cho một bộ óc hay mơ màng. – Tôi nói với ông trong lúc nghĩ tới buổi nói chuyện với Legrandin ở Combray.
- Không, - Elstir đáp, - khi một đầu óc dễ mơ mộng, thì không nên ngăn nó mơ mộng, hạn chế nó. Chừng nào ta tách đầu óc ra khỏi những giấc mơ, thì nó sẽ không còn biết tới những giấc mơ ấy; ta sẽ bị hàng nghìn cái vỏ bề ngoài phình phờ vì không hiểu bản chất của chúng. Nếu một chút ít mơ mộng là nguy hiểm, thì cái chữa khỏi mộng mơ, không phải là mơ mộng ít đi, mà là mơ mộng nhiều hơn, là toàn bộ giấc mơ. Cần biết trọn vẹn các giấc mơ của mình để không còn đau khổ vì chúng nữa: giấc mơ và thực có một sự phân cách nhất định mà nếu tiến hành sự phân cách này thì rất bổ ích, nên tôi tự hỏi liệu có nên làm như thế theo kiểu dự phòng không chẳng khác nào một số thầy thuốc phẫu thuật cho rằng muốn tránh nguy cơ viêm ruột thừa sau này thì nên cắt ruột thừa cho tất cả trẻ em?

Elstir và tôi bước tới tận cuối xưởng vẽ, trước ô cửa sổ mở ra một con đường nhỏ chạy ngang qua phía sau vườn. Chúng tôi hít thở không khí mát lành trong cảnh chiều tà. Tôi nghĩ mình ở xa các cô gái mình gặp hôm trước và đến thăm Elstir theo lời bà tôi, lần đầu tiên tôi đã hy sinh niềm hy vọng được gặp gỡ họ. Những gì mình tìm kiếm nằm ở đâu, chúng ta đâu có biết, và chúng ta thường tránh xa nơi nhiều người mời mình tới vì những lý do này nọ; chúng ta đâu có ngờ là chính tại đấy, chúng ta đã gặp người mình trông chờ.

Tôi mơ màng nhìn ra con đường nhỏ chạy sát cạnh xưởng vẽ. Bỗng nhiên xuất hiện cô gái dắt xe đạp, với mái tóc đen nhánh, chiếc mũ cầu thủ đánh gôn trễ xuống đôi má phình phình, cặp mắt tươi cười, có phần đắm đắm; nàng bước thoăn thoắt trên con đường làng, và trên con đường bỗng nhiên

chan chứa những điều hứa hẹn ngọt ngào một cách diệu kỳ này, dưới hàng cây xanh, tôi thấy nàng nở một nụ cười thân thiết với Elstir; đối với tôi, nụ cười ấy như là chiếc cầu vồng nổi liền trái đất với những miền cho tới lúc này tôi thấy không sao với tới được. Thậm chí nàng bước tới chìa tay cho ông họa sĩ tuy không đứng lại, và tôi thấy nàng có một nốt ruồi ở cằm.

- Ông quen cô gái ấy, thưa ông? - Tôi hỏi Elstir và hiểu rằng ông có thể giới thiệu tôi với nàng, mời nàng tới nhà.

Và cái xưởng vẽ thanh bình này với đường chân trời thôn dã của nó bỗng nhiên chan chứa một niềm vui ngọt ngào. Elstir bảo tôi tên nàng Albertine Simonet và kể tên những cô bạn của nàng mà tôi miêu tả khá chính xác để ông khỏi ngập ngừng. Tôi nhăm lẩn về vị trí xã hội của họ, nhưng không giống kiểu nhăm lẩn thông thường ở Balbec. Trước đây, tôi dễ dàng ngỡ mấy chàng trai cười ngửa, con mấy ông chủ hiệu buôn, là những ông hoàng. Lần này, tôi đặt vào một thế giới đáng ngờ vực những cô gái thuộc tầng lớp tiểu tư sản khá giàu có, trong giới công nghiệp và kinh doanh. Đây là giới ngay từ đầu làm tôi ít quan tâm nhất, vì đối với tôi, nó không có những điều bí ẩn của phái bình dân cũng như của một xã hội quý tộc như gia đình de Guermantes. và nếu trước mắt tôi, cuộc sống rực rỡ trên bãi tắm không tạo cho các cô gái một thứ uy tín có sẵn thì chắc hẳn tôi khó có thể chống lại ý nghĩ cho rằng họ là tiểu thư của những gia đình thương nhân lớn. Tôi chỉ có thể ngợi ca giai cấp tư sản Pháp quả là một công trường kiến trúc tuyệt vời cực kỳ đa dạng. Biết bao hình mẫu bất ngờ, biết bao sáng tạo trong tính cách các gương mặt! Biết bao vẻ cả quyết, tươi mát, thơ ngây trong đường nét! Những nhà tư sản già keo kiệt, cội nguồn của những nữ Sơn thần và Thủy thần này, tôi cho là những nhà tạc tượng vĩ đại nhất trần gian.

Sự phát hiện ra một sai lầm và điều chỉnh quan niệm người ta đã có sẵn về một con người diễn ra chớp nhoáng như một phản ứng hóa học. Tôi chưa kịp nhận ra sự biến đổi vị trí xã hội của những cô gái mình định ninh là người tình của các tay đua xe đạp hay vô địch quyền Anh, thì phía sau gương mặt ra vẻ hết sức mất dạy của họ đã hình thành ý nghĩ cho rằng họ rất có thể có quan hệ với gia đình một ngài công chứng quen thuộc nào đó. Tôi không hề biết Albertine Simonet là thế nào. Dĩ nhiên nàng cũng không hay rồi đây nàng sẽ là thế nào đối với tôi. Ngay đến cái tên gọi Simonet mà tôi đã được nghe nói tới trên bãi tắm, giả có ai bảo tôi viết ra thì chắc hẳn tôi sẽ viết với hai n , và không ngờ tới việc dòng họ này hết sức coi trọng yêu cầu tên gọi dòng họ mình chỉ có một n mà thôi.

Càng xuống thấp dưới thang bậc xã hội, thì thói chạy theo thời thượng càng bám chặt lấy những cái không đâu có lẽ cũng không vô nghĩa hơn những sự phân chia của giai cấp quý tộc, nhưng vì mờ mịt hơn, riêng biệt hơn đối với mỗi người, nên càng làm người ta kinh ngạc hơn. Phải chăng từng có những gia đình *Simonnet* có những hoạt động kinh doanh xấu xa, hoặc còn tồi tệ hơn? Dẫu sao thì hình như dòng họ *Simonnet* luôn luôn bức tức như thể bị vu cáo khi người ta đưa thêm một chữ *n* vào tên gọi của họ. Họ kiêu hãnh là dòng họ *Simonnet* duy nhất với một *n* chứ không phải hai, có lẽ chẳng khác nào dòng họ *Montmorency* kiêu hãnh là dòng họ nam tước đầu tiên ở Pháp.

Tôi hỏi Elstir các cô gái có ở Balbec không, ông trả lời là có đối với một số thôi. Ngôi biệt thự của một người trong số họ nằm ở cuối bãi biển, nơi bắt đầu các vách đá *Canapville*. Vì cô gái này là một người bạn lớn của *Albertine Simonnet* nên tôi càng thêm có cơ sở để tin người tôi gặp khi cùng đi với bà tôi, chính là *Albertine*. Dĩ nhiên có rất nhiều con đường vuông góc với bãi tắm nên tôi không thể biết chính xác là con đường nào. Khi muốn có một ký ức chính xác, thì chính lúc đó, cái nhìn của người ta lại bối rối. Nhưng trên thực tế, *Albertine* và cô gái vào nhà bạn, chỉ là một người duy nhất. Vô số hình ảnh mà về sau cô gái chơi gôn có mái tóc màu nâu gợi lên trước mắt tôi đều trùng khớp với nhau (vì tôi biết tất cả những hình ảnh này đều là hình ảnh nàng), dù chúng có khác nhau tới đâu đi nữa; và nếu ngược dòng ký ức, thì dựa vào sự nhất quán này, và như thể theo một con đường liên lạc nội tâm, tôi có thể lướt qua tất cả những hình ảnh ấy mà vẫn tin chắc là chỉ có một người duy nhất mà thôi. Trái lại, nếu muốn trở lại hình ảnh cô gái mình gặp hôm hai bà cháu tôi cùng đi, thì tôi lại rơi vào tình trạng bán tín bán nghi. Tôi tin chắc người tôi gặp lại chính là *Albertine*, cô gái thường hay dừng bước giữa đám bạn bè, trong buổi dạo chơi; nhưng tất cả những hình ảnh này vẫn tách khỏi hình ảnh kia vì lúc đó tôi gán cho nó một hình tích nó không hề có vào lúc đập vào mắt mình; dù phép tính xác suất có thể bảo đảm với tôi thế nào chẳng nữa, thì cô gái có đôi má bầu bĩnh táo bạo nhìn tôi ở chỗ ngã tư đường phố nhỏ trên bãi tắm và tôi nghĩ nàng có thể yêu tôi, cô gái ấy, tôi chưa hề gặp lại, theo nghĩa đen của từ này.

Phải chăng vì thái độ phân vân, không dứt khoát của tôi giữa các cô gái vì mỗi người đều có chút ít sức quyến rũ tập thể lúc đầu từng làm tôi xao xuyến nên về sau, ngay trong mỗi tình say đắm hơn - mỗi tình thứ hai - của mình đối với *Albertine*, tôi vẫn được tự do không yêu nàng, tuy là một thứ

tự do không liên tục và hết sức ngăn ngui? Chập chờn giữa tất cả các cô bạn nàng trước khi dứt khoát dừng lại ở nàng, tình yêu của tôi thỉnh thoảng vẫn như thứ ánh sáng trên sân khấu, do điều chỉnh không chính xác, đến rọi vào những người khác trước khi chiếu hẳn vào nàng.

- Không có ngày nào không có một cô trong bọn họ đi qua trước xưởng và ghé vào thăm tôi một lát. - Elstir lên tiếng.

Tôi ân hận nghĩ bụng giá nghe lời bà tôi tới thăm ông ngay lúc bấy giờ thì chắc hẳn tôi đã làm quen Albertine từ lâu rồi.

Nàng rời bước; từ xưởng vẽ, tôi không trông thấy bóng nàng nữa. Tôi nghĩ bụng nàng đi gặp các cô bạn ngoài bãi tắm. Giá tôi có mặt ở đấy cùng với Elstir, thì chắc hẳn có thể làm quen họ. Tôi viện đủ mọi cớ thuyết phục ông cùng tôi đi dạo một vòng. Tôi không còn bình tĩnh như trước khi cô gái xuất hiện trong cái khung cửa sổ nhỏ cho tới lúc bấy giờ biết bao xinh xắn dưới khóm kim ngân hoa nhưng giờ đây hoang vắng. Elstir làm tôi nửa vui mừng nửa day dứt khi ông bảo sẽ cùng tôi đi dạo mấy bước nhưng ông buộc phải hoàn thành bức tranh nhỏ đang vẽ dở. Một bức tranh vẽ hoa, nhưng không phải là những bông hoa mà tôi muốn ông vẽ hơn là vẽ chân dung, để qua tài nghệ của ông nắm bắt điều tôi từng tìm kiếm một cách vô vọng trước những bông hoa ấy: hoa sơn trà, hoa hồng gai, hoa thối xa cúc, hoa táo... Vừa vẽ, Elstir vừa nói chuyện thực vật học, nhưng tôi đâu còn trí óc nghe ông nói; ông đâu còn phải là chính bản thân ông nữa, ông chỉ còn là người trung gian cần thiết giữa các cô gái và tôi; uy tín vì tài năng của ông đối với tôi, giờ đây chỉ có giá trị trong chừng mực ông tạo cho bản thân tôi chút ít uy tín ấy trước mắt các thiếu nữ rồi đây tôi sẽ được ông giới thiệu.

Tôi đi lui đi tới, sốt ruột mong ông làm xong công việc; tôi cầm lên để ngắm nhìn những tác phẩm phần lớn để úp vào mặt tường, chồng lên trên nhau. Tôi bỗng thấy một bức thủy mặc chắc hẳn có từ lâu trong cuộc đời nghệ sĩ của Elstir; nó gây cho tôi một niềm hoan hỉ đặc biệt như khi đứng trước những tác phẩm chẳng những được thể hiện với một ngòi bút tuyệt diệu, mà còn phản ánh một chủ đề khác thường và hấp dẫn tới mức chúng ta quy cho chủ đề ấy một phần sức mạnh hấp dẫn của tác phẩm như thể sức hấp dẫn ấy người họa sĩ chỉ có việc khám phá ra nó, quan sát nó và tái hiện nó trong khi nó đã được thể hiện một cách vật chất trong thiên nhiên. Khả năng tồn tại những đối tượng như vậy - tự thân chúng đẹp ngoài cả sự thể hiện của người nghệ sĩ - thỏa mãn trong ta một thứ chủ nghĩa duy vật bẩm sinh, bị lý trí chống lại, và dùng làm đối trọng cho những sự trừu tượng hóa

trong mỹ học. Bức thủy mặc ấy vẽ chân dung một thiếu phụ không đẹp, nhưng thuộc một kiểu người khác thường, đầu đội một chiếc khăn gần giống một chiếc mũ ni cứng, vành là một dải lụa màu anh đào; một tay mang găng hở ngón cầm một điếu thuốc lá đã châm lửa, tay kia nâng lên ngang tầm đầu gối một thứ mũ lớn làm vườn, một thứ dụng cụ che nắng làm bằng rơm. Cạnh nàng, trên bàn đặt một bình cắm đầy hoa hồng. Thông thường - và trường hợp ở đây là như vậy - tính độc đáo của những tác phẩm này là ở chỗ chúng được sáng tác trong những điều kiện mà thoạt đầu chúng ta không nhận thấy rõ ràng, chẳng hạn trang phục kỳ lạ của một người đàn bà mẫu, có phải là cách hóa trang trong một buổi khiêu vũ không hoặc trái lại, chiếc măngtô đỏ của một ông già có vẻ bận nó để đáp ứng một yêu cầu của người vẽ, có phải là tấm áo dài giáo sư hay cố vấn hay hồng y giáo chủ của ông không?

Trước mắt tôi là bức chân dung một nữ diễn viên trẻ hóa trang. Chiếc mũ ni cứng trên mái tóc phồng tuy cắt ngắn, chiếc veston bằng nhung không có ve với tấm yếm trắng che ngoài, làm tôi băn khoăn không rõ kiểu trang phục này ở vào thời điểm nào, người mẫu là nam hay nữ, và tôi không biết chính xác dưới mắt mình là cái gì, trừ phi là một tác phẩm hội họa hết sức trong sáng. Niềm vui nó mang lại cho tôi không trọn vẹn: tôi sợ nếu còn chần chừ nữa thì Elstir sẽ làm mình lỡ dịp gặp các cô gái, vì mặt trời đã chênh lệch và chiếu thấp ở ô cửa sổ. Trong bức thủy mặc, không một chi tiết nào được miêu tả vì mục đích tự thân, bộ quần áo thì vì người thiếu phụ phải có quần áo, chiếc bình đựng hoa thì vì cần để cắm hoa. Nhưng chủ yếu tôi cảm thấy Elstir không quan tâm tới chỗ cách hóa trang của người nữ nghệ sĩ trẻ có gì vô luân không - đối với nàng, tài nghệ biểu diễn không quan trọng bằng sức hấp dẫn dữ dội của mình đối với một vài khán giả phóng đảng - Elstir, trái lại, gắn bó thiết tha với những đường nét nhập nhằng trong tranh như đối với một yếu tố thẩm mỹ cần nhấn mạnh và ông đã làm hết sức mình để làm nổi bật. Phía dưới bức chân dung có dòng chữ: *Tiểu thư Sacripant*, tháng Mười 1872. Tôi không thể kìm nén nổi lòng thán phục.

- Ô! Có gì đâu, - ông bảo tôi, - một bản phác thảo thời trẻ thôi mà, một bộ trang phục cho tờ Tạp chí *Thời trang*. Tất cả đã lùi sâu vào dĩ vãng.

- Nhưng còn người mẫu thì thế nào rồi thưa ông? - Tôi hỏi.

Sau một thoáng ngạc nhiên, gương mặt Elstir lại bình thản.

- Ông đưa nhanh bức tranh cho tôi, có tiếng bà Elstir xuống đây. Tuy người thiếu phụ đội mũ ni cứng này không có vai trò nào hết trong đời tôi - tôi

xin bảo đảm với ông như vậy, nhưng không nên để bức thủy mặc dưới mắt nhà tôi làm gì. Tôi chỉ giữ nó lại như một tài liệu thú vị về sân khấu thời kỳ ấy thôi mà.

Và trước khi giấu ra phía sau lưng, Elstir ngắm nhìn bức tranh một lúc. Có lẽ đã từ lâu ông không trông thấy tranh.

- Rồi đây tôi chỉ giữ lại cái đầu thôi, - ông thầm thì, - cánh tay thì vẽ xấu quá, còn hai bàn tay thì như là sản phẩm của một người mới vào nghề.

Bà Elstir bước vào làm tôi rất buồn. Chúng tôi lại sẽ bị muộn mất thôi.

Khung cửa sổ đã chớm màu hồng. Chắc hẳn chúng tôi có ra đi cũng sẽ uổng công vô ích. Không còn chút hy vọng nào có thể gặp các cô gái nữa, vì vậy bà Elstir có chia tay chúng tôi sớm hay muộn cũng chẳng sao.

Nhưng bà không ở lại lâu.

Tôi thấy bà có vẻ khó chịu; có lẽ là một thiếu phụ đẹp ở lứa tuổi hai mươi; nhưng mái tóc đã bạc; và trông bà không có gì khác thường tuy không giản dị, vì bà nghĩ vẻ đẹp như tranh của mình đòi hỏi thái độ phải trang trọng, oai phong, tuy tuổi tác đã làm mất hết vẻ duyên dáng. Và tôi xúc động nhưng không khỏi ngạc nhiên khi nghe Elstir không ngớt nói với vẻ vừa âu yếm vừa ca ngợi: “Gabrielle xinh đẹp của tôi!” như thể chỉ cần thốt

lên mây từ ấy là ông cảm thấy lòng tràn ngập yêu thương và quý trọng. Về sau, khi làm quen với nghệ thuật hội họa mang tính huyền thoại của Elstir, tôi đã hiểu vẻ đẹp của bà Elstir. Tôi hiểu trên thực tế, một quy tắc nghệ thuật, một loại hình lý tưởng thâm tóm ở một vài đường nét, một vài hoa văn không ngừng xuất hiện trong tác phẩm, ông đều cho là mang tính chất hầu như thần thánh, vì toàn bộ thời gian, toàn bộ nỗ lực tư duy, tóm lại, toàn bộ cuộc đời ông đã dành hết cho sứ mệnh phân tích tốt hơn, thể hiện trung thành hơn những đường nét ấy. Một lý tưởng như vậy khơi dậy ở Elstir một niềm mê say, một sự thành kính tới mức không bao giờ ông tự thấy thỏa mãn; lý tưởng ấy, chính là phần sâu kín nhất cuộc đời ông: bởi vậy, ông không thể thờ ơ cho tới ngày ông bắt gặp nó được thể hiện ra bên ngoài, trong hình hài một người phụ nữ, người về sau trở thành bà Elstir và trong đó ông thấy lý tưởng ấy thật đáng ngợi ca, thật thánh thiện - vì chỉ có thể như vậy đối với những gì không phải chính là bản thân chúng ta. Và lại, thanh thần biết bao khi được đặt đôi môi lên cái Đẹp mà cho tới lúc này mình đã phải biết bao gian khổ rút ra từ bản thân mình và giờ đây, trong một sự hiện thân huyền diệu, hiến dâng cho mình để mở đường cho một loạt những sự đồng cảm có hiệu quả! vào thời kỳ ấy, Elstir không còn ở tuổi thanh xuân, lứa tuổi người ta chỉ có thể thực hiện lý tưởng bằng sức mạnh tư duy. Ông đã bước gần tới cái tuổi người ta chỉ còn trông chờ vào những sự thỏa mãn của hình hài để kích thích sức lực của trí tuệ, khi sự mệt mỏi cơ thể khiến người ta thiên về chủ nghĩa duy vật, và sự giảm sút hoạt động, thiên về khả năng những ảnh hưởng tiếp thu một cách thụ động; tất cả những thứ đó bắt đầu đưa chúng ta tới chỗ chấp nhận có lẽ một vài thân hình, một vài nghề nghiệp, một vài nhịp điệu đặc biệt thể hiện hết sức tự nhiên lý tưởng của mình, nên dù không có thiên tài đi nữa, chỉ cần sao chép động tác một bờ vai, cử chỉ rướn lên của một ngón cổ cũng có thể tạo thành một kiệt tác; đây là lứa tuổi chúng ta thích mượn trợn cái Đẹp bằng ánh mắt, bên ngoài chúng ta, kề bên chúng ta, chẳng hạn một bức trướng, một sản phẩm đẹp của le Titien tìm thấy ở hiệu buôn đồ cổ, phác thảo một người tình cũng đẹp như chính tác phẩm.

Hiểu ra điều đó, tôi không thể không vui mừng khi gặp bà Elstir, và thân hình bà không còn vẻ nặng nề nữa vì tôi nghĩ bà là một sinh linh phi-vật chất, là chân dung Elstir. Bà là một chân dung như vậy đối với tôi và chắc hẳn đối với cả ông nữa. Cứ liệu về cuộc sống không có ý nghĩa đối với người nghệ sĩ, mà chỉ là một cơ hội để bộc bạch tài năng. Nhìn mười bức

chân dung khác của những con người khác nhau do Elstir vẽ và đặt cạnh nhau, tôi cảm thấy rõ ràng trước hết đó là những bà Elstir. Chỉ có điều là

sau lúc cơn triều tài năng dâng lên bao phủ cuộc đời, khi đầu óc bắt đầu mệt mỏi, thì dần dà thế cân bằng bị phá hủy, và như một con sông lấy lại dòng chảy sau cơn sóng triều, cuộc sống trở lại chiếm ưu thế. Tuy vậy, trong suốt thời kỳ thứ nhất, người nghệ sĩ từng bước rút ra quy luật, ra công thức của thiên tài vô thức của mình. Người đó biết những tình huống nào, nếu là nhà tiểu thuyết, những phong cảnh nào, nếu là nhà họa sĩ, cung cấp cho mình chất liệu, tuy tự thân nó thì lạnh lùng nhưng cần thiết cho tìm tòi và sáng tạo, chẳng khác một xưởng thợ hay một phòng thí nghiệm. Người đó biết mình đã làm nên kiệt tác với tác dụng của ánh sáng được giảm bớt cường độ, với nỗi lòng ân hận xót xa của những kẻ lỗi lầm, với những người đàn bà đứng dưới thân cây hay nửa mình ngập trong dòng nước như những bức tượng. Sẽ có ngày, khi đứng trước những chất liệu mà tài năng của mình từng sử dụng, người nghệ sĩ do trí óc mòn mỏi sẽ không còn đủ nỗ lực về tinh thần - điều kiện duy nhất cho phép tạo nên tác phẩm, nhưng vẫn tiếp tục tìm kiếm những chất liệu ấy, sung sướng được ở cạnh chúng vì chúng khơi dậy ở ông niềm hứng thú tinh thần, vốn là yếu tố kích thích lao động. Và trong lúc bao phủ chúng trong một thứ mê tín như thể chúng ở trên mọi thứ khác, nếu một phần lớn công trình nghệ thuật của mình đã nằm trong các chất liệu ấy, thì người nghệ sĩ không còn làm gì hơn là gặp gỡ, là gắn bó với hình mẫu. Ông sẽ chuyện trò với những người phạm tội hồi cải mà những nỗi ân hận, xót xa trước kia từng là đề tài tiểu thuyết của mình; sẽ mua một ngôi nhà ở một làng quê, nơi sương mù làm ánh sáng bớt chói chang; sẽ để nhiều thì giờ ngắm nhìn những người đàn bà đẹp; sẽ sưu tập những thứ vải quý... Và cứ thế, cái đẹp của cuộc sống - một từ có thể nói là vô nghĩa - cái giai đoạn nằm ở phía bên này nghệ thuật, nơi tôi từng thấy Swann dừng lại không dám bước tiếp, cũng sẽ là giai đoạn mà một ngày sau một Elstir sẽ tụt dần xuống vì giảm dần năng lực sáng tạo, vì sùng bái những hình thức từng ưu ái ông ngày trước, vì chỉ còn muốn thực hiện nguyên tắc nỗ lực tối thiểu.

Elstir đặt xong nét bút cuối cùng vào những đóa hoa trong tranh; tôi ngắm nhìn chúng một lát. Như thế chẳng có gì đáng ca ngợi vì tôi biết các cô gái không còn trên bãi tắm nữa. Nhưng tôi vẫn muốn nghĩ là họ vẫn ở đấy, là những giây phút bỏ phí này làm tôi mất cơ hội gặp họ, tuy thấy vẫn cứ nên ngắm tranh vì nghĩ bụng Elstir quan tâm tới những đóa hoa của ông hơn tới cuộc gặp gỡ của tôi với các cô thiếu nữ. Bản chất bà tôi thực sự đối lập với thói hoàn toàn ích kỷ của tôi, nhưng lại phản ánh trong bản chất tôi. Chỉ cần một kẻ tôi vốn không thiết tha gắn bó mà chỉ giả vờ yêu thương hay

kính trọng, gặp một chuyện không hay trong lúc bản thân mình đứng trước một tình thế nguy hiểm là lòng tôi day dứt về trường hợp không hay của hẳn như một việc trọng đại, và xem hiểm họa của mình là vô nghĩa. Và chẳng những không phàn nàn về hoàn cảnh nguy hiểm bản thân mình đang phải trải qua mà tôi còn sẵn sàng đương đầu với nó trong lúc đối với tai họa của người khác, thì trái lại, tôi tìm mọi cách tránh cho họ, dù bản thân mình có nguy cơ phải mang họa nhiều hơn. Như vậy vì nhiều lý do không có gì đáng ca ngợi đối với riêng tôi hết. Một là nếu chỉ lý luận không thôi thì tôi cho là mình thiết tha muốn sống mỗi khi trong đời bị ám ảnh bởi những mối băn khoăn về tinh thần hoặc chỉ bởi những nỗi thấp thỏm vì bệnh thần kinh, có khi ngây ngô tới mức không dám thổ lộ với ai; nhưng nếu lúc đó, một trường hợp bất ngờ xảy đến, dẫn tới nguy cơ tôi có thể bị sát hại, thì nỗi lo nghĩ này rất đáng quan tâm so với những mối quan tâm khác, và tôi đón nhận nó với một cảm giác thoải mái, thậm chí khoan khoái. Và tuy là đứa ít dừng cảm nhất trên đời, tôi vẫn thấy mình mê say trước những trường hợp hiểm nghèo, điều mà tôi cảm thấy hết sức xa lạ, không sao hình dung nổi đối với bản chất mình trong lúc tôi lý luận. Nhưng nếu xảy ra một tình huống nguy nan, thậm chí có thể chết người, thì dù đang ở trong một thời kỳ hoàn toàn yên tĩnh và hạnh phúc, tôi vẫn không thể không dành cho người khác một chỗ an toàn khi cùng đi với họ, còn mình thì nhận lấy vị trí nguy hiểm. Khi khá nhiều kinh nghiệm cho tôi biết mình luôn luôn hành động theo kiểu đó và hành động một cách vui vẻ, thì tôi hết sức hồ thẹn phát hiện ra rằng sở dĩ như vậy là vì, trái với điều mình vẫn luôn luôn tin chắc và khẳng định, tôi hết sức nhạy cảm với dư luận xung quanh. Tuy vậy, thứ tự ái, giấu kín trong lòng này không đáng tới thói khoe khoang hay thái độ kiêu ngạo. Vì tất cả những gì thỏa mãn cả hai khuynh hướng ấy không hề làm tôi vui thích và tôi luôn luôn tìm cách xa lánh. Nhưng đối với những người che giấu hoàn toàn không cho biết những ưu điểm nhỏ của mình khiến họ có thể có quan niệm ít tồi tệ hơn về mình, tôi không bao giờ không thích thú chứng minh là tôi thiết tha đẩy lùi cái chết trên đường đi của họ hơn trên đường đi của bản thân mình. Vì động cơ lúc bấy giờ của tôi là lòng tự ái chứ không phải là việc làm đạo lý, nên tôi thấy rất tự nhiên là trong mọi trường hợp, họ đều không hành động như vậy. Tôi không hề chê trách họ, điều mà có lẽ tôi đã làm nếu thúc đẩy hành động của tôi là một ý nghĩ về nghĩa vụ mà trong trường hợp ấy, tôi cho là bắt buộc đối với họ cũng như đối với mình. Trái lại, tôi thấy họ rất khôn ngoan trong việc bảo vệ cuộc sống của họ, trong lúc không thể ngăn cản tôi đặt cuộc sống của tôi

vào hàng thứ hai, điều mà tôi cho là đặc biệt phi lý và tội lỗi, từ khi hình như tôi hiểu ra rằng cuộc sống của nhiều người mà tôi đứng che chắn cho khi một quả bom nổ, càng vô giá trị hơn. Vả lại, hôm đến thăm Elstir, tôi chưa hề nhận ra sự khác biệt về giá trị ấy, và không hề có vấn đề tai họa gì hết, mà chỉ là điếm tiên báo một thứ tự ái tai hại là làm ra vẻ không coi niềm hứng thú mình thiết tha mong đợi, quan trọng hơn cái công việc vẽ bức tranh thủy mặc ông chưa hoàn thành.

Cuối cùng bức tranh vẽ xong. Và ra đến ngoài, tôi thấy chưa đến nỗi quá muộn như tôi nghĩ bụng – vì mùa này ngày rất dài. Chúng tôi bước lên con đê biển. Tôi đã dùng biết bao mưu chước để giữ Elstir lại chỗ tôi tin là các cô gái vẫn còn có thể đi qua! Tôi không ngừng yêu cầu ông giảng giải về những vách đá cao ngất cạnh mình nhằm làm ông quên giờ giấc và đứng lại tại chỗ. Tôi có cảm giác có nhiều có hội gặp nhóm các thiếu nữ nếu đi về phía cuối bãi tắm.

- Giá được cùng ông tới gần ngắm nhìn những vách đá kia. – Tôi ngỏ ý với Elstir vì từng chú ý một người trong nhóm các cô gái thường đi về phía ấy.

– Và trong lúc đó, ông nói cho tôi biết về Carquethuit. Tôi thiết tha muốn tới Carquethuit biết chừng nào! – Tôi nói thêm trong lúc không nghĩ rằng tính chất mới lạ thể hiện hết sức rõ rệt trong bức tranh *Cảng Carquethuit* của Elstir là do nhãn quan của nhà họa sĩ hơn là do ưu thế đặc biệt của bãi biển. – Từ khi nhìn thấy bức tranh này, có lẽ cái tôi muốn biết hơn hết là Carquethuit cùng với Môm le Raz, tuy từ đây tới đó, là cả một cuộc hành trình.

- Dù có xa hơn thế nữa, tôi vẫn khuyên ông nên chọn Carquethuit. – Elstir đáp. – Môm le Raz đẹp thật đấy, nhưng xét cho cùng vẫn là kiểu vực thẳm lớn ông từng biết ở Normandie hay ở Bretagne. Còn Carquethuit thì hoàn toàn khác, với những tảng đá trên một bãi biển thấp. Tôi không thấy ở Pháp có gì tương tự như vậy, và nó gợi lại trong trí tôi một vài quang cảnh ở Floride⁽³³⁶⁾. Kỳ lạ lắm, và cũng hoang dã lắm. Nó nằm giữa Clitourps và Nehomme, và ông biết là những vùng này rất hoang vắng; bờ biển thật mê ly. Ở đây, bờ biển chẳng có gì khác lạ; còn ở đấy, tôi không thể tả với ông nó duyên dáng, êm đềm đến thế nào.

Trời tối hẳn; tôi tiễn Elstir trở về biệt thự, bỗng nhiên giống như Mephistopheles xuất hiện trước Faust⁽³³⁷⁾ từ phía cuối con đê biển, nổi lên mấy nét chấm phá: các cô gái ra chiều không trông thấy tôi nhưng chắc hẳn không phải vì vậy mà không đang cùng nhau bình phẩm về tôi một

cách hài hước. Cảm thấy cuộc gặp gỡ giữa họ và chúng tôi không thể diễn ra, và Elstir chắc sẽ gọi mình, tôi quay lưng lại như thể một khách tắm biển sắp nhảy xuống nước; tôi đứng sững lại, và để người bạn danh tiếng lầy lùng tiếp tục cất bước, tôi lùi lại sau, cúi nhìn từ kính cửa hàng đồ cổ chúng tôi đi qua lúc này như thể tôi bỗng quan tâm tới; tôi không bức mình trong khi làm ra vẻ có thể nghĩ tới những gì khác ngoài các cô gái này, tôi loáng thoáng biết rằng khi được Elstir gọi để giới thiệu, tôi sẽ có một ánh mắt dò hỏi biểu lộ không phải sự ngạc nhiên, mà là ý muốn làm ra vẻ ngạc nhiên – vì mỗi người chúng ta là một diễn viên tồi, hoặc người khác là một người xem tướng giỏi; biết rằng thậm chí tôi sẽ lấy tay chỉ vào ngực để hỏi: “Đúng là ông gọi tôi phải không?” và chạy nhanh tới, đầu cúi thấp vì vâng lời và ngoan ngoãn, gương mặt che giấu một cách lạnh lùng nỗi khó chịu đang chiêm ngưỡng đồ sành sứ cổ thì bị gọi để được giới thiệu với những người mình không mong làm quen.

Nhưng tôi ngẩng nhìn chiếc tủ kính trong lúc chờ cho tên mình do Elstir gọi to tới vang dội bên tai tựa một viên đạn vô hại và mình mong đợi. Tin chắc sẽ được giới thiệu với các cô gái, tôi cảm thấy thờ ơ chứ không phải chỉ làm ra vẻ thờ ơ đối với họ.

Niềm vui được làm quen họ, từ nay trở thành tất yếu nên tôi cảm thấy nó nhỏ bé hơn niềm vui được trò chuyện với Saint-Loup, được ăn tối với bà tôi, được tổ chức trong vùng những buổi du ngoạn mà về sau tôi có thể ân hận đã không coi trọng vì cùng đi với những người hình như không mấy quan tâm tới các di tích lịch sử. Và lại, yếu tố làm giảm bớt niềm vui tôi sắp được hưởng, không phải chỉ vì nó đã tới sát tận nơi, mà còn vì quá trình nó tới quả là rời rạc. Có những định luật chính xác chẳng kém định luật của ngành thủy tĩnh học duy trì hiện tượng xếp chồng lên nhau những hình ảnh chúng ta tạo lập theo một trật tự cố định nhưng bị đảo lộn khi sự kiện sắp xảy tới.

Elstir sẽ gọi tôi. Trên bãi tắm cũng như trong phòng riêng, tôi không hề hình dung mình sẽ gặp các cô gái theo cách đó. Điều sắp xảy tới, là một sự kiện khác tôi không hề chuẩn bị đón nhận. Tôi không nhận ra trong đó cả nỗi niềm ước ao của mình lẫn đối tượng mình ao ước; hầu như tôi ân hận đã ra đi cùng Elstir. Nhưng chủ yếu, niềm vui mà trước đó tôi tin sẽ tới, giảm bớt là vì tôi định ninh không có gì có thể tước đoạt nó của mình nữa và đang tiếp tục vươn lên cao như thể vì tác động của một lực co dãn thì nó bỗng thôi không còn chịu sức ép của niềm tin ấy nữa vào lúc tôi quyết định quay đầu và thấy Elstir, cách xa tôi chút ít, đứng lại và chào tạm biệt các cô

gái. Gương mặt người đứng gần ông nhất, to lớn với cặp mắt sáng ngời, trông như một chiếc bánh ngọt trên đó tưởng chừng người ta dành chỗ cho một mảnh trời. Cặp mắt nàng, tuy bất động, vẫn gợi cảm giác chuyển động giống như trong những ngày gió lớn, không khí tuy vô hình vẫn cho người ta biết tốc độ của nó trên bầu trời. Ánh mắt nàng thoáng gặp ánh mắt tôi như những mảnh trời chuyển động trong những ngày đông bão tới cạnh một đám mây xê dịch chậm hơn, áp sát nó, đụng vào nó, vượt qua nó. Nhưng chúng không biết nhau và chuyển động cách xa nhau. Cũng như vậy, ánh mắt chúng tôi đối diện nhau trong một thoáng, nhưng không biết khoảng trời trước mặt chứa đựng những điều lành, điều dữ ra sao đối với tương lai. Chỉ tới lúc ánh mắt nàng lướt qua đúng chỗ tôi trong khi nàng vẫn không bước chậm lại, bầu trời mới hơi mờ đi. Như thế đấy, trong một đêm sáng trời, vầng trăng bị cuốn theo gió đi qua dưới một mảng mây và ánh sáng của nó bị che khuất trong chốc lát, rồi lại nhanh chóng xuất hiện. Nhưng Elstir không hề gọi tôi trước khi chia tay các cô gái. Họ bước đi theo một con đường tắt, và ông tới gặp tôi. Mọi việc đều đã nhờ nhàng. Như trên tôi đã nói, hôm ấy, tôi không thấy Albertine như những Albertine lần trước, và mỗi lần, hình như tôi thấy nàng mỗi khác. Nhưng vào lúc này, tôi cảm thấy một vài sự đổi thay ở một con người có thể phụ thuộc vào khả năng đổi thay một vài trạng thái đặt ra giữa con người đó và chúng ta. Một trong những trạng thái có vai trò quan trọng nhất về mặt này là niềm tin (tối hôm ấy, niềm tin rồi tiếp theo sự tiêu tan niềm tin tôi sẽ làm quen Albertine khiến tôi xem nàng, lúc đầu thì hầu như vô nghĩa nhưng sau đấy lại cực kỳ quý giá; mấy năm sau, niềm tin rồi tiếp theo là sự tiêu tan niềm tin Albertine chung thủy với tôi cũng đưa tới những đổi thay tương tự). Dĩ nhiên, ở Combray, tùy theo giờ giấc, tùy theo tâm tưởng của mình, tôi từng thấy giảm bớt hay tăng thêm nỗi buồn không được ở cạnh mẹ tôi, nỗi buồn tuyệt nhiên không vương vấn lòng tôi suốt cả buổi chiều giống như người ta không sao tìm thấy ánh trăng chừng nào mặt trời còn chiếu sáng, nhưng tối đến thì ngự trị trong tâm tư khắc khoải của tôi, thay thế cho mọi kỷ niệm xa gần.

Nhưng hôm ấy, khi thấy Elstir chia tay các cô gái mà không gọi mình, tôi hiểu ra rằng nỗi niềm buồn vui của con người thay đổi, không những chỉ vì trạng thái tâm hồn thay đổi, mà còn vì sự đổi thay của những niềm tin vô hình khiến chúng ta thờ ơ trước cái chết chẳng hạn, khi chúng bao phủ cái chết ấy trong một thứ hư ảo, và vì vậy, chúng ta vẫn thiết tha tới dự một buổi dạ hội âm nhạc; nhưng buổi này sẽ không còn khả năng quyến rũ nếu

khi được tin chúng ta sắp phải lên đoạn đầu đài, niềm tin bao trùm buổi dạ hội bỗng nhiên tiêu tan.

Tôi biết những gì về Albertine? Một hai gương mặt chụp nghiêng trên bãi biển, chắc hẳn kém đẹp những gương mặt phụ nữ của danh họa Véronèse mà lẽ ra tôi phải ưa thích hơn so với nàng, nếu tuân theo những lý do thuần túy mỹ học. Thế nhưng liệu tôi còn phải tuân theo những lý do nào khác khi, nổi bật khoả qua đi, tôi chỉ còn có thể tìm lại mấy tấm hình ấy, ngoài ra, không còn có gì khác? Từ khi trông thấy Albertine, mỗi ngày, tôi vương vấn hàng nghìn điều suy nghĩ về nàng; với cái mà tôi gọi là *nàng*, tôi theo đuổi cả một cuộc đối thoại nội tâm: tôi để cho nàng hỏi, trả lời, suy nghĩ, hành động; và trong cái chuỗi vô tận những Albertine được tưởng tượng và nối tiếp nhau trong tôi từng giờ từng phút, nàng Albertine bằng xương bằng thịt tôi trông thấy trên bãi tắm chỉ là người dẫn đầu, như “người sáng tạo” một vai trò, như một ngôi sao. Nàng Albertine ấy chỉ là một hình bóng, tất cả những gì được đưa thêm vào trong đó đều do tôi tưởng tượng, vì trong tình yêu, những yếu tố xuất phát từ chúng ta - dù chỉ nói về mặt số lượng - bao giờ cũng lẫn át những yếu tố bắt nguồn từ người yêu. Và điều ấy đúng đối với những mối tình xác thực nhất. Có những mối tình chẳng những có thể hình thành mà còn tồn tại lâu dài xung quanh những cái hầu như vô nghĩa, kể cả những trường hợp đã được thỏa mãn về mặt nhục cảm. Một vị giáo sư hội họa ngày trước của bà tôi có một đứa con gái với một người tình ở địa vị xã hội thấp kém. Trong những tháng cuối đời ông, bà tôi và mấy bà ở Combray nghĩ chuyện bảo đảm cuộc đời cho cô bé bằng cách góp tay nhau để tạo lập cho nó một món lợi tức vĩnh viễn, tuy trước đấy, chưa bao giờ các bà nói xa nói gần tới người đàn bà nọ trước mặt ông, và lại ông không cùng sống một cách chính thức và chỉ có rất ít quan hệ với người đó. Bà tôi là người đề xướng, nhưng một số bà bạn làm khó làm dễ: con bé ấy có thật sự đáng quan tâm tới

mức ấy hay không, nó có thật là con gái của người tin mình là cha nó không? Cuối cùng các bà mới quyết định. Cô bé tới cảm ơn. Nó xấu xí và giống ông giáo sư như đúc nên đánh tan mọi ngờ vực. Chỉ riêng mái tóc là đẹp nên một bà đã nói với ông bố hôm tới thăm ông:

- Cô bé có mái tóc đẹp quá.

Và nghĩ rằng giờ đây, người đàn bà nọ đã mất và ông giáo sư thì cũng chẳng sống bao lâu nữa, bà tôi cho là có nhắc tới dĩ vãng mà từ trước người ta vẫn luôn luôn giả vờ như không biết, thì cũng chẳng sao, nên nói thêm:

- Chắc hẳn là do di truyền. Bà mẹ cô bé có mái tóc cũng đẹp như thế không, thưa ông?

- Tôi không rõ, - ông bố ngây thơ đáp. - Tôi chỉ trông thấy bà ấy khi có mũ trên đầu.

Tôi cần tới gặp Elstir. Tôi soi gương. Ngoài cái tai họa vừa qua không được giới thiệu, tôi nhận thấy cả vạt thì thắt lệch hẳn một bên, chiếc mũ thì để lộ bộ tóc để dài, không hợp với gương mặt; nhưng dù thế này chẳng nữa mà các cô gái gặp tôi cùng với Elstir và không thể quên tôi thì vẫn là điều may.

- Giá được làm quen họ thì tôi sung sướng biết chừng nào. - Tôi thổ lộ với Elstir khi tới cạnh ông.

- Vậy vì sao ông lại đứng xa đến hàng dặm thế?

Ông nói vậy, không phải để thể hiện ý nghĩ của mình, vì nếu quả ông muốn thỏa mãn nguyện vọng của tôi, thì gọi tôi có khó khăn gì, nhưng có lẽ vì ông từng nghe những câu nói kiểu ấy vốn ở đầu cửa miệng những kẻ tầm thường khi phạm lỗi, và thậm chí cũng còn vì ở một số mặt, những con người vĩ đại cũng giống như những kẻ tầm thường, cũng dùng những lời xin lỗi hàng ngày trong cùng một danh mục như họ, giống như kiểu dùng bánh mì mỗi ngày ở cùng một lò bánh. Tôi nghĩ chắc hẳn các cô gái không muốn ông gọi tới một kẻ họ không thấy có mấy cảm tình; nếu không ắt hẳn ông phải gọi, sau khi tôi đã đặt biết bao câu hỏi về họ và ông đã thấy rõ tôi chú ý tới họ biết chừng nào.

- Hôm nọ tôi có nói chuyện với ông về Carquethuit, - ông bảo tôi trước khi chia tay trước cửa. - Tôi có một bản phác họa nhỏ trong đó rất dễ nhận ra bờ biển uốn lượn. Bức tranh không đến nỗi tồi lắm, nhưng đây là chuyện khác. Nếu ông cho phép thì để kỷ niệm tình bạn, tôi biếu ông bản phác họa, - ông nói thêm, - vì những người từ chối chúng ta điều ta mong muốn, sẵn sàng cho chúng ta những cái khác.

- Nếu ông có, thì tôi rất vui mừng được một tấm ảnh nhỏ chân dung tiểu thư Sacripant.

- Nhưng tên ai thế?
- Tên một nhân vật mà người mẫu đóng vai trong một tiểu nhạc kịch grotesque.
- Nhưng thưa ông, ông biết là tôi không hề quen biết người ta, ông có vẻ tin ngược lại hay sao ấy.

Elstir ngừng bật.

- Thế nhưng đây không phải là bà Swann trước khi lập gia đình, - tôi nói tiếp vì bất ngờ đứng trước một sự thật hiển nhiên; thực ra những sự gặp gỡ này khá hiếm hoi nhưng về sau đủ để tạo một căn cứ nhất định cho lý thuyết về dự cảm nếu người ta cố quên đi tất cả những sai lầm có thể phủ định nó.

Elstir không trả lời. Quả là chân dung Odette de Cr cy. Bà ta không muốn giữ nó vì nhiều lý do, trong đó một vài lý do quá hiển nhiên. Còn có những lý do khác nữa. Bức chân dung có trước khi Odette thay hình đổi dạng, biến gương mặt và cả con người thành một “công trình sáng tạo” mà trải qua năm tháng, những người thợ may, thợ cắt tóc, và cả bản thân bà ta nữa - trong cách đứng ngồi, nói năng, mỉm cười, đặt bàn tay, đưa ánh mắt, và cả trong cách suy nghĩ - đều phải tôn trọng những nét lớn. Phải có cuộc sống suy đồi của một người tình chán chường thì Swann mới ưa thích nổi tấm ảnh nhỏ trong buồng ngủ, tấm ảnh một thiếu phụ gầy gò, khá xấu xí, mái tóc chải bông, nét mặt căng thẳng, bên cạnh nhiều bức ảnh một bà vợ kiêu diễm, một Odette-không- mấy-may-thay-đổi.

Nhưng dù bức chân dung không phải có trước, mà có sau việc biến đổi có hệ thống đường nét của Odette thành một mô hình mới, đường bệ và quyến rũ đi nữa, thì cũng chỉ cần nhãn quan của Elstir là đủ để thay hình đổi dạng hoàn toàn. Thiên tài nghệ thuật tác động như những nhiệt độ cực kỳ cao có khả năng phá hủy các tổ hợp nguyên tử và tập hợp

chúng lại theo một trật tự hoàn toàn ngược lại, tương ứng với một mô hình khác. Tất cả sự hài hòa giả tạo người đàn bà áp đặt cho đường nét của mình và hàng ngày kiểm tra qua gương soi xem chúng có còn nguyên vẹn không trước khi bước chân ra khỏi nhà, chăm chút sao cho chúng không suy suyển trong từng chi tiết nhỏ: từ cách đội chiếc mũ cho lệch thế này, chải mái tóc cho mượt thế kia, nở nụ cười cho duyên dáng thế nọ, tất cả sự hài hòa ấy, ánh mắt của nhà danh họa chỉ cần một giây là làm tiêu tan và thay thế bằng cách tập hợp lại đường nét của người trong tranh theo lý tưởng hội họa của mình về nữ giới.

Cũng giống như vậy, tình hình thường xảy ra là từ một lứa tuổi nào đấy, con mắt nhà nghiên cứu bậc thầy tìm thấy khắp nơi những yếu tố cần thiết để tạo lập những mối quan hệ mới, đối tượng quan tâm duy nhất của ông. Một người chị em họ của quận chúa de Luxembourg, một trong những người đàn bà nhan sắc rất mực kiêu ngạo, ngày trước say mê một thứ nghệ thuật còn mới lạ vào thời kỳ ấy, đến yêu cầu một trong những họa sĩ tả thực lớn nhất, vẽ chân dung. Ngay lập tức, con mắt người nghệ sĩ tìm thấy điều ông từng lục kiếm khắp nơi. Và trên bức tranh, hiện lên thay vì vị đại phu nhân, một cô bé sai vặt, phía sau là một khung cảnh rộng lớn màu tím, làm người ta liên tưởng tới quảng trường Pigalle⁽³³⁸⁾.

Nhưng dù không tới mức ấy đi nữa, thì khi vẽ chân dung một người đàn bà, ngòi bút một nhà danh họa vẫn không hề tìm cách thỏa mãn một vài đòi hỏi phi lý của bà ta, chẳng hạn như kiểu yêu sách, khi bắt đầu vẽ già, chụp ảnh trong trang phục hầu như của thiếu nữ để tôn thêm thân hình vẫn còn trẻ trung của mình và làm người ta tưởng như đứng trước chị gái hoặc thậm chí con gái của con gái bà ta, và nếu cần thì bố trí cho người con gái này ngồi bên cạnh trong bộ quần áo xuềnh xoàng. Hơn thế nữa, nhà danh họa còn làm nổi bật những điều bất lợi mà bà ta tìm cách che giấu, như một sắc da xanh xao, vàng vọt, chẳng hạn, nhưng trái lại thật sự hấp dẫn đối với ông vì chúng có “cá tính”. Tuy vậy những điều bất lợi ấy đủ làm thất vọng người khán giả tầm thường và làm tiêu tan trước mắt hẩn lý tưởng người đàn bà vốn bảo vệ hết mực kiêu hãnh, vì nó đặt bà ta trong một hình thái độc nhất, bất di bất dịch, hoàn toàn vượt ra ngoài và lên trên xã hội. Giờ đây thất sủng, và nằm bên ngoài bản thân mô hình của chính mình trước kia mình từng ngự trị, bà ta chỉ còn là một người đàn bà bất kỳ, hoàn toàn không còn ưu thế trước mắt người đời.

Đỉnh ninh trong mô hình ấy, chẳng những tồn tại nhan sắc mà còn cả nhân cách, hình tích Odette nên đứng trước bức chân dung, người ta chẳng

những muốn kêu lên: “Sao lại làm cho xấu đi đến thế!” mà còn không thể không nói “Chẳng giống tí nào!” Chúng ta khó có thể tin đây là bà ta, không nhận ra bà ta. Thế nhưng quả là một người chúng ta có cảm giác rõ rệt đã từng trông thấy. Tuy người đó không phải là Odette, nhưng gương mặt, thân hình, dáng dấp vẫn rất quen thuộc đối với chúng ta; chúng gọi lên trong óc ta, không phải người đàn bà vốn không bao giờ có cách đứng ngồi như vậy, có tư thế thường ngày với những đường nét kỳ lạ và khiêu khích như vậy, mà là những người đàn bà khác, tất cả những người Elstir từng vẽ; và dù họ khác nhau đến mấy, ông vẫn thể hiện chính diện, cẳng chân uốn cong ra ngoài váy, chiếc mũ tròn rộng cầm ở tay và úp lên đầu gối đối xứng với gương mặt. Bức chân dung không những chỉ đánh dấu cách trang phục của người đàn bà, mà còn cả phong cách người nghệ sĩ. Phong cách ấy, phong cách đầu tay của Elstir, là “bản trích lục khai sinh” gay go nhất đối với Odette vì nó biến bà ta chẳng những thành “Cô em út” của đám các bà đom dáng quen thuộc giống như các bức ảnh của bà ta thời đó, mà còn vì nó làm bức chân dung trở thành một tác phẩm đương thời với nhiều bức chân dung do Manet hoặc Whistler vẽ theo nhiều người mẫu hiện nay không còn nữa và đã bị lãng quên hoặc thuộc về lịch sử.

Trong lúc tôi tiễn Elstir về nhà, sự phát hiện về hình tích người mẫu của ông đưa tôi tới những ý nghĩ âm thầm trên đây, và sự phát hiện thứ nhất này dẫn tới một sự phát hiện thứ hai còn làm tôi bối rối hơn: sự phát hiện về chính hình tích tác giả. Ông đã vẽ chân dung Odette de Crécý. Con người tài năng, nhà ăn dật, nhà hiền triết có lối nói chuyện tuyệt vời và vượt lên trên hết tất cả này, có thể là người họa sĩ lỗi bịch và đòi trụ trước kia gia đình Vedin từ sử dụng hay sao? Tôi hỏi ông có phải ông quen biết họ, có phải một cách ngẫu nhiên họ gọi ông là ông Biche không. Ông không một chút bối rối trả lời tôi là phải, như thế đó là một phần đã tương đối lâu rồi của cuộc đời ông, và như thế ông không ngờ nổi thất vọng đặc biệt ông gây cho tôi, nhưng khi ngược mắt lên, ông thấy hiện trên nét mặt tôi. Còn gương mặt ông thì có vẻ bất bình. Và khi về gần tới nhà, giá như là một người không có bộ óc và trái tim thật cao cả thì có lẽ ông chỉ nói lời tạm biệt lạnh lùng và về sau tránh gặp lại tôi. Nhưng Elstir không xử sự như vậy; với tư cách người thầy thực sự, từ mọi tình huống, dù liên quan tới ông hay tới người khác, ông vẫn tìm cách rút ra phần chân lý chứa đựng trong đó, nhằm cung cấp bài học tốt nhất cho tuổi trẻ; và có lẽ về phương diện sáng tác đơn thuần, khuyết điểm duy nhất của ông là làm thầy, theo đúng nghĩa của từ “thầy”, vì muốn hoàn toàn giữ vững chân lý trong đời

sống tinh thần, người nghệ sĩ phải sống “một mình”, và không “ban phát” cái tôi của mình, dù cho các môn đệ. Vì vậy, thay vì những lời có thể thỏa mãn lòng tự ái, ông chỉ nói lên những điều có khả năng răn dạy tôi.

- Không một ai, dù khôn ngoan tới đâu, trong một giai đoạn nào đó của buổi thiếu thời là không thốt ra những lời lẽ, hoặc thậm chí tổ chức một cuộc sống mà về sau mình xót xa khi hồi tưởng lại và muốn đoạn tuyệt hoàn toàn. Nhưng tuyệt nhiên không nên ân hận điều đó, vì người ta khó có thể tin chắc trở nên khôn ngoan, trong chừng mực có thể được, nếu đã không phạm sai lầm hoặc lỗi lầm. Tôi biết có những chàng trai, con và cháu những vị danh giá, được các gia sư giảng dạy về sự cao cả của trí tuệ và đạo đức, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông. Có lẽ họ có quyền cho phép mình làm mọi thứ trên đời, có thể công bố và ký tên vào tất cả những gì họ phát biểu; nhưng họ chỉ là những bộ óc nghèo nàn, những kẻ không có năng lực trí tuệ. Người ta không tiếp nhận trí tuệ, và phải tự thân phát hiện lấy, sau một chặng đường không một ai có thể đi thay hoặc miễn trừ cho ta, vì trí tuệ là một cách nhìn sự vật. Những cuộc đời được ca ngợi, những thái độ được cho là cao đẹp, đâu phải do ông chủ gia đình hay vị gia sư sắp đặt; chúng phải mở đầu rất khác nhau vì chịu ảnh hưởng của cái xấu hay cái tầm thường ngự trị xung quanh. Mỗi một cuộc đời ấy là cả một cuộc chiến đấu và chiến thắng. Tôi hiểu hình ảnh mỗi chúng ta trong mỗi buổi đầu cuộc đời, về sau khó có thể nhận ra và dấu sao cũng chẳng lấy gì làm thú vị. Nhưng không thể phủ nhận nó, vì nó là một bằng chứng tỏ rõ chúng ta đã thực sự sống và từ những yếu tố chung của cuộc sống theo quy luật của nó và của trí tuệ, chúng ta rút ra được cái gì đó vượt lên trên những yếu tố này.

Chúng tôi bước tới trước cửa nhà Elstir. Tôi thất vọng không được làm quen các cô gái. Nhưng giờ đây đã có thể có cơ hội gặp lại họ; họ không còn chỉ qua lại ở một chân trời mà tôi từng nghĩ là không còn bao giờ thấy họ trở lại nữa.

Xung quanh tôi không còn chuyển động cái dòng xoáy dữ dội ngăn cách nữa; nó vốn chỉ là sự thể hiện nỗi niềm ước ao lẫn lo âu luôn luôn hoạt động và trôi dạt trong tôi trước nguy cơ họ có thể vĩnh viễn trốn thoát không bao giờ đến với mình. Niềm ao ước ấy giờ đây, tôi có thể kìm nén lại, bên cạnh biết bao nhiêu niềm ao ước khác mà tôi trì hoãn việc thực hiện, một khi biết có thể thực hiện được. Chia tay Elstir, tôi trở về nhà một mình. Bỗng nhiên, mặc dù thất vọng, tôi thấy hiện lên trong óc tất cả những sự ngẫu nhiên run rủi cho Elstir quen biết các cô gái, cho những gương mặt

thiếu nữ tuy sáng nay đối với tôi còn là những hình bóng trong một bức tranh lấy tên biển cả làm nền, nhưng đã thấy tôi quen biết một nhà danh họa, người từ nay hiểu nỗi lòng tôi ao ước được làm quen họ và chắc hẳn sẽ ủng hộ tôi.

Tất cả mang lại cho tôi niềm vui, nhưng là một niềm vui thầm lặng: có những vị khách ngồi chờ chúng ta để chúng ta biết họ có mặt, dù những người khác đã rời bỏ ta, dù chúng ta cô đơn. Lúc đó, chúng ta trông thấy họ, có thể nói với họ: “Tôi hoàn toàn thuộc về ông”, và nghe họ nói. Có khi từ lúc những niềm vui ấy ulla vào trong ta đến lúc bản thân ta có thể thâm nhập vào trong đó, biết bao thời gian đã trôi qua, chúng ta đã gặp biết bao con người trong khoảnh khắc chúng ta lo sợ họ không chờ đợi mình.

Nhưng họ kiên nhẫn, họ không chán nản, và hễ mọi người ra đi là chúng ta thấy họ đứng trước mặt mình, có khi chính chúng ta là người mệt mỏi tới mức hình như đầu óc không còn đủ sức để ghi nhớ những kỷ niệm, những ấn tượng, nơi nướng nấu duy nhất, phương thức hiện thực hóa duy nhất cái tôi mong manh của chúng ta. Và chúng ta sẽ luyện tiếc nó, vì cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi “những lớp bụi hiện thực” xen lẫn với một lớp cát thần kỳ, khi một sự kiện ngẫu nhiên bình thường trở thành một động lực phi thường. Từ đó, cả một mảng thế giới bí ẩn xuất hiện trong ánh sáng của giấc mơ, và đi vào cuộc sống chúng ta, cuộc sống trong đó, giống như người ngủ say vừa thức giấc, chúng ta trông thấy những người trước đó mình thiết tha mơ ước tới mức tưởng chỉ có thể gặp họ trong mơ mà thôi.

Sự yên tâm của tôi do khả năng giờ đây có thể làm quen các cô gái khi mình mong muốn, tôi càng thấy quý giá vì không thể tiếp tục theo dõi họ trong những ngày sau, do phải chuẩn bị cho Saint-Loup lên đường. Bà tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn thái độ ân cần của anh bạn tôi đối với cả hai bà cháu chúng tôi. Tôi nói cho bà tôi rõ anh là người nhiệt thành ca ngợi Proudhon và gợi ý cụ cho mang tới những bức thư có chữ ký của nhà triết học cụ sừ tầm được. Saint-Loup tới xem thư ở khách sạn, trước hôm lên đường. Anh háo hức đọc, trân trọng cầm mỗi lá, cố ghi nhớ lời thư, rồi đứng dậy, xin lỗi bà tôi là đã ngồi lại quá lâu; nhưng cụ bảo anh:

- Không, ông mang theo, của ông đấy, chính tôi cho mang tới để biếu ông mà.

Vui mừng tới mức mất tự chủ, sắc mặt Saint-Loup đỏ lựng tựa một đứa trẻ bị phạt, và trước tất cả sự cố gắng (mà không đạt được) của anh để kìm nén niềm vui làm anh rạo rức, bà tôi xúc động hơn trước mọi lời cảm ơn.

Nhưng sợ chưa bày tỏ đầy đủ lòng biết ơn của mình, ngày hôm sau, khi trở về doanh trại, anh cúi qua ô cửa sổ xe lửa, yêu cầu tôi thứ lỗi. Lẽ ra tôi cũng lên tàu nếu không bị mệt và tiễn chân bạn tới tận Doncières. Nhưng trong suốt thời gian ở trên sân ga Balbec - nghĩa là thời gian người lái tàu chờ những ông bạn đến muộn và bỏ đi uống nước, tôi hứa sẽ tới thăm Saint-Loup nhiều lần mỗi tuần.

Saint-Loup rất không vui thấy Bloch cũng ra ga, và thấy hắn nghe anh mời tôi tới ăn trưa, ăn tối và tới ở Doncières; anh nói với hắn, giọng hết sức lạnh nhạt nhằm giảm bớt tính chất thân mật bất đắc dĩ của lời mời và không để Bloch xem đó là một lời mời đáng coi trọng:

- Nếu thắng hoặc có một buổi chiều nào đó ông đi qua Doncières và tôi rảnh việc thì ông có thể hỏi tôi ở doanh trại, nhưng rảnh việc, thì hầu như tôi không bao giờ rảnh cả.

Cũng có thể Robert sợ đi một mình thì tôi không đi, và tưởng tôi gắn bó với Bloch hơn, chứ không phải như tôi nói, nên anh tạo điều kiện cho tôi có một người bạn đường, một người dẫn lộ.

Tôi e giọng nói như thế, cách mời như thế trong lúc khuyên người ta đừng tới, làm phật lòng Bloch và nghĩ bụng giá Saint-Loup không nói gì hết thì hơn. Nhưng tôi nhầm, vì sau khi tàu hỏa lăn bánh, trên đường về tới chỗ ngã tư hai đại lộ chúng tôi chia tay nhau, một dẫn về khách sạn, một chạy tới biệt thự Bloch, hắn luôn miệng hỏi tôi hôm nào chúng tôi sẽ đi Doncières, vì sau “tất cả những thái độ dễ thương của Saint-Loup” đối với hắn, “sẽ quá khiếm nhã” nếu không hưởng ứng lời mời. Tôi hài lòng thấy hắn không nhận thấy hoặc giả dờ không nhận thấy lời mời của Robert hoàn toàn không một chút niềm nở. Tuy mong Bloch không đến nỗi lố bịch đi ngay Doncières, tôi vẫn không muốn khuyên hắn vì có thể làm hắn phật lòng nếu bảo Saint-Loup không sốt sắng gì đâu trong lúc hắn thì vồ vập hết mực. Quả là hắn quá vồ vập, và tuy tất cả những thiếu sót thuộc loại này của hắn được bù trừ bằng những đức tính đáng kể mà những người khác, dè dặt hơn, khó có thể có, nhưng tính tọc mạch của hắn lên tới mức độ làm tôi đến khó chịu. Hắn nói như thể tuần lễ này nhất thiết chúng tôi phải đi Doncières (hắn nói “chúng tôi”, vì tôi nghĩ hắn muốn dựa vào sự có mặt của tôi để biện hộ cho sự có mặt của hắn). Suốt dọc đường, trước bãi thể dục nằm khuất trong hàng cây, trước tòa đốc lý, trước người bán sò biển, hắn giữ tôi lại năn nỉ tôi định ngày lên đường và, bị tôi từ chối, hắn vùng vằng bỏ đi.

- Tùy ngài thôi, còn tôi, dẫu thế nào tôi cũng buộc phải đi vì anh ta đã mời.

Vẫn sợ chưa cảm ơn đầy đủ bà tôi, hai ngày sau, Saint-Loup nhờ tôi thừa lại với cụ tất cả tấm lòng tri ân của anh. Thư mang gia huy dòng họ Marsantes trong đó tôi nhận ra một hình sư tử trên có vành vương miện được khép lại bằng một chiếc mũ vải của một vị công hầu nước Pháp. “Sau một chặng đường bình yên, - thư anh viết, - và sau khi đọc một cuốn sách của Arvède Barine⁽³³⁹⁾ mua ở nhà ga (tôi nghĩ là một người nước ngoài, nhưng anh hãy cho tôi biết nhận xét của anh, vì anh, cả một kho tàng khoa học, anh đã đọc hết mọi thứ, chắc hẳn anh phải biết tác phẩm ấy), giờ đây, tôi quay lại với cuộc sống thô lậu, trong đó than ôi! tôi cảm thấy mình là kẻ bị lưu đày, vì đã bỏ lại hết tất cả ở Balbec; tôi không tìm thấy lại ở đây một kỷ niệm yêu thương, một chút quyến rũ về trí tuệ nào. Tôi cảm thấy mọi thứ đã thay đổi từ khi bước chân xa rời nơi đây, vì trong khoảng thời gian xa vắng ấy, đã mở ra một trong những kỷ nguyên quan trọng nhất trong đời tôi, kỷ nguyên đánh dấu tình bạn của chúng ta. Tôi hy vọng kỷ nguyên ấy không bao giờ chấm dứt. Tôi chỉ nói về nó, về anh với một người duy nhất, người bạn gái đã dành cho tôi niềm vui bất ngờ đến với tôi trong một tiếng. Nàng rất muốn được biết anh và tôi nghĩ hai người sẽ rất ăn ý nhau vì nàng cũng say mê văn chương. Ngược lại, để hồi tưởng những buổi trò chuyện của chúng ta, để sống lại những giờ phút tôi sẽ không bao giờ quên, tôi xa lánh những người bạn trai tuyệt vời nhưng khó có thể hiểu được những câu chuyện đó. Kỷ niệm về những phút giây cùng sống với anh, hôm đầu tiên, tôi chỉ muốn gọi lại cho riêng một mình mình, không viết thư cho anh. Nhưng tôi sợ anh, một bộ óc tinh tế, một con tim nhạy cảm, anh lo sợ khi không nhận được thư, nếu quả anh hạ cố tới anh chàng kỵ binh thô lậu này mà chắc hẳn anh phải bỏ nhiều công sức để “gọt giũa” và làm hẳn tinh tế hơn chút ít, xứng đáng với anh chút ít”.

Thực ra lời lẽ âu yếm trong thư rất giống trong những bức tôi tưởng tượng anh viết cho mình trước khi quen biết Saint-Loup và trong những lúc mơ màng; nhưng thái độ lạnh nhạt của anh trong buổi tiếp xúc đầu tiên làm tôi hết mơ màng và đặt tôi trước một hiện thực nghiệt ngã tuy không tồn tại lâu dài. Sau khi nhận được lá thư đầu tiên, mỗi lần người ta mang thư tới đến trong giờ ăn trưa là tôi nhận ra ngay có thư anh hay không, vì bao giờ thư cũng có gương mặt thứ hai của người vắng mặt, và trong những nét mặt ấy (qua nét chữ trong thư), không có lý do gì chúng ta hình như không nhận biết một tâm hồn riêng biệt, chẳng khác nào trong đường cong của một cánh mũi hay cách biến âm của một giọng nói.

Giờ đây, tôi sẵn sàng ngồi lại bàn ăn trong giờ tráng miệng, và nếu không phải là lúc các nàng thiếu nữ trong cái nhóm nhỏ nọ có thể đi qua, thì không phải tôi chỉ dán mắt về phía biển. Tôi cố tìm kiếm trong thực tại những gì đã nhìn thấy trong những bức thủy mặc của Elstir và yêu mến chúng như yêu mến một cái gì thi vị: động tác người ta sử dụng dở dang con dao ăn còn đang cầm lệch; chiếc khăn ăn giũ ra và căng phồng được mặt trời như phủ thêm lên một mẫu những màu vàng; chiếc ly rượu đã cạn một nửa nên đường nét càng thêm duyên dáng và để lộ dưới đáy mờ đục một ít vang màu thẫm nhưng lấp lánh ánh sáng; những quả mận chuyển từ màu xanh lá cây sang màu xanh nước biển và từ màu xanh nước biển sang màu vàng trên chiếc đĩa đựng trái cây đã vơi hết nửa; những chiếc ghế cũ kỹ mỗi ngày hai lần đến tụ tập quanh chiếc khăn trải lên mặt bàn như lên một chiếc bàn thờ để tổ chức những buổi lễ ẩm thực, và dưới đáy những con sò biển dọn lên trên khăn bàn, đọng lại vài giọt “nước thánh” như trong những chiếc bình nhỏ bằng đá đựng thánh thủy. Tôi cố tìm cái đẹp ở nơi trước đó tôi không bao giờ hình dung có thể tìm thấy, trong những sự vật hết sức thông dụng trong đời sống sâu lắng của các “vật chết”.

Vài ngày sau khi chia tay Saint-Loup, tôi thuyết phục Elstir tổ chức một cuộc vui ban ngày để cho tôi gặp Albertine. Tôi bước ra khỏi Đại- Khách sạn, vẻ trang nhã, thanh lịch (nhờ được nghỉ ngơi một thời gian dài và ăn bận những thứ đắt tiền) nhưng lại ân hận lẽ ra phải dành (cùng với niềm ưu ái của Elstir) để chinh phục một người đáng chú ý hơn; tôi hối tiếc đã “tiêu phí” tất cả những cái đó chỉ vì chút hứng thú được làm quen Albertine. Đầu óc tôi đánh giá niềm hứng thú ấy chẳng mấy quý giá, từ khi nắm chắc nó trong tay. Nhưng lòng tôi không một phút giây nào chia sẻ ảo giác ấy; trái tim bao giờ cũng là người đầy tớ kiên nhẫn và bất biến của các nhân cách kế tiếp nhau của con người; ẩn náu trong bóng tối, bị khinh miệt, nhưng một mực thủy chung và bất chấp những sự biến động của mỗi cái tôi, nó không ngừng cố gắng sao cho cái tôi ấy không bao giờ phải thiếu thốn gì hết. Vào lúc chuẩn bị một cuộc hành trình ao ước từ lâu trong lúc nhận thức và lý trí bản khoản không biết có thực sự đáng công tổ chức hay không, thì nguyện vọng trong tôi để mặc chúng “bàn luận” trước nhà ga: nó biết nếu không tổ chức được thì hai “anh chàng nhận thức và lý trí vô công rồi nghề” ấy sẽ thấy ngay lập tức là cuộc hành trình hết sức kỳ thú. Nó lo chuyện đi mua vé và đưa chúng ta lên tàu cho kịp giờ. Nhận thức và lý trí biến động bao nhiêu thì nguyện vọng bất đồng bấy nhiêu, nhưng vì im lặng, không trình bày lý do, nên hình như nó không tồn tại; những bộ phận khác

trong ta làm theo quyết định cứng rắn của nó tuy không trông thấy nó, trong lúc chúng nhận ra rõ rệt những sự do dự của chính mình.

Bởi vậy, nhận thức và lý trí chỉ lo “bàn cãi” để đánh giá niềm vui của tôi được làm quen Albertine, còn nguyện vọng trong tôi không trì hoãn giờ khởi hành, và ra lệnh cho bác xà ích lên đường theo địa chỉ của Elstir. Nhận thức và lý trí đành “ôm hận” vì số phận đã định đoạt xong.

Khi tới nhà Elstir, lúc đầu tôi ngỡ tiểu thư Simonet không có mặt trong xưởng vẽ. Quả là có một cô gái ngồi đấy, đầu trần, bận áo dài lụa, nhưng tôi không nhận ra mái tóc tuyệt đẹp, cũng như cánh mũi và sắc da, không tìm thấy cái thực thể mình từng rút ra từ một cô gái đầu đội mũ cầu thủ chơi gôn, tay dắt xe đạp, đi dạo chơi dọc bờ biển. Nhưng lại chính là Albertine. Nhưng dù đã biết vậy, tôi vẫn không quan tâm tới nàng. Ở tuổi thanh xuân, khi bước vào cuộc họp mặt của xã hội phù hoa, người ta tự phủ nhận bản thân mình, người ta trở thành một con người khác, vì mọi thính phòng đều trở thành một vũ trụ mới trong đó theo những quy tắc đạo đức mới lạ, người ta tập trung toàn bộ sự chú ý vào những con người, những điệu nhảy, những ván bài như thế đó là những thứ đời đời quan trọng đối với mình, nhưng chỉ ngày hôm sau là người ta đã lãng quên.

Để tới nói chuyện với Albertine, tôi bắt buộc phải theo một con đường hoàn toàn không do mình vạch ra: trước hết, nó dừng lại trước mặt Elstir, đi qua những nhóm tân khách, rồi đi dọc quầy rượu, nơi tôi được mời những chiếc bánh kem nhân dâu tây, trong lúc tôi lặng im nghe một khúc nhạc mới bắt đầu cất lên và nghĩ bụng những sự kiện khác nhau ấy cũng quan trọng như việc tôi được giới thiệu với tiểu thư Simonet và sự giới thiệu này chẳng qua cũng chỉ là một trong những sự kiện ấy mà thôi; tôi hoàn toàn không còn nhớ rằng chỉ mới vài phút trước, mình tới đây với mục đích duy nhất ấy. Và lại, phải chăng tình hình không như vậy trong cuộc sống sôi động, trong những nỗi niềm hạnh phúc và bất hạnh của chúng ta. Đứng giữa những người khác, chúng ta nhận được của người mình yêu thương câu trả lời mình từng chờ đợi hàng năm và làm mình hoan hỉ hay xót xa. Nhưng cứ phải tiếp tục chuyện trò, ý tưởng này nối tiếp ý tưởng nọ, chúng ta như quên đi trong chốc lát nỗi bất hạnh vừa giáng xuống đời mình. Nếu thay vì nỗi bất hạnh là niềm hạnh phúc chẳng nữa, thì cũng có thể nhiều năm sau, chúng ta mới nhớ lại rằng sự kiện lớn nhất trong đời sống tình cảm của mình đã xảy ra trong lúc chúng ta không có đủ thời gian để chú ý đầy đủ tới nó, để nhận thức được nó, trong một buổi họp mặt phù hoa chẳng hạn, mà chúng ta tìm tới chỉ để chờ đợi sự kiện ấy.

Vào lúc Elstir bảo tới để giới thiệu với Albertine, tôi vừa ăn xong một cây kem cà phê và thiết tha yêu cầu một ông già tôi vừa làm quen và có ý định tặng bông hồng ông ngắm nghía ở ve áo mình, cho tôi biết những chi tiết về một số chợ phiên ở Normandie. Nói như vậy không có nghĩa là việc giới thiệu sau đó không gây cho tôi một niềm vui nào và không có một vị trí quan trọng nào trước mắt tôi. Về niềm vui, thì dĩ nhiên, chỉ một lát sau, tôi mới cảm nhận được khi trở về khách sạn và ngồi một mình, tôi lại trở lại là chính bản thân mình. Tình hình là như vậy đối với niềm vui của một con người cũng như đối với các bức ảnh.

Tấm ảnh người ta chụp trước mặt người mình yêu thương chỉ là một âm bản; về sau, về tới nhà, người ta mới in ảnh khi được sử dụng cái phòng tối bị “cấm cửa” chừng nào mình thấy còn có người.

Nếu việc nếm hưởng niềm vui đối với tôi bị trì hoãn mất vài tiếng như vậy thì trái lại, tầm quan trọng của buổi giới thiệu, tôi cảm thấy ngay lập tức. Được giới thiệu, chúng ta cảm thấy bỗng nhiên được tặng và trở nên chủ nhân ông một “tấm phiếu” có khi mình săn đuổi hàng tuần và giờ đây có khả năng mang lại cho mình những niềm vui tương lai; nhưng chúng ta cũng bỗng hiểu một khi nằm trong tay mình, tấm phiếu ấy chấm dứt cho ta những buổi tìm kiếm gian truân, làm ta tràn ngập hạnh phúc, thì đồng thời cũng chấm dứt luôn sự tồn tại của một con người trong trí tưởng tượng chúng ta. Vào lúc tên tuổi chúng ta vang lên trong miệng người giới thiệu, nhất là khi người đó vừa giới thiệu vừa không ngớt lời ngợi khen như Elstir - giây phút thiêng liêng giống như giây phút thần linh dùng phép thuật ra lệnh cho một người bỗng chốc biến thành một người khác, vào lúc ấy, hình ảnh cô gái chúng ta ao ước được tới gần bỗng nhiên tiêu tan: trước hết, làm sao nàng vẫn còn có thể giống bản thân nàng? Chú ý tới tên tuổi và con người chúng ta trong ánh mắt ngày hôm qua còn hết sức xa vắng của cô gái, luồng suy nghĩ thầm kín chúng ta tìm kiếm bỗng được thay thế một cách kỳ diệu và đơn giản bởi chính hình ảnh chúng ta xuất hiện như từ chiều sâu một chiếc gương soi tươi mát.

Dĩ nhiên, ngay cả trước khi tới dự cuộc vui, Albertine không còn là bóng ma duy nhất ám ảnh cuộc đời tôi như một cô gái qua đường hoàn toàn xa lạ. Trước hết tôi cảm thấy Albertine có vẻ khá rụt rè chứ không phải táo tợn; nàng ra chiều tử tế hơn là “mất dạy”, nếu căn cứ vào những định ngữ nàng áp dụng cho tất cả các cô gái tôi nói chuyện về họ với nàng; cuối cùng, nét đáng chú ý, trên gương mặt nàng là đôi gò má khá hồng hào nhưng không mấy khả ái, chứ không còn là ánh mắt kỳ lạ cho đến lúc này tôi luôn luôn nghĩ tới. Nhưng đây chỉ là một cách nhìn lần thứ hai và chắc hẳn phải có những cách nhìn khác mà tôi sẽ phải lần lượt trải qua. Chẳng hạn, chỉ sau khi nhận ra, dĩ nhiên là không phải không mò mẫm, những nhâm lẫn ban đầu về thị giác, người ta mới có thể đi tới chỗ hiểu được chính xác một con người, nếu quả thật có thể hiểu được. Nhưng đâu có thể hiểu nổi, vì trong lúc chúng ta điều chỉnh cách nhìn của mình đối với họ, thì chính bản thân người đó, vốn không phải là một mục tiêu bất động, đã thay đổi vì lợi ích của họ; trong lúc chúng ta nghĩ chuyện bắt gặp họ thì người đó chuyển dịch; và cuối cùng, trong lúc tưởng trông thấy họ rõ ràng

hơn, thì chúng ta lại chỉ có thể soi sáng những hình ảnh cũ mình từng có nhưng nay không còn thể hiện người đó nữa.

Tuy nhiên, dù phải gây nên những nỗi thất vọng không sao tránh khỏi thế nào đi nữa, thì hoạt động hướng về mục tiêu mình chỉ mới thoáng thấy và mình đã có cơ hội tưởng tượng, vẫn là hoạt động lành mạnh duy nhất duy trì dục vọng con người. Cuộc đời tẻ nhạt biết bao đối với những người vì lười nhác hay rụt rè đi xe thẳng tới nhà những người bạn mình không bao giờ trông thấy trong mơ trước khi làm quen, không bao giờ trên đường đi dám dừng lại bên cạnh những gì mình ham muốn!

Trên đường về nhà, tôi nghĩ tới cuộc vui sáng hôm nay, nhớ lại cây kem mình ăn xong trước khi Elstir dẫn tới giới thiệu với Albertine, bông hồng mình tặng ông già, tất cả những chi tiết do hoàn cảnh lựa chọn mà chúng ta không được biết và tạo thành đối với chúng ta khung cảnh một buổi gặp gỡ đầu tiên qua một sự sắp xếp đặc biệt và ngẫu nhiên. Khung cảnh ấy, tôi có cảm giác trông thấy nó theo một cách nhìn khác, từ rất xa bản thân mình và hiểu rằng nó chỉ tồn tại cho riêng mình. Nhưng vài tháng sau, trong khi nói với Albertine về buổi gặp gỡ đầu tiên, tôi rất kinh ngạc thấy nàng nhắc lại cây kem, bông hoa tôi tặng ông già, tất cả những gì tôi không thể nói là chỉ quan trọng đối với mình, nhưng chỉ riêng một mình tôi nhận thấy.

Ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên ấy, khi trên đường về nhà nhớ lại mọi việc, tôi hiểu một màn trò khéo léo đã được thực hiện hoàn hảo ra sao, và nhờ tài ba của “người nhào lộn”, mình được nói chuyện ra sao với cô gái thay thế người thiếu nữ mình từng theo đuổi biết bao lâu trên bãi biển, tuy không hề có dáng dấp của người này. Và lại, tôi có thể tiên đoán điều đó, vì cô gái trên bãi tắm là do tôi “chế tạo” ra. Tuy vậy, vì trong những lúc trò chuyện với Elstir, tôi đã cho nàng và Albertine chỉ là một, nên đối với cô gái này, tôi cảm thấy có trách nhiệm tinh thần giữ những lời hứa tình yêu mình đã thổ lộ với nàng Albertine trong tưởng tượng. Đối diện với nàng Albertine tầm thường nhưng dễ gây xúc động mình vừa tiếp chuyện, tôi trông thấy nàng Albertine bí ẩn trước biến cả. Giờ đây hiện lên trước mắt tôi những kỷ niệm, nghĩa là những bức tranh mà tôi cảm thấy không có bức nào chân thực hơn bức nào. Nhằm chấm dứt nỗi băn khoăn trong buổi giới thiệu đầu tiên, trong lúc tìm cách nhìn cái nốt ruồi trên má, phía dưới mắt nàng, tôi nhớ lại là khi Albertine từ nhà Elstir ra về, tôi trông thấy nốt ruồi ấy ở phía trên cằm. Tóm lại, khi gặp nàng, tôi nhận thấy nàng có một nốt ruồi, nhưng sau đó, ký ức lang thang của tôi đưa nó đi “dạo chơi” trên khuôn mặt Albertine và đặt nó khi ở chỗ này, lúc ở chỗ khác.

Trước kia, tuy thất vọng trước nhà thờ Balbec, tôi vẫn ao ước đi Quimperlé, Pont-Aven và Venise. Giờ đây, cũng tương tự như vậy, tuy có phần vỡ mộng khi thấy tiểu thư Simonet là một cô gái hầu như không khác tất cả những gì mình đã biết, tôi vẫn nghĩ bụng nếu bản thân Albertine không đáp ứng niềm hy vọng của mình thì ít ra qua nàng, mình cũng có thể làm quen những cô gái, bạn nàng trong cái nhóm nhỏ nọ.

Lúc đầu tôi tưởng mình sẽ thất bại. Vì nàng còn phải ở lại Balbec khá lâu, và tôi cũng vậy, nên tôi thấy tốt nhất là không nên tìm mọi cách gặp nàng cho bằng được và nên chờ cơ hội. Nhưng dù cơ hội ấy có thể ngày nào cũng có chẳng nữa, thì điều vẫn rất đáng lo là nàng chỉ từ xa đáp lại lời chào của tôi và nếu tình hình ấy cứ lặp đi lặp lại hàng ngày trong suốt vụ hè, thì tôi sẽ chẳng tiến lên được bước nào.

Ít lâu sau, vào một buổi trời mưa rét, một cô gái gặp tôi trên đê. Mang bao tay và đội chiếc mũ vải nhỏ xếp nếp, nàng khác xa người thiếu nữ tôi đã làm quen trong buổi họp mặt ở nhà Elstir nên đầu óc tôi không sao có thể cho hai người là một. Cuối cùng tôi vẫn nhận ra Albertine, nhưng sau một giây ngỡ ngàng chắc hẳn không thoát khỏi cặp mắt nàng. Mặt khác, trong lúc nhớ lại những “cung cách tử tế” từng làm mình chú ý, tôi hết sức ngạc nhiên trước giọng nói the thé và những cử chỉ nghịch ngợm quen thuộc của cái nhóm nhỏ nọ. Hơn nữa, đôi gò má không còn là trung tâm thị giác đáng tin cậy trên gương mặt nàng, hoặc vì tôi đứng chếch về một phía, hoặc vì chúng bị chiếc mũ che khuất, hoặc nữa vì màu đỏ ửng không còn hiện lên trên đó như thường ngày.

- Thời tiết kỳ thật! - Nàng bảo tôi. - Rốt cuộc, mùa hè vĩnh viễn ở Balbec là một chuyện hết sức nhảm nhí. Ông không làm gì ở đây hết hả? Không bao giờ thấy ông ở bãi gôn, ở sân nhảy; ông cũng không cưỡi ngựa nữa. Chắc hẳn ông phải buồn lắm! Ông không thấy người ta dần dần đi vì suốt ngày ở trên bãi biển hay sao? A! Ông thích nằm phơi nắng phải không? Vả lại, ông có thì giờ. Tôi thấy ông không như tôi. Tôi say mê tất cả các môn thể thao! Vừa qua ông không tới xem cuộc đua ngựa ở Sogne hả? Chúng tôi tới đấy bằng xe lửa, và tôi hiểu ông chẳng thích thú gì đáp con tàu thổ tả ấy! Chúng tôi phải đi mất những hai tiếng đồng hồ! Giá đạp xe đạp thì tôi làm được ba vòng cả đi lẫn về.

Trước kia, tôi từng khâm phục Saint-Loup khi anh gọi hết sức tự nhiên con đường sắt địa phương này là “con đường rỗng rảnh” vì vô số chỗ quặt; còn lúc này, tôi khá kinh ngạc thấy Albertine dễ dàng nói tới “con tàu thổ tả”. Tôi cảm thấy nàng có một cách dùng từ ngữ độc đáo và sợ nàng nhận thấy

và dè bủ sự thấp kém của mình. Sự phong phú về từ đồng nghĩa của nhóm nhỏ các cô gái trong việc đặt tên cho con đường sắt này, quả là tôi không nắm được.

Trong lúc nói, đầu Albertine bất động, hai lỗ mũi khít lại, chỉ có hai làn môi là động đậy. Kết quả là một giọng mũi kéo dài, có lẽ tạo nên bằng thói quen tinh lẻ, bằng cách bắt chước thói lạnh lùng của người Ănglê, bằng những bài học của một bà giáo người nước ngoài và sự phì đại do niêm mạc mũi bị xung huyết. Cách phát âm ấy có thể làm người nghe khó chịu. Nhưng nó có một dáng dấp đặc biệt và làm tôi hoan hỉ. Hễ vài hôm không được gặp nàng là tôi nhắc lại: “Không bao giờ thấy ông ở bãi gôn” với giọng mũi của nàng, người thẳng đờ, đầu không nhúc nhích. Và lúc đó, tôi nghĩ bụng không có người nào đáng ao ước hơn nàng.

Sáng hôm ấy, chúng tôi là một trong những cặp trai gái ẩn hiện trên con đê, dừng bước vừa đủ thời gian trao đổi vài lời trước khi chia tay để mỗi người một ngả tiếp tục cuộc dạo chơi của mình. Tôi lợi dụng lúc nàng không lúc lắc đầu để biết dứt khoát cái nốt ruồi nằm ở đâu. Trước đây, tôi nhớ khi thì ở trên má, khi ở dưới cằm, nhưng rồi cuộc nó vĩnh viễn nằm trên làn môi trên, phía dưới sống mũi. Cũng tương tự như vậy, chúng ta kinh ngạc bắt gặp những câu thơ mình thuộc lòng, trong một tác phẩm mình không ngờ chúng nằm trong đó.

Vào lúc ấy, các cô bạn của Albertine, với thân hình uyển chuyển và những cặp giò đẹp, nhưng hoàn toàn mỗi người một vẻ, xuất hiện và tiến về phía chúng tôi, theo một đường thẳng chạy song song với bờ biển. Tôi xin phép Albertine cùng đi với nàng tới gặp các cô gái. Tiếc rằng nàng chỉ vẫy tay chào họ.

- Các chị bạn kia có thể phàn nàn nếu cô không tới với họ. - Tôi nói với nàng mong được cùng đi dạo với nhau.

Một chàng trai, tay cầm rakét, bước tới gần chúng tôi. Đây là anh chàng thích chơi bài tào cáo mà những hành vi ngông cuồng từng làm bà vợ ngài Chánh án phẫn nộ. Với vẻ lạnh lùng, điềm nhiên mà chắc hẳn hẳn cho là những biểu hiện của một tài năng lỗi lạc, hẳn cất lời chào Albertine.

- Octave, anh từ sân gôn về hả? - Nàng hỏi hẳn. - Tình hình tốt đẹp chứ?

Anh chơi tốt lắm phải không?

-Ồ! Chán lắm, tôi bối rối vô cùng. - Hẳn đáp.

- Thế Andrée có mặt không?

- Có, cô ta đạt bảy bảy.

-Ồ! Một kỷ lục!

- Hôm qua, tôi đạt tới tám hai cơ.

Hẳn là con trai một nhà công nghiệp cự phú, người sẽ giữ vai trò quan trọng trong cuộc Triển lãm Quốc tế sắp tới. Tôi ngạc nhiên thấy anh chàng này và những người bạn trai rất hiếm hoi khác của các cô gái ở đây, hiểu biết về quần áo và cách ăn mặc, về xì gà, rượu Ănglê, về tóc tai... đến tận từng chi tiết nhỏ, nhưng sự hiểu biết ấy sao lại có thể phát triển riêng rẽ đến thế, không kèm theo một chút văn hóa tinh thần nào. Hẳn không một chút ngập ngừng nói nên mặc x-mô-king lúc nào, pijama lúc nào, nhưng không biết trường hợp nào có thể hay không có thể dùng từ này, từ nọ, thậm chí không biết cả những quy tắc dùng tiếng Pháp đơn giản nhất. Ở câu lạc bộ, Octave đoạt giải thưởng trong tất cả các kỳ thi khiêu vũ, nên nếu muốn thì hẳn có thể dễ dàng kiếm một cô vợ ra trò ở cái “môi trường tắm biển” này, nơi các

cô gái sẵn sàng kết duyên với anh chàng cùng nhảy với họ. Hãn vừa châm lửa một điếu xì gà vừa nói với Albertine: “Cô cho phép”, giống như kiểu người ta vừa nói chuyện vừa xin phép làm nốt một công việc cấp bách, vì hãn không bao giờ có thể “ngồi yên không làm gì” tuy thực ra không bao giờ hãn làm gì hết. Và vì tình trạng hoàn toàn không hoạt động, rốt cuộc cũng gây những ảnh hưởng như trường hợp lao động quá sức, trong lĩnh vực tinh thần cũng như trong hoạt động thân thể và cơ bắp, nên trạng thái trống rỗng thường xuyên về trí tuệ dưới vầng trán ra chiều đăm chiêu của Octave, cuối cùng khiến hãn ngửa ngáy muốn suy nghĩ, mặc dù vẻ bình tĩnh bề ngoài, nhưng bất lực trong hoạt động tư duy, đêm hãn không ngủ được, giống như tình hình có thể xảy ra đối với một nhà siêu hình học làm việc quá sức.

Nghĩ bụng nếu quen biết các bạn trai của các cô gái, mình sẽ có nhiều cơ hội gặp gỡ họ hơn, suýt nữa thì tôi yêu cầu được giới thiệu với hãn. Hãn vừa đi khỏi, tôi nói ngay điều đó với Albertine và nhắc lại lời hãn: “Tôi bối rối lắm”. Tôi nghĩ như thế là một cách gợi ý để nàng giới thiệu tôi lần sau.

- Không đâu, - nàng kêu toáng lên, - tôi không thể giới thiệu ông với một kẻ ma cô đâu! Ở đây nhưng nhúc bọ ma cô. Nhưng chúng không thể chuyện trò được với ông đâu. Thằng cha này chơi gôn rất giỏi, chỉ có thể thôi và chấm hết. Tôi biết lắm, hãn hoàn toàn không thích hợp với ông đâu.

- Các chị bạn kia chắc sẽ không hài lòng nếu cô bỏ mặc họ. - Tôi lên tiếng, mong nàng bảo tôi cùng đi tới gặp.

- Không đâu, họ hoàn toàn không cần tới tôi.

Chúng tôi gặp Bloch trên đường. Hãn nhìn tôi với một nụ cười láu lỉnh và khó hiểu; bối rối trước sự có mặt của Albertine mà hãn không quen hoặc ít nhất dù có quen “cũng không biết”, hãn gục đầu xuống cổ áo, cử chỉ cứng đờ.

- Hãn tên là gì, gã khiếm nhã kia? - Albertine hỏi tôi. - Tôi không hiểu vì sao hãn chào tôi vì không hề quen biết. Bởi thế tôi không chào lại.

Tôi chưa kịp trả lời, thì hãn xăm xăm bước tới trước mặt chúng tôi.

- Xin lỗi, - hãn nói, - tớ phải báo với cậu là mai tớ sẽ đi Doncières. Tớ không thể chờ lâu hơn vì không muốn tỏ ra bất lịch sự, và tớ tự hỏi Saint-Loup-Ở-Bray sẽ nghĩ về tớ như thế nào. Tớ báo cậu biết là tớ sẽ đáp chuyến tàu hai giờ. Tùy ý cậu!

Nhưng tôi chỉ còn nghĩ tới chuyện gặp lại Albertine và tìm cách làm quen các cô bạn của nàng, và vì họ không tới đây nên tôi cảm thấy Doncières ở tận đầu trời cuối đất. Tôi bảo Bloch tôi không thể đi được.

- Tôi thừa nhận hẳn khá đẹp trai đấy, - Albertine nhận xét, - nhưng hẳn làm tôi kinh tởm.

Tôi chưa bao giờ nghĩ Bloch có thể đẹp trai; nhưng quả là hẳn đẹp trai. Với cái đầu hơi nhô ra phía trước, cánh mũi rất cong, vẻ mặt cực kỳ tinh tế và đỉnh ninh có sự tinh tế ấy, trông hẳn khá dễ thương. Nhưng Albertine không thể có cảm tình với hẳn. Vả lại, cũng còn có thể do tính nết của nàng, do thái độ lạnh nhạt, thô bạo của nhóm các cô gái đối với tất cả những gì không phải là chính bản thân họ. Về sau, khi tôi giới thiệu hẳn, mỗi ác cảm của Albertine vẫn không giảm sút. Bloch thuộc một tầng lớp trong đó giữa cái trò mĩa mai chống lại xã hội phù hoa và sự tôn trọng đầy đủ những cung cách tử tế của một con người có “đôi bàn tay sạch sẽ”, người ta lập nên một sự thỏa hiệp đặc biệt khác với cung cách của xã hội phù hoa, nhưng vẫn là một thứ tính chất phù hoa đặc biệt khả ố. Khi được người ta giới thiệu, hẳn nghiêng mình vừa với một nụ cười hoài nghi vừa với một vẻ cung kính quá đáng, và nếu là một người đàn ông thì hẳn nói: “Rất hân hạnh, thưa ngài”, với một thứ giọng chế giễu ngay những gì nó thốt ra, nhưng biết mình là giọng của một con người không phải là một kẻ khiếm nhã. Sau giây phút đầu tiên với những cử chỉ hẳn vừa quen dùng vừa ra chiều chế giễu, Bloch làm ra vẻ tinh tế và láu lỉnh, thốt ra những điều phù phiếm thường chứa đầy chân lý nhưng làm Albertine rất khó chịu. Vào hôm đầu tiên này, khi tôi nói với nàng tên hẳn là Bloch, Albertine bảo ngay:

- Tôi cam đoan hẳn là một anh chàng Do Thái. Thói quen của họ là chằm chọc người ta.

Vả lại, về sau, Bloch làm Albertine khó chịu bằng những cách khác. Như nhiều nhà trí thức, hẳn không thể nói một cách đơn giản những điều đơn giản. Hẳn tìm cho mỗi một điều một định ngữ cầu kỳ, rồi khái quát hóa. Cung cách này làm Albertine bực mình, vì nàng không muốn người ta quan tâm tới công việc của mình, cũng như khi nàng sai chân và nằm yên, không muốn nghe Bloch nói:

“Nàng nằm trên tràng kỷ, nhưng do khả năng có mặt cùng một lúc ở khắp mọi nơi, nên không ngừng cùng một lúc đến bãi gôn này, sân quần vợt nọ”. Đây chỉ là cách nói “văn chương” nhưng đủ để nàng có ác cảm với bộ mặt và giọng nói của anh chàng thốt lên những điều ấy, vì nàng cảm thấy nó có thể gây cho mình những điều rắc rối đối với những người nàng không nhận lời mời tới nhà với cơ không nhúc nhúc nổi.

Albertine và tôi chia tay nhau và hứa sẽ cùng nhau đi dạo chơi một hôm. Tôi nói chuyện với nàng mà không biết lời lẽ của mình rơi vào đâu, trở thành cái gì, chẳng khác ném những viên sỏi xuống vực thẳm không đáy. Một sự kiện mà cuộc sống đời thường luôn luôn phát hiện cho chúng ta là thông thường người đối thoại gán cho lời lẽ chúng ta một ý nghĩa họ rút ra từ chính bản chất họ và khác xa ý nghĩa chúng ta muốn gửi gắm vào trong đó. Nhưng còn hơn thế nữa, nếu đứng trước một người mình không sao có thể quan niệm nền giáo dục của họ (như nền giáo dục của Albertine đối với tôi, chẳng hạn), không nắm bắt được khuynh hướng, nguyên tắc sống và sách vở họ đọc, thì chúng ta không thể biết lời lẽ của mình gây nên phản ứng gì ở họ cũng chẳng khác nào không thể biết một con vật có thể hiểu một đôi điều mình muốn nói với nó hay không. Bởi vậy tôi cảm thấy tìm cách đặt quan hệ với Albertine chẳng khác tìm cách tiếp xúc với cái không biết nếu không phải là cái không thể, giống như làm một công việc khó khăn là luyện một con ngựa, hay say mê là nuôi một đàn ong hoặc chăm bón những gốc hồng.

Trước đây mấy tiếng, tôi những tưởng Albertine chỉ đáp lại lời chào của tôi từ xa. Nhưng trong lúc chia tay chúng tôi dự kiến cùng nhau tổ chức một cuộc du ngoạn. Tôi nguyên sẽ táo bạo hơn khi gặp nàng, sắp đặt sẵn tất cả những gì sẽ nói với nàng và thậm chí (giờ đây khi tôi hoàn toàn có cảm giác là nàng quá phù phiếm) cả những thú vui tôi sẽ đòi hỏi ở nàng. Nhưng tinh thần con người dễ chịu ảnh hưởng chẳng khác một thân cây, một tế bào, một chất hóa học, và môi trường biến đổi nó là hoàn cảnh, là một khung cảnh mới. Thay đổi do chính sự có mặt của Albertine khi gặp lại nàng, tôi nói với nàng những điều hoàn toàn khác dự kiến. Tôi đắm đuối rồi trước ánh mắt, nụ cười của nàng. Chúng có thể biểu thị một tính cách phóng túng, nhưng cũng cả một tâm hồn vui vẻ của một cô gái có phần nghịch ngợm song bản chất thì trung thực, vì cùng một nét mặt, một lời nói có thể có những ý nghĩa khác nhau nên tôi do dự giống như một cậu học sinh trước một bài dịch khó bằng tiếng Hy Lạp.

Lần ấy, chúng tôi gặp ngay tiểu thư Andrée cao lớn, người đã nhảy qua đầu ông chủ ngân hàng. Albertine buộc phải giới thiệu tôi. Cô bạn nàng có đôi mắt sáng một cách kỳ lạ, giống như lối vào một căn phòng qua cửa để mở đón nhận ánh nắng và màu xanh lấp lánh của mặt biển dưới bầu trời.

Năm đấng mày râu đi qua. Tôi gặp họ nhiều lần ở Balbec, và bản khoản không biết họ là ai.

- Những kẻ chẳng hay hóm gì đâu, - Albertine bảo tôi và cười khẩy, vẻ

khinh bỉ. - Ông già nhỏ người, có mái tóc nhuộm và đi găng màu vàng là thầy thuốc chữa răng ở Balbec, chỉ riêng ông ta là tốt bụng thôi. Ông béo kia là đốc lý đấy, không phải cái ông béo, thấp lùn củn đâu, chắc ông đã gặp rồi, ông ta là giáo sư khiêu vũ và khá bần tiện. Ông ta không thể chịu đựng nổi chúng tôi vì, bọn này làm huyên náo cả câu lạc bộ, làm

hông bàn ghế, đòi nhảy không có thảm trải sàn; ông ta không bao giờ cho chúng tôi giải thưởng mặc dù chỉ có chúng tôi là biết nhảy. Ông bác sĩ nha khoa là một người tốt, tôi muốn tới chào ông để chọc tức lão giáo sư khiêu vũ, nhưng không được, vì cùng đứng với họ có ông de Sainte- Croix, nghị viên hàng tỉnh, thuộc một dòng họ danh giá nhưng chỉ vì tiền mà đứng về phía những người cộng hòa; từ ấy, không còn một người tử tế nào chào hỏi nữa. Ông ta quen ông bác tôi vì công việc của chính phủ, nhưng tất cả những người khác trong gia đình tôi đều quay lưng lại với ông ta. Còn cái ông gây mang áo đi mưa kia là nhạc trưởng. Sao, ông không biết ông ta ư? Ông ta biểu diễn mê ly lắm. Ông không được nghe bản *Cavalleria*

Rusticana⁽³⁴⁰⁾ phải không? Ôi! Một bản nhạc lý tưởng! Tối nay, có một buổi hòa nhạc, nhưng chúng tôi không thể đến dự vì tổ chức ở Tòa đốc lý. Nếu ở câu lạc bộ thì chẳng sao; nhưng ở Tòa đốc lý, người ta đã cất mất tượng Jésus, nên bà mẹ Andrée sẽ không khỏi choáng váng nếu chúng tôi đi dự. Ông bảo chồng của cô tôi ở trong chính phủ. Nhưng ông nghĩ thế nào? Cô tôi là cô tôi. Đâu phải vì vậy mà tôi yêu mến bà ta! Bà ta chỉ một mực muốn tống khứ tôi. Người từng thực sự làm mẹ tôi, và đáng ca ngợi đến hai lần vì không hề có họ hàng gì với tôi, chính lại là một người bạn mà tôi cũng yêu quý như một người mẹ. Tôi sẽ đưa ông xem ảnh.

Octave, tay chơi bài tào cáo và là vô địch trong môn đánh gôn, đến gặp chúng tôi một lát. Tôi tưởng phát hiện ra giữa hắn và tôi có chút quan hệ, vì qua câu chuyện, tôi biết hắn có bà con với gia đình Verdurin và được họ khá ưu ái. Nhưng hắn nói với giọng khinh bỉ về các buổi tiếp khách tối thứ Tư khá nổi tiếng của họ, và nói thêm là ông Verdurin không hề bận xômking, nên hắn không ít lúng túng khi gặp ông ở nhà hát, nơi chẳng ai muốn nghe một vị mặc veston và thắt cà vạt đen kiểu công chứng viên làng xã gọi mình: “Ê! Chào chú nhóc”. Rồi Octave chia tay chúng tôi.

Sau đó đến lượt Andrée, khi cô tới trước tòa biệt thự. Trong suốt buổi dạo chơi, Andrée không nói với tôi nửa lời. Tôi lấy làm tiếc thấy cô bỏ về. Tôi lưu ý Albertine về thái độ lạnh nhạt của cô bạn nàng đối với mình và trong thâm tâm liên hệ việc nàng có vẻ không muốn tôi làm quen các cô bạn gái với thái độ cự tuyệt của Elstir hôm đầu tiên. Mấy tiểu thư nhà d’Ambresac đi qua. Albertine và tôi cùng chào.

Tôi thầm nghĩ vị trí của mình đối với Albertine vì vậy sẽ tốt hơn. Các tiểu thư d’Ambresac là con gái một người bà con của bà de Villeparisis, và cũng là chỗ quen biết bà de Luxembourg. Ông bà d’ Ambresac có một ngôi biệt thự nhỏ ở Balbec và là những nhà cự phú, nhưng sống hết sức giản dị, ông

chồng bao giờ cũng chỉ bận một chiếc veston không hề thay đổi, và bà vợ, một chiếc áo dài sẫm màu. Các cô gái, rất xinh đẹp, ăn mặc lịch sự hơn, nhưng là kiểu lịch sự ở thành phố, chứ không phải ở bãi tắm. Với những tấm áo dài và những chiếc mũ rộng vành, họ có vẻ thuộc một xã hội khác xã hội Albertine. Nàng biết rõ họ là ai.

- A! Thì ra ông quen các con bé nhà d'Ambresac? Ông quen những con người sang trọng thật, vả lại, họ rất giản dị. - Nàng nói thêm như thể một cách trái ngược. - Họ rất dễ thương nhưng được nuôi dạy cẩn thận tới mức không được phép tới câu lạc bộ, nhất là vì sự có mặt của chúng tôi, bởi lẽ chúng tôi quá “mất dạy”. Họ làm ông vui thích phải không? Lạy Chúa, cái đó là tùy. Hoàn toàn là những con bạch nhận! Có thể hấp dẫn đấy. Nếu ông yêu những con bạch nhận, thì sẽ được phụng sự đến nơi đến chốn. Hình như họ có thể làm người ta hài lòng, vì đã có một nàng đính hôn với hầu tước de Saint-Loup. Cô con gái út đau khổ lắm vì say mê chàng trai ấy. Riêng tôi, chỉ cái cách nói mà không buồn nhếch mép của họ cũng đã làm tôi điên tiết. Vả lại, họ ăn mặc thật lố bịch. Họ chơi gôn trong tấm áo lụa dài kia đấy! Ở lứa tuổi ấy mà ăn mặc cầu kỳ hơn cả những người có tuổi biết cách trang phục! Kìa, bà Elstir, một người đàn bà thanh lịch.

Tôi đáp là bà ấy có vẻ ăn mặc rất giản dị. Albertine bật cười.

- Quả là rất giản dị, nhưng cũng rất tuyệt vời, và để đạt được cái mà ông cho là giản dị ấy, bà ta đã tiêu hết không biết bao nhiêu tiền của vào đấy.

Những ai không có thị hiếu thẩm mỹ vững vàng về trang phục thì không thể chú ý tới những tấm áo dài của bà Elstir. Tôi không có thị hiếu ấy, còn Elstir thì lại có ở mức độ siêu việt nếu căn cứ vào lời Albertine. Tôi không hề nghi ngờ điều đó, cũng như không nghi ngờ những thứ thanh lịch nhưng đơn sơ chất đầy trong xưởng vẽ của ông, những thứ tuyệt- diệu ông từng ước ao trong một thời gian dài, và theo dõi từ buổi bán đấu giá này đến buổi bán đấu giá khác trong lúc biết rõ toàn bộ lịch sử của chúng, cho tới ngày ông có đủ tiền mua về. Nhưng về mặt này, Albertine cũng không hay biết gì hơn tôi và cũng không mách bảo tôi được điều gì.

Còn về trang phục, thì với bản năng của một người thích làm duyên làm dáng, và có lẽ cả với nỗi ân hận của một cô gái nhà nghèo trước những thứ trang sức của nhà giàu mà bản thân mình không sao sắm được, nàng nói cặn kẽ với tôi về thị hiếu tinh tế của Elstir, người khó tính tới mức thấy mọi người đàn bà đều ăn bận không đẹp và mua cho vợ với giá đắt khủng khiếp, đủ ô, mũ, măngtô và mọi thứ khác. Ông luyện cho Albertine tìm thấy cái đẹp trong những thứ đó, trong lúc cũng như tôi, những người thiếu thị hiếu thẩm mỹ không thể chú ý tới. Hơn nữa, Albertine có vẽ ít nhiều tuy không có chút “thiên bẩm” nào, như nàng thú nhận. Nàng rất khâm phục Elstir và, nhờ có ông chỉ dẫn, nàng biết đánh giá các bức tranh theo cung cách trái ngược với lòng say mê *Cavalleria Rusticana*. Thực ra nàng rất thông minh, và trong những điều nàng nói, cái ngốc nghếch không phải chính của nàng, mà là của lứa tuổi và môi trường nàng sống. Elstir có một ảnh hưởng tốt đẹp, nhưng không trọn vẹn với nàng. Ở Albertine, các hình thái trí tuệ không cùng một độ phát triển đồng đều. Thị hiếu về hội họa hầu như bắt kịp thị hiếu về trang phục và mọi mặt khác của vẻ thanh lịch bề ngoài, nhưng thị hiếu về âm nhạc thì rất kém cỏi.

Albertine dù có biết các tiểu thư nhà d’Ambresac cũng vô ích đối với tôi, trước sau nàng vẫn không sẵn sàng cho tôi làm quen các cô bạn của nàng. Ông có ý coi trọng họ là rất đáng quý. Nhưng ông đừng chú ý tới họ làm gì, họ không ra sao cả đâu. Những con bé ấy có thể có ý nghĩa gì đối với một con người có danh vọng như ông? Chỉ có Andrée là cực kỳ thông minh. Một con bé tốt bụng, tuy hết sức kỳ quặc, còn những đứa khác thì quả là rất ngốc nghếch.

Chia tay Albertine, bỗng nhiên tôi cảm thấy rất buồn về việc Saint- Loup giấu không cho mình biết chuyện đính hôn và có hành vi xấu xa đến mức lấy vợ mà không đoạn tuyệt với người tình.

Mấy hôm sau, tôi được giới thiệu với Andrée, và vì nàng nói chuyện khá lâu, tôi lợi dụng cơ hội để ngỏ lời muốn gặp nàng ngày hôm sau, nhưng nàng đáp là không thể được vì mẹ nàng không được thật khỏe và nàng không muốn để bà ở nhà một mình. Hai hôm sau, tôi tới thăm Elstir. Ông bảo Andrée rất có cảm tình đối với tôi. Tôi thưa:

- Nhưng chính tôi là người rất có cảm tình đối với cô ấy ngay từ hôm đầu; tôi xin gặp lại ngày hôm sau, nhưng cô ấy bảo là không thể được.
- Đúng, tôi biết, cô ấy có kể lại với tôi, - Elstir bảo, - cô ấy lấy làm tiếc, nhưng trước đây, đã nhận lời dự một buổi cắm trại cách đây mười dặm; cô ấy phải tới đấy bằng xe ngựa và không thể thay đổi ý kiến được nữa.

Tuy sự dối trá này chẳng mấy ý nghĩa vì Andrée chỉ mới biết tôi, tôi vẫn không thể tiếp tục làm quen một con người có thể dối trá như vậy. Vì khi đã làm một điều gì thì người ta sẽ tiếp tục làm điều đó mãi. Và nếu hàng năm đến thăm một người bạn đã không tới buổi hẹn gặp anh vì bị nhiễm lạnh thì anh sẽ gặp anh ta với một cơn nhiễm lạnh khác, sẽ không thấy anh ta ở một cuộc hẹn gặp khác, vì một lý do bất di bất dịch nhưng anh ta lại cho là những lý do khác nhau, viện ra từ những trường hợp khác nhau. Sau buổi sáng Andrée bảo tôi cô ta buộc phải ở nhà chăm sóc bà mẹ, tôi gặp Albertine. Nàng giơ cao ở cuối một sợi dây nhỏ một vật kỳ lạ khiến nàng trông giống như bức *Thần tượng* của Giotto⁽³⁴¹⁾; vật ấy chính

là “con lăn dây”, một thứ đồ chơi đã lạc hậu tới mức thấy nó trên tay một cô gái, những nhà bình luận về tương lai có thể nghị luận về nó như khi đứng trước bức chân dung Aréna⁽³⁴²⁾.

Một lát sau, một cô bạn tới bảo Albertine:

- Xin chào, tôi có làm phiền các bạn không đấy?

Đây là cô gái, hôm đầu tiên tôi bắt gặp cả nhóm, đã cười khẩy về dữ dằn và nói về ông già bị đôi chân lẹ làng của Andrée chạm phải: “Thật bức mình với cái ông già tội nghiệp ấy”. Cô ta bỏ mũ ra, để lộ một mái tóc dày xõa tung trên trán.

Có lẽ vì khó chịu thấy cô gái đầu trần, Albertine, vẻ lạnh nhạt, không nói nửa lời và tìm cách cách ly cô ta khỏi tôi, khi thì cùng đi ngang hàng với cô, khi thì cùng cất bước với tôi, để cô gái lại phía sau. Tôi bắt buộc yêu cầu nàng giới thiệu khi có mặt cô gái. Vào lúc Albertine nói tới tên tôi, trên gương mặt và trong cặp mắt màu xanh của cô gái có vẻ nanh nọc khi cô ta nói: “Thật bức mình với cái ông già tội nghiệp ấy”, tôi thấy lấp lánh một nụ cười thân ái, dịu dàng, và nàng chìa tay cho tôi. Tóc nàng vàng rực, nhưng không phải chỉ có mái tóc vàng, vì hai má nàng tuy màu hồng và đôi mắt nàng màu xanh, nhưng trông như bầu trời còn ửng hồng buổi sáng đầu đầu cũng hiện lên và lóng lánh màu vàng.

Trong lòng say sưa, tôi nghĩ bụng đây là một cô bé rụt rè khi yêu, và vì mình, vì yêu mình nên nàng ở lại mặc dù thái độ lạnh nhạt của Albertine, và chắc hẳn qua ánh mắt tươi cười và dịu dàng kia, nàng muốn thổ lộ với mình nàng thô bạo với người khác bao nhiêu thì cũng dịu dàng với mình bấy nhiêu. Chắc hẳn nàng đã chú ý tới tôi trên bãi tắm ngay khi tôi còn chưa biết nàng, và từ ấy đã nghĩ tới tôi; chắc hẳn vì muốn tôi ngợi khen mà nàng đã chế giễu ông già chủ ngân hàng, và vì không sao làm quen tôi được mà những ngày sau đó nàng có vẻ âu sầu. Từ trong khách sạn, tôi thường trông thấy buổi chiều nàng dạo chơi trên bãi biển. Chắc hẳn với hy vọng được gặp tôi. và giờ đây, tuy lương vượng vì sự có mặt của riêng một mình Albertine cũng như của cả nhóm trước kia, và mặc dù thái độ mỗi lúc một thêm lạnh nhạt của cô bạn, chắc hẳn nàng vẫn lẻo đẻo theo chân chúng tôi chỉ vì mong muốn ở lại sau cùng và hẹn hò gặp tôi vào một lúc nàng tìm cách vắng mặt mà gia đình và bạn bè không hay biết, và đến với tôi ở một nơi kín đáo trước buổi lễ misa hay sau buổi chơi gôn. Nhưng thật khó gặp nàng, nhất là vì Andrée giận và ghét nàng.

- Đã từ lâu, - Albertine bảo tôi, - tôi chịu đựng sự giả trá, hèn hạ và vô số những trò đều cáng nó chơi tôi. Tôi chịu đựng tất cả vì những người khác.

Nhưng hành vi gần đây nhất của nó đã làm không khí không sao có thể chịu đựng nổi nữa.

Và nàng kê cho tôi nghe một câu chuyện ngòi lê đôi mách của cô gái từng gây thiệt hại cho Andrée. Nàng một mực ngăn cách giữa Gisèle và tôi, mỗi lúc một trả lời thêm cụt lủn và cuối cùng hoàn toàn im lặng trước những câu gợi chuyện của cô bạn, nên cuối cùng Gisèle phải bỏ đi.

Tôi trách Albertine sao lại khó chịu đến thế.

- Như thế để dạy nó phải biết kín đáo hơn. Nó không phải là một đứa xấu, nhưng rất khó chịu. Việc gì cứ phải thọc mũi vào khắp mọi nơi? Sao nó cứ đèo queo chúng ta khi chúng ta không yêu cầu? Và lại, tôi ghét cái lối để tóc tai như thế kia, trông chướng mắt.

Tôi nhìn đôi má Albertine trong khi nàng nói và tôi thầm nghĩ chúng có thể phảng phất hương sắc gì: hôm ấy, nàng không có vẻ tươi mát, mà bóng lộn, một màu hồng tím tím, dùng đục, giống như một số bông hồng bôi một lớp sáp ong. Tôi say mê đôi má nàng như thỉnh thoảng người ta say mê một loài hoa.

- Tôi không chú ý tới điều đó, - tôi đáp lời Albertine.

- Nhưng ông đã nhìn nó khá kỹ kia mà, như thế ông muốn vẽ chân dung nó không bằng ấy. - Nàng bảo tôi, thái độ vẫn không dịu dàng tuy lúc này chính tôi đang đắm đắm nhìn nàng. - Nhưng tôi nghĩ ông không thích nó đâu. Nó không ưng chuyện ve vãn tí nào. Chắc ông, ông phải yêu những cô gái thích chuyện ve vãn. Nhưng dầu sao nó cũng sẽ không còn dịp lãng nhăng đi theo người ta và bị người ta bỏ rơi nữa, vì nó sắp trở về Paris rồi.

- Các cô bạn khác của cô ấy có cùng về không?

- Không, chỉ một mình nó và cô gia sư, vì nó phải thi lại, nó sẽ tha hồ “cày”, con bé tội nghiệp! Chẳng lấy gì làm vui đâu, tôi bảo đảm với ông như vậy. Có khi rút thăm được một đề tài dễ chịu. Hoàn toàn ngẫu nhiên thôi mà. Một cô bạn tôi rút được đầu đề: “Hãy kể lại một tai nạn chị đã chứng kiến”. Thật là vớ bở! Nhưng tôi quen một cô gái phải làm bài (và là bài thi viết): “Giữa Alceste⁽³⁴³⁾ và Philinte⁽³⁴⁴⁾, chị thích chọn người nào làm bạn?” Nếu rơi vào tôi thì hỏng bay! Trước hết, dù thế nào đi nữa, cũng không nên đặt câu hỏi như vậy đối với con gái. Con gái có quan hệ với con gái và không được đánh bạn với các vị đàn ông. (Câu nói này làm tôi run sợ vì tôi thấy mình có ít khả năng được nhập bọn vào cái nhóm nhỏ các cô gái). Nhưng, dù câu hỏi ấy có được đặt ra với bọn trẻ chẳng nữa thì bảo họ biết gì mà nói cơ chứ? Nhiều gia đình đã viết thư cho tờ *Le Gaulois* phàn nàn về tính chất hóc búa của những câu hỏi như thế. Điều gay go nhất là trong sưu tập những bài làm tốt nhất và được giải thưởng, đề tài được bàn luận hai lần một cách hoàn toàn đối lập nhau. Tất cả tùy thuộc vào giám khảo. Một người muốn người ta cho Philinte là một kẻ nịnh hót và dối trá; người thứ hai thì muốn người ta không thể không ca ngợi Alceste, nhưng hẳn quá cay nghiệt và nếu chọn bạn thì nên chọn Philinte. Bọn nữ sinh tội nghiệp biết làm thế nào khi các giáo sư không thống nhất với nhau? Và mỗi năm lại một thêm khó. Gisèle chỉ có thể thoát nạn bằng cách chạy chọt thôi.

Tôi trở về khách sạn, bà tôi không có mặt, tôi phải chờ một lúc lâu; cuối cùng, khi bà tôi về, tôi năn nỉ cụ cho phép đi du ngoạn trong bốn mươi tám tiếng; tôi ăn trưa với cụ rồi thuê xe ngựa ra ga. Gisèle chắc hẳn sẽ không ngạc nhiên khi gặp tôi; và chắc hẳn trên chuyến xe lửa đi Paris, tôi có thể dẫn nàng ra một góc trong lúc cô gia sư ngủ gà ngủ gật và hẹn gặp nàng ở Paris trong thời gian gần nhất. Tùy theo ý muốn của nàng, tôi có thể tiễn chân Gisèle tới Caen hay tới Evreux, và đáp chuyến tàu

sau đó trở về. Dầu sao, nàng sẽ nghĩ thế nào nếu biết tôi đã do dự lâu giữa nàng và các cô bạn nàng, biết tôi say mê Albertine, say mê cô gái có cặp mắt xanh, say mê Rosemonde cũng chẳng khác nào say mê nàng?

Giờ đây, tôi lấy thế làm ân hận khi thấy một tình yêu song phương như sắp sửa gấn bó tôi với Gisèle, và lại tôi có thể cam đoan với nàng một cách thành thực là mình không thích Albertine.

Sáng nay, tôi thấy Albertine quay lưng lại khi bước tới nói gì đó với Gisèle. Mái tóc đen nhánh lấp lánh trên đầu nàng, tôi chỉ có thể thấy thế trong một lúc, và cho tới lúc này, tôi cũng vẫn trông thấy có thế. Ký ức chúng ta giống như những cửa hiệu trưng bày trong tủ kính khi thì bức ảnh này, lúc lại bức ảnh khác, tuy chỉ của một người. Và thông thường chỉ đọng lại trong ta bức mới nhất, cỗ xe ngựa lăn bánh mỗi lúc một nhanh, tôi như thoáng nghe những lời biết ơn và âu yếm của Gisèle, tất cả đều phát sinh từ nụ cười tươi mát và bàn tay chìa ra của nàng.

Mấy hôm sau, mặc dù Albertine không sốt sắng giới thiệu, tôi đã làm quen được toàn thể nhóm cô gái vẫn nguyên vẹn ở Balbec (trừ Gisèle tôi không kịp gặp vì xe ngựa phải dừng lâu trước barie nhà ga và giờ tàu chạy thay đổi; và lại tôi cũng không còn nghĩ tới nàng nữa). Ngoài ra, còn hai ba cô bạn mới của họ tôi được giới thiệu. Và chẳng bao lâu sau, tôi sống suốt ngày này qua ngày nọ giữa các cô gái ấy. Như trên một thân cây mà hoa nở và tàn vào những thời kỳ khác nhau, tôi hình dung các cô bạn trên bãi biển Balbec một ngày sau sẽ trở thành những bà già chẳng khác những đóa hoa ngày hôm sau sẽ biến thành những cái hạt cứng rắn hoặc những cái củ mềm nhũn. Nhưng có sao đâu? Lúc này đang là mùa hoa. Bởi vậy khi bà de Villeparisis mời đi dạo chơi, tôi tìm có thoai thác. Tôi chỉ tới thăm Elstir khi có các cô bạn mới quen biết cùng đi. Thậm chí tôi không còn một buổi chiều nào để đi Doncières thăm Saint-Loup như tôi đã hứa. Những buổi họp mặt tao nhã, những buổi đàm đạo nghiêm túc, thậm chí một buổi nói chuyện trò tâm tình, nếu chiếm mất những chỗ của những buổi dạo chơi với các cô gái, tôi đều thấy tai hại chẳng khác nào vào giờ ăn trưa, người ta dẫn chúng ta đi, không phải để ăn mà để xem một cuốn anbum.

Nếu thời tiết xấu, thì chúng tôi ngồi suốt ngày ở câu lạc bộ, trong lúc Albertine thỉnh thoảng vẫn khoác áo đạp xe dưới mưa tầm tã. Tôi không mấy may quan tâm tới các tiểu thư nhà d'Ambresac, họ không bao giờ bước chân vào câu lạc bộ. Và tôi sẵn sàng giúp các cô bạn chơi cho vị giáo sư khiêu vũ những võ ra trò. Chúng tôi thường bị người phụ trách câu lạc bộ hay những nhân viên lạm quyền mắng mỏ vì các cô bạn tôi không thể đi

từ tiền sảnh tới phòng khánh tiết mà không chạy lấy đà nhảy qua bàn ghế và khi quay trở lại thì trượt dài nhưng vẫn giữ được thăng bằng với một động tác uyển chuyển của đôi cánh tay, miệng thì ca hát trong lúc lẫn lộn tất cả các làn điệu, theo kiểu các thi sĩ thời xưa chưa phân biệt các thể loại và trong một bài anh hùng ca lẫn lộn quy tắc nông nghiệp với giáo huấn thần học.

Là người hôm đầu tiên tôi những tưởng là cô gái lạnh nhạt nhất, Andrée, trái lại, tỏ ra tinh tế hơn, dịu dàng hơn Albertine và đối xử với bạn với vẻ mơn trớn, âu yếm của một người chị gái. Nàng tới câu lạc bộ ngồi cạnh tôi, và - trái ngược với Albertine - biết từ chối một điệu vals, hoặc thậm chí nếu biết tôi mệt thì không tới câu lạc bộ để đến khách sạn. Nàng thể hiện tình bạn đối với tôi, với Albertine, hết sức tinh tế, chứng tỏ nàng thấu hiểu tường tận những vấn đề về con tim, một phần có thể do sức khỏe không được thật tốt. Trên môi nàng luôn nở một nụ cười tươi tắn để tha thứ cho những trò trẻ con của Albertine khi cô nàng, với một vẻ quyết liệt ngây thơ, tỏ rõ không thể cưỡng lại những trò vui, chứ không phải như Andrée biết kiên quyết từ chối để ngồi lại chuyện trò với tôi...

Khi gần đến giờ đi ăn bữa chiều ở sân gôn, nếu tất cả chúng tôi đều có mặt thì Albertine tới bảo Andrée:

- Này Andrée, còn chờ gì nữa mà không tới? Cậu biết là bọn này sắp sửa đi ăn bữa chiều ở sân gôn chứ?

- Không, tớ ở lại nói chuyện với anh ấy. - Andrée vừa đáp vừa chỉ vào tôi.

- Nhưng cậu biết là bà Durieux mời cậu kia mà. - Albertine kêu toáng lên, như thể Andrée có ý định ngồi lại với tôi chỉ vì không biết được mời mà thôi.

- Thôi nào cô bé của chị, đừng có ngốc nghếch đến thế. - Andrée đáp.

Albertine thôi không nài nỉ, vì sợ bị giữ lại.

- Tùy ý cậu, - cô nàng lắc đầu đáp, như thể nói với một người bệnh bằng lòng chịu chết dần chết mòn, - còn tớ thì tớ phải phối thôi, vì hình như đồng hồ cậu bị chậm.

Nói xong, như quàng chân lên cổ mà chạy.

- Con bé dễ thương nhưng kỳ cục thật. - Andrée vừa lên tiếng vừa nhìn cô bạn với một nụ cười trên môi ra chiều vừa mơn trớn vừa phê phán.

Nếu về hứng thú giải trí, ở Albertine phảng phất một cái gì đó của một Gilberte trong những ngày đầu, thì chính là vì giữa những người đàn bà chúng ta lần lượt yêu thương, có tồn tại và tiến triển một sự giống nhau do khí chất chúng ta không thay đổi: chính trong lúc lựa chọn, nó loại trừ tất

cả những người vừa không đối lập vừa không bổ sung cho chúng ta, nghĩa là không thỏa mãn dục vọng, nhưng cũng không làm đau khổ trái tim chúng ta. Những người đàn bà này là sản phẩm của khí chất chúng ta, là một hình ảnh, một sự phản chiếu lật ngược, một “âm bản” của tâm tưởng ta.

Trong cuộc đời nhân vật, nhà tiểu thuyết có thể miêu tả giống nhau tới mức hầu như chính xác những mối tình lần lượt trong cuộc đời nhân vật, và qua đó, gây cho người đọc cảm giác không phải ông ta tự bắt chước bản thân mình, mà là sáng tạo, vì trong một sự đối mới giả tạo, không bao giờ gây được ấn tượng như trong phương pháp điệp ý nhằm khơi gợi một chân lý mới. Chưa kể là nhà văn còn phải ghi nhận trong tính cách của anh chàng người yêu một dấu hiệu biến đổi càng ngày càng rõ khi tới những khu vực mới, những phạm vi khác của cuộc sống. Và ông ta có thể thể hiện thêm một chân lý nữa nếu trong lúc miêu tả tính cách những nhân vật khác, không gán một tính cách nào cho người đàn bà được yêu. Chúng ta có thể biết tính cách người này người nọ nhưng làm sao có thể nắm bắt tính cách của một người mà cuộc sống của họ và của chúng ta chỉ là một, chẳng bao lâu chúng ta không thể tách họ ra khỏi bản thân mình nữa? Chúng ta luôn luôn băn khoăn, day dứt đặt những giả thiết này nọ về động cơ của họ? Vượt qua lý trí, lòng hiếu kỳ của chúng ta đối với người đàn bà mà mình yêu thương vượt qua luôn cả tính cách của họ. Dù có thể dừng lại, chắc hẳn chúng ta cũng không muốn.

Andrée thì cực kỳ giàu có, trong lúc Albertine nghèo đói và mồ côi. Vì vậy, với một tấm lòng độ lượng mệnh mông, Andrée cho bạn cùng hưởng sự giàu sang của mình. Còn tình cảm của nàng đối với Giséle, thì không phải hoàn toàn như tôi tưởng. Quả là chẳng bao lâu, Albertine nhận được tin tức của cô sinh viên. Trong thư, Giséle báo tin với cả nhóm về hành trình của mình, và xin lỗi về tội lười nhác chưa viết cho những người khác. Tôi ngạc nhiên nghe Andrée - mà tôi những tưởng vĩnh viễn bất hòa với Giséle - tuyên bố:

- Mai tớ sẽ viết thư cho nó, vì nếu chờ thư nó trước, thì còn phải chờ lâu: nó lười viết lắm.

Và quay về phía tôi, nói thêm:

- Hiển nhiên là ông không thấy nó xuất sắc, nhưng nó là một cô gái tốt bụng, và tôi yêu mến nó vô cùng.

Tôi kết luận là sự giận dữ của Andrée không kéo dài.

Trừ những hôm mưa, chúng tôi đạp xe về phía vách đá hoặc về nông thôn.

Trước khi lên đường một tiếng, tôi tìm cách làm đẹp và phàn nàn nếu

Françoise không chuẩn bị thật đầy đủ cho mình. Nhưng ngay ở Paris cũng vậy, hễ cho bà có chút thiếu sót là Françoise kiêu hãnh và giận dữ ngẩng cao tấm thân mà tuổi tác bắt đầu làm nó có phần còng xuống, tuy bà vốn rất nhũn nhặn, khiêm tốn và dễ thương khi lòng tự ái được phình nịnh. Lòng tự ái là động cơ quan trọng trong cuộc sống của bà; những điều đòi hỏi ở bà càng khó thì bà càng mãn nguyện, sung sướng. Những việc Françoise phải làm ở Balbec dễ dàng tới mức bà hầu như luôn luôn tỏ ra bất bình, một sự bất bình bỗng nhiên nhân lên gấp trăm kèm thêm một thái độ kiêu hãnh ra chiều hài hước khi tôi phàn nàn mũ chưa được chải, hoặc cà vạt để lộn xộn, trước lúc

tôi đi gặp các cô bạn. Hễ nghe nhận xét một chiếc veston không treo đúng chỗ là chẳng những Françoise hãnh diện bảo bà đã “nhốt nó còn hơn là để cho nó ăn bụi”, mà còn phàn nàn là bà tới Balbec không phải để nghỉ hè, là không cần có một người thứ hai như bà để ăn không ngồi rồi đâu.

- Tôi không hiểu làm sao người ta có thể để đồ đạc như vậy, và cậu thử xem một người khác có thể lần ra được đường trong cái mớ hỗn độn này không. Đến quý sứ cũng chẳng biết đâu mà mò.

Có khi Françoise vẻ mặt kiêu hãnh, ném cho tôi những ánh mắt rực lửa và im lặng cho tới khi đóng cửa lại và bước ra hành lang; lúc đó mới loáng thoáng nghe cất lên những lời mà tôi đoán là giận dữ nhưng vẫn mơ mơ hồ hồ như lời của những nhân vật phía sau cánh gà trước khi bước lên sân khấu, vả lại, khi tôi chuẩn bị ra đi cùng các cô bạn, dù không thiếu gì hết và dù Françoise đang vui vẻ, bà cũng vẫn tỏ ra khó chịu. Và sử dụng những lời đùa cợt tôi nói với bà về các cô gái khi tôi cần phải nói về họ, Françoise làm ra vẻ tiết lộ những điều tôi có thể biết rõ hơn bà nếu là những điều đúng sự thật; nhưng thực ra không phải như vậy vì Françoise đã hiểu lầm. Cũng như bàn dân thiên hạ, Françoise có cá tính riêng của mình, cá tính ở một con người vốn không bao giờ giống như một con đường thẳng, trái lại nó làm chúng ta kinh ngạc về những chỗ ngoắt ngoéo kỳ lạ và tất yếu mà những người khác không nhận thấy, còn chúng ta thì phải vất vả đi qua. Mỗi khi chuẩn bị lên đường và nhắc tới tên Albertine hay Andrée là tôi buộc phải đi theo những con đường quanh co và phi lý do sự có mặt của Françoise làm tôi phải mất nhiều thì giờ. Tình hình cũng như vậy khi tôi nhờ bà làm món sandwich và xà lách hoặc đi mua bánh kem hạnh nhân để tôi mang đi ăn vào giờ uống trà buổi chiều với các cô gái ngoài bãi tắm: tôi vẫn nghe những lời ca cẩm của Françoise. Nhưng rồi cuối cùng, veston tìm thấy và sandwich làm xong, tôi đi gặp Albertine, Andrée, Rosemonde, thỉnh thoảng những người khác nữa, và chúng tôi lên đường.

Giá như ngày trước thì tôi muốn buổi dạo chơi được tổ chức vào tiết xấu trời, vì nghĩ những ngày nắng đẹp là chuyện không thể có ở Balbec, là một sự xâm nhập vào mùa hè thường nhật của khách tắm biển trong vùng đất cổ kính quanh năm sương mù bao phủ này. Nhưng, tất cả những gì trước kia mình ghét bỏ, không đoái hoài tới, từ ánh nắng mặt trời đến những chiếc du thuyền, những cuộc đua ngựa, thì giờ đây, tôi đều say mê tìm kiếm, cũng vì một lý do như ngày trước, tôi chỉ muốn đứng trước biển cả trong đông bão; tất cả những lý do ấy xưa cũng như nay, đều gắn liền với một quan niệm mỹ học.

Thỉnh thoảng, chúng tôi cùng đến thăm Elstir, và những hôm có các cô gái, ông thích cho chúng tôi xem mấy bức họa các thiếu nữ xinh đẹp cưỡi du thuyền, hoặc một bức chấm phá vẽ ngay trên một trường đua ngựa gần Balbec. Lúc đầu tôi rụt rè thú nhận là cho đến nay tôi không thích xem đua ngựa.

- Anh nhầm đấy, - Elstir bảo tôi, - đẹp lắm và cũng kỳ thú lắm. Trước hết, là anh chàng giôkê, con người đặc biệt mà mọi ánh mắt đều đổ dồn vào, người và ngựa trên đường đua như thể chỉ còn là một. Sẽ thú vị biết bao nếu làm toát lên được những động tác nghề nghiệp của anh chàng, vẽ lên được hình ảnh anh ta như một đốm sáng cùng với các đốm sáng lấp lánh trên thân ngựa giữa đường đua! Một sự biến đổi đến kỳ lạ của tất cả mọi thứ giữa cái mênh mông chới chạng của trường đua ngựa, và người ta kinh ngạc trước sự chuyển động của ánh sáng và bóng tối mà chỉ có thể tìm thấy ở đây! Trên đường đua, dáng dấp phụ nữ trông xiết bao kiều diễm trong một thứ ánh sáng ướt át! Tôi muốn thể hiện thứ ánh sáng thâm đậm hương vị của biển cả ấy biết chừng nào! Từ trường đua trở về, tôi say sưa muốn bắt tay ngay vào công việc.

Ông còn nói say sưa hơn về những cuộc đua thuyền buồm, và tôi hiểu những cuộc đua thuyền ấy, những buổi biểu diễn thể thao trong đó những người đàn bà trang phục đẹp tằm tấp trong luồng ánh sáng mờ đục của một trường đua ngựa gần biển, có thể là một môtip thú vị đối với một họa sĩ hiện đại chẳng khác những buổi lễ đối với một Véronèse hay một Carpaccio.

- Sự so sánh của anh rất chính xác, - Elstir bảo tôi, - nhất là vì tranh họ vẽ Venise nên những buổi lễ ấy mang ít nhiều tính chất những cuộc thi đấu trên mặt biển. Chỉ có điều là vào những thời kỳ ấy, cái đẹp của những con thuyền chủ yếu là ở chỗ chúng nặng nề, phức tạp. Những cuộc đấu gậy được tổ chức trên thuyền để đón tiếp một phái bộ mà Carpaccio thể hiện trong *Truyện thuyết về Nữ thánh Ursule*⁽³⁴⁵⁾. Những con thuyền nặng nề được đóng như người ta xây dựng những công trình kiến trúc và tưởng chừng chúng ta có thể ở cả trên bộ lẫn dưới nước như những Venise bé nhỏ giữa chính Venise, khi chúng chở những thiếu phụ đứng tựa bao lơn khắc chạm cẩm thạch ngũ sắc trong trang phục bằng nhiều màu anh đào hay gấm Ba Tư xanh, hoặc cúi nhìn xuống biển trong những tấm áo dài ống tay màu đen có đường viền trắng thêu ren đính ngọc trai. Người ta không còn biết đâu là chỗ tận cùng đất liền, đâu là chỗ bắt đầu biển cả.

Albertine say sưa lắng nghe những chi tiết về trang phục, những hình ảnh sang trọng theo lời miêu tả của Elstir.

- Ô! Em rất muốn được nhìn tận mắt những đường thêu ren mà ông nói tới, - nàng thốt lên, - em muốn tới Venise biết chừng nào!

- Có thể chẳng bao lâu nữa cô sẽ được ngắm nghía những thứ vải vóc tuyệt diệu người ta dùng ở đây. Người ta chỉ còn trông thấy chúng trên tranh của các họa sĩ Venise, hoặc nữa rất hiếm hoi trong kho tàng các nhà thờ; thậm chí thỉnh thoảng có một tấm được đưa ra bán. Nhưng người ta bảo Fortuny, nghệ sĩ ở Venise, đã tìm ra bí quyết chế tạo những thứ đó, và chỉ vài năm nữa là phụ nữ có thể dạo chơi và nhất là ở nhà, với những thứ gấm vóc lộng lẫy chẳng kém những tấm mà Venise tô điểm với những họa tiết phương Đông cho các mệnh phụ quý tộc của nó. Nhưng tôi không rõ mình có thích những thứ ấy lắm không, kể cả khi dạo chơi trên du thuyền, vì về chuyện du thuyền của chúng ta ngày nay thì hoàn toàn ngược lại thời đại Venise, “bà hoàng giữa vịnh Adriatique”. Cái hấp dẫn hơn hết của một chiếc du thuyền, của nội thất của nó, của trang phục của du khách, chính là vẻ giản dị của những thứ trên biển cả, và tôi yêu mến biển cả biết bao! Tôi thú nhận với các bạn là tôi thích một ngày nay hơn một thời Veronese, thậm chí cả thời Carpaccio nữa. Cái đẹp trong những chiếc thuyền cỡ trung bình - tôi không thích những chiếc đồ sộ, trông chúng có vẻ quá tàu biển, cũng như đối với nón mũ, cần giữ một kích thước nhất định, chính là cái vẻ nhất quán, đơn sơ, màu trắng xám trở nên một thứ dùng đục huyền ảo khi bầu trời âm u, nhòa nhạt. Con thuyền buồm ta ngồi trên đó phải có dáng dấp như một quán cà phê nhỏ. Trang phục của phụ nữ trên du thuyền cũng vậy; cái duyên dáng, chính là những thứ y phục nhẹ nhàng, màu trắng trơn, bằng vải bông, vải phin, vải chéo go, nổi lên một màu trắng lấp lánh như một cánh buồm trắng dưới ánh mặt trời và trên nền màu xanh của biển. Tuy có ít các bà, các cô biết ăn mặc đẹp, nhưng một vài người vẫn tuyệt vời. Trong những cuộc đua thuyền buồm, tiểu thư Léa đội một chiếc mũ trắng nhỏ, tay cầm một cây dù trắng nhỏ, trông thật mê ly. Tôi không biết mình có thể lấy gì để đổi được chiếc dù trắng ấy.

Tôi rất muốn biết cây dù nhỏ bé ấy khác những cây dù khác ở chỗ nào; và vì những lý do khác, thuộc phạm vi làm duyên làm dáng của nữ giới, Albertine càng thiết tha muốn biết hơn. Nhưng cũng như kiểu Françoise nói về những chiếc bánh phồng: “Chuyện khéo tay thôi mà”, cái khác nhau là ở chỗ cách cắt vải.

- Nó bé xiu, nó tròn vo, như một cây dù Tàu ấy mà. - Elstir giải thích.

Tôi kể ra những cây dù của một số các bà, các cô, nhưng đều khác xa cây dù của tiểu thư Léa. Elstir cho là tất cả những cây dù ấy đều xấu khủng khiếp. Là người có thị hiếu thẩm mỹ khắt khe và tinh tế, ông cho cái khác giữa tất cả những thứ mà ba phần tư phụ nữ dùng và làm ông khiếp hãi, với một thứ đẹp để làm ông say mê, chính là một cái vô nghĩa nhưng lại là tất cả, và trái ngược với tôi là kẻ cho mọi thứ xa hoa đều vô bổ, ông được cái đẹp khuyến khích vẽ “nhằm cố gắng tạo nên những cái cũng đẹp không kém”.

Có những hôm chúng tôi dùng trà buổi chiều trong một vài trang trại-quán ăn ở vùng lân cận. Nhưng thỉnh thoảng chúng tôi leo lên đỉnh vách đá, và ngồi trên thảm cỏ, mở sandwich và bánh ngọt ra ăn. Nằm dài trên vách đá, tôi chỉ trông thấy trước mắt những cánh đồng cỏ, và phía trên đồng cỏ không phải bảy chiếc cầu vồng theo vật lý học Cơ Đốc giáo, mà chỉ có hai màu, màu xanh thẫm trên mặt biển và màu xanh nhạt trên bầu trời. Chúng tôi ăn chiều, và nếu tôi có mang theo một kỷ vật nhỏ có thể được cô bạn này hay cô bạn khác ưa thích thì niềm vui làm gương mặt họ đỏ ửng và họ không thể nén được những tràng cười giòn giã.

Ăn hết thức ăn, chúng tôi chơi trò “Tay nào có tay nào không?” hay trò đồ chữ; những trò chơi này, trước kia tôi cho là tẻ nhạt, thậm chí là trẻ con, nhưng giờ đây, dù có đổi lấy một vương quốc, tôi cũng không đổi. Ánh bình minh của tuổi thanh xuân làm ửng hồng gương mặt các cô gái và làm rạng rỡ tất cả mọi thứ trước mặt họ. Phần lớn những gương mặt của họ thấp thoáng trong màu đỏ chập chờn của buổi bình minh, những đường nét đích thực chưa hiện lên rõ rệt, đứt khoát và chỉ phảng phất những đường nét của một người nào đó trong dòng họ đã khuất bóng mà tạo hóa dành cho một chút dấu ấn làm kỷ niệm. Nó đến rất nhanh, cái giờ phút người ta không còn có gì để mong chờ nữa, khi cơ thể trở nên xơ cứng trong một sự bất động không còn hứa hẹn những sự kỳ thú bất ngờ nữa, khi người ta mất hết mọi hy vọng vì thấy những sợi tóc rụng xuống hay bạc trắng xung quanh những gương mặt còn trẻ trung giống như khi trông thấy những chiếc lá vàng khô trên thân cây giữa những ngày hè. Cái buổi sáng xán lạn ấy thật ngăn ngủi, khiến người ta chỉ yêu thương những cô gái thật trẻ, những người mà thịt da như một thứ bột quý vẫn còn hoạt động. Họ chỉ là dòng chảy của một thứ chất liệu mềm dẻo luôn luôn được nhào nặn theo luồng cảm giác tuy thoáng qua nhưng mãnh liệt nhất trong lòng họ. Có thể nói mỗi một cô gái ấy lần lượt là một bức tượng nhỏ, hiện thân của sự vui tươi, sự nghiêm túc trẻ trung, sự mơn trớn, vẻ kinh ngạc, theo những đường nét

chân thực, trọn vẹn, nhưng khi ẩn khi hiện. Tính chất chuyển động ấy làm cử chỉ dễ thương của cô gái đối với chúng ta hết sức đa dạng và hấp dẫn. Dĩ nhiên những cử chỉ ấy cũng cần thiết ở người thiếu phụ, và trước mắt chúng ta, người đàn bà không được chúng ta làm vui lòng hay không tỏ ra là được chúng ta làm vui lòng, chỉ là một cái gì đó đơn điệu đến nản lòng. Nhưng từ một lứa tuổi nhất định, bản thân những cử chỉ dễ thương cũng không còn gây nên những sự biến động dù yếu ớt trên những gương mặt đã trở nên cứng rắn vì phải vật lộn với đời. Gương mặt này, tác động liên tục của nếp sống ngoan ngoãn phục tùng của người vợ đối với chồng, mang dáng dấp khuôn mặt của một người lính hơn là của một người đàn bà; một gương mặt khác, như được khắc chạm bằng những sự hy sinh hàng ngày của mẹ cho đàn con, là gương mặt của một sứ đồ. Một gương mặt nữa, sau nhiều năm sống một cuộc đời bão tố, trông chẳng khác một con hải cẩu và người ta chỉ còn đoán được đó là một người đàn bà qua áo quần mà thôi. Và dĩ nhiên, khi chúng ta yêu, những sự chăm chú của một người đàn bà đối với chúng ta có thể tạo nên những sức quyến rũ mới trong những giờ phút mình ở bên họ. Nhưng đối với chúng ta, người đó không phải lần lượt lúc là người đàn bà này, lúc lại là một người đàn bà khác. Sự vui tươi của họ không dính dáng tới một gương mặt không hề thay đổi. Nhưng tuổi thanh xuân đến với con người trước khi có hiện tượng xơ cứng hoàn toàn, và đó là lý do khiến người ta cảm thấy ở các cô gái cái vẻ tươi mát nảy sinh từ cảnh tượng những hình thái không ngừng đang thay đổi, đang tác động trong một sự đối lập không ổn định, khiến người ta nghĩ tới sự tái tạo thường xuyên những yếu tố khởi thủy của thiên nhiên khi người ta ngắm nhìn biển cả.

Không phải tôi chỉ hy sinh một buổi họp mặt của giới hào hoa, một buổi dạo chơi cùng bà de Villeparisis cho trò đố chữ hay trò “Tay nào có tay nào không?” của các cô bạn. Đã nhiều lần Robert de Saint-Loup viết thư báo tin anh sẽ xin nghỉ phép hai mươi bốn tiếng để đến Balbec vì tôi không thể tới thăm anh ở Doncières. Nhưng mỗi lần như vậy, tôi lại viết thư can ngăn anh và viện cớ xin lỗi là đúng ngày hôm đó, tôi phải đi làm một nghĩa vụ gia đình cùng với bà tôi. Chắc hẳn anh sẽ đánh giá tôi chẳng ra sao nếu được bà cô anh cho biết “nghĩa vụ gia đình” của tôi là thế nào và những ai đóng vai trò bà tôi trong trường hợp cụ thể ấy. Thế nhưng tôi không sai lầm khi hy sinh thú vui chẳng những của xã hội phù hoa mà còn của cả tình bạn cho thú vui sống suốt ngày trong khu vườn này.

Bên cạnh các cô gái, tuy thú vui của tôi là một thú vui ích kỷ, nhưng ít nhất nó cũng không dựa trên sự dối trá vốn tìm cách làm chúng ta tin mình không đến nỗi mãi mãi cô đơn, và ngăn cản không cho phép chúng ta tự thú nhận rằng khi mình chuyện vãn, thì không còn phải chính mình nói nữa, và lúc đó mình khuôn theo mô hình những con người khác, chứ không phải mô hình một “cái tôi” khác với họ. Những lời trao đổi giữa các cô gái trong cái nhóm nhỏ nọ và tôi chẳng mấy thú vị, và cũng hiếm hoi vì bản thân tôi có những giây phút im lặng kéo dài. Thế nhưng không phải vì vậy mà tôi không khoan khoái khi nghe họ nói cũng như khi ngắm nhìn họ; tôi tìm thấy trong giọng nói mỗi người một bức tranh rực rỡ sắc màu. Tôi say sưa nghe họ ríu ra ríu rít. Tình yêu giúp người ta phân biệt, phán đoán. Trong một khu rừng, người say mê chim chóc phân biệt được ngay tức thì tiếng líu lo riêng biệt của mỗi loài chim, trong khi một người “ngoại đạo” lẫn lộn hết tất cả. Người say mê các thiếu nữ biết giọng nói con người còn đa dạng hơn nhiều. Mỗi giọng có nhiều âm sắc hơn cả thứ nhạc cụ phong phú nhất, và sự kết hợp những âm sắc ấy là vô tận chẳng khác nào tính đa dạng vô tận của nhân cách con người. Khi tiếp chuyện một cô bạn, tôi nhận thấy bức tranh độc đáo và độc nhất về cá tính của nàng được vẽ lên trước mắt mình một cách tài tình và được áp đặt một cách vô đoán bởi sự biến hóa trong giọng nói cũng như trên gương mặt nàng; và đây là hai cảnh tượng diễn tả cùng một hiện thực khác thường, mỗi cảnh tượng trong một phạm vi riêng biệt. Dĩ nhiên âm sắc trong giọng nói cũng như đường nét trên gương mặt các cô gái chưa hoàn toàn định hình: cả hai vẫn còn thay đổi.

Cũng như trẻ em có một cái tuyến mà nước tiết ra giúp cho việc tiêu hóa sữa và không còn tồn tại ở người lớn, trong tiếng ríu rít của các cô gái, có những âm sắc không thể tìm thấy ở phụ nữ. Và với nét đặc trưng ấy, họ sử dụng đôi môi với vẻ chăm chú, say sưa vốn cũng là đặc thù của tuổi trẻ. Sau này, các cô gái sẽ không còn có cái giọng sôi nổi có sức thuyết phục và tạo nên lực cuốn hút cho những sự việc đơn giản nhất, dù Albertine, với một giọng quyền uy, thốt lên những lời giễu cợt mà những cô gái trẻ nhất lắng nghe với vẻ thán phục cho tới khi lăn ra cười rũ rượi, dù Andrée nói về những công việc nhà trường còn ngây thơ hơn cả các trò chơi của họ; lời lẽ họ tuôn ra giống như những khổ thơ ở thời cổ đại, khi thi ca chưa mấy phân biệt với âm nhạc, được ngâm nga với những âm sắc khác nhau.

Nhưng dầu sao, giọng nói của các cô gái cũng đã thể hiện rõ rệt thành kiến của mỗi người đối với cuộc đời, một thành kiến mang tính chất riêng rẽ tới mức sẽ là sử dụng một thứ từ ngữ quá khái quát nếu nói về cô này: “nàng

cười cợt mọi thứ trên đời”; về cô khác: “nàng khẳng định hết điều này đến điều nọ”, và về một cô khác nữa: “nàng giữ thái độ lưỡng lự ra chiều đợi chờ”.

Nét mặt của con người chỉ là những cử chỉ trở nên cố định do thói quen.

Giống như thảm họa Pompéi⁽³⁴⁶⁾, hay sự lột xác của ấu trùng, tạo hóa làm chúng ta trở thành bất động trong một động tác quen thuộc. Cũng giống như vậy, giọng nói chứa đựng triết lý về cuộc đời, cũng chứa đựng những điều con người luôn luôn tự nói với mình về sự vật. Chắc hẳn nét mặt, giọng nói những cô gái không phải chỉ thuộc riêng họ. Chúng là của cha mẹ họ. Mỗi con người bao giờ cũng tắm tấp trong một cái gì đó khái quát hơn cả bản thân mình, vì vậy, bố mẹ không chỉ cung cấp cho con cái nét mặt và đặc điểm giọng nói, mà còn một số cách thức nói năng, một số câu quen thuộc, những thứ này, hầu như cũng tự phát và cũng sâu xa như một giọng nói, và cũng như giọng nói ấy, bộc lộ một nhân sinh quan.

Quả là đối với các cô gái, có một số từ ngữ bố mẹ họ không cung cấp cho trước một lứa tuổi nhất định, thông thường là trước khi họ trở thành đàn bà. Các ông bố, bà mẹ giữ chúng lại làm nguồn dự trữ. Chẳng hạn, khi nói về tranh của một người bạn Elstir, cô gái Andrée, tóc còn chấm vai, chưa được phép sử dụng cách nói của bà mẹ và của người chị đã có gia đình: “Hình như *người đàn ông* ấy đẹp trai”. Nhưng rồi đâu sẽ vào đấy khi nàng được đặt chân tới Palais-Royal. Và sau buổi lễ Ban thánh thể đầu tiên,

Albertine đã nói như một người bạn của bà cô: “Tôi thấy cái đó khá khủng khiếp”. Nàng cũng được phép nhắc lại những điều người ta nói với mình để tỏ vẻ thiết tha tìm cách tạo lập một quan điểm riêng. Nếu người ta bảo bức tranh của một họa sĩ vẽ tốt hoặc ngôi nhà ông ta đẹp, thì nàng được phép hỏi lại:

- A! Tranh ông ấy thành công hả? A! Nhà ông ấy đẹp phải không?

Cuối cùng, còn khái quát hơn cả di sản gia đình, là thứ chất liệu ngọt ngào, dấu ấn của quê hương xứ sở mà họ hấp thụ cả giọng nói lẫn ngữ điệu. Khi Andrée mím môi phát ra một âm trầm, thì dây thanh quản của cô gái người xứ Périgord này không thể không bật ra một âm thanh véo von, hài hòa với vẻ thuần khiết của nét mặt người phía Nam; còn gương mặt và giọng nói người phía Bắc thì tương hợp với những trò vui nghịch ngợm của Rosemonde. Giữa thành phố quê hương cô gái và đặc điểm âm thanh của nàng, tôi nhận ra một cuộc đối thoại thú vị. Đối thoại, chứ không phải đối địch. Không một sự đối địch nào có thể chia ly cô gái với quê hương xứ sở nàng. Nàng, mãi mãi vẫn chính là quê hương, và lại, tác động của các chất liệu địa phương đối với thiên tài sử dụng chúng và làm thiên tài càng thêm xanh tươi, không hề làm một tác phẩm giảm bớt tính chất cá thể, và dù là công trình của một kiến trúc sư, một nhạc sĩ hay một người sử dụng các thứ gỗ quý, nó vẫn phản ánh tỉ mỉ những nét tinh tế nhất của cá tính người nghệ sĩ, vì họ buộc phải lao động với thứ đá hoa cương cứng rắn ở Senlis hay với sa thạch ở Strasbourg, phải chú ý tới khả năng của cây sáo hay chiếc đàn an tô, hoặc phải tôn trọng những cái mắt trên gỗ trần bì.

Tuy tôi nhận ra điều đó nhưng chúng tôi vẫn rất ít cùng nhau chuyện vãn. Giá ngồi với bà de Villeparisis hoặc anh bạn Saint-Loup, thì qua ngôn từ, tôi có thể tỏ ra vui thích hơn nhiều niềm vui thực lòng, vì cảm thấy mệt mỏi khi chia tay; còn trái lại, nằm giữa các cô gái, niềm vui trong lòng tôi vượt ngàn vạn lần cái nghèo nàn, cái ít ỏi của lời lẽ, và từ vẻ bất động và sự lặng im của mình, trào dâng những làn sóng hạnh phúc vỗ rì rào dưới chân người đẹp.

Hương vị hoa trái thấm đượm hàng ngàn chi tiết tạo nên cảnh sống an nhàn của người dưỡng bệnh trong một vườn hoa hay cây quả cũng không sâu đậm hơn hương sắc mà ánh mắt tôi tìm kiếm ở các cô gái và cuối cùng vị ngọt như hòa tan vào trong tôi. Và những trò vui đùa hết sức đơn sơ, dần dà, chậm rãi mang tới cho tôi một sự thư giãn, một nụ cười thanh thản, một trạng thái ngây ngất khó tả nhưng dâng lên trong ánh mắt, giống như nổi

ngây ngất mê say gió biển và ánh nắng mặt trời mang tới cho những du khách không làm gì khác ngoài việc phơi mình trên bãi tắm.

Thình thoảng một sự ân cần âu yếm của một cô gái khơi dậy ở tôi những rung động mãnh liệt làm quên đi một lúc nỗi lòng ước ao những cô gái khác. Một hôm Albertine lên tiếng:

- Bạn nào có bút chì?

Andrée đưa bút chì, Rosemonde đưa giấy. Albertine bảo họ:

- Các bạn nhỏ thân mến, tớ cấm các cậu nhìn tớ viết.

Và sau khi chăm chú kẻ từng con chữ lên tờ giấy kê trên đầu gối, nàng trao cho tôi và nói:

- Anh cẩn thận đừng cho họ nhìn thấy.

Giờ ra, tôi đọc mấy từ nàng viết:

“Em rất yêu anh”.

- Nhưng thay vì việc viết những điều bậy bạ, - nàng quay sang Andrée và Rosemonde nói to, giọng vừa dữ dội vừa nghiêm trang, - tớ sẽ đưa các cậu xem lá thư Gisèle viết cho tớ sáng nay. Tớ điên thật, thư nằm trong túi tớ, và phải nói là sẽ rất bổ ích đối với chúng ta.

Albertine đọc ngay lập tức cho chúng tôi nghe bản sao luận văn của Gisèle, vì nay mai cũng sẽ phải qua kỳ thi, nàng muốn biết ý kiến của Andrée, người học giỏi hơn tất cả bạn bè và có thể có những lời khuyên bổ ích.

Trong lúc đó, tôi nghĩ tới tờ giấy xé trong sổ tay Albertine trao cho: “Em rất yêu anh”, và một tiếng sau, bước trên con đường dốc về Balbec, tôi định ninh sẽ cùng nàng xây đắp tình duyên.

Có nhiều dấu hiệu làm người ta nhận biết mình đang yêu: chẳng hạn, lời tôi căn dặn khách sạn không đánh thức mình vì bất kỳ cuộc viếng thăm nào, trừ phi của một trong số các cô gái, hoặc nhịp đập con tim tôi trong lúc chờ đợi họ (bất luận là cô gái nào sẽ tới), hoặc nữa cơn giận dữ đến muốn phát điên lên nếu những hôm ấy không tìm được một bác thợ cạo để cạo râu và phải xuất hiện xấu xí trước mặt Albertine, Rosemonde hay Andrée; chắc hẳn trạng thái ấy - lần lượt xuất hiện khi vì cô gái này, lúc vì cô gái khác - khác với cái mà chúng ta mệnh danh là tình yêu, cũng như cuộc sống con người khác với đời sống loài động- thực vật mà sự tồn tại và tính cá thể - nếu có thể nói như vậy - được phân bố giữa các cơ quan khác nhau. Nhưng sinh vật học cho biết có thể quan sát một cơ cấu động vật như vậy; và cuộc sống của bản thân con người, miễn nó đã ít nhiều tiến triển, cũng khẳng định sự tồn tại những trạng thái trước kia chúng ta không ngờ tới nhưng chúng ta phải trải qua, dù sau đó loại trừ chúng: trạng thái tình yêu của tôi

lần lượt được chia sẻ giữa các cô gái cũng như vậy. Chia sẻ hay nói đúng hơn là không thể phân chia, vì hy vọng và niềm vui say mê nhất trong lòng tôi lúc này chính là toàn thể nhóm nhỏ các cô gái trong những buổi chiều lộng gió trên thảm cỏ, với những gương mặt xiết bao khêu gợi của Albertine, của Rosemonde, của Andrée, trong lúc tôi không thể nói gương mặt nào khiến những nơi chốn này trở nên quý giá đối với mình hơn hết, gương mặt nào mình muốn yêu thương hơn hết. và lại, trước mặt họ, thói quen chưa đến nỗi làm tôi nhàm chán, nên tôi vẫn có khả năng “trông thấy” họ, tôi muốn nói là khả năng cảm thấy một sự ngạc nhiên sâu xa mỗi khi gặp lại họ.

Dĩ nhiên, tôi ngạc nhiên một phần vì mỗi cô gái lúc bấy giờ như có một gương mặt mới của chính bản thân họ. Chúng ta nhớ lại hình ảnh và đi tìm gặp một con sông, nhưng lại đứng trước một cảnh mẫu đơn. Và sự ngạc nhiên không sao có thể tránh khỏi ấy không phải là duy nhất; vì bên cạnh nó, còn một sự ngạc nhiên thứ hai phát sinh từ sự khác biệt, không phải giữa việc cách điệu hóa kỷ niệm với thực tại nữa, mà giữa con người chúng ta gặp lần cuối cùng và con người xuất hiện hôm nay trước mắt mình dưới một góc độ khác, và cho chúng ta thấy một dáng vẻ khác. Gương mặt con người quả là như gương mặt một vị thần trong

thần phả phương Đông, cả một chùm gương mặt liên kết với nhau trên những bình diện khác nhau và không thể trông thấy tất cả cùng một lúc. Mỗi một con người đều bị “tiêu hủy” trong ký ức ta một khi chúng ta không còn trông thấy họ nữa; rồi sự xuất hiện tiếp theo của họ là một sự sáng tạo mới, khác sự xuất hiện ngay trước đó, nếu không phải khác tất cả những sự xuất hiện khác. Vì trong những sự sáng tạo ấy, ít nhất cũng có hai dạng thức khác nhau. Khi nhớ lại một ánh mắt kiên quyết, một dáng dấp táo bạo, thì trong cuộc gặp gỡ sau đó, chúng ta không thể không ngạc nhiên trước một gương mặt hầu như ảo não, dịu dàng một cách mơ màng, những thứ chúng ta không chú ý tới lần trước. Đối chiếu kỷ niệm với thực tại mới, chính tình hình ấy đánh dấu nỗi thất vọng hay sự ngạc nhiên của chúng ta, xuất hiện trước mắt ta như một nét chỉnh lý hiện thực trong lúc chỉ cho chúng ta thấy mình đã nhớ nhầm. Đến lượt nó, gương mặt lần trước chúng ta không chú ý và, do vậy chính là gương mặt nổi bật nhất lần này, gương mặt thực nhất, chính xác nhất ấy trở thành một nguồn kỷ niệm và ước mơ. Chúng ta muốn bắt gặp một gương mặt âu sầu, một dáng dấp dịu dàng, mơ mộng. Thế là lần gặp sau, một lần nữa, cái vẻ kiên quyết trong cặp mắt sắc sảo, trong đôi môi mím chặt làm công việc điều chỉnh khoảng cách giữa ước vọng của chúng ta và đối tượng nó muốn vươn tới.

Một buổi chiều, trong một cánh rừng nhỏ trên vách đá, chúng tôi chơi trò “Tay nào có tay nào không?” Ngồi giữa hai cô gái lạ mặt do nhóm nhỏ đưa tới vì hôm đó phải có nhiều người, tôi thêm thường nhìn một chàng trai ngồi cạnh Albertine, và nghĩ bụng nếu được ngồi chỗ hắn thì tôi có thể đụng vào đôi bàn tay của cô bạn trong những phút giây tưởng như vô vọng và có lẽ không bao giờ quay trở lại nhưng lại có thể đưa tôi đi rất xa. Chỉ riêng việc đụng vào tay Albertine không thôi cũng đã có thể êm đềm đối với tôi biết chừng nào, dù không có những hệ quả chắc hẳn nó sẽ dẫn tới đi nữa. Như vậy không phải vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy những đôi bàn tay đẹp hơn tay nàng. Ngay trong nhóm bạn bè nàng, hai bàn tay Andrée, gầy hơn và nhỏ nhắn hơn nhiều, như có một đời sống riêng, ngoan ngoãn nghe theo sự chỉ huy của cô gái, nhưng là một đời sống độc lập; chúng thường duỗi dài ra phía trước, với vẻ lười nhác, mơ màng, một đốt ngón tay bỗng nhiên co duỗi, và vì vậy, Elstir có nhiều bức vẽ đôi bàn tay ấy. Và trong một lúc Andrée ngồi hờ hai bàn tay trước ngọn lửa, do tác động ánh sáng, trông chúng như nhuộm một màu vàng đục tựa hai chiếc lá mùa thu. Nhưng hai bàn tay đầy đặn hơn của Albertine có thể nhượng bộ một khoảnh khắc, rồi cưỡng lại sức siết của bàn tay đang nắm lấy chúng, và gây nên

một cảm giác hết sức đặc biệt. Sức ép của bàn tay Albertine làm lan tỏa một sự mơn man êm đềm gợi nhục cảm như thể hài hòa với sắc hồng mỗi lúc một thêm đậm trên gò má nàng. Sức siết ấy như thể làm ta thâm nhập vào cô gái, vào chiều sâu cảm quan của nàng cũng như độ vang tiếng cười của nàng, một tiếng cười khiếm nhã theo kiểu một tiếng chim gù hay tiếng kêu của loài cầm thú. Được nắm bàn tay nàng là một niềm vui lớn tới mức phải biết ơn nền văn minh cho phép trai gái bắt tay nhau khi gặp gỡ. Giá những tập quán phi lý của phép lịch sự thay thế cái nắm tay bằng một cử chỉ khác, thì ngày nào tôi cũng ngẫm nhìn đôi bàn tay không thể đụng tới của Albertine với sự tò mò muốn biết sự tiếp xúc của chúng, háo hức chẳng kém sự tò mò muốn biết hương vị cặp má nàng. Nhưng nếu là người được ngồi cạnh nàng trong trò chơi “Tay nào có tay nào không?” và trong niềm vui được giữ tay nàng lâu trong tay mình, thì tôi không chỉ hình dung niềm vui ấy không thôi: biết bao lời thú nhận, bao lời tỏ tình không dám thổ lộ vì rụt rè, tôi có thể gửi gắm vào bàn tay siết chặt; về phía nàng, đáp lại bằng những cái siết tay khác, nàng sẽ dễ dàng tỏ cho tôi biết nàng thuận tình; một sự đồng mưu, một sự bắt đầu khoái cảm quý giá biết chừng nào! Chỉ trong vài phút sống cạnh nàng như vậy, tình yêu của tôi có những bước tiến lớn hơn tất cả những gì nó làm được từ khi tôi quen nàng, cảm thấy những phút giây ấy không kéo dài, vì chắc hẳn trò chơi sớm chấm dứt, và một khi nó chấm dứt thì sẽ quá muộn, nên tôi không thể kiên nhẫn hơn nữa. Tôi cố tình để mất chiếc nhẫn và một khi ngồi vào giữa vòng người, khi nhẫn được chuyển tay, tôi giả vờ không hay biết gì và chờ cho nó đến tay anh chàng ngồi cạnh Albertine. Nàng cười như nắc nẻ và hai má đỏ rực trong cảnh nhộn nhịp và không khí vui vẻ của trò

chơi. Tôi nhìn nàng xinh đẹp, vui tươi nhưng cũng dửng dưng như không. Nàng đầu gối sắp trở thành người ngồi sát cạnh tôi khi tôi giữ chiếc nhẫn lại đúng lúc bằng một thủ đoạn mà nàng không hề nghi ngờ và nếu biết thì chắc hẳn nàng phải cáu giận.

Trong lúc say sưa chơi, mái tóc dài của Albertine xõa ra trên má và màu đen của tóc tôn thêm màu hồng của má.

- Em có những lọn tóc như của Eléore de Guyenne⁽³⁴⁷⁾, và của cô con gái bà ấy, người yêu rất mực thiết tha của Chateaubriand. Tóc em bao giờ cũng nên để xõa chút ít. - Tôi thăm thì bên tai nàng để dịch lại gần.

Bỗng chiếc nhẫn chuyển tới tay anh chàng ngồi cạnh Albertine. Tôi vội lao tới, thô bạo nạy bàn tay hẵn ra, cầm lấy nhẫn; hẵn buộc phải chuyển tới chỗ ngồi của tôi ở giữa vòng người, và tôi thay thế hẵn bên cạnh Albertine. Mấy phút trước, tôi ganh ghét chàng trai này khi thấy hai bàn tay hẵn lướt trên sợi dây, luôn luôn bắt gặp tay Albertine. Giờ đây, khi đã tới lượt mình, quá rụt rè nên không dám tìm gặp, quá xúc động nên không thể thưởng thức sự tiếp xúc ấy, tôi chỉ còn nghe tiếng nhịp đập dồn dập và nhức nhối trong lồng ngực.

Albertine bỗng nghiêng về phía tôi gương mặt đầy đặn, ửng hồng, như thể muốn bảo nàng đã nắm chiếc nhẫn trong tay. Tôi hiểu ngay mưu mẹo ấy, nhưng vẫn bối rối khi thấy thoáng qua trong ánh mắt nàng một điều bí ẩn, một sự thỏa thuận giả vờ vì yêu cầu của trò chơi, chứ không phải một sự đồng tình thực sự giữa nàng và tôi. Tuy vậy tôi cảm thấy có thể có sự đồng tình ấy và nếu thế thì hạnh phúc biết chừng nào! Ý nghĩ này làm tôi phấn

chấn và bàn tay Albertine như siết nhẹ bàn tay tôi, ngón tay mơn trớn của nàng lướt dưới ngón tay tôi, ánh mắt nàng kín đáo thoáng nhìn tôi. Ngay lập tức, vô số nỗi niềm hy vọng cho tới lúc bấy giờ tưởng như vô vọng bỗng kết tinh lại trong lòng tôi. “Nàng lợi dụng trò chơi để tỏ tình với mình”, - tôi thầm nghĩ, trong lòng rạo rực một niềm vui khó tả, nhưng ngay sau đó lại thất vọng khi nghe Albertine giận dữ lên tiếng:

- Anh cầm lấy chứ, tôi trao cho anh đã cả một tiếng đồng hồ rồi.

Ngỡ nàng rầu rĩ, tôi bỏ sợi dây ra, người ngồi cạnh trông thấy chiếc nhẫn, nhào tới giành lấy, và tôi buộc phải ngồi lại giữa vòng người, nhìn vòng quay rộn ràng tiếp diễn quanh mình, nghe lời chế giễu của tất cả các cô gái tham dự trò chơi, và bắt buộc phải cười đáp lại trong khi mình không muốn chút nào, còn Albertine thì vẫn không ngớt lên tiếng:

- Không chơi làm gì khi không chú ý gì hết, khiến những người khác cũng bị thua lây. Andrée, đừng mời cậu ta nữa những lần chơi sau, nếu không tớ sẽ không tới tham dự đâu.

Nhằm làm tôi khuây khỏa những lời trách móc của Albertine, Andrée bảo tôi:

- Những bức tượng Creuniers⁽³³⁸⁾ mà anh thiết tha muốn xem chỉ cách đây vài bước chân. Tôi sẽ dẫn anh tới đấy qua một con đường mòn kỳ thú trong lúc cứ để những con điên kia tiếp tục chơi trò chơi trẻ con.

Trước thái độ cực kỳ dễ thương của Andrée, dọc đường, tôi nói với nàng tất cả những điều tốt đẹp về Albertine. Nàng đáp nàng cũng rất yêu thương Albertine, thấy cô gái thật hấp dẫn; tuy vậy những lời tôi ngợi khen cô bạn nàng hình như không làm nàng thích thú.

Bỗng nhiên, trên con đường nhỏ, một kỷ niệm êm đềm của tuổi thơ nhói trong tim tôi và tôi dừng bước: qua những chiếc lá có răng cưa và lấp loáng nhô ra trên đường, tôi vừa nhận ra một bụi sơn trà nhưng than ôi! đã rụng hết hoa từ cuối xuân. Xung quanh tôi phảng phất bầu không khí những tháng Nữ thánh Marie ngày trước, những buổi chiều Chủ nhật, những niềm tin, những sai lầm đã được lãng quên. Tôi những muốn níu lại bầu không khí ấy. Tôi đứng lại một giây, và với một linh cảm tuyệt vời, Andrée để cho tôi chuyện trò một lát với lá cây. Tôi hỏi chúng tin tức về hoa, những đoá hoa sơn trà giống như những cô gái vui vẻ, kính tìn và thích làm duyên làm dáng.

- Các tiểu thư ấy ra đi từ lâu rồi. - Lá trả lời tôi.

Phải chăng chúng nghĩ rằng dù tôi có tự cho mình là người bạn lớn của hoa chăng nữa, hình như tôi vẫn không am hiểu thói quen của hoa? Quả là một

người bạn lớn, nhưng đã biết bao năm tháng không gặp lại hoa, mặc dù những lời hứa hẹn. Tuy vậy, cũng như Gilberte là mối tình đầu của tôi với tư cách một cô gái, chúng là mối tình đầu của tôi với tư cách những đóa hoa.

- Đúng thế, tôi biết, hoa ra đi vào giữa tháng Sáu, - tôi đáp, - nhưng tôi vui mừng thấy hoa từng ở nơi đây. Hoa đã đến thăm tôi ở Combray, trong phòng tôi, do mẹ tôi dẫn tới khi tôi ốm. Và chúng ta gặp lại nhau vào chiều thứ Bảy trong tháng Nữ thánh Marie. Ở đây, hoa có thể ra đi vào tháng ấy chăng?

- Ô! Dĩ nhiên rồi. vả lại, người ta thiết tha mong các tiểu thư ấy có mặt tại nhà thờ Saint-Denis-du-Désert, nhà thờ gần đây nhất.

- Vậy, giờ làm thế nào để gặp hoa?

- Ô! Không thể trước tháng Năm năm sau đâu.

- Nhưng tôi có thể tin chắc hoa sẽ có mặt ở đấy chứ?

- Sẽ có mặt đều đặn hàng năm.

- Nhưng tôi không biết liệu có tìm đúng chỗ không.

- Có chứ! Các nàng tiểu thư ấy rất vui tính, chỉ ngớt tiếng cười để hát thánh ca, nên không thể nhầm lẫn được, và từ đầu con đường nhỏ, ông cũng đã ngửi thấy hương thơm của hoa rồi.

Tôi tới gặp Andrée và tiếp tục ca ngợi Albertine. Tôi nghĩ nàng không thể không nói lại với cô bạn vì tôi hết sức nhấn mạnh những lời ca ngợi ấy. Nhưng tôi chưa bao giờ được báo tin là Albertine biết những lời ấy, tuy Andrée thấu hiểu những vấn đề của con tim hơn Albertine nhiều và rất tinh tế trong tình cảm; tìm ra rất tài tình một ánh mắt, một từ, một cử chỉ có thể làm bạn thích thú, giữ kín một ý nghĩ có thể làm bạn bận lòng, hy sinh (trong lúc làm ra vẻ không phải là một sự hy sinh) một giờ trò chơi, thậm chí một cuộc vui, một hội hoa viên để ở lại với một người bạn trai hay gái âu sầu, và qua đấy tỏ cho bạn thấy nàng thích những lời trò chuyện thân tình với bạn hơn những thú vui phù phiếm. Biết bao hành động tinh tế thường ngày của nàng! Nhưng nếu biết Andrée kỹ hơn chút ít thì có thể nói hành động của nàng giống như của những người nhát gan nhưng bỗng nhiên không muốn biết sợ với một tấm lòng dũng cảm đặc biệt đáng ngợi ca; hình như có thể nói trong chiều sâu bản chất nàng, không hề có tấm lòng nhân hậu mà nàng biểu lộ ra mọi lúc vì sự cao thượng về tinh thần, sự nhạy cảm, vì thiện chí muốn tỏ ra là người bạn tốt. Nghe nàng nói những lời tốt đẹp về khả năng những tình cảm yêu thương giữa Albertine và tôi, tôi có cảm giác nàng phải cố gắng hết sức mình để biến tình thương ấy

thành hiện thực. Thế nhưng có thể vì ngẫu nhiên, nàng không hề may mắn sử dụng những gì nàng có thể sử dụng để gắn bó tôi với Albertine; và tôi không dám tin tình cảm thiết tha của mình đối với Albertine có làm Andrée giận hờn (dĩ nhiên một cách kín đáo) nếu không phải là âm thầm tìm cách cản trở không.

Albertine có lẽ không thể có muôn vàn biểu hiện nhân hậu tinh tế của Andrée. Tuy vậy, tôi không tin chắc về tấm lòng nhân hậu sâu lắng của nàng, cũng như sau này của Albertine. Luôn luôn tỏ ra khoan dung một cách dịu dàng trước sự phù phiếm quá mức của Albertine, Andrée có những lời nói, những nụ cười chân tình của một người bạn; hơn nữa, nàng hành động với tư cách người bạn. Tôi thấy nàng, ngày lại ngày, chịu vất vả hơn một kẻ nịnh thần muốn tranh thủ ân sủng của nhà vua, trong lúc nàng không có lấy một chút lợi lộc nào và để cho cô bạn nghèo được hưởng sự giàu sang của mình, để cho bạn được sung sướng. Nàng thật sự dịu dàng nói những lời buồn bã và nhẹ nhàng khi nghe người ta phàn nàn về cảnh đói nghèo của Albertine, và chịu vất vả đối với cô bạn nghèo này hàng nghìn lần hơn đối với một cô bạn giàu có. Nhưng nếu có ai cho rằng Albertine đâu đến nỗi nghèo như người ta nói, thì một bóng mây hầu như khó nhận thấy phảng phất trên vầng trán và đôi mắt Andrée, nàng hình như có vẻ bức bối. và nếu tới mức có người bảo dẫu sao Albertine cũng không đến nỗi khó lấy chồng như người ta nghĩ, thì nàng phản đối dữ dội và hầu như điên cuồng nhắc lại:

- Nhưng than ôi! Có đấy, nó không thể lấy chồng đâu! Tôi biết rõ lắm, và vì vậy tôi buồn lắm!

Riêng về phần tôi, nàng là người duy nhất trong đám các cô gái không bao giờ nhắc lại với tôi một điều gì không mấy thú vị người ta có thể nói về tôi; hơn nữa, nếu chính bản thân tôi kể lại điều đó thì nàng tỏ vẻ không tin hoặc giải thích sao cho nó trở nên vô hại; đây là tổng hợp những phẩm chất mà người ta gọi là sự miễn cảm. Nó là nét đặc trưng của những người chúc tụng chúng ta nếu ta đi đấu kiếm và nói thêm không nên đi, để làm tăng thêm trước mắt ta lòng dũng cảm mình đã thể hiện trong lúc không bị bắt buộc. Họ hoàn toàn trái ngược với những kẻ, cũng trong hoàn cảnh ấy, bảo chúng ta:

- Phải đấu kiếm, chắc ông phiền lòng lắm; nhưng mặt khác, ông không thể nuốt mỗi hận như thế được, và ông không thể làm khác.

Nhưng trong mọi việc đều có cả mặt lợi lẫn mặt hại. Nếu một vài người bạn có thái độ vui vẻ hoặc ít ra cũng thờ ơ khi nhắc lại với ta những lời nói xúc phạm của người khác, thì chẳng những họ không hề tự đặt mình vào địa vị chúng ta, mà còn muốn khích bác thêm. Trái lại, một số người khác luôn luôn khéo léo che giấu tất cả những gì có thể làm chúng ta khó chịu; quả là những người bạn hết sức nhạy cảm này có một trình độ, một nghệ thuật “đóng kịch” sắc sảo nhưng vô hại nếu, quả thật, họ không thể nghĩ điều ác và nếu điều ác người khác gán cho ta chỉ làm họ đau khổ chẳng khác nào nó làm bản thân chúng ta đau khổ. Tôi nghĩ đó là trường hợp Andrée, tuy không hoàn toàn tin như vậy.

Chúng tôi ra khỏi cánh rừng nhỏ và men theo một đường mòn quanh co hoang vắng nhưng Andrée rất thông thạo.

- Kìa, - nàng bỗng bảo tôi, - những bức tượng Creuniers nổi tiếng của anh kia, và anh may mắn đến đúng lúc, khi còn thứ ánh sáng như lúc Elstir vẽ tượng.

Nhưng tôi vẫn còn hết sức buồn bã vì rơi từ đỉnh cao hy vọng xuống, trong trò chơi “Tay nào có tay nào không?” nên không cảm thấy náo nức khi bỗng nhiên nhận ra dưới chân mình, ẩn náu giữa những tảng đá để tránh ánh nắng mặt trời, những bức tượng Nữ thần biển mà Elstir đã ngắm nhìn và vẽ với một thứ thuốc nước trong và láng, đẹp chẳng kém màu thuốc của một Léonard. Tượng như những bóng tối kỳ diệu thấp thoáng và âm thầm, lệ làng và im lặng, hễ có một tia sáng là sẵn sàng ẩn náu và ngay sau khi sự đe dọa của tia sáng qua đi, vội vàng trở lại cạnh tảng đá hay lớp rêu như để canh gác cho giấc ngủ mơ màng của chúng. Tượng để lộ ra trên mặt nước thân hình dính dáp và ánh mắt chăm chú trong đôi mắt sẫm màu.

Chúng tôi đi gặp những cô gái khác để cùng nhau trở về. Giờ đây tôi biết mình yêu Albertine; nhưng than ôi! tôi không thiết tha thổ lộ với nàng. Từ thời kỳ chơi các trò chơi ở Vườn hoa Elysée, quan niệm của tôi về tình yêu đã đổi khác, tuy những người lần lượt tôi yêu vẫn hầu như giống nhau. Mặt khác, sự thú nhận và bộc bạch tình cảm với người con gái mình yêu thương, tôi không còn thấy là một màn quan trọng và tất yếu của tình yêu nữa, và tình yêu cũng không phải là một hiện thực khách quan mà trở thành một niềm vui chủ quan. Và hình như càng không biết tôi cảm thấy niềm vui ấy thì Albertine càng sẵn sàng làm những điều cần thiết để duy trì nó. Trên suốt chặng đường trở về, đối với tôi, không phải chỉ có hình ảnh duy nhất của Albertine chìm đắm trong ánh sáng phát ra từ những cô gái khác. Nhưng cũng như mặt trăng, tuy ban ngày chỉ là một dải mây trắng nhỏ, nhưng hể tắt ánh nắng mặt trời là ánh trăng trở nên rực rỡ, hình ảnh Albertine trỗi dậy từ trái tim tôi và bắt đầu lấp lánh khi tôi trở về khách sạn. Bỗng nhiên căn buồng khách sạn trở nên mới lạ. Dĩ nhiên đã từ lâu, nó không còn là căn buồng thù địch như trong tối đầu tiên nữa. Chúng ta luôn luôn sửa sang nơi ăn chốn ở, và cùng với thói quen, loại bỏ dần những yếu tố bất lợi về màu sắc, kích thước và mùi vị làm mình khó chịu. Căn buồng khách sạn tôi đã ở mãi tới mức quen thuộc tưởng chừng không trông thấy nó nữa. Thế nhưng giờ đây tôi bắt đầu nhìn nó, song lần này theo một quan điểm ích kỷ là quan điểm của tình yêu. Tôi nghĩ bụng nếu Albertine tới thăm mình thì tấm gương soi bầu dục đẹp đẽ, những tủ sách thanh nhã có cửa kính sẽ làm nàng có những ý nghĩ tốt đẹp về mình. Căn buồng của tôi không còn là một chốn tạm bợ mình chỉ ở chốc lát trước khi bỏ ra bãi biển hay chạy về phía Rivebelle nữa, mà trở thành hiển hiện, thân thiết và đổi mới, vì tôi nhìn và đánh giá mỗi đồ vật trong đó với đôi mắt của Albertine. Mấy hôm sau trò chơi “Tay nào có tay nào không?”, trong một buổi dạo chơi xa, chúng tôi sung sướng bắt gặp hai chiếc thùng phuy nhỏ đặt ở hai chỗ, nơi chúng tôi có thể quay trở lại vào giờ ăn tối. Tình yêu bắt đầu sôi nổi của tôi đối với Albertine khiến tôi lần lượt mời Rosemonde và Andrée cùng mình trèo lên thùng, chứ không mời Albertine lần nào; nhưng rốt cuộc, nêu lên những lý do tuy không quan trọng về giờ giấc, đường sá và áo khoác, tôi làm cho mọi người quyết định - như thể ngược với ý muốn của mình - cách thuận lợi nhất là tôi dẫn Albertine về, trong lúc tôi giả vờ phải miễn cưỡng chấp nhận. Tiếc thay, vì tình yêu có khuynh hướng đồng hóa trọn vẹn một con người và chỉ có chuyện vẫn không thôi thì không đủ, nên dù trên suốt đường về, Albertine cố hết sức tỏ ra dễ thương cũng vô

ích: khi về tới nhà, tôi chia tay nàng, trong lòng hoan hỉ nhưng càng ham muốn nàng hơn lúc ra về và chỉ xem những giờ phút chúng tôi vừa ở bên nhau là bản nhạc dạo đầu tự thân nó không mấy quan trọng nhưng mở đường cho những bản nhạc tiếp theo. Tuy nhiên nó có sức quyến rũ ban đầu không thể tìm thấy lại. Tôi chưa hề đòi hỏi ở Albertine. Nàng có thể hình dung nỗi niềm ao ước của tôi, nhưng vì không tin chắc nên có thể giả định tôi chỉ hướng tới những mối quan hệ không có mục đích rõ ràng, mà chắc hẳn nàng cho là mang tính chất lãng mạn êm đềm, đầy những sự bất ngờ kỳ thú.

Trong tuần lễ tiếp theo, tôi không hề tìm cách gặp Albertine. Tôi giả vờ thích Andrée. Khi tình yêu bắt đầu, đối với người con gái mình yêu, chúng ta muốn vẫn là người xa lạ mà nàng có thể yêu, nhưng chúng ta cần có nàng, cần đụng tới cơ thể ít hơn là sự chú ý của nàng, là trái tim nàng. Người ta chuồn vào trong thư một câu nói tàn nhẫn để buộc cô gái thờ ơ đòi hỏi ở anh những lời lẽ dễ thương, và tình yêu, bằng một thứ kỹ thuật tuyệt vời, siết chặt cái guồng máy trong đó chúng ta không còn có thể không yêu cũng như không còn có thể không được yêu.

Tôi ngồi lại với Andrée trong lúc những người khác đi dự một cuộc vui nào đó mà tôi biết dù có buồn bã, nàng vẫn sẵn sàng hy sinh để làm tôi vui lòng và cũng để khỏi gây cho những người khác và cả bản thân nàng ý nghĩ là nàng coi trọng một thú vui tương đối phù hoa. Tôi thu xếp tối nào cũng “độc chiếm” Andrée, vì nghĩ như thế không phải là khích động ghen tuông ở Albertine mà là làm tăng thêm hoặc ít nhất không để mất uy tín của mình trước mắt nàng trong lúc nói cho nàng rõ tôi yêu nàng chứ không phải yêu Andrée. Tôi cũng không thổ lộ điều đó với Andrée vì sợ nàng nói lại với Albertine. Khi nói về Albertine với Andrée, tôi giả vờ một thái độ thờ ơ mà có lẽ Andrée không bị đánh lừa như bản thân tôi trước vẻ chân thực bề ngoài của nó. Nàng làm như thể tin thái độ thờ ơ của tôi đối với Albertine và mong muốn một sự gắn bó hoàn toàn giữa hai chúng tôi. Có thể nàng không tin điều thứ nhất và không mong muốn điều thứ hai.

Trong khi nói với nàng là mình ít quan tâm tới cô bạn nàng, tôi chỉ nghĩ tới một việc là cố gắng làm quen với bà Bontemps đang ở Balbec và nay mai Albertine sẽ tới ở nhà bà ba hôm. Dĩ nhiên tôi không để lộ lòng mong ước ấy với Andrée, và khi nói với nàng về gia đình Albertine, tôi làm ra vẻ hết sức thờ ơ. Qua những câu trả lời rõ ràng của nàng, Andrée không có vẻ nghi ngờ lòng thành thực của tôi. Nhưng một hôm nàng bỗng tuyên bố:
- *Quả là tôi đã gặp bà cô Albertine.*

Dĩ nhiên nàng không nói với tôi kiêu:

“Qua những lời của anh nói ra như thế một cách ngẫu nhiên, tôi thấy rất rõ là anh chỉ nghĩ chuyện làm quen với bà cô Albertine”.

Nhưng hình như hai tiếng “quả là” gắn liền với sự xuất hiện trong đầu óc Andrée một ý nghĩ như vậy, tuy vì xã giao, nàng giấu không cho tôi biết. Hai tiếng ấy có họ hàng với một vài ánh mắt, một vài cử chỉ dù kín đáo và không trực tiếp vẫn mang tới cho người nghe ý nghĩa đích thực của chúng, cũng như lời nói của con người dù biến thành điện năng trong máy điện thoại, vẫn trở lại là lời nói đến với người cầm máy. Nhằm xóa bỏ trong đầu óc Andrée ý nghĩ cho rằng tôi quan tâm tới bà Bontemps, tôi không phải chỉ nói về bà ta một cách hờ hững, mà còn cả với vẻ ác ý. Tôi bảo đã từng gặp trước kia loại người điên dại ấy và hết sức mong muốn tình hình đó sẽ không xảy tới cho mình nữa. Nhưng ngược lại, tôi tìm mọi cách gặp được bà ta.

Tôi ra sức thuyết phục Elstir nói với bà ta về tôi và cho tôi được gặp, nhưng giấu không cho ai biết là tôi yêu cầu. Ông hứa sẽ giới thiệu tôi với bà, nhưng ngạc nhiên về lòng mong muốn của tôi vì ông cho bà ta là một người đàn bà đáng khinh, gian xảo, vụ lợi và không có gì để đáng được quan tâm. Nghĩ gặp bà Bontemps thì sớm muộn Andrée cũng biết, tôi đành báo cho nàng biết.

- Những điều người ta muốn tránh hơn hết lại là những điều tốt cuộc người ta không thể tránh, - tôi bảo nàng. - Không có gì trên đời có thể làm tôi bức mình hơn việc phải gặp bà Bontemps, thế nhưng tôi không sao thoát nổi. Elstir mời tôi cùng một lúc với bà ta.

- Tôi không nghi ngờ điều đó một giây phút nào. - Andrée thốt lên, giọng chua chát, ánh mắt mở to ra và mờ đi vì bất bình, như dăm dăm dán vào một vật vô hình.

Lời lẽ của Andrée chắc hẳn không giải bày được theo thứ lớp một ý nghĩ mà chúng ta có thể tóm tắt như sau: “Tôi thừa biết anh yêu Albertine và tìm mọi cách để gần gũi gia đình nó”. Nhưng chúng là những mảnh tuy không hình không dạng của tư tưởng Andrée song vẫn có thể lắp ghép lại để có thể hiểu được. Cũng như hai tiếng “quả là”, chúng chỉ có ý nghĩa ở cấp độ thứ hai. Hay nói cách khác, chúng thuộc loại những lời nói gây cho ta lòng mến yêu hay khinh ghét đối với một người nào đó, khiến ta bất hòa với họ (chứ không phải là những lời khẳng định trực tiếp).

Andrée không tin tôi khi tôi bảo gia đình Albertine không đáng gì tới mình, chắc hẳn vì nàng nghĩ tôi yêu Albertine. Và có thể vì vậy nàng không

vui.

Nàng thường có mặt trong những buổi hẹn hò giữa tôi và cô bạn nàng. Nhưng có những hôm tôi phải gặp riêng một mình Albertine. Tôi náo nức chờ đón những hôm đó, nhưng chúng qua đi mà không mang lại một điều gì có tính chất quyết định hết, và không phải là cái ngày trọng đại như mình chờ mong; tôi đành trông cậy vào ngày hôm sau, nhưng rồi cũng không có gì khác ngày hôm trước. Cứ như thế, những niềm hy vọng của tôi lần lượt bị đánh tan như những lớp sóng biển dồn dập, xua đuổi nhau.

Khoảng một tháng sau, tôi được tin sáng hôm sau, Albertine phải tới ở nhà bà Bontemps trong bốn mươi tám tiếng và vì phải đáp xe lửa sớm nên tối hôm trước đến ngủ ở Đại-Khách sạn và sẽ đi xe buýt ra ga cho kịp chuyển tàu đầu tiên, để khỏi làm phiền những cô bạn mà nàng ở trong nhà. Tôi nói chuyện ấy với Andrée.

- Tôi hoàn toàn không tin điều đó, - Andrée đáp, vẻ không bằng lòng. - Và lại, nó cũng chẳng giúp ích gì cho anh, vì tôi tin chắc Albertine không muốn gặp anh nếu nó tới khách sạn một mình, vì nếu gặp thì sẽ không hợp lẽ, - nàng nói thêm bằng cách sử dụng cái định ngữ “hợp lẽ” mà ít lâu nay nàng rất thích, với cái nghĩa là “điều người ta thường làm”. - Tôi nói với anh như vậy vì tôi biết tư tưởng Albertine. Còn anh có gặp nó hay không, thì có dính dáng gì tới tôi? Chẳng có quan hệ gì đối với tôi hết.

Octave tới gặp chúng tôi, nói với Andrée hôm qua hẳn ghi được bao nhiêu điểm trong buổi đánh gôn; và sau đó, là Albertine. Nàng vừa cất bước vừa mân mê con lăn dây trong tay như một nữ tu sĩ lần chuỗi tràng hạt. Nhờ trò chơi ấy, nàng có thể sống một mình hàng giờ mà không buồn chán. Nàng vừa tới nhập bọn là tôi thấy xuất hiện ngay cái chớp mũi nghịch ngợm mà tôi quen khuấy trong lúc nghĩ tới nàng trong những ngày vừa qua; dưới mái tóc đen nhánh, vầng trán thẳng đứng một màu trắng mượt mà của nàng tương phản với hình ảnh mơ hồ về nó trong đầu óc và đập mạnh vào ánh mắt tôi: thoát ra khỏi lớp bụi ký ức, Albertine hiện ra bằng xương bằng thịt. Trò chơi gôn làm người ta quen với những thú vui một mình. Trò chơi con lăn dây chắc hẳn cũng vậy. Nhưng sau khi gặp chúng tôi, Albertine vẫn tiếp tục chơi, trong lúc nói chuyện, chẳng khác một bà chủ nhà, khi khách đến thăm, vẫn không ngừng tay đan len.

- Hình như, - nàng nói với Octave, - bà de Villeparisis gửi đơn khiếu nại lên ông cụ bố anh, và đồng thời cũng gửi lên ngài Đốc lý Balbec yêu cầu không cho phép chơi con lăn dây trên đê biển nữa: người ta đã cho một phát vào giữa mặt bà.

- Đúng, tôi có nghe nói tới bức thư phản kháng ấy. Thật là lỗ bịch. Ở đây đã thiếu các trò tiêu khiển lắm rồi.

Andrée không góp chuyện, và lại cũng như Albertine và Octave, nàng không quen biết bà de Villeparisis. Nhưng nàng vẫn nói:

- Tôi không hiểu sao bà ta lại âm ỉ lên thế; bà cụ de Cambremer cũng bị một quả vào mặt nhưng có khiêu nại gì đâu.

- Tôi sẽ giải thích sự khác nhau ấy, - Octave vừa nghiêm trang trả lời vừa quẹt một que diêm. - Theo tôi, bà de Cambremer là một phu nhân trong xã hội thượng lưu, còn de Villeparisis là một kẻ hãnh tiến. Chiều nay, cô có tới bãi gôn không?

Hắn và Andrée chia tay chúng tôi. Tôi ở lại một mình với Albertine.

- Anh xem này, - nàng bảo tôi, - bây giờ em chải tóc theo ý muốn của anh. Ai cũng chế giễu em và không ai biết vì sao em làm như vậy. Bà cô em cũng sẽ không tha đâu. Và em sẽ không thanh minh gì hết.

Tôi nhìn nghiêng cặp má Albertine thường có vẻ xanh xao, chắc hẳn do được tưới tắm bởi một dòng máu trong suốt làm chúng có cái vẻ láng bóng, giống như trong một số buổi sáng mùa đông, những tảng đá được ánh nắng mặt trời soi rọi một phần, trông chẳng khác đá hoa cương màu hồng làm vui lòng người. Niềm vui trong lòng tôi trước cặp má Albertine cũng rộn ràng như thế, dẫn tới một niềm ao ước khác, ao ước những nụ hôn. Tôi hỏi nàng những điều người ta nói về dự kiến nàng tới thăm bà Bontemps có chính xác không.

- Đúng thế, - nàng đáp. - Đêm nay, em sẽ ở khách sạn chỗ anh, và vì nhiễm lạnh chút ít, em sẽ đi nằm trước bữa ăn tối. Anh có thể tới bên giường nhìn em ăn tối, và sau đó chúng ta sẽ chơi các trò chơi anh ưa thích. Giá sáng mai anh ra ga thì em sẽ rất vui, nhưng em sợ như thế có vẻ kỳ cục; có thể sinh chuyện ra nếu người ta nói với bà cô em; nhưng chúng ta có thể ở bên nhau tối nay. Việc này, cô em chẳng biết đâu. Để em chạy đi chào tạm biệt Andrée. Hẹn anh lát nữa. Anh tới sớm nghe

anh. - Nàng nói thêm và mỉm cười.

Nghe những lời nàng nói, tôi nhớ lại những thời kỳ trước khi yêu Gilberte, lúc tôi cảm thấy tình yêu là một thực thể chẳng những khách quan mà còn có thể trở thành hiện thực. Gilberte mà tôi gặp ở Vườn hoa Élysée là một cô gái khác cô gái tôi tìm thấy lại trong tôi mỗi khi chỉ có riêng một mình mình. Nhưng trong nàng Albertine bằng xương bằng thịt, một Albertine tôi gặp hàng ngày và tôi nghĩ là đây rầy những thiên kiến tưởng giả, và rất mực thành thực với bà cô, bỗng hiện thân nàng Albertine theo tưởng tượng, một Albertine tôi hình dung nhìn ngắm mình trên đê biển và ra chiều miễn cưỡng phải trở về trong lúc thấy tôi xa dần; ấy là vào thời kỳ tôi chưa quen biết nàng.

Tôi sắp đi ăn tối với bà tôi, tôi cảm thấy trong tôi một điều bí mật mà cụ không biết. Cũng như vậy, đối với Albertine, sáng mai, các cô bạn sẽ cùng đứng với nàng nhưng không hay biết những gì mới lạ đã xảy ra giữa chúng tôi; và khi hôn lên trán cô cháu gái, bà Bontemps đâu có biết tôi “có mặt” giữa hai cô cháu họ, trong cách chải tóc của Albertine nhằm kín đáo làm tôi vui sướng, tôi, kẻ cho tới lúc này xiết bao ghen tị với bà vì hai cô cháu cùng có họ hàng như nhau với những người khác, cùng mang tang giống nhau, cùng có những cuộc thăm viếng gia tộc giống nhau. Thế nhưng đối với Albertine, tôi có ý nghĩa hơn bản thân bà cô nàng. Tuy đứng cạnh bà, nhưng người nàng nghĩ tới, lại chính là tôi. Tình hình gì lát nữa sẽ xảy tới, tôi không biết rõ, nhưng dầu sao, khách sạn Balbec và buổi tối nay, tôi không cảm thấy trống rỗng nữa: chúng hàm chứa hạnh phúc của tôi.

Tôi bấm chuông gọi người trông coi thang máy để lên phòng Albertine, phía bên này thung lũng. Mỗi động tác nhỏ của tôi trong thang máy, mỗi bước chân của tôi trên mấy bậc tam cấp đều xiết bao êm đềm theo nhịp đập rộn ràng của trái tim trong lồng ngực. Chỉ còn, vài bước chân trong hành lang là tôi sẽ tới căn phòng trong đó có tấm thân ngọc ngà, căn phòng, dù có mang lại niềm hạnh phúc ngọt ngào nhất, vẫn giữ nguyên trạng thái muôn thuở như mọi căn phòng khác và biến đồ vật trong phòng thành những chứng nhân kiên quyết câm lặng, những người tâm phúc rất mực thận trọng, những người canh giữ không hề suy suyển, vài bước chân từ cầu thang đến căn phòng Albertine, những bước chân mà không còn một ai có thể ngăn cản, tôi bước vài bước chân ấy say sưa, thận trọng, như thể đắm chìm trong một thế giới mới, nhích dần tới hạnh phúc, đồng thời với một cảm giác mãnh liệt, xa lạ, cảm giác rốt cuộc

được hưởng một di sản vốn thuộc về mình từ những bao giờ. Rồi bỗng nhiên, tôi nghĩ mình đã sai lầm khi có những điều ngờ vực: quả là nàng bảo tôi tới lúc nàng đi nằm. Đã quá rõ ràng, tôi mừng rơn lên, suýt nữa thì hất ngã Françoise đi phía trước; đôi mắt long lanh, tôi chạy tới phòng Albertine.

Tôi nhìn thấy nàng trên giường. Chiếc sơmi trắng để hở cổ làm thay đổi gương mặt nàng; bị xung huyết vì nằm trên giường, vì nhiễm lạnh, hay vì bữa ăn tối, nó có vẻ hồng hào; tôi nghĩ tới những sắc màu mình nhìn thấy mấy giờ trước đây trên con đẽ, bên cạnh mình và cuối cùng mình sắp được thưởng thức hương vị của chúng; một bím tóc dài, đen nhánh mà nàng xõa ra hoàn toàn để làm tôi vui lòng, bỏ thông trên má. Nàng vừa nhìn tôi vừa mỉm cười. Bên cạnh phòng nàng, ngoài ô cửa sổ, ánh trăng soi sáng cả một không gian. Trước ngấn cổ Albertine lộ ra ngoài áo, trước cặp má đỏ rực của nàng, tôi say sưa tới mức cảnh tượng ấy như phá hủy thể cân bằng giữa cuộc sống mênh mông, bất diệt cuộn cuộn trong tôi, và cuộc sống thật nhỏ nhoi của vũ trụ, nếu đem so sánh. Biển cả mà tôi nhìn thấy qua ô cửa sổ, những vực thẳm Maineville nhô ra phía ngoài, bầu trời vào lúc vầng trăng chưa lên tận đỉnh, tất cả hình như nhẹ hơn cả lông hồng đối với tròng mắt của mình mà tôi có cảm giác dần nở ra, cứng rắn lên, sẵn sàng nâng cao những sức nặng khác, nâng cao mọi trái núi trên đời trên cái diện tích nhỏ bé, mong manh của chúng. Và tôi cảm thấy toàn bộ sinh lực tạo hóa dành cho mình thật mỏng manh, những luồng gió biển thật ít ỏi đối với sự hít thở làm phập phồng lồng ngực mình. Tôi cúi xuống hôn Albertine. Dù cái chết có thể quật ngã mình vào lúc này, tôi cũng thấy vô nghĩa hay nói đúng hơn là hoàn toàn bất lực vì cuộc sống không nằm ở ngoài tôi, mà là ở trong tôi. Chắc hẳn tôi sẽ nở một nụ cười thương hại nếu một triết gia cho rằng sẽ có ngày - dù là một ngày xa xôi đi nữa - tôi sẽ chết, còn những lực lượng của Tạo hóa mà dưới chân thần thánh của Người, tôi chỉ là một hạt bụi, sẽ trường tồn, rằng sau khi tôi chết, vẫn còn những vách đá, vẫn còn biển cả, vầng trăng, bầu trời! Không, thế giới không thể trường tồn hơn tôi; chính nó bị nhốt chặt trong tôi, một cái tôi có đủ chỗ chứa biết bao báu vật và tôi sẵn sàng vứt xó tất cả bầu trời, biển cả và vách đá.

- Anh thôi đi, không tôi bấm chuông đấy! - Albertine kêu lên khi thấy tôi chồm lên hôn nàng.

Nhưng tôi nghĩ bụng một cô gái bí mật gọi một chàng trai tới và thu xếp để bà cô không hay biết, chắc hẳn không phải để không làm gì hết; vả lại, sự táo bạo mang lại thành công cho những ai biết lợi dụng thời cơ. Trong niềm

say sưa rạo rức, tôi cảm thấy gương mặt tròn vành vạnh của Albertine, được thắp sáng bởi một ngọn lửa nội tâm như bởi một ngọn đèn đêm, nổi bật lên và tưởng chừng quay tròn tựa những bức tượng của Michel-Ange cuốn theo một dòng xoáy bất động và choáng ngợp. Tôi sắp được nếm hương vị của thử quả cấm này. Bỗng một âm thanh dồn dập, chói chang vang lên bên tai tôi. Albertine dùng hết sức bình sinh bấm chuông điện. Từ trước, tôi vẫn nghĩ tình yêu của mình đối với Albertine không dựa trên niềm hy vọng một sự chiếm đoạt vật chất. Nhưng khi nhận thấy từ kinh nghiệm buổi tối hôm ấy là không thể có sự chiếm đoạt ấy, và sau khi, ngay từ ngày đầu, trên bãi tắm, tin chắc Albertine không phải là một cô gái phóng túng, rồi trải qua những sự giả định gián tiếp, tôi cảm thấy nàng hoàn toàn đức hạnh.

Tám ngày sau, từ nhà bà cô trở về, nàng lạnh lùng bảo tôi:

- Tôi không giận anh nữa đâu, thậm chí tôi ân hận đã làm anh buồn; nhưng đừng bao giờ anh làm thế nữa.

Quả là trái ngược với ý kiến của Bloch cho rằng người ta có thể chiếm đoạt mọi người đàn bà, và thay vì một cô gái bằng xương bằng thịt, tôi như đứng trước một con búp bê bằng sáp ong; dần dà tôi không còn ước ao thâm nhập vào đời sống của nàng, theo chân nàng tới những xứ sở nàng đã sống trong buổi ấu thơ, được nàng luyện cho làm quen với hoạt động thể dục-thể thao nữa. Sự tò mò về tinh thần muốn biết những ý nghĩ của nàng về vấn đề này, vấn đề nọ cũng chấm dứt trong tôi sau khi không còn tin là có thể hôn nàng. Một khi mất hết hy vọng chiếm đoạt thì những giấc mơ của tôi cũng bỏ rơi nàng, và chúng tự do hướng về cô bạn này hay cô bạn nọ của Albertine tùy theo sức quyến rũ tôi tìm thấy ở họ một hôm nào đó, tùy theo khả năng tôi tiên đoán họ có yêu mình hay không, và trước hết là hướng về Andrée. Tuy nhiên nếu không có Albertine thì có thể không có niềm vui mỗi lúc một thêm đậm đà những ngày tiếp đấy trước thái độ ân cần đáng yêu của Andrée.

Albertine không nói cho ai biết thất bại của tôi. Nàng là một trong số những cô gái xinh đẹp ngay từ tuổi nhỏ đã luôn luôn làm người ta vui lòng, dù trong gia đình, giữa bạn bè hay ngoài xã hội; nhan sắc, vẻ duyên dáng, sức quyến rũ của họ mãi mãi là những ẩn số về sự ưu ái của tạo hóa đối với con người, là nguồn nước mát đối với những kẻ bất hạnh. Người ta đòi hỏi họ nhiều hơn là họ đòi hỏi, ngay trước tuổi yêu đương, và nhất là khi đến tuổi yêu đương; và thậm chí người ta đòi hỏi điều họ không thể cho được.

Từ tuổi thiếu thời, Albertine luôn luôn được bốn năm cô bạn nhỏ ngồi ca, trong đó có Andrée, người hơn hẳn nàng và biết rõ điều đó (và phải chăng sức cuốn hút tự nhiên ngay từ đầu của Albertine đã là cơ sở tạo lập cái nhóm nhỏ của họ?). Thậm chí sức cuốn hút ấy tỏa ra khá xa, trong những giới khá sang trọng: tại đấy, khi cần nhảy một điệu nhảy trang nghiêm, người ta thích mời Albertine hơn là mời một cô gái nguồn gốc cao sang. Kết quả là tuy không có một xu hồi môn và sống nhờ vào ông Bontemps mà dư luận cho là một kẻ bất lương và chỉ mong tống khứ nàng, Albertine vẫn được mời, chẳng những tới ăn tối, mà cả tới ở hẳn hoi tại nhà những người tuy Saint-Loup có thể cho là không một chút thanh nhã, nhưng bà mẹ của Rosemonde hay của Andrée, cực kỳ giàu có, lại nghĩ là họ đại diện cho một cái gì thật lớn lao, tuy các bà ấy không quen biết họ. Chẳng hạn, năm nào Albertine cũng sống mấy tuần lễ trong gia đình một vị quản lý Pháp quốc Ngân hàng, Chủ tịch Hội đồng quản trị một công ty xe lửa lớn. Bà vợ nhà tài chính này tiếp những nhân vật quan trọng và không bao giờ nói cho bà mẹ Andrée biết ngày tiếp khách của mình. Tuy cho bà ta là một kẻ khiếm nhã, bà mẹ Andrée vẫn thiết tha quan tâm đến tình hình xảy ra ở nhà bà ta. Bởi thế hàng năm, bà mẹ giục già Andrée mời Albertine về nghỉ trong biệt thự của bà, vì, theo lời bà, mời một cô gái không có điều kiện đi du lịch và bà cô không hề chăm sóc, đến nghỉ ở biển, là một việc làm tốt. Chắc hẳn bà mẹ Andrée mời Albertine không phải vì hy vọng hai vợ chồng ông quản lý Ngân hàng đánh giá tốt hai mẹ con bà khi biết tin Albertine được gia đình bà ưu ái; lại càng không phải vì bà hy vọng Albertine, tuy tốt bụng và khôn khéo, có thể gợi ý để bà, hoặc ít nhất Andrée, được mời tới dự những buổi hội hoa viên của gia đình nhà hoạt động tài chính họ. Nhưng mỗi buổi tối, trong bữa ăn, tuy ra vẻ dửng dưng và khinh thị, bà hoan hỉ được Albertine kể cho nghe tình hình gì đã xảy ra trong biệt thự ông ta, trong khi nàng sống tại đấy, những người nào đã được đón tiếp vì hầu như nàng biết mặt hay biết tên tất cả bọn họ.

Nhưng cho rằng Albertine chỉ biết họ như thế, nghĩa là không biết họ (bà gọi như thế là biết những con người “muôn thuở”), bà mẹ Andrée có chút âu sầu, trong lúc bà hỏi Albertine nhiều điều về họ với vẻ cao ngạo và hững hờ bằng cách chỉ buồn nhếch mép. Ý nghĩ ấy có thể làm bà băn khoăn, lo lắng về vị trí của bản thân mình, nếu bà không tự làm mình yên tâm và tự đặt lại mình trong “hiện thực cuộc sống” trong khi bảo người điều khiển đám hầu bàn:

- Anh hãy bảo anh đầu bếp là món đậu nhỏ của anh ta không được dư.

Thế là bà bình tâm trở lại. Và quyết định dứt khoát Andrée chỉ lấy chồng giàu có (và dĩ nhiên gia đình danh giá), để nàng có thể có đầu bếp và hai người xà ích. Chính đây là mặt tích cực, là hiệu lực thiết thực của một vị trí xã hội. Nhưng dù Albertine có ăn tối ở nhà vị quản lý Ngân hàng cùng với bà này bà nọ, dù họ có mời nàng tới nhà vào mùa đông sau hay không thì bà mẹ Andrée vẫn cho không phải vì vậy mà Albertine không được quý mến đặc biệt, một sự quý mến rất hợp với lòng thương hại và cả đối với thái độ khinh miệt do nỗi bất hạnh của nàng gây nên.

Trước sau bà vẫn không thay đổi cách nhìn nhận đối với Albertine. Bà cho nàng là một cô gái “khốn khổ”, nhưng bản chất tuyệt vời và chỉ tìm cách làm người khác vui lòng.

Lòng mến mộ của mọi người đối với Albertine, tuy không mang lại cho nàng một kết quả thiết thực nào nhưng tạo cho nàng một nét đặc thù của những con người luôn luôn được săn đón; và chẳng những không bao giờ khoe khoang mà chỉ tìm cách che giấu thành tựu của mình. Không bao giờ nàng thốt ra câu kiểu: “Anh ta muốn tìm gặp tôi”; nàng nói về tất cả mọi người với một tấm lòng nhân hậu rộng mở và như thể chính mình chạy theo những người khác, tìm kiếm họ. Nếu người ta nói về một chàng trai, mấy phút trước vừa dùng những lời lẽ thô bạo thóa mạ nàng vì nàng khước từ một buổi hò hẹn, thì nàng không hề lấy điều đó làm hãnh diện trước mặt mọi người, hoặc hận thù anh ta; trái lại nàng chỉ ngợi ca: “Một chàng trai thật dễ thương!” Thậm chí nàng buồn bã được người ta quá ưa thích, vì như vậy có thể làm người ta đau khổ, trong lúc về bản chất, nàng muốn làm mọi người vui lòng. Thậm chí nàng muốn làm người ta vui lòng tới mức thực hiện một sự “đối trá đặc biệt” đối với một vài kẻ thực dụng, vài ba người thành đạt, nhằm mang lại niềm vui không phải chỉ riêng cho một người và chỉ bằng một hành động duy nhất. Nếu chẳng hạn bà cô Albertine muốn cô cháu đi theo mình tới một buổi họp mặt không lấy gì làm thú vị, thì nàng vẫn sung sướng vì làm vui lòng bà cô. Và nàng sẵn sàng nói với các vị chủ nhà là nàng thiết tha mong muốn thăm viếng họ. Như thế vẫn chưa đủ: nếu trong buổi họp mặt ấy có một cô bạn tỏ vẻ âu sầu, thì nàng bảo bạn:

- Tớ không muốn bỏ mặc cậu một mình, tớ nghĩ có tớ bên cạnh, cậu sẽ thấy đỡ buồn. Nếu cậu muốn chúng ta không dự buổi họp mặt này và đi chỗ khác, thì tớ sẵn lòng làm theo ý cậu, trước hết, tớ muốn thấy cậu bớt rầu rĩ. Tuy vậy, có khi mục đích giả tạo phá hủy mục đích đích thực. Chẳng hạn, Albertine tới gặp một vị phu nhân để nhờ giúp một công việc cho một cô

bạn. Nhưng trước mặt vị phu nhân tốt bụng và dễ gây cảm tình này, nàng bất giác tuân theo nguyên tắc “một mũi tên nhắm hai đích”,

và nghĩ bụng sẽ tốt hơn nếu làm như thế mình đến đây chỉ vì niềm vui được thăm bà ta. Bà chủ nhà hết sức xúc động thấy Albertine chỉ vì tình cảm mà phải đi xa đến vậy, và thấy thế, Albertine càng quý mến bà hơn. Nhưng cảm thấy mình vui thực sự trong buổi viếng thăm nàng vừa bịa ra một cách dối trá, Albertine sợ làm bà chủ nhà nghi ngờ tình cảm - thực ra là chân thành - của mình nếu yêu cầu bà giải quyết công việc cho cô bạn. Tất nhiên bà ta sẽ tin là Albertine tới vì việc ấy - điều đó đúng, nhưng từ đó sẽ kết luận nàng tới thăm mình không phải vì một niềm vui không vụ lợi - điều đó sai. Bởi thế Albertine ra về mà không yêu cầu gì hết, giống kiểu những người đàn ông tốt bụng tuy ước ao tranh thủ tấm lòng ưu ái của một người đàn bà, vẫn không dám thổ lộ tình cảm, để giữ trọn lòng tốt của mình.

Trong những trường hợp khác, không thể nói mục đích đích thực bị hy sinh cho mục đích thứ yếu về sau mình bất giác đặt ra, nhưng mục đích thứ nhất hoàn toàn đối lập với mục đích thứ hai tới mức, nếu người mà Albertine làm cho xúc động trong lúc thổ lộ với họ mục đích này, biết được mục đích kia, thì niềm vui của người đó sẽ đổi ngay lập tức thành một nỗi buồn hết sức sâu xa. Câu chuyện này được kể tiếp ở những tập sau sẽ làm chúng ta hiểu rõ hơn loại mâu thuẫn ấy. Bằng một ví dụ rút ra từ một loại sự kiện hoàn toàn khác, phải nói rằng chúng thường rất hay xảy ra trong những tình huống hết sức đa dạng của cuộc sống. Một ông chồng bố trí cho người tình ở trong thành phố mình đóng quân. Ở lại Paris và mang máng biết chuyện, bà vợ đau khổ viết thư trách móc chồng. Trong lúc đó, ả tình nhân có việc phải tới Paris một hôm. Anh chồng nọ không thể khước từ yêu cầu cùng đi với ả và xin được phép vắng mặt hai mươi bốn tiếng. Như một kẻ tốt bụng và ân hận làm vợ đau khổ, anh ta vội vã về nhà và, nước mắt lưng tròng, ôm vợ vào vòng tay, bảo chị là hốt hoảng khi nhận được thư, anh ta xin phép nghỉ để về an ủi chị. Thế là bằng một chuyến đi duy nhất, anh ta có điều kiện thổ lộ tình yêu vừa với người tình vừa với vợ. Nhưng nếu bà vợ biết được anh ta về - Paris vì lý do gì, thì ắt hẳn chị phải đau khổ lắm, trừ phi niềm vui được gặp chồng đâu sao cũng lớn hơn nỗi buồn vì những lời dối trá của anh ta. Trong số những người đàn ông hình như thực hiện một cách có hệ thống nhiều mục đích cùng một lúc, có ông de Norpois. Thỉnh thoảng ông nhận làm trung gian cho hai người bạn bất hòa với nhau, và vì vậy, người ta gọi ông ta là người hảo tâm nhất đời. Nhưng ông không chỉ làm ra vẻ muốn giúp người đến nhờ giúp đỡ, ông nói với người thứ hai là mình đến đặt vấn

đề không phải vì theo yêu cầu của người thứ nhất mà chính vì quyền lợi của ông ta, đó là điều ông dễ dàng thuyết phục người đối thoại vốn đã cảm kích vì biết mình đang đứng trước “con người tốt bụng không ai sánh kịp”. Bằng cách đó, cách “chơi hai mang”, cách “tìm đối trọng”, theo lối nói ở hậu trường, ông không hề làm thương tổn ảnh hưởng cá nhân, và những việc làm để giúp người không làm tiêu tan mà chỉ nâng cao uy tín của ông. Mặt khác, mỗi hành vi giúp đỡ, cùng một lúc có lợi cho hai người, không hề là hành vi uống công vô ích, mà bằng chứng là lòng biết ơn của cả hai đương sự. Tính chất “hai mang” trong khi giúp người là một bộ phận quan trọng trong tính cách ông de Norpois, cùng với những mâu thuẫn như ở mọi con người, và ở Bộ, ông thường lợi dụng bố tôi vốn là một người khá ngây thơ, trong lúc làm bố tôi tưởng đâu ông ta phục vụ mình.

Tính nết vốn dễ thương hơn cả lòng nàng mong muốn, và không cần “quảng cáo” thắng lợi của mình, Albertine giấu kín buổi nàng tiếp tôi bên cạnh giường: giá là một cô gái xấu xí thì ắt hẳn cô ta thông báo cho bàn dân thiên hạ biết, và lại, tôi không sao tự lý giải nổi thái độ của nàng hôm đó. Về giả thuyết cho là nàng tuyệt đối đức hạnh (giả thuyết lúc đầu gắn liền với thái độ cự tuyệt dữ dội của nàng không cho phép tôi hôn), tôi không ngừng điều chỉnh đến mấy lần. Giả thuyết ấy trái ngược với những suy nghĩ của tôi hôm gặp Albertine lần đầu tiên biết chừng nào! Rồi biết bao cử chỉ khác nhau, tất cả đều rất mực dễ thương đối với tôi (một thái độ dễ thương ra chiều mơn trớn, có khi lo âu, hốt hoảng như thể ghen tị trước thái độ ưu ái của tôi đối với Andrée), tưởng như muốn xóa nhòa thái độ dữ dằn của nàng khi giật chuông để thoát khỏi tôi! vì sao nàng bảo tôi đến bên cạnh giường buổi tối ấy? Vì sao nàng luôn luôn nói những lời âu yếm? Trên cơ sở nào nàng muốn gặp tôi, sợ tôi thích cô bạn của nàng hơn bản thân nàng, tìm cách làm vui lòng tôi, đảm bảo với tôi là không ai biết tôi ở bên cạnh nàng buổi tối ấy nhưng lại từ chối một niềm vui đơn giản như vậy đối với tôi và không lấy nó làm một niềm vui đối với bản thân mình? Dầu sao tôi cũng không nghĩ là đức hạnh của Albertine đạt tới mức ấy, và tự hỏi mình phải chăng thái độ thô bạo của nàng tối hôm đó là vì người nàng có mùi khó chịu chẳng hạn và nàng sợ nó làm tôi không vui, hoặc vì chưa có kinh nghiệm về tình yêu, nàng sợ trạng thái suy nhược thần kinh của tôi có thể lây lan qua nụ hôn?

Chắc hẳn nàng buồn vì không làm tôi vui lòng nên tặng tôi một cây bút chì nhỏ bằng vàng như kiểu những người cảm động trước thái độ dễ thương của anh nhưng vì không thể chiều lòng anh được nên muốn làm một điều gì

khác để đền đáp lại thái độ dễ thương ấy: nhà phê bình mời nhà diễn thuyết ăn tối thay vì việc viết bài ca ngợi ông ta; bà công tước không cùng đến nhà hát với anh chàng chạy theo thời thượng, nhưng gửi cho hắn chiếc vé hạng lô vào buổi tối bà ta bỏ trống ghế.

Tôi thất vọng với Albertine là tặng tôi cây bút chì, nàng làm tôi rất vui lòng, nhưng giá cho phép tôi hôn vào buổi tối hôm nàng tới ngủ ở khách sạn thì còn làm tôi vui lòng hơn nhiều.

- Giá được thế thì tôi sung sướng biết chừng nào! Điều đó có thể làm thiệt hại gì đến cô? Tôi ngạc nhiên khi thấy cô khước từ.

- Điều làm tôi ngạc nhiên, - nàng đáp, - chính là ở chỗ anh cho như thế là đáng ngạc nhiên. Tôi tự hỏi anh đã làm quen những cô gái nào khiến thái độ của tôi làm anh ngạc nhiên.

- Tôi rất khổ tâm đã làm cô phật ý, nhưng ngay bây giờ đây, tôi vẫn không thể nói với cô là tôi có lỗi. Tôi cho đây là những việc không quan trọng tí nào, và tôi không hiểu vì sao một cô gái vốn rất dễ dàng làm người ta vui lòng lại không chấp nhận việc đó. Xin cô hiểu cho, - tôi nói thêm để thỏa mãn một phần quan niệm đạo đức của Albertine trong lúc nhớ lại cô ta và các cô bạn đã làm nhục người bạn gái của nữ diễn viên Léa như thế nào, - tôi không muốn nói là một cô gái muốn làm gì thì làm, và không có gì là vô đạo đức hết. Chẳng hạn, hôm nọ, các cô nói về quan hệ giữa một cô bé ở Balbec và một nữ diễn viên, tôi thấy thật là ghê tởm, ghê tởm tới mức tôi nghĩ là kẻ thù của cô gái bịa ra, chứ chuyện ấy không thể có thật được. Tôi thấy khó có thể xảy ra, hay nói đúng hơn, là không thể nào xảy ra... Còn để một người bạn trai hôn, vì cô bảo tôi là bạn cô...

- Anh là bạn tôi thật, nhưng trước khi biết anh, tôi từng quen những chàng trai khác, và tôi xin cam đoan với anh, họ cũng tỏ rõ tình bạn như anh. Thế nhưng không có một người nào dám làm điều như anh. Họ biết nếu làm thế, họ sẽ nhận được hai cái tát ra trò. Thậm chí họ cũng không nghĩ tới điều đó. Chúng tôi bắt tay nhau rất chân thành, rất thân ái, với tư cách những người bạn tốt. Nếu coi trọng tình bạn của tôi, thì anh có thể hài lòng, vì rất yêu anh, tôi mới tha thứ cho anh đấy. Nhưng tôi tin chắc anh chẳng thiết đến tôi. Anh hãy thú nhận là anh thích Andrée. Xét cho cùng, anh xử sự đúng, nó dễ thương hơn tôi, và nó thật mê ly! A! Đàn ông!

Mặc dù thất vọng, tôi rất quý những lời nói thành thực của Albertine và trong lòng dâng lên một cảm giác êm đềm. Có lẽ cảm giác ấy về sau gây cho tôi những hậu quả to lớn và tai hại, vì chính từ đó hình thành một thứ tình cảm hầu như mang tính chất gia đình, một thứ hạt nhân đạo lý luôn

luôn tồn tại trong tình yêu của tôi đối với Albertine. Một tình cảm như thế có thể là nguyên nhân của những nỗi đau lớn nhất. Khi muốn chịu đau khổ vì một người đàn bà, thì phải hoàn toàn tin người đó. Vào lúc này, chút mầm mống yêu quý về tinh thần ấy, tình bạn ấy nằm trong lòng tôi như một viên đá nằm trong bức tường đang xây dở, chờ được xây tiếp. Chỉ riêng một mình nó thì không thể làm gì nếu nó vẫn giữ nguyên trạng, không phát triển trong năm sau, chứ chưa nói trong những tuần lễ cuối cùng tôi ở Balbec. Nó nằm trong tôi như kiểu những vị khách mà dẫu sao ta tổng khứ đi thì vẫn hơn, nhưng ta lại để họ yên tại chỗ, không đụng chạm tới, vì sự hèn yếu và cảnh cô đơn của họ làm họ tạm thời là những kẻ vô hại.

Giờ đây, mộng tưởng của tôi có thể tự do hướng về cô bạn này hay cô bạn khác của Albertine, và trước hết là về Andrée: thái độ âu yếm dễ thương của nàng chắc hẳn làm tôi ít xúc động hơn nếu tôi không tin chắc là trước sau thế nào Albertine cũng biết. Dĩ nhiên thái độ giả vờ thiên về Andrée trong suốt một thời gian

dài như tạo cho tôi cơ sở một tình yêu có thể sẵn sàng thổ lộ đối với nàng, và cho tới nay chỉ còn thiếu một tình cảm chân thành mà hiện trái tim tôi trở lại tự do có thể đáp ứng. Nhưng Andrée thông minh, dễ bị kích động, ốm yếu và quá giống tôi nên tôi không thể thực sự yêu nàng được. Nếu giờ đây, tôi thấy Albertine quá “trống rỗng” thì trái lại, Andrée tràn đầy một thứ gì đó mà tôi biết đã quá rõ. Hôm đầu tiên tôi tưởng trước mắt mình là người tình một tay đua xe đạp, là người say mê thể thao, và Andrée bảo tôi nàng chơi thể thao là theo lệnh thầy thuốc để chữa chứng suy nhược thần kinh và rối loạn tiêu hóa, nhưng những giờ phút thú vị nhất của nàng là những lúc nàng dịch tiểu thuyết của George Eliot⁽³⁴⁹⁾. Nỗi bất hạnh của tôi, hậu quả của sự sai lầm ban đầu về con người Andrée; trên thực tế, không mấy may quan trọng đối với tôi. Nhưng sai lầm ấy thuộc loại sai lầm làm người ta đau khổ nếu chúng tạo điều kiện cho tình yêu nảy nở và chỉ được thừa nhận là sai lầm khi không sao có thể sửa chữa nữa. Nguyên nhân những sai lầm này (chúng có thể khác sai lầm tôi phạm phải đối với Andrée, và thậm chí có thể hoàn toàn ngược lại), thông thường, và trong trường hợp đặc biệt của Andrée, là ở chỗ người ta cố tạo cho mình một dáng dấp, cung cách không phải của chính mình, để gây ảnh hưởng ngay từ buổi đầu. Cùng với dáng vẻ bề ngoài, cách giả vờ, cách bắt chước và lòng mong muốn được người khác ngợi khen, bất luận là người tốt, kẻ xấu, người ta đưa thêm những lời nói, những cử chỉ giả vờ. Những sự vô liêm sỉ, những hành vi tàn ác cũng được đem ra thử thách chẳng khác gì những việc làm nhân hậu, khoan dung.

Cũng như người ta thường phát hiện ra một kẻ biến lộn khoe khoang trong một con người nổi tiếng về lòng nhân ái, sự phách lối về lối sống vô đạo của một cô gái lương thiện đầy thiên kiến khiến người ta nghĩ tới một Messaline⁽³⁵⁰⁾. Tôi ngỡ Andrée là một con người lành mạnh và ngây thơ, trong lúc nàng chỉ là một kẻ đi tìm sức khỏe, có lẽ cũng như nhiều người mà nàng nghĩ có thể tìm thấy sức khỏe ở họ nhưng thực ra họ cũng chẳng khỏe mạnh hơn nàng, chẳng khác một kẻ to béo bị bệnh thấp khớp, mặt đỏ gay đỏ gắt và mặc áo ngắn bằng phlanen trắng, không nhất thiết là một đại lực sĩ.

Nhưng chẳng sao, dầu thế nào, và cũng như Rosemonde hay Gisèle, Andrée vẫn là bạn của Albertine, chia sẻ cuộc sống với nàng, nơi theo cung cách của nàng tới mức hôm đầu tiên, tôi không phân biệt nổi người này với người kia. Giữa các cô gái đầy sức quyến rũ nổi bật lên trên nền biển cả ấy vẫn tồn tại trạng thái không thể phân chia như vào thời kỳ tôi chưa quen biết họ; thời kỳ ấy, hễ bắt luận một người nào xuất hiện cũng làm tôi hết sức xúc động vì báo hiệu cả nhóm không ở xa. cả đến bây giờ nữa, hễ trông thấy một người là lòng tôi hoan hỉ, trong đó có một phần - chiếm tỷ trọng bao nhiêu thì tôi không rõ - niềm vui sẽ nhìn thấy những người khác đi theo sau, hoặc lát nữa chạy tới tìm, và thậm chí nếu hôm ấy những người này không tới, thì tôi vẫn có niềm vui được nói về họ và biết họ được nghe nói lại là tôi có ra bãi biển.

Giờ đây không chỉ có niềm vui như những ngày đầu, mà là một tâm trạng muốn yêu thực sự tuy ngập ngừng giữa tất cả các cô gái, vì một cách tự nhiên, cô này là “vật thay thế” cô kia. Nếu cô gái tôi ưa thích nhất bỏ rơi mình cũng không gây cho tôi nỗi buồn sâu lắng nhất, nhưng ngay lập tức, tôi lại vẫn ưa thích người bỏ rơi mình, vì tôi tập trung vào nàng toàn bộ nỗi buồn và ước mơ vương vấn giữa tất cả cô gái trong nhóm. Nhưng cả trong trường hợp ấy, tôi vẫn luyện tiếc tất cả các cô bạn của nàng, sau khi áp ủ đối với họ một tình yêu tập thể, giống như kiểu nhà chính khách hay người diễn viên luyện tiếc công chúng bỏ rơi họ sau khi dành cho họ mọi sự ưu ái. Ngay cả những điều ưu ái mà Albertine chối từ, tôi bỗng hy vọng tìm thấy ở cô gái này hay cô gái nọ khi, chia tay vào một buổi chiều, họ nói với mình một lời, nhìn mình với ánh mắt khó hiểu, khiến suốt cả một ngày, ham muốn của tôi hướng về người đó.

Nỗi lòng ham muốn ấy dật dờ một cách khoái trá giữa các cô gái, nhất là vì trên những gương mặt di động của họ, đã bắt đầu ít nhiều định hình đường nét, đủ để có thể phân biệt, dù chúng có còn phải thay đổi chẳng nữa. Dĩ

nhiên không hẳn là những sự khác biệt về chiều dài, chiều rộng các đường nét. Nhưng việc nhận biết các gương mặt đầu phải là một sự nhận biết toán học. Trước hết, nó không bắt đầu bằng việc đo lường các bộ phận; điểm xuất phát của nó là cách biểu hiện, là tổng thể. Ở Andrée chẳng hạn, cái tinh tế của đôi mắt hiền hòa như khớp với cánh mũi dẹt tựa một đường cong thanh tú chia đôi nụ cười và ánh mắt của nàng. Và một nét cũng tinh tế như vậy chạy giữa mái tóc nàng, trông tựa một đường gió vạch ra trên đụn cát. Dĩ nhiên, so sánh với nét thanh mảnh trên cánh mũi Andrée, thì có thể nói mũi Rosemonde trông nở dãn ra như một ngọn tháp cao đặt trên một cái bệ đồ sộ. Nét mặt đủ cho người ta nhận ra những sự khác biệt giữa người này với người nọ. Nhưng giữa các gương mặt của các cô bạn tôi, màu sắc càng làm nổi bật một sự khác biệt sâu xa, không phải chỉ bằng cái đa dạng kỳ thú của chúng, mà chủ yếu vì những sự khác biệt cực kỳ nhỏ bé về đường nét được nhân lên gấp bội, vì quan hệ về chiều dài, chiều rộng thay đổi hoàn toàn do yếu tố màu sắc. Những gương mặt tưởng chừng được nhào nặn không mấy khác nhau, có vẻ như co hẹp lại hay dãn rộng ra tùy theo chúng nằm dưới một mái tóc màu hung rực rỡ hay màu bạch kim êm dịu. Đúng là khi nhận biết một gương mặt, chúng ta đo lường, nhưng với tư cách nhà họa sĩ, chứ không phải người đo đạc.

Tình hình đối với Albertine cũng như đối với các cô bạn nàng. Có hôm, mảnh mai, sắc mặt nhợt nhạt, vẻ âu sầu, trong chiều sâu đôi mắt ánh lên một màu phơn phớt tím như thỉnh thoảng người ta thấy hiện lên mặt biển, nàng có vẻ như buồn nỗi buồn của người bị lưu đày. Hôm khác, gương mặt bóng lộn của nàng như muốn giữ ánh mắt người ta lại trên bề mặt, không cho ai đi sâu hơn, trừ phi tôi bỗng nhìn nghiêng nàng, vì đôi má nàng trong suốt bỗng hồng lên, hết sức kêu gọi những nụ hôn. Lần khác, niềm vui làm tỏa lên trên đôi má nàng một thứ ánh sáng chuyển động khiến làn da như đổi thay sắc màu... Mỗi một Albertine ấy một khác, cũng như một vũ nữ xuất hiện trên sân khấu mỗi lúc một khác về màu sắc, về hình dạng, về tính cách, tùy theo những tia sáng cực kỳ đa dạng của cây đèn chiếu.

Có lẽ vì những con người mà tôi ngắm nhìn ở Albertine vào thời kỳ này hết sức đa dạng như vậy, nên về sau, tôi có thói quen để bản thân mình trở thành nhân vật thể này hay thể nọ tùy theo mình nghĩ tới nàng Albertine nào: một anh chàng cả ghen, một kẻ thờ ơ, một tay ưa khoái lạc, một con người âu sầu hay phần nộ; những nhân vật ấy thành hình thành dạng, chẳng những tùy theo mỗi kỷ niệm sống lại trong lòng tôi, mà còn tùy theo sức mạnh của niềm tin đối với cùng một kỷ niệm do cách đánh giá khác nhau

của tôi. Những ấn tượng đầu tiên của tôi không ngừng biến đổi hàng ngày; và trải qua năm tháng, ký ức tôi không sao giữ chúng nguyên vẹn. Trong những giờ phút chuyện trò, đùa vui với các cô bạn trong cái nhóm nhỏ nọ, thậm chí tôi cũng không nhớ họ vẫn là những nàng trinh nữ trước sau không chút đổi thay mà mình từng gặp, và cùng nhau dạo chơi trên bãi biển, như trong một bức bích họa.

Các nhà địa lý học, khảo cổ học quả là đưa chúng ta tới hòn đảo của Calypso⁽³⁵¹⁾, quả là khai quật tòa lâu đài của Minos⁽³⁵²⁾. Nhưng Calypso chỉ còn là một người đàn bà, Minos, một nhà vua không hề có gì là thần thánh hết. Thậm chí những chỗ mạnh, chỗ yếu mà lịch sử cho là đặc trưng của những nhân vật quả là có thực này, cũng thường khác xa những phẩm chất và thiếu sót chúng ta gán cho những nhân vật hoang đường mang cùng tên như họ. Toàn bộ trang thần thoại về biển cả tôi viết lên trong những ngày đầu đã tiêu vong như thế ấy. Nhưng trong những mối quan hệ như quan hệ giữa tôi với Albertine và các cô bạn nàng, niềm vui chân chính ngay từ buổi đầu để lại chút hương vị ngọt ngào mà những trái cây chín ép, những chùm nho không chín dưới ánh nắng mặt trời không sao có thể có được, có lúc tôi hình dung họ như những nhân vật siêu nhiên, và trong những mối quan hệ hết sức bình thường giữa họ và tôi, những nhân vật siêu nhiên ấy vẫn để lại một dấu ấn thần kỳ, hay nói đúng hơn, tránh cho những mối quan hệ ấy khỏi rơi vào cái tầm thường. Tôi từng xiết bao háo hức muốn biết ý nghĩa của những cặp mắt giờ đây đã quen biết và tươi cười với mình nhưng hôm đầu tiên bắt gặp ánh mắt tôi như những tia sáng của một vũ trụ khác.

Nhưng rồi các buổi hòa tấu chấm dứt; thời tiết bắt đầu xấu. Các cô bạn tôi từ già Balbec, không phải tất cả cùng một lúc như những cánh én, nhưng trong cùng một tuần. Albertine ra về đầu tiên, đột ngột, không một cô bạn nào của nàng, lúc đó và cả về sau này, hiểu vì sao nàng bỗng nhiên trở về Paris, trong khi không có công việc hay thú vui nào chờ đợi.

- Cô ta không mô tê lấy nửa lời rồi bỏ ra đi. - Françoise lau bầu, tuy muốn tất cả chúng tôi đều kết thúc chuyến du lịch.

Bà ta cho là chúng tôi tọc mạch đối với vài ba nhân viên khách sạn còn được giữ lại để phục vụ mấy người khách hiếm hoi cuối mùa, và đối với tay giám đốc ngồi ăn dần ăn mòn hết vốn liếng. Quả là từ lâu, hầu như mọi người đã bỏ về và khách sạn không sớm thì chiều sẽ phải đóng cửa; không bao giờ ở đây thoải mái như lúc này. Nhưng ý kiến ông giám đốc không phải như vậy. Suốt dọc theo các phòng khách lạnh như băng giá và ngoài

cửa không còn một người bồi nào đứng túc trực, ông ta đi lui đi tới ngoài hành lang, mình khoác chiếc rơđanhgô mới toanh, đầu óc và khuôn mặt bồi sấp bóng nhẫy, cà vạt thay đổi liên tục.

Ông ta có vẻ như thanh tra một cõi hư vô, như muốn bằng trang phục tuyệt vời của mình, cho người ta thấy cảnh khốn cùng ở khách sạn này chỉ là tạm thời, và phảng phất như bóng ma một vị quốc vương trở về ám ảnh chốn lâu đài đổ nát. Ông ta rất không hài lòng khi con đường sắt phục vụ địa phương ngừng hoạt động cho tới mùa xuân sau, vì không còn mấy hành khách.

- Cái thiếu ở đây, - ông ta bảo, - là phương tiện đi lại.

Mặc dầu thua lỗ, ông ta vẫn có những dự kiến vĩ đại cho những năm sau.

Và vẫn giữ lại chính xác những lời hay, ý đẹp tán dương ngành công nghiệp khách sạn:

- Tôi không được trợ lực một cách đầy đủ tuy trong phòng ăn, có cả một êkip ra trò, - ông ta tuyên bố, - nhưng các chú bồi bàn có phần thiếu sót; các vị sẽ thấy năm sau tôi sẽ tập hợp một đội ngũ như thế nào.

Trong lúc chờ đợi, vì tạm thời không có dịch vụ xe lửa, ông ta buộc phải cho người đi nhận thư tín và có khi chở khách đi bằng xe ngựa. Tôi thường xin leo lên ngồi cạnh bác xà ích và dạo chơi trong mọi thời tiết, giống như trong mùa đông ở Combray.

Nhưng trong những ngày mưa tầm tã, và vì câu lạc bộ đóng cửa, hai bà cháu chúng tôi ngồi lại trong những căn phòng hầu như hoàn toàn hoang vắng, chẳng khác nào ngồi dưới hầm một con tàu biển trong những cơn gió mạnh và cũng như trong một cuộc hành trình trên biển, những người xa lạ tuy đã cùng ở trong khách sạn ròng rã ba tháng trời: vị Chánh án tòa án thành phố Rennes, ngài Luật sư trưởng ở Caen, một phu nhân người Mỹ cùng mấy cô con gái, tới gặp chúng tôi bắt chuyện, tìm cách làm cho ngày giờ bớt dài, phát hiện một tài năng, hướng dẫn chúng tôi một trò chơi, mời chúng tôi uống trà hoặc chơi âm nhạc, hoặc họp mặt vào một giờ nhất định, và vào những ngày cuối cùng thổ lộ tình thân trước khi lần lượt chia tay nhau. Tôi còn làm quen với cả chàng trai giàu có, cùng một trong hai anh bạn quý tộc của anh ta và nàng diễn viên vừa quay trở lại khách sạn và sẽ ở lại trong mấy hôm: nhóm họ chỉ còn lại ba người, vì anh bạn kia đã về Paris. Họ mời tôi tới ăn tối. Tôi nghĩ bụng chắc hẳn họ khá hài lòng nếu mình không nhận lời. Nhưng họ mời với thái độ hết sức thân ái, và tuy thực ra chỉ là lời mời của chàng trai giàu có, vì mấy người kia chỉ là khách của anh ta; song vì anh bạn cùng đi, hầu tước Maurice de Vaudémont, thuộc một dòng họ đại gia, nên nàng diễn viên bất giác bảo tôi:

- Nếu ông tới được thì Maurice sẽ rất vui mừng.

Và khi tôi gặp cả ba người trong hành lang thì ông de Vaudémont lên tiếng:

- Ông không dành cho chúng tôi niềm vui được ăn tối với ông hay sao?

Tóm lại, tôi rất ít tận hưởng được những ngày sống ở Balbec nên thiết tha mong có dịp trở lại. Tôi có cảm giác mình ở đây quá ít. Nhưng ý kiến các bạn tôi thì khác: họ viết thư hỏi tôi có ý định sống vĩnh viễn ở đây hay sao. Tôi nhìn trân trân cái địa danh Balbec trên phong bì. Cửa sổ phòng tôi mở ra, không phải trước một cánh đồng hay một đường phố, mà là trước biển

cả đêm đêm tôi nghe rì rào sóng vỗ và trước khi lên giường, tôi phó thác giấc ngủ cho biển như phó thác một con thuyền. Biển và sóng biển bỗng gây cho tôi một ảo ảnh: sức quyến rũ của chúng sẽ thâm nhập một cách vật chất tuy vô hình vào trong tôi, giống như kiểu một bài học người ta vừa học vừa ngủ.

Quả là đã đến lúc phải chia tay Balbec. Độ ẩm và gió lạnh buốt xương đã tới mức không sao chịu nổi nữa trong cái khách sạn không có lò sưởi và máy phát nhiệt này.

Vả lại, hầu như tôi quên ngay những tuần lễ cuối cùng ở đây. Mỗi khi nghĩ tới Balbec, tôi chỉ nhớ lại, tưởng chừng bất di bất dịch, những ngày đẹp trời, buổi chiều thì cùng Albertine và các bạn nàng đi dạo chơi, nhưng sáng nào cũng như sáng nào, theo lệnh thầy thuốc, bà tôi buộc tôi phải nằm nghỉ trong bóng tối. Giám đốc khách sạn ra lệnh không được có tiếng động ở tầng lầu phòng tôi và bản thân ông ta kiểm tra xem mệnh lệnh của mình có được tuân thủ không, vì ánh sáng quá chói chang, tôi muốn rũ xuống thật kín, thật lâu những tấm riđô lớn màu tím từng làm mình hết sức bức bối tối hôm đầu tiên. Françoise cố găm chúng thật chặt và phủ lên trên đó đủ mọi thứ vải vóc, chăn màn, nhưng vẫn không sao kín hết được: bóng tối vẫn không triệt để, và riđô vẫn để lọt qua và đọng lại trên thảm trải nhà những đốm sáng như những chiếc lá khô cây bạch đầu ông; tôi không thể không tới đặt hai bàn chân trần lên trên đó một lúc. Và trên bức tường đối diện với cửa sổ tiếp nhận được chút ít ánh sáng, một khối hình trụ vàng rực và lơ lửng, từ từ chuyển động tựa ngọn đuốc thấp thoáng trước dòng người Do Thái trên sa mạc.

Tôi trở lên giường; và nằm im thin thít, tôi chỉ được thưởng thức, bằng tưởng tượng không thôi, và tất cả cùng một lúc, những khoái cảm trong các trò chơi, các buổi tắm biển, các cuộc tản bộ vào những sáng sớm đẹp trời. Niềm vui làm tim tôi đập rộn rã như một cỗ máy mở hết cỡ nhưng không được xê dịch và chỉ có thể phóng hết tốc độ tại chỗ bằng cách quay tròn xung quanh bản thân nó.

Tôi biết các cô bạn đang ở trên đê, nhưng không trông thấy họ bước trước mặt biển nhấp nhô; và xa xa, chênh vênh trên những lớp sóng xanh rờn, thành phố Rivebelle nhỏ bé ẩn hiện tựa một thôn xóm Italia.

Tôi không trông thấy các cô bạn; nhưng (trong lúc vang vọng tới tận phòng tôi tiếng rao của những người bán báo, tiếng í ới của khách tắm biển, tiếng riu rít của trẻ nhỏ đang chơi đùa thỉnh thoảng cất lên như tiếng chim hải

âu), tôi đoán biết sự có mặt của họ, nghe tiếng cười lạnh lạnh của họ tựa tiếng cười của các nữ thần biển giữa tiếng sóng vỗ nhẹ vào bờ.

- Bọn em có tới nhìn xem anh có xuống không, - Albertine bảo tôi vào buổi tối. - Nhưng cửa sổ phòng anh kín mít, cả trong giờ hòa nhạc.

Quả vậy, vào lúc mười giờ, tiếng nhạc vang lên phía dưới cửa sổ. Tôi sốt ruột chờ có quần áo để thay. Đồng hồ điểm mười hai tiếng. Cuối cùng Françoise xuất hiện. Và khi bà mở cửa sổ, thì một mảng ánh sáng rọi vào góc bức tường phía ngoài, màu sắc bất di bất dịch, ảm đạm như màu một lớp men sứ nhân tạo bất động. Đen khi bà cuộn riđô lên, bỏ hết vải vóc, chần màn ra, thì ánh nắng mùa hè lọt qua cửa sổ cũng thê lương, già lão tựa một cái xác ướp từ ngàn năm được người lão bộc chúng tôi thận trọng cởi bỏ hết trang phục trước khi bọc vào, thơm ngát, trong tấm áo dài rực rỡ màu vàng.

Hết.

In lại bản dịch Dưới bóng các cô gái tuổi hoa của dịch giả Nguyễn Trọng Định, chúng tôi muốn một lần nữa đưa văn chương Marcel Proust đến với người đọc, như một cách “nhắc nhở” sự thật rằng tác phẩm của ông đã từng có trong phiên bản tiếng Việt, dù mới chỉ ở dạng chưa hoàn chỉnh và không phải là không có những điểm cần bàn thêm về dịch thuật. Quả thực, Dưới bóng các cô gái tuổi hoa mới chỉ là tập thứ hai trong bộ tiểu thuyết đồ sộ gồm bảy tập Đi tìm thời gian đã mất của Proust; tách riêng nó như một tác phẩm độc lập chắc hẳn sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc tổng thể và các ý tưởng chính xuyên suốt: người nghệ sĩ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, thời gian như một sự biến thiên không ổn định, các quy tắc lễ thói của đời sống xa hoa Paris được phân tích mổ xẻ một cách chi ly...

Là một nơi chuyên in tác phẩm văn học, chúng tôi ý thức được tính hai mặt của vấn đề trong trường hợp này: một mặt, bản dịch của dịch giả Nguyễn Trọng Định là cần thiết cho sự nghiên cứu một tác gia lớn của thế giới tại Việt Nam, cho thế hệ các nhà nghiên cứu hiện nay cũng như sau này, chính vì vậy chúng tôi chủ trương in lại không sửa chữa bản dịch đó; mặt khác trách nhiệm của những người dịch đam mê văn học Pháp là đưa ra một bản dịch mới ở dạng đầy đủ nhất tác phẩm của nhà văn có vị trí độc nhất của thế kỷ XX: Marcel Proust. Kế hoạch dịch Proust đã được chúng tôi triển khai với sự góp mặt của các chuyên gia hàng đầu về văn học Pháp ở Việt Nam, hy vọng sẽ có thể sớm ra mắt bạn đọc.

NHÃ NAM

Chú thích:

- (1) Để phân biệt với Swann cha, một nhân vật khác trong tác phẩm.
- (2) Câu lạc bộ quý tộc thành lập ở Paris (thế kỷ XIX) theo gương các câu lạc bộ Anh.
- (3) Vùng ngoại ô Londres, nơi lưu đày của Hoàng thân bá tước de Paris vào thế kỉ XIX.
- (4) Hoàng cung nước Anh ở Londres.
- (5) Vườn hoa trước điện Élysée, trụ sở phủ tổng thống Pháp
- (6) Triết gia Đức (thế kỷ XIX).
- (7) Nhà soạn nhạc vĩ đại của Đức (thế kỷ XIX).
- (8) -> (16) Các nhà văn Pháp thế kỉ XIX- XX, phần lớn là viện sĩ Hàn lâm Văn học.
- (17) -> (18) Hai nhà văn Pháp (thế kỷ XIX- XX).
- (19) Napoleon III bị cầm cố sau khi bị truất ngôi.
- (20) Chiến tranh Pháp – Phổ với sự bại trận của Pháp.
- (21) Thủ tướng Đức (thế kỷ XIX).
- (22) Nhân vật hư cấu (phải chăng tác giả muốn nói tới Sa hoàng Nicolas II đến thăm ngoại giao nước pháp năm 1896 và 1901)
- (23) Công trình kiến trúc nổi tiếng ở Paris từ thế kỷ XVII, lúc đầu làm cung điện của hoàng tộc, về sau được cải tạo nhiều lần và sử dụng vào nhiều hoạt động khác nhau.
- (24) Bi kịch của Racine, nhà viết kịch Pháp (thế kỷ XVII).
- (25) Bi kịch của Racine.
- (26) Hài kịch của Musset, nhà văn lãng mạn Pháp (thế kỷ XIX).
- (27) -> (28) Họa sĩ Italia (thế kỷ XV – XVI).
- (29) Thành phố Italia.
- (30) Bảo tàng nghệ thuật nổi tiếng ở Paris.
- (31) Hài kịch của Alexandre Dumas-con (thế kỷ XIX).
- (32) Nhà văn Pháp (thế kỷ XIX- XX).
- (33) -> (34) Thành phố cổ Hy Lạp.
- (35) Thành phố Đức.
- (36) Danh họa Italia đồng thời cũng là nhà điêu khắc, kiến trúc sư và thi sĩ (thế kỷ XV – XVI).
- (37) Thành phố Italia gần Địa Trung Hải.
- (38) Giáo hoàng (thế kỷ XVI).

- (39) Những ngôi mộ nổi tiếng của dòng họ Médicis, dòng họ quý tộc nổi tiếng ở Florence (Italia), do Michel-Ange trang trí.
- (40) Thành phố ở Italia.
- (41) Thành phố ở nước Anh.
- (42) Nguyên văn: cách bố trí như là một biểu tượng của mọi nhận thức.
- (43) Một vị thần cổ Hy Lạp, Phèdre là vợ Thésée.
- (44) Con trai Thésée: Phèdre, mẹ kế của Hippolyte, yêu chàng nhưng bị chàng cự tuyệt.
- (45) Công chúa xứ Anten vợ Hippolyte.
- (46) Bạn tâm tình của Phèdre, người xúi giục Phèdre làm nhiều điều tàn bạo.
- (47) Chân dung một thiếu phụ, kiệt tác của nhà danh họa Italia Léonard de Vinci (thế kỷ XV – XVI).
- (48) Tượng Persée, người anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, tác phẩm của nhà điêu khắc Italia Benvenuto Cellini (thế kỷ XVI).
- (49) Nhân vật thần thoại Hy Lạp, biểu tượng của sự khôn ngoan.
- (50) Nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *Hành trình của chàng trai Anacharsis* ở Hy Lạp, của nhà văn Pháp Barthélémy.
- (51) Thành phố Đức.
- (52) Thành phố cổ Hy Lạp, nơi Apollon thần Mặt trời có những lời sấm truyền.
- (53) Hồ lớn ở châu Phi, cội nguồn của con sông Nin nổi tiếng.
- (54) Tiểu thuyết của Victor Hugo.
- (55) Tên một nhân vật tác phẩm dùng để chỉ nước Anh.
- (56) Nữ hoàng Anh (thế kỷ XIX).
- (57) Tên gọi đùa nước Mỹ hay người Mỹ.
- (58) Đầu bếp nổi tiếng (thế kỷ XVII) của Hoàng thân Condé (1621-1686), danh tướng dưới triều vua Louis XIV.
- (59) Miền Tây nước Đức, xưa kia là một vương quốc.
- (60) Tổ chức ngoại giao đoàn ở Italia ngày trước.
- (61) Trụ sở sứ quán Pháp ở Italia.
- (62) Họa sĩ Italia (thế kỷ XVI – XVII).
- (63) Đường phố ở Berlin, nơi đóng trụ sở Bộ Ngoại giao Đức Quốc xã.
- (64) Phương ngôn này có nghĩa là: Lao động không công.
- (65) Nội các nước Anh (Saint-James là Hoàng cung Anh).
- (66) Nguyên văn: hai đầu.

- (67) Trụ sở Hạ Nghị viện Italia ở La Mã.
- (68) Quảng trường Banlơ ở Vienne (thủ đô nước Áo) nơi đặt trụ sở Bộ Ngoại giao Áo, nghĩa rộng chỉ Bộ Ngoại giao nước này.
- (69) Bộ trưởng Tài chính Pháp (thế kỷ XIX).
- (70) Nguyên văn: viên kim cương trong suốt.
- (71) Nguyên văn: chữ ký.
- (72) -> (73) Hai nhà thờ đạo Thiên Chúa nổi tiếng của Pháp, đồng thời là trụ sở của hai Tòa giám mục.
- (74) Thống chế Pháp (thế kỷ XVII).
- (75) Tức người Pháp.
- (76) Panurge là nhân vật trong truyện Pantaguel của Rabelais, nhà văn Pháp (thế kỷ XVII). Để trả thù một nhà buôn làm nhục mình, Pantaguel mua một con cừu của hắn ném xuống biển. Nghe tiếng cừu kêu, cả đàn lặn lướt nhảy ào xuống biển cho sóng cuốn trôi. Về sau “Cừu Pantaguel” chỉ những kẻ một mực bắt chước người khác.
- (77) Một loại bánh ngọt truyền thống ở Anh, trong lễ Noan.
- (78) Triều thành danh tiếng của Nga hoàng (thế kỷ XIX).
- (79) Thành phố Tiệp Khắc, nổi tiếng vì nguồn nước khoáng.
- (80) Nhà văn Pháp (thế kỷ XVII) tác giả những vở hài kịch nổi tiếng chế giễu các thói hư tật xấu, và trong đó có những nhân vật đóng vai anh chồng bị cầm tù.
- (81) Danh họa Hà Lan (thế kỷ XVII).
- (82) Một dòng họ quý tộc lớn ở Pháp.
- (83) Nhà thực vật học người Áo (thế kỷ XX), người có những kết luận về thuyết di truyền.
- (84) Nguyên văn: không có cơ bắp.
- (85) Nguyên văn: con bò.
- (86) Nguyên văn: kẻ sính văn chương.
- (87) -> (88) Văn hào Pháp (thế kỷ XIX).
- (89) -> (90) Tác phẩm của Vigny.
- (91) Thủ đô nước Áo.
- (92) Vợ Hoàng thân de Metternich, chính khách lỗi lạc nước Áo (thế kỷ XVIII-XIX).
- (93) Dãy núi Hy Lạp cổ nhiều ngọn, nơi ở của nhiều thần linh (theo thần thoại).
- (94) Nữ thần Nghệ thuật, Khoa học và Công nghiệp.

- (95) Các nhà vua Ai Cập.
- (96) Nhà Ai Cập học người Pháp (thế kỷ XIX đầu XX).
- (97) Vua Axxiri (một xứ ở châu á cổ đại) (thế kỷ VII trước Công nguyên).
- (98) Nguyên văn: dù có hiến dâng cả cuộc đời cháu cũng vẫn chưa đủ.
- (99) Nhà văn Pháp.
- (100) Nhạc sĩ Đức.
- (101) -> (102) diễn viên sân khấu Pháp (thế kỷ XIX).
- (103) Bi kịch của Angier, nhà soạn kịch Pháp (thế kỷ XIX).
- (104) Hài kịch của Angier và Sandean, nhà tiểu thuyết Pháp (thế kỷ XIX).
- (105) Françoise nói nhịu.
- (106) Giáo hoàng (1846-1878).
- (107) Chính khách Pháp tham gia Cách mạng 1830 và 1848.
- (108) Lễ trong tuần trai giới theo đạo Cơ Đốc.
- (109) Dòng dõi kiến trúc sư nổi tiếng ở Pháp (trong hai thế kỷ XVII-XVIII).
- (110) Lâu đài xây cất ở Paris cho những cuộc triển lãm quốc gia.
- (111) Theo thần thoại Hy Lạp, thần Orphée xuống Âm phủ để xin hồi sinh cho người vợ bị rắn cắn ngay trong buổi lễ kết hôn.
- (112) Tiếng Anh: hổ xí máy.
- (113) Nhà văn Pháp, công tước (thế kỷ XVIII).
- (114) Giám mục Pháp, được phong Thánh (thế kỷ VI).
- (115) Một lỗi chơi chữ không thể dịch. Au lait (phiên âm: ô le) trong tiếng Pháp có nghĩa là dùng sữa. Olé (cũng phiên âm là ô le) trong tiếng Tây Ban Nha là một thán từ dùng để cổ vũ. ông thầy thuốc dùng o/é để động viên người bệnh uống sữa.
- (116) Tiếng Latin: Theo con đường thẳng.
- (117) Lời phán xét của Chúa trong ngày tận thế (theo Kinh Thánh)
- (118) Tiếng Italia: sự kiện tình thần.
- (119) Tức Leonard de Vinci.
- (120) Vua Anh Henri Plantagenêt (thế kỷ XII).
- (121) Nhà văn Pháp (thế kỷ XIX).
- (122) Triết gia Đức (thế kỷ XVIII-XIX).
- (123) Danh họa Hà Lan (thế kỷ XVII).
- (124) Jean-Léon Gérôme: họa sĩ và là nhà điêu khắc Pháp thuộc trường phái Học thuật (thế kỷ XIX-XX).
- (125) Tiếng Anh: người bảo mẫu
- (126) Giáo sĩ dòng Tên người Bồ Đào Nha (thế kỷ XIII).

- (127) Tác phẩm triết học của Kant.
- (128) Nguyên văn: “Kẻ xa lạ kia, hãy đi nói với Sparté!” Sparté là một thành phố cổ Hy Lạp; rất hiếu chiến và từng chiến thắng oanh liệt nhưng cuối cùng bị chiến tranh làm kiệt quệ.
- (129) Sĩ quan Pháp bị kết án oan về tội thông đồng với địch, gây thành một vụ án sôi động vào đầu thế kỷ XX.
- (130) Tiếng Italia: Miền đất lạ.
- (131) Nguyên văn: không một hãng thông tấn nào.
- (132) Tác giả chơi chữ: tiểu thuyết của Balzac là *La cousine Bette* (Cô em họ Bette), còn Bête là *Con vật là kẻ ngu ngốc*.
- (133) Nhà văn hiện thực lớn của Pháp (thế kỷ XVIII-XIX).
- (134) Nhà ngân hàng lớn người Israel ở Pháp (thế kỷ XVIII-XIX).
- (135) Một hoàng tộc lớn ở Pháp sản sinh ra nhiều thế hệ vua từ thế kỷ XIV đến những năm đầu thế kỷ XX.
- (136) Khu phố các gia đình quý tộc ngày trước ở Paris.
- (137) Tiếng Anh: hoàng tộc.
- (138) Một tình của Pháp.
- (139) Nhà soạn nhạc thiên tài Hungarie (thế kỷ XIX).
- (140) Nhà thơ lãng mạn Pháp nổi tiếng (thế kỷ XVIII-XIX).
- (141) Thủ đô xứ Cuyanne ở Nam Mỹ, giàu sản phẩm nhiệt đới.
- (142) Nguyên văn: lễ thói của Don Juan, nhân vật truyền kỳ trong văn học Tây Ban Nha, quen thói vô liêm sỉ trong tình trường.
- (143) Nguyên văn: một khối u
- (144) Nghĩa trang các nhà vua Pháp ở Paris.
- (145) Tiếng Anh: tiệc trà.
- (146) Nguyên văn: lời tựa.
- (147) Nguyên văn: viên hồng ngọc.
- (148) Nhà ảo thuật, nhân vật trong một vở nhạc kịch của văn hào Đức Wagner.
- (149) Thành phố Hà Lan.
- (150) Tiếng Anh, táo bạo.
- (151) Đạo sĩ dòng Thánh Dominic ở Italia (thế kỷ XV), bị thiêu sống, vì bị kết tội dị giáo.
- (152) Nhà điêu khắc hiện đại Pháp.
- (153) Họa sĩ Italia (thế kỷ XV), tác giả bức danh họa *Đoàn Đạo sĩ đến châu Đức Chúa Jésus ở Giáo đường dòng họ Médicis ở Florence (Italia)*.
- (154) Một dòng họ quý tộc ở Florence (thế kỷ XV-XVIII).

- (155) Nhà viết kịch hiện đại Pháp.
- (156) Tích Lan (Ceylon): tên gọi trước đây của Sri Lanka.
- (157) Con sông lớn ở Anh chảy qua Londres.
- (158) Tiếng Anh: che chở, bảo hộ.
- (159) Tiếng Anh: tay cừ khôi.
- (160) Họa sĩ Pháp (thế kỷ XVI-XVII).
- (161) Tên một họa sĩ Italia (thế kỷ XVII-XVIII)
- (162) Họa sĩ Đức (thế kỷ XIX).
- (163) Quận chúa Mathilde Bonaparte (thế kỷ XIX), con gái một thống chế Pháp, vốn là vua xứ Wertphalic của Đức.
- (164) các nhà văn Pháp (thế kỷ XIX).
- (165) Nhà triết học và sử học Pháp (thế kỷ XIX).

- (166) Ở Paris, vào thế kỷ XV, có một đức giám mục tên là Cauchon (phát âm giống cochon = con lợn).
- (167) Ký hiệu viết tắt công thức Pour prendre congé (Xin cáo biệt) ghi trên danh thiếp để báo tin sẽ đi du lịch vắng hay sẽ đổi chỗ ở.
- (168) Một bang cũ của Đức.
- (169) Tức Napoléon I.
- (170) Một lâu đài nổi tiếng ở Pháp, được trùng tu dưới thời Napoléon I.
- (171) Một dãy núi nhỏ ở Pháp.
- (172) Tiếng Anh: xe ngựa hai chỗ ngồi.
- (173) Tiếng Anh: để gặp.
- (174) Nguyên văn: cái dụng cụ nhỏ.
- (175) Nhà quý tộc thuộc dòng họ vương triều Orléans ở Pháp sống vào thế kỷ XIX-XX.
- (176) Thống chế, nhà ngoại giao và nhà quân sự Pháp lỗi lạc (thế kỷ XVII-XVIII).
- (177) *Những kẻ bịa chuyện*, vở nhạc kịch của văn hào Đức Wagner.
- (178) Nhà văn Nga hiện đại.
- (179) Nữ văn sĩ Anh (thế kỷ XIX).
- (180) Nhà văn hiện đại Na Uy.
- (181) Nhà tiểu thuyết Nga (thế kỷ XIX).
- (182) -> (183) Tiểu thuyết của nhà văn lãng mạn Pháp Chateaubriand.
- (184) Con gái Atlas, vị thần đội trái đất trên đầu (theo thần thoại Hy Lạp).
- (185) Đền thờ thần Zeus, chủ sủng của các vị thần (theo thần thoại Hy Lạp).
- (186) Đền thờ thần (trong thần thoại Hy Lạp).

- (187) Cột trụ hình phụ nữ trong kiến trúc cổ.
- (188) Địa danh ở Hy Lạp, nơi có một khu mộ cổ nổi tiếng.
- (189) Ngôi đền cổ ở Athen, thủ đô Hy Lạp.
- (190) Thành lũy cổ Hy Lạp trên đó có đền thờ thần.
- (191) Thần biển (theo thần thoại Hy Lạp).
- (192) Bị Phèdre xúi giục sau khi không cảm dỗ được Hippolyte, thần Thésée giao con trai Neptune xử tội.
- (193) Một tu viện danh tiếng ở Pháp.
- (194) Nhà văn châm biếm Pháp (thế kỷ XVII). Vợ ông về sau trở thành bà de Maintenon và cuối cùng là vợ không chính thức của vua Louis XIV.
- (195) Tiên nữ mà các tiểu thuyết kiếm hiệp và các truyền thuyết ở vùng Poatu nước Pháp miêu tả như là bà thủy tổ và người bảo vệ một dòng họ quý tộc lâu đời ở Pháp.
- (196) Hải kịch của nhà thơ La Mã cổ đại Plaute, dựa trên những sự nhầm lẫn do sự giống nhau kỳ lạ giữa hai anh em sinh đôi nọ.
- (197) Nguyên văn: mỉm cười với chúng.
- (198) Nguyên văn: con lặn trong ống nghiệm.
- (199) Nguyên văn: có sẵn trong con người mắt.
- (200) Nguyên văn: nhúu mày thành hình dấu mũ.
- (201) Họa sĩ Italia (thế kỷ XV); tác giả của những bức bích họa nổi tiếng.
- (202) Nguyên văn: cả một tập hợp.
- (203) Mazarin (thế kỷ XVII) làm tể tướng dưới triều Louis XIII và Louis XIV ở Pháp, vốn là một hồng y giáo chủ; "Đức ông" là cách xưng hô đối với danh hiệu này.
- (204) Trong tiếng hébreu của người Do Thái, Rachel nghĩa là con cừu, con chiên.
- (205) Trong vở nhạc kịch *La Juive* (Cô gái Do Thái) của Halévy (nhà soạn nhạc người Pháp thế kỷ XIX), nhân vật cô gái Do Thái luôn luôn có bộ mặt trang trọng như một người đang cầu kinh.
- (206) Đồng tiền vàng của Pháp ngày trước, tương đương 20 franc.
- (207) Tiếng anh: bài xã luận.
- (208) Nguyên văn: bản chụp X- quang.
- (209) Nhà văn và nhà xuất bản Pháp (thế kỷ X).
- (210) Thành phố Italia.
- (211) Tiếng Anh: tiệc trà buổi năm giờ.
- (212) Tiếng Italia: không nghiêm ngặt.

- (213) Người phụ nữ Pháp nổi tiếng với một thánh phòng, nơi tụ hội các tác giả từ điển bách khoa của thời đại (thế kỷ XVIII).
- (214) Du Deffand là nữ hầu tước người Pháp cũng có thánh phòng lừng danh ở Paris (thế kỷ XVII- XVIII).
- (215) Nguyên văn: nhân lên bảy mươi lần.
- (216) Tiếng Latin: cái tuyệt đỉnh.
- (217) Một bài thơ Đức thời Trung cổ.
- (218) Nhà hát nhạc kịch ở Paris.
- (219) Tiếng Anh: tạm biệt.
- (220) -> (221) cặp người yêu đau khổ trong vở bi kịch của Wagner, văn hào Đức (dựa theo một truyền thuyết thời Trung đại).
- (222) Một miền ở phía Bắc nước Đức, nơi nổi tiếng về sành sứ.
- (223) Họa sĩ và nhà điêu khắc Pháp (thế kỷ XVII-XVIII).
- (224) Nghệ sĩ nhiếp ảnh nổi tiếng của Pháp (thế kỷ XIX).
- (225) Họa sĩ Italia (thế kỷ XV-XVI).
- (226) Bức bích họa ở Naplơ (Italia).
- (227) Bức tranh Mùa xuân của Botticelli.
- (228) Kinh Thánh mẫu.
- (229) Tiếng Anh: lời chào (vào buổi chiều).
- (230) Nhà văn và nhà đạo đức học Pháp (thế kỷ XVII).
- (231) -> (232) Joseph là một nhân vật trong Thánh kinh, bị các anh trai đem bán, đưa tới Ai Cập, về sau trở thành Thượng thư của một pharaon (nhà vua ở Ai Cập cổ đại).
- (233) -> (234) Nguyên văn: đã nghĩ, đã khuấy động (thì quá khứ của động từ tiếng Pháp).
- (235) Họa sĩ, nhà điêu khắc và kiến trúc Italia (thế kỷ XV-XVI) theo trường phái La Mã.
- (236) Tiếng Anh: xin chào (vào buổi sáng).
- (237) Nguyên văn: của mùa hè.
- (238) Một phụ nữ trí thức Hy Lạp, giáo sư triết học và toán học ở Italia, bị những người Cơ Đốc giáo cuồng tín giết hại (ở thế kỷ V).
- (239) -> (240) hai họa sĩ Italia thời Phục hưng.
- (241) Nữ sĩ Pháp (thế kỷ XVII).
- (242) Hầu hết các địa danh trong tác phẩm đều ở Pháp. Bản dịch chú thích những địa danh không quen thuộc của các nước khác hoặc khi có sự kiện đặc biệt.
- (243) Nhà văn, nhà xã hội học và phê bình nghệ thuật Anh (thế kỷ XIX).

- (244) Họa sĩ Pháp (thế kỷ XVII-XVIII).
- (245) Họa sĩ hiện đại Mỹ
- (246) Hoàng hậu Pháp (thế kỷ XV-XVI)
- (247) Vị tướng La Mã (trước Công nguyên) lừng danh vì lòng trung thành với Tổ quốc và thái độ trung thực.
- (248) Cháu nội bà de Sévigné.
- (249) Tập thư nhà văn gửi con gái.
- (250) Thành phố Italia, nơi có tòa giám mục nổi tiếng.
- (251) Ba vị pháp quan ở Địa ngục (theo thần thoại).
- (252) Đại thi hào Italia (thế kỷ XIII-XIV).
- (253) Thủy thủ Pháp nổi tiếng trong chiến tranh dưới thời Louis XIV (thế kỷ XVI-XVII).
- (254) Tiếng Anh: cầu thang máy, hoặc người điều khiển thang máy.
- (255) Quốc vụ khanh của Louis XI, bị nhà vua tống giam hơn mười năm vì âm mưu làm phản.
- (256) Trong hoàng tộc Pháp (thế kỷ XVI), chỉ huy các đội quân Cơ Đốc giáo trong Chiến tranh Tôn giáo, bị một nhà quý tộc theo đạo Tin Lành ám sát.
- (257) Tên một nhà hàng hải Anh nổi tiếng (thế kỷ XVIII).
- (258) Tiếng Anh: bài thánh ca buổi sáng, trước lễ misa.
- (259) Một công quốc ngày trước ở miền Trung Italia về sau sáp nhập vào nước này.
- (260) Nhà thơ Pháp (thế kỷ XIX).
- (261) Tín đồ tuần đạo ở thế kỷ II và được phong Thánh.
- (262) Thành phố và bãi biển ở Bỉ.
- (263) Một tổ chức bí mật chủ trương các hội viên tương trợ lẫn nhau bất kỳ ở đâu trên trái đất.
- (264) Nữ hoàng Madagascar vào cuối thế kỷ XIX.
- (265) Tổng thống Pháp (ở thế kỷ XIX).
- (266) Phần hai không nhắc lại những chú thích trong phần một.
- (267) -> (268) Nhà vua Ba Tư có vợ là Esther, người Do Thái.
- (269) “Aimé” trong tiếng Pháp nghĩa là: được yêu thương.
- (270) Thủ phủ Monaco, một công quốc trên bờ Địa Trung Hải.
- (271) nguyên văn: ăn theo kiểu “phụ trạm”.
- (272) -> (273) Platon là một triết gia lỗi lạc thời Hy Lạp cổ đại; học trò của Socrate - nhà đại hiền triết, mà ông viện dẫn trong nhiều công trình.
- (274) một trong mười hai vị sứ đồ, môn đệ của Chúa Jesus.

- (275) Tiếng anh: hài nhi.
- (276) -> (277) thành phố Tây Ban Nha.
- (278) danh họa Italia (thế kỷ XV- XVI)
- (279) Họa sĩ Tây Ban Nha gốc Hy Lạp (thế kỷ XVI- XVII).
- (280) Tội đấng thần trong thần thoại La Mã.
- (281) Họa sĩ Pháp (thế kỷ XIX).
- (282) Nguyên bản ghi: trích lục khai sinh (extrait de naissance).
- (283) -> (284) nhà thơ trào phúng Pháp (thế kỷ XVI-XVII) và nữ nhân vật kiểu mẫu lái trong tác phẩm của ông.
- (285) Nữ hầu tước Pháp, người sáng lập một trung tâm giáo dục những cô gái quý tộc nghèo.
- (286) Tăng lữ Do Thái.
- (287) Thi hào Pháp (thế kỷ XIX).
- (288) Thi phẩm của de Lisle.
- (289) Chopin: nhà soạn nhạc và nhạc sĩ thiên tài Ba Lan (thế kỷ XIX);
Listz: nhà soạn nhạc và nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng Hungarie cũng ở thế kỷ XIX.
- (290) Nhà thơ lãng mạn Pháp (thế kỷ XVIII-XIX).
- (291) Vua Liđi (một nước ở Tiểu Á ngày trước) giàu có nổi tiếng.
- (292) Vua Pháp (thế kỷ XIX).
- (293) Nhà văn Pháp , tác giả tiểu thuyết Đỏ và đen.
- (294) Nhà văn Pháp (thế kỷ XIX).
- (295) Nguyên văn: nhằm trái tim ta phóng ra những mũi tên của sắc đẹp.
- (296) Thần Lửa bị Thần Mặt trời xiềng lại trên đỉnh núi Caucase.
- (297) Nguyên văn: nghe các vị thần Biển.
- (298) Chính khách Pháp (thế kỷ XVIII-XIX)
- (299) vở kịch dài của Hugo.
- (301) Một vùng ác chiến ở Pháp trong Đại chiến thứ hai.
- (302) nguyên văn: nghi thức phù chú trừ tà.
- (303) Nhà xã hội học Pháp (thế kỷ XIX), một trong những lý thuyết gia chủ yếu về chủ nghĩa xã hội.
- (304) Nhà soạn nhạc Pháp gốc Đức (thế kỷ XIX)
- (305) Nhà soạn nhạc Pháp (thế kỷ XVIII-XIX)
- (306) Tác giả hài kịch Pháp (thế kỷ XIX).
- (307) Tổ tiên người Do Thái, một trong những gương mặt lớn trong Kinh Thánh.
- (308) Một đô thị ở vùng Hạ Ai Cập

- (309) Nguyên văn: những người Digan.
- (310) Lift (thang máy hoặc người trông coi thang máy) phát âm thành “laift”.
- (311) Tiếng Anh: *Những viên đá sỏi ở Venise* (Venice, Bloch phát âm thành “Venaice”, cũng như “lift” thành “laift”).
- (312) Nhà văn Pháp (thế kỷ XIX)
- (313) Cũng tức là Jupiter, thượng đẳng thần trong thần thoại La Mã.
- (314) Nhà tài chính lớn dưới triều Louis XIV và XV (thế kỷ XVII).
- (315) Một trong những tổ tiên người Do Thái.
- (316) Nữ thần biển.
- (317) Thi hào Pháp (thế kỷ XIX-XX).
- (318) Nữ anh hùng trong một truyền thuyết cổ.
- (319) Họa sĩ Pháp (thế kỷ X).
- (320) họa sĩ Tây Ban Nha (thế kỷ XVI-XVII).
- (321) Miền trung tâm nước Pháp.
- (322) nguyên văn: đến tận đầu ngón tay.
- (323) Con gái bà de Sesviné.
- (324) Hoàng hậu Pháp (thế kỷ XVIII).
- (325) Kiến trúc sư Pháp nổi tiếng (thế kỷ XVII-XVIII).
- (326) Blois là một thị trấn của Pháp nổi tiếng về các công trình kiến trúc trong đó có lâu đài Blois.
- (327) Hoàng hậu Pháp (thế kỷ XVI).
- (328) Họa sĩ Pháp (thế kỷ XVI-XVII).
- (329) Một trong hai lâu đài trong vườn hoa hoàng cung Pháp ở Versailles.
- (330) Tiếng Pháp: cấp tiến.
- (331) Diễn viên sân khấu Pháp (thế kỷ XIX-XX).
- (332) Họa sĩ Italia (thế kỷ XIV – XV)
- (333) nguyên văn: không nặng hơn một cái bọt sóng trước một luồng gió mạnh.
- (334) nguyên văn: thiết kế thành thư viện.
- (335) Jeffries làm Chương ấn nước Anh ở thế kỷ XVII. Hogarth là một danh họa và nhà điêu khắc nổi tiếng ở Anh (thế kỷ XVII-XVIII).
- (336) Bán đảo thấp và sinh lầy ở phía Đông Nam Bắc Mỹ.
- (337) Mé phistophélès là con quỷ dữ; Faust là tay phù thủy trong vở bi kịch Faust nổi tiếng của văn hào Đức Goethe (thế kỷ XVIII-XIX).
- (338) Quảng trường lớn ở Paris.
- (339) Nữ văn sĩ Pháp hiện đại.

- (340) Tiếng Italia: Đoàn kỵ sĩ Đồng quê.
- (341) Họa sĩ Italia (thế kỷ XIII-XIV).
- (342) Chính khách Pháp chống lại Bonaparte và bị xử bắn (thế kỷ XVIII).
- (343) -> (344) hai nhân vật trong cùng vở kịch *Kẻ chán đời* của Molière; một hết sức nghiêm khắc, một cực kỳ độ lượng.
- (345) Theo truyền thuyết, là con gái nhà vua Bretegne, tuân tiết ở Cologne (Đức) vài thế kỷ IV hay V.
- (346) Núi lửa Pompéi (ở Italia) phun vào năm 79 vùi lấp cả thành phố này.
- (347) Hoàng hậu nước Pháp và về sau là hoàng hậu nước Anh (thế kỷ XII-XIII).
- (348) Nữ thần biển.
- (349) Nữ văn sĩ Anh (thế kỷ XIX).
- (350) Nữ hoàng thời La Mã cổ, nổi tiếng phóng đãng.
- (351) Nữ thần biển, nữ hoàng một hòn đảo ở phía Tây Hy Lạp.
- (352) Vua xứ Crète (một hòn đảo của Hy Lạp).